

MÔNG BÌNH SƠN

PHONG THẦN DIỄN NGHĨA

1



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

MỘNG BÌNH SƠN

PHÒNG THẦN ĐIỂN NGHĨA

(TÁI BẢN)

TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LỜI GIỚI THIỆU

PHONG THẦN DIỄN NGHĨA là bộ tiểu thuyết thần quái khá nổi tiếng của Trung Quốc. Bộ sách này xuất hiện vào thời Minh Gia Tĩnh (thế kỷ XVI), do một đạo sĩ người Giang Tô là Lục Tây Tinh sáng tác (theo Dịch Quân Tá Trung Quốc văn học sử). Phong Thần diễn nghĩa lấy cuộc chiến tranh phạt Trụ của Châu Võ Vương làm nền, trên bối cảnh đó tác giả lồng vào vô số những sự kiện, tình tiết, nhân vật siêu nhiên hoang đường theo trí tưởng tượng của mình. Do đó Phong Thần diễn nghĩa vừa có màu sắc lịch sử, đồng thời lại mang màu sắc tôn giáo (Đạo giáo), thậm chí người ta có cảm tưởng là sự kiện lịch sử chỉ là cái cớ để tác giả trình bày cuộc chiến tranh giữa hai giáo phái (Xiển giáo và Triệt giáo) có thể nói lịch sử chỉ là cái cốt, còn da thịt hình hài thì chủ yếu làm bằng chất liệu hoang đường.

Về cốt lõi lịch sử của tác phẩm cũng đã được tiểu thuyết hóa qua sự hư cấu của tác giả. Sự kiện lịch sử Chu Võ Vương phạt Trụ xảy ra từ hơn 10 thế kỷ trước công nguyên, được lưu truyền như câu chuyện truyền thuyết. Cuộc xung đột giữa Thương Trụ và bộ tộc Châu được miêu tả như cuộc xung đột giữa thiên tử và chư hầu theo kiểu Xuân thu - Chiến quốc. Quan niệm lịch sử như vậy là rất phổ biến thời xưa. Tác giả Phong Thần diễn nghĩa xây dựng tác phẩm của mình cũng theo quan niệm đó. Thế nhưng Phong Thần là tác phẩm văn học nên không đòi hỏi phải thật chính xác và quan niệm lịch sử như một tác phẩm sử học. Văn học mượn chuyện lịch sử để nói chuyện hiện đại. Qua câu chuyện lịch sử nhà văn trình bày quan điểm chính trị và lý tưởng thẩm mỹ của mình. Phong Thần diễn nghĩa miêu tả cuộc phạt Trụ của Chu Võ

Vương như là một hành động chính nghĩa hợp lòng dân. Trụ Vương tuy là Thiên tử nhà Thương nhưng là một hôn quân bạo chúa, mất cả tính người, tội ác chất cao như núi. Do đó hắn bị triều thần, chư hầu và nhân dân oán ghét chống lại. Lòng người hướng về Tây Kỳ, vào vua Văn vua Võ, vì đây là những vị vua chư hầu nhân nghĩa đạo đức, được lòng dân. Cuối cùng 800 chư hầu hội quân ở Mạnh Tân suy tôn Châu Võ Vương làm Thiên tử, cất quân diệt Trụ, mở ra kỷ nguyên thái bình ổn định cho thiên hạ.

Phong Thần diễn nghĩa miêu tả cuộc đấu tranh một còn một mất giữa nhân nghĩa và bạo tàn, thông qua hàng loạt sự kiện và nhân vật. Loại nhân vật tiêu biểu cho tàn bạo trước hết là cặp Trụ Vương - Đắc Kỷ. Trụ Vương vốn là một vị vua trẻ tuổi anh minh, bỗng chuyển biến thành hôn quân bạo chúa một cách đột ngột, do xúc phạm đến thần Nữ Oa nên bị nữ thần báo thù. Nhưng nếu gạt đi cái phần dị đoan ấy, thì trong bản chất Trụ Vương đã tiềm ẩn cái mầm hư hỏng, chỉ chờ cơ hội thuận tiện là phát sinh. Nhân lúc vị đại thần mà Trụ Vương nể sợ đi chinh chiến xa, không ai kèm tỏa, thế là dục vọng cá nhân ở nhân vật này bị buông thả chẳng khác thú dữ sổ chuồng như vậy thì đến thần thánh cũng biến thành yêu ma, đó là điều hợp quy luật, chứ không hề là sự bịa đặt tùy tiện. Nhân vật Đắc Kỷ thuộc mô-típ hậu phi được sủng ái, xỏ mũi vua chúa tha hồ tác oai tác phúc gây xáo trộn trong cung cấm, lại liên kết với bọn nịnh thần để dễ bề lưng đoạn triều chính, thường thấy trong lịch sử chế độ phong kiến. Nhân vật này nửa người nửa yêu tinh, với nhiệm vụ phá hoại là chính, cốt làm sụp đổ cơ đồ Trụ Vương bằng bất cứ giá nào, nên chất độc ác thâm hiểm càng ghê gớm gấp bội so với bất cứ nhân vật cung phi nào. Tuy là Hồ Ly Tinh nhưng Đắc Kỷ cũng rất người trong cung cách mê hoặc Trụ Vương. A không chỉ dùng sắc đẹp để lung lạc mà còn rất giỏi ứng biến, bề cong đạo lý, làm lẫn lộn thật giả, trắng đen, đưa Trụ Vương vào mê hồn trận không còn biết thế nào là lương tâm, là lẽ phải nữa.

Tiêu biểu cho nhân vật chính diện trong hàng ngũ vua chúa thì có Văn Vương, Võ Vương. Hai vua này đối lập với Trụ Vương như ngày với đêm, sáng với tối. Họ là hiện thân của minh quân, thánh chúa theo lý tưởng của nhân dân ngày xưa. Nhân vật Văn Vương được khắc họa khá công phu. Đó là một vị thánh nhân thông hiểu lẽ trời, việc người, nhân từ đức độ, sáng suốt trong việc trị nước an dân, biết khôn khéo, nhân nhượng trong lúc nguy nan, lại hay chiêu hiền đãi sĩ, do đó mà nước Tây Kỳ của ông hiện ra một quang cảnh thái bình thịnh trị, lễ nghĩa văn minh, nhân dân sống yên vui hạnh phúc. Tuy bị Trụ Vương mấy lần bức hại, lại biết cơ trời làm mất nhà Thương, nhưng Văn Vương trước sau vẫn phục tùng Thiên tử. Nét tính cách ấy làm cho nhân vật trở thành cố chấp, bảo thủ trước tình hình thời cuộc đang đổi thay, nhưng lại là một sự thực lịch sử, vì Văn Vương chưa hề phản Trụ, còn nguyên nhân tại sao thì có nhiều cách giải thích.

Nhân vật Võ Vương tính cách có phần đơn giản và thụ động hơn nhân vật Văn Vương. Do tác giả quá đề cao vai trò của Thừa tướng Tử Nha làm cho vai trò Võ Vương bị lu mờ. Nhưng theo quan niệm xưa, vị minh quân có khi chỉ chấp tay rũ áo, vô vi trên điện các mà thiên hạ thái bình. Võ Vương không làm gì, nhưng cái đức lớn của vị minh quân sẽ tác động đến tất cả, nhất là thu phục được nhân tâm thì quốc thái dân an. Nhân vật này cũng có nét bảo thủ như Văn Vương, không muốn xâm phạm Thiên tử, cuộc viễn chinh phạt Trụ chỉ là do thúc ép của chư hầu và thừa tướng Tử Nha. Thậm chí việc lên ngôi Thiên tử cũng là điều bất đắc dĩ. Vì muốn đề cao thánh đức của Võ Vương, vô tình đã làm cho tính cách nhân vật này trở thành giả tạo.

Tuy nhiên, nhìn chung thì Văn Vương, Võ Vương đều là kiểu mẫu lý tưởng của bậc chân mạng đế vương trong con mắt người xưa.

Phong Thần diễn nghĩa có khá nhiều nhân vật, một số là người trần tục lại có loại nửa tiên nửa tục và một số lớn thần

tiên ma quỷ. Nhân vật trụ cột bên phe Trụ Vương là thái sư Văn Trọng, còn bên nhà Châu là Thừa tướng Khương Tử Nha. Hai nhân vật này đều thuộc dạng nửa tiên nửa tục. Họ là tiên dờ dang xuống trần phò tá để vương đế lập công danh sự nghiệp ở đời. Do đó tính cách của họ cũng có phần tiên, phần tục. Phần tiên thường là hoang đường không thực, chỉ có phần tục mới gần với đời thường. Phần tục ở Văn Trọng là một vị Thái sư có uy quyền được vua nể, đồng liêu kính trọng, nhưng không phải là hạng quyền thần lộng hành mà là bề tôi trung hết lòng vì nước vì chúa. Nhân vật này rất kiên cường, đấu tranh không khoan nhượng với mọi biểu hiện tiêu cực của Trụ Vương và thẳng tay trừng trị lũ gian thần, để chính đốn triều cương, giữ an bờ cõi. Mười điều can gián của Văn Trọng nếu được thì hành thì nghiệp nhà Thương không bị sụp đổ. Nhưng nhân vật này quá ôm đồm nhiều trách vụ, thường đi chinh chiến phương xa, bỏ mặc triều cương cho bấy gian nịnh, đến nỗi thân chết nơi chiến trường mà cơ nghiệp nhà Thương cũng theo đó tiêu vong. Rõ ràng Văn Trọng là một nhân vật trung thân lý tưởng, nhưng lực bất tòng tâm, thành ra làm không tròn trách nhiệm của một đại thần rường cột. Phần siêu nhiên của nhân vật này không làm phong phú thêm tính cách, trái lại làm cho nhân vật mất tính hiện thực, trở thành huyền hoặc khó tin.

Nhân vật Khương Tử Nha đa dạng hơn và gần hiện thực hơn nhân vật Văn Trọng. Khương Tử Nha hay Lã Vọng là nhân vật có thực, đã giúp Võ Vương hội chư hầu ở Mạnh Tân diệt Trụ thành công, một bậc khai quốc công thần của nhà Châu. Trong Phong Thần diễn nghĩa, nhân vật này bị biến tướng đi nhiều, trở thành nửa tiên nửa tục. Phần trần tục của nhân vật này chủ yếu ở giai đoạn hàn vi, lúc mới xuống núi chưa gặp thời và khi đóng vai ẩn sĩ ngồi câu cá ở Bàn Khê. Lúc đầu nhân vật Tử Nha có dáng dấp một hiệp sĩ lơ vắn, ăn nhờ ở đậu, làm nhiều nghề mọn để mưu sinh lại gặp phải mẹ vợ dờ hơi làm cho hạnh phúc gia đình đổ vỡ. Phần thần tiên

của Tử Nha thể hiện từ khi đóng vai thầy bói trở tài bất quỷ trừ ma, gây hiểm thù với Đắc Kỳ đến nỗi phải bỏ chức quan vừa mới nhậm, chạy lánh sang đất Tây Kỳ, đóng vai ẩn sĩ câu cá ở Bàn Khê, danh tiếng hàn sĩ vang đến triều Châu rồi hội ngộ với Văn Vương, trở thành thừa tướng, rồi giữ chức nguyên soái thống lãnh quân đội nhà Châu tướng chống Trụ, hội chư hầu ở Mạnh Tân dưới đời Võ Vương, tiến hành phạt Trụ thắng lợi được cất đất phong hầu ở nước Tề. Khương Tử Nha là nhân vật lịch sử bị thần tiên hóa, do đó mà phần phàm trần của nhân vật này tương đối ít ỏi, nhưng chính phần phàm tục này đã làm cho nhân vật Tử Nha sinh động và gần gũi với đời thường hơn. Càng về sau nét thần tiên càng vượt trội, làm lu mờ con người lịch sử của nhân vật. Những nét thần tiên đó chỉ là sự tưởng tượng hư cấu của tác giả, gán ghép những tài năng siêu phàm của một đạo sĩ vốn không có của con người này. Do đó nhân vật càng mất dần tính hiện thực, bay bổng lên chín tầng mây trên lưng con thú dữ bất tướng như một tiên ông. Thắng lợi của cuộc phạt Trụ do Tử Nha làm chỉ huy, chủ yếu là nhờ ở tài phép của các thần tiên bên Xiển giáo hoặc đệ tử của họ (bên Trụ Vương cũng vậy, thần tiên Triệt giáo và các đệ tử của họ đóng vai trò chủ yếu trong cuộc chiến). Thậm chí đôi lúc nhân vật Tử Nha chỉ là con rối trong tay các vị thần tiên, là người thừa hành ý chỉ của họ một cách tích cực. Cho nên nhân vật Khương Tử Nha trong tác phẩm Phong Thần diễn nghĩa chỉ là cái bóng méo mó và mờ nhạt của một Khương Tử Nha có thật trong lịch sử. Chỗ khả thú của nhân vật Khương Tử Nha trong Phong Thần diễn nghĩa là có quan điểm chính trị tích cực, hôn quân bạo chúa phải bị tiêu diệt, nhường chỗ cho bậc minh quân, không nên câu nệ bởi những giáo điều của bọn ngu trung.

Phong Thần diễn nghĩa xây dựng được khá nhiều nhân vật có bề dày nhất định về tính cách cả bên chính diện lẫn bên phản diện, cả người trần thế lẫn thần tiên quý quái. Có thể nói mỗi nhân vật ít nhiều đều có nét riêng. Các sự kiện

diễn biến trong tác phẩm khá dồn dập, phức tạp, nhưng cũng có thứ lớp rõ ràng không làm rối người đọc. Nhiều tình huống biến hóa thay đổi khôn lường, không thể đoán trước được, gây nên sự hồi hộp theo dõi một cách thích thú ở người xem.

Ngoài cái cốt lịch sử, Phong Thần diễn nghĩa bị bao bọc bởi lớp áo siêu nhiên hoang đường. Ngay cái tên Phong Thần cũng chẳng dính dáng gì đến nội dung lịch sử của tác phẩm. Phong Thần là chuyện của thượng đế và chư tiên, thế mà Khương Tử Nha một vị thừa tướng của nhà Châu lại nhận nhiệm vụ tổ chức. Bởi vì Khương Tử Nha xuống núi theo lệnh của giáo chủ Xiển giáo, vừa để giúp vua nhà Châu cất quân phạt Trụ đồng thời cũng làm nhiệm vụ phong thần tức là rước những linh hồn thần tiên của hai phe Xiển giáo và Triệt giáo cùng một số tướng lĩnh phạm tặc bị tử trận trong cuộc chiến tranh, được phong chức phục vụ cho thượng đế. Quá trình rước linh hồn lên đài phong thần xảy ra song song với quá trình cuộc chiến, có thể coi đây là hình thức giải quyết hậu quả chiến tranh xét về mặt tôn giáo. Kết thúc cuộc chiến với thắng lợi của nhà Châu, Khương Tử Nha cũng hoàn thành nhiệm vụ phong thần của mình. Tính chất huyền bí tôn giáo còn được dùng để giải thích nguyên nhân thất bại của Thương Trụ, đó là cơn giận dữ của bà Nữ Oa, một vị nữ thần trong thần thoại Trung Quốc. Trong cuộc chiến tranh, thần tiên yêu quỷ cũng chia hai phe hỗ trợ cho hai bên. Xiển giáo đứng về phía nhà Châu còn Triệt giáo lại giúp Thương Trụ. Xiển giáo theo mệnh trời phò chính nghĩa còn Triệt giáo nghịch mệnh trời phò bạo tàn. Cho nên Xiển giáo là chính đạo mà Triệt giáo là tà đạo, tuy cả hai cũng một gối mà ra. Đối với Triệt giáo việc phò Trụ chỉ là cái cớ để tiến hành cuộc chiến tranh tôn giáo chống lại Xiển giáo nhằm bảo vệ thanh danh của Triệt giáo. Cuộc xung đột giữa các thần linh này diễn ra ngày càng gay gắt ác liệt, làm cho cuộc chiến tranh thêm đẫm máu. Cuối cùng thì thất bại thuộc về Triệt giáo, theo công thức chính thắng tà.

Lòng yếu tố siêu nhiên hoang đường với liều lượng ngày càng nhiều vào tác phẩm, biến xung đột chính trị thành xung đột tôn giáo, tác giả Phong Thần đã làm lu mờ động cơ đích thực của cuộc chiến tranh, làm lu mờ ý nghĩa hiện thực của tác phẩm. Tuy nhiên yếu tố siêu nhiên hoang đường lại cũng làm nên tính độc đáo của Phong Thần diễn nghĩa. Với trí tưởng tượng bay bổng, tác giả đã sáng tạo ra nhiều pha so tài đấu phép hết sức ly kỳ, thu hút được sự theo dõi với nhiều thích thú và ngạc nhiên ở người đọc. Thích thú vì nó phù hợp với ước mơ của người đời xưa và cả đời nay muốn có sức mạnh vô biên vượt lên trên sức mạnh cơ bắp để tác động và chi phối ngoại cảnh, chi phối thế giới. Những pha đua tài đấu phép ly kỳ ở truyện Phong Thần luôn luôn mới mẻ, sáng tạo đưa người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Tất nhiên ngày nay với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, không ai còn tin những phép mầu không dựa vào nguyên lý khoa học ấy là có thật.

Phong Thần diễn nghĩa cũng như nhiều tác phẩm thời xưa thường bị ám ảnh bởi thuyết "mệnh trời". Mới vào đầu truyện tác giả đã cho biết việc Thương bại châu hưng như là một định mệnh đã được báo trước. Thuyết định mệnh ấy còn được lặp đi lặp lại ở nhiều hồi nhiều trang qua cửa miệng nhiều nhân vật. Điều này làm giảm ý nghĩa vai trò tích cực của nhân dân và các lực lượng tiến bộ trong cuộc đấu tranh gian khổ chống hôn quân bạo chúa để đổi đời thay kiếp, thoát khỏi cơ cực lầm than. Tuy nhiên qua tác phẩm Phong Thần chúng ta lại thấy thuyết mệnh trời lại phù hợp với lòng người. Phải chăng nhân dân đau khổ vùng lên thì trời cũng chiều người. Chúng ta thấy hầu như tất cả người tốt, chiến đấu cho chính nghĩa, cả thần linh ủng hộ họ nữa, đều nói đến mệnh trời và tin vào mệnh trời về Trụ bại Châu hưng. Lý lẽ của họ là hôn quân bạo chúa nhất định sẽ bị thượng đế chỉ công trừng trị, người nhân từ đức độ sẽ được trời cất nhắc. Đơn giản chỉ có thế thôi. Ta lại thấy những kẻ ngu trung, những

bọn sâu dân một nước và cả bọn yêu ma quỷ quái đều phủ định mệnh trời, tích cực chống lại xu thế lịch sử, chống lại cuộc đấu tranh của nhân dân với thuyết chính thống hết sức bảo thủ giáo điều. Cho nên trong trường hợp cụ thể này thì quan niệm mệnh trời, suy cho cùng chỉ là một cách nói nhằm diễn đạt cái xu thế có tính chất quy luật là nhân nghĩa thắng bạo tàn. Có lẽ nên hiểu thuyết mệnh trời trong Phong Thần diễn nghĩa một cách uyển chuyển như vậy thì mới phù hợp với dụng ý sâu xa của tác giả.

Đọc Phong Thần diễn nghĩa nên cố gắng tìm hiểu ý nghĩa sâu xa thâm kín, ý tại ngôn ngoại mà tác giả muốn gửi đến người đọc đương thời và hậu thế. Hãy gạt bỏ những gì không có ý nghĩa nhân sinh, những gì là giả tạo, để nắm bắt được nội dung đích thực của tác phẩm lý kỳ này.

Trên đây là đôi điều lĩnh hội của chúng tôi khi đọc tác phẩm Phong Thần diễn nghĩa, mong được chia sẻ niềm vui thích cùng các bạn gần xa.

Giáo sư **MAI CAO CHƯỜNG**

HỒI THỨ NHẤT

TRỤ VƯƠNG TẾ MIẾU BÀ NỮ OA

THEO sử Trung Hoa thì trước kia đời Nghiêu, Thuấn, vợ thứ của vua Đế Cốt là Giáng Định đi cầu con ở gò Cao Mai trông thấy chim én đẻ rơi trước mặt. Bà Giáng Định cho điều ấy là điềm lành, liền lấy trứng chiêm én ấy nuốt vào ruột. Quả nhiên vì nuốt trứng, bà thọ thai sinh được một trai đặt tên Khiết.

Ông Khiết lớn lên phò vua Nghiêu, rồi đến vua Thuấn, được phong làm chức Tư Đồ. Vì có công dạy dân, về sau ông Khiết được phong lạc ấp, và làm chúa một xứ.

Dòng dõi ông Khiết vẫn nối chức cai trị thái ấp cho đến đời ông Thái Ất, tức là Thành Thang.

Thành Thang là người nhân đức và trung hậu, nghe đồn ông Y Doãn là người tài trí, thất thời, ẩn cư cày ruộng nơi Sần dã, liền đến rước về, dâng cho vua Kiệt, nhà Hạ dùng. Ấy vì lòng trung, Thành Thang không dám dùng riêng người tài cho mình. Ai ngờ vua Kiệt bất trí, không biết dùng người tài, nghe lời dùa mị, không trọng dụng Y Doãn, Y Doãn bỏ vua Kiệt trở về với Thành Thang.

Bấy giờ vua Kiệt càng ngày càng đắm say tửu sắc, giết

quan Long Phùng là một vị gián quan có công với nước, nên chẳng ai dám ra can nữa. Hành động của vua Kiệt mỗi lúc một thối nát thêm.

Ông Thành Thang thấy vậy sai người qua khóc lóc để khuyên can. Vua Kiệt đã không nghe còn bắt ông Thành Thang giam tại Hạ đài suốt một thời gian mới thả về.

Trong lúc vua Kiệt ham dâm, độc ác như vậy thì ông Thành Thang lại tỏ cho thiên hạ thấy là một người nhân hậu có tiếng.

Một hôm, ông Thành Thang ra ngoài đồng thấy người đi săn bủa lưới bốn phía, và vái:

"Trên trời sa xuống, dưới đất chun lên, tất cả bốn phương đều vô mệnh lưới".

Ông Thành Thang nghe lời vái ấy than thầm:

– Nếu vậy muôn cầm thú đều bị bắt hết còn gì?

Ông truyền mở ba phía lưới ra, rồi khiến các thợ săn vái rằng:

"Muốn lại thì lại, muốn qua thì qua.

Ở trời sa xuống, có cánh bay xa.

Ở đất chun lên, có chân chạy ra.

Con nào liều mạng, thì vào lưới ta.

Cầm thú đều ra khỏi lưới hết. Bởi vậy đời sau người ta thường nói "Mở lưới Thành Thang", tức là nhắc tích ấy.

Giăng lưới để bắt cầm thú ăn thịt mà chỉ giăng một mặt, chừa chỗ cho con thịt thoát ra thì lòng nhân còn gì hơn. Bởi vậy tiếng đồn tới cõi Hồn Nam, thiên hạ đều khen Thành Thang đức lớn, hơn bốn mươi nước đều theo.

Đến sau, vua Kiệt vô đạo, hại dân gần chết, ông Y Doãn

phò Thành Thang đánh đuổi vua Kiệt qua đất Nam Sào. Các chư hầu hội đủ mặt, tôn Thành Thang lên làm Thiên tử. Thành Thang vẫn từ chối, nhận bốn phân chư hầu thôi, nhưng các chư hầu khác ép buộc, Thành Thang cực chẳng đã phải thuận lời lên ngôi Thiên tử lập Kinh đô nơi đất Bạt vào năm Ất Mùi, mở đầu nhà Thương.

Vua Thành Thang bỏ các điều luật ác hiểm của vua Kiệt, đặt ra những việc dân ưa, dân mến, lấy đức trị dân, nên ai nấy đều theo về cả.

Trong thời gian đầu, vì vua Kiệt bất nhân, nên trời hạn hán suốt bảy năm, vua Thành Thang mới cầu mưa thì trời liền mưa xuống. Vua trị dân nhân đức, dân coi vua như cha mẹ, trong nước không xảy ra điều gì phải dùng đến luật pháp nữa.

Vua Thành Thang trị vì được mười ba năm thọ được một trăm tuổi, rồi truyền xuống con cháu 28 tuổi đời, cộng 564 năm, đến đời Ân Thọ (vua Trụ) nhà Thương mới mất.

Hai mươi tám đời vua nhà Thương truyền nối như sau:

1) Thành Thang. 2) Thái Giáp. 3) Ốc Đinh. 4) Thái Canh. 5) Tiểu Giáp. 6) Ung Kỷ. 7) Thái Hậu. 8) Trọng Đinh. 9) Ngoại Nhâm. 10) Hà Đản Giáp. 11) Tổ Ất. 12) Tổ Tân. 13) Ốc Giáp. 14) Tổ Đinh. 15) Nam Canh. 16) Đương Giáp. 17) Bàn Canh. 18) Tiểu Tân. 19) Tiểu Ất. 20) Vô Đinh. 21) Tổ Canh. 22) Tổ Giáp. 23) Lâm Tân. 24) Canh Đinh. 26) Thái Đinh. 27) Đế Ất. 28) Ân Thọ (Trụ Vương).

Truyện này nói về cuối đời nhà Thương, lúc Trụ Vương mất nước, và nhà Châu lên kế vị.

Vua Trụ là con thứ ba của Đế Ất. Vua Đế Ất có ba người con trai là Vi Tử Khai, Vi Tử Diễn và Ân Thọ (vua Trụ).

Nhân khi vua Đế Ất ngự ngoài vườn xem hoa mẫu đơn với các quan thấy lầu Phi vân gãy mất một kèo, liền truyền các quan thay cây kèo ấy. Các quan xúm lại đỡ không nổi. Bấy giờ có Ân Thọ đi theo, thấy vậy một mình xốc lại một tay đỡ kèo, một tay nhổ cột lên thay. Các quan trông thấy sức mạnh của Thọ Vương ai cũng quỳ lạy chúc mừng.

Thừa tướng Thương Dung và quan Đại phu Mai Bá, Triệu Khải đồng quỳ tâu với vua Đế Ất:

– Thọ Vương tuy là con út nhưng tài năng như vậy có thể làm rạng rỡ nhà Thương sau này, xin Bệ hạ phong làm Thái tử, để nối ngôi.

Đế Ất bằng lòng, lập Ân Thọ lên làm Thái tử.

Vua Đế Ất trị vì được ba mươi năm thì băng hà. Lúc lâm chung có phú thác Thọ Vương cho Thái sư Văn Trọng, nên sau đó Thọ Vương được lên ngôi thiên tử tức Trụ Vương, đóng đô tại Triều ca. Hai người anh vua Trụ tuy không được nối ngôi, song cùng vẫn một lòng hiếu thuận, không hiềm khích, hoặc có ý ganh tỵ. Bởi vậy, từ trong đến ngoài đều an lạc. Văn thì có Thái sư Văn Trọng đủ tài trị nước, võ thì có Trấn Quốc Vô thành vương Hoàng Phi Hổ tài đủ trấn áp các chư hầu. Trong cung ba bà cung hậu như Chánh cung Khương Hoàng hậu, Tây cung Hoàng thị (em Hoàng Phi Hổ), Hình Khánh cung Dương thị đều có đức hạnh, trinh chính, hòa nhà, hiền lành.

Vua Trụ ngôi hưởng thái bình, muôn dân lạc nghiệp, mưa hòa gió thuận, tưởng không còn gì sung sướng hơn.

Bấy giờ nhà Thương cầm đầu một số chư hầu gồm bảy trăm trấn chia làm bốn cõi có một chư hầu lớn thay mặt nhà Thương điều khiển.

Bốn trấn chư hầu lớn gồm có:

1) Đông bá hầu Khương Hoàng Sở (Cha Khương hoàng hậu).

2) Nam bá hầu Ngạt Sùng Vô.

3) Tây bá hầu Cơ Xương (Văn Vương).

4) Bắc bá hầu Sùng Hầu Hổ.

Mỗi trấn chư hầu lớn cai trị gần một trăm chư hầu nhỏ, cộng bảy trăm trấn chư hầu.

Sau khi Trụ vương lên ngôi được bảy năm thì có một số chư hầu nhỏ phía bắc do bọn Viên Phước Thông cầm đầu nổi loạn, Thái sư Văn Trọng phải tuân lệnh đi đánh dẹp. Văn Trọng ra đi, việc triều chính thiếu người định đoạt, nên vua Trụ thường gán gửi hai tên Vuơ Hồn và Bí Trọng là hai tên xu nịnh, trước kia đã nhiều lần Văn Trọng can không cho vua Trụ gán hai tên ấy.

Một hôm vào tiết tháng ba, vua Trụ ngự triều, Thừa Tướng Thương Dung tâu:

– Ngày mai là ngày rằm, nhằm ngày vía bà Nữ Oa, xin bệ hạ đi dâng hương cầu phúc.

Vua Trụ hỏi:

– Bà Nữ Oa là người thế nào đến nỗi Trẫm phải bỏ ngai vàng đi dâng hương?

Thương Dung tâu:

– Bà Nữ Oa là em gái vua Phục Hy, hiện là một vị thần linh hiển lẫm. Trước kia họ Cung Công làm phản, đục dầu vào núi Bất Châu, đất bị nghiêng sụp, bà Nữ Oa rèn năm sắc đá vá trời. Bởi có công với đời như vậy, nên mấy triều vua đều lập miếu phụng thờ. Nơi nào thờ miếu Bà thì nơi ấy mưa thuận gió hòa, mỗi nước được yên, dân gian khỏe mạnh. Xin bệ hạ đến đó dâng hương, chẳng nên khinh dễ.

Vua Trạ nhận lời:

– Nếu vậy ngày mai Trầm sẽ đến đó dâng hương cầu phước, sẵn dịp du ngoạn một chuyến.

Hôm sau, vua Trạ truyền long giá ra đi, các quan đều theo phò tá rất đông. Ba ngàn binh kỵ mã, tám trăm quân ngự lâm do Hoàng Phi Hồ điều khiển, trước sau đông nghẹt. Xa giá đến đâu dân chúng đều thấp nhang đèn trước cửa vọng bái. Khi đến trước đền thần Nữ Oa, vua Trạ bước xuống xe, đến nơi chính điện đặt một đỉnh trầm, và các quan đồng lạy.

Vua Trạ trông thấy trong điện trang nghiêm lắm, những hình tượng toàn bằng vàng ngọc đứng hầu hai bên. Những cặp con trai cầm phượng đực bằng vàng, những tượng con gái chạm bằng ngọc đứng dâng hương. Trên điện không thiếu gì hạc múa loan xòe, rồng bay phượng lộn, đèn chong như sao mọc, khói tỏa như mây mờ, uy nghiêm chẳng khác gì đền vua.

Trạ Vương đang mê say, thì bỗng một luồng gió nhẹ thổi qua, làm bức màn vệt qua, vua trông thấy tượng bà Nữ Oa rất rõ, hình dung như một người sống chẳng khác một nàng tiên, hương trời sắc nước không đâu bì kịp.

Lời xưa thường nói: "Nước gần mất thì có yêu nghiệt hiện ra". Vua Trạ xem thấy tượng thần Nữ Oa không nháy mắt, tự nhủ với lòng:

– "Ta tuy làm vua giàu có bốn biển, nhưng trong tam cung lục viện không thấy người nào được cái nhan sắc như vậy".

Nghĩ rồi liền truyền thị vệ đem bút mực đến, và đề một bài thơ ngay vách tường:

Lạnh lòng trông phủ xá màn loan

Bóng sắc khen ai khéo điểm trang.

*Liều uốn mây ngài khoe sắc lục,
Xiêm tung sóng nước điểm non vàng.
Hải đường sương đọng màu tươi tốt,
Thuộc được mưa nhuần bóng vẻ vang.
Thần tượng ước ao đi đứng được,
Dem về cung điện dựa thiên nhan.*

Thừa tướng Thương Dung thấy vua Trụ đề thơ như vậy thất kinh quỳ tâu:

– Bà Nữ Oa là thần thánh đời thượng cổ. Tôi tưởng bệ hạ chỉ nên dâng hương cầu phúc cho mưa thuận gió hòa, sông trong biển lặng. Còn việc đề thơ có ý trêu cợt như vậy không nên. Xin bệ hạ truyền lấy nước rửa đi kẻo thiên hạ trông thấy truyền ngôn cho bệ hạ không có đức chánh.

Vua Trụ nói:

– Trẫm thấy tượng thần xinh đẹp, đề một bài thơ tán thưởng chớ chẳng có ý gì khác. Vả lại Trẫm là Thiên tử cũng nên để lại mấy vần thơ này cho thiên hạ rõ nhan sắc của bà, và chiêm ngưỡng văn thơ của Trẫm chứ?

Dứt lời truyền hồi loan. Các quan không ai dám nói lời nào nữa. Về đến đền Long - Đức, các quan chúc mừng rồi ai về dinh nấy.

Bấy giờ nói đến bà Nữ Oa đi lên cung Hỏa - Vân châu ba Thánh là: Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế. Khi châu xong, bà Nữ Oa trở về đền, lên ngôi nơi chánh điện. Hai bên gái ngọc trai vàng làm lễ, bà Nữ Oa nhìn qua bên cách thấy bài thơ của Trụ, nổi giận nói:

– Ân Thọ hôn quân! Không lo sửa mình trị thiên hạ lại sanh tâm tà vậy, không sợ luật trời. Thật đáng ghét! Trước kia vua Thành Thang đuổi vua Kiệt thu thiên hạ, hưởng dư

sáu trăm năm đến nay tuần thời đã hết. Nếu ta không báo ứng sao gọi là linh.

Nói rồi liền đằng vân bay vào triều, cố vật chết vua Trụ, để rửa hờn. Nhưng vừa lướt đến phía ngoài hậu cung Nữ Oa gặp hai đạo hào quang xông lên cản lại.

Hai đạo hào quang này là của Ân Hồng và Ân Giao (Nguyên vua Trụ có hai người con, người lớn là Ân Hồng, người nhỏ là Ân Giao sau này đều được phong thần, nên mới có hào quang như vậy). Hôm ấy hai anh em vào hậu cung chầu vua Trụ. Bà Nữ Oa bị hào quang cản trở, tính ra mới biết vua Trụ còn hai mươi tám năm nữa mới tận số, nên đằng vân về miếu.

Tuy nhiên, lòng căm tức không nguôi, bà liền gọi Thế Vân đồng tử lấy bầu vàng đem ra để giữa sân giờ nút, rồi đưa tay chỉ một cái, tức thì trong bầu bay ra một đạo hào quang trắng phau như dải lụa, dài hơn năm trượng, đạo hào quang lại hiện ra cây phượng ngũ sắc tua tủa khắp một vùng. Phượng này gọi là phượng chiếu yêu.

Trong giây phút sa mù bao phủ, gió lộng ào ào, các yêu đều hiện đến. Bà Nữ Oa ra lệnh cho Thế Vân đồng tử bảo các yêu trở về động hết, chỉ để lại ba con yêu tại mà Huỳnh Đế và cho vào ra mắt thôi.

Ba yêu vâng lệnh, vào quỳ lạy, xưng rằng:

– Chúng tôi là Hồ Ly ngàn năm, chim trĩ chín đầu và đờn tỳ bà bằng đá ngọc thạch đến chầu nương nương.

Bà Nữ Oa nói:

– Nay cơ nghiệp Thành Thang đã mỗi mòn, vua Trụ sắp đến ngày mất nước. Núi Kỳ Sơn phụng gáy nhà Tây Châu ra đời, đó là khí số do trời định. Ba chị em bây hãy giấu mình yêu quái, trà trộn vào cung điện, làm cho Trụ Vương điêu

đứng. Đợi cho Vô Vương đánh Trụ thành công, ta cho chúng bay thành thần đó. Song ta cấm một điều là không được làm hại bá tánh, chỉ trả thù Trụ Vương thôi.

Ba yêu vâng lệnh lui ra, đặng vân về động.



Vua Trụ từ khi dâng hương đèn Nữ Oa về, mê bóng sắc pho tượng đến nỗi đêm ngủ không ngon, ngày ăn không được, coi ba cung sáu viện như cỏ rác, chẳng đoái hoài đến. Tâm tư canh cánh bên lòng, buồn bã không muốn nói chuyện với ai nữa.

Ngày kia, Trụ Vương đến đền Hiến Thánh, có các hoạn quan theo phò, trong lúc buồn bã. Trụ Vương sực nhớ đến Vưu Hồn, Bí Trọng, hai tên này thường nói nhiều điều vui tai, vua có thể nhờ hai người này tìm cách giải khuây được, liền cho đòi Bí Trọng đến.

Bí Trọng lúc này được gọi là Trung gián Đại phu, nghe đòi liền ứng hầu ngay, và tâu:

– Bệ hạ có việc gì cần sai khiến?

Trụ Vương buồn bã nói:

– Vừa rồi trẫm có đi dâng hương đèn Nữ Oa thấy tượng Nữ Oa xinh đẹp đến nỗi trong tam cung lục viện của trẫm không có kẻ nào bằng. Nếu sắc đẹp ấy trẫm không được thưởng thức thì dầu trẫm có làm vua cũng không toại nguyện. Khanh có cách gì giải buồn cho trẫm không?

Bí Trọng tâu:

– Bệ hạ giàu có bốn biển, đức sánh Thuấn, Nghiêu. Mọi vật trên đời này đều là của bệ hạ hết, có gì mà bệ hạ không toại nguyện? Nếu Bệ hạ cần một sắc đẹp tuyệt mỹ thì Bệ hạ

chỉ cần xuống lệnh cho bốn trấn chư hầu tuyển bốn trăm mỹ nữ đem dâng thì thiếu gì kẻ tuyệt sắc.

Trụ Vương nghe tâu rất đẹp ý, phán:

– À, thế mà trẫm như ngu độn, không nghĩ ra. Thôi, để ngày mai trẫm sẽ truyền như vậy.

Rồi Trụ Vương trở về triều.

LỜI BÀN

– Hàng ngày nghĩ điều lành thì điều lành đến, Hàng ngày nghĩ điều dữ thì việc dữ đến.

Một ông vua mê sắc, hoang dâm như vậy thì sự nghiệp mất là dĩ nhiên.

Mở đầu câu chuyện, tác giả Phong Thần đã đứng trên quan niệm quả báo rồi. Bà thần Nữ Oa tức vua Trụ ghẹo mình, sai hồ ly đến báo, làm vua Trụ mất nước.

Do số trời định, chúng ta bỏ riêng quan niệm ấy ra, trước mắt chúng ta chỉ thấy do hành động trả thù của bà Nữ Oa mà vua Trụ lâm khốn.

Nữ Oa là một vị thần lại có tâm trạng giống một người đàn bà thường như vậy sao?

Không thích người ta ghẹo mình, tìm cách trả thù, hay bà Nữ Oa chê vua Trụ là ông vua phạm tục đã làm mất danh dự của một vị nữ thần!

Dù đứng trên phương diện nào, trả thù như vậy cũng đều là nhỏ nhen, không đáng hành động của một vị thần. Tiếng là cát thân, mà trái lại Nữ Oa trở thành hung thần.

Tại sao tác giả khai thác tâm trạng của một vị Nữ

thần như vậy? Có lẽ dựng lên một cốt truyện thần thoại không gì dễ nói hơn là dùng một nhân vật thần thánh tác họa, vì chỉ có thần thánh mới có đủ mẫu nhiệm trong việc gây rối mà người phàm phải chịu khoan tay.

Dựa theo cây đình lịch sử, vua Trụ mê Đắc Kỷ, tác giả đủ tạo cho một vị nữ thần bản tánh có vẻ người quá. Nếu là một vị nam thần chắc lối báo oán không như vậy, không dùng yêu quái khuấy phá, mà dùng pháp thuật để vật chết ngay, dù vua Trụ chưa tới số, hoặc dù phải giết người sớm quá mắc tội với thiên đình.

Còn vua Trụ tại sao lại say mê một tượng thần, trong lúc tam cung lục viện không biết bao nhiêu là cung phi mỹ nữ?

Đó cũng chỉ là lối tưởng tượng của nhà viết truyện diễn tả một ông vua tham sắc. Nhưng lối tham sắc của vua Trụ có vẻ nghệ sĩ quá.

Đời nhà Thương, xã hội Trung Hoa chỉ là một xã hội bộ tộc chưa phải xã hội phong kiến, thế mà người viết truyện vô đầu đề đã sắp xếp một hệ thống phong kiến, có thiên tử, có chư hầu, thì thực sai lạc. Không phải thời phong kiến làm gì có quan hệ quân xử thần tử. Chẳng qua sự liên hệ giữa các bộ tộc lớn và bộ tộc nhỏ mà thôi.

HỒI THỨ HAI

PHẢN NƯỚC THƯƠNG, TÔ HỘ ĐỀ THƠ

Vua Tru nghe Bí Trọng tâu mừng lắm, lập tức về cung. Sáng hôm sau lâm triều, Tru Vương phán:

– Nay Trâm muốn ra chỉ dụ cho bốn trấn chư hầu kén chọn mỗi trấn một trăm mỹ nữ, chẳng luận giàu sang, quý tộc, miễn là dung nhan đẹp đẽ, cốt cách dịu dàng, ăn nói khuôn phép để sung vào cung sai khiến.

Quan Tế tướng Thương Dung quỳ tâu:

– Xưa nay, hễ vua phải dạo thì muôn dân noi gương, không cần dạy dỗ nước vẫn yên ổn, dân vẫn tùng phục. Hiện trong cung bệ hạ đã có dư ngàn cung nữ, hậu phi lại hiền đức không ai bằng, nếu bệ hạ còn kén thêm nữa tôi e dân gian không phục. Tôi có nghe nói, đạo làm vua nên vui cái vui của dân, nên lo cái lo của dân. Hiện nay trời hạn hán, bệ hạ không lo cái khổ của dân, lại lo chọn nữ sắc, hạ thần thấy không phải lẽ. Đời Nghiêu, Thuấn dạy thiên hạ không cần khí giới, không dùng hình pháp, khiến cho trời xuống điềm lành, sao Kiêu chiếu sáng trời, chim phụng đỗ nơi sân, cỏ chi mọc đồng nội, người đi lại đầy đường, chó không tiếng sủa, ngày nắng đêm mưa, lúa trở hai gié, ấy là điềm thanh trị.

Tru Vương nói:

– Ta kể vị nhà Thương mấy năm nay, tuy không được như đời Nghiêu, Thuấn nhưng trăm họ yên vui, bốn phương quy thuận, há không phải đời thịnh sao?

Tể tướng Thương Dung tâu:

– Nay phương Bắc đang có giặc, một miền dân chúng đang khốn đốn vì nạn binh đao. Thái sư phải bỏ việc triều đình đi dẹp loạn, nếu Bệ hạ lo cái lo của dân thì phải dùng người hiền, đuổi kẻ nịnh, lấy nhân đức làm đầu, tự nhiên thiên hạ thái bình, khí hòa rải khắp thiên hạ. Còn bệ hạ mất ưa nhìn tà sắc, tai ưa nghe tiếng dâm, sẵn thú đạo vườn, vui riêng cái vui của sắc dục tất nhiên không tránh khỏi loạn ly. Theo ý hạ thần, bệ hạ không nên tuyển mỹ nữ vào cung trong lúc này, xin bệ hạ xét lại.

Vua Trụ ngồi suy nghĩ hồi lâu, mặt buồn bã nói:

– Lời của khanh rất phải! Thôi trăm bãi bỏ ý định chọn mỹ nữ vào cung.

Dứt lời, Trụ Vương truyền bãi châu.



Qua năm thứ tám, vào tiết tháng tư, bốn trấn chư hầu lớn đưa mấy trấn chư hầu nhỏ về Triều ca để châu nhà Thương theo thể thức hàng năm.

Bấy giờ các chư hầu đều biết Thái sư Văn Trọng đi dẹp loạn chưa về, quyền binh trong triều do Bí Trọng, Vũ Hồn hai tên nịnh thần ấy gần gũi vua xúi giục, muốn cho vua Trụ khỏi quở trách, ai cũng đem ít nhiều lễ vật hồi lộ nơi tư dinh hai tên gian thần ấy.

Duy có một mình Tô Hộ, làm Ký Châu hầu, tánh tình cương trực không chịu dùa mị ai, việc phải trái đều nói thẳng

trước mặt, nên không đem lễ vật riêng đút lót cho Bí Trọng, Vu Hôn.

Hai tên gian thần này đem lòng oán trách Tô Hộ, chờ dịp trả thù.

Đến ngày mồng một là ngày lành, Trữ Vương lâm triều, các quan ứng hầu đủ mặt. Huỳnh môn quan vào tâu:

– Năm nay nhằm lệ chung, chư hầu lớn nhỏ đều tỵ đến châu bệ hạ để nghe dạy việc. Tất cả đều đứng ngoài chờ lệnh.

Trữ Vương hỏi Thương Dung:

– Thưa tướng định tiếp đón chư hầu cách nào cho tiện?

Thương Dung tâu:

– Bệ hạ chỉ cần đòi bốn chư hầu lớn vào hầu để hỏi thăm dân tình mọi nơi và nếp sống ra sao thôi. Bệ hạ sẽ dùng lời giả ơn họ. Còn các chư hầu nhỏ thì đứng châu ngoài ngoạ môn cũng được.

Trữ Vương nghe theo, liền sai Huỳnh môn quan đòi các trấn chư hầu lớn vào đền ra mắt.

Bốn trấn chư hầu tuân lệnh, qua khỏi cửa Cửu Long, đến quỳ trước sân. Vua Trữ bước xuống ngai, đứng nơi thềm rồng phủ dụ:

– Các khanh giúp trăm vổ an dân thứ, trấn ải dẹp loạn, đánh xa trị gần, có công khó nhọc như vậy trăm rất hài lòng.

Đông Bá hầu Khương Hoàng Sở tâu:

– Chúng tôi đội ơn trên ban chức tể tướng, hằng ngày ráng lo nhiệm vụ, sợ không tròn trách nhiệm bệ hạ giao phó, nếu có nhọc sức ngựa trâu đôi chút bất quá cũng chỉ mong đền bốn phen làm tôi. Nay được bệ hạ ra ơn vổ về, thật chúng tôi vạn hạnh.

Trụ Vương rất vui mừng, truyền thừa tướng Thương Dung và Á tướng Tì Can khiến quân dọn tiệc tại đền Hiến Thánh, đãi đằng bốn vị Tổng trấn cho tử tế.

Bốn trấn chư hầu lay tạ rồi theo Thương Dung và Tì Can đến dự tiệc. Trụ Vương bãi triều vào hậu cung đòi Bí Trọng và Vu Hồn đến hỏi:

– Năm ngoái các khanh khuyên ta xuống chiếu nhờ bốn trấn chư hầu kén chọn mỹ nữ, nhưng vị Tể tướng Thương Dung can ngăn. Năm nay sẵn dịp bốn trấn chư hầu về đủ mặt, trăm có nên phán truyền lệnh ấy không?

Bí Trọng tâu:

– Thừa tướng trước kia can việc kén mỹ nữ, bệ hạ đã nghe theo, bây giờ lại truyền kén nữa, tôi e các chư hầu hay được mất uy tín của bệ hạ chẳng? Tôi có nghe đồn con gái Ký Châu hầu Tô Hộ quốc sắc khuynh thành, huê nhường nguyệt then, nếu bệ hạ chọn vào cung cấm chắc được toại nguyện. Vả lại đòi một người vào cung không làm cho dân chúng xôn xao, và cũng không có gì.

Vua Trụ khen:

– Khanh thật là kẻ đa mưu túc trí. Như vậy mới đủ sức giúp trăm trong lúc này.

Nói rồi khiến nội thị ra ngoài đòi riêng Tô Hộ vào ra mắt.

Nội thị tuân lệnh ra đến nhà trạm truyền:

– Thiên tử cho mời Ký Châu hầu vào thương nghị việc nước.

Tô Hộ theo nội thị vào thẳng đến Long Đức, làm lễ tung hô rồi quỳ nghe lệnh. Trụ Vương hỏi:

- Trẫm nghe khanh có một người con gái nét na diêu dàng, tánh chất thuần hậu, trẫm muốn chọn vào hậu cung để được gần trẫm, nếu được vậy khanh sẽ là Quốc thích, ăn lộc trời, hưởng ngôi lớn, yên trấn nơi Ký Châu, danh vang bốn biển. Đời người được vinh hiển, giàu sang như vậy ai lại không thích, chẳng biết ý khanh thế nào?

Tô Hộ nghe Trụ Vương nói mặt lạnh như tiền, tâu:

- Bệ hạ có tam cung lục viện, cung nữ hơn ngàn người thì thiếu gì kẻ mặt liễu mày hoa? Bệ hạ còn chưa thỏa mãn sao? Xin bệ hạ chớ nghe lời kẻ đua mị nghĩ điều dục vọng. Vả con tôi thơ dại, lễ phép chưa biết gì, đức hạnh và nhan sắc đều thiếu, bệ hạ nhọc lòng tưởng đến làm chi. Xin hãy bền lòng lo việc chánh, để thiên hạ mến đức như vậy không rạng rỡ đức trị dân sao?

Vua Trụ cười lớn, nói:

- Xưa nay ai cũng muốn con gái mình làm rạng rỡ tông môn, đắp đền hiếu thảo. Nay nếu con gái của khanh vào làm Phi hậu sánh vai với trẫm, còn khanh thì lên hàng Quốc thích, vinh hiển nhất đời còn gì hơn? Sao khanh không nghĩ chuyện ấy, cố chấp làm gì?

Tô Hộ đoán biết do Vu Hồn, Bí Trọng mất ăn, bày chuyện trả thù, nên giận nói lớn:

- Tôi nghe nói: Vua làm điều có đức thì muôn dân mến phục, bốn phương quy thuận, muôn dân kính vì, lộc trời trọn hưởng. Xưa vua Kiệt nhà Hạ vì đam mê sắc dục, làm lắm điều ác, còn nhà Thương thì không màng của lợi, đức lớn ân nhiều, nên thiên hạ theo về, dựng lên đại nghiệp. Nay bệ hạ không bắt chước tổ tông, lại noi theo gương nhà Hạ, giẫm chân lên bước đường vong quốc, hạ thần lấy làm tiếc. Hề Hoàng đế

tham sắc thì mất xà tắc. Đại phu tham sắc thì mất cơ nghiệp, thứ dân tham sắc thì lụy thân. Vua là tấm gương của bầy tôi, hễ vua lỗi đạo thì tôi lạng lòn, lập phe tụ đảng, mỗi nước rồi ren. Tôi chỉ sợ cơ nghiệp nhà Thương gãy dựng, sáu trăm năm nay, vì bệ hạ mà suy sụp đó.

Trụ Vương nghe Tô Hộ nói xúc phạm, giận đỏ mặt, mắng:

– Xưa nay nể đạo làm tôi phải gìn lòng trung nghĩa, vua cho đòi thì lật đặt đến hầu chẳng dám dợ xe, vua khiến chết chẳng dám từ chối. Nay trăm chỉ cần kén một đứa con gái vào làm Hậu phi mà người dám buông lời chống trả, mắng nhiếc trăm, lại sánh trăm với vua Kiệt là một ông vua mất nước. Có ai dám vô lễ như thế không?

Liên truyền nội thị bắt Tô Hộ đem đến tòa pháp ti kết tội khi quân. Nội thị tuân lệnh bắt Tô Hộ trói lại. Vưu Hồn, Bí Trọng vội quỳ tâu:

– Tội khi quân của Tô Hộ đáng xử phạt lắm, nhưng vì bệ hạ muốn kén con gái của Tô Hộ rồi lại làm tội Tô Hộ e thiên hạ không hiểu sự tình nghĩ lầm rằng bệ hạ trọng sắc khinh hiền. Xin bệ hạ ra ân tha tội cho Tô Hộ về nước. Tô Hộ sẽ cảm đức bệ hạ, đem ái nữ dâng vào cung. Như vậy bệ hạ sẽ tránh được tiếng thị phi, mà tỏ mình có lòng nhân nữa.

Vua Trụ nghe nói bớt giận, truyền tha tội Tô Hộ, bảo phải về nước, không được nấn ná nơi triều ca ngày nào nữa.

Lệnh vua vừa ban xuống, nội thị liền mở trói đuổi Tô Hộ ra lập tức.

Tô Hộ trở về trạm dịch. Các tướng xúm lại nghênh tiếp, và hỏi thăm:

– Chẳng hay Thiên tử mời Chúa công vào triều bàn chuyện cơ mật gì vậy?

Tô Hộ hơi giận chưa nguôi, thốt lời mắng vua Trụ:

– Hôn quân vô đạo chẳng tiếc sự nghiệp của Tổ tông để lại, nghe lời nịnh thần buộc ta phải tiến dâng con gái để sung vào Hậu phi. Ta đoán chắc việc này do Bí Trọng, Vu Hồn xúi giục, muốn đem sắc đẹp mê hoặc lòng vua để tranh uy thế? Ta can vua nhưng vua không nghe, lại bảo ta nghịch mạng, truyền dẫn đến pháp ti để bắt tội.

Các tướng thở dài, hỏi:

– Nếu vậy Chúa công làm thế nào về được?

Tô Hộ nói:

– Hai đứa gian nịnh ấy lại tâu xin với hôn quân tha tội cho ta trở về để cải hối, và dâng ái nữ cho hôn quân. Việc này nếu Thái sư Văn Trọng có ở triều, hai đứa gian thần ấy đâu dám lộng hành như vậy? Hôn quân đã sa vào tội lỗi, tiếc thay cho cơ nghiệp Thành Thang sớm tối phải tan tành.

Các tướng hỏi:

– Vậy Chúa công có ý định thế nào đối với việc này?

Tô Hộ nói:

– Nếu không dâng Đắc Kỷ vào cung thế nào hôn quân cũng đem quân đánh phá nước ta, bằng dâng Đắc Kỷ vào đó sau này hôn quân thiếu đức, làm hư xã tắc, thiên hạ sẽ cho ta là kẻ bất trí. Các tướng có mưu nào gỡ rối chăng?

Các tướng đồng nói:

– Hễ vua bất chánh thì tôi không phục, nay Thiên tử trọng sắc khinh hiền, Chúa công cần gì phải tôn thờ. Cứ trở về giữ lấy nước mình, an vui một cõi.

Tô Hộ đang giận, nghe mấy lời nói của các tướng chẳng khác lửa cháy đổ thêm dầu, mặt giận phừng phừng nói:

– Đấng trượng phu chẳng bao giờ thềm làm lén. Đi ở phân minh.

Nói rồi khiến quân đem bút mực ra, đề bốn câu thơ trên vách tường trước cửa đền, để thiên hạ rõ ý mình không từng phục nhà Thương nữa.

*Quân loạn thần cương
Hữu bại ngũ thường
Ký Châu Tô Hộ
Vinh bát triều Thương.*

Có nghĩa là:

*Vua chẳng kỷ cương
Lỗi đạo luân thường.
Ký Châu Tô Hộ,
Chẳng châu nhà Thương.*

Sau khi đề ra bài phản thi Tô Hộ dẫn các tướng ra khỏi Triều ca, trở về nước.

Còn vua Trụ tuy nghe lời Vương Hồn, Bí Trọng tha Tô Hộ, nhưng sợ Tô Hộ không chắc trở về chịu dâng Đắc Kỷ, nên lòng vẫn buồn bực không an. Tiếp đến có Huỳnh môn quan vào tâu:

– Tô Hộ đề phản thi trước ngõ, hạ thần chẳng dám giấu, xin phép vào trình bệ hạ rõ.

Nói rồi trải tấm giấy trên long án. Vua Trụ xem thấy nổi giận mắg:

– Trẫm thuận theo lòng người ưa dung tha những kẻ có tội không giết loài chuột, mới cho về xứ. Thế mà nó không biết xét lấy thân phận, lại đề phản thi trước đền, lăng nhục triều đình. Ta không thể nào bỏ qua hành động ấy được.

Liền cho lệnh đòi ba viên đại tướng là Ân Phá Bại, Triều Diên và Lỗ Hùng vào phán:

– Tô Hộ bất trung, làm phản thi để ngoài ngoạ môn nhục mạ thiên triều. Các khanh hãy điểm hai mươi muôn binh đi tiên phong trăm sẽ dẫn các quan theo sau hậu tập.

Lỗ Hùng cúi đầu nghĩ thầm:

– Tô Hộ là người trung nghĩa thuở nay, tánh tình ngay thẳng, chẳng biết vì sao lại có hành động như vậy. Hay kẻ nào thù oán phao vu chăng? Tội trạng chưa rõ ràng, nếu để nhà vua thân chinh thì Ký Châu còn gì?

Nghĩ như vậy, Lỗ Hùng quỳ tâu:

– Tô Hộ có tội, cần gì bệ hạ phải thân chinh cho nhọc. Nay bốn trấn chư hầu còn đó, nếu muốn bắt Tô Hộ, bệ hạ chỉ cần sai một trong bốn chư hầu ấy đem quân vấn tội cũng đủ.

Trụ Vương hỏi:

– Bốn trấn chư hầu ấy trăm nên sai ai đi bắt Tô Hộ?

Bí Trọng quỳ tâu:

– Ký Châu thuộc phần đất Bắc bá hầu điều khiển, xin bệ hạ sai Sùng Hầu Hổ đem binh bắt Tô Hộ là phải lẽ.

Trụ Vương y lời. Lỗ Hùng lại nghĩ thầm:

– Sùng Hầu Hổ là người tham lam hung dữ, nếu lấy oai Thiên tử đi chinh phạt, dân Ký Châu sẽ bị thảm họa không ít. Sẵn đây có Tây bá hầu là người nhân đức, nếu tiến cử Tây bá hầu thì lương toàn.

Nghĩ như vậy, Lỗ Hùng tâu:

– Sùng Hầu Hổ tuy làm Tổng trấn cõi Bắc, nhưng ân đức chưa có bao nhiêu, nếu thay mặt bệ hạ đi chinh phạt e không thắng, chi bằng sai Tây bá hầu là Cơ Xương, lâu nay nổi tiếng

nhân ngài, may ra không tổn tên đạn mà bắt Tô Hộ dễ hơn.

Trụ Vương ngầm nghĩ hồi lâu rồi nói:

– Thôi, để trăm sai cả hai trấn chư hầu ấy cùng hợp sức đem binh vắn tội thì tiện hơn.

Tiếp đó, Trụ Vương thảo chiếu sai nội thị truyền đạt.

Bấy giờ, bốn trấn chư hầu đang dự tiệc với Thừa tướng Thương Dung và Ti Can tại đền Hiên Thánh, bỗng có sứ đến dạy Tây và Bắc bá hầu nghe truyền chiếu chỉ.

Hai trấn chư hầu thấy có chiếu Thiên tử vội quỳ mọp dưới đất, Sứ thần tuyên đọc như sau:

"Trẫm nghe: mao đội trên đầu, dép đi dưới chân, không thể làm trái ngược được. Chúa trị dân, tôi thờ chúa, ấy là do đạo trời. Nay Tô Hộ chẳng biết đạo nghĩa, không kể phận vua tôi, khinh lờn phép nước, trẫm vì lòng nhân tha cho về nước, nhưng lại không biết hối cải ăn năn, để phản thơ có ý nghịch mạng trời, nay trẫm ban búa việt, cờ mao, uy quyền cho Tây và Bắc bá hầu thay mặt trẫm, đem binh đến Ký Châu vắn tội. Nếu ai vì tình riêng dung tha kẻ tôi loạn sẽ bị liên can".

Thiên sứ đọc chiếu xong, hai vị Tổng trấn đều lay tạ, vâng mạng.

Đoạn Tây bá hầu nói với Thừa tướng Thương Dung và ba vị Tổng trấn kia:

– Tô Hộ đến châu Thiên tử chưa vào đền ra mắt, sao trong chiếu lại nói là không kể phận vua tôi, khinh lờn phép nước? Việc này chưa hiểu nguyên nhân ra sao. Vả chẳng Tô Hộ là người trung nghĩa thuở nay, hằng có công với triều đình. Còn việc đề thơ ngoài ngoà phản đối Thiên triều, tôi e không xác đáng. Nếu bệ hạ nghe lời kẻ quấy, sai chinh phạt tôi trung, e không hợp với lòng dân. Xin Thừa tướng và A

tướng sáng mai vào chầu, hỏi xem tội Tô Hộ là tội gì cho biết. Nếu đáng trừng phạt thì trừng phạt, còn không đáng thì phải can vua kéo tội nghiệp Ký Châu hầu.

Tỉ Can nói:

– Lời Tây bá hầu luận rất phải. Phàm trị một người nào cũng nên nêu rõ tội trạng cho minh bạch đã.

Sùng Hầu Hổ nói:

– Dù sao lệnh Thiên tử đã ban chúng ta không nên làm trái. Tôi chắc Tô Hộ có ý phản Thương, nếu không lẽ nào Thiên tử kết tội?

Tây bá hầu Cơ Xương nói:

– Lời ông luận chỉ đúng theo lẽ thường. Còn ở đây Tô Hộ là người quân tử lòng thẳng dạ ngay, tận trung phò Chúa. Một người như vậy đâu phải phản phúc một cách dễ dàng. Nếu chúng ta không dè dặt, Thiên tử đã nghe lời kẻ sàm tấu, chúng ta cứ tuân theo mệnh Thiên triều, chẳng hóa ra chúng ta cùng một lũ vô dụng, không biết gì phải trái sao?

Sùng Hầu Hổ to tiếng:

– Ông nói sao lạ vậy? Không cần biết lệnh vua phải hay trái, chúng ta là tôi thần, vua sai gì chúng ta không thể không tuân. Kẻ nào trái mệnh vua tự nhiên đã mang tội khi quân rồi.

Tây bá hầu cười nhạt:

– Nếu vậy ông cứ hưng binh đi trước. Tôi sẽ theo sau.

Sùng Hầu Hổ lập tức từ giả về nước. Tây bá hầu còn nán lại nói với Thừa tướng Thương Dung:

– Tôi sẽ về Tây kỳ cất binh theo sau.

Tiệc mãn, các trấn chư hầu lần lượt ai về nước nấy.

Khi Tô Hộ về đến Ký Châu, con trai lớn là Tô Toàn Trung đem các tướng ra khỏi thành nghênh tiếp. Cha con mừng rỡ, kéo nhau vào thành. Các tướng quỳ lạy chúc mừng và hỏi:

– Chúa công vào châu Thiên tử năm nay có gì khác lạ không?

Tô Hộ buồn bã nói:

– Nay Thiên tử bỏ hết các việc chánh, nghe lời nịnh thần làm điều phi nghĩa, bắt ta dâng con gái vào triều làm hậu phi. Ta dùng lời ngay can gián, Thiên tử cho ta phản nghịch. Đang cơn giận dữ, ta đề phản thi vào ngọn môn rồi bỏ về đây. Sớm tối chắc có binh chư hầu tuân lệnh hôn quân kéo đến đây vấn tội. Vậy các tướng lo chỉnh đốn binh mã, trên thành dự bị cung tên trí thủ đâu đó sẵn sàng, chờ ngày đối phó.

Các tướng tuân lệnh ngày đêm canh phòng rất cẩn mật.

Ngay lúc đó, Sùng Hầu Hổ về nước lập tức điểm năm vạn quân, người ngựa rộn ràng, kéo đến Ký Châu đánh Tô Hộ. Khi đến nơi Sùng Hầu Hổ truyền lệnh an dinh hạ trại xong: cho các tướng nghỉ ngơi một bữa, rồi mới ra binh.

Quân thám thính trong thành hay được vào báo với Tô Hộ.

Tô Hộ hỏi:

– Chư hầu nào hưng binh vậy?

Quân sĩ thưa:

– Thấy hiệu cờ đề Bắc bá hầu Sùng Hầu Hổ.

Tô Hộ giận nói:

– Nếu người nào thì dùng phải trái tỏ bày được, chớ Sùng Hầu Hổ là kẻ bất chấp nhân nghĩa, có nói cũng uống lời thôi.

Chi bằng sẵn dịp này ta xua binh đánh nó một trận cho nó thấy cái oai của ta.

Nói rồi liền điểm binh ra ngoài thành khiêu chiến. Các tướng theo hầu rất đông. Tô Hộ cho ngựa lướt đến trước trại Sùng Hầu nói:

– Ta là Ký Châu hầu, muốn mời Bắc bá hầu ra nói chuyện.

Sùng Hầu Hồ được tin liền dàn quân bố trận, trước mặt dựng hai cây cờ thêu rồng, sau lưng có người con trai lớn là Sùng Ứng Bưu theo phò tá. Còn Sùng Hầu Hồ thì mình mặc giáp vàng, đầu đội kim khôi sáng chói, lưng buộc đai ngọc, tay cầm đại đao uy phong lẫm liệt. Tô Hộ thấy vậy xá Sùng Hầu Hồ một cái, và nói:

– Ngài vẫn mạnh giỏi chứ? Tôi vì mặc giáp trụ trong người không được trọn lễ xin ngài miễn chấp. Chẳng biết ngài kéo binh đến Ký Châu này làm gì?

Sùng Hầu Hồ nói:

– Người để thơ phản Thiên triều, nghịch mạng Thiên tử nên Thiên tử sai ta đem binh đến đây vấn tội.

Tô Hộ nói:

– Hễ vua bất minh, tôi phải loạn. Nay Thiên tử vô đạo, trọng nịnh khinh hiền, không lo việc nước lại nghĩ đến điều sắc dục, khiến kén Hậu phi. Như thế chẳng bao lâu nhà Thương sẽ ly loạn. Còn tôi là tay chân của ngài, đem thân bảo vệ bờ cõi, sao ngài lại không bênh vực. Nghe lời hôn quân chinh phạt làm gì?

Sùng Hầu Hồ nạt lớn:

– Người là đứa phản thần, tội đáng tru戮. Nay ta vâng lệnh đem binh hỏi tội, lẽ ra người phải bó tay nạp mình, còn cầm dao lên ngựa ra đây đối diện với ta sao?

Dứt lời Hầu Hổ đưa mắt nhìn sang một bên, hỏi lớn:

– Có ai dám ra bắt tên phản tặc đó cho ta không?

Phía tả có một tướng đầu đội kim khôi, mình mang giáp vàng, cỡi ngựa ô, lách ngựa đến trước, nói:

– Xin Chúa công để tôi bắt nó cho.

Bên kia, Tô Toàn Trung thấy vậy vỗ ngựa tới hét lớn:

– Đừng phách lối ! Người là Mai Võ ta đã biết tài người rồi, chớ hợm mình là mất mạng.

Mai Võ thấy Toàn Trung cản lại, mặt đỏ ngầu, hét:

– Cha con bây đã phạm tội phản nghịch còn liều lĩnh chống lại binh trời. Ta chắc chắn không tránh khỏi nạn diệt tộc đó.

Tô Toàn Trung vỗ ngựa múa kích đâm ngang hông Mai Võ đưa búa ra đỡ. Hai bên đánh được hai mươi hiệp, Mai Võ bị Toàn Trung đâm một kích trúng ngay yết hầu nhào xuống ngựa.

Tô Hộ thấy con mình đã giết được tướng địch, thừa thắng gióng trống lên. Những viên đồng tướng Ký Châu là: Triệu Bính, Trần Qui Trinh đồng giục ngựa múa đao lướt tới đốc quân hăm chiến. Quân Sùng Hầu Hổ túng thế bỏ chạy, quân Ký Châu rượt theo đâm chém tới bời.

Rượt quân giặc chạy hơn hai mươi dặm, Tô Hộ mới gióng kiển thu quân, kéo vào thành khạo thưởng tướng sĩ, và hỏi:

– Hôm nay chúng ta thắng trận đầu, thế nào Sùng Hầu Hổ cũng cùng cố lực lượng báo thù. Nếu Sùng Hầu Hổ tăng cường các tướng ở các trấn áp đảo Ký Châu ta thì liệu làm sao?

Phó tướng Triệu Bính thưa:

– Việc chinh chiến thắng bại là thường. Vả lại thế chiến không phải một trận là hết. Ngày trước Chúa công đã đề phân thi bất khuất thiên tử, nay lại ra binh giết hại chư hầu, ấy là thế cỡi cọp, không thể xuống được. Theo ngu ý của tôi đã hành động phải dứt khoát, không nên lưỡng lự. Sùng Hầu Hổ vừa thua một trận binh tướng liểng xiểng, ta nên thừa cơ truy kích, đánh cho Sùng Hầu Hổ một trận nữa không còn manh giáp, tiếp đó phải giao thiệp với các trấn chư hầu, lấy nhân nghĩa đối đãi, tìm những chư hầu vào có cảm tình với ta dựa thế để làm hậu viện, như vậy mới giữ được Ký Châu này.

Tô Hộ nghe nói khen:

– Ý kiến người rất hay. Vậy phải thực hiện gấp phương pháp đó.

Nó rồi liền sai Toàn Trung lãnh ba ngàn binh ra mai phục nơi trấn Ngũ Cang, cách Tây môn mười dặm, để chờ lệnh.

Toàn Trung vội kéo binh ra đi. Tô Hộ lại khiến Trần Qui Trinh làm tả chi, Triệu Bính làm hữu dục, còn mình quản lãnh đạo trung quân, đang lúc hoàng hôn cuốn cờ giấu trống người ngậm thở, ngựa cất lạc, rón rén kéo đi, đợi nghe tiếng súng lệnh thì ba mặt áp vào cướp trại địch.

Còn Sùng Hầu Hổ ỷ mạnh, đem quân chinh phạt xứ xa, chẳng ngờ mới ra trận đầu đã hao binh tổn tướng, lòng hổ thẹn, dẫn một số tàn quân đóng trại nghỉ ngơi, suốt đêm ngồi than thở với các tướng:

– Từ trước đến nay ta chinh chiến đã nhiều, chưa thua trận nào nhục như trận này, đã mất một tướng, lại hao binh quá sức, nay liệu làm sao?

Đại tướng Huỳnh Nguyên Tuế thưa:

– Binh gia thắng bại là chuyện thường, Chúa công chớ lấy thế mà buồn rầu. Tôi dám chắc binh Tây bá hầu nay mai sẽ kéo đến đây, chừng ấy chúng ta hợp binh hai mặt đánh một trận trả thù, lấy Kỳ Châu rất dễ.

Sùng Hầu Hồ liền bày tiệc ăn uống giải khuây, rồi vào trướng an nghỉ.

Tô Hộ kéo binh tới cho quân thám thính dò xét địch tình, thấy trong dinh quân sĩ đều mỗi một ngủ say hết, liền ra lệnh đốt ba tiếng pháo, ba ngả binh xông vào một lượt đánh giết tung bừng.

Quân Sung Hầu Hồ nổi loạn, đập nhau mà chạy, người không kịp mặc áo giáp, ngựa không kịp gác yên, tóa ra các cửa trại bị giáo đâm gươm chém, chết thối vô số.

Tô Hộ cảm thương cỡi ngựa đi lộn trong quân tìm Sùng Hầu Hồ. Còn Sùng Hầu Hồ lúc ấy đang ngủ say, nghe quân ó vội ngồi dậy, mang giáp cầm đao, vừa lên ngựa ra khỏi cửa trại đã gặp Tô Hộ lướt tới mắng lớn:

– Hầu Hồ! Ngươi chạy đi đâu? Mau xuống ngựa chịu trói cho rồi.

Dứt lời đâm liền một giáo. Hầu Hồ thất kinh đưa đao ra đỡ, thời may có Sùng Ứng Bưu, Kim Quỳnh và Huỳnh Nguyên Tuế tiếp đến bảo vệ. Bên Tô Hộ cũng có Triệu Bính, Trần Qui Trinh vừa đưa binh đánh đến nơi, trông thấy liền chặn ba tướng của Tô Hộ lại giáp chiến.

Các tướng đánh nhàu với nhau một lúc, Kim Quỳnh bị Triệu Bính chém đầu. Sùng Hầu Hồ thất kinh không dám cự với Tô Hộ nữa, vừa đánh vừa chạy, nhờ có người con là Sùng Ứng Bưu ra sức bảo vệ mới khỏi chết.

Tuy vậy, thân xác Hầu Hồ chẳng khác chỗ nhà hoang, cá

lọt lưới chạy thoi giáp mào tới bờ. Thương hại mấy mươi vạn binh của Hầu Hồ chết như ra, máu chảy thành sông, thây phơi như núi.

Tô Hộ đuổi theo được mười dặm thu quân trở lại. Cha con Hầu Hồ chạy mãi không dám dừng chân. Tiếp đó có Huỳnh Nguyên Tuế và Tôn Tử Vô kéo một mớ tàn quân chạy theo kịp, cha con Hầu Hồ mới vững bụng thu góp binh thua, kiểm điểm lại thấy mười phần hao hết nửa.

Hầu Hồ than:

– Ta cầm binh tự bấy nay chưa thua trận nào như vậy. Bởi ta khinh Ký Châu là tiểu trận, không phòng bị mới lâm mưu địch. Còn Tây bá hầu Cơ Xương chắc là không tuân lệnh Thiên tử, ngồi ở nhà xem thắng bại thôi. Thật là nhục! Thù này biết bao giờ mới nguôi được?

Sùng Ưng Bưu thưa:

– Quân ta mới thua, uy thế đã nhục lắm rồi. Chi bằng cứ tạm đồn binh nơi đây cho người sang thôi thúc Tây bá hầu xem người có ý định thế nào rồi sẽ tính.

Hầu Hồ nói:

– Con nói như vậy cũng phải. Thôi, cứ để trời sáng sẽ cho người đến Tây kỳ đồn đốc.

Cha con đang đàm luận, bỗng nghe tiếng quân ó vang trời, xa xa có một tướng nhỏ đội mào vàng, giắt hai chiếc lông trĩ, mặc giáp đỏ, cỡi ngựa kim, tay cầm cây kích, mặt tròn tợ trăng rằm, môi đỏ như son, bay ngựa tới nạt lớn.

– Sùng Hầu Hồ, ta vâng lệnh phụ thân ta mai phục nơi đây đợi ngươi đã lâu lắm, ngươi không xuống ngựa bó tay còn đợi chừng nào nữa?

Sùng Hầu Hổ thấy viên tiểu tướng ấy là Tô Toàn Trung, nổi giận mắng lớn:

– Cha con bay làm phản, nghịch mạng triều đình, tội chết tày non, dẫu có bầm thây chúng bay đến tan nát cũng chưa đền tội. Ta vô ý nên mắc mưu, chưa phải thắng một trận mà nên công được chúng bay chớ vô lễ đón đường chặn ngõ, ta e nay mai binh triều kéo đến đây, cha con bay dẫu có cánh lên trời cũng chẳng kịp.

Tô Toàn Trung cười ngất:

– Thôi thôi, chớ nhiều lời vô ích, hãy nói chuyện với cây kích của ta đây.

Vừa nói, Toàn Trung vừa vung kích đâm tới. Bên kia Huỳnh Nguyên Tuế lướt ngựa tới cản mũi kích Toàn Trung lại, bảo vệ Sùng Hầu Hổ.

Hai tướng đánh nhau chừng vài hiệp. Tôn Tử Vô giục ngựa ra, múa chĩa ba đánh giúp với Huỳnh Nguyên Tuế, quyết hạ cho kỳ được Tô Toàn Trung. Ai ngờ Tô Toàn Trung vô nghệ siêu quần, một mình chấp hai tướng, đánh vui như mưa bắc. Đánh chừng hai chục hiệp, Toàn Trung ra miếng hét lên một tiếng, đâm Tôn Tử Vô một kích nhào xuống ngựa. Huỳnh Nguyên Tuế cả giận, vung thương đâm chém rất dữ, nhưng Toàn Trung không thèm đánh với Huỳnh Nguyên Tuế, lướt ngựa tới đâm Sùng Hầu Hổ.

Sùng Hầu Hổ sợ hãi lui ngựa ra sau, Sùng Ứng Bưu vội lướt tới đỡ cây kích của Toàn Trung rồi hiệp lực với Huỳnh Nguyên Tuế cự chiến. Toàn Trung lúc này một mình đánh với ba tướng, nhưng càng đánh càng hăng, không biết mệt, múa kích như mưa bay gió tấp.

Đánh được một lúc, Sùng Hầu Hổ bị Toàn Trung chém

toẹt một đường đứt nửa áo giáp. Hầu Hồ mất vía quất ngựa chạy dài. Ứng Bưu lúng túng bị Toàn Trung đâm một kích nhằm cánh tay, gần nhào xuống ngựa, may nhờ có Huỳnh Nguyên Tuế bảo vệ mới chạy khỏi.

Tô Toàn Trung đắc thắng, rượt đám tàn quân của Sùng Hầu Hồ chém giết một hồi, thấy trời còn khuya chẳng dám đuổi theo, vội thu binh về.

Khi Toàn Trung về đến chân thành trời mới rạng sáng, vội kêu quân mở cửa vào ra mắt Tô Hộ, thưa:

– Con vâng lệnh thân phụ mai phục tại Ngũ cang đến nửa đêm địch quân chạy đến đó, một mình con chém đứt vạt giáp Sùng Hầu Hồ, đâm chết Tôn Tử Vô và đánh Sùng Ứng Bưu gần sa xuống ngựa, vì trời tối, sợ có điều gì sơ suất con không dám đuổi theo, xin phụ thân miễn tội.

Tô Hộ nói:

– Con đã làm chúng nó khiếp vía rồi, như thế cũng đủ, khỏi cần truy kích.

LỜI BÀN

– Làm việc lành, người hiền đến giúp, làm chuyện ác kẻ dữ đến làm thân.

Ý thức con người là nguồn gốc của hành động. Trụ Vương trong tư tưởng thích sắc dục, trong cung mỹ nữ dư ngàn người, thế mà đi lễ đền còn mơ tưởng bức tượng của nữ thần. Như thế làm gì nghe nói Đắc Kỷ có sắc đẹp không ham.

Dục vọng trong con người chẳng khác loài ma quái

chứa trong nhà, luôn luôn tác quái. Bì Trọng, Vưu Hôn là hai kẻ xiểm nịnh, thì việc khai thác lòng háo sắc của Trụ Vương là lẽ tất nhiên.

Khi tư tưởng con người đã là vậy, thì không bao giờ thích nghe những lời chính, ngược lại tư tưởng là vậy ấy tìm những tư tưởng tà vậy khác để liên minh.

Bởi vậy người đời thường nói: Làm lành có người hiền đến giúp, làm ác có kẻ dữ đến cầu thân. Muốn xem một người nào tư tưởng ra sao chỉ cần xem người ấy giao thiệp với hạng người nào tất biết được ngay, không cần phải gần gũi họ.

Người như Trụ Vương làm sao thấy được cái ngay thẳng, khi khái của Tô Hộ. Trái lại, một người khi khái như Tô Hộ cũng không thể nào phò một người như Trụ Vương được.

Trong truyện bảo là Tô Hộ phản Thương, thực ra không đúng lắm. Thời bấy giờ làm gì có câu: "Quan xử thân tử" Quan hệ quân thân chưa thể có được trong xã hội nhà Thương là xã hội bộ tộc. Quan hệ giữa bộ tộc Ký Châu chẳng qua là quan hệ giữa một bộ tộc lớn đối với một bộ tộc nhỏ mà thôi. Như vậy Tô Hộ đâu phải phản phúc, mà chỉ không chịu phục tùng kẻ háo sắc ép buộc chuyện bất công.

Truyện này tác giả viết trong thời Minh, thời mà chế độ phong kiến đang thịnh hành ở nước Tàu, nên tác giả tưởng tượng như vậy.

HỒI THỨ BA

XEM THƠ TÂY BÁ, TÔ HỘ DÂNG ĐẮC KỶ

CHA con Sùng Hầu bị thương chạy riết cho đến sáng mới dám dừng lại, kiểm điểm binh mã thấy trong đám tàn quân người nào cũng bị lộ đầu chảy máu, người thì rách áo cụt tay, không một tên quân nào còn nguyên vẹn.

Binh tướng một đoàn trở thành vô dụng. Nhìn thảm trạng ấy. Hầu Hồ thấy lòng đau đớn vô cùng, ngồi than thở mãi.

Huỳnh Nguyên Tuế nói:

– Chúa công hơi đâu than thở? Việc binh thắng bại lẽ thường. Bởi ta sơ ý nên nhảm mưu của địch. Vậy Chúa công dừng binh nơi đây viết thơ thôi thúc Tây bá hầu đem binh đến rửa hận. Ký Châu chẳng qua chỉ là một trấn nhỏ, dầu hùng mạnh đến đâu cũng không chống nổi binh thiên triều.

Sùng Hầu Hồ nói lầm nhảm:

– Tây bá hầu Cơ Xương không tuân mệnh Thiên tử không chịu đem binh tiếp ứng, ấy là tội khi quân và làm nhục ta. Ta căm hận lắm. Nếu nay ta thôi thúc nó đem binh đến phạt Ký Châu chẳng khác nào ta cứu vớt tội khi quân của nó, và thể diện ta cũng tổn thương.

Mặt Sùng Hầu Hồ lúc đỏ lúc tái, lòng lúng túng chưa biết tính kế gì, thì bỗng từ xa xa có một đoàn quân người ngựa kéo

đến đông nghệt. Hầu Hổ thất kinh, vội cầm thương lên ngựa, toan tìm đường chạy. Nhưng may thay, đạo quân này không phải là quân của Ký Châu hầu Tô Hộ. Cầm đầu là một tướng mặt đen như lọ, râu đỏ như râu tôm, chân mày bạc, con mắt ốc, đầu đội mũ da thú, mình mặc giáp liên hoàn, lưng mang đai ngọc, cỡi một con thú mắt lửa trông vàng, hai tay cầm búa đồng. Sùng Hầu Hổ thấy tướng ấy thì mừng rỡ reo to:

– A, không phải địch quân. Chính em của ta đem binh đến giúp đó.

Thật vậy, tướng ấy là Sùng Hắc Hổ, em ruột Hầu Hổ làm Chúa Tào Châu. Các tướng sĩ đều xuống ngựa làm lễ. Hắc Hổ nói với Hầu Hổ:

– Em nghe anh thất cơ đem binh đến giúp, không ngờ lại gặp nhau đây, thật may lắm.

Hầu Hổ thở dài:

– Ngu huynh sơ ý lâm mưu tên phản loạn, bây giờ binh tướng lớp chết lớp bị thương, còn đánh ai được nữa?

Sùng Hắc Hổ nói:

– Hiền huynh chớ lo. Một mình đạo binh của em đây cũng đủ sức tiêu diệt Ký Châu rồi. Vậy hiền huynh ra lệnh đồng hiệp binh trở lại thành Ký Châu rồi sẽ liệu.

Sùng Hầu Hổ ra lệnh kéo binh trở lại. Hắc Hổ có ba ngàn phi mã, nên xông pha đi trước, còn binh mã hai vạn bổ sung vào đội tàn quân của Hầu Hổ kéo theo sau. Quân thám thính về báo cho Tô Hộ hay:

– Nay có binh của Sùng Hắc Hổ ở Tào Châu kéo đến vây thành.

Tô Hộ nghe nói ngồi ngẩn ngơ suy nghĩ một lúc, rồi than thầm:

- Sùng Hắc Hồ võ nghệ cao cường, lại có phép tiên, nội thành không tướng nào cự lại. Nay nó kéo binh đến đây biết liệu làm sao?

Hai bên tướng sĩ đều lo lắng. Tô Toàn Trung bước ra thưa:

- Hễ binh đến thì tướng ngăn, nước tràn vào thì lấy đất chặn. Một mình Hắc Hồ làm gì nên việc mà phụ thân sợ sệt như vậy?

Tô Hộ thấy con mình nông nổi, nạt lớn:

- Người là đứa hậu sanh, chưa từng trải việc đời, biết gì mà nói. Người tưởng người anh hùng lắm sao? Hắc Hồ là người có học phép tiên, lấy đầu tướng giặc giữa vòng binh như lấy đồ trong túi. Người chớ khoe khoang mà uống mạng.

Toàn Trung nói:

- Phụ thân khiếp sợ tài năng của chúng mà quên uy thế của quân ta. Con ra bình trận này nếu không bắt được Sùng Hắc Hồ quyết không về đây thấy mặt phụ thân nữa.

Tô Hộ nói:

- Thăng phách lối. Ta cho mày ra trận một chuyến cho biết khôn.

Toàn Trung vội nhảy lên ngựa, kéo ba ngàn quân ra trận kêu lớn:

- Chúng bây vào gọi Sùng Hắc Hồ ra đây cho mau.

Quân trở vào báo với Hắc Hồ:

- Có Tô Toàn Trung mời Chúa công ra nói chuyện.

Hắc Hồ nghi thâm:

- Mình kéo quân đến đây không phải để so tài cao thấp mà để gỡ rối việc này. Anh mình nóng nảy, đem quân đánh

Tô Hộ là điều thất sách. Nếu có Tô Toàn Trung ra trận thì ta dùng lời phải trái gọi Tô Hộ ra phân giải ắt xong, cởi mở hận thù giữa anh ta với Tô Hộ rất tiện.

Hắc Hồ nghĩ rồi lên ngựa ra trước trại, thấy Toàn Trung đang múa kích, mặt giận hầm hầm, thì nói lớn:

– Toàn Trung ! Cháu trở về mời phụ thân của cháu ra đây cho chú nói chuyện đã.

Tô Toàn Trung còn nhỏ chưa hiểu việc đời, lại nghe cha mình khen tài Hắc Hồ là anh hùng, nên không phục, quyết một trận tranh đua, liền lướt ngựa tới mắng lớn:

– Sùng Hắc Hồ, người với ta là thù địch, còn nói chuyện tình nghĩa làm gì? Hãy lui quân và Tào Châu thì giữ được tánh mạng, bằng ở đây giao tranh ắt mất đầu.

Hắc Hồ nổi giận gầm lên một tiếng:

– Thăng súc sanh, vô lễ!

Toàn Trung múa kích chém liên, Hắc Hồ đưa cặp búa đồng ra đỡ.

Hắc Hồ có tiếng là tay võ nghệ cao cường, lúc nhỏ lại có học được phép tiên về phái Triệt giáo, bởi vậy lúc ra trận có mang bầu phép sau lưng, biến hóa nhiều lối lạ. Toàn Trung không rõ việc ấy cậy mình có tài sức, múa kích như bay, quyết bắt sống cho được Hắc Hồ, làm nổi tiếng anh hùng với thiên hạ chơi.

Toàn Trung đánh với Hắc Hồ năm mươi hiệp, tài múa kích của Toàn Trung quả vô địch. Hắc Hồ cầm búa đồng đỡ gạt đến toát mồ hôi, hơi thở khò khè, còn Toàn Trung vẫn hăng say không biết mệt.

Thấy vậy Hắc Hồ cũng phải khen thầm:

– Tô Hộ có thằng con xứng đáng quá. Cọp cha sanh cọp con là phải.

Nói rồi quày ngựa bỏ chạy. Toàn Trung ngờ Hắc Hồ cự không lại, cười ngất, nói:

– Nếu mình nghe lời ông già mình thì mình đã lằm tên tướng dở này rồi! Có thế mà cũng khoe dũng tướng. Dù mày là Hắc hay Bạch Hồ mặc kệ, ta quyết bắt sống đem về lột da để thiên hạ biết danh ta.

Nói rồi giục ngựa đuổi theo rất gấp. Hắc Hồ nghe phía sau tiếng lạc ngựa của Toàn Trung đã đến gần, liền mở nút hồ lô; niệm chú lâm râm, tức thì trong hồ lô bay ra một làn khói trắng tua tủa. Trong làn khói ấy hiện ra một con chim ó mỗ sất, kêu chí chỏe, bay đến mỗ vào mắt Toàn Trung. Toàn Trung thất kinh cầm kích xoay tròn, không cho chim ó mỗ mất mình. Chim ó không xông vào được, liền mỗ vào mắt ngựa. Con ngựa đau quá ré lên một tiếng nhảy lồng lên, ném Toàn Trung xuống đất.

Hắc Hồ nhảy xuống ngựa, đè Toàn Trung hồi quân trối lại, dẫn về dinh.

Sùng Hầu Hồ nghe tin thắng trận, vội ra ngoài nghênh tiếp, Hắc Hồ nói:

– Em mới ra quân đã bắt được viên tiểu tướng đem về đó.

Hầu Hồ thấy Toàn Trung, nghiêng răng trợn mắt nói:

– Đêm vừa rồi người đón đường đánh quân ta tại Ngũ Cang, người anh hùng thật. Nay sao lại chịu trối, không tỏ tài anh hùng tao xem thử?

Toàn Trung đứng trợn mắt nhìn Hầu Hồ nói:

– Chúng bây dùng tà thuật bắt ta đâu gọi là anh hùng. Ta

tiếc không cầm quân được lâu để bắt chúng bầy nhai xương cho đã giận.

Hầu Hổ sỉ sộ:

– Nay người đã bị bắt người con dám vô lễ sao? Cha con người tội đáng tru lục, giờ đây ta chém người trước đã.

Nói rồi liền hô võ sĩ dẫn Toàn Trung ra ngoài xử tử.

Hắc Hổ can:

– Hiền huynh bớt giận. Tội cha con Toàn Trung đáng chết, song cha con nó làm phản triều đình, hiền huynh được ủy thác đến đây vấn tội. Vậy bắt được tội phạm hiền huynh phải giải về Triều ca cho Thiên tử hành hình, nếu hiền huynh tự tiện giết đi, sau này không khỏi tiếng khi quân. Vả lại, con gái Tô Hộ là Đắc Kỷ đang được Thiên tử mơ ước, nếu sau này Đắc Kỷ được gần gũi bên Thiên tử, xin tha tội cho Tô Hộ, và Tô Hộ lên hàng Quốc thích, quyền hành trong tay muốn trả thù hiền huynh là chuyện rất dễ. Chúng ta đại gì chuốc lấy oán cừu, mà không có lợi gì cho chúng ta cả?

Sùng Hầu Hổ nghe nói như sáng mắt lên:

– Hiền đệ định xử trí việc này ra sao?

Sùng Hắc Hổ nói:

– Cứ giam Toàn Trung lại, chờ bắt được Tô Hộ rồi sẽ giải về triều cho Thiên tử xét xử. Chúng ta chỉ tuân lệnh Thánh hoàng thôi không chuốc lấy ân oán làm gì?

Sùng Hầu Hổ hậm hực:

– Hiền đệ nói cũng phải. Song chúng nó làm nhục anh mấy lần nơi trận chiến, nếu không trả được hận ấy, anh không thể vui được.

Nói rồi truyền đem giam Toàn Trung đợi giải về triều ca

và truyền dọn tiệc ăn mừng thắng trận.

Bên kia, quân sĩ theo Đoàn Trung ra trận, thấy Toàn Trung bị bắt, vội vã chạy về báo với Tô Hộ:

– Công tử ra binh, rượt Sùng Hắc Hồ chạy một lúc, bị hấn dùng pháp thuật bắt sống rồi.

Tô Hộ nói:

– Ta đã biết trước rồi, thế nào nó cũng không toàn mạng được. Bởi nó ỷ tài, không nghe lời ta, nên mới bị bắt đó.

Nét mặt Tô Hộ dàu dàu. Các tướng xúm lại khuyên giải, và xin ra trận để báo thù cho Toàn Trung. Tô Hộ nói:

– Không được đâu! Hắc Hồ là trang đông tướng, lại có tà thuật hại người. Các người ra đó chẳng khác đem trứng chọi đá. Làm một việc biết chắc không thành công thì không nên làm.

Các tướng thưa:

– Dù sao cũng đem hết sức mình chống giặc dã! Chúa công nói như vậy chẳng lẽ chịu đem Ký Châu này giao cho địch sao?

Tô Hộ thở dài:

– Việc này do ta gây nên. Nay đã lỡ, ta không muốn các người là những kẻ vô tội phải gánh chịu tai ương.

Nói rồi, Tô Hộ cấm các tướng không cho ra quân, chỉ truyền kiên thủ thành trì chờ lệnh.

Đêm ấy Tô Hộ ngồi một mình trước long án, ôm đầu suy nghĩ:

– Đem thân từng phục một kẻ vô đạo là kẻ bất trí, ta không thể làm được. Còn chống lại kẻ vô đạo trong lúc cô thế, làm thiệt hại sinh mạng binh tướng ta không bằng lòng. Ôi

chỉ tại ta sinh con Đắc Kỷ có chút ít nhan sắc, khiến cho hôn quân nghe lời bọn nịnh thần mới sanh chuyện rắc rối như vậy. Bây giờ thế đã cùng, thà ta chịu hy sinh cả gia quyến còn hơn để chúng bắt đem về triều ca thêm nhục.

Tô Hộ định giết hết vợ con rồi tự vận cho xong. Vì vậy vào khoảng canh hai đêm ấy. Tô Hộ cầm gươm thẳng đến hậu dinh. Lúc này Đắc Kỷ vẫn chưa ngủ, thấy cha mình cầm gươm vào phòng trong lúc đêm khuya, khép nép thưa:

– Thưa phụ thân, đêm khuya rồi, sao phụ thân không an nghỉ, lại xách kiếm vào hậu cung?

Nét mặt vô tư và kiêu diễm của Đắc Kỷ làm cho Tô Hộ động lòng. Dù Tô Hộ bức tức đến đâu cũng không thể làm cái chuyện hùm dữ ăn thịt con huống chi Đắc Kỷ ngây thơ, đẹp dễ như vậy, Tô Hộ nữ nào giết con cho đành. Hai hàng nước mắt Tô Hộ rưng rưng chảy. Lần đầu tiên, nước mắt kẻ khăng khái như Tô Hộ hoen ố trước cảnh đau lòng.

Tô Hộ nói:

– Cha cũng vì sanh con mà mang họa đó.

Đắc Kỷ hỏi:

– Mấy hôm nay con có nghe triều đình đem binh đến vấn tội cha nhưng chẳng rõ cha đã phạm tội gì với Thiên tử?

Tô Hộ bùi ngùi:

– Khí số nhà Thương đã mất, khiến Trụ Vương không lo sửa mình gìn giữ sự nghiệp, nghe lời nịnh thần đam mê sắc dục. Vừa rồi cha vào triều ca châu hôn quân, hôn quân buộc cha tiến dâng ái nữ, cha không tuân lệnh, nên hôn quân khiến chư hầu kéo quân đánh Ký Châu ta. Anh con đã bị bắt, trong thành không ai đủ sức chống lại Sùng Hầu Hổ. Sớm tối

cả thành đều bị bắt. Cha tính thà liều mình trước còn hơn để chúng bắt mang nhục.

Đắc Kỷ thưa:

– Chỉ vì con mà cả nước mang khốn như vậy. Thôi, để con liều mình cứu nước vậy.

Tô Hộ nói:

– Chết một mình con không cứu được gia đình và tướng sĩ dâu. Chỉ trừ việc con bằng lòng vào triều để thỏa mãn tính dục của hôn quân mà thôi.

Đắc Kỷ nói:

– Như vậy xin cha cứ tiến dâng con vào triều cũng được. Thân con dâu kể gì, miễn thân phụ khỏi tội, nước nhà được bình yên.

Tô Hộ nói:

– Hôn quân vô đạo, sớm tối cơ nghiệp không còn. Nếu đưa con vào đó không khỏi sau này mang tiếng với thiên hạ.

Cha con Tô Hộ vừa nói đến đây thì bên ngoài có tiếng trống báo nguy. Tô Hộ vội xách kiếm ra khỏi hậu cung, đã thấy quân giữ cửa hồi hả chạy vào báo:

– Sùng Hắc Hồ công thành rất gấp.

Tô Hộ truyền lệnh các tướng giữ chặt bốn cửa thành, dùng cây đá, tên bắn và nước sôi dội xuống, không cho địch hãm thành.

Các tướng tuân lệnh quan phòng rất gắt. Bên ngoài Sùng Hắc Hồ không có ý hãm thành, chỉ muốn cho mời Tô Hộ ra để đàm luận thôi, nhưng không thấy Tô Hộ ra buộc lòng phải truyền quân công phá. Khi thấy trên thành kháng cự, Hắc Hồ liền thu quân về trại.

Sùng Hầu Hổ thấy em trai mình không công thành, lại kéo binh về liền vào trướng hỏi thăm:

– Sao hiền đệ không bắt thang lên đoạt thành?

Hắc Hổ nói:

– Trong thành dự trữ tên đạn khá nhiều, nếu đoạt thành gây hao binh không ít. Tôi xem thành Ký Châu lương thảo không bao nhiêu, nếu cố thủ cũng chỉ trong vòng một tháng là cùng. Chúng ta cứ đóng quân nơi đây, đợi quân Tây bá hầu đến sẽ tính kế. Còn Tây bá hầu không đến, thành Ký Châu một thời gian nữa cũng thất thủ, không cần phải đánh.

Sùng Hầu Hổ nghe nói cũng an tâm, truyền quân mở tiệc khao thưởng quân sĩ. Trong lúc đó Tô Hộ không biết tính lẽ nào, phần nóng lòng vì con mình là Tô Toàn Trung bị bắt, sống chết chưa được tin. Trong lúc lo lắng thì có Trịnh Luân đi giải lương về.

Tô Hộ than:

– Tuy có thêm lương thực nhưng cũng chẳng ăn thua gì, vì thành Ký Châu này nếu không giải vây được, sớm tối quân sĩ phải chết đói hết.

Trịnh Luân vào châu, hỏi thăm tin tức:

– Tôi nghe Chúa công phản Thương, Hầu Hổ đem binh vấn tội, tôi lo lắng bồn ba về đây. Chẳng hay Chúa công thắng bại thế nào?

Tô Hộ buồn bã nói:

– Ta vì không phục hôn quân nên hành động như vậy. Nay Hầu Hổ tuân lệnh hôn quân đến đây vấn tội. Ký Châu ta nhỏ bé, cự sao lại binh triều. Ta tính sai sứ sang các nước chư hầu dò xét ý tình để liên minh chống cự, như thế mới lâu dài

được. Ngặt vì Toàn Trung bị Hắc Hồ bắt giữ, chưa biết sai ai đi làm công chuyện quan trọng ấy.

Trịnh Luân nói:

– Hầu Hồ chẳng qua là đứa bất trí, Chúa công sợ gì nó? Còn các trấn chư hầu nếu nghe lời hôn quân cùng đến đây một lúc, tôi thiết tưởng cũng chưa chắc đã lấy được Ký Châu một cách dễ dàng. Ý kiến liên minh các chư hầu để chống lại nhà Thương thì cũng phải biểu dương lực lượng chúng ta đã.

Tô Hộ nói:

– Trước kia các tướng cũng đã bàn đến kế sách ấy. Hai trận đầu ta ra binh, đánh Sùng Hầu Hồ không còn manh giáp, sau đó có Sùng Hắc Hồ đem binh đến trợ lực. Hắc Hồ học phép tiên, tài năng vô địch, trong thành không ai dám đương cự, Toàn Trung cũng vừa bị bắt sống.

Trịnh Luân nói:

– Sá gì một Hắc Hồ mà sợ. Tôi từ lâu nay đã được Chúa công hậu đãi ơn ấy chưa đền. Nay nguyện ra binh bắt Hắc Hồ, cứu Công tử cho.

Tô Hộ ngạc nhiên nhìn các tướng, nói:

– Hắc Hồ có pháp thuật cao cường, nội thành không ai dám ra binh. Tướng quân có tài gì dám nói như vậy?

Trịnh Luân rút gươm giơ lên trời nói lớn:

– Nếu tôi ra trận mà không bắt được Hắc Hồ xin dâng đầu cho Chúa công để trừng trị những kẻ phách lối.

Nói rồi nhảy lên lưng con thú mắt đỏ tròng vàng, xách cặp thiết tiên; đột ba tiếng pháo khai thành, dẫn ra ba ngàn quân ra trước trại địch, gọi lớn:

– Sùng Hắc Hồ? Hay ra cho ta bảo đây.

Quân vào báo:

– Có một tướng bên Ký Châu dẫn binh khiêu chiến:

Sùng Hắc Hồ đang ngồi nghị luận, nghe quân báo liền đứng dậy nói:

– Hiền huynh, để em ra trận xem tướng nào dám vô lễ như vậy?

Nói rồi dẫn ba ngàn quân ra khỏi trại, thấy một tướng mặt như tròng táo, râu như rễ tre, đội mào đỏ, mặc giáp vàng, thắt đai ngọc, cũng cỡi thú như mình, liền lướt tới hỏi:

– Tướng nào đó? Tên họ là gì?

Trịnh Luân nói:

– Ta làm chức Đốc Lương, tên Trịnh Luân đây. Có phải tên người là Hắc Hồ, đã bắt sống con trai chủ tướng ta chăng? Nếu biết điều hãy mau trả lại, còn cương mệnh thân xác người sẽ tan ra như bột.

Hắc Hồ nổi giận mắng:

– Thằng khốn! Đừng phách lối! Chủ mày là Tô Hộ nghịch mạng thiên triều, tội ấy đáng phanh thây. Mày là tôi thân của nó thì cũng liên can, sao chưa chịu quy hàng để bảo tồn tánh mạng, còn dám ra đây múa miện?

Nói rồi Hắc Hồ giục thú tới, vung búa chém, Trịnh Luân đưa thiết tiên ra đỡ. Hai tướng đánh nhau độ hai mươi hiệp chưa phân thắng bại. Trịnh Luân thấy Hắc Hồ có mang hồ lô sau lưng biết là bấu phép, thầm nghĩ:

– Đánh người phải ra tay trước mới được. Trước kia mình có học phép hợp hồn của ông Độ Ách Chơn Nhơn. Nay dùng phép ấy bắt Hắc Hồ đem về nạp cho Chúa công, để Chúa công khỏi khinh ta là lũ vô dụng.

Nghĩ rồi, Trịnh Luân cầm thiết tiên ngoắt ra sau lưng một cái bả ngàn binh kéo đến như một con rắn dài, người thì cầm câu móc, kẻ cầm dây xiềng như một đoàn quân chuyên việc trói người.

Hắc Hổ lấy làm lạ, nghe trong lỗ mũi của Trịnh Luân có tiếng như chuông ngân, rồi hai đạo hào quang trắng toát bay ra. Hắc Hổ tối tăm mày mặt, nhào xuống đất, hai chân giẫy lia lịa. Trịnh Luân truyền quân bắt Hắc Hổ trói lại. Chỉ chốc lát, Hắc Hổ tỉnh hồn, coi lại thì mình mấy bị trói gô như một con heo sấp đem chọc tiết, thất kinh nghĩ thầm:

– Thằng này có phép thuật gì kỳ lạ, bắt mình không hay biết gì hết?

Trịnh Luân gióng kiểng thu quân, dẫn Hắc Hổ vào thành.

Lúc này Tô Hộ đang ngồi trong trướng lo cho số mạng Trịnh Luân không thoát khỏi tay tà thuật của Hắc Hổ. Bỗng có quân vào báo:

– Trịnh tướng quân đã bắt được Hắc Hổ đem về, còn đứng ngoài chờ lệnh.

Tô Hộ ngạc nhiên, không rõ Trịnh Luân làm thế nào bắt được Hắc Hổ, liền đòi vào khen thưởng, và hỏi:

– Hắc Hổ là một dũng tướng, lại học được nhiều phép tiên, tướng quân làm thế nào bắt được nó?

Trịnh Luân kể lại lúc nhỏ mình có học được phép mầu do tiên gia chỉ giáo, và kể lại trận đánh với Hắc Hổ vừa rồi cho Tô Hộ nghe. Tô Hộ mừng rỡ truyền dẫn Hắc Hổ vào bệ kiến.

Quân dẫn Hắc Hổ đến. Tô Hộ liền bước xuống mở trói cho Hắc Hổ, đoạn quỳ trước mặt Hắc Hổ nói:

– Tôi cam thọt tội với thiên tử, không lấy gì đền được.

Trịnh Luân không biết nên xúc phạm oai trời, xin hiền đệ rộng dung.

Hắc Hồ thấy Tô Hộ đối xử với mình như vậy, vội sụp xuống, nói:

– Trước đây anh em ta kết nghĩa, lòng hần chẳng quên. Nay ngu đệ đem binh đến đây chỉ cốt gỡ rối giữa mối thù hiền huynh và Sùng ca ca tôi, chớ đâu có ý chinh phạt. Hôm trước cháu tuổi nhỏ, cậy sức anh hùng, không chịu mời hiền huynh ra cho tiểu đệ nói chuyện, cố ý giao phong, nên tiểu đệ phải bắt về cầm tạm để tiện bề đàm đạo với hiền huynh.

Tô Hộ nói:

– Nếu hiền hầu không quên nghĩa cũ, trọn tình như vậy còn gì quý hơn.

Dứt lời, Tô Hộ gọi các tướng lãnh của mình ra mắt Hắc Hồ.

Hắc Hồ thấy Trịnh Luân liền kính cẩn nói:

– Trịnh tướng quân tài phép hơn tôi nhiều. Tôi phục Trịnh tướng quân trọn đời.

Bầu không khí rất hòa nhã. Tô Hộ nhường Hắc Hồ ngồi trên, hồi quân đem rượu ra cùng uống.

Ấy mới là:

"Ngàn chung tri kỷ, rượu còn ít,

Nửa tiếng trái tai, lời quá nhiều".

Bấy giờ quân của Sùng Hắc Hồ chạy về báo tin cho Sùng Hầu Hồ hay. Hầu Hồ thất kinh nói:

– Em ta pháp thuật cao cường, vì có gì bị bắt?

Quân sĩ thưa:

– Trong lúc đang giao chiến, chúng tôi thấy hai đạo hào quang trắng xóa từ trong lỗ mũi Trịnh Luân bay ra, tức thì đệ nhị Chúa tướng bị sa xuống ngựa và bị quân sĩ Kỳ Châu bắt trời giải về thành.

Hầu Hồ nghe nói thất kinh, than thầm:

– Ôi chao, trong đời lại có phép lạ như vậy sao? Nếu Tô Hộ đã có người tài như vậy giúp sức thì binh ta cự sao lại?

Tiếp đó, Sùng Hầu Hồ cho người đi dò thám tin tức Tây bá hầu.

Xây có quân vào báo:

– Tây bá hầu sai sứ đến ngoài trại, xin vào ra mắt.

Hầu Hồ trong bụng không vui, nhưng cũng phải mời vào hội kiến.

Sứ thần của Tây bá hầu mặc đồ trắng lưng thắt đai xanh, bước vào thi lễ và nói:

– Tôi và Tăng Nghi Sanh, vâng lệnh Tây bá hầu đến ra mắt hiền hầu.

Hầu Hồ nóng lòng hỏi:

– Chúa ngươi không tuân lệnh Thiên tử, chẳng chịu động binh nay sai ngươi đến đây một mình để làm gì?

Tăng Nghi Sanh thưa:

– Chúa công tôi cho việc binh đao là việc dữ, bất đắc dĩ mới phải dùng đến. Nay Chúa công tôi sai đem đến cho Tô hầu một phong thư, lấy lời hơn lẽ thiệt khuyên Tô hầu dăng con chuộc tội. Nếu Tô hầu nghe theo thì dân chúng khỏi nạn binh đao, quân sĩ khỏi lo chết chóc. Còn Tô hầu chứ khẳng khăng một mực, chừng ấy sẽ đem binh văn tội cũng chẳng muộn.

Sùng Hầu Hổ nghe nói cười lớn:

– Ta đem quân đến vây thành Ký Châu, giao phong mấy trận, thế mà Tô Hộ vẫn cứng đầu, ra binh đối địch, không kể mạng Thiên tử nữa. Nay chúa người chỉ sai người đem đến một phong thư, làm sao Tô Hộ chịu dâng con mà chuộc tội? Đó là Tây bá hầu đã trái mạng Thiên tử, nên muốn tìm cách gỡ gạc tội lỗi mà thôi. Người cứ đem thư sang đó xem Tô Hộ có chịu đầu hàng không cho biết.

Tăng Nghi Sanh nói:

– Chúa công tôi cho lẽ phải có sức mạnh hơn là gươm giáo.

Sùng Hầu Hổ vênh vang tự đắc:

– Thì người cứ đem thư cho Tô Hộ rồi sẽ rõ.

Tăng Nghi Sanh từ già Hầu Hổ thẳng đến thành Ký Châu, kêu quân canh bảo vào báo tin.

Lúc đó Tô Hộ còn đang ăn uống với Hắc Hổ, bỗng có quân vào báo:

– Tây bá hầu sai người đến trao thư.

Tô Hộ nói:

– Tây bá hầu là người hiền đức, ta không nên đối xử vô lễ.

Nói rồi liền truyền quân khai thành tiếp sứ. Tăng Nghi Sanh bước vào thủ lễ, Tô Hộ hỏi:

– Quan đại phu từ Tây kỳ đến đây có việc gì chỉ giáo chăng?

Tăng Nghi Sanh cung kính đáp:

– Trước đây hiền hầu có làm thơ bất phục thiên tử, nhà vua giận sai chúa tôi đem binh chinh phạt. Nhưng Chúa tôi biết hiền hầu là người ngay thẳng, tánh khí cương trực, nên

không dám ra quân, sai tôi đến đây dâng hiến hầu một bức thư, xin hiến hầu khai khán.

Dứt lời, lấy phong thư dâng lên Tô Hộ. Tô Hộ thấy trong thư viết như sau:

"Tây bá hầu Cơ Xương cúi lạy dưới trướng Ký Châu hầu.

Tôi nghe nói: người trong một nước đều là tôi của vua. Vua ra lệnh, tôi không dám trái. Nay hiến hầu có một gái đẹp và hiền đức, Thiên tử muốn chọn vào cung, đó cũng là việc phải xưa nay, sao hiến hầu đã nghịch mệnh vua lại dễ phản thi trước ngọ môn nữa. Tội đó không thể châm chước được.

Hiên hầu chỉ biết thương con mà quên nghĩa vua tôi. Hiên hầu là kẻ trung nghĩa xưa nay, tôi không nỡ ngồi nhìn thảm họa đất Ký Châu nên tạm gởi vài lời, khuyên hiến hầu đổi họa làm phúc.

Nếu hiến hầu dâng con vào đền sẽ hưởng ba điều lợi:

Thứ nhất, con làm hậu phi được vua yêu dấu, cha làm Quốc trượng uy thế lẫy lừng, ăn lộc nhà chung, vang danh bốn biển.

Thứ nhì, côi Ký Châu gia quyến an toàn, tướng sĩ không hề bị khổ sở về binh đao.

Thứ ba, nhân dân Ký Châu không vì lòng khăng khái của hiến hầu mà mang tai họa.

Xin hiến hầu nghĩ lại, phải biết kinh quyền, để tránh tai họa. Tôi với hiến hầu cùng làm tôi nhà Thương cả, đã là tôi trong một nước thì lời hơn lẽ thiệt nói cho nhau biết là nhiệm vụ chung, xin hiến hầu đừng chấp nệ, xét cho thấu đáo. Tôi đang mong hồi âm".

Tô Hộ đọc xong một bức thư ngồi làm tỉnh và gật gù mãi, Tăng Nghi Sanh thấy vậy thưa:

– Chúa công tôi nghĩ tình tôi đồng trào nên không nỡ đem binh lực chinh phạt, đó là một dụng ý tốt, xin hiền hầu nghĩ lại cho ý kiến gấp.

Tô Hộ trao bức thư cho Sùng Hắc Hổ xem và nói:

– Tây bá hầu là người hiền đức, lời nói trong thư cũng rất hòa nhã. Người đã vì ta khuyên ngăn điều hơn thiệt, ta há không nghe theo sao?

Sùng Hắc Hổ cũng nói:

– Lời nói phải nặng hơn Thái sơn, hiền huynh cũng nên vì nghĩa lớn bỏ những câu nệ nhỏ nhen.

Tô Hộ quay qua nói với Tăng Nghi Sanh:

– Quan đại phu về thưa lại với Tây bá hầu, tôi sẽ dâng con chuộc tội. Tôi tuân theo lời nhân nghĩa của Tây bá hầu chứ không phải tôi sợ binh lực của Tây kỳ đâu.

Nói rồi truyền quân mở tiệc thết đãi Nghi Sanh nơi quán dịch.

LỜI BÀN:

Lời nói phải có sức mạnh hơn uy lực.

Ở hồi này chúng ta thấy ba nhân vật khác nhau. Tô Hộ diễn hình con người khảng khái, không ưa đua nịnh, hay nói thẳng, gặp việc gì bất bình bộc lộ ngay, không thể để trong lòng lâu được. Những người như vậy phần nhiều tốt, nhưng hay làm mất lòng kẻ ưa nịnh hót.

Tô Hộ bất phục Thương cũng là do tánh khí cương trực ấy. Ở đời có gì quý hơn là vinh hoa phú quý. Tô Hộ dâng con gái cho Trụ Vương lấy thế lực con gái mình

không chế chư hầu. Nó là một bức thành danh vọng. Nhưng Tô Hộ lại không thích. Đã không thích còn ra mặt chửi rủa và chống đối Trụ Vương nữa thì thật đúng là con người ngay thẳng rồi. Thấy việc quấy không làm, dù việc ấy đem lại cho mình danh vọng đến đâu cũng chẳng cần.

Kế sách Tô Hộ chống lại nhà Thương không phải là dở. Nhân lúc Trụ Vương làm bậy, tư tưởng không đúng, chạy theo tà dục, nếu Tô Hộ biết liên minh với một nhóm chư hầu, cử binh phạt Trụ thì chưa biết chắc cơ nghiệp nhà Thương rồi sẽ ra sao?

Nhưng vì một bức thư của Tây bá hầu Cơ Xương làm Tô Hộ thay đổi kế sách, thay đổi cả lập trường của mình nữa. Thật quả một lời nhân nghĩa có sức mạnh hơn mấy vạn quân.

Sùng Hầu Hổ điển hình cho mẫu người dốt nát, ham địa vị, hay làm oai. Ngay như việc cử binh đi đánh Tô Hộ đã thấy Sùng Hầu Hổ chỉ là một gã tay sai trung thành, hơn là một nhà lãnh đạo.

Tây bá Hầu Cơ Xương tỏ ra con người chín chắn, dè dặt, biết khai thác tình cảm. Nhưng Cơ Xương vẫn là con người nặng óc phong kiến (theo lối viết của tác giả). Người như vậy có hơi hèn yếu, mặc dù giàu tình cảm thật.

Cũng có khi vì quá đạo đức, con người cảm thấy nhu nhu nhược trước những việc làm cần phải cứng rắn hơn.

HỒI THỨ TƯ

GIẾT GIAI NHÂN, HỒ LY MUỘN LỆNH

Hôm sau, Tô Hộ viết thư phúc đáp Tây bá hầu và tặng Nghi Sanh một số vàng bạc, nhờ Nghi Sanh về thưa lại cho rành rằng mình đã nghe lời dăng con chuộc tội.

Nghi Sanh từ tạ ra về. Tô Hộ theo đưa đón hơn hai dặm đường, rồi trở về nói với Hắc Hồ:

– Chúng mình sống trên tình nghĩa. Tây bá hầu đã tỏ lời khuyên giải, chúng mình không lẽ không nghe theo. Thật ra trước đây tôi có chủ trương liên minh với chư hầu chống lại Trụ Vương, nhưng hiện giờ thì ý định ấy không còn nữa.

Sùng Hắc Hồ nói:

– Nếu hiền huynh đã quyết định như vậy thì phải đưa ái nữ vào châu Thiên tử cho sớm để khỏi bị cản trở.

– Tô Hộ liền truyền lệnh sắm sửa đưa Đắc Kỷ đến triều ca.

Hắc Hồ nói:

– Việc của hiền huynh như vậy đã xong rồi. Tôi xin trở về thả Toàn Trung ra bàn với ca ca tôi giải binh, đồng thời làm sổ dăng về triều để hiền huynh tiện bề dăng con thuộc tội. Hiền huynh chớ tính lui tính tới nữa mà hổng việc.

Tô Hộ nói:

– Tôi có cảm tình với hiền đệ và nặng nghĩa với Tây bá hầu lẽ nào tiếc một đứa con gái sao? Hiền đệ cứ an lòng trở về. Chúng ta còn nhiều ngày gặp gỡ.

Hai chàng chia tay trong luyến tiếc.

Hắc Hồ vừa ra khỏi thành, trở lại đại trại, quân thám thính hay được liền vào báo cho Sùng Hầu Hồ hay. Sùng Hầu Hồ lật đật mời Hắc Hồ vào hỏi:

– Vì sao em về được? Từ khi em bị bắt đến nay anh lo lắng không yên, thường ngày cho người dò thám, nhưng không nghe tin tức gì cả.

Hắc Hồ nói:

– Tô Hộ chịu dâng con chuộc tội rồi. Chúng ta nên giải binh thôi. Em tuy bị bắt, nhưng Tô Hộ vẫn đổi dài tử tế, không sao cả.

Sùng Hầu Hồ nghiêng răng hỏi:

– Tô Hộ nghe lời thuyết phục của Tây bá hầu rồi sao? Thật đáng ghét. Nó trái lệnh Thiên tử, nằm ở nhà không tốn một tên quân, chỉ viết một phong thư sai một tên quan quèn đem đến thế mà được việc, còn ta tốn bao nhiêu xương máu mà công lao không thành. Chẳng lẽ bây giờ ta lại giải binh thì nhục nhã quá.

Sùng Hắc Hồ nói:

– Anh thật bất trí. Cùng là một chư hầu lớn với người ta, anh ỷ tài đem quân chinh phạt đến nỗi hao binh tổn tướng như vậy, còn người ta chỉ viết một phong thư, không cần mất một mũi tên mà thành công. Anh không biết hổ thẹn sao? Thôi giải binh trở về, đừng nói nhiều nữa.

Sùng Hầu Hồ hậm hực, nói:

– Em theo phe bọn chúng, không kể đến tình anh em nữa à?

Sùng Hắc Hồ giận dữ:

– Anh đã làm ô nhục giòng họ Sùng, từ nay em không còn muốn thấy mặt anh nữa.

Dứt lời, truyền quân thả Tô Toàn Trung, Tô Toàn Trung thấy Hắc Hồ tỏ tình như vậy rất mến phục, cúi đầu tạ ơn:

– Chú sanh cháu một lần, cháu coi ơn ấy như trời biển.

Sùng Hắc Hồ nói:

– Cháu về hối thúc phụ thân vào triều châu vua cho sớm.

Toàn Trung đi rồi, Sùng Hắc Hồ mặt hầm hừ kéo quân trở về. Còn Sùng Hắc Hồ lưỡng lự một chút, nhắm bề không xong, cũng giải binh trở lại đất Bắc, làm số dân về triều tạ tội.

Toàn Trung vào thành Ký Châu ra mắt Tô Hộ. Tô Hộ nói:

– Nay có thư Tây bá hầu khuyên giải, cha tính dăng em con cho Thiên tử mà chuộc tội, để cứu lấy giang san, trăm họ. Lẽ nào tiếc một đứa con gái làm khổ nhân dân đất Ký Châu.

Toàn Trung nói:

– Giận là giận hôn quân không lo sửa đức trị dân thôi. Còn cá nhân dù phải hy sinh cũng chẳng hại gì. Nay phụ thân đã quyết định như vậy con đâu dám cãi.

Tô Hộ nói:

– Vậy thì con ở nhà quyền trị Ký Châu, sớm tối phải siêng năng chăm lo công việc, đừng sanh sự lôi thôi. Để cha đem em con dăng cho vua xong cha sẽ trở về.

Toàn Trung vâng lệnh. Tô Hộ trở vào hậu cung thuật rõ ý

định mình cho phu nhân là Dương thị hay. Dương thị khóc òa, nói:

– Con gái mình lâu nay chưa từng biết phép tắc triều đình, nay tiến cung biết có xảy ra điều gì khổ thân chăng?

Tô Hộ nói:

– Phúc họa làm sao biết trước được. Việc đến đâu hay đến đó, bây giờ đưa Đắc Kỷ vào châu vua để cứu đất Kỳ Châu này khỏi nạn binh đao dã.

Dương thị khóc mãi, Tô Hộ khuyên giải suốt đêm vẫn chưa nguôi.

Hôm sau, Tô Hộ chọn ba ngàn quân kỵ mã, năm trăm gia thân sắm sửa xe loan, bảo Đắc Kỷ điểm trang lên kiệu ra đi. Đắc Kỷ nghe dậy nước mắt như mưa, lạy mẹ và anh từ già, bịn rịn hơn nửa ngày chưa ra khỏi cửa. Thế nữ hai bên khuyên dỗ, phu nhân mới chịu rời, bước vào phòng để cho Đắc Kỷ ra đi.

Tô Toàn Trung theo đưa năm dặm mới trở lại. Tô Hộ cỡi ngựa theo sau xe loan, đằng trước trưng một cây đại kỳ đề hai chữ "Quý Nhân".

Đàn ngựa nhắm hướng triều ca thẳng tới, trải không biết bao nhiêu khó nhọc, lúc xuống thác, lúc leo ghềnh, lặn lội mấy ngày mới đến huyện Qua Châu.

Ngày kia, đoàn người ngựa đến trạm Ân Châu thì trời tối, dịch thừa được tin liền đón tiếp rước vào trạm nghỉ ngơi. Tô Hộ bảo dịch thừa dọn thính đường cho quý nhân nghỉ.

– Chẳng dám giấu ngài, trạm này hơn ba năm nay có yêu tinh làm lộng, ai đi đường lỡ tối cũng không dám ngủ ở thính đường mà chỉ ngủ ở đại trại thôi. Vậy xin để quý nhân ngủ nơi đại trại mới bình yên vô sự.

Tô Hộ nói:

– Người quý của Thiên tử yêu tình nào dám phá? Sẵn đây có nhà trạm lại ngủ trong trại coi sao được?”

Dịch đường không dám trái lệnh, liền hối bộ hạ quét dọn nha thính đường, thấp hương cho tan yêu khí, dọn một căn phòng rộng để cho quý nhân ngủ.

Tô Hộ dẫn Đắc Kỷ vào phòng, có năm mươi thế nữ theo hầu hạ, năm trăm gia tướng theo canh cửa, ba ngàn binh mã đóng bên ngoài. Còn Tô Hộ thấp đèn nền ngồi trước nhà khách, nghĩ thầm:

– Chỗ này là trạm dịch, khách qua đường đi lại đông đảo, xung quanh dân chúng cư ngụ rất nhiều, thế mà bảo có yêu quái phá phách thật là chuyện lạ. Tuy nhiên ta cũng nên phòng bị là hơn.

Nghĩ như vậy, Tô Hộ liền lấy cây roi đuôi beo để trên bàn, rồi ngồi xem sách.

Trời khuya, bên ngoài ánh sao lờ mờ, bốn bề yên lặng, chỉ còn một mình Tô Hộ thức mà thôi. Nghe tiếng trống trở canh xa xa vừa điểm. Tô Hộ nghi ngại trong lòng, cầm roi bước vào phòng xem chừng, thấy bọn thế nữ và tiểu thơ đều ngủ im lìm hết. Tô Hộ yên lòng, trở lên ngồi xem binh thư.

Qua một hồi lâu, Tô Hộ nghe trống trở canh hai, không thấy có động tĩnh gì cả. Tô Hộ ngồi xem sách mãi...

Trống canh ba vừa điểm, bỗng có một luồng gió lạnh toát thổi đến ngọn nến gần muốn tắt rồi tỏ lại. Tô Hộ thấy lòng hồi hộp, toan xách roi chạy xuống phòng ngủ, thì đã nghe có tiếng la của bọn thế nữ hoảng hốt:

– Yêu quái! Yêu quái!

Tô Hộ vội xách roi cầm đèn chạy xuống, nhưng gió thổi

tắt đèn Tô hộ phải hồi quân thấp lên. Lúc xuống đến nơi thì thấy bọn thế nữ run cầm cập nói không ra tiếng.

Tô Hộ vén màn hỏi Đắc Kỷ:

– Con có thấy yêu quái gì không?

Đắc Kỷ thưa:

– Con đang chiêm bao nghe thế nữ la hoảng, con chờ dậy thì thấy bóng đèn của phụ thân dọi vào, không thấy yêu quái gì cả.

Tô Hộ nói:

– Đội ơn trời phò hộ con khỏi giạt mình. Thôi con nghỉ đi.

Tô Hộ trở lại nhà khách cho đèn sáng. Tô Hộ có biết đâu lúc đèn tắt thì đã bị Hồ ly hớp hồn rồi nhập vào xác Đắc Kỷ trả lời với Tô Hộ. Chính Hồ ly tinh đã mượn xác Đắc Kỷ báo Trụ Vương sau này mất nước.

Suốt đêm đi tuần không thấy yêu tinh gì hết, Tô Hộ mừng quá tự nhủ:

– Nếu con gái ta đêm nay có bề nào không khỏi mang tội với Thiên tử. Thật ra Đắc Kỷ hiện giờ chỉ còn cái xác thôi. Phần hồn đã bị yêu tinh chiếm đoạt rồi. Tô Hộ lắm yêu tinh là con mình thật tội nghiệp.

Sáng hôm sau lên đường, đi suốt mấy ngày đêm nữa mới đến triều ca Tô Hộ truyền quân đóng trại nghỉ ngơi rồi sai người vào thành dâng sớ nhờ Hoàng Hổ tâu với Trụ Vương xin dâng con chuộc tội.

Hoàng Phi Hổ liền cho người mời hai cha con Tô Hộ nhập thành trước, còn quân sĩ thì đóng ngoài thành chờ lệnh.

Vưu Hồn, Bí Trọng hay tin Tô Hộ đem con chuộc tội, lại không thấy dâng lễ vật gì cho chúng, thầm nói với nhau:

– Tuy đã đem con gái vào triều, nhưng tánh vua hờn giận không chừng, một lời nói của chúng ta cũng đủ làm cho mây mất mạng đừng tưởng thế là xong. Rồi đây mày sẽ biết hai đứa tao lợi hại bậc nào.

Bấy giờ vua Trụ đang ngự tại đền Long Đức, có kẻ hầu cận vào tâu:

– Có Bí Trọng xin vào yết kiến.

Trụ Vương cho vào. Bí Trọng vào lạy mừng và nói:

– Nay Tô Hộ đem con đến dâng để chuộc tội, hiện còn ở ngoài thành chờ lệnh.

Trụ Vương nổi giận mắng Tô Hộ:

– Đồ thất phu vô đạo. Khi trước nhờ hai khanh bảo tấu trẫm mới tha chết đuối về, nó lại dám dể phản thi ngoài ngo môn, rồi chống lại binh trời. Tội ấy làm sao dung thứ được. Sáng mai trẫm sẽ xử tội nó trước mặt triều thần cho rõ tội khi quân.

Bí Trọng tâu:

– Pháp luật đặt ra không phải dành riêng cho ai, mà để trị chung cho cả nước. Nay Tô Hộ khi quân như vậy, nếu không xử trị thì luật nước đâu còn?

Trụ Vương nói:

– Khanh tâu rất phải. Để ngày mai trẫm sẽ trừng trị kẻ tội loạn ấy cho xứng đáng.

Bí Trọng từ tạ lui ra. Hôm sau, Trụ Vương lâm triều, bá quan vào chầu đủ mặt, Hoàng môn quan vào tâu:

– Có Tô Hộ vào yết kiến, và dâng con chuộc tội.

Trụ vương đòi vào. Tô Hộ mình mặc áo tù, đầu không đội mũ, quì lạy trước sân, tâu:

– Kẻ tội nhân đáng chết, xin bệ hạ rộng dung.

Trụ Vương vỗ án hét:

– Tô Hộ! Người đã dể phản thi trước ngọ môn, trợn đời không vào châu Thương. Sau đó Sùng Hầu Hổ cử binh vấn tội người còn dám ra binh sát hại binh triều nay người còn vào đây làm gì.

Đút lời, hối võ sĩ dẫn Tô Hộ đem ra pháp trường xử trảm để bêu đầu răn chúng.

Quan Thừa Tướng Thương Dung quỳ tâu:

– Tô Hộ phản Thương, tội rất nặng. Song trước kia bệ hạ vì muốn chọn Phi hậu mà làm Tô Hộ lỗi đạo. Nay Tô Hộ đã biết ăn năn, dâng con hối lỗi, tưởng bệ hạ cũng nên rộng lòng dung tha.

Bí Trọng cũng quỳ tâu:

– Xin bệ hạ truyền đòi Đắc Kỷ vào châu, nếu Đắc Kỷ xinh đẹp, bệ hạ dùng được thì hãy tha tội cho Tô Hộ. Còn Đắc Kỷ dung nhan không hợp ý, bệ hạ sẽ truyền giết cả hai cha con cũng được.

Trụ Vương khen phải, liền truyền Đắc Kỷ vào châu. Đắc Kỷ được lệnh, bước đi tới trước ngai rồng quỳ lại. Vua Trụ trông thấy Đắc Kỷ tóc mai da tuyết, mắt phụng má đào, lưng nhỏ dịu dàng, mày xanh thiên tuế, ngón tay như mũi viết, da mặt tợ phù dung, trong lòng mê mẩn.

Lần môi son hé mở, đôi mắt phụng liếc nhìn rất tình tứ, Đắc Kỷ tâu:

– Tôi là con kẻ phạm tội xin vào châu, chúc Thánh hoàng vạn tuế.

Vua Trụ vừa trông thấy dung nhan lạnh lùng, lại thêm

tiếng nói thanh tao như chim hót, trong người có một cảm giác mê mẩn, không thể nào nói được. Ngồi chết điếng một lúc mới mở miệng truyền gọi bọn cung phi:

– Chúng bây hãy mau dẫn Tô nương nương đến lầu Thọ Tiên đợi trẫm.

Đắc Kỷ theo bọn cung phi bước vào khuất bóng sau rèm đôi mắt nhà vua vẫn còn đờm về say sưa.

Giây lát, Trữ vương phán:

– Tô Hộ đã biết hối cải, dâng con chuộc tội, trẫm xóa bỏ hết lỗi lầm. Tuy nhiên, như thế vẫn chưa đủ, trẫm gia phong cho Tô Hộ thêm chức Quốc thích, truyền mở tiệc nơi đền Hiến Khánh ba ngày để bá quan văn võ từ chức Thừa tướng trở xuống đều đến đó làm lễ chúc mừng Quốc thích. Xong tiệc, các quan đưa Quốc thích dạo khắp triều ca, để cho dân chúng hoan hỉ, và sau đó, hai quan văn, ba quan võ đại diện trẫm đưa Quốc thích về nước.

Tô Hộ cúi lạy tạ ơn. Trữ Vương liền bãi triều, lui về hậu cung.

Các quan triều thần thấy Trữ Vương đam mê sắc dục như vậy có ý không bằng lòng, nhưng vì Trữ Vương bãi triều quá sớm, không thể cản ngăn, đành trở lại đền Hiến Khánh để cùng các quan dự yến chúc mừng Tô Hộ.

Vua Trữ về cung Thọ Tiên ăn uống vui vầy với Đắc Kỷ, đêm ấy loan phụng giao hòa rất tương đắc. Ý tình gắn chặt như keo sơn.

Từ khi Đắc Kỷ vào cung, vua Trữ ngày thì mở tiệc ăn chơi, tối đến vui riêng trong cung cấm, bỏ phế việc triều nghi, không hề để mắt đến những lời sớ của các quan nữa. Có ai vào xin ra mắt, vua Trữ cũng không cho.

Ngày qua tháng lại như thoi đưa, thì giờ đối với kẻ si mê sắc dục chẳng khác bóng câu qua cửa sổ. Loáng mắt đã hai tháng trời, vua Trụ không một lần nào ngự triều, cứ ở mãi trong cung Thọ Tiên vui riêng với Đắc Kỷ. Bá quan dâng sớ chất đống cao ngập đầu, vẫn không thấy mặt rồng đâu hết. Như vậy lấy ai nghị việc?

LỜI BÀN

— Nếu sắc đẹp không có một đối tượng là kẻ háo sắc thì sắc đẹp không còn đất dụng võ nữa.

Sắc đẹp là món thuốc độc nguy hiểm đối với những kẻ háo sắc. Kẻ háo sắc tự hào mình đang hưởng lạc, sống trong cảnh thân tiên nhưng không hề nghĩ rằng mình đang uống liều thuốc độc, và liều thuốc độc ấy dần dần ngấm vào cơ thể mình cho đến lúc lâm nguy, vô phương cứu chữa.

Lời xưa nói: "Những kẻ háo sắc nếu là vua chúa thì mất cơ nghiệp, nếu là bậc sĩ phu sẽ mất hết danh dự, nếu là dân dã sẽ lụy thân".

Lời nói ấy không phải quá đáng. Một khi đã để sắc đẹp ngự trị trong tâm hồn mình thì còn biết gì tai hại nữa, sắc đẹp sẽ bắt buộc làm những gì cần thiết để bảo vệ dục vọng của nó.

Bởi vậy, sắc đẹp ngự trị trong con người quyền hạn to chừng nào thì tai hại càng lớn chừng nấy. Tô Hộ làm phản thì, chống lại nhà Thương, vua Trụ giận, nhưng nếu lúc đó vua Trụ đã thấy mặt Đắc Kỷ thì có lẽ không bao giờ vua Trụ dám giận Tô Hộ, dù có khi quân đến bậc nào đi nữa.

Lời xưa nói: "Tài sắc là hai thứ làm cho nước mất thành nghiêng". Thế mà từ xưa đến nay vẫn còn nhiều kẻ thấy sắc đẹp vẫn mê như thường.

HỒI THỨ NĂM

VÂN - TRUNG - TỬ DANG KIẾM TRỊ YÊU

ĐÂY nói chuyện ông Vân Trung Tử là một vị tiên, tu luyện đã ngàn năm trên núi Chung Nam. Ngày kia, Vân Trung Tử xách giỏ đi hái thuốc thấy phía Đông Nam khí yêu bốc lên đến mây xanh, liền xem xét một hồi, rồi than:

– Con hồ ly tinh đã nhập vào xác người tác quái. Ta mang nghiệp tu hành cốt làm điều nhân đức, nếu không vì thiên hạ, trừ con yêu ấy thì có lẽ nhân gian sinh ra lắm chuyện khổ đau.

Than rồi liền gọi tên học trò là Kim Hà đồng tử đến bảo:

– Người đi bẻ cho ta một khúc cây tòng khô để ta đeo chiếc gương trừ yêu.

Kim Hà đồng tử hỏi:

– Thưa thầy, sao không dùng gương báu chém yêu cho dứt hậu hoạn?

Vân Trung Tử nói:

- Con yêu ấy chỉ là giống hồ ly tu luyện ngàn năm, cần gì phải dùng đến gương báu. Ta dùng thanh gương gỗ cũng đủ trừ nó rồi.

Đồng tử vâng lệnh đi bẻ một nhánh tòng. Vân Trung Tử đeo thành một thanh gương phép, dặn học trò giữ động, rồi dâng vân thẳng đến triều ca.

Bấy giờ, vua Trụ đang dăm sắc, đã lâu ngày chẳng lâm triều. Bá quan văn võ không biết làm sao nên đàm luận xôn xao.

Quan Thượng Đại phu Mai Bá nói với Thừa tướng Thương Dung và Á tướng Tỉ Can:

- Nay Bệ hạ dăm sắc, bỏ cả triều chính, không coi giang sơn là trọng, ấy là điểm loạn lớn. Các ông quyền cao lộc cả, gần gũi bệ hạ hơn, lẽ nào lại khoanh tay ngồi ngó. Xưa nay hề vua quấy thì tôi can, cha làm sai thì con bàn, bạn làm sai thì có bạn khuyên. Các ông không hiểu lẽ ấy hay sao?

Thừa tướng Thương Dung nói:

- Bệ hạ ngày đêm ở mãi trong cung cấm, không làm sao thấy mặt được, các ông bảo chúng tôi phải làm thế nào bây giờ?

Mai Bá nói:

- Chúng ta hội đủ mặt văn thần võ tướng rồi gióng chuông trống thỉnh bệ hạ ra dền, đồng một loạt can gián. Nếu người này tâu bệ hạ không nghe thì đến người khác, quyết làm sao cho bệ hạ từ bỏ dắc đẹp, tránh xa kẻ nịnh mới được.

Thừa tướng Thương Dung nói:

- Quan Đại phu nói rất phải. Chúng ta đồng lòng can vua mới được. Bệ hạ đang lâm vào trạng huống này, một mình tôi không đủ sức.

Các quan đồng ứng lên một lượt:

– Xin Thừa tướng mời bệ hạ lâm triều cho được. Chúng tôi nguyện nhất loạt ủng hộ lời can gián của Thừa tướng.

Thương Dung liền truyền nổi trống đèn rất gấp. Vua Trụ đang ở nơi lầu Trích Tinh ⁽¹⁾ nghe nhạc với Đắc Kỷ, bỗng có trống đèn nổi lên inh ỏi, thất kinh, nói với Đắc Kỷ:

– Mỹ nhân ở đây chờ trăm một chút. Trăm ngự triều xem việc gì gấp mà các quan nổi trống đèn như vậy?

Đắc Kỷ nói:

– Thần thiếp đoán chắc không có việc gì đâu. Chẳng qua triều thần thấy bệ hạ yêu mến thần thiếp nên ganh tỵ mời bệ hạ ra để can gián thế thôi.

Trụ Vương nói:

– Mỹ nhân chớ lo. Trẫm ra ngoài một chút vào ngay, dù triều thần có nói gì trẫm cũng chẳng nghe theo.

Đắc Kỷ vội vã lay đưa. Vua Trụ lên xe đến ngai ngôi ngự. Trăm quan văn võ lay mừng xong, vua Trụ thấy Thừa tướng Thương Dung tay ôm một chồng sớ rất dày. Bên kia thấy Hoàng Phi hồ và các quan Đại phu cũng chuẩn bị như sắp có nhiều việc tâu trình, thì thất kinh, vì bị tâu sớ nhiều, trong đời vua Trụ hình như không còn muốn làm việc gì khác.

Tuy nhiên, đã lâm triều không lẽ trở vào hậu cung ngay đành ngồi nán lại mà lòng buồn bã.

Thừa tướng Thương Dung quỳ tâu:

– Tâu bệ hạ, các chư hầu lâu nay dâng sớ về tội bệ hạ phê chuẩn rất nhiều việc, chẳng biết vì sao bệ hạ không lâm triều

(1) Trích Tinh: lầu cao chọc trời có thể tương tượng với tay gỡ sao được.

ngày đêm luôn ở nơi cung cấm. Hạ thần chắc có người ở gần bệ hạ cảm dỗ chăng? Xin bệ hạ xem việc xã tắc là trọng.

Vua Trụ thở dài nói:

– Trẫm nghe bốn biển bình yên, muôn dân lạc nghiệp, duy phía bắc có loạn thì trẫm đã sai Thái sư đi dẹp rồi. Đó chẳng qua như mục ghẻ lở, có nghĩa gì. Còn việc triều chính đã có các khanh thay trẫm điều hành, trẫm dù có nghỉ ngơi một thời gian cũng chẳng sao. Các khanh chớ học đòi theo khuôn sáo cũ mà chê trẫm không chiếu cố đến xã tắc. Người tôi trung không thấy vua nghỉ ngơi chút ít mà bỏ việc, hoặc có ý khi quân.

Thương Dung tâu:

– Mọi việc đều do bệ hạ quyết định cả, nếu bệ hạ giao cho đại thần nào mà không tránh khỏi tiếng chuyên quyền, mà bệ hạ lại mang tiếng không cần mẫn. Xin bệ hạ xa lánh con đường cũ, đuổi kẻ gian, bỏ sắc dục trọng đức thương dân thì xã tắc mới bền vững, nước mới giàu, dân mới mạnh.

Vua Trụ lắc đầu:

– Thôi thôi, trẫm không muốn nghe mãi những lời nhảm tai ấy. Các khanh không có một lời nói nào khác để trẫm dẹp lòng sao?

Trụ Vương vừa nói đến đây thì có quan Huỳnh môn vào tâu:

– Có ông Vân Trung Tử xưng là đạo sĩ ở núi Chung Nam xin vào yết kiến bày tỏ mật sự.

Trụ Vương nghĩ thầm:

– Các quan hôm nay có can gián nhiều việc nếu ta để chúng nói mãi nghe khó chịu, lại rờn tai, chi bằng cho vị đạo sĩ này vào nói qua loa vài câu cho vui rồi bãi chầu là hay hơn.

Nghĩ như vậy, Trụ Vương liền ra lệnh mời đạo sĩ vào.

Vân Trung Tử mặc áo rộng xanh, mặt như dôi phấn, môi tợ thoa son, bước vào trước đền khoan thai để giỏ hoa xuống, nghiêng đầu xá vua Trụ một cái, không lạy, và nói:

– Tôi xin ra mắt bệ hạ.

Vua Trụ thấy đạo sĩ chỉ xá mà không lạy nên không bằng lòng, nghĩ thầm:

– Trẫm trị ngôi trời, giàu sang bốn biển, ai ở trong đất nước đều là bề tôi cả, đạo sĩ tuy là kẻ tu hành, song cùng không thoát ra ngoài bản đồ của trẫm, tại sao có ý khi quân như vậy?

Tuy nghĩ thế, song nếu chấp trách Trụ Vương lại sợ triều thần khinh mình hẹp hòi, nên làm ra vẻ đại lượng, hỏi qua gốc tích.

– Đạo sĩ từ đâu đến đây? Vân Trung Tử nói:

– Tôi theo mây nước đến đây.

Trụ Vương hỏi:

– Sao gọi là mây nước?

Vân Trung Tử đáp:

– Lòng tợ vùng mây trắng, ý như dòng nước trong.

Trụ Vương mỉm cười, có ý trêu chọc:

– Nếu mây tan nước cạn thì người về đâu?

Vân Trung nói:

– Mây tan vằng nguyệt rạng, nước cạn trai châu bày.

Câu này ý Vân Trung muốn nói: Nếu mây tan thì hiện vào cùng Nguyệt, nước cạn thì ẩn vào trái Châu.

Vua Trụ thấy Vân Trung Tử đối đáp thông suốt, đối giện làm vui phán:

– Lúc này đạo sĩ làm lễ mà không triều bái, trăm cho là thất lễ. Nhưng bây giờ thấy đạo sĩ có nhiều ý lạ, trăm rất vui lòng, vậy trăm bỏ qua đấy.

Nói rồi chỉ một chiếc cảm đơn, mời Vân Trung Tử ngồi.

Vân Trung Tử chẳng hề khiêm nhượng, liền ngồi lên ghế cúi đầu nói:

– Như thế mới phải chứ. Ngồi cửu trùng cũng quý, mà đạo tam giáo cũng cao, lẽ nào lại không ý thức được?

Trụ Vương hỏi:

– Đạo tiên cao ở chỗ nào?

Vân Trung Tử nói:

– Xin bệ hạ nghe tôi đọc thì rõ:

"Đạo chia tam giáo, Tiên trọng muôn phần. Trên chẳng châu Thiên tử, dưới chẳng lay công khanh, lánh tục trần nên ở ẩn, bỏ lưới tục mới đi tu. Uống nước suối không màng danh lợi, ở gành non quên nhục quên vinh. Đội trời không biết nắng, mặc áo rách coi đời, bề bông tươi đội làm nón, cắt cỏ khô làm mền. Lấy nước suối súc miệng, ăn trái cây sống đời. Có lúc vô tay reo lớn, có khi đuối căng nằm dài. Gặp khách tiên thì giăng kinh, nói chuyện, gặp bạn đạo thì uống rượu ngâm thơ. Cười vui theo ý muốn, nói năng theo thích lòng. Không cần bó buộc, chẳng cần nề nang. Luận việc thịnh suy thời thế, xét điều cội rễ hồn linh. Mặc ý nắng mưa thay đổi, không cần câu thúc thời gian. Đời già hóa trẻ, tóc bạc trở xanh. Vào non hái thuốc, trị bệnh cứu người. Biết dữ lành vì thông quả báo, biết họa phúc vì rõ lòng người. Truyền phép đạo mở đường cứu thế, làm phép bùa trừ khử yêu ma. Đạo cao rộng cạo sợ, đức trọng quỷ thần kiêng. Cõi mây xanh bay lên phủ tía, ngồi hạc trắng dạo khắp cung tiên. Biết mấy thiên

tạo hóa, thông đạo đức thần linh. Coi danh lợi như mây trôi bèo giạt, so nghề pháp như cứu cánh tinh thần. Tuy tam giáo là trọng, song chỉ một đạo là cao.

Vua Trụ nghe nói cũng vui tai, liền phán hỏi:

– Trẫm nghe lời đạo sư nói, thấy mình nhẹ nhàng như thoát khỏi càn khôn, nhắm lại giàu sang khác gì mây gió. Song chưa biết đạo sư ở động nào? Ngon việc chi đến đây xin cho trẫm biết.

Vân Trung Tử nói: - Bần đạo là Vân Trung Tử, ở động Ngọc Trụ, tại núi Chung Nam, nhân lúc thung dung đi hái thuốc, thấy khí yêu xuất hiện tại triều ca, khi đến đây thấy quái khí tụ nơi cung cấm, bởi vậy, bần đạo có ý xin bệ hạ trừ yêu quái để cứu muôn dân.

Trụ Vương nói:

– Nơi cung cấm là chỗ canh phòng nghiêm ngặt ngày đêm đều có quan quân ứng hầu, đâu phải chốn núi rừng u tịch mà có yêu quái lộng hành? Có lẽ đạo sư lầm chăng?

Vân Trung Tử vừa cười vừa nói:

– Yêu quái là giống tà ma, nếu biết nó thì nó không dám đến, sở dĩ nó dám lộng hành là vì bệ hạ không biết nó. Nếu không trừ sớm sau này tai họa không nhỏ tôi xin đọc bốn câu thơ này bệ hạ rõ:

*Sắc sảo màu đỏ khuấy bệnh nhân
Hao mòn thể chết lẫn tinh thần
Nếu ai biết nó là yêu mị
Yêu mị làm sao giết được thân?*

Trụ Vương hỏi:

– Nếu trong cung có yêu thì làm cách gì trừ được?

Vân Trung Tử nói:

– Không khó gì. Tôi có một thanh gương bằng gỗ, bệ hạ đem trấn trong cung tự nhiên yêu ma phải chết.

Nói rồi giở giở ra, lấy thanh gương trao cho vua Trụ, và đọc tiếp bốn câu thơ nữa:

*Đèo nên hình kiếm vốn cây khô
Phù phép thần tiên đã luyện vô,
Một đạo hào quang chưa thấy ánh,
Ba ngàn yêu khí đủ ra tro.*

Trụ Vương hỏi:

– Gương này trấn tại đâu?

Vân Trung Tử nói:

– Treo tại lầu Phấn cung (gần cung cấm) trong ba ngày sẽ thấy hiệu nghiệm.

Trụ Vương liền sai nội thị đem gương treo tại lầu Phấn cung y lời Vân Trung Tử nói. Nội thị vâng lệnh tức khắc.

Trụ Vương lại nói với Vân Trung Tử:

– Đạo sư có phép lạ, thấu được thiên cơ, biết trừ yêu mị, nếu đạo sư chịu rời bỏ Chung Nam Sơn về đây giúp trẫm, trẫm sẽ phong quan tước, hưởng lộc đời đời, như vậy không sung sướng sao đại gì ở góc núi đầu non, phí một cuộc đời tài ba như thế.

Vân Trung Tử nói:

– Bệ hạ có lòng chiếu cố đến kẻ núi non, quê mùa, song bản đạo là kẻ biếng nhác, không từng biết chuyện trị nước trị dân. Sáng dậy mặt trời lên ba sào còn ngủ nướng, ở trần trùng trực vẫn ngao du...

Trụ Vương ngắt lời:

– Như thế có gì mà sung sướng, sao cho bằng áo tía đai vàng, con sang vợ quý, muốn hưởng gì cũng có.

Vân Trung Tử nói:

– Tuy vậy có rất nhiều cái hay, tôi xin đọc cho bệ hạ nghe:

*Mình thanh thoi,
Lòng thông thả,
Muôn việc mệnh mông không đoái cả
Chẳng bận lo công danh như lật rau,
Chẳng muốn cướp đất như nhổ mạ
Chẳng tham lưng buộc đai ngồi
Chẳng muốn mình mang gấm lụa
Chẳng ham làm Tể tướng mà vuốt râu
Chẳng muốn dựa quân vương cho phỉ dạ,
Chẳng tham lên ngựa xuống xe,
Chẳng muốn vào quì ra xá
Chẳng tham ba họ hưởng quyền cao
Chẳng muốn ngàn chung ăn lộc cả
Lều tranh bao quản hẹp hòi,
Áo vải chỉ nài tơ tằm
Túi khô sẵn dóa hoa tươi.
Áo rách có hồ sen lá
Mê man giấc điệp mắt nghinh ngang
Mường tượng tiệc đào môi giục già
Quản bao thổ lặn ác tà,
Mãn xuân sang hạ...*

Vua Trụ nghe đến đây, khen:

– Trẫm nghe lời đạo sư ca thật là thanh lịch.

Liên khiến quân đem hai mâm vàng biếu cho Vân Trung Tử làm lộ phí về đường. Vân Trung Tử cười lớn:

– Cảm tình bệ hạ, nhưng bản đạo không biết dùng những thứ đó, xin bệ hạ nghe bản đạo ngâm bài thơ này:

Theo duyên theo phận ẩn sơn lâm

Tợ nước, dường mây, ấy bốn tâm

Ba thước gương linh, kinh ít cuốn,

Năm dây cầm bản, gậy non tầm.

Thuốc hay trong túi cho người mạnh,

thơ mới bên lòng gặp khách ngâm

Một hột kim đơn ngàn tuổi lễ

Chẳng ham vàng bạc đựng đầy mâm.

Vân Trung Tử ngâm xong, xá vua Trụ một cái, rồi giữ tay áo đi thẳng.

Bấy giờ các quan muốn thay nhau lên tâu trình công việc, nhưng Trụ Vương ngồi lâu đã mỏi mệt, liền đứng dậy về cung. Bá quan ngơ ngác, cùng nhau tự động bãi triều, chờ dịp khác.

Vua Trụ về đến dinh Thọ Tiên không thấy Đắc Kỷ ra đón, lòng hồi hộp không yên. Có quan nội thị ra đón, vua hỏi:

– Tô mỹ nhân sao không ra đón trẫm?

Nội thị tâu:

– Tô mỹ nhân lâm bệnh nặng nằm thiêm thiếp trên giường.

Trụ Vương thất kinh, vội bước xuống long xa, hối hả vào phòng khoác màn, xem thấy Đắc Kỷ mặt trắng nhợt, môi như giấy bạch, nằm thở phều phều như gần đứt hơi.

Vua Trụ gọi lớn:

– Mỹ nhân, trước khi trẫm lâm triều diện mạo mỹ nhân

còn như đóa hoa tươi, sao mới chốc lát sắc diện mỹ nhân như thế này, trăm biết làm sao bây giờ?

Đắc Kỷ gắng gượng mở mắt nhìn vua Trụ, và nói thều thào:

– Bệ hạ ơi, khi mai thần thiếp đưa bệ hạ lâm triều, thần thiếp đoán chừng bệ hạ gần về nên ra ngoài đoán, chẳng ngờ khi đi ngang lầu Phấn cung, thần thiếp trông thấy cây gương treo ở đấy nên giật mình toát mồ hôi ra, bệnh tình thế này. Thần thiếp tội phận mình bạc phước vô duyên, không được hầu bệ hạ được lâu. Xin bệ hạ an dưỡng mình rỗi, đừng nghĩ đến thần thiếp nữa....

Vua Trụ nghe nói đứng chết đững một lúc lâu, rồi trầm nghĩ:

– Lão đạo sĩ nói là trong cung có yêu, cho gương linh để trừ ếm, tại sao Tô Mỹ nương trông thấy gương ấy lại lâm bệnh. Tô Đắc Kỷ là con gái của Tô Hộ, thì sao lại là yêu quái được. Chắc đạo sĩ đã gạt ta dùng tà thuật để hại người yêu ta đó.

Nghĩ như vậy, Trụ Vương thuật chuyện Vân Trung Tử đến tặng gương thiêng cho Đắc Kỷ nghe. Đắc Kỷ vừa khóc vừa nói:

– Bệ hạ đã nghe lắm loài quỷ mị, dùng tà thuật gây rối cung vi, nếu bệ hạ không đốt cây gương ấy thì thần thiếp chết mất.

Trụ Vương liền truyền nội thị đem gương phép đốt tức khắc.

(Cơ nghiệp Thành Thang đã đến lúc suy đồi, nên khiến Vân Trung Tử không dùng gương thiêng. Nếu Vân Trung Tử dùng gương thiêng thì Hồ ly tinh trông thấy đã chết ngay, còn đâu phá rồi Trụ Vương mất nước?)

LỜI BÀN

– Những kẻ bất tài rủi thật bất thường đổ cho định mệnh để tự an ủi.

Thần Nữ Oa bị Trụ Vương trêu ghẹo, tức mình sai Hồ ly tinh xuống phước Trụ Vương.

Nếu bảo rằng Trụ Vương có tội sắc dục, phạm đến thần thánh thì bà Nữ Oa tội còn nặng hơn. Thật vậy, việc chọc ghẹo chỉ là việc làm phạm đến cá nhân, còn việc sai yêu xuống báo oán là phạm cả một tội ác đối với dân tộc một nước. Thần Nữ Oa báo Hồ ly báo cho vua Trụ điên đảo, nhưng cái điên đảo của vua Trụ sẽ là cái điên đảo của nhân dân, vì vua Trụ là người cai quản một nước. Làm cho kẻ cai trị điên đảo tức là làm cho dân chúng một nước bị đảo huyền. Tội thần Nữ Oa nặng hơn tội vua Trụ. Thánh thần còn ghen tức, hành động như thế thì vua Trụ chỉ là người phạm, tội không đáng trách. Thế mà người đời sau biết có tội vua Trụ mà không thấy tội của Nữ thần.

Đặt vấn đề, nếu vua Trụ dâm sắc, mà chỉ dâm sắc Đắc Kỷ, một cô gái thù mị, nhân từ, không phải là Hồ ly tinh, thì vua Trụ đâu đến nỗi tàn nhẫn như vậy?

Nhà Thương mất không phải do vua Trụ dâm sắc, mà do thần Nữ Oa báo oán.

Đến như Vân Trung Tử, một tiên ông cao đạo, thấy rõ được thiên cơ, tại sao lại không biết Hồ ly tinh nhập vào Đắc Kỷ do Nữ Oa sai khiến?

Vân Trung Tử ỷ mình pháp thuật cao, chỉ dùng cây gươm gỗ để trừ yêu, kết quả thất bại.

Việc thất bại ấy, Vân Trung Tử lại không thấy mình bất trí, mà đổ thừa cho thiên mệnh. Cho hay, những kẻ bất trí thường đổ thừa cho thiên mệnh để tự bào chữa.

Báo là thiên mệnh cũng được, nhưng thiên mệnh là khiến nhà Thương bị mất chứ đâu phải thiên mệnh khiến bà Nữ Oa tức giận sai Hồ ly tinh báo oán?

Tác giả vì đề cao thần thánh nên đã dựng lên một mẩu chuyện dựa thần thánh một cách quá tưởng tượng.

Truyện Phong Thần khác Tây Du ở chỗ ấy. Tuy cùng là Tiên Phật, nhưng ở Tây Du Ký, kẻ nào làm phải tức là tiên, còn kẻ nào làm bậy tức là quỷ. Tiên quỷ không phải là ở hình thức, mà do hành động và tư tưởng gây nên. Trái lại ở Phong Thần thì đã là Tiên, Thánh dù làm bậy cũng vẫn là Tiên, Thánh, còn yêu quỷ làm phải cũng vẫn yêu quỷ thôi.

HỒI THỨ SÁU

LÀM BÀO LẠC, TRỤ VƯƠNG HẠI TÔI TRUNG

VUA Trụ truyền đốt gươm phép xong, Đắc Kỷ lần lần tỉnh lại sắc diện trở nên xinh đẹp như thường.

Trụ Vương vuốt ve, yêu ấp sáng đêm không hề nhắm mắt. Đến khi sức khỏe Đắc Kỷ đã bình phục, Trụ Vương trở lại ăn chơi như cũ.

– Bấy giờ Vân Trung Tử chưa về núi, còn ở chốn triều ca, thấy yêu khí bỗng nhiên từ trong cung xông lên nữa, lấy làm lạ đánh tay tính quẻ một hồi rồi gật đầu thâm nhủ:

– Ta muốn đem gương báu trừ yêu khí, giúp cơ nghiệp Thành Thang, một thời gian nữa nào ngờ số trời đã định, khó nổi dời dời, nên khiến gương từng bị đốt. Như vậy nhà Thương hết vận nhà Châu ra đời, thần tiên sẽ bị nạn. Ôi, đã mất công xuống trần một phen lại không làm nên việc. Tiện đây ta cũng nên viết ít chữ để lại cho người đời sau thấy.

Nghĩ rồi liền lấy viết đề lên bức tường dài Tư Thiên hai mươi bốn chữ như vậy:

"Yêu phong uế loạn cung đình. Thánh đức bá dương Tây thổ.

Yếu trí huyết nhiễm triều ca. Mậu ngũ tuế trung giáp tý".

Nghĩa là:

"Khí yêu quấy rối cung càn, Thanh đức bủa giăng hướng Dậu.

Muốn hay máu nhuộm triều ca, Giáp Tý trong năm Mậu ngũ.

Đề thơ xong, Vân Trung Tử lui về núi, Thiên hạ thấy đạo sĩ đề thơ xúm lại xem, nhưng không hiểu ý. Nhiều người tự cho mình hay chữ, vây quanh đông nức, xem mãi vẫn không tìm được ý thơ.

Bấy giờ có quan thái sư coi việc thiên văn là Đỗ Nguyên Tiến ở triều về, thấy dân chúng xúm lại bên vách Đài Tư Thiên liền hỏi:

– Chuyện gì đó vậy?

Quân canh bẩm:

– Ông đạo sĩ đề thơ trên vách, nên dân chúng xúm nhau xem.

– Đỗ thái sư ngồi trên ngựa thấy hai mươi bốn chữ, ý rất

xa xôi xem qua khó hiểu, liền truyền quân đem nước rửa đi, đoạn về dinh ngẫm nghĩ mãi mà vẫn không tìm được dụng ý.

Qua mấy ngày chiêm nghiệm, Đỗ Nguyên Tiến nghĩ thầm:

– Đây chắc là vị đạo sĩ dâng gương đã đề như vậy. Theo ý đạo sĩ thì trong cung yêu khí xuất hiện. Còn ta xem thiên văn lại thấy hung tinh ứng ở cung Càn, ắt việc chẳng lành. Nay bệ hạ đắm mê tửu sắc, bỏ phế công việc trong triều, sớm tối thế nào cũng xảy ra đại họa. Ta làm tôi hưởng lộc nước đã hai triều, lẽ nào trong lúc lâm nguy khoanh tay ngồi ngó, không một lời can gián sao? Ta xem văn võ trong triều ai nấy đều lo sợ, buồn bực vô cùng sẵn dịp này ta viết một tờ sớ khuyên vua, may ra giúp ích được gì chăng?

Nghĩ như vậy, Đỗ Nguyên Tiến nội đêm ấy viết sớ cho xong. Sáng hôm sau, Nguyên Tiến đem vào đưa cho thừa tướng Thương Dung, và nói:

– Tôi xem thiên văn thấy hung tinh xâm phạm cung Càn, còn bệ hạ vui say tửu sắc, bỏ bê việc triều chính, họa đến chẳng xa. Tôi làm sớ này dâng lên bệ hạ, xin Thừa tướng chuyển giùm.

Thương Dung nói:

– Thái sư đã dâng sớ lẽ nào tôi không chuyển đạt, ngặt vì mấy hôm nay bệ hạ không lâm triều, các quan không ai được thấy mặt chỉ có cách là tôi phải mạo hiểm vào cung cấm mà dâng mới xong.

Đỗ Nguyên Tiến nói:

– Đó là bốn phạm của Thừa tướng, làm sao cho Thiên tử hồi cải, chúng ta là tôi thân, dầu có bị sấm sét, búa rìu chút ít mà xã tắc được yên thì cũng cam.

Thương Dung vội từ tạ Nguyên Tiến thẳng vào cung cấm.

Qua khỏi chín căn đèn lớn, đi ngang qua đèn Long Đức, đến đèn Hiến Thánh, đến Tì Thiện rồi đến Phấn cung lầu. Thương Dung ra mắt quan Phụng Ngự, nói:

– Tôi có việc cần xin vào yết kiến Hoàng thượng.

Quan Phụng Ngự nói:

– Thọ Tiên là cung cấm, chỗ Hoàng thượng an nghỉ, các quan, ngoài không vào được đâu.

Thừa tướng Thương Dung nói:

– Ta làm thừa tướng há chẳng hiểu luật triều đình sao? Chẳng qua Thiên tử không lâm triều, ta có việc cần nên phải đem thân đến đây. Người mau vào tâu với Thiên tử có Thừa tướng Thương Dung đứng chầu ngoài cửa.

Quan Phụng Ngự không dám cãi lời, vội vào tâu. Trụ Vương phán:

– Thừa tướng Thương Dung có việc gì cần thiết phải vào nội cung chầu bẩm kia? Tuy Thương Dung là tôi bên ngoài, nhưng phò nhà Thương đã ba triều, lại già cả, cho vào chầu cũng được.

Quan Phụng Ngự liền trở ra truyền' đòi Thừa tướng vào Thương Dung vào quỳ trước long sán. Trụ Vương hỏi:

– Thừa tướng có việc gì khẩn cấp phải vào cung cấm chầu bẩm?

Thương Dung tâu:

– Có thái sư Đỗ Nguyên Tiến xem Thiên văn thấy yêu khí ẩn trong cung, tai họa tới không lâu. Bởi vậy có làm sớ nhờ tôi dâng bệ hạ. Đỗ Nguyên Tiến là tôi già, tay chân của bệ hạ không nở ngồi nhìn cơ nghiệp điêu tàn, xin bệ hạ xét lại, chăm lo mỗi nước để trăm quan được vui vẻ, dân chúng nhớ đức phụng thờ.

Nói rồi hai tay dâng sớ lên. Trụ Vương giờ ra xem, trong sớ viết đại lược như sau:

"Tôi là Đỗ Nguyên Tiến, coi đài thiên văn, vì nhiệm vụ cúi trình qua Thiên tử mấy lời tâm huyết. Tôi nghe nói: Nước nhà thịnh thì có điềm lành, nước nhà lâm nguy thì sinh loài yêu nghiệt. Tôi xem đài thiên văn thấy điều bất lợi, khí yêu quỳen nơi đền vua, hơi ngút nơi cung cấm. Bởi Bệ hạ đốc mất gương thiêng, nên khí yêu tái hiện hoàng cung, nếu khí ấy lên đến Đẩu Ngưu thì tai ương rơi vào xã tắc.

Thần trộm nghĩ: Từ ngày Tô Hộ dâng con đến nay, ngại vàng bụi đóng, mỗi nước buồng lỏng, sân châu cỏ mọc xanh um, trước thềm rêu phong màu lục. Trăm quan hết mong châu chực, việc nước không kẻ ngó ngang. Tôi không thấy mặt rồng, chúa vẫn vui đùa tầu sắc, khác nào mây che mặt nguyệt khói tỏa cung thiềm, đàn sáo quên tai, vua tôi lạ mặt. Biết chừng nào châu chực như xưa, thái bình như cũ.

Nay tôi chẳng từ rìu búa, không ngại dữ lành, lòng lo cho nước non, quên mình mang tội, nếu bệ hạ nghe tiếng phải, thấy điều ngay thì trăm họ rất mang ơn".

Vua Trụ xem xong cho lời nói Nguyên Tiến là phải, song nhớ lại chuyện đạo sĩ Vân Trung Tử tặng gương trừ yêu, suýt hại mạng mỹ nhân, thì nổi giận nói:

– Sớ này cũng nói đến chuyện yêu mi chẳng khác tên đạo sĩ trước kia. Thật là chuyện rắc rối.

Liên quay qua hỏi Đắc Kỳ:

– Trong sớ, Đỗ Nguyên Tiến cũng nói yêu mi trong cung là tại sao vậy?

Đắc Kỳ quỳ tâu:

– Ngày trước, Vân Trung Tử là một gã yêu đạo bày chuyện

dối vua, khiến muôn dân nghe việc ấy mà loạn động, tư tưởng không an. Nay Đỗ Nguyên Tiến làm chức thái sư tại triều mà cũng cùng một hành động dối vua như tên yêu đạo đó nữa thì dân chúng sẽ đảo huyền, lòng người xao loạn. Yêu mị ở triều ca chính là bè lũ mị chúa ấy, xin bệ hạ truyền chém hết những ai có ý mê hoặc như vậy mới giữ gìn xã tắc được.

Trụ Vương nghe Đắc Kỷ nói, mặt đỏ bừng, quay lại nói với Thừa tướng Thương Dung:

– Tô mỵ nhân luận rất phải Yêu mị chính là bọn theo phe yêu đạo, mê hoặc lòng dân, gây mầm phản loạn. Đỗ Nguyên Tiến tuy là tôi già, song tội không thể dung tha.

Liên truyền lệnh chém Đỗ Nguyên Tiến bêu đầu để răn chúng.

Thừa tướng Thương Dung nghe lệnh liền quỳ xuống can:

– Đỗ Nguyên Tiến là tôi ba đời, tuổi tác lớn, lâu nay trải mật, gìn giữ lòng son, không phò xã tắc, sớm lo trả ơn vua, tối lo đền xã tắc. Việc bất đắc dĩ nên phải nói, Bệ hạ nữ giết đi sao đành? Chỉ vì lời can gián của Thái sư mà Bệ hạ đem giết, Thái sư dầu chết cũng được tiếng trung thần, song tôi e Bệ hạ không khỏi mang tiếng gièm pha, trăm quan bất bình nổi loạn, xin bệ hạ nghĩ lại tha tội cho Thái sư kéo oan. Trụ Vương nói:

– Thừa tướng không hiểu việc này. Bởi tên yêu đạo mị dân, khi vua, buông lời huyền hoặc, Thái sư lại cũng một phe với nó, làm cho lòng dân đảo huyền, nếu không chém Thái sư Đỗ Nguyên Tiến thì không thể trấn an thiên hạ được.

Thương Dung quỳ tâu mãi, nhưng Trụ Vương nhất định không nghe, hối thúc quan Thái giám đuổi Thương Dung ra ngoài và nguyên chỉ chém Đỗ Nguyên Tiến tức khắc.

Thương Dung nhất định không chịu ra về, Trụ Vương phải sai hai quan Thái giám khiêng Thương Dung bỏ ra ngoài cửa cung rồi đóng cửa lại.

Thương Dung bất đắc dĩ phải đứng dậy lĩnh mệnh trở ra, về đến nhà ngục thư thấy Đỗ Nguyên Tiến râu tóc bạc phơ, đôi mắt chứa chan hy vọng, đang đợi Thương Dung về báo tin mừng.

Thương Dung nhìn mặt Đỗ Nguyên Tiến chua xót vô cùng. Thì ra Đỗ Nguyên Tiến bị vua truyền chém đầu răn chúng mà Nguyên Tiến vẫn chưa biết, còn hy vọng ở lời sớ mình có thể sửa đổi được lòng vua.

Đỗ Nguyên Tiến thấy Thương Dung, liền hỏi lớn:

– Sao? Thừa tướng đã dâng sớ của tôi lên Thiên tử rồi chứ?

Thương Dung buồn bã nói:

– Bệ hạ xem sớ rồi, nhưng...

Đỗ Nguyên Tiến còn đang ngờ ngác phía đằng sau một tốp võ sĩ và một quan Thái giám bước đến đọc tờ chiếu chỉ của Trụ Vương:

"Đỗ Nguyên Tiến khi quân đối vua, lừa gạt dân chúng, tội đáng chém đầu. Nay xử theo phép nước".

Quan Thái giám đọc chiếu xong, võ sĩ áp lại trời Đỗ Nguyên Tiến dẫn ra pháp tràng. Nhưng mới dẫn đến cầu Cửu Long xảy gặp một ông quan Đại phu mặc áo rộng đỏ trông thấy can lại hỏi:

– Đỗ Thái sư phạm tội gì mà bệ hạ truyền chém?

Đỗ Nguyên Tiến thấy quan Đại phu ấy là Mai Bá, một kẻ trung thần xưa nay có tiếng, liền chắc lưỡi than:

- Thiên tử ham mê tử sắc, bỏ việc chánh, tôi làm sơ khuyển can Thiên tử lại cho tôi là đồng đảng với đạo sĩ hôm trước, tìm lời ủy mị để dụ lòng dân làm loạn, nên truyền chém đầu tôi để răn chúng. Vua đã bảo chết, đạo làm tôi đâu dám trái, chỉ thương hại cơ nghiệp Thành Thang xây dựng bao nhiêu đời, nay vì sắc đẹp mà tiêu theo mây khói. Ôi, chắc quan Đại phu cũng thấy như tôi đời người chỉ là tai ương thảm họa, công danh chỉ là mây bay, đời đã vậy còn luyến tiếc gì sự sống nữa.

Mai Bá xua tay bảo đao phủ hãy khoan hành quyết Nguyên Tiến, để mình đến trước mặt vua mình oan đã.

Dứt lời, Mai Bá hối hả chạy vào đền, bỗng gặp Thừa tướng Thương Dung mặt buồn dầu dầu, đang đứng nhìn sông về phía pháp trường. Mai Bá hỏi:

- Thừa tướng ơi, Đỗ Thái sư bị tội gì mà bệ hạ đem giết? Thương Dung nói:

- Thái sư dâng sớ can vua, bệ hạ nghe lời Tô mỹ nhân bắt tội Thái sư. Tôi hết lời can gián, nhưng bệ hạ không nghe, biết làm sao?

Mai Bá nghe nói nổi xung:

- Thừa tướng nói sao lạ vậy? Bốn phận ông coi về chuông vạc, chứa sữa âm dương, thấy nịnh thì trừ, gặp gian thì giết, khen kẻ giỏi, tiếng người hiền. Vua phải thì làm thịnh, vua trái thì can gián. Nay Thiên tử nghe lời nữ sắc, giết hại tôi hiền, Thừa tướng không dám mở lời can ngăn, ấy là tham sống sợ chết, lánh tội tiếc thân, như vậy đâu phải bốn phận một vị Thừa tướng?

Thương Dung buồn bã nói:

- Quan Đại phu chớ trách tôi như vậy. Bệ hạ không nghe thì còn biết làm sao.

Mai Bá quay lại nạt bọn đao phủ thù:

– Hãy khoan khai báo, đợi ta và Thừa tướng vào cung xin tội cho Thái sư đã.

Nói rồi nắm tay Thương Dung dắt đến cung Thọ Tiên, vào thẳng Phấn lầu, quỳ mọp dưới đất.

Quan Thái giám trông thấy vào tâu:

– Có quan Tể tướng và quan Đại phu Mai Bá xin vào yết kiến.

Trụ Vương nổi giận nói:

– Như quan Tể tướng già nua đã ba đời phò chúa thì vào được, còn Mai Bá sao dám đương nhiên vào đây.

Liên dạy cho Thương Dung vào, và đuổi Mai Bá đi.

Mai Bá nhất định không chịu, khiến cho Thái giám không thể nào đuổi được. Thừa dịp Thương Dung vào chầu, Mai Bá cũng theo vào quỳ một bên.

Trụ Vương trông thấy hỏi:

– Mai Bá, ta không truyền đòi ngươi vào sao ngươi vào đây?

Mai Bá tâu:

– Lâm triều là nhiệm vụ của Bộ hạ, chầu chực để nghe dạy việc là phận làm tôi.

Trụ Vương mắng:

– Ngươi không hiểu luật triều đình, vào cung cấm là phạm tội sao?

Mai Bá tâu:

– Hạ thần đã hiểu, nhưng hạ thần là tôi của Bộ hạ, làm tôi phải đến chầu vua, nếu không biết vua ở đâu mà chầu thì

hạ thần còn biết làm tôi với ai? Nếu Bệ hạ ngự triều xét việc thì hạ thần không phạm tội vào cung cấm.

Trụ Vương thấy Mai Bá nói dằng dai bực mình hỏi:

– Người vào đây có việc gì?

Mai Bá tâu:

– Xin quỳ nghe lời chỉ giáo của Bệ hạ.

Trụ Vương nói:

– Ta không có việc gì cần đến người cả. Hãy ra ngoài mau.

Mai Bá nói:

– Nếu Bệ hạ không có việc gì sai khiến thì hạ thần xin hỏi Bệ hạ Đỗ Thái sư phạm tội gì mà Bệ hạ đem giết?

Trụ Vương nói:

– Đỗ Nguyên Tiến đồng mưu với yêu đạo, đặt chuyện làm cho lòng dân rối loạn, không phân biệt chánh tà. Một vị đại thần đáng lẽ lo trấn an bá tánh thì lại gây hoang mang trong triều, trăm hành hình là đáng lắm, tại sao lại không tội?

Mai Bá nói lớn:

– Tôi nghe các bậc minh quân thời xưa trị dân theo khuôn phép, theo lời phải của trung thần, hàng ngày ngự triều lo việc, quên cả ăn ngủ, như thế mới gây được cơ nghiệp, giữ vững được mối nước. Nay Bệ hạ đam mê tửu sắc, sáu tháng không ngự biết gì đến chánh lệnh, thế mà có người dâng sớ can gián lại bị Bệ hạ chém đầu răn đe chúng thì hạ thần thiết nghĩ không biết Bệ hạ răn thế nào? Vua cũng như một tòa nhà, tôi trung như rường cột. Nếu Bệ hạ chặt bỏ hết rường cột thì tòa nhà làm sao đứng vững. Xin Bệ hạ xét lại tha tội cho Đỗ Thái sư để khỏi làm phật ý trăm quan và thiên hạ trông thấy cảm đức.

Vua Trụ bị Mai Bá nói một hồi bực mình hết:

– Nghịch thần! Đã trái lệnh vào cung cấm còn lăm miệng già mồm. Tội ngươi thông đồng với Nguyên Tiên đáng xử trăm, song trăm nghĩ ngươi là tôi có công, nên truyền cách chức Đại phu, không dùng ngươi nữa.

Mai Bá ré lên:

– Hôn quân, nghe lời Đắc Kỷ bỏ đạo vua tôi. Nay Bệ hạ chém đầu Đỗ Nguyên Tiên chẳng khác nào chém đầu tất cả bá tánh nơi triều ca này. Tôi bị cách chức không hại gì, công danh như mây khói, tôi không màng, chỉ tiếc cơ nghiệp Thành Thang gây dựng mấy đời vì hôn quân dâm sắc mà đổ nát. Bởi Thái sư Văn Trọng mắc đẹp loạn Bắc Phương nên hôn quân mới vút bỏ lễ luật, u ám như vậy. Mai Bá này chết xuống suối vàng vẫn còn xấu hổ không dám nhìn thấy mặt tiên quân.

Trụ Vương bị Mai Bá mắng giận lắm, truyền võ sĩ bắt Mai Bá đem ra pháp trường lấy dùi đồng đập cho nát đầu để làm gương.

Đắc Kỷ quỳ tâu:

– Xin bệ hạ tạm hoãn lại đã.

Trụ Vương hỏi:

– Loạn thần mắng vua như thế mỹ nhân còn can gián làm gì?

Đắc Kỷ tâu:

– Làm tôi mà đứng trước đèn trợn mắt, nhíu mày, dùng lời lẽ xỉ mắng vua như vậy thì dù có đập nát đầu cũng chưa đền được tội. Xin bệ hạ truyền cầm tù Mai Bá một đôi ngày để thần thiếp chế ra một dụng cụ hành hình, làm cho những kẻ nghịch thần trông thấy khiếp vía thì sau này mới trấn áp được những kẻ ngông cuồng như Mai Bá.

Vua Trụ nói:

– Mỹ nhân định chế ra dụng cụ gì?

Đắc Kỷ tâu:

– Vật ấy gọi là Bào lạc, hình thù như cây cột đồng, bề cao 29 thước, bề tròn 8 thước, có khoét ba cái miệng đựng lửa than. Cột đồng ấy đúc bằng đồng lọc. Lúc muốn hành hình một tội nhân thì quạt lửa cho cột đồng đỏ lên, rồi trói tội nhân lại dí vào ấy, tức thì xương thịt tội nhân cháy thành tro trong nháy mắt. Thần thiếp nghĩ rằng không dùng hình phạt như vậy thì không sao trừ được những kẻ già miệng, những tội thần phản nghịch mắng vua không kể pháp luật.

Trụ Vương khen:

– Lối trừng phạt của mỹ nhân quả xứng đáng. Vậy mỹ nhân vẽ kiểu để truyền quân sĩ làm Bào lạc cho gấp.

Nói rồi truyền dẫn Mai Bá đem nhốt ở thiên lao, chờ ngày hành tội.

Thương Dung thấy vua Trụ nghe lời Đắc Kỷ làm Bào lạc hại tội trung, để ở trước cung Thọ tiên, thì nghĩ thầm:

– Nay nước nhà gần mất, vua nghe lời yêu mị không kể đến tình vua tôi nữa. Ta những tưởng có thể khuyên can để cải hóa Cửu trùng, ngờ đâu càng ngày vua càng thiếu đức, nếu ta còn góp mặt ở triều đình cũng chỉ làm bù nhìn cho hôn quân chẳng ích gì cho dân chúng nữa. Chẳng thà lánh mặt là hơn.

Nghĩ rồi vào tâu với vua Trụ:

– Nay thiên hạ thái bình, nước nhà thanh trị, tôi tuổi tác đã già, lẩm cẩm không giúp được việc gì cho Bệ hạ nữa, nếu cứ ở mãi địa vị cao sang mà không tròn trách vụ e mắc tội với triều thần, vậy xin được phép đem nắm xương tàn về thôn dã,

cởi áo mào gọi lại, nhường kẻ tài ba. Hạ thần làm tôi đã ba trào, tài hèn đức mỏng, không bị quở trách cũng là ơn lắm rồi.

Vua Trụ nói:

– Khanh tuy tuổi cao, nhưng sức còn mạnh, lẽ nào bỏ trăm về quê, hưởng thú thanh nhàn.

Thương Dung nói:

– Bệ hạ cho thần cáo hưu về xứ, nếu còn sống được ngày nào cũng ước mong được thấy mặt trời Nghiêu, ơn đức ấy còn gì hơn.

Trụ Vương nói:

– Khanh là tôi có công mấy đời với nghiệp đế, chưa hề bị lầm lỗi điều gì. Nay ý khanh đã quyết, trăm đâu dám làm phật ý.

Liền sai hai vị Thái giám dùng lễ vật đưa Thương Dung về quê truyền quan sở tại phải ân cần đến thăm viếng Thương Dung luôn để tỏ tình tôi chúa.

Bấy giờ các quan nghe tin Thừa tướng Thương Dung trả chức về hưu đều mến tiếc. Có người cho Thương Dung hèn nhát, gặp lúc quốc gia nguy vong không đem thân cứu nước, trốn trách nhiệm, tìm lẽ sống riêng. Có kẻ cho hành động Thương Dung là một hành động phản đối Trụ Vương, mong cho Trụ Vương thấy đó hồi tỉnh.

Tuy vậy, không ai dám nói ra. Hoàng Phi Hổ, Tỉ Can, Vi Tử, Cơ Tử, Vi Tử Khải, Vi Tử Diễn và các vị vương thân đồng họp nhau làm tiệc nơi Trường đình để tiễn hành.

Tỉ Can hỏi Thương Dung:

– Hôm nay Thừa tướng hồi hương, chúng tôi ai cũng bùi

ngủi cảm mến. Đã ba trào vua, Thừa tướng là người đứng đầu trong nước, giúp chúa trị dân, nay nữ nào đành bỏ cơ nghiệp Thành Thang, bỏ cả bạn hữu đồng triều, lánh mặt về quê hưởng riêng một thú?

Thương Dung rướm rướm nước mắt nói:

– Xin các vị vương thân chớ chê trách. Tôi đâu phải nghiền xương dền nợ nước cũng không dám từ nan. Ngặt nay chúa thượng nghe lời Đắc Kỷ chế hình Bào lạc, hại trung thần một hình phạt rất dã man tàn nhẫn, tôi không thể can gián nổi. Nghĩ mình tài hèn trí mọn, không xứng ngồi ghế tể tướng trong lúc này, nên cởi áo từ quan ước mong có một kẻ nào đủ tài đức, cứu vãn được cảnh tai ương này, lên thế tôi cầm quyền chính, giáng ngộ Thánh hoàng, thì cơ nghiệp Thành Thang mới có cơ bền vững, bằng không nước nhà ly loạn không lâu. Tôi từ chức là vì lẽ đó, chớ đâu dám trốn tránh nhiệm vụ, nuôi dưỡng tấm thân hèn này làm gì. Hôm nay các ngài làm việc tiền hành, nhưng chẳng may nước nhà vẫn không thoát khỏi cơn khói lửa thì những ly rượu này vẫn là những ly rượu hẹn ngày tái ngộ trong phút lâm chung, xin các ngài hiểu lòng tôi như vậy:

Nói rồi tay bưng rượu, miệng ngâm bài thơ:

*Cám nghĩa đưa nhau rượu một chung
Trường đình già bạn tử không cùng
Ngành dầu trông lại thành hai kiếp
Về ruộng cầu mong vững chính trù
Nhật đỏ không tiêu danh Hạ, Kiệt
Lòng son khó nhuộm máu Long, Phùng.
Tỏ lời lệ nhĩ hòa chung rượu.
Mong thuở về trào viếng bạn trung.*

Ai nghe mấy vần thơ của Thương Dung cũng rơi lệ. Thương Dung lên ngựa, các quan đưa đón hơn mười dặm mới trở về. Trong lúc đó vua Trụ vẫn chìm ngập trong tửu sắc, không hề nghĩ đến việc nước nhà.

Cách ít hôm, thợ làm xong Bào lạc, vua Trụ mừng lắm, hỏi Đắc Kỷ:

– Bào lạc đã làm rồi, mỹ nhân định liệu thế nào?

Đắc Kỷ truyền đem Bào lạc đến xem. Quân sĩ tuân lệnh đẩy Bào lạc đến trước cửa cung. Trụ Vương và Đắc Kỷ bước ra xem thấy một cột đồng cao lớn, dưới có bánh xe, đẩy đi rất dễ.

Đắc Kỷ soát lại một hồi rồi khen:

– Thợ làm rất đúng cách, trụ đồng này nếu đốt lửa thì sức nóng phi thường, không tưởng tượng nổi.

Trụ Vương nói:

– Để ngày mai trăm đem ra thí nghiệm đốt Mai Bá tại triều cho quần thần trông thấy kinh hoàng vỡ mật.

Đắc Kỷ nói:

– Bệ hạ đủ can đảm làm như vậy thì bọn nghịch thần mới khiếp uy.

Trụ Vương nói:

– Mỹ nhân chế ra được báu vật trị đời, công của mỹ nhân rất lớn.

Sáng hôm sau, tuy trong mình mới như giận, Trụ Vương vẫn gượng dậy sớm ngự ra trước triều, truyền đánh ba hồi trống triệu tập quần thần lại.

Triều thần đã hơn nửa năm không thấy mặt vua, nay được thiết triều ai nấy mừng rỡ, vội vã ứng hầu đủ mặt. Sau khi triều bãi xong, vua Trụ không xem sổ, cũng không xét

việc gì khác, chỉ truyền quân đẩy Bào lạc ra trước sân rồng.

Hoàng Phi Hổ thấy trụ đồng cao chát ngất, không hiểu là vật gì, để dùng làm gì. Còn các quan hình như cũng không ai hiểu, đưa mắt nhìn nhau không dám nói.

Vua Trụ truyền lệnh dẫn Mai Bá ra, đồng thời đốt từng lửa quạt cho ống đồng thật đỏ, hơi nóng bốc lên ngùn ngụt, trong thật ghê hồn.

Quân vào ngục dẫn Mai Bá ra đến ngọ môn. Các quan thấy Mai Bá đầu bù tóc rối, không đội mũ, không mặc áo, mình mẩy dơ dáy vì đã bị giam vào ngục hơn một tuần rồi.

Mai Bá đến trước sân rồng, quỳ nói:

– Tôi là Mai Bá cúi đầu ra mắt Bệ hạ.

Vua Trụ chỉ Bào lạc, gọi Mai Bá nói:

– Thăng khốn nạn! Người biết vật gì đó không?

Mai Bá nhìn không biết vật gì kỳ lạ, liền tâu:

– Hạ thần không hiểu vật đó để làm gì cả.

Trụ Vương nói:

– Bởi người già hàm, vào cung lớn tiếng chửi vua, nên trâm chế ra vật ấy để đốt người cho tan xương nát thịt, làm gương cho những kẻ bất trung phản nghịch đó.

Mai Bá nghe nói nổi giận mắng lớn:

– Hôn quân vô đạo! Ta làm quan đại phu đã ba triều, công nghiệp đến bậc nào mà lại phải chịu hành hình như vậy? Ta coi cái chết như lông hồng, chỉ tiếc cơ nghiệp Thành Thang một phút bị đứa hôn quân làm đổ nát. Ta chết không nỡ nhìn thấy các tiên vương dưới suối vàng.

Vua Trụ giận dữ, truyền quân dùng lời tói cọt hết tay chân Mai Bá dí vào Bào lạc.

Tội nghiệp? Má Bá chỉ kịp ré lên một tiếng, xương thịt cháy khét lẹt, phút chốc thành tro. Một tấm lòng trung, một thần dũng nghĩa khí, chỉ phút chốc không còn gì hết.

Người sau xem chuyện này có làm thơ than:

*Xương thịt tuy là hóa bụi tro
Lòng son vì nước giữ bo bo,
Sống vì nghĩa chúa lòng ngay thẳng,
Chết giữ danh thơm chẳng đắn đo
Lửa đốt hồn linh châu tiên đế
Tiếng khen sử sách vẫn không mờ
Hồi ai dầu bèo trên cò trắng
Có nhớ lời trung nước dạn dò.*

Đốt Mai Bá trước sân chầu, Trụ Vương có ý làm cho triều thần khùng khiếp, không dám can gián nữa. Nhưng sự thực, trước mặt Trụ Vương ai trông thấy cũng chán nản không muốn can gián làm gì, người nào mặt cũng lầm lầm lì lì không nói. Họ không phải sợ chết, không dám can vua, nhưng họ thấy can cũng vô ích, thà từ quan lui về đồng ruộng còn hơn. Do đó, chẳng ai nói một lời, cứ đưa mắt nhìn nhau thôi.

Vua Trụ không hề tìm hiểu tâm trạng triều thần lúc ấy, tư tưởng các quan ai cũng sợ cách hình phạt của mình, lấy làm đặc ý.

Vua truyền bãi chầu về cung, các quan lặng lẽ lui gót, chỉ còn lại các vị vương ghen ngào trong đau đớn.

Tỉ Can nói với Hoàng Phi Hổ:

– Trong lúc Bắc phiên nổi loạn, Thái sư Văn Trọng bận đi dẹp giặc xa, không ngờ ở nhà Thiên Tử đắm say tửu sắc, nghe lời Đắc Kỷ chế hình Bào lạc, giết tôi trung. Nếu tiếng

đồn đến tai chư hầu chẳng biết thiên hạ sẽ đảo huyền đến bậc nào. Chúng ta hưởng lộc triều đình đã mấy trào, chẳng lẽ khoanh tay ngồi ngó tai ương thảm họa sắp đến?

Hoàng Phi Hổ nói:

– Bệ hạ đốt Mai Bá không phải chỉ đốt một tội trung mà đốt cả cơ nghiệp Thành Thang đấy. Lời xưa nói: vua bất minh tội ắt loạn. Mỗi nước không thể nào giữ được nữa. Chúng ta ngồi đây cũng không biết chết sống ngày nào đừng nói là Mai Bá.

Các vị thân vương đều nhìn nhau thở dài, rồi không ai có kế sách gì cả, gặt lệ trở về tư dinh.

Còn vua Trụ sau khi đốt Mai Bá xong, hăm hở trở về cung Thọ Tiên, có Đắc Kỷ bước ra nghênh tiếp. Trụ Vương bước xuống long xa, nắm tay Đắc Kỷ khen:

– Mỹ nhân bày ra Bào lạc thật hay lắm. Bữa nay trăm đem Mai Bá đốt giữa sân triều, các quan đều kinh tâm tán đởm, không ai dám thò đầu ra nói lời nào. Thật Bào lạc là vật báu trị dân, yên nhà lợi nước. Từ rày sắp tới không còn kẻ hỗn láo, buông lời nhục mạ trăm nữa.

Đắc Kỷ nói:

– Những kẻ khi quân nếu không dùng đến cực hình ghê gớm thì trị sao nổi. Thần thiếp còn nhiều cách khác chưa dùng đến.

– Mỹ nhân có cách gì hay cứ cho trăm biết, đừng ngại gì cả.

Đắc Kỷ nói:

– Bệ hạ cứ an lòng. Lúc nào Bệ hạ cần đến, thần thiếp xin dâng kế.

Trụ Vương vuốt ve Đắc Kỷ khen:

– Trẫm được mỹ nhân bên cạnh thì lo gì trị nước không xong.

Khen rồi truyền nội thị bày yến tiệc dài Đắc Kỷ, tán thưởng tài năng của mỹ nhân.

Bấy giờ, tiếng tơ giọng trúc vang rền, bàn tiệc không thiếu gì món ngon vật lạ, vua Trụ vừa ăn vừa xem Đắc Kỷ múa hát tâm hồn như bay bổng trên chín tầng mây, không còn biết gì khuya sớm nữa. Cho đến lúc trống đã trở canh ba và tiếng nhạc còn réo rắt vang một góc trời.

Đêm ấy Khương Hoàng hậu không ngủ được, nghe tiếng nhạc vang vậy, liền hỏi mấy cung nữ.

– Trống đã trở canh ba, sao tiếng nhạc ở đâu náo nhiệt như thế?

Cung nữ thưa:

– Đó là tiếng đàn hát bên cung Thọ Tiên Chúa thượng Tô mỹ nhân vui chơi đó.

Khương Hoàng hậu than:

– Lúc này ta có nghe tin Hoàng thượng nghe lời Tô Đắc Kỷ chế hình Bào lạc đốt Mai Bá giữa triều. Mai Bá là một tôi trung, phò vua đã ba đời sao nữ hành hình thảm thiết như vậy? Thế là Hoàng thượng đã bị con khốn kiếp này khuynh đảo tinh thần, không còn phân định được phải quấy nữa. Ta làm Hoàng hậu chường quản tam cung lục viện lẽ đâu thấy việc trái mắt mà không nói tới.

Nói rồi truyền cung nữ đẩy xe, xách đèn đến cung Thọ Tiên.

Lúc này Trụ Vương đang uống rượu với Đắc Kỷ, có Huỳnh môn quan vào tâu:

– Khương Hoàng hậu đến trước cửa cung xin vào ra mắt.

Trụ Vương đang say rượu, lại thức khuya, hai con mắt lim dim lè nhè nói với Đắc Kỷ:

– Có Chánh cung đến, mỹ nhân nên ra thủ lễ rước Chánh cung vào.

Đắc Kỷ tuân lệnh bước ra trước cửa nghiêng mình, uốn gối quì xuống tiếp đón. Khương Hoàng Hậu truyền đỡ Đắc Kỷ dậy. Đắc Kỷ dắt Khương Hoàng hậu vào cung, đồng yết kiến Trụ Vương.

Trụ Vương truyền dẫn chỗ cho Khương Hoàng hậu ngồi và tiếp tục bày tiệc đãi Khương Hoàng hậu.

Khương Hoàng hậu ngồi một bên vua Trụ, trong lúc đó Đắc Kỷ lễ mễ đứng hầu trông rất phải phép. Vua Trụ đẹp lòng, nói với Khương Hoàng hậu:

– Ái hậu sang đây chung vui trăm mừng lắm.

Liên truyền Đắc Kỷ dờn ca múa hát để cho Hoàng hậu xem. Đắc Kỷ tuân lệnh vừa múa vừa ca, thân hình yếu điệu, xiêm y là lượt chẳng khác hằng nga múa khúc nghệ thường trên cung điện, tiếng hát lại thanh thoả như tiếng chim đầu xuân. Vua Trụ mê ly quên cả đất trời.

Còn Khương Hoàng hậu mặt dầu dầu, ngồi nhìn xuống đất, không uống rượu, cũng không thưởng thức nhạc khúc của Đắc Kỷ đang trình diễn trước mắt. Vua Trụ trông thấy không hài lòng, hỏi:

– Hậu ơi! Ngày tháng như trôi đưa, đời người chẳng khác bóng câu qua cửa sổ, chẳng mấy chốc đã trở về già, không ăn chơi cho thỏa chí bình sanh thì còn gì thú vị nữa. Như giọng ca tiếng hát của Tô mỹ nhân đây, dù hằng nga trên cung trăng cũng không sánh kịp, sao hậu không uống rượu nghe đàn, lại buồn rầu như vậy.

Khương Hoàng hậu vội bước xuống quì tâu:

– Thần thiếp lòng không vui, dù có tiên xuống phàm múa hát cũng không làm khuây được.

Trụ Vương lè nhè:

– Thì Tô mỹ nương có thua gì tiên nữ chốn bồng lai? Hậu không biết thưởng thức cái hay cái lạ đó.

Khương Hoàng hậu nói:

– Đắc Kỷ múa hát có gì gọi là báu lạ đâu?

Trụ Vương hỏi:

– Như vậy thì thế nào mới gọi là báu lạ?

Hoàng hậu nói:

– Thần thiếp nghe nói hễ vua có đạo đức thì khinh của quý mà trọng đức lành, đuổi tội gian, xa sắc dục, đó mới chính là cái lạ của nhà vua.

Trụ Vương cười hả hã, nói:

– Trẫm làm vua, giàu sang bốn biển, muốn hưởng thú gì không có, dầu trong trời đất báu lạ nào trẫm lại không có quyền tưởng đến?

Khương Hoàng hậu nói:

– Trời chỉ có những báu lạ là mặt nhật, mặt nguyệt và các vì tinh tú. Đất chỉ có những báu lạ là năm thứ thóc, năm giống trái. Nước chỉ có những báu lạ là tôi ngay, tướng giỏi. Nhà chỉ có báu lạ là con thảo cháu hiền. Những báu lạ như vậy Bệ hạ không tìm hưởng, lại chọn ca, lựa múa nghe lời dục nịnh, giết tôi ngay, gần gũi sắc dục, đó không phải báu lạ mà chính là thứ mất nước, xin Bệ hạ hãy bỏ đi, đừng tiếc. Bớt rượu, xa tầu sắc, chăm lo chính sự, sửa nét răn mình, thì họa may trời xuống phúc, thiên hạ thái bình, bốn biển yên vui.

LỜI BÀN

– Lời nói phải bao giờ cũng trái tai đối với những kẻ không thích lẽ phải.

Trụ Vương mê Đắc Kỷ đến nỗi không còn biết gì mọi vật quanh mình, chỉ biết có Đắc Kỷ mà thôi. Thế thì Đắc Kỷ bảo gì Trụ Vương không nghe.

Làm vua là chúa tể của một dân tộc, cầm cả quyền sanh sát, nắm cả vận nước, thế mà trở lại làm một công cụ sai khiến cho một người đàn bà độc ác thì mối nguy hại ấy không biết đến bậc nào mà lường.

Uy quyền mạnh thật, nhưng sắc đẹp lại không chế cả uy quyền. Xem thế thì chế độ phong kiến thật bất công thối nát, bắt mọi người phải kính trọng một kẻ hèn hạ, không đáng kính.

Tuy nhiên, thời nào cũng vậy. Hễ làm phải thì việc lợi tìm đến, làm sai thì việc dữ phát sinh, kẻ đã mê muội như vua Trụ còn biết gì là lợi, hại nữa. Một mình quân sử dụng uy quyền mình trị an thiên hạ, đem lại thái bình cho muôn dân, thì trái lại một hôn quân chỉ lo vui sướng bản thân mình, dùng uy quyền làm hại muôn người, gây lăm đau thương loạn lạc. Thời phong kiến những hôn quân hành động lăm chuyện phi thường, tưởng không sao kể hết.

Người xưa thường nói:

– "Thời suy quỷ lộng". Quỷ chỉ lộng hành trong lúc thất thời thôi, còn thời đang thịnh quỷ cũng phải tránh xa.

Đắc Kỷ thuộc hàng quỷ dữ đến báo Trụ Vương nhưng cũng chỉ thừa lúc Trụ Vương suy mới báo được.

Về quan niệm này rất mơ hồ, nhưng rất thực tế. Thực

tế ở chỗ thường xảy ra, mơ hồ ở chỗ không ai giải thích được nguyên nhân của nó.

Với quan niệm này có kẻ giải thích rằng: "Thời" không phải là may mắn, mà là cái hiểu biết, trí sáng suốt của con người. Còn "quỷ" không phải là yêu mà chính là cái tối tăm, cái hành động dục vọng của con người. Như vậy, con người lúc nào sáng suốt thì không hành động bậy bạ, tức là không có "quỷ". Còn nếu u ám, hành động sai lạc, tạo nên điều xấu tức là "quỷ" đến với mình đó.

Trụ Vương đam mê tửu sắc, không phải Đắc Kỷ báo mà chính là con quỷ dâm dục trong người Trụ Vương đã báo Trụ Vương vậy. Nếu Trụ Vương sáng suốt, không mê tà sắc, thì dù có mười con Đắc Kỷ cũng phải bó tay.

Tác giả phong Thần đã dựa trên quan niệm thời vận và quỷ mị, đưa Đắc Kỷ vào cốt truyện chỉ để làm nổi bật vai trò của một người ác phụ thôi. Thực tình, cái xấu xa hư hèn đều ở trong người Trụ Vương cả.

HỒI THỨ BẢY

BÍ TRỌNG BÀY MƯU PHẾ KHƯƠNG HẬU

KHƯƠNG Hoàng hậu nói dứt lời lên xe trở về cung. Vua Trụ đang say, nghe những lời nói của Khương hậu chẳng khác nào như những gáo nước lạnh tạt thẳng vào mặt, cơn giận dữ nổi lên, mắng lớn:

– Đồ khốn nạn, không biết điều. Trẫm tưởng tình sai mĩ

nhân múa hát cho nghe, đã không màng tới còn làm ra mặt dạy đời. Khổ vì nó ở địa vị chánh cung, do tiên quân lựa chọn, nếu không ta sai lấy dùi đồng đập cho nát óc mới hả giận.

Vua Trụ nói lầm nhảm đôi mắt lim dim, ngủ thiếp đi lúc nào không hay biết. Đến canh tư, Trụ Vương mới giật mình tỉnh rượu thấy trong mình không khoan khoái, nhớ lại những lời nói của Khương Hoàng hậu vừa rồi, lửa giận còn đọng trong lòng, liền gọi Đắc Kỷ bảo:

– Mỹ nhân ơi, Chánh cung vô lễ, lòng trăm chưa nguôi, vậy mỹ nhân múa hát một hồi nữa để trăm làm khuây.

Đắc Kỷ quỳ tâu:

– Từ rày sắp lên thần thiếp không dám múa hát nữa.

Trụ Vương hỏi:

– Vì sao mỹ nhân lại nói thế?

Đắc Kỷ tâu:

– Hoàng hậu quả trách việc ca hát là hư nhà hại nước thần thiếp xét lời trách ấy cũng có lý. Thần thiếp thân phận tôi đòi, vào chầu bệ hạ, được bệ hạ yêu dấu gần gũi một phút không rời. Nếu trái lệnh Hoàng hậu một là phải bị đuổi ra cung cấm, không còn được thấy mặt Bệ hạ nữa, hai là Hoàng hậu lấy cớ nói quyến rũ Bệ hạ bỏ bê việc nước, kết tội thần thiếp thì thần thiếp lấy gì che chở nổi.

Đắc Kỷ nói dứt lời đôi dòng nước mắt chảy ròng ròng xuống má mặt ủ mảy ê trông rất khổ não. Vua Trụ thấy thế càng giận Khương Hoàng hậu hơn, nói:

– Mỹ nhân cứ ca hát cho trăm giải khuây. Con khôn nạn ấy chẳng đếm xỉa đến làm gì. Để mai trăm sẽ phế nó xuống lập mỹ nhân lên làm Hoàng hậu. Trăm uy quyền tuyệt đỉnh, muốn gì chẳng được?

Đắc Kỷ giả cách hoan hỉ, múa hát tưng bừng, suốt đêm không nghỉ.

Ngày kia nhằm ngày mồng một, các cung phi đều phải vào chầu Hoàng hậu theo lệ thường. Hoàng Quý phi và Dương Quý phi đến trước. Hoàng hậu và hai Quý phi đang ngồi tâm sự thì có cung nga vào báo:

– Có Tô Đắc Kỷ đứng hầu ngoài cửa.

Khương Hoàng hậu cho vào. Đắc Kỷ khép nép vào đến nơi, thấy Khương Hoàng hậu ngồi giữa, Hoàng Quý phi và Dương Quý phi ngồi hai bên vội sụp lạy ra mắt. Khương Hoàng hậu truyền cung phi đỡ dậy. Đắc Kỷ đứng hầu một bên trông rất phải lễ.

Dương Quý phi đến trước hỏi:

– Tô mỹ nhân là người này phải không?

Khương Hoàng hậu đáp:

– Phải. Nàng này chính là Tô Đắc Kỷ, con gái Tô Hầu ở Ký Châu.

Dứt lời, Khương Hoàng hậu quay lại quở Đắc Kỷ:

– Thiên tử ở cung Thọ Tiên, ngày đêm đam mê tửu sắc, **phế việc triều đình** sao ngươi không có một lời can gián, cứ ngày đêm dờn ca múa hát, làm cho rối lòng Thiên tử, đến nỗi Thiên tử không tưởng đến việc phải quấy, nghe lời nịnh, giết tôi ngay, bỏ phép Thành Thang, làm suy mỗi nước. Những việc ấy là tại ngươi cả. Nếu ngươi không chừa thói cũ, chẳng tuân lệnh trên, ta sẽ lấy phép công mà trị đó.

Đắc Kỷ giận đỏ mặt, nhưng thế buộc phải làm thinh, cúi đầu không nói nữa lời. Tan buổi chầu, Đắc Kỷ trở về ngồi một mình than thở.

Người cung nga hầu cận là Cồn Quyên trông thấy thế bước đến hỏi:

– Nương nương vào châu Hoàng hậu có việc gì không vui?

Đắc Kỷ nghiêng rằng:

– Ta là hậu phi, được bề hạ yêu dấu, mà Khương Hoàng hậu ỷ quyền Chánh cung mắng nhiếc ta trước mặt hai vị Quý phi, xấu hổ không thể tả. Oán này biết bao giờ mới trả được?

Cồn Quyên nói:

– Bề hạ đã hứa cho Nương nương lên làm Hoàng hậu thì lo gì oán ấy không trả xong?

Đắc Kỷ nói:

– Tuy bề hạ yêu ta hứa như vậy chứ phước một vị Hoàng hậu không phải dễ. Triều thần sẽ ngăn cản, thiên hạ sẽ gièm xiểm. Hơn nữa, Chánh hậu còn sờ sờ ra đó, Bề hạ làm sao xô xuống được mà đưa ta lên chiếc uy quyền ấy? Muốn được phải tìm cách giết Chánh cung đi thì mới xong. Người có mưu nào hay không?

Cồn Quyên nói:

– Tôi phận đàn bà con gái, tính kế sao được? Nếu nương nương muốn mưu việc lớn thì phải cậy một vị đại thần bày mưu mới tiện.

Đắc Kỷ hỏi:

– Vị đại thần nào dám vào đây? Vả lại, ta xem phần các quan triều đều chống đối Bề hạ, nếu ta mời tới e lậu tiếng chẳng?

Cồn Quyên nói:

– Tôi có biết quan cận thần Bí Trọng được Vua yêu dùng và cũng rất ham tiền của, địa vị. Ngày mai nhân lúc bề hạ đi

đạo vườn, Nương nương cho mời Bí Trọng đến đây, tôi sẽ cậy Bí Trọng bày một kế hại Hoàng hậu. Xong việc, Nương nương nhớ bảo tấu với Thánh hoàng cho Bí Trọng thăng chức thì thế nào Bí Trọng cũng thỏa lòng.

Đắc Kỷ nói:

– Việc này ta cậy vào người. Nhớ đừng để lộ chuyện nguy hiểm đấy.

Cổn Quyên nói nửa đùa nửa thật:

– Địa vị của Nương nương hiện giờ muốn gì chẳng được, hưởng hồ hại một Hoàng hậu. Xin cứ để tôi lo cho.

Đắc Kỷ nói:

– Ta chỉ sợ Bí Trọng không chịu giúp.

Cổn Quyên nói:

– Danh giá là miếng mồi sai khiến muôn người. Chỉ sợ Nương nương không cần đến thôi, chứ đã sai khiến thì ai chẳng tuân.

Hôm sau trời nóng, Đắc Kỷ rủ Trụ Vương ra dạo vườn hoa, Cổn Quyên thừa dịp sai nữ tỳ mời Bí Trọng đến cung lên đưa cho Bí Trọng một mật thư và nói:

– Thư này do Tô nương nương gởi. Quan đại phu phải coi một mình đừng để lộ cho ai biết. Nếu việc thành công tước quyền chẳng nhỏ. Phải mau mau tính kế, đừng để trễ.

Bí Trọng nhận mật thư, trở về dinh mở ra

xem, thấy Đắc Kỷ nhờ tìm kế giết Khương Hoàng hậu. Bí Trọng nghĩ thầm:

– Khương Hoàng hậu là con gái của Khương Hoàng Sở mà Khương Hoàng Sở đang trấn tại Đông Lô, binh ròng tướng mạnh vô địch khắp chư hầu. Đã vậy, Khương Hoàng Sở có

sinh ra đứa con trai là Khương Văn Hoán tài năng xuất chúng, cầm đầu tướng lĩnh dư ngàn người, nếu tài năng không được e chết cả họ. Và lại Khương Hoàng hậu ở với Thiên tử đã sanh được hai vị hoàng tử thế lực trong ngoài như vậy thực khó lòng trừ được. Tốt hơn ta không nên động đến nguy hiểm.

Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, Bí Trọng thấy cũng không xong. Đắc Kỷ là cục cưng của vua Trụ, nếu không lập kế lại Khương hậu, làm phật lòng Đắc Kỷ, thì trong lúc vua say rượu, hoặc lúc đang áp yêu, Đắc Kỷ tâu ra tâu vào, mạng mình chắc chết.

Tới lui khó nghĩ, ngồi đứng không yên. Bí Trọng tính cả ngày vẫn không tìm ra được mưu kế nào thích đáng. Bỗng có một tên gia nhân khổ người vạm vỡ, mình cao một trượng, lưng nách như voi vừa đi tới. Người tên Khương Hoàn, trước kia ở tại Đông Lỗ nghèo khổ, được Bí Trọng đem về sai khiến lâu nay.

Vừa thấy Khương Hoàn, Bí Trọng nảy sanh ra một kế, vội gọi Khương Hoàn đến hỏi:

– Khương Hoàn, ngươi đi đâu vậy?

Khương Hoàn thưa:

– Tôi thấy vắng đại quan nói thỉnh đường nên đi tìm. Xin đại quan tha lỗi.

Bí Trọng nói:

– Người có lòng với ta như vậy là điều tốt, tội lỗi gì đâu. Người ở với ta thời gian bao nhiêu lâu rồi?

Khương Hoàn nói:

– Đã năm năm, tôi từ Đông Lỗ sang đây sống nhờ đại quan. Trước kia tôi nghèo khổ quá, ngày nay được no ấm như vậy, tôi tưởng ơn của đại quan không biết ngày nào tôi trả nổi.

Bí Trọng nói:

– Ta nuôi người lâu nay có ý dùng vào việc lớn. Nay việc lớn đã đến, chẳng biết người có vì ta mà hết lòng không?

Khương Hoàn thưa:

– Tôi mang ơn đại quan, dầu tan xương nát thịt tôi vẫn không dám từ nan. Nếu đại quan có việc gì cần đến kẻ ngu này xin cứ chỉ bảo.

Bí Trọng nói:

– Việc này hệ trọng lắm. Nếu người làm được chẳng những lộc lớn quyền cao mà người có thể tiến thân được nữa. Nhưng nếu người để lâu cho người ngoài biết thì chúng ta chết cả lũ.

Khương Hoàn nói:

– Xin đại quan tin vào lòng trung thành của tiện nhân là đủ.

Bí Trọng liền dặn nhỏ Khương Hoàn hồi lâu, trao mật kế. Khương Hoàn tuân lệnh ra đi.

Bí Trọng lại thảo một mật thư, nói rõ kế mình, lén trao cho Cố Quyên trình lên cho Đắc Kỷ biết. Đắc Kỷ xem thư mừng lắm, định ninh chuyện này nhất định hại Khương Hoàng hậu như chơi.

Ngày kia vua Trụ đang vui, Đắc Kỷ tâu:

– Bệ hạ vì quá quyền uyển thần thiếp không ngự triều, thần thiếp e bỏ lâu ngày các quan sanh dị tâm. Vậy ngày mai Bệ hạ nên bỏ chút ít thì giờ ra đàm luận quốc sự.

Trụ Vương khen:

– Mỹ nhân có ý lo đến xã tắc. Đàn bà như vậy thật ít có, dầu những phi hậu hiền đức tới đâu cũng không sánh kịp. Thôi để ngày mai trầm lâm trà họp bàn với các quan cho mỹ nhân đẹp dạ.

Trụ Vương có ngờ đâu đó là mưu của Bí Trọng đã thông đồng với Đắc Kỷ.

Sáng hôm sau Đắc Kỷ lại hối thúc Trụ Vương lâm triều, Trụ Vương truyền nổi trống dền để triệu tập các quan đến hầu cho đủ mặt.

Các quan ai nấy đều lạ lùng, không hiểu tại sao đã mấy tháng trời đắm mê tửu sắc, ở mãi trong cung, bỏ phế triều chính, nay Trụ Vương bỗng nhiên đổi khác, mọi người đều sửa soạn triều bái chúc mừng.

Vua Trụ từ cung Thọ Tiên ngồi long xa đi ra, hai bên có tả hữu hộ giá. Khi đến Phấn cung đèn thấp sáng lòà, mùi hương ngào ngạt. Xảy ra có một người cao lớn, ẩn mình trong xó, dầu bịt khăn ngang, tay cầm gươm báu, nhảy ra hét lớn:

– Hôn quân đắm mê tửu sắc, ta vâng lệnh Hoàng hậu đến giết hôn quân, đem cơ nghiệp Thành Thang về cho chúa ta sửa trị.

Nói rồi lướt tới đâm dùa. Các quan bảo giá liền cản lại giật gươm, bắt trối người ấy tức khắc.

Vua Trụ giận lắm, truyền dẫn tên thích khách ra trước triều vấn tội. Các quan tung hô xong, Trụ Vương gọi Hoàng Phi Hổ và Tỉ Can đến trước dền, nói:

– Hôm nay trăm lâm triều có chuyện lạ lùng lắm.

Tỉ Can hỏi:

– Bệ hạ có việc gì vậy?

Trụ Vương nói:

– Lúc trăm ra dền, vừa đến Phấn cung có một người núp trong xó tối nhảy ra chém trăm. Tuy đã bắt được nó rồi, nhưng việc này rất trọng đại, cần phải tra xét kỹ càng để hiểu rõ ngọn ngành hành động phản loạn ấy.

Hoàng Phi Hổ thất kinh, hỏi các quan:

– Đêm hôm vị nào tuần đền mà để gian tế lên vào cung được?

Quan Tổng binh Lỗ Hùng quì thưa:

– Tòì tuần cả đêm không thấy ai hết. Chắc là vào lối canh năm nó trà trộn với quan trào vào hầu Phấn cung xuẩn nghịch đấy.

Hoàng Phi Hổ truyền dẫn tên thích khách ra. Trụ Vương nói:

– Ai muốn thay mặt trẫm tra xét việc này?

Bí Trọng liền bước tới quỳ tâu:

– Hạ thần xin lãnh việc này cho.

Đó chính là âm mưu của Bí Trọng đã sắp đặt trước. Tên thích khách là Khương Hoàn, gia nhân của Bí Trọng sai khiến. Bí Trọng làm quan gián nghị, lẽ ra không có quyền tham dự vào việc tra xét gian nhân, nhưng vì Bí Trọng sợ để người khác tra hỏi, đánh đập khai toạc ra thì mang họa.

Trụ Vương nhậm lời. Bí Trọng dẫn Khương Hoàn ra trước ngọ môn không tra hỏi, đánh đập gì hết mà Khương Hoàn vẫn khai đủ điều.

Bí Trọng vội vào trước bệ, quì tâu:

– Hạ thần đã tra hỏi gian nhân xong Việc rất quan trọng.

Các quan ai nấy đều lắng tai nghe. Trụ Vương hỏi:

– Đứa hung phạm nghe lời ai sai khiến mà hành động như vậy?

Bí Trọng gật gù, tâu:

– Việc này hạ thần chẳng dám tâu.

Trụ Vương hét:

– Người dă lănh mệnh tra hỏi gian nhân sao lại ú ớ như vậy?

Bí Trọng nói:

– Nếu bệ hạ tha tội cho hạ thần, hạ thần mới dăm thuật lại lời gian nhân cung khai.

Trụ Vương nói:

– Người cứ tâu sự thật, giữa đây có đủ mặt văn võ bá quan xét xử.

Bí Trọng tâu:

– Thích khách họ Khương, tên Hoàn là gia tướng của Đông bá hầu Khương Hoàng Sở. Nó vâng lệnh Khương Hoàng hầu làm chuyện thí quân để Khương Hoàng Sở có dịp cướp ngôi. Nay bệ hạ phúc lớn tày trời nên gian nhân mới bị bắt.

Trụ Vương nghe tâu vỗ án hét như sấm:

– Khương hầu là người hôn phối của trẫm mà làm điều phản nghịch như vậy thì còn đạo lý gì nữa. Nếu trong cung đã sinh tệt thì họa tới bên mình. Giặc bên ngoài còn dễ phòng được chứ giặc trong thành làm sao giữ được? Trẫm giao việc này cho Tây cung Hoàng Quý phi tra hỏi Khương hầu cho rõ ràng rồi tâu lại cho trẫm biết.

Dứt lời, Trụ Vương đứng dậy về cung tức khắc, không hỏi han gì đến việc khá đang chờ mệnh vua.

Các quan hôm nay vào triều bệ kiến đã sắp xếp rất nhiều công việc để tâu trình, nhưng gặp việc bất thường như vậy ai nấy đều bàn tán xôn xao quanh vụ thí quân, và cũng không nói đến việc riêng của mỗi người nữa.

Quan Đại phu Dương Nhậm nói với Hoàng Phi Hồ:

– Khương hoàng hậu lâu nay có tiếng đoan chính và hiền lành, trị trong cung rất phải phép, chưa chắc đã làm chuyện như vậy. Tôi nghi trong cung có kẻ bày mưu để hại Hoàng hậu chẳng? Nếu chúng ta bỏ về hết gian nhân có dịp lộng hành thì oan cho Hoàng hậu lắm. Vậy chúng ta ở đây đợi tin Tây cung Hoàng Quý phi tra xét ra sao đã rồi sẽ liệu.

Các quan nghe theo, đều họp nhau nơi đền Cửu Gian chờ tin tức.

Bấy giờ Khương Hoàng Hậu đang ngồi trong cung, xảy thấy quan phụng ngự cầm chiếu vua đem vào. Khương Hoàng hậu vội quỳ nghe đọc chiếu như sau:

"Hoàng hậu ví với Thiên tử như đất sánh với trời, làm mẹ chung cả thiên hạ, mà chẳng lo đức chánh cho tròn. Lẽ ra phải coi sóc việc trong cung, giữ gìn giềng mối, để tiếng tốt về sau. Thế mà lại nuôi trai mạnh là Khương Hoàn khiến núp trong Phấn cung đón đường giết trẫm. May mà mạng trẫm chưa tuyệt nên mới bắt được gian nhân. Sau tra trước đền, gian nhân thú nhận rằng Khương tư thông với cha là Khương Hoàng Sở toan cướp ngôi vua. Như thế đạo tam cương không còn. Trẫm đã truyền bắt Khương Hoàng hậu giải đến Tây cung, nhờ Thứ phi tra hỏi. Vậy Thứ Phi cứ chiếu theo công luận, chớ nên vị tình.

Nay sắc".

. Khương Hoàng hậu nghe đọc chiếu xong khóc rống lên, nói:

– Ôi chao! Tại sao có việc lạ lùng? Ta xưa nay ở trong cung lo bề đức hạnh, tránh điều lỗi, sợ tiếng chẳng lành. Chẳng biết thằng giặc nào sanh sự, đổ tiếng xấu cho ta như vậy? Nay Thiên tử không xét, giải đến Tây cung, thân ta còn

gì nhục nhã hơn. Mất còn không thể, chỉ uống tiếng làm người không trọn nghĩa nhân.

Hoàng hậu tuy khóc nước mắt, song phải theo Phụng ngự đến Tây cung. Hoàng quý phi tiếp chỉ xem xong để trên án. Khương Hoàng hậu quì, nói:

– Lâu nay tôi sửa trị trong cung việc gì cũng ngay thẳng lấy nhân đức làm gương. Nay chẳng biết việc dữ do đâu xảy đến, bệ hạ không xét lại, nhất quyết đổ lỗi cho tôi. Xin Quý Phi xét lại kéo oan tình.

Hoàng Quý Phi nói:

– Trong chiếu Thiên tử đề quyết Hoàng hậu sai Khương Hoàn thí vua, đoạt giang san cho Khương Hoàng Sở. Vua lại có ý dứt tình hôn phối, bỏ nghĩa cang thường. Nếu việc này quả thật như vậy tội đáng tru di.

Khương Hoàng hậu nói:

– Xin Quý phi xét lại. Cha tôi cầm đầu hai trăm trấn chư hầu nhỏ, thân làm Quốc trưởng, chức đến tam công, con gái làm Chánh cung, cháu ngoại làm Thái tử, sau bệ hạ muôn tuổi có phải con tôi lên nối ngôi không? Hễ con nối nghiệp thì tôi làm Thái hậu, cha tôi thêm vinh hiển. Lẽ đâu cha tôi mưu phản để tám trăm chư hầu kéo binh đến vãn tội, để tiếng xấu thiên thu. Tôi dầu đàn bà cũng không đến nỗi ngu muội làm chuyện thí quân vô lý như vậy. Nếu Quý phi đem lời này nói đến tai Thiên tử, may ra Thiên tử thấu đáo lý tình, tôi được giải oan, thì ơn của Quý phi không nhỏ.

Hoàng Quý phi thấy Khương Hoàng hậu cũng thương tình, vì biết Khương Hoàng hậu là người hiền đức xưa nay, tánh khí cương trực, địa vị của Hoàng hậu không thể nào phản nghịch như vậy được. Tuy nhiên, việc này muốn minh oan

không phải dễ, vì ý vua đã đề quyết cho Hoàng hậu, nếu không tìm ra được bằng cứ thanh minh thì Hoàng hậu không tránh khỏi tội.

Hoàng Quý phi còn đang băng khuâng thì chiếu đã đến giục. Hoàng Quý phi liền lên kiệu đến cung Thọ Tiên. Vua Trụ hỏi:

– Con khốn đó đã chịu tội chưa?

Hoàng Quý phi tâu:

– Tôi tuân lệnh tra hỏi rất nghiêm, Khương Hoàng hậu quả là kẻ vô tội. Tôi chắc trong triều có gian tế, hành động như vậy để vu oan giá họa cho Hoàng hậu đó.

Trụ Vương hỏi:

– Ái Khanh lấy bằng chứng gì luận như vậy?

Hoàng Quý phi tâu:

– Tôi xét Khương Hoàng hậu là người hôn phối của bệ hạ đã lâu ngày, lại sanh được Đông cung. Nếu sau bệ hạ cháu trời tự nhiên Hoàng hậu sẽ lên ngôi Thái hậu, ức gì đâu mà lại gây họa dữ? Còn như Đông bá hầu thân làm Quốc trượng trị hai trăm trấn chứ hầu bỏ chức Quốc trượng lên làm vua, còn Hoàng hậu bỏ chức mình làm Công chúa? Điều ấy dầu đứa ngu cũng chưa làm hưởng hồ cha con Khương Hoàng Sở là kẻ ngay vua, thảo chúa? Xin bệ hạ xét lại lý tình, nghĩ công ơn và đạo đức Chánh cung đã mười mấy năm theo hầu bệ hạ mà tha tội cho Chánh cung thì ơn ấy rất trọng.

Vua Trụ nghe nói ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi nói:

– Lời của Quý phi phân tích rất rành rẽ, tình lý thấu đáo. Đây chắc Hoàng hậu bị hàm oan, nhưng rõ nguyên nhân do đâu.

Đắc Kỷ bước tới, miệng chúm chím cười, Trụ Vương hỏi:
– Mỹ nhân cười gì vậy?

Đắc Kỷ tâu:

– Hoàng Quý phi đã bị Chánh cung dùng tình cảm lung lạc sự thật rồi. Xưa nay kẻ làm dữ bao giờ cũng sắp đặt lý lẽ để chống đối. Chớ căn cứ vào lý lẽ mà tin theo hành động. Lý lẽ chỉ có giá trị đối với người ngay thẳng mà không có nghĩa gì đối với kẻ tham lam. Nay tội ác đã vỡ lở ra rồi, dù là kẻ ba đầu sáu tay cũng không ai chịu mình là tội phạm. Hành động thí quân tang chứng đã đành rành. Khương Hoàn là tay chân của Khương Hoàng Sở ai cũng biết, thì hoàng hậu còn chối vào đầu nữa. Vả lại trong tam cung lục viện, Khương Hoàn không chỉ cho ai lại đề quyết Hoàng hậu thì sao gọi là Hoàng hậu vô tội được?

Vua Trụ ngồi trầm tư:

– Tình lý thật khó mkinh.

Đắc Kỷ nói:

– Trong đời không ai chịu mình là kẻ có tội. Nếu muốn tỏ rõ sự thật bề hạ chỉ cần đem cục hình ra tra khảo tự nhiên biết hết.

Hoàng Quý phi nói:

– Tô mỹ nhân nói sai rồi. Hoàng hậu án với vua, là mẹ thiên hạ. Từ Tam Hoàng, Ngũ Đế đến nay, hễ chánh cung có tội hình chỉ được phép lưu đày, hoặc biếm lãnh cung, không được tra tấn, chém giết.

Đắc Kỷ nói:

– Xưa khác, nay khác. Luật hình là để sửa trị muôn người, không vì sang mà không chịu tội, cũng không vì hèn mà phải

cực hình. Nếu luật chỉ đặt ra để trừng trị riêng kẻ thiếu uy quyền thì còn gì lẽ công bình? Xin bệ hạ cứ xuống lệnh khoét Hoàng hậu một mắt. Con mắt là mộng của trái tim, Hoàng hậu sợ đau tất khai thiết. Vua Trụ nói:

– Ta bỏ điều luật tiên quân trừng trị Chánh cung như vậy, các triều thần dị nghị chăng?

Đắc Kỷ nói:

– Triều thần sẽ cho bệ hạ là một minh quân, không thiên vị. Dù vợ con có tội vẫn xét trị ngay thẳng.

Trụ Vương khen phải, liền truyền chỉ thi hành.

Hoàng Quý phi thấy lệnh vua độc ác như vậy chết điếng, đứng nhìn một lúc rồi lên kiệu trở về.

Bấy giờ Khương Hoàng hậu còn ở tại Tây cung, đợi lời xin tội của Hoàng Quý phi. Hoàng Quý phi về đến thấy Khương hậu thì khóc òa, nói:

– Hoàng nương ơi! Tôi có lòng tâu xin cho Hoàng nương khỏi tội, bệ hạ sắp nghe theo, nhưng Đắc Kỷ ghen hờn, thù oán, bày bệ hạ khảo tra, khoét một con mắt của Hoàng nương để Hoàng nương nhận tội. Bệ hạ không tưởng tình chăn gối, đã nghe theo lời con ác phụ đó. Bây giờ biết làm sao? Hay Hoàng nương chịu tội đỡ để bảo vệ thân xác rồi sau sẽ liệu?

Khương Hoàng hậu vừa khóc vừa nói:

– Cám ơn em có lòng thương chị, song chị cũng là người có học, lẽ nào tiếc mạng mình chịu tiếng nhơ. Chị đã không có hành động giết chồng, phản vua chịu đỡ sao được. Nếu vua không thương chị thì chị chịu tan xương nát thịt mà thôi. Dầu phải chết để bảo tồn danh tiết chị cũng vui, huống hồ khoét một mắt.

Hoàng Quý Phi nói:

– Tôi xem Đắc Kỷ tàn nhẫn lắm, thế tất bày nhiều việc ác nữa. Bệ hạ đã nghe lời, chị em ta không thể nào yên thân với nó.

Khương Hoàng hậu nói:

– Bệ hạ là đấng chí tôn, thân xác chúng ta không dám tiếc, chỉ cần chúng ta làm sao bảo vệ được tiếng thơm muôn đời, không phản vua, hại nước là được rồi.

Hoàng hậu và Quý phi còn đang than thở thì đã có chiếu vua đến giục, bảo Hoàng hậu phải khoét một mắt.

Quý phi quá đau lòng, lại một lần nữa khuyên Hoàng hậu:

– Hay chịu chị đỡ qua cơn sóng gió rồi sẽ tính. Nếu để vua khoét mắt thì còn gì tính mạng?

Khương Hoàng hậu nói:

– Thà chết cũng đành, tôi không thể chịu tội vô cớ được.

Quan ngục ngục nhiều lần thúc hối, cực chẳng đã quý phi mới phải tuân lệnh khoét một con mắt của Khương Hoàng Hậu để trong chậu vàng đem về dâng cho vua. Máu chảy lai láng, Hoàng hậu ngã lăn xuống đất bất tỉnh.

Có thơ than:

*Khoét mắt đau lòng kẻ trung lương,
Đắm sắc quên tình, nịch quân vương
Ngàn năm oán hận đời còn nhớ,
Số kiếp phôi pha mảnh má hương.*

Hoàng Quý phi động lòng khóc tức tưởi, theo chân viên quan Phụng ngự đến cung Thọ Tiên để yết kiến vua Trụ. Vua Trụ thấy mặt Hoàng Quý phi liền hỏi:

– Con khốn nạn ấy bị khoét mắt đã thú nhận tội lỗi rồi chứ?

Hoàng Quý phi quỳ tâu:

– Khương hậu không có lòng bất nghi, quyết không chịu tội oan. Tôi ép chịu đỡ, Khương hậu cũng không nghe, thà chịu chết chứ không chịu tiếng nhơ. Tôi phải tuân lệnh bệ hạ khoét mắt đến tận xương, thật đau đớn khi nhìn vào chậu này.

Trụ Vương nhìn thấy trong chậu vàng có để con mắt đầy máu tươi, lòng bất nhẫn, nghĩ đến tình xưa nghĩa cũ ăn năn hối hận, nhưng đã muộn, liền day qua trách Đắc Kỷ:

– Trẫm nghe lời mỹ nhân khoét con mắt của Hoàng hậu, té ra tra vẫn không ra án. Nếu Hoàng hậu vô tội mà bị hành hình như vậy các quan trách trẫm thì trẫm biết trả lời làm sao?

Đắc Kỷ nói:

– Thần thiếp tướng Chánh cung có bụng hại chồng phản chúa. Nay việc đã lỡ như vậy rồi, nếu không làm cho Chánh cung chịu, tội ác sẽ đổ dồn về bệ hạ hết. Hơn nữa, Đông bá hầu đang trấn một cõi, binh hùng tướng mạnh, nếu hay được chuyện này tất đem binh vấn tội bệ hạ, báo oán cho con, bệ hạ liệu làm sao?

Trụ Vương nghe nói toát mồ hôi, hỏi:

– Bởi ta nghe lời mỹ nhân mới sanh chuyện như vậy. Bây giờ biết liệu làm sao?

Đắc Kỷ nói:

– Việc đã lỡ rồi, bây giờ phải làm thế nào cho Khương hậu nhận tội thì mới che mắt được các quan, và Đông bá hầu khỏi viện cớ cử binh.

Trụ Vương bấy giờ như bị dồn vào tường, lòng bối rối, không biết phải tính sao, tới lui đều bất tiện, ngồi làm thỉnh giây lâu mới mở lời hỏi Đắc Kỷ:

- Mỹ nhân có cách nào làm cho Khương hậu chịu tội không?

Đắc Kỷ nói:

- Bệ hạ cứ truyền cho Hoàng Quý phi tra khảo đến mức, thế nào Khương hậu cũng không chịu đau nổi, buộc lòng phải nhận tội.

Trụ Vương hỏi:

- Mỹ nhân định tra khảo cách nào?

Đắc Kỷ nói:

- Dùng bàn ủi đồng thật nóng ủi vào hai bàn tay, hơi nóng cháy ruột gan, lẽ nào không chịu tội?

Trụ Vương nói:

- Theo lời Hoàng Quý phi thì Khương hậu đã chịu hàm oan, ta khoét một mắt đã là tàn nhẫn quá rồi, nữ nào còn dùng lửa đốt hai bàn tay nữa.

Đắc Kỷ nói:

- Việc đã đến nước này chẳng khác nào cỡi cọp, nhảy xuống sẽ bị cọp ăn mất. Thà để Khương hậu chịu oan còn hơn bệ hạ mắc tội với chư hầu và các quan văn võ.

Trụ Vương cực chẳng đã phải truyền chỉ làm y như lời Đắc Kỷ.

Hoàng Quý phi nghe nói hồn vía lên mây, vội vã trở về cung, thấy Khương hậu máu me đầm dề, nằm rên rỉ dưới đất, trông rất thảm thiết.

Hoàng Quý phi nói:

- Chị ơi! Chuyện này chắc chết. Vua nghe lời Đắc Kỷ bày chuyện tàn nhẫn. Chẳng biết kiếp trước chị mang tội gì mà kiếp này mắc phải tai ương như vậy.

Vừa nói vừa đỡ Khương hậu dậy. Sau một hồi đau đớn, Hoàng Quý phi lại khuyên:

– Thôi chị đánh liều chịu đỡ để bảo tồn mạng sống. Tôi thấy bệ hạ quá nuông chiều Đắc Kỷ, không kể đến tình vợ chồng rồi. Nếu chị không chịu tội, bệ hạ sẽ truyền nướng bàn ủi đỏ dí vào hai bàn tay chị. Hình phạt thảm khốc như vậy làm sao chị chịu nổi.

Khương hậu khóc lóc nói:

– Số phận chị đã như vậy thì liều một thác cho xong. Thôi em làm chứng cho lòng chị, chị đành nhắm mắt, cắt đứt dây oan nghiệt.

Nói vừa dứt lời thì có quan Phụng ngự đem bàn ủi đến và truyền lệnh:

– Vâng chỉ bệ hạ, nếu Khương hậu không chịu tội thì đốt hết hai bàn tay.

Khương hậu lòng sắt đá, chẳng thà chết chứ không chịu nỡ danh, liền đưa hai bàn tay ra hứng lấy cực hình. Quan Phụng ngự để bàn ủi nóng lên, thịt cháy xèo xèo, khét lẹt, mấy ngón tay cong quắp lại, các gân guốc cháy khô. Khương hậu hét lên mấy tiếng rồi chết giắc.

Người sau có làm thơ than:

*Bàn ủi đỏ lòm ngọn lửa than,
Hai tay như sắt, dạ như vàng
Thương cho bảy lá gan trinh tiết
Dẫu nạn mười năm chưa hết oan.*

Hoàng Quý phi không dám mở mắt nhìn, bịt mắt khóc như mưa.

Thấy Khương hậu chết giắc, Hoàng Quý phi khiến quan

Phụng ngự thôi trả khảo rồi lên xe đến cung Thọ Tiên tâu với Trữ Vương:

– Khương hậu bị hành hình hai bận, chết giấc hai lần vẫn nhất thiết không nhận hàm oan. Tôi chắc trong cung có gian thần bày mưu hại Khương hậu đó. Nay bệ hạ đối xử với Chánh cung quá tàn nhẫn trong lúc Chánh cung vô tội, tôi e sẽ xảy đến việc chẳng lành.

Vua Trữ thất kinh, nói:

– Việc này trăm lỗ nghe lời mỹ nhân, bây giờ biết làm sao?

Đắc Kỷ lại quỳ tâu:

– Bệ hạ chớ lo, Khương Hoàn còn đó, xin bệ hạ cho Hồ oai tướng Triều Điền, Triều Lô dẫn Khương Hoàn đến cung Tây đối nại trước mặt giai nhân mình, Khương hậu không còn chối cãi vào đâu nữa.

Trữ Vương khen:

– Mỹ nhân nói phải.

Liền truyền lệnh làm y kế ấy.

LỜI BÀN

Kẻ không lo điều bại xa thì việc nguy hiểm đến rất gần.

Gia đình là nền móng của quốc gia. Kẻ không trị nổi gia đình thì mong gì trị quốc được.

Trữ Vương đắm mê tửu sắc, cái cơ mất nước đã thấy trước mắt, nhưng điều hại trước tiên là khuynh đảo gia

đình. Con một Đắc Kỷ tuân tự đục khoét từ bản thân vua Trụ, rồi đến gia đình, sau nữa mới đến quốc gia.

Nếu Trụ Vương là người sáng suốt một chút, một chút thôi cũng đủ thấy cái hại ấy rồi. Thế mà Trụ Vương vẫn mù quáng, lời nói nào của Đắc Kỷ vẫn cho là phải, hành động nào của Đắc Kỷ vẫn cho là đúng.

Khuông Hoàng hậu là Jối tượng trước của Đắc Kỷ, mới trở ngại trước mắt để Đắc Kỷ trừ bỏ, nếu muốn lung lạc vua Trụ. Thế thì Khuông Hoàng hậu bị Trụ Vương hành hình là chuyện không thể tránh được.

Xuyên qua lễ lịch sử, Trụ Vương mê Đắc Kỷ đến nỗi mất nước là chuyện có thật. Nhưng chuyện bà Nữ Oa sai Hồ Ly tinh xuống nhập vào xác Đắc Kỷ để báo vua Trụ chẳng qua là chuyện hoang đường, cũng như trong Tây Du Ký việc Trần Huyền Trang đi với Tề Thiên, Bát Giới, Sa Tăng vượt tám mươi một đồng yêu là chuyện thần thoại, do tác giả sắp đặt để thần thoại hóa cốt chuyện mà thôi.

Ở đây chúng ta bỏ ra ngoài việc Hồ ly tinh nhập xác Đắc Kỷ mà chỉ tìm nguyên nhân Đắc kỷ đã phá phách làm hư hại giang sơn Trụ Vương là do động cơ nào thúc đẩy?

Trước hết, chúng ta thấy kẻ làm sai bao giờ mọi người cũng không thích. Trụ Vương mê Đắc Kỷ, trọng sắc đẹp hơn giang sơn, triều thần tất không ưa. Đã không ưa thế nào cũng tìm cách ngăn cản, giác ngộ nhà vua. Hành động ngăn cản của triều thần là một hành động đối lập với Đắc Kỷ. Bởi vì, Trụ Vương một khi đã giác ngộ, nghe lời triều thần xa lánh mỹ sắc thì địa vị Đắc Kỷ còn gì nữa. Đắc Kỷ muốn củng cố địa vị nhất định phải đi trên con đường dùng sắc đẹp lung lạc nhà vua để sai khiến nhà vua, do đó trong triều nội, từ cung cấm đến các quan tào ra một mâu thuẫn. Mâu thuẫn ấy mỗi ngày một tăng lên và sâu sắc thêm. Việc Trụ Vương giết Mai Bá, hành hình

Khuong hậu chính là những mâu thuẫn đầu tiên đưa Trụ Vương vào hồi chia rẽ tôi thân. Mâu thuẫn ấy là mâu thuẫn giữa Đắc Kỷ và triều thần mà Trụ Vương chỉ là kẻ sai khiến của Đắc Kỷ thôi.

Cho nên, đọc những hành động tàn ác của Trụ Vương, chúng ta không để ý đến Trụ Vương mà chỉ để ý đến Đắc Kỷ.

Nhưng Đắc Kỷ phá giang san Trụ Vương để có lợi gì?

Trụ Vương mất nước, Đắc Kỷ không có lợi gì cả. Nhưng nếu Đắc Kỷ không giết hại tôi trung, để Trụ Vương nghe lời can gián, bỏ rơi Đắc Kỷ thì Đắc Kỷ còn tai hại hơn nữa.

Được Trụ Vương nịnh ái, tôn sùng sắc đẹp, Đắc Kỷ nhất định phải như vậy

HỒI THỨ TÁM

HỌ PHƯƠNG CÔNG CHÚA PHẢN TRIỀU CA

HOÀNG Quý phi về đến Tây cung thì Triều Điện, Triều Lô cũng dẫn Khuong Hoàn đến quỳ dưới đất.

Hoàng Quý phi trông thấy thở dài, nói với Khuong hậu:

– Nương nương ơi, bệ hạ lại truyền dân thăng oan nghiệt đến đây để dối nài. Thật là mưu của Đắc Kỷ hết. Song việc này em thấy chẳng ngại gì. Em sẽ có cách làm cho đứa gian manh khai ra kẻ bày mưu, để bệ hạ rõ chuyện trắng đen.

Thật ra Hoàng Quý phi đã có dự mưu, muốn dùng hình

phạt tra tấn Khương Hoàn để tìm hiểu sự thật.

Khương hậu trông thấy gần đó có một gà trống sỡ hai tay chân trói chặt, thân mình cao lớn, mặt mày hung ác, liên mắng lớn:

– Thằng khốn kiếp! Mày nghe lời ai làm điều quấy lại đổ tội cho ta. Tàn ác như vậy, trời nào để mày sống.

Khương Hoàn nói lạnh lạnh:

– Tôi là kẻ gia nhân của Hoàng hậu trước kia, Hoàng hậu quên rồi sao? Hoàng hậu muốn thí vua, đem cơ nghiệp Thành Thang cho Đông bá hầu sửa trị, nên sai tôi làm việc ấy. Nay việc không thành, tôi bị bắt, cứ sự thực khai ngay. Hoàng hậu bảo tôi phải nói làm sao bây giờ?

Hoàng Quý phi nổi giận mắng Khương Hoàn:

– Phán thần! Mày làm cho Hoàng hậu thân thể ra nông nổi này mà không chút gì ăn năn hối hận sao? Nếu mày không nói rõ kẻ nào bày biểu mày thì ta quyết đánh mày cho đến chết.

Lúc bấy giờ, Ân Giao và Ân Hồng là hai vị Hoàng tử, con ruột Khương Hoàng hậu đánh cờ ở Đông cung, bỗng có Thái giám Dương Dung chạy vào gọi lớn:

– Hai vị Hoàng tử, hãy thôi đánh cờ đã. Có việc trọng đại xảy đến.

Ân Giao, Ân Hồng tách còn con nít, ham chơi, không thèm để ý đến lời nói của Thái giám.

Thái giám Dương Dung la lớn:

– Trong cung có việc chẳng lành, sao hai vị Hoàng tử cứ mê trong cuộc vui, không nghe lời tôi nói?

Ân Giao buông mấy quân cờ xuống, quay lại hỏi:

– Việc gì mà chẳng lành? Trong cung vừa xảy ra điều chi?
Dương Dung vừa khóc vừa kể:

– Không biết đứa phản tặc nào đã âm mưu thích khách bệ hạ, rồi đổ tội cho Chánh cung, khiến bệ hạ hành hình Chánh cung một cách thảm thiết.

Ân Giao đứng phắt dậy, hỏi vội:

– Mẫu hoàng ta bị hành hình cách nào?

Dương Dung nói:

– Bệ hạ đã khoét mắt còn đốt cả hai tay, cố tình tra khảo, nhưng Chánh cung vì oan tình quyết chẳng chịu tội.

Ân Hồng nói:

– Phụ hoàng ta nhờ nào lại đối xử với mẫu hậu ta như thế, đây chắc có kẻ phản nghịch đã xúi phụ hoàng ta bỏ đạo cang thường.

Ân Giao hỏi:

– Mẫu Hoàng ta hiện giờ ở đâu?

Dương Dung nói:

– Hiện đang cùng với đứa gian nghịch đối chất nơi Tây cung.

Ân Giao kêu lên một tiếng, cùng với Ân Hồng chạy vội đến Tây cung. Vừa bước vào thấy Khương hậu máu chảy đầm đề, nằm thở hổn hển, cả hai vị Hoàng tử đều ôm chầm lấy Hoàng hậu khóc rống lên.

Ân Giáo mếu máo:

– Vì sao Mẫu hậu lại ra nông nỗi này. Dù Mẫu hậu có phạm tội gì đi nữa cũng không thể chịu trừng phạt như vậy.

Khương hậu thấy hai con mình, khóc tức tưởi:

– Con ơi! Cha con mê sắc, không kể đến nghĩa vợ chồng, nghe lời Đắc Kỷ khoét mắt và đốt hai tay mẹ cháy như vậy. Khương Hoàn kẻ phản nghịch trước mặt các con kia, nó đã âm mưu với bọn ác tâm, thí quân rồi khai cho mẹ chủ mưu. Mẹ thù chết chứ không chịu tiếng nhơ. Hai con phải trả cho mẹ thù này, ấy là con đền ơn mẹ sanh thành dưỡng dục.

Nói đến đây Khương hậu ré lên một tiếng rồi tắt thở, có lẽ giờ phút đó, Khương hậu bị kích động quá không còn chịu nổi.

Ân Giao thấy mẹ mình chết thảm, đau lòng quá, nhảy xổ đến trước cửa cung, giật một thanh gươm chém Khương Hoàn một nhát đứt làm hai đoạn.

Máu tuôn như suối. Tuy vậy, Ân Giao chưa hả giận, cầm gươm chạy ra cửa nói lớn:

– Ta phải giết chết Đắc Kỷ để rửa hận cho mẫu hoàng ta.

Ân Giao xách gươm chạy như tên bắn.

Triều Điền, Triều Lôi thấy Ân Giao giết Khương Hoàn lại xách gươm đến cung Thọ Tiên, liền chạy về phi báo.

Hoàng Quý phi thấy thế thất kinh, than:

– Ấu nhi, chưa thạo việc đời, e mang họa:

Liền khiến Ân Hồng chạy theo gọi Ân Giao lại. Ân Hồng không dám cãi mệnh Hoàng Quý phi vội chạy theo gọi:

– Hoàng huynh! Hãy trở lại để Hoàng nương nương dạy việc.

Ân Giao cực chẳng đã phải trở lại mặt hầm hầm sát khí. Hoàng Quý phi nói:

– Điện hạ nóng nảy quá! Tại sao lại chém Khương Hoàn. Nó là đứa oan nghiệt, làm cho Hoàng hậu bị hành hình. Nhưng

cũng chính nhờ nó mà ta có thể rửa oan cho Hoàng hậu. Ta đã có cách tra hỏi, nay Điện hạ giết mất Khương Hoàn rồi còn ai khai ra sự thật nữa? Ta định đốt tay nó, để nó chịu không nổi khai đứa chủ mưu.

Bấy giờ Ân Giao mới thấy việc nóng nảy của mình là tai hại.

Hoàng Quý phi lại nói:

– Điện hạ còn xách gươm vào cung giết Đắc Kỷ nữa. Đắc Kỷ đang gần gũi bệ hạ, nếu Điện hạ cầm gươm vào đó, bệ hạ nghe lời đứa gian nịnh, kết tội Điện hạ muốn giết vua thì Điện hạ lấy lý nào gỡ được? Ta chắc Triều Diên, Triều Lôi, hai đứa ấy đã về cung Thọ Tiên đặt điều tâu dối rồi đó.

Ân Giao ăn năn nhưng việc đã muộn, lòng nóng như lửa đốt mà không biết phải làm cách nào cho nguôi cơn bức tức được.

Quả thật, lời dự đoán của Hoàng Quý phi không sai. Triều Diên, Triều Lôi về đến cung Thọ Tiên, thở hổn hển vào tâu với Trụ Vương:

– Điện hạ đã giết chết Khương Hoàn còn xách gươm chạy vào cung, không biết ý định thế nào.

Vua Trụ giận lắm, hét:

– Tội phản nghịch của Khương hậu chưa tra xét xong, còn lại dám xách gươm vào hại cha. Tội ấy không dung được.

Nói rồi liền trao gươm long phụng cho hai tướng, truyền chém đầu Ân Giao và Ân Hồng đem về nạp.

Hai tướng vâng lệnh lãnh gươm đến Tây cung. Bọn thế nữ trông thấy vội vào báo với Quý phi:

– Bệ hạ trao gươm long phụng cho hai tướng Triều Diên, Triều Lôi bảo đi tìm hai vị Hoàng Tử giết.

Hoàng Quý phi nghe nói mặt xám ngắt, nghĩ thầm:

– Đã hại vợ lại giết con thì còn đạo đức gì nữa. Con là nguồn huyết mạch, sao nỡ cắt bỏ cho đành? Nếu ta không liều lĩnh thì không thể cứu hai vị Hoàng tử phen này.

Liền chạy vọt ra trước cửa cung, đón hai tướng lại, hỏi:

– Sao bây loạn phép, dám xông vào cung cấm?

· Hai tướng thưa:

– Chúng tôi vâng lệnh bệ hạ đi tìm hai vị Thái tử hạ sát, đem đầu về nạp.

Hoàng Quý phi hét lớn:

– Loạn thần! Chớ xảo ngôn lúc này các người ở đây đã thấy hai vị Thái tử ra khỏi Tây cung rồi, tại sao các người còn đến đây tìm? Rõ ràng các người mượn lệnh Thiên tử đột nhập vào cung cấm để trêu chọc các cung phi. May phước chúng bay có gương vua, nếu không ta chém đầu hết.

Triều Điền, Triều Lô nghe nói thất sắc, vội cúi mặt chạy thẳng qua Đông cung, không dám nói lời nào nữa.

Hai tướng đi rồi, Hoàng Quý phi vào gọi Ân Giao, Ân Hồng nói:

Hôn quân quyết giết hết vợ con. Nay Quốc mẫu đã chết, hai vị điện hạ cũng khó sống được, phải liệu cách trốn đi.

Ân Giao hỏi:

– Phụ Hoàng còn có hành động nào nữa?

Hoàng Quý phi chỉ ra cửa cung nói:

– Bệ hạ vừa sai hai tướng họ Triều cầm gương long phụng đến tìm giết hai vị điện hạ đấy. Vậy hãy sang tam cung, chỗ Dương Quý phi ở lánh mặt một thời gian, đợi các quan can gián xem sao.

Hai vị Hoàng tử khóc òa:

– Phụ Hoàng không nghĩ đến tình vợ con nữa, chúng con còn biết nương cậy vào đâu. Hoàng nương thương chúng con bảo bọc, ơn ấy rất trọng.

Hoàng Quý phi nói:

– Hãy lo lánh mặt kéo trễ thì họa đến chẳng kịp nữa. Ôn nghĩa nhị vị đừng nói đến.

Ân Giao nói:

– Nay Mẫu hoàng bị chết thảm thiết như vậy xin Hoàng nương tìm cách khâm liệm giùm, kéo tội nghiệp quá!

Hoàng Quý phi nói:

– Việc đó tôi đang lo. Hai vị điện hạ cứ tin lòng tôi là đủ.

Ân Giao, Ân Hồng lạy tạ rồi trốn sang cung Hình Khánh. Vừa đến nơi đã thấy Dương Quý phi đang đứng trước cửa cung, ngóng chờ tin tức của Khương Hoàng hậu. Ân Giao trông thấy khóc rống lên. Dương Quý phi thất kinh hỏi:

– Hai vị điện hạ có việc gì vậy? Chẳng hay tin tức của Mẫu hậu thế nào?

Ân Giao thưa:

– Phụ hoàng tôi nghe lời Đắc Kỷ dùng cực hình tra tấn, khoét mắt và đốt tay Mẫu hoàng tôi. Mẫu hoàng tôi chết rồi. Nay phụ hoàng lại trao gươm rồng, truyền hai tướng họ Triệu tìm giết anh em tôi nữa. Xin Dương nương nương thương tình cứu mạng.

Dương Quý phi nước mắt tràn trề nói:

– Thật tàn nhẫn! Thôi, hai vị điện hạ mau vào cung trốn đỡ rồi sẽ liệu.

Ân Giao, Ân Hồng liền vào trong tìm chỗ ẩn kín thân.

Còn Dương Quý phi thì đứng canh chừng ngoài cửa, phòng anh em họ Triều đến lục soát.

Quả nhiên, Triều Điền, Triều Lôi lục soát bên Đông cung không tìm thấy Ân Giao, Ân Hồng liền xách gươm thẳng đến cung Hình Khánh. Gặp lúc Dương Quý phi đang đứng ngoài cửa cung, trông thấy liền truyền các quan Thái giám bắt hai tướng họ Triều trối lại, và nói:

– Chỗ này là cung cấm, sao chúng bây dám đến xông vào, vô kỷ cương như vậy? Ta tru di tam tộc đó.

Anh em họ Triều mất vía, run rẩy nói:

– Chúng tôi tuân lệnh bệ hạ đến tìm bắt hai vị điện hạ. Vì có gươm lệnh trong mình nên không dám làm lễ, xin Quý phi chỉ giùm hai vị điện hạ cho chúng tôi.

Dương Quý phi hét:

– Đừng nói bậy! Điện hạ ở nơi Đông cung, còn cung Hình Khánh là cung riêng của ta, chúng bây đến đây nói lớn quá ta chém đầu lập tức. May mà có gươm lệnh, nếu không hai đứa bây đã mất đầu rồi.

Hai tướng túng thế phải quay về. Dương Quý phi liền vào cung gọi Ân Giao, Ân Hồng nói:

– Chỗ này tai mắt rất đông, hai vị điện hạ ở lâu không tiện, hãy đến đền Cũ Gian vào ra mắt Vi Tử, Cơ Tử, Tì Can, Tử Diễn, Hoàng Phi Hổ, may ra những vị đại thần ấy có thể tâu với vua xin tội cho nhị vị. Hai anh em Ân Giao lạy tạ ra đi. Dương Quý phi ngồi một mình buồn bã nghĩ thầm:

"Khuông Hoàng hậu là vị hôn phối của vua, còn hai điện hạ là dòng máu của vua, thế thì vua còn nghe theo lời Đắc Kỷ dứt bỏ tình nghĩa, cắt lìa ruột thịt, huống chi ta là cung ba, phận bọt bèo, lại không con cái gì hết, sớm muộn không khỏi

bị Đắc Kỷ làm nhục. Hơn nữa, nếu Trụ Vương hay chuyện giấu hai vị Hoàng tử trong cung thì tội ấy không thể trốn lánh vào đâu chỉ bằng tính trước cho yên".

Nghĩ như vậy Dương Quý phi than khóc nửa ngày rồi vào hậu cung thất cổ tự vận.

Quan Thái Giám biết được, vội vào báo với Trụ Vương, Trụ Vương không rõ Dương Quý phi buồn việc gì tự sát như vậy, liền truyền tấn liệm; quàng nơi Bạch Hổ.

Bấy giờ, Hoàng Quý phi vào cung Thọ tiên khóc lóc tâu:

– Khương hậu bị hành hình chịu không nổi đã chết rồi. Trước khi chết, Khương hậu có lời trăng trối rằng: "Tôi thờ bệ hạ mười mấy năm chẳng hề phạm tội, không chút ghen tương, chẳng biết gian nhân nào đã bày điều vu oan giá họa để bệ hạ hình phạt như vậy. Thân chết không bằng thú vật, tiếng nhớ không biển nào rửa cho hết. Sau khi tôi chết, xin bệ hạ để xác tôi nơi đền Bạch Hổ cho các quan luận tội minh oan". Đó là mấy lời Khương hậu cậy tôi tâu với bệ hạ. Hiện giờ xác Khương hậu còn tại Tây cung, xin bệ hạ nghĩ tình nguyên phối cho phép tấn liệm để khỏi tiếng thị phi.

Vua Trụ truyền làm theo lời của Hoàng Quý phi.

Hoàng Quý phi lay ta, rồi về cung lo việc tẩm liệm thi hài của Khương hậu rất trọng thể.

Trong lúc đó thì hai tướng Triều Điền, Triều Lôi từ cung Hình Khánh trở về tâu với Trụ Vương:

– Chúng tôi đến Đông cung tìm khắp nơi vẫn không tìm được hai điện hạ.

Vua Trụ hỏi:

– Hay là chúng đến Tây cung thăm Khương hậu?

Hai tướng tâu:

– Không có bên Tây cung, cũng không có nơi cung Hình Khánh.

Vua Trụ nói.

– Không có trong ba cung tức chúng đã trốn ra đền lớn thông tư với triều thần, âm mưu khởi loạn chẳng. Phải bắt giết cho được.

Hai tướng tuân lệnh, một lần nữa vác gươm rồng ra đi.

Bấy giờ, Ân Giao, Ân Hồng đã thoát ra được trước đền lớn, thấy bá quan còn hội đủ mặt để chờ tin Hoàng Hậu, hai vị hoàng tử khóc lên. Hoàng Phi Hổ lật đật nghênh đón hỏi:

– Vì cớ gì hai vị Điện hạ kinh hãi như vậy?

Ân Giao nói:

– Vô Thành Vương ơi. Hãy cứu mệnh anh tôi với. Mẫu hậu không có lòng phản nghịch mà phụ vương tôi nghe lời Đắc Kỷ chẳng xét oan tình, ra lệnh khoét mắt, rồi đốt cháy cả hai bàn tay, khiến Mẫu hậu phải bỏ mình. Chúng tôi thấy Khương Hoàn, đứa gian nghịch thí vua có mặt trong Tây cung để dối chúng, nổi giận chém đi, phụ vương tôi lại sai hai tướng họ Triều, trao gươm rồng, tìm giết. Thật không còn tình nghĩa gì nữa. Xin các quan tìm cách cứu vãn tình thế, minh oan cho Mẫu hậu, cứu mạng anh em tôi trong cơn nước lửa này.

Ân Giao, Ân Hồng kể lễ một hồi lại khóc lớn lên. Các quan thấy cảnh ấy cũng động lòng.

Có một người đề nghị:

– Chúng ta hưởng lộc nước, mũ cao áo dài ngồi chễm chệ thế này, lẽ nào nước nhà đảo lộn lại ngồi gó. Vậy thì nổi trống dền lên, mời bệ hạ lâm triều để tra xét phân minh vụ

án này, trước mình oan cho Quốc mẫu, sau truy tầm đưa gian nghịch trừ loạn.

Các quan còn phân vân chưa biết phải làm gì thì có một người hét lên một tiếng như sấm:

– Thiên tử dẫm tửu sắc, giết vợ hại con, bày Bào lạc đốt tôi trung. Tình vua tôi đã tổn thương, tình gia đình đã đổ vỡ, mỗi nước không thể giữ nổi nữa đâu. Chi bằng chúng ta tính chuyện khác cho rồi.

Một người khác lại ứng tiếng phụ họa:

– Phải rồi! Chim khôn chọn cây mà đậu, tôi hiền chọn chúa mà thờ. Nay vua giết vợ hại con, nhân nghĩa không còn cương thường đảo lộn. Một ông vua như vậy chúng ta cứ khom lưng tôn thờ đã mang tiếng xấu hổ lại không ích gì cho quốc gia. Còn cứ nhìn nhau khóc lóc như đàn bà lại là hèn hạ. Theo ý tôi nên đồng lòng phế hôn quân xuống, tôn vua khác lên ngôi. Như vậy mới bảo vệ xã tắc được.

Các quan xem lại thì hai người vừa nói là Phương Bất và Phương Tướng, hai anh em ruột đang làm chức Triều điển tướng quân.

Hoàng Phi Hổ nghe nói nạt lớn:

– Hai người là quan nhỏ sao dám loạn ngôn như vậy? Bao nhiêu cận thần đây lại không đủ trí để định đoạt à? Các người tội đáng chết. Không lo trốn đi còn đứng đó đợi bắt sao?

Phương Bất và Phương Tướng cúi đầu lui ra ngôi vị mình. Tuy nhiên hai người cũng đã ngầm hiểu ý của Hoàng Phi Hổ muốn gì rồi.

Hoàng Phi Hổ thấy việc nước sanh nhiều tai biến, lòng dân rời rã, triều thần không còn cách gì đứng vững, buồn bã than vãn với các đại thần.

Những vị trung thần tuổi trẻ nghiêng răng trợn mắt, hậm hực vô cùng. Còn các bậc lão thành có công xây dựng lâu nay, mang nhiều tình cảm, không nỡ có ý định thay trật đỏi ngôi, chỉ cảm hận kẻ gây ra thảm họa.

Quan cận thần Dương Nhậm, một lão quan lớn tuổi thờ dài nói:

– Vua bị mờ ám, giết vợ hại con, không kể đến tình tôi chúa nhất định bên trong có kẻ gian nịnh âm mưu làm loạn. Một lũ chúng ta bây giờ chỉ làm trò cười cho chúng, và một ngày nào đó tánh mạng chúng ta cũng không khỏi chết.

Hoàng Phi Hồ nói:

– Lời của Dương Đại phu nói rất phải. Song chúng ta làm tôi Thành Thang đã ba đời, bề nào cũng phải tìm cách khuyên vua bỏ lỗi sửa mình.

Tỉ Can, Vi Tử Khải và Vi Tử Diển nhớ đến cơ nghiệp của tiên nhân, khóc sùi sùi không dứt.

Phương Bật và Phương Tướng thấy tình trạng không giải quyết đến đâu liền hô lớn:

– Vua Trụ lỗi đạo lắm, giết vợ, hại con, bỏ cương thường, nay chúng tôi đưa hai vị diện hạ đến Đông Lỗ viện binh trừ hôn quân và tôn Đông cung lên làm vua thay thế vua Trụ kế nghiệp Thành Thang.

Nói rồi hai anh em họ Phương công Ân Giao, Ân Hồng chạy ra khỏi triều, rời triều ca, nhắm Đông Lỗ chạy riết.

Ân Giao, Ân Hồng nhờ anh em Phương Bật, Phương Tướng mà thoát đại nạn.

Người sau có thơ tặng anh em họ Phương:

*Anh em Phương Bật thật anh tài,
Công chúa ra ngoài chẳng sợ ai.*

Nghĩa khí khuyên đừng chê lỗ mãng.

Dem thân làm ngựa, chúng kinh oai.

Các quan thấy Phương Bật, Phương Tướng làm phản thấy đều kinh tâm. Chỉ riêng Hoàng Phi Hổ làm như không biết, và cũng không để ý đến.

Tỉ Can là chú của vua Trụ, bước đến hỏi nhỏ Hoàng Phi Hổ:

– Anh em họ Phương ra mặt phản loạn giữa triều sao Võ Thành Vương để yên như vậy?

Hoàng Phi Hổ nói:

– Tôi tiếc nội trào không ai bằng anh em họ Phương cả. Chúng nó tuy lỗ mãng song còn biết thương Quốc mẫu thác oan, lo hai vị Thái Tử bị hại. Vì chức nhỏ, không được phép can gián, nên trong tình thế nguy cấp không biết làm sao phải liều thân công hai vị Thái tử chạy đỡ. Chúng cũng biết một khi triều đình đem quân đuổi bắt thì tánh mạng chẳng còn. Chúng ta cũng nên thương tình hơn là chấp trách.

Các quan chưa kịp đàm luận thì đã nghe tiếng chân người chạy rần rần, xem lại là Triều Điền và Triều Lôi cầm gươm lệnh chạy đến giữa đền hỏi:

– Có hai vị Điện hạ đến đây chăng?

Hoàng Phi Hổ nói:

– Hai vị Điện hạ vừa đến đây khóc lóc. Anh em họ Phương động lòng công chạy trốn rồi. Họ vừa thoát ra cửa Nam thành, hai ông có lệnh vua sai thì hãy đuổi theo bắt về trị tội.

Triều Điền và Triều Lôi nghe Phương Bật và Phương Tướng làm phản đều thất kinh, không dám đuổi theo. Bởi vì Phương Bật mình cao mười sáu thước, còn Phương Tướng

mình cao mười bốn thước, cả hai sức mạnh như voi, hung dữ như cọp, nếu hai tướng này đuổi theo, anh em họ Phương nổi giận đá cho mấy đá toi mạng ngay.

Thật ra Hoàng Phi Hổ thấy anh em họ Điện không có lương tâm, quyết lòng giết hai vị Thái Tử nên cố nói gạt, để chúng đuổi theo anh em họ Phương, ăn đòn một trận cho bõ ghét. Nhưng Triều Điện và Triều Lôi đã lượng sức mình, nói xuôi:

– Hai vị Điện hạ đã trốn thì thôi. Để tôi trở về tâu lại với Thiên tử.

Nói rồi về cung Thọ Tiên tâu:

– Phương Bật, Phương Tướng làm phản, công hai vị điện hạ chạy sang Đông Lô rồi.

Trụ Vương nổi giận hét:

– Hai người phải đuổi theo bắt chúng nó cho mau.

Triều Điện tâu:

– Anh em họ Phương vô dũng phi thường chúng tôi bắt sao được. Xin bệ hạ giáng chỉ sai Vô Thành Vương Hoàng Phi Hổ mới được.

Trụ Vương liền viết chiếu đưa ra. Triều Điện cầm chiếu vua đến giữa đại điện truyền rằng:

– "Hoàng Phi Hổ phải lãnh gươm lệnh đuổi theo bắt anh em họ Phương và lấy thủ cấp Ân Giao, Ân Hồng về phục chỉ".

Hoàng Phi Hổ cười rằng:

– Tôi biết rồi, Triều Điện muốn trao gánh cho ta đó.

Liền lãnh gươm và chiếu của vua trở về dinh.

Các tướng Hoàng Minh, Châu Kỳ, Long Hoàn, Ngô Khiêm xin theo phò tá, Hoàng Phi Hổ nói:

– Các em theo làm gì. Ta đi rồi trở về ngay.

Liền lên lưng trâu ngũ sắc, lướt ra cửa thành như gió. Con trâu này chạy mau hơn ngựa, một ngày đi tám trăm dặm.

Bấy giờ anh em Phương Bát công hai vị điện hạ chạy bộ một ngày thẳng thét chỉ mới ba chục dặm đường. Kể ra như vậy anh em họ Phương cũng đã có sức khỏe vô địch rồi. Thấy đã mệt, hai người để Ân Giao, Ân Hồng xuống nghỉ chân.

Ân Giao, Ân Hồng nói:

– Ôn hai vị tướng quân biết ngày nào chúng tôi mới trả được?

Phương Bát nói:

– Anh em tôi thấy Bệ hạ vô đạo, giết hại vợ con lòng không đành ngồi ngó hai vị Điện hạ chết oan nên liều mình công chạy. Thế nào cũng gặp nguy hiểm. Một là triều đình đem quân đuổi bắt, hai là không biết chỗ nào đến nương dựa.

Trong lúc đang bàn bạc, bỗng thấy Hoàng Phi Hổ cỡi trâu năm sắc chạy đến, Phương Bát thất kinh, nói với hai vị điện hạ:

– Nguy rồi! Chúng tôi biết không tránh khỏi đại họa. Thiên tử sai Vô Thành Vương theo bắt chúng ta kia, biết liệu làm sao.

Phương Tướng:

– Vô Thành Vương là người nhân đức, không đến nỗi dã tâm, xin nhị vị điện hạ lấy lời hơn lẽ thiệt phân giải, thế nào người cũng không sát hại.

Còn đang bàn bạc thì Hoàng Phi Hổ đã tới. Ân Giao vội quỳ xuống đất, hỏi:

– Có phải Vô Thành Vương theo bắt chúng tôi chăng?

Hoàng Phi Hồ thấy vậy thất kinh, xuống trâu, quỳ đáp lễ, và nói:

– Tội tôi muôn thác, xin Điện hạ đừng dây dưng làm như thế.

Ân Giao nói:

– Vô Thành Vương đến đây có việc gì?

Hoàng Phi Hồ nói:

– Tôi vâng lệnh Thiên tử đem gương long phụng đi bắt hai vị Điện hạ lấy thủ cấp về dâng. Nhưng tôi không nữ, xin hai vị Điện hạ dạy cho tôi biết làm thế nào để khỏi tội?

Ân Giao nói:

– Vô Thành Vương không thấy Mẫu hậu chết thảm thiết sao? Chúng tôi là con, máu huyết Thành Thang thế mà phụ vương tôi lại nhân tâm giết hại, đó là tại Đắc Kỷ xui nên. Nếu vô Thành Vương để chúng tôi sống, tìm cách giết Đắc Kỷ để báo thù cho Mẫu hậu thì ân ấy quyết không quên.

Hoàng Phi Hồ nói:

– Tôi há lại không biết điều ấy hay sao? Ngặt vì có lệnh vua, nếu tha hai vị điện hạ thì mang tội đối vua, còn tuân lệnh chỉ chẳng khác nào hòa với kẻ gian ác làm bậy. Cả hai đường đều khó xử, tôi còn đang lưỡng lự.

Ân Giao nói:

– Nếu thế tôi đã có cách. Vô Thành Vương tuân lệnh vua đến đây chẳng lẽ về không, vậy thì xin lấy thủ cấp tôi đem về nạp, còn Ân Hồng em tôi còn thơ bé lắm, xin để cho nó sống tại nạn nơi khác đợi ngày sau khôn lớn báo thù cho mẹ tôi. Nếu được vậy, tôi dù thác cũng chẳng dám quên ơn.

Dứt lời tiếp lấy gương long phụng toan tự cắt lấy thủ cấp mình.

Ân Hồng vội chạy đến giặt gương, nói: .

– Không nên! Anh là Đông cung Thái tử, thừa kế sự nghiệp tổ tông. Em còn thơ dại, không làm gì nên việc, để em chết thay anh mới phải.

Rồi quay sang nói với Hoàng Phi Hổ:

– Xin Võ Thành Vương đem đầu tôi về nạp, tha cho anh tôi trốn sang Đông Lô hay Tân Kỳ viện binh báo oán. Tôi chết cũng không dám tiếc.

Ân Giao ôm Ân Hồng nói:

– Không được! Em còn nhỏ tuổi, tội tình gì phải mang tai họa như vậy? Tuổi em là tuổi phải được hưởng những gì hạnh phúc, sống trong yêu đương. Nay Mẫu hoàng đã mất, tình gia đình không còn, anh lại để cho em chết thay anh sao đành?

Hai anh em giành nhau thanh gương để được chết.

Phương Bật và Phương Tướng thấy cảnh thảm khóc òa, la lớn:

– Ôi! Thật là đứt ruột!

Hoàng Phi Hổ đứng trân một lúc rồi nói:

– Thôi, hai tướng chớ khóc lóc làm gì, hai vị Điện hạ cũng không cần tranh nhau cái chết nữa. Chuyện này chỉ có năm người trong chúng ta biết mà thôi, xin chớ để lộ ra ngoài mang họa. Thà tôi chịu dối vua còn hơn mang tiếng độc ác. Bây giờ Phương Bật hãy đưa Đông cung qua Đông Lô cho Khương Hoàng Sở, còn Phương Tướng thì đưa Nhị điện qua Nam Đô cho Ngạt Sùng Vô. Đến nơi, hai người nói với hai trấn chư hầu ấy biết là ta tha hai vị điện hạ giữa đường, nhờ hai trấn ấy đem binh về Triều ca để diệt nịnh. Chừng đó mọi việc đã có ta.

Phương Bất nói:

– Hai anh em tôi nóng nảy lại bất trí, thấy việc trái ý thì làm, không suy nghĩ trước. Nay đến đây trong túi không có một đồng, còn Đông Lô và Nam Đô là hai nơi vùi vọi, nếu đi bộ đến có phải mất mấy ngày đường, cơm gạo đâu mà ăn? Nhịn đói đi sao nổi?

Hoàng Phi Hổ nói:

– Việc này ta cũng không tính trước, nên không đem tiền theo.

Ngẫm nghĩ hồi lâu, Hoàng Phi Hổ lấy chiếc khăn đeo trong mình trao cho hai tướng và nói:

– Án này bằng vàng có thể bán lấy, tiền mua thức ăn được. Hai người lấy mà dùng.

Hai tướng cúi lạy tạ ơn, và thấy rõ lòng nhân đạo của Hoàng Phi Hổ thật bao la.

Hoàng Phi Hổ lại dặn hai vị thái tử:

– Xin hai điện hạ cứ yên tâm đi tới chỗ. Lần này tôi mang tội dối vua một chuyến không sao.

Dứt lời, Hoàng Phi Hổ lên lưng trâu ngũ sắc trở về triều thì trời đã sẩm tối.

Bá quan còn đứng chực nơi ngo môn để đón tin tức, thấy Hoàng Phi Hổ về, Tì Can hỏi:

– Công việc ra thế nào?

Hoàng Phi Hổ nói:

– Hai tướng cao giò chạy mau quá, tôi theo không kịp trời tối phải trở về phục mệnh.

Các quan nghe nói ai cũng mừng thầm. Vô Thành Vương vào cung tâu với vua Trụ:

Tôi vâng lệnh theo hơn bảy mươi dặm đường, đến một ngã ba hỏi thăm kẻ đi đường, họ đều nói không thấy. Tôi không biết ngõ nào tìm nữa, phải trở về tàu lại với bộ hạ hay.

Trụ Vương nói:

– Chúng nó chạy thoát thì thôi. Khanh cứ về an nghỉ, sáng mai trăm sẽ lâm triều đàm luận.

Vô Thành Vương lui ra khỏi cung. Đắc Kỷ thấy không bắt được Ân Giao, Ân Hồng lòng lo lắng, tâu với vua Trụ:

– Bộ hạ chớ xem nhẹ việc này. Ân Giao, Ân Hồng là cháu ngoại của Đông bá hầu Khương Hoàng Sở, nếu hai vị Điện hạ về đến Đông Lô thế nào cũng sanh biến. Chi bằng sai hai tướng Ân Phá Bại và Lôi Khai dẫn ba ngàn quân cấp tốc đuổi theo bắt lại. Như vậy mới khỏi sợ sanh ra hậu họa.

Trụ Vương khen phải liền đòi hai tướng ấy đến, truyền chỉ đem ba ngàn binh mã, bắt lượt ngày đêm phải theo cho kịp để bắt cho được hai vị Thái tử.

Hai tướng tuân lệnh lạy tạ lui ra, thẳng đến dinh Hoàng Phi Hồ để lãnh binh mã.

Bấy giờ Hoàng Phi Hồ vừa trở về dinh, đang ngồi buồn lo phải trái, nghĩ đến cảnh loạn ly của thiên hạ không sao tránh khỏi, xảy ra nghe quân báo:

– Có hai tướng Lôi Khai và Ân Phá Bại đến hầu.

Hoàng Phi Hồ truyền cho vào. Hai tướng vào làm lễ xong, Hoàng Phi Hồ hỏi:

– Nơi đại diện vừa gặp mặt, việc gì lại đến đây?

Hai tướng thưa:

– Bộ hạ truyền chỉ dạy hai chúng tôi lãnh ba ngàn binh đuổi bắt hai vị điện hạ đem về trị tội, và anh em Phương Bật

dem về gia hình. Xin Nguyên soái cho chúng tôi lãnh binh kéo về.

Hoàng Phi Hổ nghĩ thầm:

– Nếu hai tướng này đem binh đuổi theo bắt được hai vị Điện hạ thì té ra có công tha cũng như không.

Liên nói với hai tướng:

– Bây giờ đang đêm, quân binh lộn xộn, khó điểm được. Vậy đợi đến canh năm ta sẽ phát cho.

Vì Hoàng Phi Hổ là Nguyên soái coi việc quân binh, còn Ân Phá Bại và Lôi Khai là tướng, đâu dám trái lệnh. Hai tướng đành trở về dinh, đợi qua canh năm mới khởi hành được.

Hoàng Phi Hổ đưa hai tướng ra ngoài trở vào nói với Châu Kỳ:

– Ngày mai, lúc canh năm, người lựa loại ngựa què, lính bệnh đủ ba ngàn cấp cho hai tướng Lôi Khai và Ân Phá Bại, cốt làm cho chúng không đuổi theo kịp hai vị Điện hạ.

Rạng ngày hai tướng đến lãnh binh mã thì Châu Kỳ đã lựa đủ số người ngựa theo ý định cấp cho. Hai tướng thấy toàn thứ binh lao mã liệt, trong lòng không vui, nhưng không dám nói.

Đoàn quân kéo ra khỏi triều ca rất mệt nhọc. Trong đó cũng có lộn một ít ngựa khỏe, và những tên quân bệnh nhẹ, nhưng người mạnh phải chờ người yếu, ngựa khỏe phải chờ ngựa mệt; nên hàng ngũ so le, lênh mênh suốt buổi vẫn chưa đi mấy dặm đường.

Bấy giờ Phương Bật và Phương Tướng phò hai vị Hoàng tử đi đã hai ngày đến một vùng xa xôi hẻo lánh, tiền bạc trong túi không có nhà cửa lại thưa thớt, không nơi tạm trú.

Tuy có kim quyết của Hoàng Phi Hổ tặng, nơi này là vùng thôn dã, vàng ngọc không thể bán được, đành chịu dói mà đi.

Đến ngã ba lộ, Phương Bát nói với Phương Tướng:

– Chúng ta phò hai vị Điện hạ đến đây cũng đã thoát nạn rồi. Vậy hai ta để hai Điện hạ đi trước, chúng ta tìm chỗ bán chiếc kim quyết, kiếm tiền rồi sẽ theo sau.

Hai tướng bàn định xong tỏ ý với Ân Giao, Ân Hồng.

Ân Giao, Ân Hồng thuận tình, mỗi người đi mỗi hướng. Ân Hồng qua Nam Đô, Ân Giao qua Đông Lỗ. Còn Phương Bát và Phương Tướng sau khi bán vàng xong sẽ chia nhau theo phò.

Sắp đặt xong, ai nấy chia tay, mỗi người đi một ngã.

Ân Hồng nước mắt không ráo, thương anh nhớ mẹ, tủi phận khôn cùng. Con vua cháu chúa, chưa từng đi bộ, nay mới đi mấy dặm đường đã thấy mỏi chân, đói lòng. Ân Hồng rẽ vào một xóm, thấy nhà kia đang ăn uống cơm hầm canh rau liền bước vào xin ăn.

– Tôi đi lỡ đường, xin cho tôi ăn với.

Gia đình người nông phu thấy tướng mạo Ân Hồng khôi ngô, ăn mặc sang trọng, vội dọn cơm lên ghế mời dùng bữa. Ân Hồng ăn xong nói:

– Ông này biết ngày nào tôi trả được?

Mấy người trong nhà hỏi thăm:

– Quý khách là ai? Từ đâu đến mà lỡ đường?

Ân Hồng nói:

– Ta tên Ân Hồng, con vua Trụ, định sang Nam Đô ra mắt Ngạt Sùng Vô.

Cả gia đình người nông phu nghe thất kinh, vội sụp lạy và nói:

– Chúng tôi xác phàm mắt tục, không biết Điện hạ nên thất lễ, xin Điện hạ dung thứ.

Ân Hồng hỏi:

– Đây phải là đường qua Nam Đô không?

Người chủ đáp:

– Phải. Cứ đường này đi thẳng chừng lối ba mươi dặm đường nữa thì tới. Nếu không dùng ngựa, Điện hạ phải đi mất chừng một ngày.

Ân Hồng từ già, nhắm hướng ấy thẳng tới. Tuy nhiên chỉ đi chừng vài dặm, chân đã mỏi mê, không sao bước nổi nữa, lại gặp khoảng đồng trống, không có nhà cửa, phần thì trời tối, biết nơi nào tạm trú?

Ân Hồng nhìn thấy đằng trước, xa xa trong cụm rừng có một cái miếu lớn, chắc có thể nghỉ chân được, liền ráng sức lần đến.

Trước miếu có một tấm biểu đề ba chữ: Miếu Huỳnh đế.

Ân Hồng vào trong quỳ lạy vái:

– Hiên Viên Huỳnh Đế là vua Thánh chế ra lễ, nhạc, áo xiêm, đứng vào hàng Ngũ đế. Tôi là Ân Hồng, cháu vua Thành Thang đời thứ ba mươi một, vì cha tôi là Trụ Vương nghe lời dục nịnh, giết vợ hại con, nên tôi phải đi tị nạn, lỡ đường xin ngụ một đêm, nhờ ơn vua Thánh che chở. Nếu ngày sau tôi lập nên nghiệp đế, tôi sẽ đúc tượng vàng, trùng tu miếu vô để đền ơn.

Vái xong, vì quá mỏi mệt Ân Hồng nằm xuống ngủ mê.



Còn Ân Giao đi đến tối được hơn bốn mươi dặm đường

xảy thấy một cái dinh, trên đề ba chữ: "Thái sư phủ".

Ân Giao nghĩ thầm:

– Đây là dinh quan, vào ngủ nhờ tiện lắm.

Liền bước đến cổng gọi lớn:

– Có ai giữ cửa chẳng?

Ân Giao gọi luôn mấy tiếng vẫn không thấy trả lời, liền đi thẳng vào trong. Bỗng nghe có tiếng ngâm thơ văng vẳng:

Quý vào cung cấm án con trời

Khiến nổi người ngay hóa lửa trời.

Hổ phận tôi già về ruộng rầy.

Biết sao can gián một đôi lời.

Ân Giao lắng tai nghe hết bài thơ rồi cất tiếng hỏi:

– Có ai trong dinh không?

Trong dinh có tiếng hỏi vọng ra văng vẳng:

– Ai đó? Trời tối quá không thấy rõ ràng.

Ân Giao nói:

– Tôi là kẻ xa lạ, đi viếng bà con, lỡ đường trời tối, xin vào đây nghỉ tạm một đêm, sáng mai dời gót.

Giọng nói trong dinh lại vang ra:

– Tiếng nói người nào giống tiếng nói người ở Triều ca?

Ân Giao vội đáp:

– Phải. Tôi là người ở Triều ca đến đây?

Trong dinh hỏi:

– Ở gần thành vua không?

Ân Giao đáp:

– Gần lắm.

Vừa dứt tiếng thì bên trong cánh cửa mở, một ông lão bước ra mời Ân Giao:

– Hãy vào đây cho lão hỏi thăm chút việc.

Ân Giao thoáng thấy đã biết ngay là cựu thừa tướng Thương Dung, nhưng Thương Dung thì già cả, con mắt đã yếu không trông rõ trong bóng tối mờ mờ được. Ân Giao xá một cái rồi nói:

– Tôi xin chào thừa tướng đây.

Bấy giờ Thương Dung mới nhận ra Ân Giao, vội vã sụp lạy, nói:

– Điện hạ đến đây mà tôi không hay để nghênh đón, tội tôi rất nặng xin Điện hạ dung thứ.

Ân Giao nói:

– Xin quan Thừa tướng chớ câu chấp như vậy.

Thương Dung nói:

– Điện hạ đi một mình, đến chỗ quanh hiu thế này chắc là trong triều có việc gì hệ trọng. Hãy nói cho lão phu biết.

Ân Giao lau nước mắt, thuật lại mọi việc vừa xảy ra ở triều đình. Thương Dung giậm chân kêu trời, nói:

– Không ngờ Thiên tử đến nỗi này. Tam tạng, ngũ thường đều đổ nát, mỗi nước ngựa nghiêng, tôi tuy ở trong rừng mà lo việc triều nội nơm nớp trong lòng, ăn ngủ không yên. Nay cố sự đến thế này. Hoàng hậu bị chết oán, hai vị Điện hạ bị lưu lạc, các quan triều không ai dám mở miệng can ngăn, thế thì còn gì xã tắc. Thôi Điện hạ hãy an lòng, để tôi liều mạng già về Triều ca viết sớ can vua lần nữa xem sao.

Nói rồi đưa Ân Giao vào trong, dạy bày tiệc thết đãi.



Lúc này Ân Phá Bại và Lôi Khai dẫn đám quân lao mã liệt đi trọn ngày không nghỉ, nhưng chỉ được vài chục dặm đường. Qua ngày thứ nhì đi càng chậm hơn, đến ngày thứ ba lại đi chậm hơn nữa. Lần hồi mới đến ngã ba lộ, chỗ hai vị Thái Tử chia tay:

Lôi Khai thấy tình thế bi đát, nói với Ân Phá Bại:

– Chúng ta nên tuyển lựa một số binh mạnh, chia làm hai tốp, một tốp anh kéo qua Đông Lô, còn một tốp tôi dẫn đến Nam Đô cho kịp ngày giờ. Nếu cứ dẫn cả lũ lão nhược như vậy biết bao giờ theo kịp?

Ân Phá Bại nói:

– Vô Thành Vương đã cấp cho chúng ta ba ngàn quân, nếu đuổi bắt về e người giận chúng ta chẳng?

Lôi Khai nói:

– Không cần đuổi về. Cứ cho những quân lính tàn tật, bệnh hoạn đóng lại đây, chờ chúng ta trở lại sẽ đưa họ về triều.

Ân Phá Bại cho ý kiến ấy rất hay, liền tuyển một số người ngựa khả dĩ dùng được, còn bao nhiêu cho đóng đồn an nghỉ, nơi ngã ba đường, cấm không được đi đâu hết.

Lôi Khai lại nói:

– Nếu anh về trước thì đợi tôi nơi đây, còn tôi về trước cũng đợi anh nơi đây. Chúng ta dùng ngựa ba này làm chỗ hò hẹn.

Kế hoạch xếp đặt xong, hai tướng lựa được hơn hai trăm người, ngựa, chia làm hai tốp kéo đi. Còn bao nhiêu quân lính bệnh hoạn được phép nghỉ ngơi, mừng không thể tả?

LỜI BÀN

– Khi lý trí con người không còn nữa, thì hành động con người coi như thú tánh

Ở hồi trước kể chuyện Khương hậu bị hàm oan do âm mưu của Đắc Kỷ, thì ở hồi này nói chuyện vua Trụ muốn giết con. Truyện tả vua Trụ không còn nhân tánh nữa.

Xét về mặt nhân đức thì con người khác hơn con vật ở chỗ có lý trí, tình cảm. Một khi lý trí, tình cảm đã lệ thuộc vào một sự sai khiến nào đó thì con người không khác một con vật

Lý trí, tình cảm Trụ Vương đã bị sắc đẹp Đắc Kỷ lung lạc, Trụ Vương đâu còn là người mà chê trách, ở đây chúng ta chỉ thấy một cuộc xung đột giữa mãnh lực của sắc đẹp và mãnh lực chống sắc đẹp.

Mãnh lực sắc đẹp tiêu biểu cho Đắc Kỷ, mãnh lực chống sắc đẹp tiêu biểu cho một số triều thần của nhà Thương bị lệ thuộc vào vua Trụ. Ngoài ra còn có một số đứng ngoài vòng cuộc tranh đấu để trục lợi như bọn Vưu Hồn, Bì Trọng, anh em họ Triều và các tướng như Lôi Khai, Ân Phá Bại v.v... Còn vai trò vua Trụ lệ thuộc hẳn vào Đắc Kỷ. Đắc Kỷ đã dùng uy quyền Trụ Vương làm sức mạnh của mình.

Đối tượng của Đắc Kỷ là các Phi hậu, kẻ trên quyền trực tiếp của Đắc Kỷ, mà mẹ con Khương hậu là chính.

Tây cung Hoàng Quý phi và Tam cung Dương Quý phi đều là đối tượng của Đắc Kỷ hết, nhưng chưa đến lúc Đắc Kỷ tiêu trừ. Chính hai nàng này cũng thấy mối nguy cơ ấy, và mỗi cảm tình của họ đối với mẹ con Khương hậu cùng chỉ cảm thấy mình như thế. Kẻ đồng cảnh ngộ dễ thông cảm, và dễ gần nhau.

Bằng chứng là cái chết của Dương Quý phi. Dương Quý phi đã lo xa trước cái chết ô nhục của mình nên tự vận. Có nhiều người cho Dương Quý phi đã quyền sinh một cách vô ích, uống mạng. Đời này ít người nhắc đến. Thật ra, cái chết của Dương Quý phi quá sớm, nhưng không vô ích đâu.

Dương Quý phi đã chết một cách cao cả, đem cái chết mình góp vào việc cánh tình vua Trụ, trong lúc các triều thần liêu chết can vua, phải bị chém, bị đốt. Tể tướng Thương Dung từ chức, mọi hành động đều dồn vào sự chống chế hành động nhà vua, thì Dương Quý phi tự thất cổ trong cung. Đó là một lối tranh đấu tiêu cực, có sức mạnh phi thường ngất vì Trụ Vương đã u ám, không còn thấy rõ ý nghĩa cái chết ấy.

Tuy nhiên, mặc dầu Trụ Vương không để ý, cái chết ấy cũng tác động vào các vị trung thần, làm cho mọi người thêm cứng cỏi để đứng ra chống Đắc Kỷ. Bấy giờ Đắc Kỷ trở thành mối nguy cơ chung cho bất cứ ai chống lại nàng.

Ai cũng thấy mối nguy cơ ấy, nhưng người thì chống bằng cách này, người thì chống bằng cách khác, chỉ vì ý thức trung quân thâm nhiễm vào đầu óc mà không dám hành động thẳng thắn. Anh em Phương Bật và Phương Tướng, tuy là kẻ nóng nổi, nhưng lại dứt khoát với lập trường của mình, dám công khai phản Trụ giữa triều và ra sức công hai vị Hoàng tử đi trốn. Khi mà tư tưởng dứt khoát thì hành động cũng dứt khoát, trái lại, các vị tôi già chỉ biết khóc lóc buồn lo mà không làm gì nên chuyện trước một Đắc Kỷ mây liêu lừng ong ấy.

Cho hay, lẽ phải bao giờ cũng được kính trọng. Anh em họ Phương phản Trụ thời phong kiến là một đại tội, nhưng ai cũng khen chỉ vì họ phản phúc một cách trung liệt.

HỒI THỨ CHÍN

THƯƠNG THỪA TƯỚNG LIÊU MINH GIÁN CHÚA

NÓI về Lôi Khai dẫn năm mươi binh mã kéo qua ngã Nam Đô, đi như giông gió. Trời tối, Lôi Khai truyền quân lấy lương thực ra ăn rồi đi suốt đêm, không cho nghỉ.

Chẳng ngờ vừa đi hết canh một, đến khoảng đồng trống mênh mông thì ngựa mỗi mệt, quân sĩ buồn ngủ bước không nổi, kẻ nhào xuống ngựa, người mờ mắt không ra.

Lôi Khai nghĩ thầm:

– Ta đi đây mục đích theo đuổi hai vị Thái tử đâu phải việc bốn ba chiến trận. Nếu dọc đường trời tối ta cứ thúc quân đi riết, không thấy hai vị Thái tử có phải uổng công không. Chi bằng tìm chỗ nghỉ lại nơi đây, đợi sáng rõ mặt sẽ đi tiện hơn.

Nghĩ như vậy liền truyền quân tìm xóm nhà nào nghỉ chân.

Quân sĩ mừng rỡ trưng lồng đèn lên sáng rực, thấy xa xa trong cụm rừng tòng có một ngôi miếu lớn, liền báo với Lôi Khai. Lôi Khai truyền vào miếu ngủ đỡ, đến sáng sẽ tiếp tục lên đường.

Quân sĩ ồ ạt kéo đến miếu đường, ý là quân của triều đình, không cần phải dè dặt gì cả.

Miếu hoang vắng lạnh lâu ngày, nay có đông người làm chỗ quang cảnh bừng sống lại. Một số quân hâm hờ vào trước tìm chỗ ngủ, khi đến trước điện thờ bỗng thấy một người vóc nhỏ đang nằm dưới án ngủ khi, xem kỹ thì đúng là Ân Hồng đệ nhị thái tử.

Quân sĩ vội và báo với Lôi Khai. Lôi Khai mừng rỡ chạy vào, nghĩ thầm:

– May lắm, nếu ta cho quân đi suốt đêm này thì không gặp rồi. Số trời định vậy, chạy trốn sao nổi.

Liên gọi lớn:

– Điện hạ ơi! Điện hạ ơi!

Ân Hồng đang ngủ ngon, nghe kêu giật mình thức dậy, đèn đuốc trong miếu sáng rực, người ngựa đông đặc, biết có chuyện chẳng lành, liền hỏi Lôi Khai:

– Lôi tướng quân đi đâu đó?

Lôi Khai thưa:

– Tôi vâng lệnh Thiên tử đi rước Điện hạ về triều. Nay có các quan can gián không sao mà sợ:

Ân Hồng nói:

– Người chớ nhiều lời. Người tuân lệnh phụ hoàng đem binh theo bắt ta. Ta không sợ chết đâu. Tai nạn này dĩ nhiên ta không tránh khỏi.

Lôi Khai nói:

– Nếu Điện hạ đã biết xin cùng tôi trở về phục lệnh Thiên tử kéo tôi phạm tội với Điện hạ.

Ân Hồng nói:

- Ta đi mỗi chân, bây giờ trở về không nổi.

Lôi Khai nói:

- Có ngựa tốt, xin Điện hạ dùng.

Ân Hồng nói:

- Được, nếu có ngựa tốt thì dâng đây cho ta.

Thấy thái tử không chống đối, Lôi Khai mừng quá truyền quân đem ngựa đến dâng. Ân Hồng theo đoàn quân của Lôi Khai trở về ngã ba đường để chờ Ân Phá Bại.



Lúc đó, Ân Phá Bại đi về ngã Đông Lỗ, hai người tới trấn Phong Lôi, rồi đi tiếp một hồi nữa đến dinh cựu Thừa tướng Thương Dung.

Ân Phá Bại nghĩ thầm:

- Thừa tướng Thương Dung trước kia là quan thầy của ta, nay về quê hưu trí, tiện đường ta cũng nên ghé thăm để tỏ tình thuở nhỏ.

Nghĩ rồi truyền quân đình lại trước dinh, một mình thẳng vào nội điện. Khi vào đến nơi gặp lúc Thừa tướng Thương Dung và Ân Giao đang ăn uống, Ân Phá Bại bái dài, nói:

May mắn gặp được Đông cung nơi đây. Tôi vâng lệnh Thiên tử đi thỉnh Đông cung về trào:

- Thừa tướng Thương Dung thấy Ân Phá Bại liền nói:

- Tướng quân đến đây tốt lắm. Ta nghĩ lại trong triều hơn bốn trăm văn quan vô tướng mà không tìm cách nào can gián bệ hạ để xảy ra câu chuyện thế này thật đáng trách.

Còn Ân Giao trông thấy Ân Phá Bại đã hiểu rõ sự tình, mặt biến sắc, nói:

– Tướng quân đem binh theo bắt tôi đem về cho phụ hoàng tôi xử trị. Điều đó tôi biết rồi. Dù chết tôi cũng chẳng chịu trở về mang nhục.

Thừa tướng Thương Dung nói:

– Điện hạ chớ ngại. Đã có lệnh vua, xin mời Điện hạ cứ trở về tâu nguyện theo Điện hạ về triều can vua. Nếu không được tôi xin liêu chết.

Nói rồi liền gọi gia nhân thắng ngựa, theo Ân Giao về trào. Ân Phá Bại sợ về một lượt sẽ bị quở về tội vị tình riêng, nên nói:

– Tôi vâng lệnh đi rước Đông cung. Nếu nay Đông cung cùng đi một lượt với Thừa tướng thì Thừa tướng khó bề can gián, mà tôi mang tiếng vị tình. Xin để Đông cung theo tôi về trước, còn Thừa tướng thông thả đi sau.

Thương Dung nói:

– Cũng được. Tướng quân phò Đông cung về trước. Ta theo sau lập tức.

Ân Giao nghe nói lưỡng lự, không muốn cùng Ân Phá Bại ra đi. Thương Dung hiểu ý, liền gọi Ân Phá Bại dặn:

– Ta gởi Điện hạ cho Tướng quân, Tướng quân chớ ham chút công danh mà làm việc lỗi đạo.

Ân Phá Bại nói:

– Tôi dẫu dám thất lễ vua tôi. Xin Thừa tướng đừng ngại.

Bấy giờ Ân Giao mới thuận tình Ân Phá Bại ra đi. Ân Giao lại nghĩ thầm:

– Ta dù chết cũng không sao, miễn em ta thoát thân được, sau này báo thù cho Mẫu hậu là quý rồi.

Nghĩ như vậy nên gượng gạo làm khuây.

Đi một lúc đến ngã ba đường, bỗng thấy có Lôi Khai ra rước vào, nói:

– Mừng Điện hạ trở về.

Ân Giao không thềm để ý, xuống ngựa vào chỗ trung quân thấy Ân Hồng ngồi đó, thất kinh, nhảy vội xuống ngựa đến ôm em khóc lớn:

– Anh ngỡ em được may mắn hơn anh, không ngờ trời bắt chúng ta phải gặp cảnh như vậy. Nay anh em ta trở về trào còn mong gì sống sót để báo thù cho Mẫu hậu?

Ân Hồng cũng ôm anh sụt sùi đau đớn. Ba ngàn binh sĩ ai thấy cũng thương tâm, nước mắt chảy đầm đề.

Người sau có thơ than:

*Dám trách trời già không xét suy
Người ngay mắc nạn chẳng phò trì.
Viện binh ý định đi hai ngã.
Tai nạn rủi ro bất một kỳ
Oán mẹ thế này sao trả được?
Thân con đường ấy kể còn chi?
Ai ai xem thấy đều rơi lụy,
Buồn bã bên đường tiếng tử qui.*

Hai tướng mừng được xong việc, liền kiệu hai vị Hoàng tử lên ngựa theo quân về trào.

Hoàng Phi Hồ từ khi phát một mớ binh lao mã liệt cho hai tướng ngỡ là hai tướng không sao theo kịp hai vị Hoàng tử, nên an tâm ngồi tính chuyện khác, xảy nghe quân báo:

– Lôi Khai và Ân Phá Bại đã bắt được hai vị Điện hạ giải về triều ca.

Hoàng Phi Hồ giận dữ mắng thắm:

– Đồ thất phu. Tham danh vọng không biết gì phải trái. Nếu để dòng giống Thành Thang bị tuyệt thì còn gì? Ta phải làm cho chúng bây biết mặt.

Liền sai Hoàng Minh, Châu Kỳ, Long Hoàn, Ngô Khiêm đi mời các quan triều thần nhóm họp nghị sự. Bốn tướng vâng lệnh đi liền.

Lúc Hoàng Phi Hổ vào đến thì thấy bá quan văn võ đã hội đủ mặt. Hoàng Phi Hổ nói:

– Nay Ân Phá Bại và Lôi Khai đã bắt được hai vị Điện hạ về đây. Tôi bốn phận là võ quan, không dám dự vào việc can vua, xin các quan liệu định.

Kế đó, Ân Giao và Ân Hồng được hai tướng dẫn vào. Vừa thấy mặt các triều thần, Ân Giao sụt sùi nói:

– Tôi lên ngôi Đông cung đã mấy năm, không làm điều gì trái, nay trong cung sanh ra chuyện biến, khiến con xa mẹ, cha chẳng nghĩ tình con. Thảm trạng như vậy nếu các quan không can thiệp thì tôi còn biết nhờ vào đâu?

Các quan đều thở dài. Vi Tử Khải nói:

– Không hề gì. Hiện các quan làm sứ tâu xin việc này rất nhiều tôi tôi chắc Bệ hạ không lẽ nào hại tánh mạng hai vị Điện hạ.

Lúc đó Ân Phá Bại là Lôi Khai vào cung Thọ Tiên tâu với Trụ Vương:

– Chúng tôi tuân lệnh Bệ hạ đem truy nã đã tìm bắt được Đông cung và Nhị điện đem về trước đền.

Trụ Vương nói:

– Hai khanh đã bắt được hai đứa nghịch tử ấy thì chém quách cho rồi, vào tâu với trẫm làm gì?

Ân Phá Bại tâu:

– Tôi chưa có chiếu Bệ hạ nên không dám ra tay.

Vua Trự truyền viết hai chữ "hành hình" rồi trao cho Ân Phá Bại và nói:

– Khanh chém đầu chôn xác hai đứa nghịch tử ấy rồi vào đây báo cho trẫm biết.

Hai tướng lay tạ, cầm lệnh "hành hình" bước ra. Đến cửa đền gặp Hoàng Phi Hổ. Hoàng Phi Hổ trông thấy hai tướng cầm lệnh hành hình, thất kinh cản lại, hỏi:

– Hai vị Tướng quân vừa tuân lệnh bắt hai vị Điện hạ đem về đây, nay còn lệnh gì nữa đó?

Hai tướng giơ lệnh hành hình của vua Trự ra. Triệu Khải từ đằng sau bước tới, giật tấm giấy có viết hai chữ "hành hình" xé nát, và nói:

– Hôn quân vô đạo đã giết vợ hại con, hai người không can gián còn giúp cho hôn quân làm dữ như vậy. Đông cung tội gì mà đem chém, Nhị điện tội gì mà hành hình? Chúng ta vào đền nổi trống mời Bệ hạ ra can ngăn mới được.

Hai tướng thấy các quan đều có cảm tình với hai vị Điện hạ không kể mệnh vua, xé mất chiếu chỉ, đành đứng trơ trơ như pho tượng gỗ.

Hoàng Phi Hổ sai bốn tướng của mình canh giữ hai vị Điện hạ kéo hai viên ninh tướng làm ầu.

Bấy giờ hai viên quan Phụng ngự đã bắt trói hai vị Điện hạ rồi, song chiếu chỉ "hành hình" bị xé, chưa dám ra tay, cứ đứng nhìn nhau sợ sệt.

Các quan họp mặt, nổi trống đền rất gấp. Vua Trự đang ở trong cung Thọ Tiên nghe trống đền inh ỏi, liền khiến một

viên quan Phụng ngự ra xem. Viên quan ấy vào tâu:

– Văn võ nội trào đồng hợp mặt, thỉnh Bệ hạ lâm triều.

Vua Trụ nói với Đắc Kỷ:

– Chắc không có gì lạ. Trẫm đoán triều thần muốn ngăn cản trẫm việc giết hai đứa con phản nghịch ấy. Bây giờ phải làm sao?

Đắc Kỷ tâu:

– Bệ hạ truyền chém hai vị Điện hạ trước rồi mai sẽ lâm triều nghị việc là yên chuyện.

Vua Trụ y lời, thảo chiếu triệu quan Phụng ngự đem ra trước đại điện tuyên đọc cho bá quan nghe.

Chiếu rằng:

"Làm tôi trái mệnh vua là tôi bất trung, làm con trái ý cha là con bất hiếu. Đó là lẽ xưa nay không thể đổi khác. Nay Ân Giao, Ân Hồng không tuân phép nước, cầm gươm chém Khương Hoàn để hủy diệt nhân chúng, lại dám tiến vào cung vua toan hành thích phụ vương. Hai tội ấy tày trời, đã bất trung lại bất hiếu. Nay bắt được hai đứa ấy rồi, trẫm truyền chiếu luật hình xử trảm. Còn việc nước thì ngày mai trẫm sẽ lâm triều đàm luận.

Nay sắc".

Các quan nghe chiếu không còn biết làm sao để cứu cái chết oan ức của hai vị thế tử.

Lúc bấy giờ có ông Xích Tinh Tử ở động Vân Tiêu, núi Hoa Sơn và ông Quảng Thành Tử ở động Đào Nguyên, núi Cửa Tiêu đang đi dạo trên vùng mây, bỗng có hai luồng hào quang của Ân Hồng, Ân Giao xông lên cản lại.

Xích Tinh Tử và Quảng Thành Tử đều là hai vị tiên tu

luyện hơn một ngàn năm trăm năm, vì phạm tội sát sanh, nên ông Nguyên Thi không dạy nữa, đuổi ra khỏi sư môn.

Thấy hai đạo quang ấy, Quảng Thành Tử nói với Xích Tinh Tử:

– Nay số nhà Thương đã hết, nhà Châu sắp ra đời. Hai người bị trời kia đều nên vị tướng. Chúng mình thuộc đạo tâm, chẳng lẽ không giúp đời. Vậy thì hiền huynh cứu một người, tôi cứu một người đem về núi, dạy thông phép tắc, mai sau nhà Châu dấy nghiệp, chúng ta cho xuống làm tướng Tử Nha. Như vậy một công mà được hai việc.

Xích Tinh Tử nói:

– Lời đạo huynh nói rất phải. Chúng ta mau nổi gió to, nổi gió đưa hai người ấy về núi kéo trễ.

Bàn Luận xong, hai vị tiên làm phép, một trận gió to nổi lên, cát bay đá chạy, mù mịt cả đất trời. Các quân đao phủ đang chực khai đao giết Ân Giao, Ân Hồng đều thất kinh, bùm mặt chạy trốn. Chừng tan trận gió thấy hai vị Điện hạ biến đi đâu mất, ai nấy đều kinh ngạc, tìm kiếm khắp nơi vẫn không thấy đâu cả.

Các vị triều thần đang cùng nhau bàn bạc, bỗng nghe bên ngoài có tiếng la hoảng, Hoàng Phi Hổ và Tỉ Can bước ra hỏi:

– Chuyện gì vậy?

Châu Kỳ chạy vào báo:

– Lạ lùng lắm! Vừa rồi có một trận gió lớn thổi hai vị Điện hạ bay mất.

Bá quan nghe nói nửa mừng nửa kinh ngạc:

– Trời không dứt mối Thành Thang, đất không nở diệt người oan ức.

Ân Phá Bại thấy việc lạ, vội chạy vào báo cho vua Trụ hay.

Người sau có làm thơ:

*Gió tiên một trận nức mùi hương,
Mùi mịt bụi bay chẳng thấy đường.
Tiên tử ra tay che tánh mạng,
Tả đao che mặt bỏ gương trường.
Hoài công ngàn dặm tìm Nam, Bắc,
Uống tiếng trong phòng cất thịt xương,
Mới biết hưng vong trời đã định,
Nhà Châu, vua Võ dứt triều Thương.*

Vua Trụ hay tin sững sốt, nghĩ hoài không ra duyên cớ.

Còn Thương Dung tới triều ca nghe thiên hạ đàm luận việc hai vị Điện hạ bị gió thổi bay mất kinh hải, lật đật đi thẳng vào trong. Các quan ra nghênh tiếp, chào cạy Thừa tướng mới về.

Thương Dung nói:

– Tôi là kẻ bất tài không kham việc nước, phải về quê nhường chức lại cho quý vị. Nay nghe vua lỗi đạo, giết vợ hại con, tại sao quý vị không có ai can gián?

Hoàng Phi Hổ nói:

– Thiên tử cứ ở mãi trong cung, không ra ngoài điện, có việc gì thì truyền chỉ mà thôi. Vua tôi không gần nhau được, cách nhau không bao xa mà biệt muôn trùng. Khi Ân Phá Bại và Lôi Khai bắt được hai vị Điện hạ rồi, chúng tôi nhóm cùng họp nơi đây can gián, nhưng Bệ hạ một mực hạ chỉ truyền đem chém, và hẹn ngày mai mới lâm triều. Quan ngoài không dám vào trong, biết làm sao tỏ lời ngay với Chúa?

Giữa lúc đó có Ân Phá Bại vừa ở nội cung ra. Thương Dung đón lại hỏi:

– Hai vị Điện hạ bị gió thổi mất. Tôi mừng cho Tướng quân lập được công lớn, nay mai chắc được phong vương và chia đất đấy.

Ân Phá Bại đỏ mặt nói:

– Đó là tai lệnh vua truyền, tôi đâu dám vị tình. Thừa tướng quờ tôi oan lắm.

Thương Dung nói với các quan.

– Nay tôi về đây cố tình can gián, liệu chết vì giang sơn, vạy nhờ các ngài nổi trống dền để thỉnh Bệ hạ ra điện.

Các quan vội nổi trống chuông một lần nữa. Vua Trụ đang buồn rầu về giết hụt hai vị Hoàng tử, bỗng nghe chuông trống ngoài điện đánh liên hồi, nổi giận ngự ra dền.

Bá quan triều bái xong, vua Trụ hỏi:

Các khanh tâu việc chi?

Thương Dung dập đầu quỳ trước sân chầu. Vua Trụ thấy một người mặc quần áo trắng, không phải quan triều liền nói:

– Ai quỳ đó?

Thương Dung tâu:

– Tôi là Thương Dung đang yết kiến Bệ hạ.

Trụ Vương sừng sốt hỏi:

– Khanh đã về quê quán sao còn trở lại kinh đô? Trẫm không có chiếu dòi, sao khanh lại dám vào điện? Khanh không biết phép nước sao?

Thương Dung bò lặn đến bệ, vừa khóc vừa nói:

– Trước kia tôi làm Thừa tướng chưa trả được ơn vua,

lòng vẫn ngậm ngùi, mong có ngày đem thân trâu ngựa này báo đáp. Nay thấy Bệ hạ đắm mê tử sắc, giết hại con, gần kẻ nịnh, hại tôi trung, như vậy xã tắc sẽ đi đến chỗ lầm than, cơ nghiệp không bao lâu đổ nát. Hạ thần chẳng ngại riu búa, dâng sớ can ngăn, xin Bệ hạ nhận lấy lời ngay cho an xã tắc.

Thương Dung râu rối dâng sớ. Tì Can lấy trải lên bàn. Trụ Vương xem thấy trong sớ như vậy:

"Tôi Thương Dung cúi đầu việc chánh. Xưa Bệ hạ mới lên ngôi, cần kiệm nghĩa nhân, siêng năng việc chánh, kính chư hầu, yêu văn võ, thương dân tiếc của, vui hưởng thái bình mưa thuận gió hòa, xa trông gần mến, chẳng kém gì vua Nghiêu vua Thuấn đời xưa. Nay Bệ hạ bỏ việc triều đình, nghe lời dùa nịnh, đắm say Đắc Kỷ, giết Hoàng hậu, chém Đông cung, lại quá hơn vua Kiệt nhà Hạ nữa.

Hạ thần xin liều chết, đem loạn ra an, xin Bệ hạ truyền Đắc Kỷ phải thắt cổ rửa hờn cho Hoàng hậu, phá Bào lạc để thỏa ý tôi trung, giết đứa nịnh để khỏi hư xã tắc. Như vậy thì nước mới an, dân mới mạnh, ngai vàng mới bền vững. Hạ thần đầu chết cũng an lòng".

Vua Trụ xem qua giận lắm, xé nát tờ biểu, hét lên:

– Lão tặc, dám khi quân đến thế à?

Liên truyền tả hữu bắt Thương Dung đem ra pháp trường, lấy trái dấm đập cho nát đầu tức khắc.

Tả hữu áp tới, Thương Dung đứng dậy nạt lớn:

– Ta là tôi phò nhà Thương ba đời, tiên vương đã phó thác Bệ hạ cho ta, ta có quyền đối loạn ra trị. Ai dám bắt ta?

Nói rồi diêm mặt Trụ Vương mắng lớn:

– Hôn quân vô đạo, mê Đắc Kỷ hành hình Chánh hậu là

lỗi đạo phu thê, nghe lời dùa nịnh hại hai con là lỗi tình phụ tử, làm Bào lạc hại tôi trung là bỏ đạo quân thần. Tam cang đổ nát, không sợ đất, trời, không sợ tiếng nghìn sau nguyên rủa, không tiếc cơ nghiệp của tiên vương, mai sau chết đi còn mặt mũi nào thấy mặt tiên đế?

Trụ Vương mặt phùng phùng, hối vô si:

– Kéo đầu lão tặc ra đập chết cho mau.

Thương Dung nạt bọn vô si:

– Ta không sợ chết. Ta làm tôi vua Đế Ất mà không cứu nổi giang sơn, chết cũng xấu hổ với tiên quân.

Nói rồi đập đầu vào cột tự vận. Thương hại cho Thương Dung già bảy mươi tuổi mà vẫn chưa thoát khỏi cái chết đau thương.

Người sau có thơ than:

*Cỡi ngựa về trào giân Trụ Vương
Liều mình dưới bệ dấng trung lương.
Mắng vua chi sá gần dao búa,
Nạt chúa bao nài nát thịt xương.
Lửa đỏ, gan vàng đâu có sợ?
Lòng son, mạng bạc nghĩ mà thương.
Lời ngay chẳng được vua ưng thuận.
Thà chết nghìn thu để tấm gương.*

Các quan Thấy Thương Dung đập đầu chết đều nhìn mặt nhau than thở. Trụ Vương hơi giận chưa nguôi, truyền lệnh bỏ thầy Thương Dung ngoài đồng, không cho chôn cất.

LỜI BÀN

– Những lời nói ngay thường là những lời trái tai. Kẻ thích nghe những lời trái tai thường là những kẻ sáng suốt.

Khi có một hiểm họa xảy đến, những nạn nhận thường thông cảm nhau, và dễ gần nhau.

Trụ Vương mê Đắc Kỷ, giết vợ hại con, hành hình tôi trung đó là một tai nạn xảy đến trước nhất cho gia đình, rồi đến triều đình, sau hết mới đến quốc gia dân tộc.

Ngoài việc tôi trung lo lắng vì nước, liệu mình bảo vệ giang sơn, thì cũng có một phần họ tự bảo vệ lấy thân họ nữa. Dù muốn dù không, họ cũng phải liên kết nhau để chống lại uy quyền diên rồ của vua Trụ. Họ biết tai nạn sẽ đến với họ nếu họ làm ngơ mặt điếc.

Tuy nhiên, kẻ làm ác bao giờ cũng có người ủng hộ. Như Ân Phá Bại, Lôi Khai chỉ là những người lợi dụng cái thói nát của vua Trụ để khai thác, trục lợi mà thôi.

Dập đầu vào cột chết, đó là một hình thức tranh đấu mà tranh đấu tiêu cực. Bỏ chức về quê cũng là một hình thức tranh đấu tiêu cực nữa. Thương Dung trước đây dùng hình thức thấp hơn, không có kết quả, nay lại dùng hình thức cao hơn, cũng không kết quả nữa.

Vì đâu lại có hình thức tranh đấu tiêu cực ấy?

Thời xưa cũng như thời này, kẻ thiếu quyền hạn, thiếu vũ lực để chống lại đều dùng hình thức tiêu cực để tranh đấu. Hình thức tranh đấu tiêu cực cũng là một sức mạnh đáng kể, vì nó kích thích được lòng người, khai thác được mối thương tâm, làm cho cảm tình con người tự nhiên tách rời với bạo ngược để về với nhân đạo. Mặt khác, kẻ làm ác cũng phải ghê sợ trước lẽ phải nữa.

Tuy nhiên, mức độ tranh đấu phải tùy vào đối tượng mình nữa. Một Thương Dung đập đầu vào cột không làm cho Trụ Vương kinh sợ, nhưng nếu tất cả triều thần đều đập đầu vào cột là cả một chuyện phi thường, dù Trụ Vương là một con quái vật cũng phải sợ hãi.

Hình thức tranh đấu thời xưa chưa đến mức cao độ, chỉ là tính cách phơi 'hai, người ta chỉ hành động theo cá nhân mà không nghĩ đến tập thể. Cái trung cũng nhắm vào cá nhân, cái anh hùng cũng nhắm vào cá nhân, cho đến phương pháp phản ứng cũng nhắm vào cá nhân.

Trình độ tranh đấu còn nông cạn như vậy nên có nhiều thất bại đáng tiếc.

Mặc dù chế độ phong kiến chuyên chế, các triều thần biết thống nhất hành động, cùng nhau tranh đấu với phương pháp tiêu cực, đồng loạt không vào chầu, bỏ hết công việc triều chính, chỉ lo vận động liên kết làm áp lực buộc nhà vua phải chữa bỏ sắc dục thì tất nhiên vua Trụ phải nghe theo. Vì làm vua không có triều thần theo phò, không có kẻ ủng hâu làm vua với ai. Việc bất bạo động, bất hợp tác đi từ vết dầu loang, từ ngoài triều vào đến cung nội. Tiếc thay, đường lối chính trị thời ấy non kém lắm, không biết áp dụng, đem đến cho cá nhân những hy sinh vô ích.

HỒI THỨ MƯỜI

TIẾNG SẤM SANH DỊ NHÂN

TRIỆU Khải thấy quân đem thầy Thương Dung đi bỏ ngoài đồng nổi giận bước ra nói lớn:

- Tôi không thể phụ ơn vua trước, nên quyết chết giữa đền để tạ tội với tiên quân.

Nói rồi chỉ vào mặt Trụ Vương mắng:

- Hôn quân, nghe ta hải tội đây: Giết Thừa tướng, hại quan trung, chư hầu sẽ không còn kính trọng. Mê Đắc Kỷ giết vợ bỏ con, cơ nghiệp không còn. Làm vua mà không tròn bổn phận làm vua, tam cương ngũ thường đổ nát, như thế còn ai kính phục. Trụ Vương giận đỏ mặt hét:

- Đồ thất phu, không còn biết giữ đạo vua tôi là gì nữa. Tả hữu đâu, đem bào lạc đốt nó đi cho khuất mắt ta.

Triệu Khải nói:

- Ta chết đi không hại gì, chết vì tên vua ngu muội sẽ được tiếng trung thần, còn hôn quân mất nước sẽ bị nghìn đời sỉ vả, tiếng xấu thiên thu.

Triệu Khải nói một hồi thì lửa bào lạc đã đỏ, quân sĩ bắt Triệu Khải trói lại, lột hết áo mào, xiềng vào bào lạc. Phút chốc xương thịt Triệu Khải tiêu thành tro bụi. Triều thần ai nấy đều thương xót thở ngắn than dài.

Trụ Vương truyền bãi châu về cung, Đắc Kỷ ra nghênh tiếp. Vua Trụ nói:

- Bữa nay Thương Dung đập đầu tự tử, Triệu Khải bị ta dùng bào lạc đốt thành than. Tuy vậy, ta xem lối hành hình ấy chúng nó không ghê, vậy Khanh tính kế nào trị bọn triều thần mới được.

Đắc Kỷ tâu:

- Xin bệ hạ an tâm, thần thiếp suy tính một hôm sẽ có cách.

Trụ Vương nói:

– Nay mỹ nhân đã làm Hoàng hậu, không còn ai vô lễ với mỹ nhân nữa, chỉ sợ Khương Hoàng Sở ở Đông Lỗ cử binh về đánh, trong lúc Thái sư Văn Trọng chưa về, biết ai chống cự?

Đắc Kỷ tâu:

– Thần thiếp phân đàn bà, mưu trí không bao nhiêu, xin bệ hạ đòi Bí Trọng vào hỏi xem có mưu gì hay không?

Trụ Vương khen:

– Ái Khanh nói rất phải.

Liên đòi Bí Trọng ứng hầu, và nói:

– Trẫm đang lo Khương Hoàng Sở cử binh làm phản, báo cừu cho Khương hậu, khanh có kế gì hay để ngăn ngừa mũi giặc ấy không?

Bí Trọng quỳ tâu:

– Khương hậu đã mất, hai vị Hoàng tử bị gió thổi bay mất, Thương Dung đập đầu tự vận, Triệu Khải bị bào lạc ra tro, các văn võ thế nào cũng oán trách bệ hạ, và nhắm vào lực lượng Khương Hoàng Sở có thể báo thù được. Mũi giặc ấy tất không tránh khỏi. Nay bệ hạ nên xuống chiếu, triệu bốn trấn chư hầu về châu, chém đầu hết. Như vậy, tám trăm trấn chư hầu nhỏ sẽ không ai làm chủ chẳng khác rắn không đầu, cọp thiếu vây, dù chúng có muốn làm phản cũng không được. Đó là bệ hạ biết lo xa.

Vua Trụ khen:

– Khanh thật là kẻ mưu cao trí rộng. Tô Hoàng hậu tiến cử không lầm.

Bí Trọng cúi lạy ra về. Trụ Vương liền viết chiếu sai bốn sứ giả đi bốn trấn.

Bốn vị sứ thần tuân lệnh ra đi...

Vị sứ thần đến Tây kỳ thấy phong tục rất tốt, cảnh vật hiền hòa, từ dân chúng đến các quan đều một lòng yêu nước, tuân theo lễ luật quốc gia, không gian tham, không trộm cắp, không một tiếng gây gổ ngoài chợ.

Sứ thần khen:

- Nghe đồn ông Bá Cơ nhân đức, trị nước ôn hòa, quả đúng như thuở Thuấn Nghiêu, lời đồn ấy không sai.

Bấy giờ, Tây Bá Cơ Xương đang lâm triều, nghị việc với các quan văn võ, bỗng nghe có tin báo.

- Thiên sứ xin vào yết kiến.

Tây Bá liền dẫn bá quan văn võ ra khỏi thành nghênh tiếp Sứ thần vào trước điện, truyền đặt bàn hương án, và đọc chiếu như sau:

"Biển Bắc dậy loạn, thiên hạ đảo huyền, các quan triều thần đều hết phương hết kế. Trẫm lấy làm lo lắng nên ban chiếu triệu bốn trấn chư hầu về Triều ca cùng trẫm bàn việc binh đao. Nếu được chiếu này, Tây Bá đến cho mau, kéo trẫm trông đợi. Như đẹp yên giấc, trẫm sẽ chia đất phong thêm. Trẫm không quên lời, khanh chớ trễ bước.

Nay sắc".

Tây Bá lại rồi truyền dọn đãi sứ và sáng hôm sau sắm lễ đưa Thiên sứ lên đường.

Tây Bá nói với Thiên sứ:

- Xin ngài về trước báo tin với Thiên tử hay tôi sắp xếp xong sẽ về Triều ca liền để kịp họp mặt cùng bốn trấn.

Sứ thần lên ngựa ra đi. Tây Bá trở vào kêu Tăng Nghi Sanh dặn:

- Ta đi khỏi thì việc trong giao cho quan Đại phu, việc

ngoài giao cho Nam Cung Hoát và Tần Giáp.

Nói rồi cho đòi Bá Ấp Khảo đến dạy rằng:

– Hôm qua Thiên sứ đem chiếu đòi cha, cha có bói thử một quẻ thấy chuyển đi này dữ nhiều lành ít. Dầu không đến chết cũng bị tai nạn bảy năm. Con ở Tây kỳ phải noi theo lễ luật, không nên đổi phép nước, cứ theo đường lối cũ mà làm. Anh em phải hòa thuận, tôi chúa phải yêu đương, muốn làm việc gì phải tính cho kỹ lưỡng. Dân nghèo phải xuất kho cứu giúp, dân no phải dạy dỗ, chớ có hành hạ khắt khe, đợi bảy năm mãn hạn cha sẽ về chớ nên thăm viếng.

Bá Ấp Khảo quì thưa:

– Tâu phụ vương, nếu Phụ vương bị bảy năm tai nạn, vậy để con đi thế cho.

Tây Bá nói:

– Mỗi người đều có một số mạng do trời đất an bài, trốn tránh sao được. Con cứ ở nhà làm đúng theo lời giáo huấn của cha là giữ được hiếu đạo rồi.

Tây Bá vào cung thăm bà Thái Khương thưa rành các việc.

Thái Khương nói:

Vừa rồi mẹ có gieo quẻ thấy con bị nạn bảy năm con có biết không?

Tây Bá nói:

– Thiên tử có lệnh đòi con, con vừa gieo một quẻ cũng thấy như vậy. Nay mọi việc con đã sắp xếp xong, giao cho triều thần quản lãnh, còn Bá Ấp Khảo thay con thế ngôi, con vào thưa cho mẹ rõ, mai sáng con lên đường vào Triều ca.

Bà Thái Khương căn dặn:

– Con đến Triều ca phải giữ mình, coi bản thân là trọng.

Tây Bá lay tạ nói:

– Xin tuân lời mẹ.

Nói rồi từ giã Nguyên phi Thái Cơ.

(Tây Bá có bốn cái vú và có hai mươi bốn người vợ, sinh được chín mươi chính người con. Con trai lớn là Bá Ấp Khảo, con thứ là Cơ Phát, sau lên ngôi Thiên tử gọi là Võ Vương).

Bữa sau Tây Bá sắm sửa ra đi, đem năm mươi binh mạnh. Thế tử Bá Ấp Khảo cùng quân thần là Tăng Nghi Sanh, Nam Cung Hoát, Mao Công Toại, Châu Công Đán, Thiệu Công Thích, Tất Công, Vinh Công, Tân Giáp. Tần Miếng, đến trường đình dọn tiệc tiễn hành.

Tây Bá uống rượu với các quan, và nói:

– Hôm nay ta cùng các quan cách biệt, nhưng bảy năm nữa vua tôi sẽ trùng phùng.

Tây Bá dặn đi dặn lại Bá Ấp Khảo:

– Anh em con nên hòa thuận để cha khỏi nhọc lòng lo.

Các quan đều quyến luyến không nỡ rời. Giờ tiễn hành kéo dài hơn nửa buổi. Tây Bá lên ngựa đi bảy mươi dặm thì mới đến núi Kỳ Sơn. Lăn hồi đi hơn ba mươi dặm nữa mới thấy núi Yên Sơn trước mặt. Bấy giờ trời đã gần tối, Tây Bá truyền quân dừng lại và nói:

– Trời sắp có mưa to, chúng bây hãy coi có khoảng rừng rậm hoặc nhà ai gần đây núp mưa dầm.

Quân lính nghe nói ngạc nhiên thì thắm:

– Trời không có chút mây, nắng chang chang như lửa, mưa sao được?

Thế rồi chỉ chốc lát, mây kéo nghịt trời. Tây Bá hồi quân sĩ vào rừng rậm cho mau.

Vua chạy tới cụm rừng đã thấy trời trút xuống như thác đổ hơn nửa giờ vẫn chưa tạnh.

• Tây Bá lại nói với quân sĩ:

– Hãy ngồi xít vào kèo có sấm lớn.

Quân sĩ vội nép mình vào trong, xảy nghe một tiếng sét như xé không gian, như núi lở đất long, làm ai nẩy kinh hãi. Trời dứt mưa, quân sĩ uể oải lên đường. Tây Bá ướt cả áo giáp, ngồi trên ngựa, nói:

– Sấm lớn quá chắc có tướng tinh ra đời. Chúng bây đi tìm tướng tinh xem thử.

Quân sĩ đưa mắt nhìn nhau cười thầm. - Tướng tinh là ai? Biết đâu mà tìm?

Tuy vậy quân sĩ không dám trái lệnh, phân nhau bốn hướng đi lang thang làm ra bộ tìm kiếm để dạo cảnh luôn.

Bỗng nghe bên gò mả có tiếng con nít khóc oa oa... quân sĩ xúm lại, thấy một đứa trẻ sơ sinh ai bỏ rơi ở đó. Chúng bàn với nhau:

– Có khi tướng tinh là đứa bé bỏ rơi này chăng?

Bèn bồng đứa bé đến trao cho Tây Bá. Tây Bá thấy thằng nhỏ mặt như nhụy đào, mắt như sao nháy, mừng lắm, nói với quân sĩ:

– Ta đã có chín mươi chín đứa con, nay nuôi thằng nhỏ này nữa cho đủ một trăm. Tướng mạng nó ngày sau quý lắm. Bây giờ bồng nó vào xóm mướn người nuôi dưỡng, đợi bảy năm nữa ta sẽ rước về.

Tây Bá cùng đoàn quân tìm đến một thôn xóm, bỗng gặp

một vị đạo sĩ, tay cầm gậy bước ra cản đường nói:

– Xin chào chúa công.

Tây Bá liền xuống ngựa đáp lễ, và hỏi:

– Đạo sư ở động nào, đến đây có việc gì?

Đạo sĩ nói:

– Tôi ở động Ngọc Trư, thuộc núi Chung Nam, tên là Vân Trung Tử, vì nghe sấm nổ biết có vị tướng ra đời nên đến đây tìm.

Tây Bá truyền đem hài nhi cho Đạo sĩ xem. Vân Trung Tử bồng xem một hồi, nói:

– Tướng tinh đợi đến lúc này mới chịu ra mắt.

Rồi nói với Tây Bá:

– Để tôi đem nó về núi nuôi dưỡng, chừng Chúa công trở lại tôi sẽ giao trả cho.

Tây Bá nói:

– Đạo sư muốn như thế cũng được. Song tôi muốn đặt cho nó một cái tên, để sau này tôi dễ dàng gặp lại nó.

Vân Trung Tử nói:

– Do tiếng sấm nổ mà sinh ra nó, vậy đặt tên nó là Lôi Chấn Tử cho tiện.

Tây Bá khen phải, trao đứa bé cho Vân Trung Tử, Vân Trung Tử từ già, bồng Lôi Chấn Tử về động.

Còn Tây Bá đi khỏi năm ai, qua sông Huỳnh Hà, thẳng đến Triều ca, vào trạm Kim Đình đã thấy ba trấn chư hầu cùng nhau ngồi uống rượu:

Trông thấy Tây Bá, mọi người đều mừng rỡ đón chào, Khương Hoàng Sở hỏi:

– Tây Bá hầu sao đến trễ vậy?

Tây Bá nói:

– Đường xa quá, tôi lật đật mà vẫn đến sau.

Kế quân dọn tiệc, bốn vị chư hầu ngồi lại uống rượu cho đến tối.

Tây Bá r.ói:

– Chẳng có việc chi quan trọng lắm, nên Thiên tử cho đòi chúng ta, chớ như giặc Bắc thì đã có Vô Thành Vương thừa sức can đáng, xếp đặt trong triều thì có Ti Can tài ba lỗi lạc, chúng ta về đây chẳng biết việc gì?

Ba trấn chư hầu kia cũng không ai định được duyên cớ, cứ ngồi uống rượu mãi.

Bấy giờ rượu đã ngà ngà say, Nam Bá hầu Ngạt Sùng Vô lâu nay nghe tiếng Sùng Hầu Hồ bóc lột của dân, tham nhũng nhiều việc, nên ngựa hòng nói:

– Này, Bắc bá hầu! Tôi muốn nói với ngài một lời, chẳng biết ngài có giận tôi không?

Bắc Bá Hầu Sùng Hầu Hồ cười lớn:

– Có chuyện gì thì cứ nói ra nghe. Chúng ta cùng là chức hầu cả, chỗ thân tình còn e ngại gì? Ngạt Sùng Vô nói:

– Nếu thế thì còn gì thân mật bằng. Tôi nghe ông có nhiều tâm tiếng không tốt, mất thể diện đại thần, ông bóc lột của dân, chia với Vu Hồn, Bí Trọng là hai tên dua mị. Việc ấy có hay không?

Sùng Hầu Hồ đỏ mặt, nói:

– Ai nói với ông như vậy?

Ngạt Sùng Vô cười lớn:

– Đó là tiếng đồn, cần gì phải có chứng cứ. Tôi nghe ông lúc làm lều Trích Tinh đã lấy cửa nhà giàu, bắt nhà nghèo nai lưng gánh chịu, thật mất lẽ công bình. Lời xưa nói, chứa lành được phước, chứa dữ gặp họa. Tôi với ông là chỗ thân tình, không lẽ cứ để ông mang tiếng xấu ấy mãi sao. Ông nên sửa chữa hành động của mình để chuộc lại tiếng xấu ấy.

Sùng Hầu Hồ ý thế Vương Hồn, Bí Trọng nên tánh tình ngang ngạnh, khi đã chạm tự ái rồi không còn kể gì phải trái nữa, trợn mắt nhìn Ngạt Sùng Võ hét lớn:

– Khốn nạn! Mày dám tìm lời bêu xấu ta trước mặt chư hầu à?

Nói rồi xô ghế đứng dậy cung tay toan đánh Ngạt Sùng Võ.

Tây Bá vội xua tay, can.

Nam bá hầu lấy phải khuyên nhủ, sao ông lại làm dữ như vậy? Giữa tiệc có chúng tôi, lẽ nào chúng tôi để ông đánh Nam bá hầu? Nếu ông có lỗi thì ăn năn, bằng không thì cũng nên thanh minh, rồi bỏ qua, nổi lại tình giao hảo với nhau, không tốt hơn sao?

Sùng Hầu Hồ muốn đánh Ngạt Sùng Võ, nhưng thấy Tây bá hầu can ngăn, đành rút về, toan ngồi xuống, chẳng ngờ Ngạt Sùng Võ đã lẹ tay hơn, đánh ngay vào mặt Sùng Hầu Hồ một cái đau thấu xương.

Sùng Hầu Hồ không còn nhịn được nữa, xốc tới ôm Ngạt Sùng Võ vật xuống. Hai người bám sát nhau. Khương Hoàng Sở vội chen vào giữa vệt hai người ra nói lớn:

– Đại thần mà đánh lộn với nhau thì còn gì thể thống nữa? Bắc bá hầu ơi, đêm đã khuya, nên đi nghỉ là hơn.

Sùng Hầu Hồ nuốt hận đi ngủ.

Có thơ rằng:

*Uống rượu bày lời nói thấp cao.
Tô gian toan kế hại anh hào.
Loạn ly từ đấy tràn thiên hạ,
Dân ở Triều ca mấy vạn hao.*

Sùng Hầu Hồ đi ngủ, chỉ còn ba vị chư hầu ba trấn ngồi nói chuyện suốt đêm. Có một tên quân hầu thấy vậy lén ngấm nhỏ một câu.

*Nửa đêm rượu cúc vui canh lụn.
Tảng sáng máu hường nhuộm chợ mai.*

Vì đêm khuya, giọng ngấm rất nhỏ, nhưng nghe rất rõ ràng.

Tây bá hầu bỗng hỏi lớn:

– Ai vừa ngấm câu thơ đó ra ta bảo.

Mấy tên quân hầu đều đến quì trước mặt, không ai dám nhận cả. Tây bá hầu nói.

– Ta vừa nghe rõ ràng, chúng bây chối sao được? Nếu không có đứa nào thú nhận ta truyền chém hết.

Bọn quân hầu thất kinh, chỉ vào một tên quân đang trước, nói:

– Tại họa xảy ra thế này là tại tên Dao Phước đó.

Tây Bá liền hỏi tên quân gọi là Dao Phước:

– Vì đâu mà ngươi lại ngấm hai câu thơ ấy? Hãy nói thiệt, ta trọng thưởng.

Dao Phước thưa:

– Việc này rất trọng đại và bí mật. Tôi là đứa bộ hạ của quan nội giám nên mới rõ. Sở dĩ Khương Hoàng hậu thác oan,

hai vị hoàng tử bị gió thổi bay mất, Thiên tử đắm mê mỹ sắc, không nghe lời can gián của tôi trung, chế hình bào lạc hại tôi hiền, do đó Thiên tử sợ chư hầu dậy binh nổi loạn, nghe lời kẻ dua nịnh, gạt các ngài về đây để chém đầu. Tôi thấy các ngài là những đại thần không nỡ giấu, nên mới tiết lộ điều đó.

Khương Hoàng Sở nghe nói hỏi:

– Khương hậu phạm tội gì mà bị hành hình đến chết?

Dao Phước kể lại mọi việc vừa xảy ra trong cung cấm và ngoài triều thần trong giai đoạn vừa rồi, Khương Hoàng Sở nghe xong ngả lăn ra chết giấc. Tây Bá thương hại, vội đỡ dậy.

Khương Hoàng Sở quá đau đớn, nói:

– Con tôi bị khoét mắt, đốt tay, thật là một cực hình chưa bao giờ có đối với một vị Hoàng hậu...

Tây Bá khuyên:

– Người chết rồi không sống dậy được nữa. Hiền hầu có than khóc cũng chỉ làm cho kẻ khác tủi lòng. Để mai, chúng ta đồng viết sớ vào triều can gián, may ra bề hạ hồi tâm sửa mình, lo việc chánh.

Khương Hoàng Sở nói:

– Trước đây các vị trung thần như Thương Dung, Triệu Khải, Mai Bá chỉ vì can vua mà bỏ mình. Nay các ngài vì tôi dự vào việc này e không khỏi họa. Thôi, cứ để mình tôi dâng sớ mà thôi.

Tây bá hầu nói:

– Hiền hầu dâng riêng một sớ, còn chúng tôi đứng chung một sớ, tất cả đều có lời can vua mới phải đạo làm tôi trong lúc quốc biến gia vong này.

Khương Hoàng Sở vừa khóc vừa ngồi lại viết sớ.

Bấy giờ Vua Hồn, Bí Trọng thấy các trấn chư hầu đã về đủ mặt liền vào cung báo cho Trạ Vương hay. Trạ Vương mừng lắm, hỏi Bí Trọng:

– Trẫm phải làm sao bây giờ?

Bí Trọng tâu:

– Ngày mai bốn chư hầu thế nào cũng dâng sớ can gián, xin bệ hạ đừng xem đến làm gì, cứ việc truyền đem chém đầu hết.

Vua Trạ nhận lời, sáng hôm sau, Trạ Vương lâm triều, Huỳnh môn quan vào báo.

– Bốn trấn chư hầu được lệnh bệ hạ xin vào ra mắt.

Vua Trạ cho vào. Bốn chư hầu lay chúc mừng xong, Khương Hoàng Sở dâng lá sớ lên. Ti Can tiếp lấy trái trước long sàng. Vua Trạ không thèm xem, hỏi Khương Hoàng Sở:

– Khanh đã biết tội chưa?

Khương Hoàng Sở tâu:

– Tội trấn Đông Lô, bình an một cõi, noi theo lễ luật nào có tội gì. Bệ hạ mê sắc, nghe lời nịnh thần, không kể đến nghĩa vợ chồng, khoét mắt, đốt tay Hoàng hậu, hành hình một cách ghê gớm như vậy đâu phải luật Thành Thang. Đã vậy còn ra lệnh chém hai vị Điện hạ, làm Bào lạc đốt tôi trung. Tôi đội ơn tiên đế, không kể mạng sống, liều mình dâng sớ khuyên can. Xin bệ hạ bỏ tà quy chánh, giết kẻ nịnh thần, xa rời mỹ sắc, lo việc trị dân sửa đức thì người sống cũng mang ơn, mà người chết cũng cam tâm nhắm mắt.

Trạ Vương nổi giận, mắng lớn:

– Lão tặc! Người dám thông đồng với con gái mưu giết

trăm soán đoạt ngôi trời. Tội ấy lớn bằng non, không lo chịu tội còn tìm lời mắng trăm. Võ sĩ đâu, hãy bắt tên phản tặc này đem phân thây mau.

Võ sĩ áp lại lột hết áo mào. Khương Hoàng Sở mắng vãi vào mặt Trụ Vương không dứt.

Ba trấn chư hầu đều quì xuống tâu:

– Khương Hoàng Sở lòng ngay phò chúa, chẳng có hành động thí quân, xin Bệ hạ xem sơ chúng tôi xét lại.

Vua Trụ quyết tình giết hết bốn trấn chư hầu nên không thềm coi số.

LỜI BÀN

– Những lầm lỗi chẳng khác vết dầu. Từ nhỏ loang dần đến lớn.

Trụ Vương đắm say tửu sắc. Trước hết tác hại đến bản thân làm cho con người mù ám không biết đâu là lẽ chánh đường tà. Từ chỗ tai hại bản thân đi đến chỗ tai hại gia đình, rồi đến triều thần. Bây giờ lan rộng ra các trấn chư hầu. Thật là một thảm họa, chẳng khác vết dầu loang.

Kẻ làm lỗi bao giờ cũng tự bào chữa cho mình, sợ kẻ khác thấy cái lỗi ấy. Bốn trấn chư hầu là kẻ làm tội cho mình, giúp mình trị an mấy cõi, thế mà lại đem giết họ đi. Đáng lẽ phải sửa lỗi mình thì lại bắt lỗi kẻ khác để kẻ khác khỏi hài tội mình.

Đọc Phong Thần ở phần này, chúng ta thấy rõ cái mâu thuẫn giữa chánh và tà. Tuy không giặc giã, không dấy động can qua, nhưng bên trong ngấm ngấm một cuộc

tranh đấu rất quyết liệt. Cuộc tranh đấu ấy là cuộc tranh đua giữa phe chánh: triều thần, và phe tà: Trụ Vương, Đắc Kỷ.

Đắc Kỷ muốn khống chế Trụ Vương dĩ nhiên trở thành kẻ thù của triều thần, bởi vì triều thần chính tay chân, tai mắt của vua Trụ. Muốn sai khiến vua Trụ, trước nhất phải chặt tay chân, xẻo tai, khoét mắt vua Trụ trước đã. Nhóm triều thần bị nạn chính là đã nằm vào âm mưu của Đắc Kỷ vậy.

Trụ Vương khoét mắt, đốt tay Khương hậu, nhưng có ngờ đâu chính Trụ Vương đang bị Đắc Kỷ khoét mắt, chặt tay chân.

Tội nghiệp cho một số triều thần, đứng trước hiểm họa ấy không liên minh tranh đấu mà chỉ biết đem cá nhân mình ra đấu chọi với quyền lực phong kiến.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT

TÂY BÁ BỊ GIAM THÀNH DỮ LY

BA vị Tổng trấn chư hầu thấy vua chẳng xem sớ, cứ việc truyền chém Khương Hoàng Sở, vội vâng quỳ tâu:

– Chúa là đầu não, bầy tôi như kẻ tay chân. Bệ hạ không xét lẽ phải trái, chém trung thần như chém kẻ thù nghịch, chúng tôi e trăm họ không phục mà sanh biến chăng? Xin bệ hạ xét lại.

Tĩ Can liền trải tờ sớ ra trước mặt Trụ Vương, Trụ Vương cực chẳng đã phải xem.

Tờ sớ viết:

"Chúng tôi dâng sớ là Ngạt Sùng Vô, Cơ Xương, Sùng Hầu Hổ, cúi đầu trước bệ cúi xin bệ hạ nhận lời ngay.

Lời xưa ví: vua Thánh trị thiên hạ chăm lo việc nước, gần người hiền, xa kẻ dữ, chẳng chuộng lâu dài, không ham tử sắc. Vua Thuấn, Vua Nghiêu nhờ noi đức ấy mà thiên hạ thái bình.

Đến nay, bệ hạ nối ngôi, chưa từng làm việc chánh, lại chuộng sắc, gần gian tà, trong thì giết vợ hại con, ngoài làm bào lạc hại tôi trung.

Vợ con và tôi thần đều là người gần gũi bệ hạ, coi như tay chân bệ hạ nở chặt bỏ đi tất nhiên bệ hạ phải suy yếu, mỗi nước mỗi ngày một lảm than. Kẻ nịnh xúi bệ hạ làm những việc đó tức là đã dụng tâm đưa bệ hạ vào con đường bệnh hoạn, để chúng một ngày kia thu đoạt giang san. Mong bệ hạ tỉnh ngộ, tự sửa mình, xa rời tử sắc, giết Đắc Kỷ, chém đầu Bí Trọng, Vương Hồn để mắt khỏi thấy loài dâm dục, tai khỏi nghe tiếng sàm tấu nịnh thần. Được vậy giang sơn sẽ vững bền mãi mãi.

Chúng tôi liệu mình nói thẳng, xin bệ hạ xét lại".

Vua Trụ xem xong tờ sớ nổi giận xé nát, ném xuống đất hét lớn:

– Quả là một lũ gian thần, đùa theo đảng nghịch. Vô sĩ đầu, bắt chém đầu hết cho trảm.

Trong bốn trấn chư hầu này có Sùng Hầu Hổ lâu nay có dính liếu với Bí Trọng, Vương Hồn về việc tham nhũng nên

không lẽ để Sùng Hầu Hổ cùng chết trong đám ấy, cho nên Vuơ Hồn, Bỉ Trọng vội quỳ tâu:

– Bốn trấn đều xúc phạm đến uy trời, lẽ ra không được hưởng ân huệ. Tuy nhiên, chúng tôi xét thấy Sùng Hầu Hổ mặc dầu đứng chung trong số, chứ thật tình không có ý khi quân. Bằng chứng là trước đây, Sùng Hầu Hổ đã trải lòng ngay giúp nước, cất lều Trích Tiên, lập cung Thọ Tiên, công đức cao dày, khổ nhọc biết bao. Nay chỉ vì nói xuôi theo các trấn mà phạm tội chết, nghĩ cũng oan tình, xin bệ hạ xét lại từng người để tha cho Sùng Hầu Hổ. Nếu trắng đen không phân biệt, ngọc đá đều đem đốt một lần kẻ có công cũng như người có tội, chẳng hóa ra bệ hạ bất minh sao. Xin bệ hạ tha chết cho Sùng Hầu Hổ để đoái công chuộc tội sau này.

Trụ Vương nói:

– Cứ theo lời hai khanh tâu thì Sùng Hầu Hổ là kẻ có công với triều đình. Vậy tha chết cho Sùng Hầu Hổ, còn ba trấn kia khi mệnh trẫm, truyền xử hình lập tức.

Hoàng Phi Hổ, Tì Can, Vi Tử, Cơ Tử, Vi Tử Khải, Vi Tử Điển, Bá Di và Thúc Tề đều quỳ xuống một lượt.

Tì Can thay mặt tâu:

– Khương Hoàng Sở trấn bên Đông Lỗ công trận rất nhiều, nếu bắt tội thì quân thật là oan ức, vì không có bằng cứ nào cả. Còn Cơ Xương dạ thẳng lòng ngay, một lòng thờ chúa, nhân đức trải khắp miền, ai ai cũng đều cảm mến. Đến như Ngạt Sùng Vô thân trải đao binh, biết bao trận vào sanh ra tử để bảo vệ nhà Thương, một côi phương Nam bình yên lạc nghiệp. Ba người đều có công lớn với triều đình như vậy xin bệ hạ ra ơn tha hết, để thiên hạ khỏi dị nghị là bệ hạ bất minh.

Trụ Vương nói:

– Khương Hoàng Sở làm phản, Cơ Xương và Ngạt Sùng Vô đều phạm tội mắng vua, hai tội ấy không tha được. Các người chớ can gián nữa.

Hoàng Phi Hổ tâu:

– Khương Hoàng Sở và Ngạt Sùng Vô đều nổi danh một cõi, không phạm tội gì. Còn Cơ Xương là bậc quân tử hiền lành mà bị giết như vậy. Tôi e thiên hạ không phục. Vả lại, xứ Bắc giặc già chưa yên, nay Bệ hạ giết các vị tổng trấn chư hầu ba miền nữa, thiên hạ nổi loạn. Đông, Tây, Nam, Bắc đều có giặc, biết làm cách nào dẹp được. Chư hầu bốn trấn cộng hơn mấy mươi vạn, không phải chuyện thường.

Trụ Vương nghe Hoàng Phi Hổ phân tách điều lợi hại, lại thấy nhiều vị Đại thần can gián, lòng cũng sợ, vội phán:

– Trẫm nghe tiếng Cơ Xương hiền đức, sao lại nghe theo đảng dữ làm gì. Lẽ ra xử tội liên can, song trẫm vị tình các quan nên tha chết. Còn Khương Hoàng Sở và Ngạt Sùng Vô quả là đảng nghịch, tội chết không thể bỏ được. Các quan chớ can gián nhiều lời.

Quan Đại phu Dao Cách và Dương Nhậm quỳ tâu:

– Bốn trấn đều bị một tội mà Bệ hạ tha Cơ Xương và Sùng Hầu Hổ, còn Khương Hoàng Sở và Ngạt Sùng Vô lại không tha sao phải lẽ. Xét Khương Hoàng Sở cũng như Cơ Xương, xưa nay không có gì thất đức, trị dân phải phép, phò chúa một lòng. Còn tội thí vua chẳng qua là chuyện huyền hoặc, không đủ bằng cớ kết tội được, Ngạt Sùng Vô thì dùng lời thắng can vua. Lời xưa có nói: Vua sáng thì tôi nói thẳng. Lấy lời thẳng mà can trước mặt vua là tôi ngay. Đã được tiếng tôi ngay mà bị giết sao phải. Xin bệ hạ nghĩ lại dung tha cả

bốn trấn chư hầu như thế mới phải tình tôi chúa, vui vẻ trời Nghiêu.

Vua Trụ giận, vỗ án nói lớn:

– Ngạt Sùng Vô mắng vua, Khương Hoàng Sở thí chúa, không chém đầu làm gương thì còn ai tuân phép nước. Trẫm còn thấy kẻ nào xin tội cho hai người ấy tức là kẻ ấy đã hùa theo đảng dữ, phải tội liên can.

Thấy vua Trụ giận dữ, chẳng ai dám tâu dài. Vua Trụ truyền đem Khương Hoàng Sở và Ngạt Sùng Vô ra hành hình, lóc thịt.

Võ sĩ tuân lệnh bắt Khương Hoàng Sở và Ngạt Sùng Vô đóng đinh lên cột, rồi lóc thịt gia hình.

Người sau có thơ điệu:

*Một dòng Hoàng Sở thấy trung lương,
Vua Trụ ham dâm giết thảm thương
Cả họ thác oan trời cũng xót,
Hôn quân vô đạo mất nhà Thương.*

Sau đó, Trụ Vương truyền bãi châu. Tây Bá lạy tạ ơn các quan đã cứu mình và khóc:

– Khương Hoàng Sở vô tội thác oan, Ngạt Sùng Vô can vua bị chém, tôi sợ hai cõi Đông và Nam sanh loạn.

Các quan lau nước mắt nói:

– Bây giờ chúng ta lo việc mai táng thì hai vị chư hầu, rồi sau sẽ tính.

Bọn gia tướng của Đông Bá và Nam Bá thấy chúa mình bị hại đều trốn về hết. Tỉ Can vào đền tâu với vua Trụ:

– Xin bệ hạ cho chôn cất hai thầy của hai vị chư hầu, và thả Cơ Xương về nước.

Vua Trụ nhận lời. Bí Trọng hay được việc ấy vào tâu:

– Cơ Xương ngoài mặt hiền lành, song trong lòng gian trá chuốt ngót lời nói để gạt các quan. Nếu tha về thế nào và cùng xúi con Khương Hoàng Sở là Khương Văn Hoán, và con Ngạt Sùng Vô là Ngạt Thuận khởi binh làm loạn để báo thù, ấy là thả cộp về rừng, cho rông về biển.

Trụ Vương nói:

– Trước Triều trăm đã tuyên bố tha chết cho Cơ Xương rồi, các quan ai cũng biết. Nay lấy lý do gì bắt giết?

Bí Trọng nói:

– Tôi đã tính sẵn một kế, có thể trừ được Cơ Xương.

Trụ Vương hỏi:

– Có gì vậy?

Bí Trọng nói:

– Ngày mai thế nào Cơ Xương cũng đến lạy ngoài ngõ mà về, và các quan thế nào cũng thân hành đưa đón. Tôi sẽ đến trường đình dò dẫm, nếu Cơ Xương thật lòng trung nghĩa thì thôi, bằng tỏ ra bất mãn thì Bệ hạ truyền bắt lại, giết quách cho rồi để khỏi sanh hậu họa.

Vua Trụ khen phải, ngầm sai Bí Trọng, Vu Hồn, lợi dụng cuộc đưa đón dò xét ý tứ của Tây Bá Hầu.

Bấy giờ Tỉ Can sau khi vào chầu vua Trụ, lên qua quán dịch thăm Tây Bá, và nói:

– Tôi vào hậu cung xin phép Thiên tử chôn cất thi thể Đông và Nam Bá Hầu, nhân tiện tôi có xin cho hiền hầu về nước.

Tây Bá Hầu nói:

– Cảm ơn Thừa tướng thương tình dạy bảo, biết bao giờ tôi mới đền bồi được ơn ấy.

Ti Can nắm tay Tây Bá nói nhỏ:

– Triều đình dă loạn, Thiên tử bị mê hoặc, khi không giết hại đại thần, điềm ấy chẳng lành đâu. Ngày mai hiền hầu lạy ngoài ngõ rồi về nước cho mau, nếu nấn ná bọn nịnh thần tìm lời dua mị, nói ra vào e bất tiện.

Tây Bá Hầu nói:

– Cảm tình Thừa tướng dạy bảo, tôi đâu dám chẳng tuân.

Sáng hôm sau, Tây Bá đến trước cửa ngo môn, nhắm về phía ngai lạy xong, đến trường đình, thấy mấy vị đại thần đang chờ đãi tiệc. Các quan mời Tây Bá ngồi lại, rót rượu và nói:

– Nay hiền hầu về nước, chúng tôi xin dâng một tiệc mọn để thưa gởi mấy lời.

Tây Bá khiêm tốn:

– Nếu có việc gì cần xin các ngài chỉ dạy.

Vi Tử nói:

– Tuy chúa thượng vô đạo, làm rách lòng chư hầu, song hiền hầu nên tưởng tình tiên đế, cho trọn đạo vua tôi, chớ đem dạ dối dời thì chúng tôi rất cảm ơn, và muôn dân đều may mắn.

Tây Bá bái, và nói:

– Tôi mang ơn Thiên tử tha tội, là được quý vị hết lòng bảo vệ, ơn ấy không bao giờ quên được. Tôi nguyện suốt đời không sanh sự.

Các quan cảm mến vô cùng, thi nhau chúc rượu, Tây Bá uống cả trăm chung.

Kế đó có Vưu Hồn, Bí Trọng bước vào. Các quan thấy vậy không bằng lòng, lui dần về hết.

Tây Bá nói với Vưu Hồn, Bí Trọng:

– Tôi hèn mọn không ra chi, nhọc lòng hai ông đưa đón.

Bí Trọng, Vưu Hồn nói:

– Hôm nay hai tôi bận chút việc nên đến trễ, xin hiền hầu miễn chấp.

Tây Bá thuở nay không gần bọn nịnh, không để ý đề phòng, thấy Vưu Hồn, Bí Trọng làm ra vẻ cúm nùm, ngỡ là họ thiệt tình nên đối xử rất tự nhiên.

Vưu Hồn hỏi:

– Tôi nghe hiền hầu có tài bói toán, biết được chuyện vị lai, chẳng biết có thật linh nghiệm không?

Tây Bá nói:

– Máy âm dương rất đúng, quẻ bói không thể sai được. Tuy vậy người nào bị tai họa mà ăn ở phúc đức thì tai họa cũng qua. Do đó nhiều lúc quẻ không linh là tại duyên cơ ấy.

Bí Trọng hỏi:

– Khí số bệ hạ, hiền hầu có bói giùm chưa?

Bấy giờ Tây Bá rượu đã xoàng xoàng, nên quên hai thằng nịnh đang kiếm chuyện, nghe hỏi tới việc Thiên tử, liền nhăn mặt thở ra, than:

– Khí số bệ hạ xấu lắm! Sợ chỉ truyền được một đời này thôi, cuối cùng bị tai nạn khủng khiếp. Đã vậy, Thiên tử lại làm nhiều việc thất đức, thời gian suy vi đến càng chóng hơn nữa. Minh là phận tôi con, không dám nói nhiều.

Nói rồi lau nước mắt. Bí Trọng hỏi:

– Hung tai bệ hạ ứng vào năm nào?

Tây Bá nói:

– Không ngoài hai mươi tám năm, tức là năm Mậu ngũ, ngày Giáp Tí.

Vưu Hồn, Bí Trọng giả vờ than thở, và ép rượu Tây Bá uống mãi. Qua một lúc, Bí Trọng và Vưu Hồn hỏi:

– Hiền hầu xem giùm quẻ hai tôi xem thân phận thế nào?

Tây Bá gieo quẻ, ngẫm nghĩ giây lâu rồi nói:

– Quẻ ứng lạ lắm.

Vưu hồn cười, và hỏi:

– Số hai đứa tôi chết về nghiệp gì mà lạ lắm vậy?

Tây Bá nói:

Người đời có nhiều cách chết, hoặc bị các chứng bệnh, hoặc bị nước, lửa, hoặc bị gươm đao v.v... Nhưng hai ông không chết vào các trường hợp thường tình như vậy, mà chết vì tuyết sa, bị chôn trong giá lạnh.

Bí Trọng cười:

– Có lẽ chúng tôi thuộc mạng thủy, nên chết chôn dưới tuyết cho mát thân.

Nói rồi rót rượu mời Tây Bá uống nữa. Vưu Hồn hỏi:

– Chắc hiền hầu cũng đã xem số cho hiền hầu rồi chứ?

Tây Bá nói:

– Tôi có xem rồi. Về sau tôi già yếu, mang bệnh mà chết.

Vưu Hồn, Bí Trọng làm bộ mừng, nói:

– Hiền hầu bởi có đức lớn, nên phúc thọ song toàn. Cha chả hai tôi vì mê chuyện văn nên trễ việc nhà, vậy xin già từ, chúc hiền hầu vinh qui trị nước.

Hai người nói rồi lên ngựa trở về dinh, vào thẳng hậu cung yết kiến vua Trụ.

Vua Trụ hỏi:

– Cơ Xương có oán trách ta thế nào không?

Vưu Hồn, Bí Trọng tâu:

– Cơ Xương chẳng những oán trách mà còn mắng khéo vua, tội ấy không thể tha được.

Trụ Vương nổi giận hét:

– Đồ thất phu, ta đã tha chết cho về nước chẳng biết ơn lại còn dám nhục trẫm. Hai khanh thuật lại lời nói của nó cho trẫm nghe.

Vưu Hồn, Bí Trọng tâu:

– Cơ Xương nói đã coi quẻ cho bệ hạ thấy chỉ truyền được một đời này thôi. Đã vậy. Bệ hạ sẽ chết rất thảm thiết.

Trụ Vương tái mặt vì giận:

– Sao các ngươi không hỏi thử số nó chết vì nghiệp gì?

Bí Trọng tâu:

– Hai tôi có hỏi việc ấy, Cơ Xương nói là số lão đến già mang bệnh chết. Chúng tôi nghĩ rằng Cơ Xương dùng lời ma mị, gạt gẫm mọi người, và dùng quẻ bói để mắng khéo bệ hạ đó thôi. Thực ra tánh mạng của Cơ Xương hiện ở trong tay bệ hạ, bệ hạ muốn giết lúc nào chẳng được, sao dám bảo chết già?

Trụ Vương hỏi:

– Theo ý hai khanh có nên giết Cơ Xương trong lúc này chăng? Vưu Hồn, Bí Trọng tâu:

– Cơ Xương dùng quẻ dịch dối thế mị dân, chửi rủa bệ hạ

đã có hai tôi làm chứng thì đủ bằng cứ để giết Cơ Xương rồi.
Xin bệ hạ trừ đi.

Trụ Vương liền sai đòi Triều Điền vào, truyền lệnh theo bắt Cơ Xương về chém. Triều Điền tuân lệnh ra đi.

Lúc này Tây Bá nói lời, biết thế nào cũng mang họa, liền truyền gia tướng chạy cho mau, để tránh nạn.

Tây Bá vừa chạy vừa nghĩ:

– Mình có cái nạn bảy năm, lẽ nào bình yên về nước được.

Ngoảnh đầu lại, thấy một tướng cỡi ngựa đuổi theo như bay, Tây Bá nói:

– Thôi rồi! Tai nạn đến nơi rồi.

Triều Điền kêu lớn:

– Tây Bá Hầu, bệ hạ có lệnh mời Tây Bá Hầu trở lại đã.

Tây Bá Hầu nói.

– Tướng quân ơi, tôi đã biết trước rồi.

Liền day lại nói với bọn gia tướng:

– Chúng bay về thưa với Bá Ấp Khảo phải giữ gìn phép nước, thảo thuận với anh em, trên kính dưới nhường, không nên dời đổi. Đợi bảy năm ta mãn hạn sẽ vinh qui.

Bọn gia tướng đều khóc lóc chia tay, còn Tây Bá theo Triều Điền trở lại.

Có thơ rằng:

Trường đình thù tạc già quan viên.

Quá chén bày lời chẳng cũ kiềng

Dù Lý bảy năm làm sách Diệc

Quê linh rành rẽ để lưu truyền

Quân tuân của Hoàng Phi Hổ, thấy Tây Bá bị Triều Điền kêu lại, lật đật chạy về báo với Hoàng Phi Hổ.

Hoàng Phi Hổ thất kinh, nghi thâm.

– Lẽ nào Tây Bá ra đi còn trở lại đây? Có khi hai thằng nịnh kiếm chuyện cáo gian hại Tây Bá chăng?

Tức thì, Hoàng Phi Hổ sai Châu Kỳ mời các quan nhóm họp trước điện.

Các quan văn võ vừa tựu đến thì Tây Bá cũng vừa vào. Hoàng Phi Hổ hỏi Tây Bá:

– Hiền hầu đã về nước, sao còn lưu lại đây?

Tây Bá nói:

– Không biết việc gì mà có lệnh bệ hạ đòi trở lại.

Triều Điền sau khi bắt Tây Bá lại rồi lập tức vào hậu cung tâu với vua Trụ. Vua Trụ giận nói:

– Hãy dẫn nó vào đây cho mau!

Tây Bá được nội thị dẫn vào quì trước long sàng tâu:

– Tôi mang ơn bệ hạ tha tội cho về nước, chẳng biết có việc gì bệ hạ chưa cho đi?

Trụ Vương mắng:

– Đồ thất phu! Trẫm đã cho vinh qui, sao không biết nhận, lại còn mắng trẫm.

Tây Bá tâu:

– Tôi dầu ngu muội thế nào trên cũng biết trời, dưới cũng biết đất, giữa cũng biết vua, biết có cha sanh, biết có thầy dạy. Năm đạo ấy tôi đâu có dám lỗi đạo.

Trụ Vương nói:

– Ngươi chó điêu ngoa chối lỗi, rõ ràng ngươi dùng việc

bói toán, lợi dụng việc thần thánh châm biếm và nhục mạ trăm lăm lời. Tội ấy không phải gọi là khi quân sao?

Tây Bá tâu:

– Quẻ Tiên thiên do Phục Hy chế ra luận theo Bát quái đồ hình, bói việc dữ lành trong thiên hạ. Tôi học theo phép ấy, suy ra các việc, đâu dám đặt điều châm biếm ai. Xin bệ hạ chớ nghi oan hạ thần.

Vua Trụ nói:

– Người thử bói một quẻ xem việc nước và vận mệnh ta thế nào?

– Việc ấy tôi đã coi quẻ rồi, thấy không tốt, nên tôi có nói với Bí Trọng, Vu Hồn. Tôi chỉ nói không tốt mà thôi, không hề phạm đến bệ hạ.

Vua Trụ đứng dậy nói lớn:

– Người chê ta chết một cách thảm thiết, còn người thì lại chết già, như vậy không phải là nhục mạ ta sao? Người quả là đứa lừa đảo, muốn làm cho lòng dân loạn động. Ta sẽ làm cho quẻ của người ứng không linh, để thiên hạ khỏi tin lời nói nhảm của người nữa.

Dứt lời, truyền đao phủ quân đem Tây Bá ra chém tức thì.

Bỗng nghe ngoài cửa có tiếng nói lớn.

– Không nên chém Cơ Xương.

Vua Trụ nhìn ra thấy Hoàng Phi Hổ và bảy vị Đại thần đồng vào đền quỳ lạy, tâu:

– Xin bệ hạ tha cho Cơ Xương về nước, bởi vì quẻ Diệt do Phục Hy đặt ra, không phải Cơ Xương đặt điều dối gạt dẫu. Cơ Xương xem bói nói thẳng tỏ ra người quân tử.

thấy sao nói vậy, không dua mè. Bệ hạ nào chém người ngay?

Trụ Vương nói:

– Cơ Xương dựa vào quẻ bói, khi quân, mắng chúa, làm cho lòng dân xao động. Như thế không đáng tội à?

Tĩ Can tâu:

– Nếu lời nói thẳng bị vua chém đầu thì có lẽ từ rày về sau không ai còn dám nói thẳng nữa. Xin bệ hạ xét lại hoàn cảnh khó khăn của Cơ Xương.

Trụ Vương lắc đầu:

– Cơ Xương gian trá, dựa vào quẻ để nói xấu trẫm. Tội ấy không tha được.

Tĩ Can tâu:

– Chúng tôi không phải vì Cơ Xương mà vì đại sự quốc gia. Cơ Xương là người hiền, có đức hạnh, các chư hầu đều kính phục. Nếu bệ hạ bảo Cơ Xương bày chuyện dối mắng vua thì bệ hạ truyền Cơ Xương bói quẻ, nếu quẻ đúng là Cơ Xương ngay thật, còn nếu quẻ không đúng, bệ hạ bắt tội Cơ Xương dối vua. Vua Trụ thấy nhiều vị Đại Thần can gián, cực chẳng đã nghe lời, truyền Cơ Xương bói thử một quẻ:

– Trong trào có việc gì sẽ xảy ra gần nhất người thử bói xem.

Cơ Xương tuân lời rừ quẻ, rồi nói:

– Xin bệ hạ thỉnh vị thần chủ ra ngoài, kéo trưa mai lửa cháy nhà Thái miếu.

Vua Trụ hỏi:

– Người đoán chắc giờ nào?

Tây Bá tâu:

– Đúng giờ Ngọ trưa mai lửa bốc cháy.

Vua Trụ nói:

– Vậy thì ta giam đỡ người một đêm, đợi đến trưa mai ta sẽ xét xử.

Các quan đồng lui ra ngoài. Tây Bá cũng đi theo, nói:

– Nhờ các ngài tâu xin tôi mới khỏi chết. Ôn ấy ngàn ngày khó quên.

Hoàng Phi Hồ nói:

– Hiền hầu ơi! Chúng tôi còn lo lắng chưa yên. Không biết ngày mai may rủi thế nào.

Tây Bá nói:

– Quê ứng không thể sai được. Cứ đợi trưa mai sẽ rõ.

Vua Trụ truyền đòi Bí Trọng vào nội cung hỏi:

– Nếu trưa mai lửa cháy nhà Thái miếu thì sao?

Bí Trọng nói:

– Bệ hạ cho quan giữ nhà Thái miếu ngày mai cấm không được thắp hương, lại phải canh phòng cho cẩn mật, thì lửa đâu mà cháy được?

Vua Trụ khen phải, truyền lệnh xong xuôi trở vào cung với Đất Kỷ.

Ngày hôm sau, Hoàng Phi Hồ và mấy vị Đại thần đều nhóm nhau trước phủ. Đến giờ Ngọ không thấy lửa cháy, ai nấy đều lo cho Tây Bá hết thời. Bỗng một tiếng sấm nổ vang trời, quan giữ nhà Thái miếu vội chạy vào báo:

Tiếng sét vừa rồi làm cho nhà Thái miếu bốc lửa, cháy rất dữ.

Ai nấy đều thất kinh. Tì Can than:

– Lửa cháy nhà Thái miếu là điềm chẳng lành. Sở cơ nghiệp Thành Thang không còn.

Các quan đều dẫn quân đến cứu chữa. Ngọn lửa cất cao ngọn núi:

Khói lửa mù mịt che không thấy mặt trời.

Lửa dậy rần rần, trông lò con mắt

Một luồng gió thổi, rèm châu cột ngọc ra tro.

Mấy mảnh tàn bay, ngôi tan thành đống.

Người sau có thơ:

Quẻ linh Tây Bá lậu thiên cơ.

Lửa dậy ngày mai dám định giờ.

Sự nghiệp Thành Thang gần hóa bụi.

Hưng vong loáng mắt, đám tro mờ.

Bấy giờ Trụ Vương đang ngự tại đền Long Đức, đang ngóng tin, xảy có quan Phụng ngự vào tâu:

– Quả thật đúng giờ Ngọ, lửa dậy cháy nhà Thái miếu rồi.

Trụ Vương thất kinh hét:

– Ta truyền canh phòng cẩn thận tại sao còn để lửa cháy?

Quan Phụng ngự tâu:

– Tiếng sét hóa lửa, đốt cháy đền thờ chứ không phải lửa vô ý.

Trụ Vương toát mồ hôi, ngồi trên long sàng chết điếng. Vưu Hồn le lưỡi, Bí Trọng lắc đầu đồng la hoảng:

– Cơ Xương là ông Thánh sống!

Vua Trụ tỉnh lại, hỏi:

– Quẻ linh như vậy, hai khanh nghĩ sao?

Vưu Hồn, Bí Trọng tâu:

– Cơ Xương tài tình như vậy, nếu cho về nước ngày sau khó lòng lắm.

Trụ Vương nói:

– Nhưng giết Cơ Xương không khỏi triều thần dị nghị, dân chúng nhôn nhao.

Bí Trọng, Vu Hồn tâu:

– Nếu không giết Cơ Xương thì phải cầm lại nơi triều ca. Như vậy mới khỏi lo điều dữ.

Trụ Vương nói:

– Chỉ có cách đó mới vẹn toàn được. Triều thần không dị nghị, trăm họ không xôn xao.

Giữa lúc đó có các vị triều thần kéo vào, quỳ dưới trướng để chia buồn. Tỉ Can tâu:

– Quê của Cơ Xương rất linh nghiệm, xin Bệ hạ truyền chỉ tha cho Cơ Xương về nước.

Trụ Vương nói:

– Cơ Xương bói hay, trăm dung cho khỏi chết mà thôi. Nay phải cầm nơi Dũ Lý, đợi yên việc nước sẽ cho về.

Các quan lạy tạ ơn, đồng ra ngoài ngõ. Tỉ Can nói với Tây Bá:

– Nay chúng tôi xin tội cho hiền hầu, Bệ hạ đã nhận lời, song dạy hiền hầu phải ở nơi thành Dũ Lý đợi chờ thuở vinh qui, chưa cho về gấp.

Tây Bá nói:

– Nay Bệ hạ đã tha tánh mạng, ơn lớn bằng trời, lại dạy ở nơi Dũ Lý mà chờ, tôi mang ơn rất lớn, đâu dám cãi lệnh.

Hoàng Phi Hổ nói:

– Hiền hầu rắng ở lại đây chừng một tháng, chúng tôi sẽ tìm dịp tâu xin cho hiền hầu về nước.

Tây Bá nhắm chỗ vua ngự lạy mấy lạy, cảm ơn các quan triều rồi theo quan Khâm sai đến thành Dũ Lý.

Mấy ông lão ở thành ấy đều mang bầu rượu, quỳ trước cửa đón rước Tây Bá, và nói:

– Chúng tôi xin chúc mừng vị Thánh. Nay có vị Thánh đến đây chúng tôi còn gì hân hạnh bằng.

Tiếng chúc vang trời người xem đông như kiến. Tây Bá vào thành, quan Khâm sai khen phục, và từ giã ra về.

Tây Bá bị cầm chân ở đó chứ không phải tù tội gì, vì vậy vẫn được tự do đi lại trong thành. Dân trong thành đều mến đức. Nhân lúc thanh thân, Tây Bá dùng Bát quái chế ra 64 quẻ linh, mỗi quẻ chia ra làm 6 hào, thành 384 hào.

Thì giờ Tây Bá dùng vào việc nghiên cứu, viết sách nên ngày tháng tự thoi đưa, không giận hờn, không oán trách ai cả.

Người sau có thơ tặng:

*Tù từng bảy năm thành Dũ Lý.
Điểm trang một tập quẻ thiên tiên
Dạy đời muôn việc điều hung kiết
Để tiếng nghìn thu bậc thánh hiền*

LỜI BÀN

– *Những việc dữ không đến một mình*

Ở các hồi trước, việc dẫm mè từ sắc của Trụ Vương chỉ tác hại trong cung, rồi đến các quan triều. Đến đây thì

việc tai hại mới bắt đầu lan ra bốn trấn chư hầu lớn, trước khi xáo động khắp thiên hạ.

Bắt đầu từ hồi này chúng ta lại thấy giữa hai đối tượng bắt đầu phát sinh ra mối mâu thuẫn. Một Trụ Vương độc ác và một Tây Bá nhân từ.

Độc ác, nhân từ là hai lãnh vực đối chọi nhau chẳng khác chỗ gò đồng và chốn ao đầm. Nước mưa sẽ từ chỗ gò đồng chạy dồn về ao đầm, cũng như lòng dân xa lánh kẻ ác dồn về với người nhân.

Cái nguy cơ mất nước của Trụ Vương đã hiện rõ trước mắt, trong lúc Trụ Vương hủy hoại lẫn tay chân vây cánh của mình, biến người thân trở thành kẻ thù. Còn Cơ Xương thì trái lại, lấy thù làm thân. Tại thành Dũ Lý, Cơ Xương đã thành công rõ ràng với chánh sách đó.

HỒI THỨ MƯỜI HAI

NA TRA XUẤT HIỆN NƠI ẢI TRẦN ĐƯỜNG

N NGÀY kia, Hoàng Phi Hổ nghe tin con trai Khương Hoàng Sở là Khương Văn Hoán lên ngôi Đông Bá Hầu đem bốn mươi vạn binh mã làm phản đánh ải Du Hồn. Lại nghe con trai Ngạt Sùng Vô là Ngạt Thuật thế chức Nam Bá Hầu, cũng dẫn binh mã năm mươi vạn, đến phá ải Tam sơ để báo thù cha. Hai tổng trấn này khuyên dụ bốn trăm chư hầu theo làm phản.

Hoàng Phi Hồ than:

– Thiên hạ đã loạn hết nửa phần rồi. Ôi, từ đây thế cuộc sanh nhiều rắc rối. Hai cỡi can qua biết bao giờ cho yên giấc?

Nói rồi ban cờ lệnh, truyền hai ải thủ thành, đợi cho địch quân phá không nổi kéo quân về, chứ không cho xuất quân đối địch.

Đây nói về ông Thái Ất ở động Kim Quang, thuộc núi Cát Nguyên là một vị tiên đã sống trên một ngàn rưỡi năm vì phạm luật sát sinh, nên thầy của ông là Nguyên Thi đóng cửa, không chịu giảng kinh nữa.

(Ấy bởi luật Thiên đình, muốn dùng các tiên phạm tội sát sanh ra giúp Khương Tử Nha, chém tướng phong thần cho đủ chức, sau khi nhà Châu diệt nhà Thương xong, đem lại thái bình cho muôn dân, chừng ấy ông Nguyên Thi mới giảng kinh, và các tiên phạm luật mới được phép tu lại).

Hôm ấy ông Thái Ất đang ngồi trong động, bỗng thấy Bạch Hạc Đồng Tử đến nói:

– Ngài Nguyên Thi dạy rằng: Chẳng bao lâu sẽ sai Khương Thượng ra đời, vậy ông phải cho Linh Châu Tử xuống đầu thai kéo trẻ.

Thái Ất thấy có lệnh thầy mình ban xuống, liền cúi đầu đón nhận:

– Việc ấy ta đã biết rồi.

Bạch Hạc Đồng Tử liền già từ ra về.

Bây giờ tại ải Trần Đường, quan Tổng binh ải này là Lý Tịnh vốn học trò của ông Độ Ách ở núi Côn Lôn, khi còn nhỏ có đi tu, sau bị đuổi về, ra phò vua Trụ. Vợ Lý Tịnh là Ân phu nhân sanh được hai con, hình dung tuấn tú. Con lớn tên Kim Tra, con nhỏ tên Mộc Tra. Đến nay, Ân phu nhân lại mang

thai nữa, nhưng lần này rất lạ, thai nghén đã ba năm rưỡi mà chưa khai hoa nở nhụy.

Lý Tịnh buồn bã, than:

– Thai nghén khác thường như vậy chắc là loại quái thai. Nếu không sanh ra yêu cũng sanh ra quỷ.

Ân phu nhân cũng sợ, nhưng không biết làm sao.

Đêm kia, Ân phu nhân đang nằm ngủ trong phòng, thấy một vị đạo sĩ đầu chừa hai vá, tay cầm gậy, râu dài được bước đến.

Ân phu nhân nạt lớn:

– Thầy là ai? Không biết phép, dám vào phòng riêng của ta?

Đạo sĩ nói:

– Phu nhân mau lãnh con quý.

Ân phu nhân chưa kịp trả lời, đã thấy Đạo sĩ tay cầm vật gì không biết ném ngay giữa bụng mình, làm cho Phu nhân giật mình thức dậy mồ hôi ước dầm mình.

Phu nhân gọi chồng thuật lại câu chuyện vừa chiêm bao, Lý Tịnh còn đang suy nghĩ thì phu nhân đã chuyển bụng, rên la rất dữ. Lý Tịnh nghĩ thầm:

– Đây chắc là một vị tướng đầu thai, nhưng chẳng biết tướng hiền hay tướng dữ đây.

Xảy thấy thế nữ vào thưa:

– Phu nhân đẻ ra một quái thai.

Lý Tịnh nghe nói thất kinh, xách gươm vào phòng, nghe mùi thơm ngào ngạt. Đến bên giường phu nhân thì chỉ thấy một cái bọc lớn bằng cái bánh xe. Lý Tịnh cầm gươm chém rách cái bọc ấy, tức thì bên trong một đứa bé nhảy ra, mình

chiếu hào quang, mặt như dãi phấn, tay cầm Càn Khôn Quyện, lưng buộc Hồn Thiên Lãng. (Ấy là Linh Châu Tử đầu thai, sau đi tiên phuông cho Khương Thượng, nên buộc mình dây đỏ, tay cầm vòng vàng. Hai vật ấy là bửu bối của Thái Ất Chơn Nhơn đó).

Lý Tịnh thấy thằng nhỏ chạy giáp vòng, biết không phải yêu quái liền bắt lại, bồng lên giường, đưa cho phu nhân.

Vợ chồng trăm trổ, cũng như trứng mòng.

Hôm sau, các quan tin đồng đến chúc mừng.

Tiếp đó, có một vị đạo sĩ đến trước ai xin vào ra mắt. Lý Tịnh trước kia là người tu hành, nên không dám xem thường các Đạo sư, liền ra rước vào.

Lý Tịnh nói:

– Chẳng hay đạo sư ở núi nào?

Đạo sĩ nói:

– Ta là Thái Ất, ở động Kim Quang, núi Càn Nguyên, nghe tướng quân sanh con quý nên đến chúc mừng. Vậy cho ta xem thử.

Lý Tịnh truyền thế nữ bồng đứa bé ra ngoài. Thái Ất bồng đứa bé vào lòng xem xét và hỏi:

– Sanh vào giờ nào vậy?

Lý Tịnh đáp:

– Đúng vào giờ Sửu.

Thái Ất nói:

– Không tốt.

Lý Tịnh nói:

– Khó nuôi lắm hay sao?

Thái Ất nói:

– Sanh nhằm giờ ấy thì phạm sát sinh. Nó giết hơn một ngàn bảy trăm mạng. Nhưng Tướng quân đặt tên nó là gì?

Lý Tịnh nói:

– Tôi chưa đặt tên.

Thái Ất nói:

– Để tôi đặt tên cho nó, và sau này nó theo tôi làm đệ tử được không?

Lý Tịnh nói:

– Được đạo sư thương tình như vậy còn gì quý hơn.

Thái Ất hỏi:

– Tướng Quân được mấy vị Công tử?

Lý Tịnh đáp:

– Tôi có ba đứa con trai. Thằng lớn tên Kim Tra đi học với Văn Thù ở núi Ngũ Long. Thằng thứ hai là Mộc Tra đi học với Phổ Hiền ở núi Cửu Cung. Còn thằng thứ ba đó, nếu Đạo sư muốn dùng làm đệ tử xin cứ đặt tên.

Thái Ất nói:

– Ta đặt nó là Na Tra, cũng lấy chữ hai đứa lớn.

Lý Tịnh cảm tạ, rồi truyền dọn cơm chay thết đãi.

Thái Ất nói:

– Ta có việc gấp, xin kiếu về.

Lý Tịnh thân đưa ra khỏi phủ.



Ngày kia, Lý Tịnh nghe hai Trấn nổi loạn, vội cùng cố binh lực để giữ ai mình. Nhất là nơi núi Già Mã, chỗ địa đầu,

Lý Tĩnh cố đóng quân thật nhiều để ngăn ngừa mũi giặc.

Thời gian trôi rất nhanh, thấm thoát đã bảy năm trôi qua...

Na Tra mau lớn phi thường, mình cao sáu thước, vai rộng dềnh dàng. Mới bảy tuổi mà nghịch không thể tả nổi.

Lý Tĩnh vì nghe tin Khương Văn Hoàn khởi binh đánh ải Du Hồn nên ngày đêm lo luyện tập binh mã để phòng, không rảnh để dạy dỗ Na Tra. Na Tra được thế không còn kiêng nể ai.

Một hôm, nhân trời nóng nực. Na Tra vào thưa với mẹ:

– Xin cho con ra ngoài chơi hứng mát.

Ân phu nhân vốn cứng con, không nỡ làm phật lòng, liền bảo:

– Con muốn ra ngoài thì đi một chút rồi về, kéo cha con hỏi không có mặt sẽ rầy la đó.

Na Tra nói:

– Thưa mẹ, con biết mà.

Ân phu nhân khiến một tên gia bộc đi theo. Na Tra ra ngoài ải, đi chưa đầy hai dặm đã thấy đổ mồ hôi, ráng đi đến một rặng dương liễu dụt nắng. Bên hàng dương liễu lại có một dòng sông lớn, ghềnh đá cheo leo, nước trong leo lẻo. Na Tra nói.

– Hay lắm! Trời đang nóng nực lại gặp dòng sông không tắm cho mát thì còn gì thú vị?

Tên gia nô nói:

– Không nên. Công tử tắm ở đây rủi gặp Tướng công điếm binh về trông thấy thì nguy, chỉ bằng trở về là hơn.

Na Tra nói:

– Không sao đâu. Ta tắm cho mát dầu gia gia ta trông thấy lại cảm ngăn à?

Nói rồi cởi hết quần áo, lội xuống sông, ngồi trên một bục đá, giỡn nước.

Giỡn nước chán rồi, Na Tra lại cởi dây lưng đồ ra giặt, làm cho mặt sông nước loan màu hồng, cả sông nổi sóng.

Sông Cửu Loan chảy vào biển Đông Hải, nên lúc ấy vua Long vương biển Đông là Ngao Quảng, đang ngự nơi cung Thủy tinh thỉnh linh thấy đèn đài rung rinh cả, liền hỏi quần thần:

– Việc gì mà cung điện rung rinh như vậy?

Triều thần không ai hiểu việc gì cả. Ngao Quảng liền truyền quý Dọa Xoa là Lý Lương lên mé biển tuần hành xem thứ vật chi.

Lý Lương tuân lệnh vác búa đến mé biển thấy vàm sông Cửu Loan sóng bua rập rình, liền theo dòng sông thẳng đến.

Khi đến nơi, thấy một thằng nhỏ đang ngồi trên ghềnh đá, cởi dây lưng ra giặt. Lý Lương trời dầu lên hét lớn:

– Thằng nhỏ kia. Mày giặt cái gì mà làm cho nước sông đỏ rực, đèn đài của Long vương rung chuyển như vậy?

Na Tra trông thấy quý Dọa Xoa, cười lớn:

– Cha chả! Mày ở đâu đến đây làm phách vậy? Lâu đài mày chỗ nào? Tao giặt dây lưng can hệ gì đến mày?

Lý Lương nói:

– Tao bắt mày đem về nạp cho Long vương hỏi tội:

– Vừa nói, Lý Lương vừa xách búa chém sả vào Na Tra. Na Tra thấy quý Dọa Xoa làm dữ, liền rút càn khôn quyền liệng đùa. Lý Lương nát óc chết tươi.

Na Tra cười lớn:

– Thằng chó chết báo hại cho dơ Càn khôn quyền của ta.
Nói rồi lại đem xuống sông rửa.

Thăm hại, những lâu đài thành quách của Long Vương bị báu vật ấy làm rung chuyển, đổ nghiêng chẳng khác một trận bão trên đất liền.

Ngao Quảng thất kinh hồi triều thần:

– Lý Lương đi chưa về, không biết cái gì càng ngày càng làm cho lâu đài rung động dữ vậy?

Xảy có bọn thủy quân chạy về báo:

– Trên bờ sông có một đứa bé giết dây lưng đỏ. Lý tướng quân đã bị thằng nhỏ đó giết chết rồi.

Ngao Quảng thất kinh la lớn:

– Thủy thần Dọa Xoa là tướng trời phong, ai dám giết?

Bèn truyền quân sắm sửa khí giới theo mình đến đó xem thử.

Bỗng có Thái tử Ngao Bính bước ra tâu:

– Phụ vương định đem quân đánh ai vậy?

Ngao Quảng thuật lại chuyện đứa bé vừa giết Dọa Xoa cho thái tử nghe. Ngao Bính nói:

– Việc nhỏ mọn như vậy phụ vương đi làm gì? Để con đến đó bắt nó đem về đây cho phụ vương tra hỏi cũng được.

Ngao Bính nói rồi xách kích, cỡi thú ra đi. Đến vàm sông quả thấy nước tuôn cuộn cuộn, sóng vỗ ầm ầm.

Bấy giờ Na Tra đang mãi mê đứng xem sóng bủa, thành linh thấy một con thú từ dưới nước nhảy vọt lên, trên lưng có một chàng trai tay cầm kích, mình mặc giáp, miệng kêu lớn:

– Thằng nhỏ kia. Có phải mày vừa giết chết tướng Dọa Xoa của tao không?

Na Tra nói:

– Tao giết nó chứ còn ai nữa.

Ngao Bính hỏi:

– Mày là thằng con nít ở đâu lại hung hăng như vậy?

Na Tra đáp:

– Tao là Lý Na Tra, con ông Lý Tịnh, hiện làm Tổng trấn ải này.

Ngao Bính nói:

– Con ông gì mặc kệ mày. Mày giết tướng trời tất phải đền tội.

Na Tra nói:

– Thằng phách lối. Tao đang tắm nơi đây, đâu phải là một khúc gỗ trôi sông mà nó vác búa đến búa vào người tao? Tao đánh nó chết lại tội vạ gì?

Ngao Bính nói:

– Tao bắt mày đem vào thủy điện rồi mày muốn gì thì nói.

Na Tra trợn mắt:

– Thủy điện là đâu? Mày là thằng nào?

Ngao Bính nói:

– Tao là Ngao Bính, con của Ngao Quảng, Đông Hải Long Vương.

Na Tra cười:

– À, nói vậy thì bây là loài rồng ở dưới nước. Nhưng đừng làm phách, hễ chọc đến tao, tao lột da cả cha mày

nửa chứ không phải chỉ một mình mày thôi đâu.

Ngao Bính tức giận quá, cầm kích lướt tới đâm đùa. Na Tra sợ hãi, quăng Hồn thiên lẳng ra trời Ngao Bính té xuống lưng thú, rồi nhảy xổ đến, đập chân vào cổ, lấy Càn khôn quện đập đầu chết tốt, hiện nguyên hình một con rồng nhỏ.

Na Tra nói:

– Để tao rút lấy gân mày đem về cho cha tao buộc giáp chơi, nghe nói gân rồng chắc lắm.

Nói rồi làm y như vậy. Xong, mặc quần áo lại, trở về ải.

Tên gia nô này giờ chứng kiến cuộc tàn sát, mặt không còn chút máu, không dám đi gần Na Tra, cứ lén lút theo sau cách một khoảng.

Phu nhân thấy Na Tra về liền hỏi:

– Con đi chơi đâu đến nửa ngày mới về?

Na Tra thưa:

– Con mãi mê ngắm cảnh đẹp nên về trễ.

Nói rồi đi thẳng ra sau vườn.

Bấy giờ, đoàn thủy quân theo Ngao Bính thấy Ngao Bính bị đánh chết lật đật trở về báo với Ngao Quảng.

Ngao Quảng thất kinh, la lớn:

– Con ta là một vị thần làm mưa, sao nó dám giết đi? Và ta và Lý Tịnh trước kia kết tình bằng hữu, sao va lại để con đánh chết Ngao thái tử, rút lấy gân? Việc này chẳng những một hận thù mà còn là một nhục nhã nữa.

Nói rồi liền hóa ra một vị tú tài thẳng đến dinh Lý Tịnh.

Bấy giờ Lý Tịnh mới điểm quân về, nghe quân báo:

– Có Ngao Quảng xin vào yết kiến.

Lý Tịnh mừng rỡ, vì lâu ngày xa cách, nên lật dật ra rước vào tư dinh đàm đạo.

Ngao Quảng mặt phùng phùng, nói với Lý Tịnh.

– Tôi đến đây không còn tình nghĩa gì nữa.

Lý Tịnh ngạc nhiên hỏi:

– Anh em lâu ngày xa cách, được gặp nhau là vui lắm sao hiền huynh buông lời như vậy?

Ngao Quảng nói:

– Tình nghĩa gì nữa mà anh em. Anh để con anh đánh chết tướng Dọa Xoa của tôi, lại giết con trai tôi rút gân đem về. Con cái hung dữ như vậy mà anh còn bênh nó à?

Lý Tịnh ngạc nhiên đáp:

– Anh lầm rồi. Tôi chỉ có ba đứa con. Hai đứa lớn đi học xa còn thằng nhỏ bảy tuổi không hề ra khỏi cửa, lẽ nào có xảy ra chuyện như vậy?

Ngao Quảng nói:

– Chính là thằng Na Tra, con trai nhỏ của anh. Nó có xưng tên xưng họ rõ ràng, chối làm sao được?

Lý Tịnh nói:

– Thằng Na Tra mới có bảy tuổi mà đánh ai được? Tuy vóc nó lớn thật, song còn nhỏ lắm! Thôi anh chớ giận, để tôi gọi nó ra đây cho anh nhìn mặt.

Lý Tịnh nói dứt lời, để Ngao Quảng ngồi đó, ra hậu phòng gọi vợ hỏi:

– Thằng Na Tra đâu?

Ân phu nhân không rõ chuyện gì, thấy nét mặt chồng có điều quan trọng, liền hỏi:

– Ai ở đằng trước vậy?

Lý Tịnh nói:

– Có Ngao Quảng, bạn của ta đến thăm và trách ta để con giết chết vị Thái tử, con trai của ông ấy. Ta thiết tưởng con trai ta là Na Tra mới có bảy tuổi, chưa từng ra khỏi cửa, có đâu sanh chuyện với ai. Chắc Ngao Quảng lắm, nên ta gọi Na Tra ra cho Ngao Quảng thấy mặt.

Ân phu nhân nghe nói lòng nghi ngại, đứng suy nghĩ, Lý Tịnh hỏi:

– Na Tra ở đâu?

Ân phu nhân đáp:

– Nó chơi đâu ngoài vườn hoa.

Lý Tịnh liền chạy tuốt ra sau vườn, thấy Na Tra đang thơ thẩn ở đó.

Lý Tịnh hỏi:

– Na Tra, con làm gì đó?

Na Tra nói:

– Có mấy sợi gân rồng con mới tìm được, định đem phơi khô để cha dùng làm dây cột giáp, thứ này tốt lắm.

Lý Tịnh sững sờ, hỏi:

– Gân rồng ở đâu vậy?

Na Tra kể lại chuyện đi tắm sông, giết chết Thái tử Long Vương. Lý Tịnh đứng chết điếng. Giây lâu mới mở miệng mắng:

– Mày là đồ oan gia nghiệp báo. Ngao Quảng làm chức Đông Hải Long Vương, trước kia là bạn với tao, sao mày giết con trai người ta rút lấy gân đem về phơi. Nay bác mày đến đòi thường mạng, mày tính sao bây giờ?

Na Tra nói:

– Thừa cha, con không biết cha nó là bạn với cha nên lắm lỗi. Vả lại không biết thì chẳng có tội gì, cha đừng lo. Gân rỗng còn dó, chưa cắt đứt sợi nào, để con lấy đem trả cho lão là yên chuyện.

Na Tra bèn đến trước mặt Ngao Quảng xá một cái, và nói:

– Chào bác. Cháu vì không biết nên lắm lỗi, xúc phạm đến đại huynh. Nay gân của đại huynh còn nguyên, chưa đứt khúc nào, xin trả lại bác, mong bác tha lỗi.

Ngao Quảng thấy nắm gân rỗng càng đau xót dạ, nhớ đến con, liền quay sang nói với Lý Tịnh:

– Chú sanh con dữ như vậy mà còn đổ lỗi cho tôi xét lắm. Nay tôi không còn tình nghĩa gì hết, quyết đến trước mặt Thượng đế đầu cáo, thử chú tránh khỏi vạ này không?

Ngao Quảng nói rồi bước ra ngoài đi thẳng. Lý Tịnh ngồi chết đống, không nói nên lời. Qua một lúc, Lý Tịnh bỗng khóc òa.

Ân phu nhân bước ra hỏi:

– Chuyện gì vậy?

Lý Tịnh nói:

– Con đại cái mang đó là lẽ thường xưa nay. Chúng ta sanh đứa con dữ, không tránh khỏi tai nạn. Ngao Quảng đến trước cửa trời đầu cáo, vợ chồng chúng ta không thể nào toàn thân.

Nói rồi khóc nữa. Phu nhân an ủi:

– Công việc chưa biết thế nào, sao Tướng quân vội bi quan?

Lý Tịnh nói:

– Phu nhân không rõ. Lẽ trời không thể tránh được. Tôi trước kia luyện không thành, song đã biết được mọi huyền cơ vũ trụ. Trên thượng giới có cả một triều đình Thượng đế có các vị tiên, phật cai quản, chia làm hai ngành, Xiển giáo và Triệt giáo. Luật lệ, phép tắc điều định theo lẽ lối phân minh.

Ân phu nhân nghe chồng giải, thất kinh, nói với Na Tra:

– Tao có công cứu mang mày hơn ba năm, mày không đền đáp, lại gây ra tai họa, làm hại đến mẹ cha như vậy, thật bất hiếu...

Na Tra thấy mẹ mình than vãn, liền quỳ thưa:

– Nay con không lẽ giấu mẹ cha, con không phải người phạm tặc, chính là học trò của ông Thái Ất ở động Kim Quang. Con có hai báu vật không ai đánh lại. Để con về động thuật lại việc này với thầy con. Nếu Ngao Quảng có làm gì bất quá mạng thế mạng thôi. Quyết không để liên lụy đến mẹ cha.

Nói rồi hốt một nắm đất vãi lên trời, độn vào đất ấy mà bay đi mất.

Vợ chồng Lý Tịnh trông thấy cũng thất kinh, biết con mình là một bậc tướng tài ở Thượng đế xuống đầu thai. Tuy vậy, công lý không thể nào trốn tránh được. Giết người vô cớ phải chịu tội mà thôi.

Na Tra độn thổ về đến động Kim Quang. Thái Ất cho đồng tử dò vào hỏi.

Na Tra đem mọi việc thuật lại một hồi, nhờ thầy cứu mạng.

Thái Ất nói:

– Ngao Bính sổ mạng chỉ đến đó thôi, Ngao Quảng là

một vị thần mưa lẽ nào không biết, chuyện gì phải đi kiện?

Liên dẫn nhỏ Na Tra bảo phải làm y kế, rồi họa bùa trên lưng Na Tra, khiến Na Tra đến cửa trời đón đường Ngao Quảng.

Na Tra lay tạ lui ra, dằng vân thẳng đến cửa trời, đứng trước đền Bửu Đức đợi Long Vương.

Bởi có bùa ẩn thân nên không ai thấy được. Bấy giờ Ngao Quảng mới lĩnh mệnh đến, Na Tra trông thấy nổi xung, xách Càn khôn quyền nhắm trên lưng Ngao Quảng đánh xuống. Ngao Quảng bị đánh lén, không đề phòng được, té nhào dưới đất. Na Tra lập tức đạp một chân lên lưng, một chân đạp vào cổ, không cho Ngao Quảng ngóc dậy. Ngao Quảng la ré om sòm, nhưng lúc này còn sớm, đền Bửu Đức chưa mở cửa, không một ai can thiệp.

LỜI BÀN:

— Mọi việc đều do trời, Có bụng phải có suy.

Nhà Thương lấy cơ nghiệp của nhà Hạ, truyền mãi đến đời vua Trụ, khí số đã hết, chính Ngọc hoàng cũng thấy cái cần phải thay đổi như vậy đã an bài sẵn, xếp đặt mọi việc trước để đổi nhà Thương sang nhà Châu.

Nếu chúng ta cho như vậy là đúng thì cái độc ác, mê muội của Trụ Vương cũng chỉ do trời định để khiến nhà Thương suy và không phải lỗi của vua Trụ nữa.

Thật ra quan niệm của dân Trung Hoa trước kia chìm

vào lãnh vực thần thoại hóa con người, thần thoại hóa cuộc đời...

Họ quan niệm loài người có vua, có chúa, thì trên trời cũng có vua có chúa, cũng kiện tụng, tranh giành chẳng khác hạ giới loài người.

Quan niệm thật mĩa mai. Những ông thần, ông thánh cũng giận hờn, cũng tự phụ, tự ái, cũng có đủ thứ như bản chất con người trong xã hội chúng ta.

Cuộc sống loài người do trời định. Cho nên, nhà Thương khi số hết, trời đã xếp đặt trước, và nhà Châu ra đời là thuận theo lòng trời. Trời định là tất cả những gì loài người phải chịu.

Kể ra truyền thuyết huyền hoặc ngày xưa không sao nói hết những cái ngớ ngẩn được...

Nghiên cứu vào các pho truyện Tàu, cũng có những bộ truyện tác giả lợi dụng thuyết huyền hoặc ấy để châm biếm chế độ vua quan tham nhũng, bất tài, vô liêm sỉ thời bấy giờ, ở Phong Thần điểm châm biếm ấy không rõ rệt như Tây Du Ký.

Đọc những pho truyện thuộc về loại thần thoại như Tây Du, Phong Thần, chúng ta không nên luận những cái vô lý, có lý về mặt khoa học, mà chỉ xem thử lý do nào tác giả đã cấu tạo những mẩu chuyện thần thánh quá mức tưởng tượng như vậy thôi.

Bắt đầu từ hồi sau, chúng tôi sẽ cùng các bạn theo dõi.

HỒI THỨ MƯỜI BA

THẠCH CƠ BỊ LỬA THIÊU HIỆN HÌNH CỤC ĐÁ

THƯỜNG hại cho Ngao Quảng bị Na Tra đập lên lưng không ngóc đầu dậy nổi, liếc mắt nhìn thấy Na Tra, nổi giận mắng lớn:

– Thằng súc sanh vô lễ. Mày là đứa nào mà dám giết Dọa Xoa, tướng trời phong, rút gân Ngao Bính là vị thần làm mưa, lại dám dè đầu ta là một vị chúa Đông Hải, làm mù áo lấm lem, không kể đến luật trời. Tao kiện đến Ngọc hoàng giết cả giòng họ mày cũng chưa hả giận.

Na Tra nghe Ngao Quảng rủa mắng mình, muốn đập một Càn khôn quỳện cho chết phứt, ngặt không dám trái lời thầy dạy, nên cứ đập lên cổ, mắng lại:

– Mày xưng mày là Đông Hải Long Vương, nhưng đôi với tao không kể mày vào đâu cả. Mày biết tao là ai không? Tao là Linh Châu Tử, học trò của ông Thái Ất Chơn Nhơn, vâng lệnh ông Nguyên Thi xuống đầu thai giúp nhà Châu diệt vua Trụ. Tao đi tắm, đâu có chọc ghẹo gì đến mày mà mày sai bọn bộ hạ vác búa đến búa tao. Tao giết chết hai đứa cũng chẳng tội lỗi bao nhiêu, việc gì mày đi kiện Ngọc hoàng? Nếu mày không bỏ ý định thì tao đánh mày đến chết.

Ngao Quảng ý mình là kẻ đang nắm giữ trọng trách, quyền hành do trời ban, nên thách:

– Mày giỏi cứ đánh tao thử.

Na Tra nói:

– Mày bảo tao đánh thì tao đánh cho mày biết tay.

Nói rồi cầm cú thoi lia thoi lia.

Ngao Quảng thấy Na Tra làm hờn, nhưng mắc kẹt không sao dậy được, đành nằm la hoẵng.

Na Tra nói:

– Tao biết rồi. Da mày dày lắm, tao đánh mày bất quá như đâm lưng thoi, ăn nhằm gì? Lời xưa nói: Cọp sợ rút gân, rồng sợ gỡ vẩy. Để tao lấy phép đó trị mày.

Nói rồi xé vạt áo Ngao Quảng, vén hông bên tả lên gỡ lõi bốn năm chục cái vẩy, làm cho Ngao Quảng đau đớn đến thấu xương.

Ngao Quảng thất kinh, lớn tiếng van xin tha mạng, Na Tra nói:

– Mày muốn chết thì đừng thưa kiện nữa, hãy theo ta về ải Trần Đường, bằng cái lại ta đập một Càn khôn quyền chết tức thì.

Ngao Quảng đang lúc thất thế, và biết Na Tra là Linh Châu Tử đầu thai, được ông Nguyên Thi là chúa tể các vị tiên bảo vệ, nếu lõi thoi nó đánh chết, rồi kiếm chuyện nói dối với Ngọc hoàng, ta ắt thiệt mạng.

Nghĩ như vậy, Ngao Quảng thuận lời, theo Na Tra về ải.

Na Tra bước xuống, Ngao Quảng liền ngồi dậy. Na Tra nói:

– Rồng thì hay biến hóa. Muốn lớn thì nằm chật cả bầu

trời, muốn nhỏ thì trốn trong hột cải cũng vừa. Tao e mày biến mất biết đâu mà kiếm, vậy thì hóa ra con rắn nhỏ đáng ta bỏ vào túi, mang về dinh cho tiện.

Ngao Quảng khó chối từ, phải hóa ra con rắn nhỏ. Na Tra bỏ vào túi áo rồi đăng vân về Ai Trần Đường.

Quân sĩ trên ải thấy Na Tra trở về, cho báo với Lý Tịnh:

– Đệ tam Công tử đã trở về trước ải.

Lý Tịnh nghe tin chẳng vui, truyền quân dẫn vào. Na Tra thấy cha mình mặt châu mày nhú, tỏ sắc thái buồn bã vội bước đến tạ tội, Lý Tịnh hỏi:

– Mày đi đâu về đây?

Na Tra thưa:

– Con đến cửa nhà trời đón bác, xin bác nên bãi việc kiện thưa. Bác đã bằng lòng, và con đã rước bác về đây.

Lý Tịnh cười cay đắng:

– Mày đâu phải thần thánh mà đến được cửa trời? Con nói dối cha mẹ như vậy thật là đứa con ngỗ nghịch.

Na Tra thưa:

– Xin cha đừng nóng giận. Việc này có bác làm chứng.

Lý Tịnh càng giận hơn.

– Mày còn nói dối nữa. Bác mày ở đâu?

Na Tra thưa:

– Bác ở trong túi con đây nè.

Liền rút con rắn lục trong túi áo quăng ra. Ngao Quảng tức thì hiện nguyên hình lại.

Lý Tịnh thất sắc, lật đật cúi xin lỗi Ngao Quảng và hỏi:

– Vì sao hiền huynh lại ra nông nổi?

Ngao Quảng giận quá, thuật lại câu chuyện Na Tra đón mình trước cửa đền làm hồn, vừa đưa hông cho Lý Tịnh xem, rồi nói:

– Anh sanh nhằm loài quái thai. Để tôi hội đủ Tứ Hải Long Vương đến cửa trời đầu tổ xem anh có trốn khỏi tội không?

Nói rồi nổi cơn gió lớn, bay vụt ra khỏi ải Trần Đường biến mất.

Lý Tịnh giậm đất kêu trời nói:

– Chuyện này rất quan hệ, biết tính làm sao? Đã giết con người ta còn đánh người ta trọng thương. Ngao Quảng là vị Long Vương, vâng lệnh Ngọc Hoàng trấn Đông Hải, đâu phải nhỏ?

Na Tra quì lạy thưa:

– Xin cha mẹ yên tâm. Thấy tôi nói rằng tôi vâng lệnh Ngọc Hư, đầu thai giúp chúa, đầu đánh chết Long Vương bốn biển cũng chẳng có tội gì. Nếu có điều chi thấy con chịu hết.

Lý Tịnh là người đã tu tiên, thông hiểu thiên cơ, thấy Na Tra đến được cửa trời biết quyền lực Na Tra không phải nhỏ. Tuy nhiên, ý vào quyền lực tác hại mọi người là điều cấm kỵ, dù cho thấy các vị tiên cũng không thoát khỏi tội lỗi.

Ân phu nhân vốn thương con, thấy Na Tra nói vòng vo sợ Lý Tịnh nổi xung đánh cho một trận nên nháy Na Tra và nói:

– Mày là con bất hiếu, theo báo hại mẹ cha, đi cho khuất mắt còn đứng đó làm gì?

Na Tra vâng lời mẹ, bước ra phía sau hoa viên không dám nói lời nào nữa.

Thấy mình làm phiền đến cha mẹ, Na Tra có ý buồn, một

mình thần thơ mãi. Bỗng ngó thấy một cái lầu cao trong khu vườn bộ mát mẻ lắm, Na Tra nghĩ thầm:

– Thuở nay ta chưa dạo lên lầu ấy, nay sẵn dịp buồn lòng, trèo lên đó giải khuây.

Nghĩ rồi liền mở cửa vườn, trèo lên vọng đài. Bốn bề mát mẻ, gió thổi hây hây, xa xa trông phong cảnh rất đẹp.

Na Tra thầm nghĩ:

– Nếu mình biết chỗ này mát mẻ, lâu nay lên đây hóng gió cũng vui.

Nhìn quanh quất một hồi, Na Tra nhất thấy trên tường vọng đài có treo một cây cung lớn, chạm ba chữ "Càn khôn cung", lại có ba mũi tên khắc ba chữ "Chấn thiên tiễn". Na Tra thầm nghĩ:

– Thầy mình có nói ngày sau mình sẽ làm chức tiên phuông, thu giang sơn vua Trụ. Vậy thì nay có sẵn cung tên, tập luyện cho thuần nhả để ngày sau dùng đến.

Liền lấy cung, lắp tên, kéo thẳng cánh nhắm bắn qua hướng Tây nam bỗng nghe một tiếng nổ vang trời, hình như tiếng sấm, hào quang chói mắt, oai khí ghê mình. Na Tra hoảng hồn, không dám bắn nữa.

(Nguyên cung tên ấy là của Hoàng đế, trước kia dùng đánh với Xí Vưu. Dư ba mũi tên thần lưu truyền lại đến đời sau lâu lắm rồi, không ai kéo cung thần ấy nổi, nên dùng làm vật báu ấy để tại ải Trần Đường).

Bây giờ nói về câu chuyện xảy ra tại núi Khô Lâu, động Bạch Cốt có bà chủ là Thạch Cơ nương nương. Hôm ấy học trò của Thạch Cơ là Bích Vân đồng tử, xách giỏ hoa đi hái thuốc, thơ thần ở chân đồi, thỉnh linh bị một mũi tên bay vào đến găm trúng cổ họng chết tươi. Người học trò thứ hai là Thế

Vân đồng nhi vừa đi đến thấy vậy vội chạy về báo với Thạch Cơ rằng:

– Thưa sư phụ, chẳng biết sao Bích Vân đang đi hái thuốc bỗng bị tên chết.

Thạch Cơ nường nường nổi giận, nói:

– Kẻ nào cả gan dám bắt lén học trò của ta vậy?

Liên theo chân Thế Vân đến nơi, thấy trên mũi tên có khắc hai chữ "Chấn Thiên", lòng hăm hực, nói:

– Chấn Thiên là báu tiền để tại ải Trần Đường, người giữ ải này là Lý Tịnh. Nếu Lý Tịnh không bắt thì còn ai vào? Trước đây Lý Tịnh tu hành không được, nhờ ta nói giùm với Độ Ách chơn nhưn cho về hưởng công danh, nay được làm quan trấn dã chẳng báo ơn ta còn bắt học trò ta đến chết. Ta quyết bắt Lý Tịnh đem về động trị tội.

Liên truyền Thế Vân giữ động, một mình cỡi Thanh Loan đến ải Trần Đường. Khi đến nơi, Thạch Cơ nường nường đứng trên không kêu lớn:

– Lý Tịnh, ra đây ta bảo.

Lý Tịnh nghe kêu không rõ tiếng ai, liền chạy ra xem thử, thấy trên cao màu vàng muôn trượng, sắc đỏ một vầng, nhìn rõ là Thạch Cơ nường nường cỡi con loan xanh, liền cúi đầu làm lễ, và thưa:

– Tôi không hay nường nường đến nên tiếp đón chậm trễ, xin nường nường tha thứ.

Thạch Cơ nổi giận hét:

– Ngươi là đứa vong ân, khéo chuốc ngót lời nói.

Liên lấy cái khăn choàng gọi là Bát quái Vân quang quăng xuống truyền Huỳnh Kim lục sĩ lấy khăn phép vắn vào mình Lý Tịnh, bắt đem về động tức thì.

Huỳnh Kim lục sĩ tuân lệnh. Thạch Cơ cỡi loan về động.

Chẳng bao lâu, Huỳnh Kim lục sĩ đã dẫn Lý Tịnh đến nơi giao nạp. Thạch Cơ ngồi giữa động, truyền đem Lý Tịnh vào, nạp lớn:

– Người tu hành không thành, nhờ ai mà được hưởng vinh hoa phú quý. Người đã không trả ơn còn gây thù oán? Ta đến bắt người, người làm bộ như là người vô tội là ý làm sao?

Lý Tịnh nghe Thạch Cơ nói không hiểu gì cả, chẳng khác người đang lạc vào cõi mê, liền cúi đầu thưa:

– Nương nương dạy điều gì, kẻ hèn này thực không hiểu.

Thạch Cơ nghiêng răng nói:

– Người trả ơn ta bằng cách bắn chết Bích Vân, đứa học trò của ta phải không? Người đừng giả bộ ngây ngô.

Lý Tịnh nói:

– Tôi ở mãi tận ải Trần Đường, không đi đâu hết, suốt ngày đêm lo chuyện tập binh mã, làm sao bắn chết Bích Vân đồng tử. Xin nương nương xét lại kéo oan tình.

Thạch Cơ nói:

– Chính người dùng tên Chấn Thiên bắn từ ải Trần Đường đến đây tang chứng đã rõ ràng, tại sao còn chối?

Lý Tịnh nói:

– Xin cho tôi xem mũi tên ấy thử.

Thạch Cơ truyền đem mũi tên ấy đến, và nói:

– Tên này là báu vật của ải Trần Đường, nếu người không bắn thì làm sao tên ấy bay đến đây?

Lý Tịnh xem thấy thất kinh, nói lớn:

– Cha chả, cung Càn khôn, tên Chấn Thiên là báu vật

của vua Huỳnh Đế từ xưa lưu lại, để trấn ải Trần Đường, từ xưa đến nay không ai kéo nổi cung ấy. Nay chẳng biết vì đâu tai bay vạ gối đến với tôi như vậy. Xin nương nương cho tôi về ải tra xét kẻ bắn tên, nếu tôi không tra ra xin đến đây chịu chết.

Thạch Cơ nói:

– Thôi được, ta cho người về tra xét, nếu việc này không giải quyết cho xong ta sẽ kiên đến thấy người đấy.

Lý Tịnh từ già Thạch Cơ cầm tên dộn thổ về ải.

Ân phu nhân từ khi thấy chồng bị bắt đem lên trời, không hiểu chuyện gì, than khóc suốt buổi, nay thấy Lý Tịnh trở về, lòng mừng khắp khởi hỏi:

– Chẳng may phu quân vì sao lại bị bắt đem lên trời như vậy? Thiếp không rõ nguyên nhân, run sợ quá.

Lý Tịnh thở dài, nói:

– Phu nhân ơi, ta làm quan đã hai mươi lăm năm nay không xảy ra điều gì đáng tiếc. Đến nay thời suy, nên xui khiến lâm tai nạn. Vừa rồi chẳng biết kẻ nào đã dùng hai vật báu "Càn khôn cung và Chấn thiên tiễn, bắn chết người học trò của bà Thạch Cơ ở động Bạch Cốt. Bà ấy bắt ta đòi thường mạng.

Ân phu nhân nói:

– Hai báu vật ấy để trên vọng đài, từ xưa nay không một ai bắn nổi, nay trong ải cũng chẳng có tướng nào mạnh, lẽ đâu dùng được?

Lý Tịnh nói:

– Ta nghi thằng Na Tra tinh nghịch, đã dùng tên thần sát hại kẻ vô can.

Ân phu nhân nói:

– Thằng Na Tra mới có bảy tuổi lẽ nào có đủ sức mạnh dùng thần tiễn.

Lý Tịnh nói:

– Phu nhân không biết chứ Na Tra là một tướng trời đầu thai làm con mình, tuổi nhỏ nhưng tài cao, sức mạnh vô địch. Chính nó đã dùng sức mạnh đánh cả Đông Hải Long Vương vừa rồi, phu nhân không thấy sao?

Ân phu nhân thở dài:

– Chuyện kia chưa dứt, chuyện nọ đã gây. Chưa chắc thằng Na Tra đã gây nên chuyện này.

Lý Tịnh ngồi nghỉ một lúc, rồi khiến quân đòi Na Tra đến.

Quân vào tìm Na Tra suốt buổi mới gặp. Na Tra đến trước mặt Lý Tịnh vòng tay thưa:

– Cha có việc gì sai bảo con?

Lý Tịnh nói:

– Thấy con đã dặn con sau này giúp nước phò vua, đồ binh bố trận, vậy nay sẵn dịp thông thả, sao con không tập cầm cung cỡi ngựa để phòng giúp nước?

Na Tra nói:

– Việc ấy cha không dạy con cũng phải lo. Vừa rồi con lên chơi viễn vọng đài thấy đó để cung tên, con bắn chơi một mũi mà khói đen mù mịt, hào quang chói sáng ngời, nghe tiếng sấm vang tai, mũi tên đầu mất.

Lý Tịnh nghe nói ngồi chết đĩnh. Giây lâu mới thốt lên:

– Mày là thằng nghiệp báo. Việc giết chết Thái tử Long

Vương còn đó chưa gỡ xong, nay lại chọc giận đến Thạch Cơ, việc càng rối thêm nữa.

Ân phu nhân ngồi nhìn sững. Na Tra không hiểu gì, liền hỏi:

– Chẳng hay có chuyện gì mà song thân kinh hãi như vậy?

Lý Tịnh nói:

– Mày dùng tên thần bắn chết học trò của Thạch Cơ, bà ấy vừa bắt tao đến động Bạch Cốt buộc phải thương mạng. Mày tính lẽ nào thì tính.

Na Tra nói:

– Bạch Cốt là động nào? Học trò bà Thạch Cơ đi đâu mà bị tên vậy? Nếu có thì đó là chuyện rủi ro, do số mạng chứ con đâu cố ý hại người?

Lý Tịnh nói:

– Nhưng tên ấy là tên thần, ai cũng biết báu vật của ả Trần Đường còn chôn cất vào đâu?

Na Tra nói:

– Xin cha dẫn con đến đó con sẽ đối nại trước mặt bà Thạch Cơ cho. Không liên hệ gì đến cha mẹ cả. Con làm con chịu thôi.

Lý Tịnh nói:

– Ủ, nếu mày có giỏi thì đến gặp Thạch Cơ nường nường tạ tội.

Na Tra vâng lời. Hai cha con cùng nhau dọn thổ đến núi Khô Lâu, động Bạch Cốt.

Lý Tịnh bảo Na Tra đứng ngoài chờ, còn mình thẳng vào

trong yết kiến Thạch Cơ nương nương. Thạch Cơ nương nương thấy Lý Tịnh đến liền hỏi:

– Sao? Người đã tra ra người bắn tên chưa?

Lý Tịnh thưa:

– Kẻ gây chuyện chính là Na Tra, con trai của tôi đó. Nó lè đứa con bất hiếu, tuy nhiên, con đại cái mạng, tôi không thể tránh khỏi tội.

Thạch Cơ nói:

– Người có dẫn nó đến đây không?

Lý Tịnh thưa:

– Có, tôi dẫn nó theo để xin lỗi nương nương. Hiện nó còn đứng trước động chờ lệnh.

Thạch Cơ nói:

– Người sanh con dữ không dạy được. Thôi để ta trừng trị nó cho.

Nói rồi liền sai Thế Vân đồng tử ra ngoài gọi Na Tra vào. Na Tra thấy có người ra gọi mình biết Thạch Cơ sai khiến, liền nghĩ thầm:

– Đây là ổ hang của chúng, nếu ta chẳng ra tay trước để lọt vào sào huyệt của nó thì khó mà đối phó sau này.

Nghĩ rồi liền nắm Càn Khôn Quyện lên đánh Thế Vân. Thế Vân thờ ơ không đề phòng, bị Càn Khôn Quyện đánh trúng té nhào xuống đất, thở hơi hóp.

Thạch Cơ nương nương ở trong động, nghe tiếng Thế Vân la lên biết rằng Na Tra đã sanh sự với học trò mình, mặt giận hầm hầm, xách gươm chạy ra hét lớn:

– Thằng quỷ dữ, mày dám đánh học trò của ta nữa à?

Na Tra mặt lấm lì, thấy Thạch Cơ cầm gương chạy ra liền thâu Càn Khôn Quyện, rồi ném tới đánh Thạch Cơ nữa. Thạch Cơ biết đó bửu bối của Thái Ất chơn Nhơn, lợi hại lắm, vội vã đưa tay ra bắt lấy và nói:

– Thái Ất dạy học trò ăn cướp dây mà?

Na Tra thấy Càn Khôn Quyện bị mất thất kinh, quăng luôn sợi dây lưng bảy thước là Hồn thiên lẳng lên định trời Thạch Cơ, chẳng ngờ Thạch Cơ đưa tay áo rộng lên hứng, Hồn thiên lẳng riu riu chun vào tay áo.

Thạch Cơ liền kêu Na Tra hỏi:

– Hãy đem hết các phép của thầy mày quăng ra hết đi.

Na Tra chỉ còn mình không, hết làm mặt dữ, vội co giò bỏ chạy.

Thạch Cơ gọi Lý Tịnh nói:

– Người là người vô tội, ta cho về nghỉ ngơi. Còn thằng con của người ta sẽ bắt nó trị tội.

Nói rồi đuổi theo Na Tra như mẹ rượt con, chẳng khác mây bay gió thổi. Na Tra chạy đã giỏi mà Thạch Cơ rượt theo cũng không chậm. Hai người cút bắt một hồi đã đến trước động Thái Ất chơn Nhơn.

Na Tra quen thuộc đường ngõ, nên chạy tọt vào trong, đóng cửa lại. Thái Ất thấy Na Tra chạy vội về, mặt mày hờ hời, liền hỏi:

– Chuyện gì vậy?

Na Tra thuật lại mọi việc mình bắn tên thần rui trúng học trò của Thạch Cơ nường nường và bà ta đã thu hết phép còn đuổi theo bắt nữa.

Thái Ất nói:

– Mày gây ra lầm chuyện bực mình. Việc Đông Hải Long Vương dàn xếp chưa xong đã đến chuyện Thạch Cơ nữa.

Na Tra van vì:

– Con dâu cố tình bắn chết học trò của Thạch Cơ, tên thần bay lạc, chắc là số mạng của học trò bà ấy...

Thái Ất nói:

– Thôi được, hãy ra sau vườn, để ta đối phó với mụ ấy.

Thái Ất bước ra đứng dựa ngoài hiên, thấy Thạch Cơ mặt giận hầm hầm, cầm gươm xông vào động, cử chỉ rất hung dữ.

Thái Ất cười lớn hỏi:

– Nương nương đến đây có việc gì mà bộ dạng khó coi như vậy?

Thạch Cơ xá Thái Ất một cái, và nói:

– Lão huynh dạy học trò không kỹ càng, phép tắc gì hết.

Thái Ất hỏi:

– Học trò tôi làm điều gì phạm đến nương nương?

Thạch Cơ nói:

– Nó đã dùng tên thần bắn chết học trò tôi là Bích Vân, sau đó lại dùng Càn Khôn Quyện đánh Thể Vân đến ngất ngư. Tôi ra can thiệp, nó ý có phép của đạo huynh đánh luôn đến tôi nữa. Nếu đạo huynh muốn tình chúng ta không sút mẻ thì hãy bảo nó ra đây cho tôi trị tội.

Thái Ất nói:

– Na Tra có mặt trong động, gọi nó ra không khó khăn gì. Song nó là người của cung Ngọc Hư, vâng lệnh Giáo chủ xuống đầu thai giúp Chúa. Nếu nương nương muốn trừng trị nó thì hãy đến nói với Giáo chủ, chừng nào Giáo chủ dạy ta

giao nó cho nương nương thì ta giao liền. Ta không phải tư vị.

Thạch Cơ cười lớn:

– Lão huynh đừng mượn uy của Giáo chủ dọa dẫm đàn bà. Lão huynh thả học trò ra giết người, phá phách kẻ khác, công lý dù là kẻ quyền uy cũng không thể trốn tránh được. Sát nhân phải đền mạng, đừng đem Giáo chủ dọa tôi.

Thái Ất nói:

– Đạo nào cũng vậy, người dưới phải tôn trọng kẻ trên, nương nương đã là kẻ tu hành lẽ nào không rõ lẽ luật?

Thạch Cơ nói:

– Tuy cùng là đạo nhưng tôi ở khác ngành, lẽ nào chịu tùng phục Giáo chủ của Đạo huynh?

Thái Ất chơn nhơn cười lớn:

– Nương nương ý muốn nói người Triệt giáo không tuân lệnh Xiển giáo chứ gì?

Theo tôi nghĩ, Xiển giáo hay Triệt giáo cũng cùng chịu dưới sự điều khiển của Ngọc hoàng, không nên có ý ấy. Nương nương cũng biết lúc này số trời đã định, tam giáo phải đồng nghị bản Phong thần cho đủ số. Giáo chủ ta truyền cho chư tiên các động phải sai đệ tử xuống trần giúp nhà Châu. Na Tra cũng vâng lệnh đầu thai, sau làm tiên phuông cho Khương Thượng, dầu nó lầm lỗi bắn trúng học trò của nương nương thì cũng tại số trời, không phải cố ý sát nhân mà bắt đền mạng. Xét như nương nương đã là kẻ tu niệm, tránh điều lo lắng thì cũng chẳng nên mua cừu chuốc oán làm chi cho lỗi phép đạo.

Thạch Cơ nổi giận nói:

– Tam giáo, đạo nào cũng trọng, sao lại có ý chê Triệt giáo của tôi.

Thái Ất nói:

– Đạo tuy là một, song có thấp cao, chánh tà phải phân biệt.

Thạch Cơ không còn nhịn được nữa, chém Thái Ất một gươm. Thái Ất vội né sang một bên tránh, rồi chạy thẳng vào động, rút gươm báu và dây phép, quỳ lại về hướng Đông, vái:

– Ngày nay cực chẳng đã phải phạm tội sát sanh, đệ tử không dám giấu thầy, xin chịu tội trước.

Vái lạy rồi, Thái Ất ra trước động, điểm mặt Thạch Cơ nói:

– Người còn non nớt lắm, sao chẳng lo tu niệm lại muốn đua ranh, muốn đến cửa lành làm dữ?

Thạch Cơ không nhịn, vung gươm chém đũa. Thái Ất đỡ ra và nói:

– Người là cục đá, nhờ âm dương soi sáng, nhật nguyệt thấm nhuần, tuy hóa hình ngàn năm, nhưng chưa đắc quả. Nay số trời đã đến nên khiến người đem chút tài mọn của tà đạo chống với chánh đạo, ta e uống công tu luyện ngàn năm, không được thành tiên lại trở thành đá.

Thạch Cơ nường nường nghe Thái Ất đem gốc tích mình ra châm biếm lại càng giận hơn, đôi mày dựng ngược, hai mắt tròn xoe múa kiếm chém Thái Ất không ngớt. Thái Ất đưa gươm đối địch. Đánh nhau được mười hiệp, sức gái không sánh nổi tài trai, Thạch Cơ ra tay trước, liền ném khăn Bát quái lên, chiếu hào quang sáng chói.

Thái Ất cười lớn:

– Phép tà cự sao lại chánh!

Liền đưa tay chỉ chiếc khăn Bát quái, miệng niệm lâm

râm, tức thì khăn Bát quái sa xuống đất, Thạch Cơ thấy phép mình không hại nổi Thái Ất, tức giận múa kiếm như bay, màu trắng tủa ra phủ một vùng.

Thái Ất nói:

– Người đã cố tình không hối cải, quyết làm dữ với ta lẽ nào ta dung thứ.

Nói rồi bước tránh sang một bên, lấy Cừu long thần hóa trạo vung lên. Bửu bối này có hình một chiếc nơm úp cá. Thạch Cơ thấy chiếc nơm phép thất kinh bỏ chạy, nhưng không sao tránh khỏi, chiếc nơm úp nhằm đầu, Thạch Cơ chui vào đất.

Na Tra thấy thấy mình dùng phép úp Thạch Cơ mà đốt, vội chạy ra lớn tiếng nói:

– Phải chi lúc nãy mình được chiếc nơm ấy thì khỏi mất công thấy mình phải ra tay:

Thái Ất ngó ngoái lại thấy Na Tra, nghĩ thầm:

– Thằng quỷ này ý muốn chiếm nơm phép của ta. Nhưng nếu cho nó ngay bây giờ thì gây họa không ít, chi bằng để lúc nào Khương Tử Nha làm tướng, ta sẽ cho nó cũng chẳng muộn.

Nghĩ rồi liền gọi Na Tra bảo:

– Na Tra, nay bốn vị Long Vương vâng lệnh Ngọc Hoàng đang bắt tội thân phụ ngươi dưới ải, ngươi hãy trở về cho mau.

Na Tra nghe nói khóc lớn:

– Xin thầy ra ơn cứu con một phen. Con lầm lỗi gây tội cho cha mẹ thật lòng con hối hận vô cùng.

Thái Ất thấy Na Tra khóc than lay lục liền kể miệng dặn

nhỏ vài câu, bảo làm y kế ấy mới cứu được cha mẹ khỏi tội.

Na Tra tuân lệnh, dọn thổ trở về ải Trần Đường.

Còn Thạch Cơ bị chín con rồng lửa trong chiếc nơm thần vắn vít chặt cứng, hơi nóng phùng phùng, khói tỏa mù mịt.

Thương thay! Uống công mấy ngàn năm tu luyện, Thạch Cơ bị hiện nguyên hình thành một cục đá xanh. Cùng bởi tại lửa trong tâm không dẫn được nên mới bị lửa bên ngoài đốt ra tro.

Cục đá xanh tan. Thái Ất thấy Càn Khôn quỵen và Hồn thiên lãng không cháy, liền thâu hai vật báu ấy đem cất.

Na Tra dọn thổ trở về đến ải Trần Đường, có quân vào báo cho Lý Tịnh hay. Bấy giờ vợ chồng Lý Tịnh đều bị trói, còn bốn vị Long Vương là Ngao Quảng, Ngao Thuận, Ngao Nhuận, Ngao Khâm đều ngồi trước mặt, bàn cách xử án.

Khi nghe quân báo có Na Tra về, bốn vị Long Vương đều nghiêng rằng giận dữ, Na Tra vào ải, thấy cha mẹ bị trói, hét lớn:

– Sao quý vị làm ngang như vậy? Kẽ nào làm không phải kẻ ấy chịu tội thôi. Tôi đã đánh chết Lý Lương và Ngao Bính thì một mình tôi thế mạng, không việc gì bắt trói song thân tôi.

Bốn vị Long Vương đều nhìn Na Tra, Ngao Quảng nói:

– Người giết người, gây nhiều việc đại ác, lại bỏ trốn, không biết xấu mà còn nói chuyện hiếu đạo?

Na Tra nói:

– Giết người đền mạng. Nay tôi bằng lòng mổ ruột, lóc thịt chặt xương của tôi ra để đền tội với song thân, trả ơn sanh thành. Quý vị không được làm phiền đến song thân tôi

nữa. Nếu quý vị bằng lòng như vậy thì tôi thi hành, bằng không tôi cùng quý vị đến cửa trời, yết kiến Ngọc Hoàng, nhờ phân xử phải trái.

– Như vậy mới là con có hiếu. Người làm được vậy ta cũng khen người đấy.

Nói rồi mở trối cho vợ chồng Lý Tịnh.

Na Tra lấy gương ra, tay mặt chặt tay trái, lóc hết thịt, rồi mổ bụng lôi ruột cả đùm. Chỉ chốc lát hồn lìa xác.

Thương ôi, máu me lai láng, xương thịt tan tành, lòng thảo dạ ngay, hồn bay phách lạc.

Người sau có thơ điệu Na Tra:

*Minh làm mình chịu dám nài bao,
Để họa song thân dạ nữ nào.
Lóc thịt quyết đền ơn nhũ bộ
Liều thân đành trả nghĩa cù lao
Lòng bền như đá lặn không núng,
Máu chảy như vôi thác chẳng nao.
Riêng then phận hèn coi mạng lớn
Nghĩ càng hổ mặt với anh hào.*

Bốn vị Long Vương thấy Na Tra chết rồi không còn lý nào làm khó Lý Tịnh nữa, đồng lui về hết.

Vợ chồng Lý Tịnh tấn liệm hài cốt của Na Tra đem chôn, lòng buồn không khuây.

Nguyên Na Tra là trái Châu Linh, không hồn phách, bởi dẫu thai nên mới có hồn. Nay hồn Na Tra phát phơ theo gió trở về động.

LỜI BÀN

Cũng như truyện Tây Du, truyện Phong Thần cũng nhân cách hóa thần thánh một cách rất buồn cười.

Thần thánh do người tưởng tượng ra rồi cũng do người vẽ vời nhiều cách, ở thời đó, thần thánh cũng chẳng khác con người cũng giận hờn, tranh hơn tranh thiệt với nhau, cũng có những ông tiên khinh thế ngạo vật, đánh giết nhau cũng chỉ vì giành một danh dự hão. Rồi cũng có tiên lớn ăn hiếp tiên nhỏ, thần lớn ăn hiếp thần bé.

Trông thật giống hài hước. Tuy nhiên, đó không phải là không lý do. Cái thời phong kiến nước Tàu, giai cấp phân hóa, những vua quan, những hoàng tộc làm lắm điều rồi ren, dân chúng không dám nói, mượn những chuyện thần thoại để nói lên lòng trắc ẩn của mình tưởng cũng thích thú lắm chứ.

Châm biếm thần thánh tức là mượn cớ để nguyên rửa cái chế độ phong kiến thối nát trong giai cấp quan trường vậy.

Cho nên, trước mắt dân chúng, thần thánh hành động không khác gì con người cả, Ngọc Hoàng Thượng Đế cai trị cõi trời, đến các vị tiên thần hoàn toàn sống với ý thức con người dưới thế gian.

HỒI THỨ MƯỜI BỐN

NA TRA NHỞ THẦY CỨU, NHẬP XÁC BÔNG SEN

HỒN Na Tra phảng phất bay về núi Càng Nguyên, Kim Hà đồng tử trông thấy vào thưa với Thái Ất:

– Không hiểu anh tôi vì sao hồn phách dật dờ bay về đây?

Thái Ất đã biết việc ấy, liền ra trước động nói với Na Tra:

– Chốn này không phải chỗ người nương thân. Hãy về mách bảo với mẹ người đến núi Túy Bình, cách ải Trần Đường bốn mươi dặm lập một cái miếu cho người ở. Người hưởng được ba năm hương lửa tự nhiên trở lại hình người. Ngày sau cứu nước phò vua, danh vang bốn biển. Hãy nghe lời ta chớ chậm trễ.

Na Tra nghe lời thầy dạy, liền trở về ải Trần Đường, nhân lúc canh khuya vào phòng ứng mộng.

– Đêm ấy Ân phu nhân đang ngủ, bỗng thấy Na TRA đứng trước mặt kêu nói:

– Thưa mẹ, con là Na Tra, vì chết oan uống nên vong hồn không siêu thoát, vậy xin mẹ lập miếu tại núi Túy Bình, để con nhờ hương khói siêu rỗi linh hồn. Nếu được như vậy ơn đức mẹ tày trời con mang ơn tợ biển.

Ân Phu nhân thức dậy, thương nhớ Na Tra, khóc mãi không thôi.

Lý Tịnh thấy vậy hỏi duyên cớ. Phu nhân thuật lại câu chuyện trong mộng vừa rồi.

– Bởi phu nhân lòng thương con nên sanh ra chiêm bao mộng mị như vậy. Đừng khóc lóc nữa.

Ân phu nhân làm thính, không dám cãi.

Đêm sau Ân phu nhân lại nằm mộng, và cũng thấy Na Tra kêu nói như vậy nữa. Rồi bảy đêm liền, không đêm nào không thấy Na Tra. Ân phu nhân sợ Lý Tịnh, không dám nói lại. Còn Na Tra thấy mẹ mình bỏ qua, không kể lời mình, tức giận nói:

– Con năn nỉ với mẹ đã mấy đêm liền, nếu mẹ không thương tưởng đến con, lập miếu cho con ở con sẽ phá nhà cho mẹ coi.

Na Tra lúc sống tánh hung hăng, lúc chết chắc cũng không vừa, phu nhân sợ hãi không dám bỏ qua nữa, lén sai người lên núi Túy Bình cất miếu, chạm cốt Na Tra bằng gỗ, như người sống. Chỉ trong mười bữa hoàn thành.

Na Tra từ ấy linh thiêng, tiếng đồn dậy núi. Dân chúng cầu gì được nấy, trăm việc trăm thành. Vì hiển thánh như vậy, nên bá tánh tự động góp tiền góp của, sửa sang miếu Na Tra rực rỡ, ngày ngày thường cúng tế, đêm đêm không ngớt hương đèn.

Bấy giờ Lý Tịnh nghe tin Đậu Dung trấn ải Du Hồn cự không lại Khương Văn Hoàn, nên ngày đêm lo luyện tập binh mã ở núi Giả Mã để phòng giữ ải mình.

Ngày kia Lý Tịnh kéo binh đi ngang qua núi Túy Bình thấy thiên hạ dâng hương đông như hội liền hỏi quân sĩ:

– Thiên hạ đi đâu đông như vậy?

Quân lính thăm dò một lúc rồi trở về báo:

– Núi này có một cái miếu, trong miếu có vị thần linh lắm, hễ cầu phước thì được phước, cầu may thì được may, thiên hạ đồn khắp chốn, ai nấy lũ lượt đến đó dâng hương, lúc nào cũng đông như ngày hội.

Lý Tịnh nói:

– Ông thần đó thiên hạ gọi là thần gì?

Quân lính thưa:

– Họ gọi là thần Na Tra.

Lý Tịnh nghe nói giận truyền quân đóng binh lại, rồi một mình cỡi ngựa lên núi xem thử.

Khách dâng hương thấy Lý Tịnh lên núi đều tránh đường cho Lý Tịnh đi. Lý Tịnh đến nơi thấy có một cái miếu thờ, nhang khói tỏa mịt mù, trước cửa treo một tấm biển đề bốn chữ lớn: "Na Tra hành cung".

Bước vào trong, Lý Tịnh thấy trên bàn một cốt tượng bằng gỗ, tạc hình giống Na Tra như lúc sống, hai bên lại có hai tên quỷ sứ đứng hầu, trông có vẻ oai nghi lắm. Lý Tịnh lấy roi chỉ vào mặt Na Tra hét:

– Nghịch tử ! Lúc sống mày báo mẹ báo cha, lúc chết lại làm quỷ gạt găm dân chúng, khuấy rối thiên hạ.

Mắng rồi vung roi đập nát pho tượng, nồi lửa đốt miếu cháy tan tành, lại nói với dân chúng hành hương:

– Nó không phải thần thánh gì đâu, đừng cúng tế nữa. Nó là đứa con ngỗ nghịch, gạt găm đồng bào đấy...

Khách dâng hương thất kinh, tản ra về hết, vì ai cũng sợ Na Tra linh hiển, lụy đến thân mình.

Người sau có thơ rằng:

*Bình ngã đi ngang cảnh Túy Bình.
Gặp dân đua cúng miếu anh linh
Roi đũa vun vút thần tan rã
Chân đá dùng dùng quỷ hãi kinh
Lửa đốt miếu thiêng, trời đỏ mặt,
Khói un cây cỏ, núi đen mình.
Vì hờn một chút gây nên chuyện
Khiến nổi cha con đứt nghĩa tình*

Lý Tịnh kéo binh trở về đến ải Trần Đường, bố trí canh đầu đó xong xuôi, vào hậu đường nói với Ân phu nhân:

– Nghịch tử đã chết thì thôi, bày chuyện lập đền lập miếu thờ cúng làm chi cho sanh chuyện.

Ân phu nhân thuở nay vốn nề chồng, không dám nói. Cục chẳng đã phải thở than:

– Dù sao nó cũng là con mình mang nặng đẻ đau. Nay nó liễu chết để khỏi lụy đến mẹ cha cũng là chuyện hiếu. Tôi nằm mộng thấy nó về gọi mãi, xin lập miếu để vong hồn nó an hưởng, lẽ nào nỡ bỏ qua?

Lý Tịnh nói:

– Lập mấy miếu cũng được, chuyện đó không ăn nhằm gì. Nhưng báo hại, dân chúng rủ nhau đến đó cúng tế dập dìu, làm náo động cả một vùng Túy Bình, thật là điều bất tiện.

Ân phu nhân nói:

– Cúng tế là do lòng ngưỡng mộ của chúng dân, có can gì đến tướng quân?

Lý Tịnh thở dài:

– Sao lại không. Tôi thuở nay không ưa hồi lộ, với Vưu

Hồn, Bí Trọng, chúng thường để ý, bươi móc nhưng sơ hở của tôi để sàm tấu. Nếu hai thằng nịnh ấy biết được việc này tất chúng tâu với Thiên tử, vu cho tôi tội mị dân. Như vậy mang tiếng với triều đình. Nay tôi đã phá tượng đốt miếu rồi, không để cho dân chúng tụ họp cúng tế nữa.

Ân phu nhân nghe nói buồn thiu, nhưng không dám cãi.

Bây giờ, Na Tra đi chơi vắng, không có ở miếu, lúc trở về thấy miếu cháy tan hoang, tượng thần bể nát, hai tên quỷ sứ khóc mếu máo, chạy ra nghênh đón.

Na Tra hỏi:

– Vì có sao miếu cháy tan tành như vậy?

Quỷ sứ thưa:

– Lý Tổng binh kéo quân đi ngang qua núi, chẳng biết vì sao lại đốt miếu, đập phá tan tành.

Na Tra nổi giận nói:

– Xương thịt ta đã trả lại rồi, còn tình nghĩa cha con gì nữa.

Nữ nào đập tượng, đốt miếu, ta biết nương dựa vào đâu. Việc này ta phải trở về núi thừa lại với thầy ta kéo oan ức quá.

Bấy giờ hồn Na Tra đã hưởng được nửa năm hương khói, nên có vẻ cứng cáp lắm rồi. Khi Na Tra bay về tới động, Kim Hà đồng tử trông thấy vội dắt vào yết kiến. Thái Ất hỏi:

– Sao ngươi không ở miếu, trở về động làm gì?

Na Tra thưa:

– Cha tôi kéo binh đến đập phá tượng cốt, đốt miếu tan tành, đệ tử không có chỗ nương thân nên phải về đây xin sư phụ chỉ dạy.

Thái Ất nghĩ thầm:

– Việc này lỗi tại Lý Tịnh. Là tình cha con, việc gì lại khắc bạc đến thế? Nếu không nhờ hương lửa cho thành hình thì làm sao ra đời phò vua giúp nước? Vả lại lúc này Khương Tử Nha cũng gần ra mặt, mà Na Tra hiện hình chưa kịp thì biết làm sao tính chuyện chiến chinh? Thế này ta phải dùng cách khác cứu nó mới xong.

Nghĩ rồi liền truyền Kim Hà đồng tử đi hái hai cái bông sen và ba chiếc lá sen nguyên cọng.

Kim Hà đồng tử tuân lệnh hái bông lá sen đem về. Thái Ất bẻ ra làm ba trăm sáu mươi khúc (cọng sen), sắp cọng sen làm xương, lấy bông sen làm thịt, đắp ba lá sen làm da, rồi bẻ hột thuốc kim đơn vào giữa.

Sắp đặt xong xuôi, Thái Ất niệm chú, thân hồn Na Tra xô nhập vào hình sen, hét lớn lên một tiếng:

– Hây hoàn hồn nhập xác.

Bỗng nghe có tiếng "ư", rồi một xác người ngồi dậy, mặt tợ dồi phấn, môi thề thoa son, hai con mắt sáng ngời, mình cao mười sáu thước, hình hài tuy cao lớn, nhưng không khác gì Na Tra trước kia mấy.

Thái Ất nói:

– Lý Tịnh đánh cốt đốt miếu là chuyện khắt khe, tuy nhiên đệ tử chớ lấy đó mà hận lòng.

Na Tra tánh hung hăng, nghĩ đến hành động Lý Tịnh đối xử với mình không sao dằn lòng được, nói lớn:

– Thân xác con đã trả lại cho cha mẹ con rồi, tình cha con không còn gì nữa, thưa thầy, hận thù này không trả không thể an lòng được.

Thái Ất bảo:

– Thôi chuyện đã qua đừng nhắc đến làm gì. Hãy theo thầy ra vườn luyện tập võ nghệ.

Na Tra theo Thái Ất ra vườn. Thái Ất giao cho Na Tra một cây giáo dài, lưỡi có uốn khúc như lưỡi con rắn liu điu đỏ lòm như lửa, gọi là Hỏa tiên thương.

Na Tra rất thông minh, chỉ học qua một lượt đã thuộc hết các phép. Thái Ất nói:

– Phép đánh giáo của con đã tinh thông, vậy thầy cho con thêm một bánh xe gió và một bánh xe lửa làm chân thế ngựa.

Nói rồi truyền mấy câu chú. Lại giao một túi da beo, có đựng các phép báu như: Càn khôn quyện, Hỗn thiên lăng, và một cục kim chuyên.

Giao xong các báu vật, Thái Ất lại bảo:

– Thầy cho con xuống ải Trần Đường ra mắt vợ chồng Lý Tịnh để cởi mở hận lòng.

Na Tra cầm giáo lên xe, trở về ải Trần Đường.

Thật ra đối với Lý Tịnh, Na Tra có cái hận trong lòng nếu không cởi mở, Na Tra sẽ thành độc dữ hơn, vì vậy Thái Ất cũng muốn cho hận thù ấy kết toán.

Na Tra nghĩ mình đã lóc thịt xương trả lại công sanh thành nên không còn là con của Lý Tịnh nữa, vì vậy khi đến ải Trần Đường, Na Tra đứng ngoài thành gọi lớn:

– Quân bay vào bảo Lý Tịnh ra ta nói chuyện.

Quân sĩ thấy Na Tra cầm giáo dài, mặt mày giận dữ lại kêu tên Lý Tịnh mà nói như vậy thất kinh vào báo:

– Có đệ tam công tử trở về, mời gia gia ra ngoài thành nói chuyện.

Lý Tịnh nạt:

– Bay chớ nói xàm. Đời nào chết đi còn sống lại được?

Lý Tịnh nói vừa dứt tiếng đã có tiếng quân khác vào thưa:

– Xin chủ tướng ra mau kéo công tử xông vào không ngăn kịp.

Lý Tịnh nói:

– Việc này rất lạ Na Tra đã chết lẽ đâu còn trở lại hình người. Đây chắc vong hồn nó hiện quỷ về phá rối chăng?

Nói rồi cầm kích lên ngựa ra trước ải, quả thấy Na Tra cao lớn hơn xưa, đang đứng trên hai bánh xe, tay chàng ngang ngọn giáo. Lý Tịnh thất kinh hỏi:

– Nghịch tử. Khi sống làm yêu, lúc chết hiện quỷ, trở về đòi nợ hay sao?

Na Tra nói:

– Ta với ngươi không còn tình cha con gì nữa. Xác thịt ta đã trả lại công sanh thành rồi. Bây giờ ta với ngươi chỉ là hai kẻ thù. Tại sao ngươi đập tan cốt tượng, đốt miếu của ta? Thù này chưa trả ta quyết không dập đất đội trời.

Vừa nói, Na Tra vừa xông tới, dùng giáo dài đâm Lý Tịnh.

Lý Tịnh nổi giận cầm kích đỡ ra rồi chém lại. Hai đòn đánh nhau được hai mươi hiệp, chẳng ngờ Na Tra sức mạnh phi thường, càng đánh càng hăng, còn Lý Tịnh mồ hôi ướt giáp, hơi thở khò khè, tay chân run rẩy, liệu thể đánh không lại phải quày ngựa chạy dài.

Na Tra gọi lớn:

– Lý Tịnh, chạy đi đâu cho khỏi? Phen này ta quyết giết cho được ngươi mới nghe.

Vừa nói vừa rượt theo. Lý Tịnh hoảng hốt dồn thổ tức thì. Na Tra cười lớn nói:

– Đối với thế gian thì dồn thổ là phép lạ, còn đối với tiên gia, dồn thổ là chuyện tầm thường, làm sao trốn được?

Nói rồi đạp hai bánh xe Phong hỏa nghe gió dấy lửa hùng dũng đuổi theo như mây bay gió táp. Lý Tịnh chết đứng, không biết liệu cách nào, than:

– Ta không ngờ sanh con lại tạo cho mình một nghiệp báo?

Giữa lúc đó bỗng có một người đi tới, miệng ca mấy câu:

Trăng chiếu bên khe nước bích

Gió đưa dựa cánh hoa đào

Ngàn dặm non xanh trải khắp

Một vầng mây bạc bay cao.

Lý Tịnh thoáng thấy một tên đạo đồng, mình mặc áo trắng, đầu đội mũ danh. Nhìn kỹ thì đó Mộc Tra, con trai của Lý Tịnh học trò của ông Phổ Hiển ở động Bạch Hạc.

Lý Tịnh thấy Mộc Tra, lòng bớt sợ, gọi lớn:

– Con ơi, cứu cha với.

Mộc Tra thưa:

– Cha đừng sợ, có con đến đây.

Bấy giờ Na Tra đã rượt theo kịp, thấy Lý Tịnh đang nói chuyện với tên đạo đồng, liền xóc đến làm dữ, Mộc Tra cản lại nạt lớn:

– Nghịch tử! Mày dám làm chuyện vô đạo, rượt đánh cha già, trời đất nào dung cho mày. Hãy xin lỗi thì ta dung thứ.

Na Tra hỏi:

– Mày là ai mà phách lối như vậy?

Mộc Tra nói:

– À, té ra mày chưa biết tao sao? Ta là Mộc Tra, anh ruột của mày mà? Lâu nay chưa lần nào gặp nhau nên mày không biết cũng phải.

Na Tra nói:

– Anh Mộc Tra, anh chưa biết câu chuyện này. Để tôi nói lại cho anh nghe.

Đoạn Na Tra kể lại các việc vừa xảy ra và nói:

– Tình cha con đã hết thì thù hận phải trả cho rành.

– Dù sao thiên hạ cũng nói mày là con của Lý gia gia. Nếu mày hành động như vậy thì mang tiếng con nhà vô giáo dục.

Na Tra nói:

– Nhưng cha làm quấy tất nhiên con không thể kính vì.

Mộc Tra nói:

– Lẽ thường xưa nay, cha mẹ không làm quấy bao giờ.

Na Tra nói:

– Xương thịt đã trả lại rồi, không còn cha con gì nữa.

Mộc Tra giận quá, mắng lớn:

– Mày quả là đứa nghịch tử, không để làm chi.

Nói rồi chém Na Tra một gươm. Na Tra vung giáo đỡ, và nói:

– Tôi với anh không thù oán gì. Hãy tránh ra để tôi trả mối thù cùng Lý Tĩnh.

Mộc Tra hét:

– Đừng nói bậy. Hãy ngựa cổ chịu chết cho rồi.

Na Tra không nhịn, cầm giáo dài đâm Mộc Tra. Mộc Tra đỡ ra rồi rượt đánh. Hai anh em đánh với nhau lối ba mươi hiệp, Na Tra nóng lòng trả thù Lý Tịnh, sợ Lý Tịnh trốn mất, nên tính giải quyết với Mộc Tra cho sớm, liền lấy cục Kim chuyển ném lên. Bầu bới này có hình như cái bánh ú, rơi nhằm lưng Mộc Tra, làm cho Mộc Tra chống không lại, nhào lặn xuống đất.

Na Tra nói:

– May muốn thế mạng cho Lý Tịnh đấy.

Nói rồi bỏ Mộc Tra nằm đấy, múa giáo đâm Lý Tịnh, Lý Tịnh sợ hãi cong lưng chạy riết.

Na Tra vừa cười vừa nói:

– Dù ngươi có chạy đến góc bể đầu non nào ta cũng quyết lấy thủ cấp cho được để trả thù việc đập cốt, đốt miếu ngày trước.

Lý Tịnh nghe Na Tra nói lại càng hoảng sợ, chạy trốn chết, chẳng khúc con chim bị nã, con cá vừa thoát lưới. Đàng sau, Na Tra đạp xe Phong hỏa đuổi theo rất gấp.

Lý Tịnh than dài:

– Mình đầu thai lỡ kiếp, đi tu tiên không thành, trở về với công danh thì lại bị loài quỷ dữ vương nghiệp báo. Nhục nhâ quá, sống cũng chẳng làm chi, thà chết cho mát ruột.

Than rồi muốn dùng gươm đâm họng tự vận. Bỗng nghe có tiếng gọi:

– Lý Tướng quân chớ chạy, có bản đạo đến đây.

Lý Tịnh dừng chân, nghe người ấy ngâm bốn câu thơ:

*Ngoài nội ngọn đông đưa liễu,
Trong ao mặt nước trôi hoa.*

Hỏi thử: Non xanh phải động,

Đáp rằng: mây bạc là nhà.

Người vừa ngâm bốn câu thơ là một đạo nhân, hiệu Văn Thù Quảng Pháp Thiên Tôn thầy của Mộc Tra đó.

Văn Thù tay cầm phủ phát, từ từ đi tới bảo Lý Tịnh:

– Tướng quân hãy vào động nghỉ, để ta xử trí với nó cho.

Lý Tịnh thấy Văn Thù Thiên Tôn, vội cầu cứu:

– Xin Đạo sư ra ơn cứu tôi với.

Vừa nói vừa chạy tọt vào động.

Na Tra mặt hầm hầm, tay cầm giáo dài, chân đạp hai bánh xe vừa đến nơi, không thấy Lý Tịnh đâu, chỉ thấy một ông đạo sĩ đầu chùa hai vá, mình mặc áo nịt một dây, đang đứng bên bàn thạch, liền hỏi:

– Ông đạo thấy một vị tướng vừa chạy qua đây không?

Văn Thù nói:

– Lý Tổng binh đã chạy vào động Vân Tiêu rồi, người hỏi làm gì?

Na Tra nói:

– Đạo sư chưa rõ, người ấy chính là thù nhân của tôi đấy.

Văn Thù cười lớn:

– Con mà gọi cha mẹ là thù nhân à?

Na Tra trợn mắt, nói:

– Tại sao ông biết? Tôi đã lóc hết xương thịt trả lại rồi, còn cha con gì nữa?

Văn Thù nói:

– Lóc thịt xương chỉ mới là thể xác, còn tinh thần thì sao?

Na Tra hỏi:

– Tinh thần là cái gì?

Văn Thù đáp:

– Tinh thần là mối liên hệ giữa tình thương, là cái đạo của con người đối với con người.

Na Tra nóng lòng, gắt:

– Tôi không muốn nghe những lời ấy. Nếu ông muốn yên ổn thì giao cừu nhân cho tôi, còn không tôi đâm ông ba giáo.

Văn Thù cười gằn:

– Mày là giống gì mà phách lối như vậy? Đừng khoác lác lỗ miệng mà hại đến thân.

Na Tra không biết Văn Thù là bậc Đạo sư có địa vị khá cao, nên hùng hổ nói:

– Ta là Na Tra, học trò của ông Thái Ất chơn nhơn. Nếu người lớn không biết điều, trẻ nít không giữ lễ.

Văn Thù nói:

– Ta không nghe Thái Ất có học trò là Na Tra. Mày ngông cuồng như vậy ắt mang khốn. Ta sẽ bắt treo ngược lên không, đánh đòn ba trăm gậy.

Na Tra tách ương ngạch đã quen, không kể đến ai, liền vung giáo đâm Văn Thù.

Văn Thù giả thua bỏ chạy, Na Tra đắc ý đuổi theo, Văn Thù liền lấy Độn long thung (cây nọc cột rồng) trong túi quăng lên, tức thì bốn bề nổi gió, tám hướng mịt mù, bụi đất tối trời. Na Tra mù mịt, không còn biết đâu là đâu nữa, mê man một lúc. Khi tỉnh dậy thì thấy mình bị trói vào ba cái khoen bằng vàng, hai cái khoen niềng hai bắp vế, một cái khoen niềng ở cổ, buộc cứng vào một cái nọc.

Văn Thù mắng lớn:

– Mày quen thói ngang tàng, gặp ta, ta trị cho một bữa.

Nói rồi khiến Kim tra đem gậy ra đánh Na Tra một chập. Na Tra bị trối trong cột, đau quá toát mồ hôi, mắt đỏ lửa, mũi ra hơi nóng.

Đánh được vài trăm gậy, Văn Thù khiến Kim Tra thôi đánh, và bỏ vào trong động.

Na Tra ngồi một mình tức bực khó chịu, đã không trả thù Lý Tịnh được, lại bị ông đạo sĩ này hành hình, rêm mình rêm mẩy.

(Nguyên vì Thái Ất chơn nhưn biết Na Tra tánh hung hăng nên gặt Na Tra đến động Vân Tiêu, nhờ tay Văn Thù trừng trị cho chữa tánh lỗ mãng).

Bởi vậy, trong lúc Na Tra đang hậm hực, mặt nhăn mày nhí, ngồi ủ rũ nơi chiếc cột, thì Thái Ất đi ngang qua đó. Na Tra trông thấy vội kêu cứu. Thái Ất không thèm ngó lại, cứ đi thẳng vào động.

Văn Thù mở cửa ra tiếp, vừa cười vừa nói:

– Anh dễ học trò nghinh ngang quá làm tôi nhọc công dạy dỗ.

Thái Ất nói:

– Tôi biết tánh nó hung lắm, nên mượn tay anh răn dạy một lần.

Văn Thù liền khiến Kim Tra ra mở trối cho Na Tra. Kim Tra tuân lệnh ra mở trối, và nói:

– Thầy dạy người vào ra mắt.

Na Tra nói:

– Ta không ngờ thấy ta lại sợ cái lão sói đầu này, nếu biết trước ta không sanh sự với lão làm gì.

Kim Tra nói:

– Người phải bỏ tánh hung hăng, nếu không, thầy ta còn trừng trị nhiều cách khác nữa.

Na Tra lườm mắt:

– Đã có thầy ta trong đó, ta còn sợ gì lão sói.

Kim Tra dẫn Na Tra vào trong. Na Tra thấy Văn Thù ngồi bên tả, Thái Ất ngồi bên hữu. Hai người có vẻ thân mật như anh em.

Thái Ất bảo Na Tra:

– Hãy ra mắt Bá Bá của mày đi.

Na Tra không dám cãi lời, liền quỳ xuống ra mắt Văn Thù. Thái Ất lại gọi Lý Tịnh ra. Lý Tịnh bước đến lạy mừng hai vị Đạo sư.

Thái Ất nói:

– Từ nay trở về sau, cha con phải thuận hòa, cha đừng khắt khe với con, con chớ vô lễ với cha nữa, được như vậy mới tốt đẹp.

Lý Tịnh tuân lời, lạy tạ lui ra. Na Tra vẻ mặt không vui, đôi mắt chứa đầy uất khí. Thái Ất thấy vậy mỉm cười nói với Lý Tịnh:

– Thôi! Lý tướng quân trở về ải an nghỉ.

Lý Tịnh cáo từ, ra khỏi động, Na Tra đưa mắt nhìn theo với cử chỉ hậm hực.

Thái Ất nói:

– Ta bảo người từ nay một lòng hòa thuận để giữ đạo làm người tại sao người không tuân?

Na Tra thưa:

– Không trả thù được, lòng đệ tử không an.

Thái Ất biết tánh Na Tra hung dữ, khó nguôi được, liền bảo:

– Hãy trở về giữ động, để ta chơi với bác mày vài ván cờ rồi sẽ về sau.

Na Tra nghe nói mừng quýnh, vội cúi lạy, ra khỏi động Vân Tiêu, đạp hai bánh xe Phong hỏa đuổi theo Lý Tịnh tức khắc.

Lý Tịnh đang độn thổ trở về ải, bỗng nghe có tiếng Na Tra gọi lớn:

– Lý Tịnh trốn đi đâu cho khỏi có ta theo lấy đầu ngươi trả thù đây.

Lý Tịnh ngó ngoái lại thấy Na Tra trợn mắt đuổi theo gần kịp, kinh hãi, nghĩ thầm:

– Ông Thái Ất dạy học trò dữ đã không răn dạy nó còn ngầm khiến nó theo hại ta nữa. Mới bảo ta trở về, lại sai học trò theo đánh. Ngoài mặt giả nhân giả nghĩa, trong lòng chứa đựng gươm đao. Thấy bất nhân, trò làm sao không thất đức?

Vừa nói, Lý Tịnh vừa chạy trốn chết. Na Tra cứ đuổi theo mãi, Lý Tịnh không biết làm sao trốn thoát. Trong cơn bối rối, bỗng thấy một đạo sĩ đứng dựa lưng bên cột tòng, hỏi:

– Phải Lý Tịnh chạy đó không?

Lý Tịnh đáp:

– Chính tôi là Lý Tịnh đây.

Đạo sĩ nói:

– Việc gì mà chạy? Cứ bình tĩnh đi cho khỏe.

Lý Tịnh nói:

– Na Tra rượt theo quyết giết tôi, xin đạo sĩ làm ơn cứu mạng.

Đạo sĩ nói:

– Không hề gì đâu. Cứ núp sau lưng ta đây, nó không dám làm gì mà sợ.

Lý Tịnh vâng lời, chạy đến núp sau lưng đạo sĩ, thở hào hển Na Tra rượt đến, thấy vậy nhũn thối:

– Tại sao mấy lão này cứ theo bênh vực cừu nhân của ta mãi. Chẳng lẽ lần này bị đòn nữa?

Liên xông đến bắt Lý Tịnh. Đạo sĩ cản lại hỏi:

– Vì có gì người đuổi theo Lý Tịnh?

Na Tra kể lại câu chuyện thù hận của mình, đạo sĩ nói:

Nơi núi Cửu Long người đã bằng lòng thảo luận với cha mẹ anh em, sao bây giờ người không tôn trọng lời hứa?

Na Tra nói:

– Thầy tôi dạy bảo, tôi không dám không tuân, thật ra hận thù không thể quên được.

Đạo sĩ nói với Lý Tịnh:

– Thành nhỏ phách lối. Nó đã cố ăn thua với người, người sợ gì không đánh với nó ít hiệp cho nó kinh hoàng?

Lý Tịnh nói:

– Nó đã mạnh và hung hăng lắm, tôi đánh không lại.

Đạo sĩ liền thổi vào mặt Lý Tịnh một hơi, rồi đánh sau lưng một phát, nói:

– Cứ đánh nó đi, bề nào đã có ta đây, đừng sợ.

Lý Tịnh tuân lệnh cầm kích xông ra, Na Tra được dịp báo

thù mừng quỳnh, cầm giáo dài đâm tới. Hai cha con đánh nhau một lúc ước có hơn năm mươi hiệp. Na Tra đánh không lại, một thở khò khè, mồ hôi nhỏ giọt, mắt lò dò, nghĩ thầm:

– Trước đây lão thua mình, sao bây giờ lão mạnh dữ vậy?

Hay lão nhờ đạo sĩ thổi một hơi, đập một cái sau lưng chẳng? Chi bằng ta đuổi đạo sĩ này đi chỗ khác, rồi mới giết Lý Tịnh sau.

Nghĩ như vậy, Na Tra thôi đánh với Lý Tịnh, tiến đến trước mặt đạo sĩ, xuất kỳ bất ý đâm một giáo. Chẳng ngờ đạo sĩ lanh lẹ phi thường, hả mồm phun ra một cái bông sen, cản mũi giáo của Na Tra lại.

Đạo sĩ nói:

– Thằng quí! Mày đánh với Lý Tịnh sao trở giáo đâm tao? Tao với mày có thù oán gì đâu?

Na Tra nói:

– Lý Tịnh trước kia đánh với tôi thua liểng xiểng, bởi ông thổi một hơi, vỗ sau lưng một cái, làm tôi đánh không lại. Tôi thù ông lắm.

Đạo sĩ cười lớn:

– Thằng con nít ăn nói hồ đồ! Mày thử đâm tao một giáo nữa xem sao?

Na Tra vốn hung hăng, lỗ mãng đã quen, đâu còn kể gì, nghe đạo sĩ nói nổi xung, nhảy tới đâm thêm một giáo nữa. Đạo sĩ nhảy trái sang một bên, rũ tay áo một cái, tức thì một luồng hào quang tung ra sáng chói nửa lừng. Hào quang hiện ra một cái tháp chụp Na Tra nhốt vào trong.

Ấy là đạo sĩ dùng Lung linh tháp, bắt Na Tra trị tội.

Đạo sĩ đưa tay vỗ vào tháp một cái, Na Tra thấy bốn bề lửa dấy phừng phừng, nóng như muốn tiêu cả xương thịt.

Na Tra kêu lớn:

– Xin tha tội tôi lần thứ nhất.

Đạo sĩ cười khúc khích hỏi:

– Mày đã chịu nhìn cha mày chưa?

Na Tra nói:

– Ông ơi! Tôi xin tuân lời. Xin thả tôi ra.

Đạo sĩ nói:

– Người đã có ý tốt, ta tha người đó.

Nói rồi niệm chú, tháp Lung linh tự động giở lên. Na Tra mừng quá nhảy ra, xem lại quần áo không cháy chút nào, nghĩ thầm:

– Lạ lùng chưa! Nóng như cháy thịt, mà quần áo vẫn nguyên vẹn là thế nào?

Đạo sĩ nói:

– Người đã chịu nhìn cha sao không cúi lạy ra mắt?

Na Tra có ý giục giặc. Đạo sĩ cầm tháp giơ lên, Na Tra hoảng hồn cúi lạy đỡ, chứ thực lòng không phục. Đạo sĩ thấy vậy, bảo:

– Người đã lạy sao không xin lỗi?

Na Tra đứng nhẵn mặt, làm thinh. Đạo sĩ nói:

– Nếu người không gọi Lý Tịnh bằng cha và xin lỗi, ta đốt lần nữa thì tan xác.

Na Tra sợ quá, phải cúi mình, nói:

– Xin cha tha lỗi, từ nay con không dám ngỗ nghịch với cha nữa.

Tuy ngoài miệng nói vậy, song trong lòng Na Tra vẫn nghĩ đến chuyện trả thù:

– Lão này chẳng lẽ theo mãi Lý Tịnh, bắt ta gọi bằng cha? Ta chịu đỡ cho qua cơn nguy, rồi sẽ bắt Lý Tịnh trả thù.

Chẳng ngờ Đạo sĩ biết rõ ý định của Na Tra liền bảo Lý Tịnh:

– Người quỳ xuống đây ta truyền phép này cho. Nếu thành khổn đó còn trở lòng, người dùng phép này đốt xác.

Na Tra không còn dám hung hăng nữa, nghĩ đến phép lạ giật mình. Đạo sĩ nói:

– Từ nay con thảo cha lành, sau cũng tôi hiền, chúa thánh, đồ đồng làm quan một triều đừng cố chấp nhau nữa. Chuyện cũ bỏ qua, mưu đồ việc sắp tới.

Na Tra thấy Đạo sĩ trao phép báu cho Lý Tịnh phải chịu phép cúi đầu, từ giã lui về động.

Lý Tịnh quỳ lạy thưa:

– Nhờ thầy ra ơn cứu mạng, xin thầy cho biết quý danh để đệ tử có dịp đền ơn.

Đạo sĩ nói:

– Ta là Nhiên Đăng ở núi Linh Tụ, động Nguyên giám Người vốn tu hành chưa được, phải hưởng việc giàu sang. Nay vua Trụ bất nhơn, cơ nghiệp Thành Thang sắp mất. Người hãy từ quan về núi ẩn thân, lánh họa, đợi vua Võ nhà Châu ra đời, người sẽ theo phò, gắng sức lập công, hưởng công danh phú quý.

Lý Tịnh vâng lời, từ tạ. Nội ngày hôm ấy trở về ai Trần Đường, làm sớ xin từ chức Tổng binh, dẫn vợ con lên non ẩn tích.

(Việc này do Thái Ất cày Nhiên Đăng đến đó trị Na Tra,

làm cho Na Tra bỏ oán bỏ thù với Lý Tịnh, cha con hòa thuận nhau. Sau này Lý Tịnh cũng đi tu thành chánh quả, và được trời phong chức Thác Thập Thiên vương).

LỜI BÀN

— Dù thời gian nào đi nữa, nhân đạo vẫn là cán cân để cho người đời noi theo.

Vua Trụ tàn ác, thiên hạ không ai ưa. Chính cái ác của vua Trụ làm cho nhà Thương mất cơ nghiệp.

Thế mà nhà viết truyện vì thiên về định mệnh đã bày ra câu chuyện thần thánh, làm cho ý nghĩa của đoạn sử lu mờ.

Đọc Phong Thần chúng ta thấy vua Trụ háo sắc, tàn ác, đối xử với triều thần như kẻ thù địch. Nhưng ta cũng thấy cơ nghiệp nhà Thương đến hồi suy vong, do số trời định. Mọi việc trần gian do Thượng đế an bài, thành ra cái áo của vua Trụ cũng do số mệnh trời xui khiến cả.

Đổ cho số mệnh thì Trụ Vương nào có tội gì?

Ấy vậy, cái háo sắc là cái ác của vua Trụ được nhà viết truyện làm sai lạc, đến nỗi người đọc bớt đi một phần nào cảm phần kẻ tàn ác.

Trong lúc đó, nhà viết truyện lại nhân cách hóa thần thánh, đem thần thánh ra giỡn cợt, diễn tá tình tình và lễ lối sinh hoạt của thần, thánh, tiên, phật chẳng khác người trần tục, cũng hờn giận, thù oán nhau, bất hiếu bất nghĩa, kẻ trên ăn hiếp kẻ dưới, gây lộn nhau vì chút danh dự hão, chẳng khác xã hội loài người.

Không dám nói thẳng xã hội loài người, mà đem xã hội thần thánh ra châm biếm, đó chính là một lối bất mãn chế độ phong kiến, nhưng không dám nói thẳng vậy.

HỒI THỨ MƯỜI LĂM

KHƯƠNG THƯỢNG VỀ TRẦN CUỐI VỢ

NÓI về tại núi Côn Lôn, cung Ngọc Hư, có ông Nguyên Thi là Giáo chủ Xiển Giáo, có mười hai người đệ tử đều là tiên phạm luật sát sanh, nên bị đọa, ngày sau phải xuống trần để gánh chịu tai nạn.

Bởi cố ấy nên ông Nguyên Thi không dạy nữa, đóng cửa động không giảng kinh.

Hơn nữa, Thượng đế đã có lệnh truyền mười hai vị tiên phạm tội ấy xuống trần, làm tôi nhà Châu. Và, cả hai giáo phái: Xiển giáo và Triệt giáo, số người tu hành phạm tội gồm có hơn ba trăm sáu mươi lăm người, đều được biên tên vào bản phong thần để đủ số cho Trời sai khiến.

Bản phong thần ấy chia ra làm tám bộ. Bốn bộ trên là: Bộ Lôi, Bộ Hỏa, Bộ Ôn, Bộ Đẩu, Bốn bộ dưới là: Thần mây, Thần mưa, Thần sao, Thần núi.

Nhân khi Trụ Vương mất nước, vua Vô ra đời, ông Nguyên Thi được Thượng đế ủy nhiệm phong thần, xét ông hiền, ông dữ, ngôi cao ngôi thấp mà định đoạt.

Nguyên Thi định cho học trò mình là Tử Nha xuống làm tướng, vì vậy, ông sai Bạch Hạc đồng tử đi đòi Tử Nha (Khuông Thượng) đến dạy việc.

Bạch Hạc đồng tử tuân lệnh đến đòi. Tử Nha ứng hầu lập tức. Đợi Tử Nha làm lễ xong xuôi, Nguyên Thi truyền:

– Người lên núi này được mấy năm?

Tử Nha thưa:

– Đệ tử tu hồi hai mươi ba tuổi, đến năm này đã được bảy mươi hai rồi.

Nguyên Thi nói:

– Số người thành tiên chưa được, còn vương vấn công danh. Nay Thành Thang hết vận, Tây Châu ra đời, vậy người phải thay mặt ta xuống trần ra công giúp nước, lập bản phong thần. Sống làm tướng, chết làm thần, như vậy công tu luyện của người mấy mươi năm trời không uổng. Còn chỗ này không phải là chỗ người ở được lâu.

Tử Nha năn nỉ:

– Đệ tử cố bỏ nhà lên núi, dốc lòng lánh tục tìm tiên, bốn chục năm dư nguyện bỏ đời theo đạo. Vẫn biết tu hành là khó, muốn thành chánh quả không phải một sớm một chiều, nhưng đệ tử đã theo thầy học tập lâu nay, xin thầy làm ơn cứu rồi, nhờ nào đuổi đệ tử trở lại phàm trần?

Nguyên Thi nói:

– Vẫn biết ý muốn của người như vậy, song số phần người không được toại nguyện, ta biết làm sao? Thần tiên đều một cõi như nhau, người chớ tị hiềm việc ấy.

Tử Nha năn nỉ:

– Xin sư phụ thương con, tìm cách cho con được lánh cõi trần này.

Nam Cực tiên ông khuyên:

– Tử Nha! Số người đã không thành tiên đạo mà lại từ bỏ

công danh thì hai đảng đều hỏng. Chi bằng xuống giúp thế gian, sau được phong thần, rồi sẽ lên non giữ đạo mới yên.

Tử Nha không còn biết nói, sao hơn, đành sửa soạn ra đi, và hỏi Nguyên Thi:

– Nay đệ tử vâng lời về chốn phàm trần, chẳng hay việc sắp đến ra thế nào, xin thầy chỉ giáo.

Nguyên Thi nói:

– Ta có tám câu kệ, chỉ rõ trọn đời ngươi. Ngươi hãy nhớ lấy.

Nói rồi ngâm rằng:

*Mười năm chịu túng áo còn bầu
Gượng gạo mua vui chớ chác sầu
Ngồi đá bàn kê câu đợi vận
Chờ xe vương giả rước về lầu
Tám mươi lễ nữa mang đai ngọc,
Chín chục dư ba buộc ấn hầu
Mậu ngũ chư hầu trăm trấn phục
Phong thần chín tám bốn xuân thu.*

Nguyên Thi ngâm kệ rồi nói:

– Tuy bây giờ ngươi xuống đời, nhưng ngày sau cũng về núi.

Tử Nha lạy thầy già bạn, ra khỏi cung Ngọc Hư. Nam Cực tiên ông theo đưa ít dặm, đến núi Kỳ Lân, dặn Tử Nha:

– Máy lời thầy đã dạy, hiền hữu chớ bỏn chôn. Ngày nay xa cách, nhưng có lúc gặp nhau. Xin tạm biệt.

Tử Nha lạy tạ, cáo từ Nam Cực tiên ông rồi một mình thơ thần, nghĩ thầm:

– Mình bỏ nhà lên núi tu tiên đã lâu, nay không còn mẹ cha, con cháu. Bà con họ hàng cũng chẳng còn ai, biết trú ngụ vào đâu. Mình xuống trần chẳng khác chim lìa rừng cá xa vực, lẻ loi, cô độc.

Suy đi nghĩ lại, Tử Nha sực nhớ đến một người anh em bạn ở Triều ca, trước kia thường lui tới tên Tống Dị Nhân. Nhưng chẳng biết mấy mươi năm qua, người ấy còn hay mất? Thế sự có đổi dời chăng?

Nhưng nếu không đến với Dị Nhân thì biết trú ngụ vào đâu? Tử Nha đành nhắm hướng Triều ca lần đến tìm người xưa cảnh cũ.

Đến nơi thấy nhà cửa Tống Dị Nhân vẫn như thường, tường rêu lởm đốm, khung cửa trang viên màu hồng tuy có vẻ phai nhạt hơn trước, song không khác mấy. Tử Nha bước đến gọi gia nhân, nói:

– Có viên ngoại ở nhà không?

Gia nhân hỏi:

– Ông là ai, xin cho biết tên họ để chúng tôi tiện bề thưa lại.

Tử Nha nói:

– Người vào thưa với Tống viên ngoại có ta là Khương Tử Nha đến viếng.

Tống Dị Nhân đang tính sổ, nghe có Khương Tử Nha đến thăm, hồi tưởng lại tình bạn thuở xưa, liền buông viết bước ra nghênh tiếp, mời vào đối diện dùng trà.

Dị Nhân hỏi:

– Vì sao mấy chục năm biệt đã không lui tới lại chẳng có thư từ. Tôi trông hiền hữu đến mỗi mắt. Ngày nay

hiền hữu ở đâu, đến thăm tôi hay nhân tiện việc gì ghé chơi?

Tử Nha nói:

– Từ thuở quen nhau dạo ấy, tôi bỏ nhà lên núi tu tiên. Chẳng may số kiếp tôi không thành nên trở về đây nổi lại tri kỷ.

Dị Nhân nói:

– Hiền hữu bây giờ ăn chay hay ăn mặn, cho tôi biết để sai trẻ dọn cơm?

Tử Nha nói:

– Đã mang tiếng tu hành, đâu dám dùng rượu thịt?

Dị Nhân nói:

– Lâu ngày gặp nhau, tình tri kỷ không có rượu sao tìm thấy thú vị? Vả lại, rượu là đồ chay, các vị tiên bối gọi là Quỳnh tương, sao hiền hữu không dùng?

Tử Nha hỏi:

– Hiền huynh đã có lòng đoái tưởng, tiểu đệ đâu dám từ chối.

Dị Nhân hỏi:

– Hiền hữu đi tu được bao lâu?

Tử Nha nói:

– Đã bốn mươi năm.

Dị Nhân chắc lưỡi:

– Bốn mươi năm ẩn thân trên núi, kể cũng lâu quá rồi, chẳng biết hiền hữu đã học được phép tắc gì chưa?

Tử Nha nói:

– Nếu không học được phép tiên thì ở núi làm gì?

Dị Nhân hỏi:

– Phép tiên thế nào xin nói cho tôi rõ.

Tử Nha nói:

– Gánh nước tưới cây, chụm lửa nấu thuốc.

Dị Nhân tức cười:

– Tiếng tìm tiên học phép mà lại gánh nước, chụm lửa thì ở thế gian lại không có chuyện gánh nước, chụm lửa hay sao? Đó là cái nghiệp làm đầy tớ, đâu phải làm tiên?

Tử Nha thấy Dị Nhân không thông đạo lý, nên chẳng giải thích làm gì, chỉ cười nửa miệng.

Dị Nhân nói tiếp:

– Tôi với hiền hữu trước kia là bạn, nay tình ấy chưa phai vậy hiền hữu ở đây với tôi, chung hưởng giàu sang, không phải gánh nước chụm lửa như lúc tu tiên nữa. Hiền hữu bằng lòng chứ.

Tử Nha thấy Dị Nhân thật tình, lòng cũng được an ủi phần nào nói:

– Hiền huynh đã có lòng doái tưởng đến, tiểu đệ lẽ nào dám trái ý.

Dị Nhân nói:

– Trong đời không gì bất hạnh bằng không con nối hậu. Tôi sẽ lo việc vợ con cho bằng hữu, để giòng họ Khương khỏi mai một.

Tử Nha khoát tay nói:

– Tuổi đã chừng này, anh đừng tính chuyện ấy.

Hai người chuyện vãn cho đến nửa đêm mới đi nghỉ.

Ngày hôm sau, Dị Nhân cời lửa, lén sang nhà họ Mã lo việc hỏi vợ cho Tử Nha.

Khi đến trang viên, Mã viên ngoại hay tin mừng rỡ ra rước vào trà nước. Mã viên ngoại nói:

– Lâu lắm mới gặp anh. Lâu nay anh làm gì bên ấy mà không sang chơi?

Dị Nhân nói:

– Bấy lâu mắc lo kế sinh nhai, không thì giờ rảnh, nếu không vì chút việc quan hệ chắc cũng chưa ghé thăm anh được?

Mã viên ngoại hỏi:

– Cha chả! Việc gì mà quan hệ?

Dị Nhân nói:

– Tôi tính đến trước thăm anh, sau làm mai ái nữ cho một người tử tế...

Mã viên ngoại ngắt lời:

– Người nào cậy anh vậy. Chỗ anh em cứ nói thật tình, đừng ngại gì cả.

Dị Nhân nói:

– Không ai xa lạ. Người này chính là bạn thân của tôi lúc trước, quê ở Hứa Châu, thuộc Đông Hải, họ Khương tên Thượng, tên chữ là Tử Nha, biệt hiệu là Phi Hùng. Thật là đáng anh hùng thời nay.

Mã viên ngoại nói:

– Tôi với ông là chỗ thâm tình, con tôi chẳng khác con ông, ông đã định trước, tôi chẳng lẽ không vâng.

Tổng Dị Nhân được lời liền lấy bốn nén bạc trao cho Mã viên ngoại làm lễ cầu hôn. Mã viên ngoại nhận lãnh, rồi hỏi gia đình dọn tiệc đãi đằng, rất hoan hỉ.

Tiệc mãn, Dị Nhân từ tạ ra về.

Bấy giờ, Tử Nha ở nhà một mình thấy Dị Nhân đi vắng, suốt ngày không về, lòng ái ngại, hỏi bọn gia đình:

– Viên ngoại đi đâu suốt ngày vậy?

Bọn gia đình thưa:

– Gia gia chúng tôi ra đi từ sáng sớm, chắc đi đòi nợ đâu xa.

Tử Nha còn đang hoài nghi thì có bóng người từ ngoài ngõ bước vào, Tử Nha chạy ra thấy Dị Nhân đã về, mừng rỡ hỏi:

– Anh đi đâu suốt ngày, tôi tìm mãi không thấy?

Dị Nhân nói:

– Mừng cho hiền đệ đấy.

Tử Nha ngạc nhiên, hỏi:

– Tôi có việc gì đâu mà mừng?

Dị Nhân bảo gia đình dắt lừa vào chuồng, rồi theo Tử Nha vào sảnh đường nói:

– Ngày nay tôi đi tìm vợ cho hiền đệ. Duyên thắm đã được rồi. Quả thật nợ ba sinh, nên tình giai ngẫu.

Tử Nha mỉm cười hỏi:

– Anh đến nói con gái ai vậy?

Dị Nhân tỏ bày:

– Con gái ông Mã Hồng. Cô này tài sắc vẹn toàn, nét na có tiếng.

Tử Nha nói:

– Nay tôi tuổi đã già, ngoài bảy mươi, biết người ta có chịu không?

Dị Nhân nói:

- Sao lại không chịu. Nhà họ Mã đã nhận tiền sính lễ rồi. Và lại con gái nhà họ Mã tuy còn trinh, nhưng tuổi hơn sáu mươi, sánh với hiền đệ xứng đôi lắm. Có lẽ trời dành riêng cho hiền đệ đấy.

Nói rồi truyền gia đình dọn tiệc ăn mừng, hai anh em bạn vui cười không ngớt.

Cách mấy hôm sau, Dị Nhân chọn ngày lành, sắm sanh lễ vật bảo Tử Nha đi cưới vợ. Tử Nha nói:

- Anh đã thương tình, cố lòng bảo bọc thì anh muốn thế nào tôi cũng nghe theo.

Dị Nhân hỏi vợ sửa soạn đâu đó đằng hoàng, dọn phòng huê chúc để Tử Nha cùng cô gái họ Mã đẹp duyên.

Ngày cưới vợ của Tử Nha cũng rất rộn rịp, trai già đi cưới nàng tóc bạc. Nếu đời loài người là một trăm năm thì đôi vợ chồng này còn hưởng dư hai mươi năm tình ái, cũng không phải ngắn ngủi gì?

Người sau có thơ nói về Tử Nha có vợ muộn:

*Tu chẳng thành tiên tiếc Tử Nha,
Về trần cưới vợ cũng vui nhà.
Sáu mươi tám tuổi, canh dâu xế,
Bảy chục dư hai, chủ rể già.
Xem đuốc hàm râu e táp lửa,
Soi gương mái tóc tợ sương sa.
Lá lay nguyệt lão se tơ muộn,
Dẫu đến trăm năm, nhắm chẳng xa!*

Tử Nha tuy cưới vợ mặc lòng, song lòng hoài vọng núi non xưa cũ, quen kiếp tu hành, nên việc ái ân không nồng thắm. Mã thị không rõ tánh chồng, ngỡ anh chàng vô dụng, không phải khách đa tình.

Ngày kia, Mã thị hỏi chồng:

– Lang quân định ở như thế này mãi sao?

Tử Nha hỏi:

– Hiền thê nghĩ gì mà hỏi tôi như vậy?

Mã thị nói:

– Tôi thường nghe nói: dầu anh em ruột mà ở chung nhau lâu ngày không lo sinh kế thì cũng mất lòng nhau, không thể hòa thuận nhau được. Lang quân đối với Tống huynh chỉ là tình bằng hữu, sao không lo tính chuyện làm ăn, cứ ăn nhờ ở đục với Tống huynh mãi coi sao được?

Tử Nha nói:

– Hiền thê nói cũng phải. Song tôi từ nhỏ đến lớn lo việc tu hành, không biết nghề nghiệp gì cả. Nay phải mưu kế thì biết tính lẽ nào?

Mã thị nói:

– Phải tìm cách sanh nhai mới được. Trước kia phu quân không có gia đình, chưa vợ con, thì việc ấy chưa cần, nay đã thành gia thất, chuyện trăm năm đâu phải nhỏ?

Tử Nha suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Lúc nhỏ tôi có biết đan gàu giai, chẳng biết ngày nay có thể dùng sanh sống được không?

Mã thị nói:

– Đó cũng là một nghề sanh sống. Đã là nghề nghiệp thì dầu lớn nhỏ cũng có thể kiếm ra tiền. Và lại sau vườn nhiều tre phu quân có thể dùng tre ấy đan gàu giai đem xuống chợ bán, vợ chồng già ăn cũng đủ.

Tử Nha nghe lời Mã thị, đan một gánh gàu giai, gánh xuống chợ Triều ca, ngồi từ sớm mai đến chiều vẫn không

Ngày kia, Mã thị hỏi chồng:

– Lang quân định ở như thế này mãi sao?

Tử Nha hỏi:

– Hiền thê nghĩ gì mà hỏi tôi như vậy?

Mã thị nói:

– Tôi thường nghe nói: dầu anh em ruột mà ở chung nhau lâu ngày không lo sinh kế thì cũng mất lòng nhau, không thể hòa thuận nhau được. Lang quân đối với Tống huynh chỉ là tình bằng hữu, sao không lo tính chuyện làm ăn, cứ ăn nhờ ở dựa với Tống huynh mãi coi sao được?

Tử Nha nói:

– Hiền thê nói cũng phải. Song tôi từ nhỏ đến lớn lo việc tu hành, không biết nghề nghiệp gì cả. Nay phải mưu kế thì biết tính lẽ nào?

Mã thị nói:

– Phải tìm cách sanh nhai mới được. Trước kia phu quân không có gia đình, chưa vợ con, thì việc ấy chưa cần, nay đã thành gia thất, chuyện trăm năm đâu phải nhỏ?

Tử Nha suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Lúc nhỏ tôi có biết đan gàu giai, chẳng biết ngày nay có thể dùng sanh sống được không?

Mã thị nói:

– Đó cũng là một nghề sanh sống. Đã là nghề nghiệp thì dầu lớn nhỏ cũng có thể kiếm ra tiền. Và lại sau vườn nhiều tre phu quân có thể dùng tre ấy đan gàu giai đem xuống chợ bán, vợ chồng già ăn cũng đủ.

Tử Nha nghe lời Mã thị, đan một gánh gàu giai, gánh xuống chợ Triều ca, ngồi từ sớm mai đến chiều vẫn không

thấy ai hỏi đến. Tử Nha sợ trời tối, gánh gàu chạy riết về nhà. Con đường xa hơn ba mươi dặm, Tử Nha đi về ngót bảy chục dặm, bụng đói như cào, chân mỏi rũ rượi, không có một đồng xu trong túi để vào quán uống nước.

Về đến nhà sắc mặt Tử Nha đượm buồn. Mã thị thấy chồng gánh gàu về không mất cái nào, lòng không đẹp, hỏi:

– Không bán được cái nào sao?

Tử Nha nổi xung cần nhằn với vợ:

– Mụ bất nhân lắm, cứ để tôi ở không cho rảnh, bày chuyện buôn bán thêm phiền. Từ sáng đến chiều tôi ngồi giữa chợ không ai hỏi đến tên, báo hại tôi sưng vai, mỏi gối mà chẳng ích gì.

Mã thị háy chồng:

– Gàu giai là vật dụng cần thiết của mọi người, tại sao không ai mua. Buôn bán đã không xong, lại trở về mắng vợ.

Hai vợ chồng tiếng lại, la ó vang nhà. Tử Nha đứng vuốt râu, Mã thị ngồi trề miệng, hai người không ai nhìn ai.

Tống Dị Nhân nghe được vội bước ra hỏi:

– Việc gì mà vợ chồng gây gỗ nhau vậy?

Tử Nha thuật lại mọi điều, Dị Nhân lắc đầu nói:

– Thôi, hiền đệ không cần tính chuyện bán buôn nữa. Dầu có mấy miệng ăn đi nữa tôi cũng nuôi hết. Hãy dẹp bỏ bất bình, vợ chồng thuận hòa nhau mới vui.

Mã thị nói:

– Vẫn biết lòng anh chị đối với vợ chồng chúng tôi tốt như vậy, song chúng tôi đã thành vợ chồng dĩ nhiên phải lập nghiệp không thể sống nhờ vả mãi cho đến trọn đời.

Dị Nhân nói:

– Nếu muốn làm ăn thì thiếu gì chuyện, cần chi phải bán gàu giai? Trong vựa tôi có sẵn lúa mì, thím xay bột cho chú đem đi bán.

Mã thị nghe lời, xúc lúa đem ra xay bột, phơi thật khô, Tử Nha lại gánh xuống chợ Triều ca bán.

Tử Nha ngồi suốt ngày vẫn không có người nào hỏi đến. Tử Nha nghĩ thầm:

– Hay là ta không miệng lưỡi, mời mọc khách hàng như những kẻ khác, nên họ chê.

Nghĩ như vậy, Tử Nha thấy ai đi qua, cũng mời mua hàng. Mặc dù Tử Nha mời đến khan giọng, gánh bột vẫn còn nguyên.

Tử Nha ngồi một hồi lâu, thấy trời đã về chiều, vội cất gánh lên vai trở về kéo tối.

Tử Nha vừa bước đi một quãng không xa lắm, bỗng có một người gọi lại mua:

– Ông già bán bột, hãy để tôi mua.

Tử Nha mừng quá, đoán chừng mình gặp may bạn hàng chiều. Nào ngờ người ấy chỉ mua có một đồng tiền, thế mà cũng làm Tử Nha mất công gánh lên để xuống.

Mặc dù vậy, Tử Nha cũng không phiền, vì có bán hơn về không, Tử Nha loay hoay mức bột trong gánh gói lại trao cho khách hàng, bỗng đằng sau có tiếng gió ngựa chạy đến rầm rập. Tử Nha thất kinh quay lại thì thấy một con ngựa chạy đến, trên lưng có một vị quan lại, hình như đang đi việc gì khẩn cấp. Hai thúng bột của Tử Nha bị con ngựa ấy vướng vào vó mang đi, đổ rải rác cùng đường. Tử Nha la lên chói lói, con ngựa vẫn không dừng lại.

Tiếc của quý, Tử Nha chạy theo, bột dính đầy cả quần áo

mốc xéch. Người mua bột thấy vậy bỏ đi, không mua nữa.

Tử Nha biết ngựa của nhà quan, không thể bắt đền được, đành nhặt thúng gánh không, lênh mênh trở về mặt buồn như ma đói.

Mã thị thấy chồng quẩy gánh không về, mặt hớn hờ, ngỡ chồng bán đất, bước ra tận ngoài sân đón rước. Tử Nha ném gánh xuống đất mắng vợ:

– Mụ bày chuyện không xong!

Mã thị cười mơn:

– À, hôm nay chắc là bán đất nên lên mặt với tôi chứ gì?

Tử Nha nói:

– Không thuê được đồng điệu nào. Suốt buổi không ai hỏi đến, lúc ra về bị ngựa mang đổ hết cả gióng gánh giữa đường. Từ chợ Triều ca về đây đói quá đi không nổi.

Mã thị mặt nhăn lại:

– Thiệt tốt phúc! Già đầu mà làm gì cũng chẳng nên trò, chỉ biết ăn thôi. Quả đời tôi gặp nghiệp báo.

Tử Nha bị vợ mắng, giận quá toan bước đi tới nắm đầu đánh cho một trận, nhưng không may, Mã thị cũng chẳng vừa, Tử Nha vừa bước đến đã bị mụ nắm râu chặt cứng. Hai vợ chồng té nằm một đồng.

Dị Nhân và Tôn thị bước ra can:

– Một gánh bột giá đáng là bao nhiêu, vợ chồng đối xử với nhau như vậy sao phải.

Tôn thị đỡ Mã thị dậy, còn Dị Nhân dắt Tử Nha vào thư phòng nói nhỏ:

– Hiền đệ chớ nên nóng giận như vậy. Nghĩa vợ chồng ấm lạnh có nhau...

Tử Nha nói:

– Thân trai vô dụng, chừng này tuổi mà không làm nên việc nhỏ mọn như vậy để vợ mắng tôi thấy hổ thẹn quá.

Dị Nhân nói:

– Hoa nở có mùa, người nên có vận. Lúc chưa gặp vận thì dù có tài giỏi đến đâu cũng chẳng làm gì nên. Hiền đệ hiện giờ tuy nghèo kho, nhưng lúc gặp thời cũng vinh hoa phú quý như ai. Hiền đệ đừng nản lòng. Tôi có nhiều phương tiện giúp đỡ hiền đệ được.

Tử Nha nói:

– Được anh đùm bọc, ơn ấy không biết lúc nào mới trả nổi.

Dị Nhân nói:

– Vợ chồng hiền đệ dẫu ở không suốt đời cũng chẳng hại gì, nhà tôi đủ nuôi tất cả. Song để làm vui lòng hiền đệ, tôi sẽ giúp hiền đệ việc này, chắc chắn không sợ thất bại.

Tử Nha hỏi:

– Anh định việc gì vậy?

Dị Nhân nói:

– Tôi có ba mươi lăm cái quán bán rượu tại chợ Triều ca. Để tôi mời các chủ quán đến đây chơi cho biết mặt hiền đệ, rồi bảo họ nhường quán cho hiền đệ bán mỗi quán một ngày. Cứ luân phiên như vậy mà làm. Việc này họ đã tổ chức sẵn sàng, nhân công trong quán đều có sẵn, hiền đệ chỉ đến đó thu tiền thôi.

Tử Nha nói:

– Nếu thế tôi nhờ ơn anh nhiều quá!

Hôm sau, Dị Nhân mời các chủ quán đến để bày tỏ sự tình.

Ai nấy đều bằng lòng, định ngày mai khởi sự nhường cho Tử Nha bán tại quán họ Trương là chỗ đông khách nhất, vì quán này ở ngay tại ngã ba đường, chỗ nhiều người qua lại. Đã vậy, ngày nào quân lính Triều ca đi tập cũng vào quán ấy ăn uống.

•Chủ quán họ Trương truyền cho bọn giúp việc trong quán theo thường lệ làm thịt heo, thịt dê, dọn bày đặc biệt, để Tử Nha có cơ hội đắt hàng.

Rượu thịt ế hế, Tử Nha đứng làm chủ quán thu tiền, ai nấy cũng đình ninh Tử Nha sẽ thu lợi một ngày gấp bội. Nào ngờ hôm ấy trời mưa xối xả, Hoàng Phi Hổ ra lệnh quân binh nghỉ tập, còn bộ hành lo đút mưa chẳng ai vào quán cả.

Đợi đến chiều tối, trời vẫn còn mưa lai rai, đồ ăn nguội hết. Tử Nha sợ thiu thối, nên bảo những người làm công trong quán đem ra ăn, còn lại cho những người làm công ở quán khác.

Thấy thời vận không thông, Tử Nha mặt buồn ủ rũ. Đến tối trở về nhà. Dị Nhân hỏi:

– Hôm nay hiền đệ thu được bao nhiêu tiền?

Tử Nha nói:

– Trời mưa, quân binh không đi tập, bộ hành không một người vào quán. Đồ ăn thiu hết, tôi phải cho những người làm công thanh toán cho xong. Đã không có lời lại bị lỗ vốn.

Dị Nhân tươi cười nói:

– Hiền đệ chớ lo, bởi chưa đến thời nên mới khiến xui như vậy. Ngày mai tôi sẽ sai bọn gia đình đi mua cho hiền đệ một số heo, dê để hiền đệ đem ra chợ bán lấy lời. Những con vật sống nếu bán không được thì đem về chờ ngày khác không lỗ đâu mà sợ.

Tử Nha tuy tuân lời, song đã thất bại nhiều phen, lòng không tin việc gì có thể thành công được.

Bấy giờ Trụ Vương càng mê say Đắc Kỷ hơn trước, làm lắm điều lỗi đạo vua tôi, trăm họ than oán. Đã vậy trời lại sanh tai biến nơi Triều ca nửa năm không được một giọt mưa, Trụ Vương nghe lời Bí Trọng, Vương Hồn bày chuyện đảo vô, cấm sát sanh yết thị khắp nơi, cấm dân chúng không được làm thịt súc vật trong ngày ấy.

Tử Nha không hề hay biết, hôm ấy đem heo dê, ra chợ. Vừa ló mặt đến đã bị bọn lính tuần nạt lớn:

– Lão già này trái lệnh cấm, hãy bắt trời lão giải về triều xử tội.

Tử Nha thất kinh chưa biết làm sao đã thấy một bọn lính tay cầm giáo mác đuổi đến, làm Tử Nha phải bỏ heo dê thoát thân chạy trốn chết.

Tuy Tử Nha trốn được, nhưng bấy heo, dê bị lính triều bắt hết, chỉ còn mình không chạy về với Dị Nhân:

– Thôi thôi, công việc chẳng ra sao, tôi làm phiền anh quá sức.

Dị Nhân thấy Tử Nha mặt mày tái ngắt, bộ tịch xui lơ, liền hỏi:

– Có việc gì chẳng lành xảy ra vậy?

– Tử Nha kể lại đầu đuôi câu chuyện, Dị Nhân cười lớn:

– Đã không kiếm được tiền, thôi thì cứ ở đây uống rượu giải khuây, đợi chừng nào thuận tiện sẽ tính chuyện buôn bán.

Dứt lời, truyền gia binh bưng rượu thịt lên, mời Tử Nha cùng ngồi ăn uống với mình, chuyện trò rất thân mật.

Thấy Tử Nha không vui vì ám ảnh những việc vừa rồi, Di Nhân sai gia đình đem rượu thịt ra vườn hoa để Tử Nha cùng mình vừa xem cảnh, vừa uống rượu cho tiêu sầu.

LỜI BÀN

— Bốn ba không qua thời vận

Lời tục nói: "Sông có khúc, người có lúc".

Đó là quan niệm "vận mệnh". Quan niệm này có sẵn từ xưa cho rằng đời sống con người do tạo hóa đã an bài sẵn. Cái may, cái rủi của con người cũng do tạo hóa định.

Quan niệm ấy ăn sâu vào lòng dân chúng khiến người dân an phận, chịu đựng với bao nỗi khó khăn, khổ sở gian nguy. Cũng với quan niệm ấy, kẻ bất tài tự an ủi lấy mình, bao nhiêu thất bại trong đời đổ dồn cho định mệnh cả.

Quan niệm này có cái hay mà cũng có cái dở. Cái hay là an ủi được mọi hoàn cảnh khổ sở, cái dở là làm cho con người tin vào số mạng trở nên cầu an, tiêu cực.

Dựng lên cốt truyện Phong Thần, tác giả cũng cùng với quan niệm "định mệnh". Tuy nhiên, vì quá dựa vào quan niệm ấy, tác giả đã đi quá mức, làm cho câu chuyện nhiều chỗ non nớt, bịa đặt, gần như vô lý.

Ví dụ, Khương Tử Nha là một vị tiên phạm giới bị đọa, sai xuống giúp nhà Châu, lúc xuống núi Nguyên Thi đã nói rõ tương lai cả cuộc đời, thế mà lúc xuống trần ngây ngô như một đứa trẻ con, lối giận vợ, lối xử sự trước những thất bại hoàn toàn không phải vị tướng trời nữa.

Tác giả đã muốn nhấn mạnh quan niệm định mệnh, và ghép vào đấy những hoàn cảnh lạ lùng để kích thích độc giả, tuy nhiên vì quá vụng về đến nỗi trở trên.

Cũng thì Tử Nha, lúc lại trở tài thần diệu, xem địa lý, đoán vận mệnh không sai một mảy, làm cho nhân vật Tử Nha có nhiều mâu thuẫn lố bịch.

Tích truyện xưa, hình như một thói quen, trước một bậc anh hùng ngày sau lập nên sự nghiệp vĩ đại, thường ban đầu đều gánh chịu những khổ cực không tưởng tượng. Đưa Tử Nha về trần cưới vợ, gánh gấu giai đi chợ bán, v.v... mục đích tác giả cũng muốn nói gót theo muốn ngàn sự nghiệp anh hùng khác, không có gì khác lạ cả, cái khác ở đây là tác giả đã bịa đặt vụng về mà thôi.

HỒI THỨ MUỖI SÁU

TỬ NHA ĐỐT QUÝ HÓA TỖ BÀ

TỬ NHA theo Dị Nhân ra dạo vườn hoa xem thấy phong cảnh rất đẹp. Tường cao vờ vờ, vườn rộng thênh thênh, bên tả một khóm dương xanh, tỏa tàn mát rượi, bên hữu có mấy cụm tùng lá xanh dờn. Chính giữa có lầu ngoạn cảnh, trồng đủ màu hoa lạ, phía trước một cái ao sen, cá lội lặn nổi. Tử Nha xem một hồi thấy khung cảnh nhà hóng gió và ao cá còn một khoảng đất trống, liền nói:

– Chỗ này rất tốt, sao anh không xây cất một ngôi lầu?

Dị Nhân hỏi:

– Cất lầu làm gì?

Tử Nha nói:

– Theo địa lý thì nơi đây có khí tụ rất nhiều. Nếu cất năm căn nhà lớn thì sẽ có ba mươi sáu người làm quan. Tôi có biết về địa lý nên tỏ bày với anh để đền ơn.

Dị Nhân hỏi:

– Hiền đệ thạo về địa lý thì đó cũng là một nghề sinh sống đấy. Nhưng tôi không giấu gì hiền đệ, chỗ này đã nhiều lần tôi dựng lên gian nhà, và sau đó bị cháy liền. Tôi chắc đó là lửa ma, không thể nào làm được, nên tôi đành bỏ qua, chừa đất trống vậy:

Tử Nha nói:

– Để tôi chọn ngày tốt cho anh xây cất. Anh cứ lo tiệc để đãi đãi thợ thầy, còn phần lửa ma để mặc em ếm cho. Nhất định nó không làm gì nổi.

Dị Nhân nói:

– Hiền đệ cũng biết khoa ếm tà trừ ma nữa à?

Tử Nha nói:

– Việc đó tôi rành lắm, anh đừng ngại.

Dị Nhân vui vẻ nói:

– Nếu vậy tôi bố trí cho thợ thầy làm ngay. Ý tôi muốn đã lâu nhưng không sao thực hiện được.

Mấy hôm sau, Dị Nhân kêu thợ, trong nhà sẵn cây cối nên dựng lên chẳng mấy chốc.

Tử Nha núp trong nhà mát để theo dõi sự tình. Nửa đêm hôm ấy bỗng nghe gió thổi ào ào, cát bụi bay mù mịt, trong hơi gió có hiện ra năm con yêu mặt xanh, mặt trắng, mặt đỏ, mặt vàng, mặt đen.

Tử Nha vội bỏ tóc xoa xắm gương chỉ mặt hết lớn:

– Năm con yêu không sa xuống còn đợi chừng nào?

Nói vừa dứt, Tử Nha bắt ấn, tức thì một tiếng sấm vang lên, năm con yêu sa xuống một lúc, quì trước mặt Tử Nha năn nỉ:

– Chúng tôi không ngờ có tiên ông đến đây, xin lấy lượng khoan hồng tha cho chúng tôi khỏi chết.

Tử Nha nói:

– Bậy quen thói hành hung, đốt nhà người ta mấy lượt. Nay có ta đến đây, để chúng bây sống làm chi?

Nói rồi cầm gươm đến chém. Năm con yêu thất kinh, khóc than:

– Chúng tôi ra công tu luyện nên mới được như ngày nay, tiên ông nỡ nào dứt bỏ cho đành, xin ra ơn tha cho chúng tôi làm phước, chúng tôi nguyện từ nay về sau chẳng dám làm càn.

Tử Nha nói:

– Thôi, ta cũng tha chúng bây một lần làm phước. Chúng bây không được ở đây nữa, phải đến núi Kỳ Sơn tạm trú, chờ lúc chiến chinh ra cho ta sai khiến, ta sẽ phong thần.

Năm yêu cúi lạy rồi hóa gió bay mất.

Bấy giờ Mã thị và Tôn thị đang rình xem Tử Nha trừ yêu, ếm quỷ, nhưng không thấy yêu quỷ đâu cả, chỉ thấy Tử Nha đứng xoa tóc, cầm gươm nói một mình như người điên. Mã thị nói với Tôn thị:

– Chị coi ông lão điên kìa. Một mình đứng láp nháp mãi.

Nói rồi nắm áo Tử Nha kéo lại, hỏi:

– Ông làm gì vậy?

Tử Nha đáp:

– Đàn bà mà biết gì? Tôi đang trừ ma yểm quỷ.

Mã thị cười lớn:

– Khéo kiếm chuyện lừa phỉnh. Làm những chuyện tâm thường chưa nên lại còn muốn làm thầy thiên hạ.

Tử Nha nói:

– Coi bói, coi quẻ, trừ ma yểm quỷ là sở trường của tôi.

Mã thị nói:

– Sao không lấy đó làm nghề sinh nhai.

Tử Nha nói:

– Nếu tôi có một căn phố tại chợ thì có thể lập ra một phòng xem bói, xem tướng được.

Mã thị không tin:

– Tôi chỉ sợ ông nói bậy, không đúng, người ta nhố răng, đập đồ nghề, xé sách thì xấu.

Vợ chồng đang tranh luận thì Dị Nhân bước ra hỏi:

– Máy lần hễ gió lớn như vậy tức thì nhà bị cháy, nhưng lần này lửa ma không thấy phá phách nữa.

Tử Nha nói:

– Vừa rồi có năm con yêu đến nổi gió để đốt phá, chúng gặp tôi không dám hung hăng. Tôi bắt chúng rời khỏi vùng đất này, từ nay không được phá phách nữa.

Dị Nhân mừng rỡ nói:

– Nhờ phép của hiền đệ, từ nay tôi có thể dựng căn lâu lên được. Hiền đệ có tài như vậy thật không uổng công tu luyện hơn bốn mươi năm.

Tôn thị nói với chồng:

– Hiền thúc vừa than không có một căn phố tại chợ để

mở phòng coi bói. Vậy nhà mình có phố nhiều, cũng nên nhường cho hiền thúc một căn.

Dị Nhân nói:

– Nếu hiền đệ muốn việc ấy thì chẳng khó gì, nhà tôi có bảy tám mươi căn phố tại chợ Triều ca. Tôi cho hiền đệ một căn muốn dùng làm việc gì cũng được.

Dứt lời sai gia đình đến chợ Triều ca dọn dẹp một căn phố chỗ đông người nhất giao cho Tử Nha sử dụng.

Tử Nha mừng rỡ, chọn ngày tốt mở phòng coi bói. Ngày đêm ở luôn nơi chỗ làm việc.

Từ hôm ấy, người qua đường đều thấy một phòng coi bói bày biện rất lịch sự. Trước cửa dán một đôi liên đỏ chót, đề rằng:

*"Đã thông cao thấp trăm điều thiết,
Chẳng dám tâm thường nửa tiếng sai".*

Đôi liên kế bên trong viết rằng:

*"Miệng nói như ghi, biết khắp nhân gian lành dữ,
Mắt xem tựa kiếng, soi cùng thiên hạ thanh suy.*

Dựa nơi bàn ngồi lại có đôi liên đề rằng:

*Tay áo dựng càng khôn,
Cái bầu thâu nhật nguyệt.*

Tuy vậy, đã ngót ba tháng trời, không một người khách nào vào hàng bói quẻ cả. Tử Nha ngồi buồn, ngày nào cũng ngáp dài ngủ gật. Mã thị căn nhắc:

– Bối ông xem bói không hay nên người ta không đến.

Tử Nha cười:

– Chưa có một người nào vào xem làm sao biết được thầy

hay hay dở? Chẳng qua thời vận tôi chưa đến, nên khiến làm ăn không xong

Mã thị lườm chồng:

– Mấy người bắt tài đều đổ thừa thời vận. Tôi chẳng biết ông đến bao nhiêu tuổi nữa mới tới thời. Trên đầu tóc đã bạc phơ mà không làm chuyện gì nên hình cả.

Tử Nha đành nhin vợ, không biết phải giải thích làm sao hơn.

Ngày kia, có một ông tiều đi ngang qua, tên Lưu Càng, để gánh củi ngoài sân, bước vào võ bàn nói lớn:

– Chào thầy.

Tử Nha đang gục mặt trên bàn ngủ, bỗng giật mình mở mắt, thấy một người cao lớn phi thường, hai con mắt lơ lơ, tướng mạo hung hăng. Tử Nha hỏi:

– Anh đi bói quẻ hay xem số?

Lưu Càng không đáp hỏi lại:

– Thầy tên họ là gì?

Tử Nha nói:

– Tôi họ Khương tên Thượng, tên chữ là Tử Nha, biệt hiệu Phi Hùng.

Lưu Càng hỏi:

– Đôi liên thầy viết trên cột dây có ý gì, xin thầy cắt nghĩa cho tôi nghe thử?

Tử Nha hỏi:

– Ba câu liên của tôi, ông muốn hỏi câu liên nào?

Lưu Càng chỉ tay vào câu liên gần nhất, hỏi:

– "Tay áo dựng càn khôn, cái bầu thâu nhật nguyệt" là nghĩa gì vậy?

Tử Nha giải thích:

– Tay áo dựng càng khôn là biết cả những việc đã qua và sắp tới. Cái bầu thâu nhật nguyệt là biết phép tiên, sống hoài không chết.

Lưu Càng nói:

– Thầy khoe biết cả việc đã qua và chưa tới, vậy tôi xin bói một quẻ, hễ trúng thì tôi thưởng thầy hai chục đồng tiền, còn trật thì tôi tặng thầy vài đấm, bảo dọn đồ về xứ, không cho ở chợ Triều ca nầy lừa phỉnh thiên hạ.

Tử Nha thở dài, nghĩ thầm.

– Mấy tháng trời không gặp một khách hành, nay lại có thằng tướng dữ này vào phá đám, nếu coi không trúng chắc nguy với nó chứ chẳng chơi.

Nghĩ rồi, Tử Nha hỏi Lưu Càng:

– Ông muốn xem việc gì cứ nói?

Lưu Càng nói:

– Tôi là người tiêu phu đi bán củi. Vậy ông chỉ cho tôi nên đi ngã nào, bán củi được bao nhiêu tiền?

Tử Nha gieo quẻ xong, viết bốn câu như vậy:

Đi qua bên phía nam

Gặp ông già cội liễu,

Bán được một trăm hai chục đồng,

Bốn bánh lót lòng, vài chén rượu.

Lưu Càng cãi lại:

– Thầy bói quẻ này chắc không trúng rồi. Tôi đi bán củi đã mấy mươi năm, không ai cho uống rượu bao giờ.

Tử Nha nói:

– Cứ đi thử rồi sẽ biết.

Lưu Càng nghe lời, gánh củi nhắm phía Nam đi thẳng.

Đi một lúc xa xa, bỗng gặp một ông già đang đứng dưới một gốc dương liễu gọi lại, bảo:

– Hãy đem củi đây ta mua.

Lưu Càng khen thầm:

– Quê linh thật.

Ông già hỏi:

– Gánh củi ông bán chắc giá bao nhiêu?

Lưu Càng cố ý thử quẻ, liền nói:

– Nhất định một trăm đồng, không đòi lên xuống gì cả.

Ông già nói:

– Gánh củi nặng và khô, tốt lắm. Tôi không trả thiếu làm gì, hãy gánh vào tôi đưa tiền cho.

Lưu Càng mừng thầm, gánh củi vào nhà ông lão. Tánh Lưu Càng lại thích sạch sẽ, nên trước khi chất củi vào nhà chứa, quét dọn rất tươm tất.

Ông lão bước ra thấy sạch sẽ, khen:

– Hôm nay lũ trẻ ở nhà quét dọn vừa mắt lắm.

Lưu Càng nói:

– Thưa ông, ông lắm rồi. Chính tôi mới quét dọn giúp cho ông đó.

Ông già rất hài lòng, khen:

– Bữa nay là ngày cưới vợ cho con trai tôi. Tôi mua được củi tốt lại gặp người tử tế như ông thật ít có.

Nói rồi ông lão vào nhà trong, sai một tên gia đình đem ra cho Lưu Càng một đĩa bánh và một chai rượu nhỏ, nói:

– Viên ngoại bảo ông ăn bánh lót lòng rồi sẽ về.

Lưu Càng khen:

– Ông thầy bói họ Khương quả thần thánh. Để ta rót rượu xem có y như vậy không?

Quả nhiên, ve rượu chỉ rót vừa hai chén thì cạn.

Lưu Càng ăn uống xong, thấy ông lão bước ra, liền nói:

– Tôi cảm ơn viên ngoại nhiều lắm.

Ông lão liền trao cho Lưu Càng hai gói tiền, một gói lớn, một gói nhỏ, và nói:

– Đây là một trăm tiền củi. Còn đây là hai mươi đồng tiền thưởng riêng, vì hôm nay gặp ngày hỉ sự, ông cầm lấy uống rượu cho vui.

Lưu Càng mừng rỡ, vội từ tạ ra về, vừa đi vừa nghĩ:

– Nay đất Triều ca có thần tiên trở mặt, chẳng biết thế gian có gì đổi mới chăng?

Nghĩ rồi xăm xăm trở lại chợ, để trả tiền coi bói.

Trong lúc đó, từ sáng sớm, nhiều người thấy Lưu Càng hăm đánh Tử Nha, sợ Tử Nha mang họa với con người cộc cằn ấy. Vì vậy, khi Lưu Càng đi rồi, có nhiều người vào nói với Tử Nha.

Lưu Càng là quân hoang, khét tiếng ở chợ Triều ca này, không nên đánh cuộc với nó. Liệu bề quẻ không linh thì trốn mặt cho xong.

Tử Nha nói:

– Tôi làm thầy có sách vở, đâu phải chuyện phỉnh phờ. Cứ để xem thì biết.

Mọi người thấy Tử Nha già cả cũng thương, đợi Lưu Càng

trở về, nếu có xảy ra bề nào sẽ can gián giùm.

Được một lúc thấy Lưu Càng từ đầu phố chạy bon bon về, vào thẳng cửa hàng Tử Nha, Tử Nha hỏi:

– Sao? Quê có linh không?

Lưu Càng nói lớn:

– Tôi phục thầy là ông thánh sống rồi. Quê đúng y ngay, không sai một chút nào. Thầy về chợ Triều ca này thì thiện hạ rất may mắn, lánh dữ, tìm lành.

Tử Nha nói:

– Quê đúng thì phải trao tiền cho tôi chứ.

Lưu Càng nói:

– Tôi hứa thưởng ông hai chục đồng tiền, trong túi tôi có sẵn tôi không gạt ông đâu. Nhưng chậm rãi, để tôi làm việc này đã.

Lưu Càng đứng trước thêm, giây phút thấy một người mặc áo vải, mang đại da, chạy như tên bắn. Lưu Càng liền đuổi theo níu lại. Người ấy trợn mắt nói:

– Anh kéo tôi làm gì?

Lưu Càng nói:

– Phố này có ông thầy coi bói rất thần tình. Mời anh ghé vào xem một quê, bỏ qua uống lăm.

Người kia trở mắt nhìn Lưu Càng, lấy làm lạ. nói:

– Coi bói hay không mặc tôi, tại sao anh bắt buộc tôi?

Lưu Càng nói:

– Chỉ thầy bói giỏi, mách thuốc hay là việc làm ơn, tôi đâu phải ác ý với anh mà anh phàn nàn?

Người kia lắc đầu:

– Nhưng tôi không muốn xem.

Lưu Càng giật mạnh vạt áo:

– Tại sao lại không xem. Thầy bói này hay lắm.

Người kia mở to đôi mắt nhìn Lưu Càng, thấy Lưu Càng to lớn, mạnh khỏe lòng cũng sợ, nhưng ý mình là công sai của triều đình, nên lên tiếng gắt:

– Tôi không xem thì anh làm gì tôi chứ?

Lưu Càng nghiêng răng nói:

– Nếu anh không coi tôi nhận nước anh rồi cùng chết luôn.

Vừa nói, Lưu Càng vừa lôi người công sai ra bến nước.

Mọi người biết Lưu Càng tuy là gã tiểu phu, nhưng có tánh bướng bỉnh, hễ nói là làm, nên xúm nhau khuyên người công sai:

– Thôi, anh nên vui lòng vào xem một quẻ cho yên chuyện.

Người công sai cần nhận:

– Tôi không có chuyện gì, coi bói làm sao được?

Lưu Càng nói:

– Anh cứ xem đi. Hễ không đúng tôi trả tiền cho, còn quẻ đúng anh phải mua rượu cho uống.

Người công sai thấy Lưu Càng ngang ngạnh quá, túng phải theo vào phòng coi bói. Người công sai nói với Tử Nha:

– Tôi là công sai của triều đình, dĩ ngang đây không có việc gì để xin quẻ, bởi anh em ép nên phải nhờ vào thầy một chút.

Tử Nha hỏi:

– Anh muốn nhờ việc chi?

Người công sai nói:

– Tôi nhờ thầy bói một quẻ xem tôi đi đâu thu tiền được bao nhiêu. Tử Nha gieo quẻ rồi viết ra bốn câu như vậy:

*Quẻ cán, thu không vẹn,
Tiền lương chúng còn hện.
Nếu chẳng đợi chờ lâu,
Một trăm lẻ ba nén.*

Người công sai hỏi:

– Tiền quẻ bao nhiêu?

Lưu Càng không để Tử Nha nói, xen vào:

– Quẻ này linh lắm, không phải giá thường. Cứ mỗi quẻ phải trả năm chỉ bạc.

Người công sai lườm mắt ngó Lưu Càng nói:

– Anh không phải làm thầy, sao lại ra giá?

Lưu Càng nói:

– Anh đừng lo đất. Nếu quẻ không đúng tôi trả bạc lại cho.

Người công sai sợ ở lâu trễ việc quan, liền móc túi lấy năm chỉ bạc trao ra, lật đặt dờn gót.

Lưu Càng cũng từ giã ra đi, Tử Nha nói:

– Cám ơn anh nhiều.

Lưu Càng nhe răng cười:

– Có gì đâu. Tôi đền ơn thầy đó.

Nói rồi quay đòn gánh lên vai, bôn bả vào núi.

Dân chúng thấy Lưu Càng níu kéo viên công sai xúm nhau xem đông nghẹt. Chừng rõ được câu chuyện, ai nấy thấp thỏm đợi người công sai trở về xem quẻ bói có linh không.

Chẳng bao lâu, người công sai trở về, ghé vào phố Tử Nha khen:

– Tuy tốn năm chỉ bạc, nhưng quẻ linh đáng giá ngàn vàng. Thầy quả thật là tiên. Tôi thu đúng một trăm lẻ ba nén.

Từ ấy Tử Nha nổi tiếng, nội Triều ca kéo đến xem bói rất đông, cứ mỗi lần xem năm chỉ bạc. Mã thị thấy chồng làm được nhiều tiền, trọng chồng quá sức.

Phòng xem bói Tử Nha đông nườm nượp, được nửa năm thì các khách xa cũng tìm đến.



Bấy giờ, nói về ngoài cửa Nam, tại mã Huỳnh Đế, có con Ngọc Thạch Tỳ bà, trước kia là bạn với Đắc Kỳ, lâu ngày xa cách, nên tìm đến Triều ca thăm Đắc Kỳ.

Đắc Kỳ mừng lắm, tiếp đón rất ân cần ngày đêm ở trong cung vui đùa không ngớt. Tuy vậy, Ngọc Thạch Tỳ bà vốn là loài yêu quái, tánh ăn thịt người đã quen, không thể nhịn lâu được. Cứ mỗi đêm, Ngọc Thạch Tỳ bà lại hiện nguyên hình yêu, bắt bọn cung nữ trong cung ăn thịt, bỏ xương tại mé Thái hồ cả đống.

Hôm nọ, Ngọc Thạch Tỳ bà từ giả Đắc Kỳ tàng hình trở về động. Khi bay ngang đến trước phố Tử Nha, thấy thiên hạ vào ra rất đông, cười nói xôn xao, ai ai cũng đồn thầy xem bói tài tình lắm.

Tỳ bà tinh nghi thăm:

– Khéo kiếm chuyện lừa gạt dân gian. Bói quẻ có gì mà linh như vậy. Để ta giả hình người vào bói thử xem cho biết.

Nghi rồi liền hóa ra một thiếu nữ, mặc tang phục, bước vào gọi Tử Nha nói:

– Xin thầy làm ơn bói giùm tôi một quẻ.

Mọi người nhìn lại thấy một thiếu nữ sang trọng và xinh đẹp phi thường, liền tránh ra cửa lối cho nàng vào.

Tử Nha thoáng thấy nét yêu hiện trên nét mặt người đàn bà, mỉm cười thâm nhủ:

– Loài yêu nghiệt, dám đến trước mặt ta mà chọc tức. Nếu gặp yêu mà không trừ đi thì đâu phải kẻ có bản lĩnh cao cường?

Nghĩ rồi liền nói với khách hàng mình:

– Xin các ngài tránh ra để tôi xem cho người đàn bà này trước kẻ nam nữ đứng gần nhau lâu bất tiện.

Khách hàng nghe theo lời, chừa chỗ cho Tỳ bà tỉnh đến trước bàn. Tử Nha nói với Tỳ bà tỉnh:

– Cô đưa bàn tay tôi xem thử.

Tỳ bà tỉnh hỏi:

– Thầy chuyên coi bói mà cũng biết xem tướng nữa sao?

Tử Nha nói:

– Nghề gì tôi cũng biết. Trường hợp của cô đặc biệt hơn, nên phải coi tướng trước, rồi coi bói sau mới nói đúng được.

Tỳ bà tỉnh không ngờ Tử Nha đã rõ chân tướng của mình liền mỉm cười xòe bàn tay ra đưa trước mặt, Tử Nha nắm lấy cổ tay, ấn vào bộ mạch, dùng phép âm, không cho yêu quái biến hình. Tỳ bà tỉnh vẫn không hiểu, tướng Tử Nha chọc ghẹo mình, vội nói:

– Thầy xem không nói gì lại nắm cườm tay tôi mãi như vậy?

Khách hàng ngồi xung quanh thấy Tử Nha có cử chỉ bất lịch sự ấy, liền la lớn:

– Ông thầy đã già mà còn hiện quý, nắm tay con gái làm chuyện trêu dâm. Nếu có một quan chữ di ngang đây trông thấy thì tội không nhỏ.

Tử Nha thấy mọi người nhao nhao, liền thanh minh:

– Nó không phải đàn bà con gái đâu. Nó là giống yêu tinh giả hình vào quấy rối.

Không ai tin lời nói của Tử Nha, người này nhìn mặt người kia với vẻ bất bình.

Tử Nha không để ý đến cử chỉ phản đối của mọi người, cứ nắm chặt lấy cổ tay của Tỳ bà tinh, không cho biến xác. Qua một lúc, Tử Nha thấy không có vật gì có thể giết được yêu quái trừ nghiền mực để trên bàn, liền thò tay lấy nghiền mực đập mạnh vào đầu Tỳ bà tinh.

Tỳ bà tinh ré lên một tiếng máu chảy đỏ ối. Tuy vậy, Tỳ bà tinh vẫn còn mạnh, giãy giụa lung tung, mà không sao biến đi được.

Thiên hạ trông thấy Tử Nha đánh người đàn bà đổ máu, đều ra mặt phẫn nộ:

– Lão thầy bói quái gỡ, đã chọc ghẹo đàn bà con gái lại còn giở trò hung hăng. Chúng ta đi báo với quan địa phương.

Một số người nắm giữ Tử Nha lại, còn một số đi trình quan. Tử Nha vẫn nắm chặt tay Tỳ bà tinh không thả.

Vừa lúc ấy có Tử Can cỡi ngựa đi qua đấy, thấy dân chúng xôn xao, liền hỏi:

– Thiên hạ làm gì đông vậy?

Mọi người đồng hô lớn:

– Kéo cổ Tử Nha ra đây cho quan Thừa tướng xử.

Tử Can không rõ việc gì, hỏi:

– Chuyện gì vậy?

Dân chúng thưa:

– Có lão thầy bói tên Tử Nha làm chuyện phạm pháp, lợi dụng nghề coi bói nắm tay con gái, đàn bà. Cô ả không chịu, lão thầy bói lại làm ngang, lấy nghiên mực đánh nàng đổ máu.

Tử Can nghe nói nổi xung, truyền bắt Tử Nha dẫn đến. Tử Nha bị lôi ra trước mặt Tử Can, nhưng ông ta vẫn không chịu thả tay Tỳ bà tỉnh.

Tử Can trông thấy tận mắt, lớn tiếng mắng Tử Nha:

– Trên đầu ngươi đã hai thứ tóc, sao lại không biết xét mình, làm chi chuyện xấu xa như vậy?

Tử Nha quỳ thưa:

– Tôi là người có học, lẽ đâu không biết phép vua? Dầu có lì lợm đến đâu cũng không thể đối xử với đàn bà như vậy. Quả thật người này là yêu quái trá hình. Tôi thấy tại Triều ca khí yêu quá nặng, e không trừ thì sớm tối nước nhà không yên. Tôi dầu là dân, đã ăn ngọn rau tấ đất của Thánh hoàng chẳng lẽ bỏ qua, không trừ quỷ dữ. Xin thừa tướng xét lại.

Tử Can nhìn người đàn bà đang nằm mê man như chết nói:

– Người đàn bà ấy bị người đánh đã chí tử, người còn tiếc gì còn nắm tay?

Tử Nha thưa:

– Không, nó làm bộ yêu đó. Nếu tôi thả tay nó biến mất còn đâu bằng có? Thừa tướng dầu không xét, chém dầu tôi, tôi cũng không dám thả tay ra.

Tử Can suy nghĩ hồi lâu, nói:

– Việc này ta không thể nào xét xử được. Để ta vào Triều tâu với Thiên tử đã.

Nói rồi liền khiến quan sở tại dẫn Tử Nha đến trước đền, còn mình cỡi ngựa về thẳng hoàng cung, vào ra mắt Trạ Vương tâu mọi việc.

Trạ Vương ngó ngán, không hiểu cơ sự ra sao, Đắc Kỷ đã rõ ngọn ngành, nghiêng răng thâm trách:

– Khổ quá, em đi về sao lại không đi về cho đến nơi, ghé vào xem bói làm gì cho chúng đánh? Việc này chị phải báo thù cho em mới được.

Nghĩ rồi liền tâu với Trạ Vương:

– Việc ấy nghe mơ hồ quá. Xin Bệ hạ tuyền Tử Nha vào bệ kiến mới rõ được.

Trạ Vương nghe lời, liền truyền dẫn Tử Nha vào. Tử Nha kéo thầy Tử bà cùng với mình vào quỳ trước bệ. Trạ Vương hỏi:

– Nhà ngươi là ai đó?

Tử Nha tâu;

– Tôi là Khương Thượng, quê ở Hứa Châu, trước đây có học phép thần tiên nên rõ được yêu quái. Nay tôi đang xem bói, gặp con yêu này giả hình vào quấy rối, nên tôi bắt nó để đền ơn Bệ hạ.

Trạ Vương nói:

– Nó là người đàn bà rõ ràng, sao người bảo là yêu quái.

Tử Nha nói:

– Con mắt người thường không thể phân biệt được. Nếu Bệ hạ muốn thấy tận mắt xin cho phép tôi dùng lửa đốt nó, nó sẽ hiện nguyên hình cho Bệ hạ xem.

Trụ Vương y tấu, truyền quân đem củi lửa đến chất lên nghi ngút trước sân châu. Tử Nha liền họa bùa trên xoáy Tỳ bà tinh rồi quăng nó vào lửa.

Lạ thay, lửa đốt đến hai giờ mà xác con yêu vẫn còn nguyên, không hề bị cháy. Quân sĩ lấy làm lạ, triều thần ngơ ngác nhìn.

Vua Trụ nói với Tỉ Can:

– Đốt không cháy thì nó quả thật là yêu quái rồi.

Tỉ Can tâu:

– Đúng vậy. Song không biết nó là giống gì thành yêu.

Trụ Vương phán:

– Người xuống dưới sân châu hỏi Khương Thượng xem yêu ấy là giống gì vậy?

Tỉ Can vâng lệnh đến hỏi Tử Nha. Tử Nha nói:

– Nếu muốn bắt nó hiện nguyên hình cũng chẳng khó gì.

LỜI BÀN

– Mọi người có một năng khiếu. Khai thác đúng năng khiếu sẽ là một siêu nhân.

Tử Nha gặp vận nghèo khổ, thời chưa đến, làm gì hồng nấy, nhưng rồi đến việc xem bói, trừ yêu thì lại quán chúng. Phải chăng Tử Nha đã đến thời?

Thưa không, Tử Nha trừ yêu, ếm quỷ chẳng qua tác giả muốn diễn tả cái tài đặc biệt của Tử Nha đấy thôi. Khi không phải tài năng của mình thì tác giả đổ lỗi cho thời vận, nhưng đến cái sở trường thì tác giả lại cho là xuất chúng. Như vậy tài và thời mâu thuẫn nhau.

Có lẽ tài giết quỷ trừ yêu cũng là tài của tác giả bộ truyện này. Suốt cuốn Phong Thần, chúng ta thấy không biết bao nhiêu yêu quái, thần tiên xuất hiện, mỗi ông tiên, mỗi con yêu là một thủ pháp tắc tài tình, không giống nhau. Như vậy chúng ta thấy tác giả rất thiện nghệ về yêu quái, lẽ nào làm cái việc trừ yêu, bắt quỷ, tác giả lại không phô trương qua nhàn vật Tử Nha?

Vì vậy, lúc Tử Nha buôn bán làm ăn thì tỏ ra một kẻ quê mùa khờ khạo, không có trí, mà lúc coi bói, trừ yêu thì lại tỏ ra người thông thái phi thường.

Đứng trên hai quan điểm ấy, chúng ta thấy lối diễn tả của tác giả một phần nào mâu thuẫn. Cái mâu thuẫn trước kia Tử Nha không thể làm một anh chàng ngốc nghếch như vậy được. Một anh chàng vào bậc anh hùng, chuẩn bị ra phò chân chúa, thu đoạt giang sơn, không thể có thái độ ngật ngờ như một kẻ ngu phu thôn dã được. Đành rằng lúc thất thời, có thể có những thất bại, nhưng là những thất bại có ý thức với quan niệm đặc biệt kia. Ví như là Hàn Tín trong truyện Tây Hôn, lúc thất thời có thể luôn tròn một gã thịt heo giữa chợ nhưng đó là một hành động anh hùng biết tùy thời xử thế, không cầu nệ cái xấu hổ trước mắt, để mưu lấy cái vinh trong tương lai. Việc luôn tròn của Hàn Tín thử hỏi một kẻ tầm thường có thể làm được không?

Ở đây, tác giả chỉ chú trọng việc yêu ma quỷ mị, mà quên đến bản ngã của một kẻ anh hùng, thật đáng trách.

Dù trong lãnh vực nào cũng vậy, một người đã gọi anh hùng, ngoài cái tài ba đã có sẵn, tư tưởng, tư cách không thể không khác với những kẻ tầm thường.

Diễn tả hồi nầy, tác giả đã quên cái chân tướng bản ngã, mà chỉ chạy theo cái hiện tượng tầm thường xã hội. Chân tướng bản ngã của cá nhân và hiện tượng xã hội tuy

liên quan nhưng độc lập. Không thể vì hiện tượng xã hội mà làm mất cái bản ngã của chân tướng được. •

Cũng là lối bất mãn với vợ con, cha mẹ, nhưng Ngô Khởi không về đái hiệu mẫu thân, sát thê cầu tướng, hành động như vậy trong hoàn cảnh quyền biến, chính là cái chân tướng của bản ngã vậy.

HỒI THỨ MƯỜI BẢY

ĐẮC KỶ LẬP SÁI BỒN ĐỐT HẠI CUNG NGÀ

TỬ NHA nói rồi dùng lửa Tam muội trong con mắt, lỗ mũi phun ra, cháy cả trời đất. Tỳ bà tinh trông thấy thất kinh, lồm cồm ngồi dậy, nói lớn:

– Ta không cừ oán gì với người sao người nở dùng lửa thần đốt xác?

Tử Nha nói:

– Người là giống yêu quái, tác hại mọi người, ta giết người để cứu dân, cần gì phải thù oán?

Vua Trụ thấy người đàn bà đã chết, lại lồm cồm ngồi dậy nói như thế thì sợ, mình mọc ốc, trán đổ mồ hôi, lập cập đứng dậy vào trong.

Tử Nha tâu:

– Xin Bệ hạ vào trong cung cho mau kéo có sấm nổ.

Đợi cho Trụ Vương khuất bóng sau rèm, Tử Nha đưa hai tay vỗ nhẹ một cái, tiếng sấm nổi lên nền trời. Lửa Tam muội cháy rần rật. Chừng lửa tắt, không ai còn thấy xác người đàn bà coi bói nữa mà chỉ thấy một cây đèn tỳ bà bằng ngọc thạch, nằm giữa sân Triều.

Các quan thấy vậy vỗ tay cười lớn, chúc mừng tài Tử Như. Các hoạn quan vội chạy vào báo với Trụ Vương:

– Yêu quái đã hiện hình ra cây đèn tỳ bà bằng ngọc thạch rất đẹp.

Vua Trụ sững sốt nói với Đắc Kỷ:

– Đèn tỳ bà bằng ngọc thạch cũng có thể thành yêu sao?

Đắc Kỷ không trả lời, mặt buồn dầu dầu, lòng đau xót vô cùng.

Nàng nghiêng răng trách thầm:

"Sao muội muội đến thăm ta rồi không chịu trở về, chọc chi chúng nó cho sanh tai vạ như vậy. Ta quyết lấy đầu Khương Thượng cho rõ mặt Hồ ly".

Nghĩ rồi gượng cười chúm chím, nhìn Trụ Vương nói:

– Thần thiếp nghe nói cây đèn tỳ bà bằng ngọc thạch thì thích lắm, vậy Bệ hạ cho thần thiếp để dành đèn cho Bệ hạ nghe. Khương Thượng có tài trừ yêu quái, đáng được trọng dụng, xin bệ hạ phong quan cho Khương Thượng để giúp việc triều chính.

Trụ Vương nói:

– Phong quan cho Khương Thượng không gì trở ngại, còn đem đèn tỳ bà vào cung, rồi nó thành yêu tinh trở lại, trăm sự lắm.

Đắc Kỷ nói:

– Nó đã bị đốt xác thành cây đờn, còn trở thành yêu tinh sao được, xin bệ hạ chớ lo.

Vua Trụ nghe theo lời, truyền lấy cây đờn tỳ bà trao cho Đắc Kỷ. Đắc Kỷ cúi lạy tạ ơn, liền đem cây đờn tỳ bà để trên lầu Trích Tinh, lấy hơi sương nắng. Vì Đắc Kỷ biết rằng với hơi sương nắng ấy, chỉ trong sáu năm, Tỳ bà tinh có thể hiện lại nguyên hình.

Kể đó Trụ Vương truyền đòi Tử Nha vào triều, phong làm chức Tư Thiên, trông coi việc thiên văn. Tử Nha tuân lệnh, lãnh áo mào, rồi từ tạ Trụ Vương trở về trang viên của Dị Nhân sắp xếp việc ra làm quan.

Dị Nhân thấy Tử Nha trở về, cả áo mào hiển vinh thì mừng rỡ khôn cùng. Đêm ấy đôi bạn mở tiệc mừng, ăn uống say sưa tưởng không còn gì vui hơn.

Ngày hôm sau, Tử Nha từ tạ Dị Nhân đến đài Thiên văn nhận việc. Từ chỗ một gã thầy bói trở thành một vị triều thần không có gì khó khăn cả.



Ngày kia, Trụ Vương truyền tam cung lục việc đến lầu Trích Tinh hầu rượu. Đắc Kỷ đờn ca múa hát tung bừng, Trụ Vương như say như tỉnh, ngồi ngất ngưỡng trên long sàng.

Đắc Kỷ múa hát một hồi, liếc mắt nhìn thấy các cung nga ai cũng vui tươi, chỉ có một nhóm cung nga hơn bảy mươi người, mặt ủ mày chau, không có một nụ cười tiếng nói.

Bấy giờ Đắc Kỷ đã lên vị chánh cung, đủ quyền chế ngự tam cung lục viện, không còn sợ ai nữa, nên thấy bọn cung nga khác thường kia, liền bước đến hỏi:

– Chúng bây hầu hạ ở cung nào mà có thái độ như vậy?

Bọn cung nga ấy thưa:

- Chúng tôi nguyên trước kia là 72 cung nữ hầu hạ Chánh cung họ Khương.

Đắc Kỷ nổi giận nói:

- Chúng bay oán trách ta hả? Chủ bây làm phản, toan hại Thánh hoàng, tội ấy đáng lẽ các người có liên quan, ta đã vì nhân đạo không nói đến, các người không biết ơn ta?

Một vài cung nga không nhịn được lối hống hách của Đắc Kỷ, đáp:

- Khương Hoàng hậu có tội gì, chẳng qua bệ hạ nghe lời dùa mị, hành hạ Khương hậu đến thác oan.

Đắc Kỷ tâu với Trụ Vương:

- Bệ hạ trừ kẻ phản mà để ác lại cho thần thiếp. Thần thiếp nghĩ mình lên chức Chánh cung chưa làm được gì mà chịu tiếng oan.

Nói rồi khóc nức nở. Vua Trụ giận quá, đòi đem bảy mươi hai cung nga ấy ra ngoài đập chết hết.

Đắc Kỷ can:

- Lũ cung nga phạm tội xin chớ giết vội, hãy giam vào lãnh cung chờ thần thiếp chế ra một hình phạt đã.

Quan phụng ngự tuân lệnh, dẫn 72 cung nga đem giam vào lãnh cung hết, Đắc Kỷ tâu với Trụ Vương:

- Xin bệ hạ truyền nhân công đào một cái hầm giáp vòng quanh lầu Trích Tinh dài 200 thước, sâu 50 thước. Xong lại truyền cho dân chúng ở Triều ca mỗi nhà nộp vào cung năm con rắn độc. Rắn đó thả xuống hầm gọi là Sái bồn.

Trụ Vương hỏi:

- Hậu định lấp Sái bồn để làm gì?

Đắc Kỳ nói:

– Nếu dùng Sái bôn để hình phạt thì cung nhân còn sợ uy của thần thiếp sao được. Cung nhân phạm tội sẽ bị lột hết xiêm y, quăng xuống Sái bôn cho rấn xé xác. Làm như vậy bệ hạ sẽ thấy thích thú khi thấy loài rấn dúi ăn thịt người, và sức kháng cự của những kẻ gần cái chết.

Trụ Vương nói:

– Chánh cung bày phép lạ như vậy trị bọn cung nga mới yên.

Liên truyền quân sĩ ngày đêm đào hầm, và ra chiêu chỉ cho dân chúng quanh Triều ca mỗi nhà phải nạp rấn độc.

Lệnh vua ban hành, chẳng ai dám trái. Vì vậy dân chúng tập nạp vào triều.

Ngày kia, quan Đại phu Dao Cách đang xem sổ sách trong đền thấy dân chúng di dập diu, trên tay có xách một giỏ rấn đem vào nạp, lấy làm lạ, hỏi viên quan thu rấn:

– Thiên tử dùng vật ấy làm gì mà thu nạp nhiều như thế?

Viên quan thu rấn thưa:

– Tôi chỉ được lệnh thu rấn đem nạp chứ không rõ.

Dao Cách hoài nghi bước ra ngoài hỏi đám dân lành.

– Chúng bây bắt rấn ở đâu nạp nhiều như vậy?

Dân chúng thấy quan cận thần Dao Cách hỏi, vội khúm núm thưa:

– Lệnh vua truyền dân chúng Triều ca mỗi người nạp bốn con rấn độc. Tại Triều ca không có rấn độc, chúng tôi phải đến mãi tận vùng rừng núi đặt mua đem về đây.

Dao Cách nói:

– Các người có biết loại rấn độc ấy dùng làm gì không?

Dân chúng lác đầu:

– Chúng tôi là kẻ ngu phu làm sao hiểu được.

Dao Cách liền vào đại điện tìm Tỉ Can, Hoàng Phi Hổ, Cơ Tử, Vi Tử và Dương Nhậm để hỏi ý kiến. May mắn vừa đến nơi thì các vị đại thần này cũng hội đủ mặt. Dao Cách nói:

– Các ông có biết bệ hạ truyền nạp rấn vào cung để làm việc chi không?

Hoàng Phi Hổ nói:

– Hôm qua tôi đi tập quân thấy dân chúng than thở về việc triều đình bắt nạp rấn, chẳng rõ duyên cớ nên định đến hỏi các ngài đây.

Tỉ Can và Cơ Tử đồng lác đầu nói:

– Trong cung lại truyền dân nạp rấn độc thật là chuyện phi thường, thưở nay chưa thấy. Chúng tôi nghiệm không ta lẽ.

Hoàng Phi Hổ liền đòi viên quan thâu rấn đến dặn:

Người có dò xét thử bệ hạ dùng số rấn nhiều như vậy để làm gì rồi báo cho ta biết, ta sẽ trọng thưởng.

Viên quan thu rấn tuân lệnh lui ra.

Qua bảy hôm, số rấn dân chúng đem nạp đã nhiều, viên quan thu rấn liền vào cung tâu với vua Trụ:

– Rấn độc không còn chỗ chứa nữa, chúng tôi muốn phá giỏ ra, hạ thần phải truyền quân giữ rất khó nhọc, xin bệ hạ chỉ dạy.

Trụ Vương hỏi Đắc Kỷ:

– Khanh định liệu thế nào?

Đắc Kỷ truyền đem rắn thả hết xuống hầm, và chấm dứt việc thu nhận rắn. Bảy giờ rắn độc đầy hầm, bò qua bò lại chồng chất lên nhau, cất đầu le lưỡi, trông rất sợ.

Trụ Vương hỏi:

– Khanh còn định làm gì nữa?

Đắc Kỷ nói:

– Thế là Sái Bồn đã hoàn thành. Xin bệ hạ truyền chỉ bắt 72 cung nga phạm tội, lột hết xiêm y, bỏ xuống từng người cho rắn độc phân thây. Đứa sau thấy cái chết của đứa trước, chúng mới kinh sợ.

Trụ Vương gật gù, nói:

– Khanh lập các hình phạt rất hay. Nhưng trẫm thấy gớm ghiếc quá !

Đắc Kỷ mỉm cười nói:

– Bệ hạ là đáng uy quyền nhất vũ trụ, xưa nay các vì vua chúa đã ai được thấy cảnh ấy, thần thiếp thiết tưởng bệ hạ trông thấy sẽ thích thú không gì bằng.

Trụ Vương nói:

– Thấy rắn thì gớm chứ sao lại thích thú?

Đắc Kỷ nói:

– Thích thú ở chỗ bày rắn ăn thịt người. Đó là một nghệ thuật xé mồi, không phải như những con thú khác. Trước khi xé nát từng miếng thịt, mỗi con rắn trườn tới, dùng nọc độc cắn tội nhân. Có những thứ nọc độc làm cho tội nhân tê đi, có những thứ nọc độc làm cho tội nhân đau đớn giãy giụa khổ sở... Những cái ấy trông thấy còn thích hơn là xem một tuồng hát độc đáo nhất trong cung vàng điện ngọc này.

Trụ Vương cười lớn:

– Nếu không có khanh giảng giải, trẫm làm sao biết được.

Liên chỉ dẫn 72 cung phi đến Sái Bồn, lột hết xiêm quần áo, cứ từng người xô xuống. Bầy rắn dúi gặp thịt người, ào tới như gió, cắn, dớp... chỉ loáng mắt, từng miếng thịt của cung nhân vào bụng rắn.

Bọn cung nga còn lại, trông thấy sợ hãi khóc rống lên. Tiếng khóc thảm thiết hòa thành một điệu vang dội cả nội cung.

Bây giờ Dao Cách đang theo dõi hành động của Trụ Vương, bỗng nghe trong cung có tiếng khóc. Kế viên quan thu rắn chạy ra thét:

– Ngài ơi ! Ghê gớm quá ! Bệ hạ dựng rắn đầy hầm, lại bắt cung nhân xô xuống cho rắn độc xé xác.

Dao Cách nổi nóng, vội chạy thẳng lên lầu Trích Tinh, thấy một số đông cung nhân lỏa thể, quần áo bị lột hết, không còn một mảnh vải che thân, tóc thả bù xù, đang khóc than thảm thiết.

Trước mắt Dao Cách như một cảnh địa ngục ma quái.

Dao Cách hét quân sĩ bảo không được xô cung nhân xuống hầm nữa, và chạy đến trước mặt Trụ Vương tâu:

– Xin bệ hạ hồi tỉnh lại, nữ nào bày ra chuyện quái gở như vậy.

Trụ Vương đang ngồi với Đắc Kỷ xem rắn ăn thịt người thấy Dao Cách đến quỳ trước mặt, liền hỏi:

– Trẫm không cho đòi, sao khanh dám đến?

Dao Cách vừa khóc vừa nói:

– Bệ hạ đi vào con đường dữ, càng làm thiên hạ oán hờn.

Chẳng hay cung nga có tội gì mà bệ hạ hành hình độc ác như thế?

Trụ Vương nói:

– Nước có giếng mỗi, đạo có quân thần. Trong cung nhiều người làm sai phép nước, nếu không lập Sái bồn răn chúng thì cơ nghiệp khó giữ. Khanh làm quan Đại phu lại không rõ hay sao?

Dao Cách thở dài:

– Ôi, bệ hạ nghĩ sai rồi. Cơ nghiệp bị mất là do hành động tàn nhẫn của bệ hạ chứ không phải do đám cung nhân phạm kỷ luật đâu.

Dân chúng vừa qua cảnh bão lụt tai ương, lại phải khổ sở tốn tiền mua răn độc để dâng bệ hạ bày chuyện bất nhơn xưa nay chưa từng thấy. Xưa thời Nghiêu Thuấn, không dùng đến hình phạt mà thiên hạ vẫn thái bình, bốn phương đều an lạc, cơ nghiệp vững bền. Thế thì việc giữ nước trị dân đâu phải là hình phạt, mà chính là nhân đức. Xin bệ hạ xét lại.

Trụ Vương nói:

– Ta há không biết sao người phải giảng dạy. Song trong đời không phải ai cũng thấy đức mà sợ. Có kẻ chỉ sợ hình phạt thôi. Đối với hạng người ấy, nếu không dùng hình phạt thì không thể dạy được.

Dao Cách nói:

– Cung nga là những tay chân, hầu hạ, đâu có lỗi gì nặng đến đâu nữa cũng chưa phải quan hệ lắm, việc gì phải bày hình pháp? Tôi thiết tưởng, những kẻ có lòng nhân mới làm được việc nhân. Bệ hạ xó người xuống hầm cho răn xé thịt mà bệ hạ không ghê rợn thì bệ hạ đâu có lòng nhân. Đại khờ nhất là dám tội thần vô dụng này, đòi hỏi một ông vua bất

nhân phải làm điều nhân là chuyện không thể có...

Trụ Vương không kịp nghe hết lời can gián của Dao Cách, nổi giận dùng dùi, mắng:

– Loài thất phu, dám mắng vua, nghịch mạng. Đáng chết ! Quân, hãy cởi hết quần áo nó ra, ném xác nó xuống Sái bồn lập tức.

Dao Cách đứng dậy điểm mặt Trụ Vương, nói:

– Ta không ngờ hôn quân ngày hôm nay đến nổi này. Kẻ dạy khờ là những kẻ mê muội, chỉ biết nghe lời bên gối, trông những sắc đẹp bên mình mà không thấy gì xa hơn. Ta đoán chắc ngày kia, lúc hôn quân sáng mắt lên thì ta đã muộn. Ta bọn tôi thần bất trí, thờ nhầm một hôn quân thì chết cũng cam, nhưng ta đâu phải chết Sái bồn, ta là một giám thị, có chết cũng tìm chỗ trong sạch.

Nói dứt lời, nhào xuống lầu Trích Tinh tự vận. Lầu Trích Tinh là một cái lầu cao chót vót. Dao Cách này nhảy xuống thì còn gì thịt xương. Tuy vậy, Trụ Vương vẫn chưa hết giận, truyền xô hết 72 cung nga xuống Sái bồn, rồi lượm thây Dao Cách ném luôn xuống hầm cho rắn ăn luôn.

Người sau có thơ khóc Dao Cách:

*Mặt đỏ, lòng son chẳng lột màu,
Họ Dao nhảy xuống thác bên lầu.
Phải dè cơ nghiệp Thành Thang đứt,
Can gián làm chi đến giập đầu...*

Cuộc hành trình trông rất khủng khiếp. Nếu Trụ Vương còn một chút ít nhân tính, không thể nào nhìn cảnh dã man ấy được. Bọn cung nhân kêu khóc một hồi rồi cũng đến lúc oán giận, không còn sợ chết, không kể đến thân xác, chỉ vào mặt Đắc Kỷ ngăm ngăm:

– Chúng ta sống không ăn thịt người được, chết nguyện làm ma quỷ hấp hồn người...

Số cung nhân bị xô xuống Sái bốn một lượt, dàn răn dúi cất cổ phùng mang, con thì cắn, con thì xé, con thì chung vào bụng, con thì quần ngoài da, quang cảnh không thể nói cho cùng.

Đắc Kỷ nói với Trụ Vương:

– Nếu không dùng cách ghê gớm thì khó trị được loài ngang ngạnh.

– Nhưng hình phạt nặng quá chúng sẽ oán ta.

Đắc Kỷ nói:

– Oán trách mà không hành động chống lại thì nước không mất. Còn hơn để chúng khi quân, nay mắng, mai chửi bệ hạ, làm cho phép nước rối loạn, quân phản nghịch do đó nổi dậy, Bệ hạ không thấy sao? Từ khi lập Bào lạc, đốt Mai Bá, triều thần khiếp vía, không còn ai dám đem những giáo điều nhân nghĩa đến trước mặt Bệ hạ nguyên rủa nữa. Như vậy kết quả của trừng phạt tuyệt đối.

Vua Trụ Vương nghe Đắc Kỷ nói mùi tai, gật đầu:

– Khanh thật là người thông thái có thể giúp trăm trị nước được.

Đắc Kỷ được khen rất hài lòng, tâu với Trụ Vương:

– Làm vua phải có gì cao cả trong đời mình. Nay bệ hạ tuy uy quyền đã có nhưng sức giàu sang chưa phô diễn tuyệt đỉnh.

Trụ Vương hỏi:

– Sức giàu sang như thế nào mới tuyệt đỉnh?

Đắc Kỷ nói:

– Sức giàu sang tuyệt đỉnh là sức mà thiên hạ không bao giờ tưởng tượng đến.

Trụ Vương hỏi:

– Trâm có tiền bạc đầy kho, cung điện nguy nga, vàng son lộng lẫy, như vậy thiên hạ tưởng tượng được sao?

Đắc Kỷ nói:

– Tiền bạc, vàng son, cung điện, các nước chư hầu cũng có. Họ vẫn được cảnh sung mãn ấy.

Trụ Vương hỏi:

– Thế thì trâm phải có thứ gì mới gọi là giàu sang?

Đắc Kỷ tâu:

– Nay Bệ hạ đã lập Sái bồn nuôi rắn rồi. Rắn dữ đầy hầm, đó là chuyện ít ai có. Nhưng nếu bên tả, Bệ hạ làm một hòn núi hèm, để ủ rượu, đóng hèm luôn luôn cao chót vót, dùng những cành cây cắm lên, rồi lấy thịt móc vào làm đá, đặt tên là Nhục lâm (núi thịt). Bên hữu, Bệ hạ khiến xây một hầm sâu, đổ đầy rượu như một hồ nước mênh mông, gọi là Tửu trì. Được như vậy rồi trong thế gian này ai dám sánh?

Vua Trụ đắc ý khen:

– Khanh chế cách chơi như vậy sang trọng lắm. Nếu không có thông minh làm sao nghĩ được chuyện to tát như vậy?

Vua Trụ liền truyền bọn Thái giám đốc suất ngự lâm quân làm trong một khoảng thời gian ngắn thì xong. Công việc hoàn thành, vua và Đắc Kỷ ngự ra Nhục lâm và Tửu trì xem xét. Trụ Vương khoái chí, truyền Đắc Kỷ đờn ca múa hát cho vui. Đắc Kỷ tâu:

– Đờn ca múa hát mãi cũng chán, xin Bệ hạ tìm thú vui mới lạ đẹp mắt hơn.

Trụ Vương hỏi:

— Khanh có thú nào vui chăng?

Đắc Kỷ tâu:

— Trong cung có một số Thái giám và cung nữ, vậy Bệ hạ truyền bọn Thái giám và cung nữ chia làm hai phe, vật lộn nhau, kẻ nào thắng thì được ăn Nhục lâm uống Tửu trì, còn kẻ nào bại thì quăng xuống Sái bồn cho rắn dữ.

Vua Trụ nghe theo, truyền Thái giám và cung nga vật lộn làm vui. Ai nấy sợ lệnh vua không dám cãi, kết cuộc có một số cung nga vì yếu sức, bị Đắc Kỷ truyền quân xô xuống hầm rắn, làm mỗi cho rắn độc.

Sở dĩ Đắc Kỷ bày ra chuyện này là để giết bớt một số cung nga làm cho thâm cung vắng vẻ, thừa lúc nửa đêm hiện hình ra đồng hèm ăn thịt người uống rượu.

Người sau có thơ than:

Gặp thịt như rừng rượu cả ao.

Trụ nghe Đắc Kỷ độc chùng nào.

Sái bồn nuôi rắn thương chi xiết,

Bào lạc thành tro thảm biết bao.

Văn võ hết lo nền xã tắc,

Quan quân không trở chí anh hào.

Lòng dân nhen nhúm hờn bạo ngược,

Sắc đẹp mê hồn chẳng biết sao?

Trụ Vương với Đắc Kỷ mê man trong Nhục lâm, Tửu trì, bao nhiêu công việc triều chính không hề để mắt đến.

Ngày kia, Đắc Kỷ nhớ lại mối thù với Tử Nha chưa có cơ hội kết toán, nên nghĩ ra một kế, vẽ một bức họa đồ cát trong tay áo rộng thừa lúc vua Trụ đang say, quỳ tâu:

– Thần thiếp vừa vẽ ra một họa đồ rất công phu, xin Bệ hạ xem thử.

Trụ Vương tiếp lấy, trải lên long sàng xem một hồi rồi hỏi:

– Đây là họa đồ của một lâu đài rất tráng lệ, ái khanh có ý định gì mà vẽ họa đồ này?

Đắc Kỷ tâu:

– Đây là họa đồ xây một Lộc đài theo kiểu Bồng lai Bệ hạ giàu có muôn xe, uy trải bốn biển, nếu không thụ hưởng Lộc đài thì uổng lắm.

Đắc Kỷ chỉ từng chỗ giải thích cho Trụ Vương nghe, Lộc đài bề cao 49 thước, cột vàng kèo bạc, chạm trổ rất công phu, chỗ nào cũng có gắn hạt châu, mã瑙, hổ phách, ban đêm chiếu sáng ngời, chẳng khác lầu Ngọc khuyết.

Trụ Vương mê man, hỏi:

– Lâu cao và đẹp như thế sẽ tốn rất nhiều của kho chẳng biết trăm ngự ở đây sẽ tìm được thú vui nào đặc biệt?

Đắc Kỷ nói:

– Bệ hạ ngự ở Lộc đài khác nào cảnh thượng giới, ban đêm sẽ tiên ông tiên nữ xuống chơi, Bệ hạ sẽ làm quen với tiên nga, ngắm nhiều tuyệt sắc. Đã vậy, Bệ hạ được sống lâu, gần gũi mãi với thần thiếp, hưởng lộc trời...

Trụ Vương nói:

– Trẫm có nghe hễ được gần tiên thì tuổi thọ, nay ái khanh tính lập Lộc đài tức là nghĩ đến tuổi già của trẫm đó. Nhưng chẳng biết tiên có xuống chơi Lộc đài với trẫm không?

Đắc Kỷ nói:

– Nếu có một Ngọc đài cao quý như vậy, thần thiếp dám chắc tiên nga sẽ đến đón ca múa hát, châu Bệ hạ suốt đêm.

Trụ Vương nghe nói đặc ý, bảo:

– Tiền bạc tốn phí trăm không ngại gì, chỉ khó ở chỗ tìm người có đủ tài năng mới điều khiển được thợ khéo làm đúng theo họa đồ của ái khanh.

Đặc Kỷ nói:

– Bệ hạ dạy rất đúng. Phải cần kẻ thông thiên văn, am địa lý mới thấu rõ huyền cơ của ngôi Lộc đài được. Nội trong triều thần thiếp chỉ thấy một mình Khương Thượng có đủ tài năng đáng việc này. Xin Bệ hạ phong cho Khương Thượng làm Đốc công thì thế nào cũng vừa ý.

Vua Trụ nghe theo, liền khiến quan Thái giám đến dinh Tì Can đòi Khương Thượng vào cung nghe dạy việc.

Khương Thượng được lệnh, bói một quẻ, biết trước tai bay họa đến chẳng lâu, liền nói với viên Thái giám:

– Ngài về trước tâu với Bệ hạ rằng ta sẽ vào châu lập tức.

Viên Thái giám đi rồi, Tử Nha nói với Tì Can:

– Tôi với ngài lâu nay khuya sớm có nhau, tình nghĩa khắng khít. Nếu vì một duyên cớ nào hai ta cách trở thì biết bao giờ mới gặp nhau?

Tì Can nói:

– Vì cớ gì ông lại nói câu ấy?

Tử Nha nói:

– Tôi có xem quẻ, hôm nay vào châu vua dữ nhiều lành ít, e họa gởi tai bay.

Tì Can nói:

– Ông là quan xem việc thiên văn đâu phải quan giám nghị mà lo tội vạ. Nếu vào châu Bệ hạ có hỏi gì ông cứ nói không biết là xong. Vả lại, vua mới phong chức cho ông, lẽ nào cách chức?

Tử Nha nói:

– Tôi có một phong thư để dưới nghiên mực, trong đó có nói lời tiên tri. Nếu sau này ngài có điều gì trắc trở nên theo đó mà làm may tránh khỏi vạ. Đó là tôi đền ơn ngài vậy.

Dứt lời, Tử Nha tỏ ý già biệt. Tỉ Can quyển luyến, nói:

– Ông đừng vội bi quan, nếu ông có điều gì rắc rối tôi nguyện đem thân ra bệnh vực.

Tử Nha nói:

– Trời đã định mỗi người có một số mệnh riêng, ngài chớ lo mà nhọc tinh thần. Tôi e cứu vớt tôi không được mà ngài bị chìm luôn trong tai họa. Chi bằng xuôi theo vận mệnh tốt hơn.

Tỉ Can đưa Tử Nha ra khỏi phủ. Tử Nha đến trước Trích Tinh lầu, thấy Trụ Vương đang cùng Đắc Kỷ uống rượu. Tử Nha xin vào yết kiến, Trụ Vương đòi vào phán:

– Nay trăm muốn lập Lộc đài, nhưng trong triều không ai đủ tài giúp trăm. Nếu khanh chịu khó thay mặt trăm hoàn thành thì công khanh chẳng nhỏ.

LỜI BÀN:

– Chính phục có hai cách: dùng nhân đức thu phục và dùng binh phạt trấn áp. Kẻ bất nhưn bao giờ cũng nghĩ đến phương pháp thứ hai.

Trụ Vương mê Đắc Kỷ là câu chuyện thật trong lịch sử Tàu, Đắc Kỷ xinh đẹp, không chế Trụ Vương cũng là chuyện có thật. Ở đây tác giả chỉ mượn sự thật ấy lồng vào

câu chuyện yêu ma, thần thánh. Xét về Đắc Kỷ, nếu tách rời cái giả tạo yêu ma ra, thì Đắc Kỷ quả là con đàn bà đáo để. Mưu thâm độc ác của Đắc Kỷ không ai sánh bằng, nhưng đứng về phương diện lý lẽ, Đắc Kỷ cũng là người đàn bà có thủ đoạn.

Đắc Kỷ điều khiển cả một nguồn tư tưởng của Trụ Vương, chống lại với triều thần. Phải thấy Đắc Kỷ có một nhân sinh quan khác thường. Do ở Đắc Kỷ mà Trụ Vương có quan niệm dùng hình phạt áp chế. Theo Đắc Kỷ thì là tuyệt đối. Chỉ có hình phạt mới trị được người Quan niệm như vậy, Đắc Kỷ đã giết dây Trụ Vương làm Bào lạc, Sái bốn, giở những thủ đoạn giết người ghê gớm. Đắc Kỷ có cái lý của Đắc Kỷ mới đầu độc Trụ Vương theo chủ trương của nàng được. Có một điều, Trụ Vương vốn người ác, nên nghe đến việc ác thì làm theo. Nếu Trụ Vương là kẻ có lương tâm thế nào cũng dần do suy tính. Vì mỗi việc làm của Trụ Vương đều có sức phản ứng, một lúc một phát, lúc ngấm ngấm.

Đắc Kỷ đã thất bại trong chủ trương dùng bạo ngược khắc phục nhân tâm. Tuy nhiên, thất bại là một chuyện, mà bản lĩnh con người là một chuyện. Một người đàn bà, nắm cả tinh thần của một vị vua, điều khiển theo ý mình đâu phải ai cũng làm được?

Đành rằng Trụ Vương mê sắc, Đắc Kỷ đã lợi dụng sắc đẹp của nàng làm cho Trụ Vương mềm yếu, không còn lý trí. Nhưng không phải hoàn toàn vì lẽ đó. Trụ Vương dần mất lý trí, nhưng cảm tính con người làm sao mất được. Lý trí suy xét lẽ phải trái, cảm tính không cho phép làm điều bất nhân. Trụ Vương làm điều bất nhân mà không chút đắn đo, tất nhiên cảm tính cũng bị hủy diệt. Đó là một điều mà chúng ta thấy ở Đắc Kỷ có một bản lĩnh đặc biệt.

HỒI THỨ MUỖI TÁM

KHƯƠNG TỬ NHA LỘI SÔNG TRỐN CHÚA

KHƯƠNG TỬ NHA tiếp lấy họa đồ xem thử, thấy công trình rất nhọc, không biết làm mấy năm cho rồi, bèn nghĩ thầm:

– Triều ca là chốn ở tạm của ta, lẽ đâu ta dốc sức làm việc này để mang tiếng theo hùa với hôn quân hại dân hại nước. Chi bằng tìm lời thôi thác, nếu hôn quân giận ta sẽ đào tẩu trước cho rồi, đừng để lụy thân.

Nghĩ như vậy, Tử Nha cứ cầm bản đồ xem hoài, không nói gì cả.

Vua Trụ chờ lâu, hỏi:

– Khanh nhẩm họa đồ này làm bao nhiêu thời gian thì hoàn tất?

Tử Nha tâu:

– Đài cao 49 thước, lại dùng châu ngọc gắn khắp nơi, đầu đầu cũng chạm trổ rất tinh tế, hạ thần nhận thấy muốn hoàn thành phải ít nhất trong vòng 35 năm.

Trụ Vương thở dài, quay sang Đắc Kỷ nói:

– Khương Thượng trù tính 35 năm mới xong, như thế trăm cất Lộc dài làm gì cho hao tổn. Người không trăm tuổi,

mà trăm đã nửa đời người, sống tạm như vậy hưởng cảnh thanh nhàn cũng được, cần gì tính đến chuyện trồng cây, xây núi?

Đắc Kỷ nói:

– Lão thầy bói này quen thói nói dối. Cát một cái đài đầu có lâu đến đâu cũng không thể quá ba năm. Tử Nha đã có ý khi quân, không muốn làm tôi Bệ hạ, xin đem xử Bào lạc cho rồi.

Trụ Vương còn đang lưỡng lự, Tử Nha nói tiếp:

– Tôi xin Bệ hạ chớ nghĩ đến chuyện lạc thú ở đời mà quên cái khổ của muôn dân. Trong lúc kho tàng trống rỗng, thiên hạ gặp nhiều hạn hán, lúa thóc không đủ ăn, tôi trung vì chán nản việc triều chánh, kẻ nịnh lợi dụng tình thế gièm pha, cái nguy vong của nước nhà đã thấy rõ. Xưa vua Kiệt lập cung Quỳnh Dao mà mất nước, nay Bệ hạ lập Lộc đài chẳng khác giẫm chân lên con đường ấy, e cơ nghiệp sẽ về tay một chư hầu khác. Tuy đã muộn, nhưng vẫn còn có thể cứu nguy được nếu bệ hạ biết tự sửa mình chinh phục nhân tâm, lo cho xã tắc. Tôi tri ân bệ hạ nên có lời tâm huyết, không nỡ lấy mắt nhìn.

Trụ Vương nổi giận mắng lớn:

– Đứa già miệng, dám mắng vua. Nếu không dùng hình phạt trị tội thì còn ai kính nể trăm nữa. Quân bây, đem Bào lạc ra đốt lão già này cho thành tro để làm gương kẻ khác.

Võ sĩ chưa kịp áp tới, Tử Nha đã co chân nhảy xuống lầu. Vua Trụ cười lớn, nói:

– Người nhát như thỏ mà học thói ngang tàng, đầu có lệ chân như nai cũng không thể chạy trốn được.

Nói rồi truyền ngự lâm quân đuổi theo bắt lại. Tử Nha

nhảy xuống lầu, chạy một mạch đến căn Cửu Long, thấy đằng sau quan quân theo bắt, liền nói lớn:

– Các người đừng bắt ta làm gì cho mệt. Vua truyền đem Bào lạc đốt ta, tánh ta không ưa lửa, nên thà chết nước cho mất thân.

Nói rồi nhảy ùm xuống sông mất xác. Quan quân chạy đến, không còn thấy Tử Nha đâu nữa, ngỡ là Tử Nha đã mượn dòng nước quyên sinh, có ngờ đâu Tử Nha bản lĩnh đầy mình, độn thủy trở về xứ.

Quan quân đứng nhìn một hồi, rồi trở về tâu lại với vua Trụ:

– Khương Thượng đã liệu mình nhảy xuống sông tự vận.

Trụ Vương nói:

– Số lão chết nước, không muốn chết lửa. Thôi, bể nào lão cũng chết thôi.

Bấy giờ có vài viên quan vì mến Tử Nha nên đứng mãi trên cầu than thở, xảy có quan Thượng Đại Phu là Dương Nhậm đến hỏi:

– Việc gì mà các ông buồn bã đứng đây?

Các quan thưa lại mọi việc, Dương Nhậm thở dài trở về thư phòng, lòng rối như tơ vò.

Xong việc Khương Thượng rồi, Trụ Vương lại hỏi Đắc Kỷ:

– Ái khanh còn có ý lập Lộc đài chăng?

Đắc Kỷ nói:

– Lộc đài là nguồn sống của bệ hạ, thần thiếp tưởng không nên bỏ qua.

Trụ Vương hỏi:

– Khương Thượng đã chết nay sai ai làm Đốc công?

Đắc Kỷ nói:

– Sùng Hầu Hổ là người tận tâm với Chúa, nên bổ nhậm chức ấy.

Trụ Vương theo lời, sai sứ triệu Sùng Hầu Hổ về triều.

Thiên sứ tuân lệnh, vừa ra khỏi đền, gặp Dương Nhậm đón lại hỏi:

– Khương Thượng phạm tội gì mà phải nhào xuống sông tự vẫn.

– Bệ hạ sai Khương Thượng làm Đốc công, cất Bá Lộc đài theo họa đồ của Hoàng Hậu. Khương Thượng đem lời ngay can gián, bệ hạ truyền xử Bào lạc, Khương Thượng thất kinh nhảy xuống lầu chạy đến Cửa long kiều tự vẫn.

Dương Nhậm hỏi:

– Nay bệ hạ sai ông đi đâu vậy?

Thiên sứ thưa:

– Bệ hạ sai tôi triệu thỉnh Sùng Hầu Hổ về triều để tiếp tục ý định xây Lộc đài.

Dương Nhậm hỏi:

– Lộc đài ra thế nào?

Thiên sứ nói:

– Bề cao tới bốn mươi chín thước, làm toàn ngọc ngà châu báu, có thể sánh với cung Quỳnh Dao đời vua Kiệt thuở xưa. Nếu làm đúng như vậy thì tổn kém của dân không biết bao nhiêu kể. Quan Đại phu là người hưởng lộc lâu nay, tôi tưởng cũng nên có lời can gián, may ra cứu dân khỏi nạn này.

Dương Nhậm nói:

– Thôi, ông khoan đi đã, để tôi vào yết kiến bệ hạ can gián vài lời xem có kết quả gì không?

Nói rồi thẳng đến trước lầu Trích Tinh, vòng tay đứng mãi. Trụ Vương trông thấy, gọi đến hỏi:

– Khanh đến đây có việc gì chăng?

Dương Nhậm tâu:

– Tôi nghe trong đạo thiên hạ hễ dân loạn thì nước hư, nước hư thì vua mất. Nay Khương Văn Hoán thù cha, cử binh bốn mươi vạn đánh ải Du Hồn, quan tổng trấn chống cự đã ba năm, lương hết, người hao. Ngạt Thuận hết lòng báo hiếu, kéo hai mươi vạn quân đánh ải Tam Sơn, Đặng Cửu Công cự địch hơn mấy năm dư vẫn không sao dẹp được. Trong lúc đó, Thái Sư Văn Trọng cầm quân đi dẹp Bắc phiên, mười mấy năm chưa thấy trở về. Tuy bên trong yên ổn mà bên ngoài chứa đầy mầm loạn lạc. Thế mà bệ hạ không lo, cứ ngày đêm đắm mê tửu sắc, lập Bào lạc hại tôi ngay, lập Sái bôn giết cung nữ, chế Nhục lâm, Tẩu tri để vui chơi... Rồi lại đòi lập Lộc đài cao bốn mươi chín thước để sánh với cung Quỳnh Dao thời vua Kiệt, thật là chuyện phi thường. Hạ thần e Lộc đài hoàn thành, bệ hạ chưa hưởng được lạc thú mà cái khổ đã đến bên mình. Muốn tránh những cái hại gần phải lo những cái hại xa. Lời nói của hạ thần ngày nay tưởng cũng thừa, vì trước đây đã nhiều vị quan triều tậ trung can gián và bỏ mạng rồi. Tuy nhiên, hạ thần làm tôi bệ hạ, ngày nào bệ hạ còn lầm lỗi là còn phải can ngăn.

Trụ Vương nói:

– Người học đòi theo sáu ngữ mà không biết cái nghĩa uyên thâm của một bậc minh quân sửa trị ngôi trời. Trẫm dùng luật pháp nghiêm trị những đứa phản loạn thì mầm phản loạn làm sao sanh ra được. Bốn phương tuy có giặc, những đứa phản vua tuy hành động điên cuồng, song ngày nào đó chúng sẽ chịu trừng trị trước hình pháp của trẫm.

Dương Nhậm cười lớn:

– Bệ hạ nhờ ai nắm vững ngôi vua? Giặc đến, bệ hạ phải nhờ tướng tài quân mạnh để chống lại. Thế mà bệ hạ lại bạc đãi quân tướng mình thì ai còn ra sức phò bệ hạ, chống giặc?

Vua Trụ nói:

– Binh tướng sẽ khiếp sợ trước luật pháp triều đình mà xả thân đánh giặc. Còn lấy nhân đạo đối với chúng chẳng khác nào đưa chúng đến chỗ dễ người, khi quân phản quốc. Thí dụ ta đã lấy lòng thương đãi người, gọi người vào đây, người dám đem lời khi quân mắng vua, chứ nếu ta cấm ngặt không cho người vào thì người dám vào không?

Dương Nhậm nghe nói cười to:

– Thế bệ hạ cho lũ quan triều này đều sợ chết mà phục tùng bệ hạ sao?

Trụ Vương nói:

– Nếu ta đưa người đến Bào lạc, người có dám nói lời khuyên can ta không?

Dương Nhậm ngửa mặt lên trời nói:

– Dù bệ hạ có khoét mắt, cắt lưỡi, hạ thần vẫn nói. Lời nói của hạ thần vì sự nghiệp của tiền nhân, vì nhiệm vụ của một tôi thần đâu phải vì lẽ sống cá nhân. Bệ hạ nên thấy khác biệt giữa lời nói kẻ nịnh, người trung thì mới rõ.

Trụ Vương bị Dương Nhậm mắng liền một lúc, tức quá nạt lớn:

– Ta khoét mắt người xem người còn dám nói lời nào nữa chẳng?

Dứt lời truyền quân dè cổ Dương Nhậm xuống khoét mắt. Dương Nhậm vẫn nói oang oang không nín. Đến lúc Dương Nhậm đau quá chết điếng mới thôi.

Quân đem trông mắt Dương Nhậm dâng lên trước long sàng, Trữ Vương chưa nguôi giận mắng:

– Xảo ngôn ! Sao nằm im đấy không mắng nữa ta nghe thử.

Trữ Vương vừa dứt lời thì bỗng một luồng gió thổi đến như bão, đất cát bụi bay ngất trời, vua Trữ phải bỏ chạy vào trong lán mặt.

– Dương Nhậm tuy chết giấc mà tám gan trung liệt vẫn không sờn, hồn oan lên đến tận mây xanh. Bấy giờ ông Thanh Hư đạo nhân ở núi Thanh Phong, trông thấy oán khí bốc lên, đánh tay hiểu rõ sự tình, liền sai Huỳnh Cân lực sĩ xuống trần, nổi trận gió thần, hốt xác của Dương Nhậm đem về núi, bỏ trong động Tử Dương.

Luồng gió giữ vừa rồi chính là do Huỳnh Cân lực sĩ tạo ra đó. Trữ Vương sợ gió chạy vào trong một lúc, khi gió tạnh, quan phụng ngự chạy vào báo:

– Dương Nhậm gió bay đầu mất rồi.

Trữ Vương nói:

– Lúc trước trẫm chém hai vị thái tử cùng bị gió bay. Như vậy là chuyện thường, không có gì đáng ngại.

Tiếp đó Trữ Vương quay sang nói với Đắc Kỷ:

– Dương Nhậm bị gió bay mất, Sùng Hầu Hổ chắc cũng gần lai triều vậy phải lo gấp chuyện lập Lộc đài kéo mất thì giờ, thời xuân không chờ ai để trễ không hưởng được thú thần tiên thì uổng lắm.

Đắc Kỷ nói:

– Bệ hạ cương quyết như vậy thì làm gì sự nghiệp không vững bền. Thần thiếp tưởng chỉ có hình phạt mới đem lại yên

vui cho một ông vua, khỏi bị những kẻ tự phụ cho mình là thông thái, đem những sáo ngữ ra chỉ trích xàm xảm.

Trụ Vương gật đầu hỏi:

– Do đâu mà ái khanh có một tầm hiểu biết cao xa như vậy?

Đắc Kỷ nói:

– Làm vua chẳng khác nào như cha mẹ. Cha mẹ dạy con bằng lối chiều chuộng thì không bao giờ làm vừa lòng con cái. Vì mỗi đứa con có mỗi tánh khác nhau. Còn nếu dùng uy lực trừng trị thì không có đứa nào không sợ. Đó là đạo trị người vậy.

Vua Trụ nghe Đắc Kỷ nói lòng ngất ngậy, truyền quân đem rượu đến, uống say mèm.

Bấy giờ, Huỳnh Cân lực sĩ đem thây Dương Nhậm bỏ ở động Tử Dương, rồi vào thưa lại với Thanh Hư đạo nhân. Đạo nhân liền xuất động, sai Bạch Vân đồng tử đem hai hột linh đơn bỏ vào lỗ mắt của Dương Nhậm bị khoét. Tức thì trong lỗ mắt ấy mọc ra hai cánh tay có hai con mắt thần, sáng ngời như sao, xem thấu rõ trên trời dưới đất, thấy cả việc đời.

Tuy vậy, Dương Nhậm vẫn còn mê man chưa tỉnh, Bạch Vân đồng tử liền hớp một hơi sinh khí thổi vào mặt Dương Nhậm hét:

– Dương Nhậm không tỉnh lại còn chần chờ gì?

Dương Nhậm cựa mình, lồm cồm ngồi dậy, thấy quang cảnh trước mặt không phải là chốn phàm trần, lại thấy một tiên ông đứng trước cửa, Dương Nhậm liền bước đến quỳ thưa:

– Có phải ngài là ân nhân đã cứu tôi?

Thanh Hư đạo nhân nói:

– Ta thấy người lòng ngay can chúa mà thác oan nên động lòng sai lực sĩ xuống trần hóa gió cứu người đem về đây. Ngày sau ta sẽ cho người xuống trần phò vua Vô lập công, hưởng phú quý.

Dương Nhậm lay tạ ơn và nói:

– Tôi nhờ tiên ông cứu tử hoàn sanh, ơn ấy rất trọng. Tôi xin tôn tiên ông làm Tôn sư và theo làm đệ tử.

Thanh Hư đạo nhân nói:

– Được. Ta nhận người làm đệ tử, song số người chưa dứt hết nợ trần, chỉ gần ta một thời gian, sau này người phải trở về phò vua giúp nước.

Dương Nhậm bái tạ, theo Bạch Vân đồng tử ra sau động học tập.

Nói về Sùng Hầu Hổ tuân lệnh Trụ Vương xây cất Lộc đài tổn công, tổn của không biết bao nhiêu mà nói. Dân chúng các vùng lân cận bắt buộc phải đi làm sưu dịch, người đào đất, kẻ khiêng cây dài nặng dầm sương khổ cực trăm bề. Người giàu có thì dùng tiền bạc lo lót để khỏi làm sưu, kẻ nghèo khó phải nai lưng ra gánh chịu. Những kẻ nghèo thì đông, người giàu thì ít, vì vậy dân chúng đói rách không chịu nổi cảnh khổ cực bỏ trốn nhiều lần. Có một số người chết vì mang bệnh, lại có một số người chết vì tai nạn lao công. Sùng Hầu Hổ rất trung thành trong việc xây cất Lộc đài nên thi hành ráo riết, dùng lệnh Thiên Tử rất nghiêm. ai trể đều bị đem ra xử tử giữa chợ làm gương kẻ khác.



Bấy giờ Tử Nha thủy trở về trang viên của Di Nhân. Vợ Tử Nha là Mã thị nghe tin chồng về vội ra đón tiếp. Nàng ngờ Tử Nha còn đang làm quan nên trọng vọng lắm.

Tử Nha nói:

– Nay ta đã thôi làm quan rồi.

Mã thị sững sốt hỏi:

– Vì cố sao vậy?

Tử Nha nói:

– Thiên tử bảo tôi làm Đốc công xây cất Lộc đài, làm việc này tốn của tốn công dân chúng không biết bao nhiêu mà nói, Trong lúc đó Thiên tử chỉ nghĩ đến sắc đẹp, không kể đến chuyện mất còn thiên hạ, như thế bảo ta nghe theo sao được. Ta tìm lời can gián, Thiên tử truyền đem ta xử Bào lạc, ta bỏ chức chạy về đây.

Mã thị giận nói:

– Ông là lão thầy bói, thời may được vua thương phong chức, vinh hiển một thời, lẽ ra phải đem thân khuyển mã thờ vua, đền lại ơn thâm nghĩa trọng, khéo bắt chước người ta học đòi lý sự, ra mặt can vua để đến nỗi suýt vong mạng. Nay ông trở về đây là mang tội với triều đình, còn trốn ngò nào được nữa để trở lại đời lão thầy bói già trước kia?

Khuông Tử Nha nói:

– Làm trai chọn chúa mà thờ. Trụ Vương đã không phải chúa thánh, ta không thể làm một tôi hiền. Vậy vợ chồng ta nên trốn sang Tây Kỳ, tìm kế sanh nhai, đợi lúc gặp chơn chúa ra phò cũng không mất vinh hoa phú quý đâu.

Mã thị nguyệt chồng nói:

– Công danh trước mặt mà chưa biết hưởng lại đi tìm một ảo vọng xa xôi. Vua sai làm Đốc công xây Lộc đài đã vừa lợi vừa danh giá, mấy người được vua tín nhiệm phú thác việc lớn. Lợi không biết lợi, danh không biết danh, nay mất cả rồi, khéo làm tuồng phách lối.

Tử Nha nói:

– Đàn bà chỉ biết cái lợi trước mắt mà không thấy cái hại về sau công danh không chính đáng là công danh hào huyền. Tôi muốn tự tài tôi lập nên chức vị, không cần phải ở may mắn nào. Bà hãy theo tôi sang Tây Kỳ, bỏ chốn Triều ca này cũng chẳng hại.

Mã thị giận nói:

– Tôi là dân Triều ca không phải kẻ trôi sông lạc chợ mà quên tổ quên tông, bỏ quê bỏ xứ. Nay đã xui có sự như vậy, ông không thể ở đây được nữa, còn tôi cũng không thể theo ông đi xứ khác, vậy từ đây ai làm nấy ăn, ai sang nấy hưởng.

Tử Nha nói:

– Xưa nay hễ đàn bà con gái xuất giá tòng phu, chồng sang thì nhờ, chồng khó thì cam chịu, chồng đi đâu phải theo đó, vinh nhục có nhau, tại sao bà lại có ý như vậy?

Mã thị nói:

– Ông là kẻ có tội với triều đình, đang tìm nơi trốn tránh. Tôi là người ngay thẳng, không ai có quyền buộc tôi phải theo người có tội cả. Tốt hơn ông viết cho tôi một tờ ly dị, từ đây cầm sắt phân đôi.

Tử Nha đau lòng nhìn vợ, nói:

– Bà đừng nói quấy. Tài tôi không phải với chức Đại phu nhỏ bé như vậy đâu. Ngày nay tuy khổ, nhưng ngày mai nhất định hiển vinh. Tôi không nỡ lúc khổ vợ chồng có nhau, đến lúc hiển vinh mình tôi riêng hưởng.

Mã thị nói: - Ông được hiển vinh thì nhờ, phần tôi nghèo khổ tôi chịu. Ông cưới vợ khác để sau này làm nhất phẩm phu nhân.

Tử Nha không biết nói sao đành năn nỉ. Tuy vậy, Mã thị

đã cố tình oán ghét, một hai năng năng đòi làm tờ ly dị để tìm kế sinh nhai, không theo Tử Nha nữa.

Tống Dị Nhân thấy vậy bước ra nói với Tử Nha.

– Chuyện này một phần do tôi gây nên. Bởi tôi làm mai không đúng chỗ nên ngày nay mới xảy ra lăm chuyện xích mích như vậy. Thôi, người vợ đã cố tâm dứt bỏ thì người chồng dầu muốn chung sống cũng chẳng có gì hạnh phúc, hiện đệ nay trong tai nạn, phải trốn vua, sang nơi khác lánh thân, trong đời cũng chẳng thiếu gì đàn bà, cứ ly dị nhau cho ổn thỏa.

Tử Nha nói:

– Thưa anh, tôi nghĩ lúc vợ chồng khó nhọc có nhau, đến lúc hiển vinh một mình riêng hưởng e mang tiếng phụ tình. Thế mà vợ tôi khinh tôi đến nước ấy chẳng còn làm sao nữa? Nay có lời anh dạy, tôi xin làm theo cho mát lòng vợ.

Tử Nha cầm viết tẩy tờ ly hôn, trao cho Mã thị, và nói:

– Nếu bà quyết lòng từ bỏ tôi thì cầm tờ giấy này, còn nếu vì giận nhau thì hãy nén giận mà theo tôi. Tôi không còn thì giờ nào chênh mắng nữa.

Mã thị vội lãnh tờ ly hôn, thái độ không một chút nuôi tiếc. Tử Nha thở dài, buồn bã ngâm bốn câu thơ:

Miệng con rắn hà nằm.

Nọc con ong vò vè.

Hai món độc vừa vừa,

Bụng đàn bà quá lẽ.

Mã thị không nhìn mặt Tử Nha, dứt tờ ly hôn vào túi rồi bưng rổ may về xứ kiếm chồng.

Tử Nha cũng vội sửa soạn hành trang lên đường đến Tây

Kỳ ẩn mặt, và thưa với Tống Dị Nhân:

– Nhờ ơn anh chị hết lòng dùm bọc lâu nay, tôi chưa trả được ơn sâu mà phải lên đường cách biệt.

Tống Dị Nhân tìm lời an ủi, làm tiệc tiễn hành, và hỏi:

– Bây giờ hiền đệ định đi đâu?

Tử Nha nói:

– Trạ Vương là một hôn quân, không thể giữ nổi giang sơn được. Tây Kỳ nhân hòa khí thuận, dễ sanh Chúa thánh tôi hiền. Tôi muốn qua đó ẩn mặt, chờ ngày tiến thân.

Dị Nhân nói:

– Nếu trời thương, cho hiền đệ sớm gặp hội rồng mây thì gởi thư về cho tôi biết kéo lòng tôi mong đợi.

Tử Nha tạ ơn rồi từ biệt lên đường, Dị Nhân theo đưa đón hai dặm đường mới trở lại.

Đi khỏi sông Mạnh Tân, Tử Nha qua thuyền vượt sông Hoàng Hà đến Đồng Quan ải. Nơi đây là địa đầu của xứ Tây Kỳ. Bỗng thấy một số người rất đông, trai có, gái có vừa dật vừa đi vừa than thở. Trông lối ăn mặc, Tử Nha biết họ là dân Triều ca, liền gọi lại hỏi:

Các người ở Triều ca, sao lại đến nơi đây than khóc.

Trong nhóm ấy có vài người biết Tử Nha liền đến gần thưa.

– Chúng tôi thật là dân Triều ca, nhân vì Thiên tử xây cất Lộc đài, khiến Sùng Hầu Hổ làm Đốc công. Sùng Hầu Hổ quá khắc nghiệt ăn của nhà giàu, bắt nhà nghèo chúng tôi làm thực mạng. Dân chúng chết vì đói khát, vì nạn lao công. Chúng tôi chịu không nổi phải bỏ trốn, vì nghĩ rằng ở Triều ca thì sớm muộn cũng bỏ thầy.

Tử Nha hỏi:

– Các người đã trốn được đến đây coi như thoát nạn, tại sao còn than thở?

Dân chúng thưa:

– Trương Tổng binh trấn ải này không rõ hoàn cảnh của chúng tôi nên đuổi chúng tôi về, không cho qua ải để tỵ nạn. Nếu chúng tôi trở về chắc phải chết.

Tử Nha nói:

– Thôi, các người chớ than khóc làm gì, để ta vào nói với Trương Tổng binh cho.

Dân chúng mừng rỡ nói:

– Nếu lão gia thương tưởng như vậy chúng tôi nguyện biết ơn suốt đời.

Tử Nha đưa cho dân chúng coi giữ gói hành trang, rồi đến trước cửa thành kêu quân gác cửa nói:

– Chúng bây vào thưa với Trương Tổng binh có ta là Hạ Đại phu Khương Thượng xin vào ra mắt.

Quân vào báo, Tổng binh Trương Phụng nghi thẩm:

– Tử Nha là quan văn tại triều, còn ta là quan võ trấn ải ngoài. Nếu không trọng vọng hần, hần tìm cách tâu ra tâu vào với Thiên tử, e mạng hại.

Nghi rồi truyền quân mở cửa ải đón Tử Nha vào thành đường trà nước. Nhưng khi Tử Nha vừa vào, Trương Phụng thấy Tử Nha không mặc triều phục, lại mặc áo nhà tu, lấy làm ngạc nhiên, hỏi:

– Sao quan Đại phu lại ăn mặc như vậy?

Tử Nha nói:

– Tôi đến đây không phải vì công việc, chỉ vì Thiên tử

khiến Sùng Hầu Hổ làm Đốc công xây Lộc đài, Sùng Hầu Hổ
 ẫn của hối lộ nhà giàu, bắt dân Triều ca làm sưu quá nặng nề,
 dân chúng chịu không nổi phải bỏ trốn. Nhưng quan Tổng
 binh lại không rõ sự tình, không cho chúng qua ải tỵ nạn. Tôi
 tưởng việc này quan Tổng binh nên làm ơn cho chúng một
 phần, để tiếng nhân đức về sau.

Trương Phụng ngạc nhiên nói:

– Khương Đại Phu nói sao khó nghe vậy. Nếu Sùng Hầu
 Hổ làm việc không công bình, hiếp đáp dân lành thì còn có
 triều thần minh oan cho dân chúng lẽ nào để dân chúng trốn
 ra khỏi biên thùy mà gọi là nhân nghĩa? Ông làm chức Đại
 phu, sao không có một lời tâu với vua, lại theo đám dân trốn
 tránh ấy?

Tử Nha nói:

– Tôi không giấu gì Trương Tổng binh, chính chuyện xây
 cất Lộc đài trước kia bệ hạ ủy nhiệm cho tôi, nhưng tôi thấy
 việc làm tổn phí, đã hao của kho, lại nhọc dân chúng, mà
 chẳng lợi gì cho quốc gia, vì vậy tôi ngỏ lời hơn thiệt can
 ngăn. Bệ hạ nghe lời Đắc Kỷ, cách chức tôi, đuổi về quê quán.
 Hôm nay trên đường về quê, tôi gặp đám dân lành này tỵ
 nạn, tôi thiết tưởng trong triều không ai còn đủ sức đứng ra
 bênh vực dân chúng nữa. Trương Tổng binh nên xét tình
 trạng ấy làm ơn cho dân lành.

Bấy giờ, Trương Phụng mới biết Tử Nha là kẻ có tội, đi
 lánh thân, nên ra mặt khinh bỉ, nói:

– Chú là kẻ trôi sông lạc chợ, may nhờ lộc nước ơn vua
 mà hiển vinh, lẽ phải đáp đền ơn chúa. Đã không biết điều, bị
 cách chức ẩn mặt trốn đi, còn muốn cầm đầu cho đám dân
 chúng hờn trách bệ hạ nữa. Tôi nói thật, tôi trấn nơi ải này

không để một kẻ nào lợi dụng. Lẽ ra tôi bắt chú đem về nạp cho bệ hạ xử tội, song mới gặp nhau lần đầu, làm như vậy cũng quá bạc bẽo.

Nói rồi truyền quân đuổi Tử Nha ra lập tức. Tử Nha hổ thẹn bước ra cửa ải, thấy dân chúng đang ngồi một nhóm rất đông, mắt ngong ngóng chờ tin.

Tử Nha buồn bã bước đến nói:

– Không xong rồi, tôi đã hết lời năn nỉ mà Trương Tổng binh chẳng vị tình, còn đòi bắt tôi đem về triều dâng nạp.

Dân chúng nghe nói khóc òa. Tiếng khóc hòa vào nhau làm rung động cả bầu trời ảm đạm. Tử Nha thấy thương hại nói:

– Dầu Trương Tổng binh có ác ý, chúng ta cũng chẳng hại gì. Để ta tìm cách đưa các người đến Tây Kỳ tìm sinh kế.

Dân chúng không tin, nói:

– Cửa ải đóng chặt, lão gia làm sao đưa một số hơn tám trăm người chúng tôi đi qua được?

Tử Nha nói:

– Trước kia ta làm thầy bói, đã có phép lạ trừ yêu, nay thế lại không có cách gì đưa các người qua ải sao? Các người cứ yên tâm, ngủ một giấc, cho đến canh ba, hãy nghe có gió thổi thì nhắm mắt lại, kẻ nào mở mắt ra mang họa đừng trách ta không nói trước.

Nghĩ đến việc Tử Nha dùng phép lạ trừ yêu trước kia, dân chúng đều mừng rỡ, riu riu nghe theo.

Quá đến canh ba, Tử Nha hướng về núi Côn Lôn quỳ lạy một hồi, rồi niệm chú. Tức thì gió giông nổi dậy, cát bụi mịt mù. Tử Nha bảo dân chúng nhắm mắt lại. Trận gió thần hốt

dám dân chúng lồi đi, chẳng mấy chốc đã vượt qua năm ải là: Lâm Đồng, Đồng Quan, Xuyên Vân, Tị Thủy và Giới Bài. Khi đến núi Kim Kê Lạnh, Tử Nha thâu phép lại, giông gió lặng yên mới bảo dân chúng mở mắt. Dân chúng ngồi chòm nhum dưới đất nhìn nhau trong lúc trời chưa sáng. Tử Nha nói:

– Đây là núi Kim Kê, thuộc về nước khác, thành Tây Kỳ ở trước mặt chúng ta không xa, đợi sáng chúng ta sẽ tìm vào.

Mấy trăm dân chúng đều cúi lạy tạ ơn và nói:

– Biết ngày nào chúng tôi đáp được ơn này.

Tử Nha tỏ lời già biệt, tìm đến chân núi Bàn Khê ẩn mặt, chờ thời, đợi vận.

Người sau có thơ khen Tử Nha:

Bỏ trốn Triều ca lánh thị thiêng,

Đưa dân khỏi ái thật thần tiên.

Gieo câu sông Vị chờ qua vận,

Uống nước Bàn Khê đợi gặp duyên

Võ Kiệt ra tay người chỉ ngõ,

Phi Hùng ứng mộng chúa cầu hiền.

Tám mươi mới dựng yên công nghiệp.

Ra giúp nhà Châu sửa mối giềng.

Bây giờ nói về tám trăm dân chúng ngồi đợi sáng, khi ánh dương ló dạng, mọi người đều xem rõ còi Tây Kỳ núi sông tươi đẹp. Ai nấy đều vui mừng, qua khỏi Kim Kê Lạnh thì tới Yên Sơn, rồi đến núi Thu Hương, qua làng Bạch Liễu. Mọi người mở cơm khô ra ăn, uống nước suối. Đoạn đi thêm bảy chục dặm đường nữa thì đến thành Tây Kỳ. Nơi đây người thanh cảnh lịch, nước biếc non xanh, quả là một nước giàu mạnh. Dân chúng tuy đông, nhưng sống trong trật tự, người

nhỏ nhường yếu, kẻ mạnh kính người già, chợ búa không tiếng cãi vã, thành quách, dinh thự không cần có quân canh. Thật là trời Nghiêu đất Thuấn, nước Thánh vua Hiền.

mấy trăm dân Triều ca đến nơi làm đơn xin được tị nạn. Quan Đại phu Tăng Nghi Sanh chấp đơn đệ vào trình với Giám quốc Bá Ấp Khảo.

Bá Ấp Khảo xem đơn xong, truyền rằng:

– Bối vua Trụ độc ác, không lòng thương dân, bắt dân làm trâu ngựa nhọc, nên dân không chịu nổi phải lìa bỏ quê hương đến xin tị nạn. Nước ta cốt làm việc nghĩa nhân không thể từ chối được. Vậy ta đối đãi với họ như dân bản xứ, kẻ nào không tiền giúp tiền, kẻ nào không lúa giúp lúa, cốt tạo cho họ một đời sống ấm no.

Tăng Nghi Sinh tuân lời, đưa mấy trăm dân Triều ca vào ở nơi nội thành, và giúp đỡ hết sức nông hậu.

Cách đó ít hôm, Bá Ấp Khảo lâm triều, bá quan ứng hầu đủ mặt, Bá Ấp Khảo nói:

– Nay vua cha bị cầm tại thành Dư Lý đã hơn bảy năm, ta muốn đem lễ vật cống hiến Thiên tử để chuộc tội vua cha trở về, các người nghĩ sao?

Tăng Nghi Sanh thưa:

– Khi chúa công ra đi có coi quê, thấy mình mắc nạn bảy năm, dặn Công tử ở lại Tây Kỳ chăm lo việc nước, không cho đến Triều ca, chờ Chúa công hết nạn sẽ trở về. Nay nếu công tử muốn tỏ tình hiếu đạo thì sai người vào Triều ca thăm viếng cũng đủ, không nên cãi lời Chúa công đã ủy thác.

LỜI BÀN

Một nịnh thần quá tàn ác, tạo trong đời mình những bất lương tức là tự đem mình đến chỗ diệt vong. Bởi vì mọi người không thể sống, phụng sự cho một cá nhân ích kỷ, bất công, tàn nhẫn. Nhưng một tôi trung, phò vua giúp nước, xả thân làm điều lợi cho dân, lòng trung nghĩa ấy đi đến cực đoan thì cũng hại thân không ít.

Dưới triều vua Trụ, bao nhiêu tôi thần vì tận trung mà chết không phải ít, như trường hợp Dương Nhậm chẳng hạn.

Một kẻ tận trung bị diệt, tuy mất một người mà hữu ích cho xã hội, nhưng lại nêu được tấm gương tốt cho những người nối gót theo sau, hoặc ít ra cũng răn được một vài vua dữ. Còn một kẻ nịnh bị diệt dĩ nhiên có lợi cho xã hội rồi. Đời sau sẽ thấy đó là một gương xấu.

Để kết luận, sinh diệt là chuyện dĩ nhiên, trong quy luật vũ trụ. Vạn hữu sinh ra đều phải tất có sinh có diệt, như vậy không kể vấn đề trung, nịnh, nhân đạo hay ác đức, tất cả đều bị biến đi, chỉ còn lại cái tiếng đi lưu trong xã hội sau này. Tiếng xấu, tiếng tốt chính là địa ngục hay thiên đường của những người đã sống và đã chết vậy.

HỒI THỨ MƯỜI CHÍN

BÁ ẤP KHẢO DÂNG BÁU VẬT CHUỘC TỘI CHA

BÁ Ấp Khảo than:

Vua cha bị cầm nơi Dũ Lý đã bảy năm, không người quen thuộc viếng thăm, đạo làm con chẳng lẽ cứ ngồi mãi nơi đây sao đành. Phụ vương ta có chín mươi chín người con, nay đã khôn lớn, thế mà vô dụng, không giúp ích gì được cho cha già. Thôi thì ta liệu thác đem bấu vật của ông bà để lại, đến Triều ca dâng cho Trữ Vương chuộc tội, may Trữ Vương ham bấu vật thả Phụ vương ta về nước chăng?

Tăng Nghi Sanh can:

– Không nên đâu. Lúc ra đi Chúa công đã dặn dò mọi việc, nay Công tử vì thương cha làm trái ý, tình thương ấy đã không làm cho Chúa công vui, còn làm cho Chúa công giận nữa là khác.

Bá Ấp Khảo nói:

– Làm vua một nước chư hầu, triều thần đông đủ, con cái gần trăm người, lúc bị hoạn nạn không một ai gần gũi, ta không đành để Phụ vương ta như vậy. Thôi, người chớ can gián nữa, ta đã quyết hy sinh mình ta may chuộc tội cho Phụ vương ta.

Tăng Nghi Sanh không làm sao can được, phải im lặng lui ra. Bá Ấp Khảo vào cung kể lại ý định mình với mẹ. Bà Thái Cơ hỏi:

– Nếu con đi thăm cha con thì việc nước giao lại cho ai?

Bá Ấp Khảo thưa:

– Em con là Cơ Phát tánh tình thuần hậu, khí tiết chói ngời, có thể thay con lo việc nước rất dễ. Vả lại trong triều, việc văn đã có Tăng Nghi Sanh, việc võ đã có Nam Cung Hoát, con chẳng cần phải bận tâm. Con đi chuyến này nếu may mắn con sẽ cứu Phụ vương con khỏi vòng lao lý, còn rủi con có bề nào cũng chẳng hại gì cho giang sơn Tây Kỳ này cả.

Bà Thái Cơ thấy Bá Ấp Khảo đã quyết lòng không dám can ngăn liền dặn dò:

– Con có đi thì mọi việc phải cẩn thận lắm mới được.

Bá Ấp Khảo lạy mẹ bước ra, đến dinh Cơ Phát tự tình:

– Em ơi! Nay anh định vào Triều ca dâng báu vật chuộc tội cho Phụ vương, em phải ở nhà thay mặt anh lo việc trị nước. Công việc trong anh đã xếp đặt xong, với tài trí của em, anh không còn lo lắng gì nữa.

Cơ Phát hỏi:

– Anh định đi bao lâu trở về?

Bá Ấp Khảo nói:

– Lâu lắm là ba tháng. Nếu công việc không có gì trắc trở thì hai tháng rưỡi anh về đến.

Hai anh em tâm sự một hồi, Bá Ấp Khảo từ già Cơ Phát trở về cung, chọn ngày tốt khởi hành.

Ba ngày sau, Bá Ấp Khảo lên đường, chín mươi tám người em và triều thần đều tụ đến đủ mặt, đưa đón. Bá Ấp Khảo tỏ

lời cảm ơn, nhìn quê cũ, rồi lên yên từ già Tây Kỳ. Đàng trước có cờ hiệu, đàng sau quân sĩ khiêng lễ vật hộ tống. Tuy là một cuộc ra đi không lấy gì quan trọng, nhưng lòng hiếu đạo của Bá Ấp Khảo làm cho dân chúng Tây Kỳ ai nấy đều cảm mến.

Đoàn người trải gió dầm sương, đi một thời gian mới đến ải Tị Thủy. Quân giữ cửa vào thưa với quan trấn ải là Hàn Vinh, Hàn Vinh lập tức hồi quân mở cửa ải đón tiếp. Bá Ấp Khảo qua năm ải như vậy mới qua sông Huỳnh Hà, đến Mạnh Tân. Nơi đây Ấp Khảo ngồi thuyền vượt sóng sang sông, rồi đi một thời gian nữa mới đến Triều ca.

Bây giờ gặp lúc trời tối, Bá Ấp Khảo phải vào ở đờ nơi trại Hoàng Hoa, mai sáng mới đến dinh Thừa tướng tìm gặp Tì Can.

Rủi thay, Tì Can đi vắng, đã năm ngày Bá Ấp Khảo lóng nhóng mãi, tuy vậy Bá Ấp Khảo vẫn không lấy thế làm buồn lòng.

Ngày kia, Bá Ấp Khảo đang đứng ngoài cửa dinh chờ đợi, bỗng nghe tin Tì Can về, Bá Ấp Khảo vội yà quỳ xuống nghênh đón. Tì Can giục ngựa về đến thấy Bá Ấp Khảo liền hỏi:

– Tướng quân là ai?

Bá Ấp Khảo nói:

– Tôi là con trai của Cơ Xương, tên Bá Ấp Khảo, từ Tây Kỳ đến đây xin ra mắt Thừa tướng.

Tì Can nghe nói vội xuống ngựa đỡ Bá Ấp Khảo dậy hai người cùng đứng ngang nhau nói chuyện. Tì Can hỏi:

– Công tử từ Tây Kỳ sang đây có việc chi?

Bá Ấp Khảo nói:

– Cha tôi bị Thiên tử kết tội, cầm nơi Dù Lý đã bảy năm, tuổi tác đã già, không được hưởng cảnh thanh nhàn, thật đau

xót. Tôi thiết tưởng trời có khi nắng khi mưa. Thiên tử sao khỏi có lúc vui lúc buồn. Đạo làm con lấy hiếu là trọng, nên tôi không nài khó nhọc, không sợ oai búa rìu, đem ba báu vật từ Tây Kỳ đến đây, yết kiến Thừa tướng, nhờ Thừa tướng tìm cách tâu với cha, tha cho cha tôi được đem nắm xương tàn về xứ thì ơn của Thừa tướng cha con tôi suốt đời không dám phụ.

Tì Can hỏi:

– Công tử đem vật gì đến công sứ?

Bá Ấp Khảo thưa:

– Tôi có ba vật báu di truyền là xe Thất Hương, nệm Tỉnh Tửu, và con vượn bạch, mặt tợ da người. Ngoài ra tôi còn chọn thêm năm cặp mỹ nữ dẫn đến đây nữa.

Tì Can hỏi:

– Gái đẹp thì ta đã biết ở Tây Kỳ không thiếu gì, nhưng ba món báu bồi kia có gì quý?

Bá Ấp Khảo nói:

– Ba vật báu di lưu từ đời ông thì tổ chúng tôi tức là ông Đăng Phù. Như Thất hương xa là xe của vua Huỳnh Đế dùng để vượt Bắc Hải đánh giặc Xi Vưu, kẻ nào dùng xe ấy thì chẳng cần người đẩy, hễ muốn đi đâu xe ấy tự động đi ngay. Còn Tỉnh Tửu chiên là nệm giả rượu. Lúc đang say mà nằm trên nệm ấy thì tức khắc giả rượu. Lại như con vượn bạch, mặc dù loài thú, nhưng thông minh đáo để, nó thuộc hơn tám trăm bản đàn, biết ba ngàn bài hát, tiếng ca nó lảnh lót như tiếng chim, trong lúc yến tiệc nó vừa múa vừa hát trên bàn tay, dịu dàng như một cảnh liễu.

Tì Can nghe nói cau mày:

– Ba báu vật ấy trên đời này hiếm có thật, song Công tử đem đến đây cống sứ ta thấy chẳng vui.

Bá Ấp Khảo hỏi:

– Vì sao Thừa tướng dạy như vậy?

Tì Can nói:

– Trụ Vương lâu nay ham tửu sắc, không kể đến xã tắc suốt ngày đêm dờn ca múa hát, tìm thú vui để trốn mặt quần thần. Nước mất nhà tan cũng vì vậy. Nay Công tử lại đem đến những món phụ họa vào thú tiêu khiển của vua thì cơ nghiệp nhà Thương càng sớm tiêu tan hơn nữa.

Bá Ấp Khảo nghe nói thở dài:

– Nếu không có báu vật làm cho vua thích thì không bao giờ vua chịu tha tội cho cha tôi, xin Thừa tướng rộng lòng nghĩ lại...

Tì Can nói:

– Làm tôi phải thấy trước những tai hại mà can vua. Lẽ ra ta không chấp nhận những báu vật này, nhưng thấy Công tử là người chí hiếu, từ ngàn dặm đến đây chuộc tội cho cha, lẽ nào ta không giúp. Thôi, hãy theo ta vào đền, ta tâu giúp cho.

Bá Ấp Khảo lay tạ, theo Tì Can đến trước đền Trích Tinh.

Huỳnh môn quan trông thấy vào báo. Trụ Vương kêu lên lầu phán hỏi:

– Ta không có lệnh đòi, sao Thừa tướng tự ý vào đây?

Tì Can tâu:

– Nay có con trai Cơ Xương là Bá Ấp Khảo đem dâng ba vật báu chuộc tội cho cha, nên tôi phải dẫn vào ra mắt.

Trụ Vương hỏi:

– Bá Ấp Khảo dâng báu vật gì?

Tì Can liền trao tờ sổ của Bá Ấp Khảo cho Trụ Vương xem. Trụ Vương lập tức đòi Bá Ấp Khảo lên lầu. Bá Ấp Khảo quì mọp dưới sàng, tâu:

– Tôi là Bá Ấp Khảo, con kẻ phạm tội, xin chúc bệ hạ sống lâu muôn tuổi.

Trụ Vương nói:

– Cơ Xương nghịch mạng nên bị trảm làm tội, nay người đem báu vật đến dâng quả là con chí hiếu đó.

Bá Ấp Khảo tâu:

– Cha tôi phạm tội. Bệ hạ không giết lại đây nơi Dũ Lý, ơn ấy cha con tôi ghi nhớ muôn đời. Vậy tôi xin dâng chút vật mọn, nhờ bệ hạ mở lòng thương cho phép cha tôi được đem nắm xương tàn về cố quốc...

Nói đến đây, Bá Ấp Khảo khóc òa. Trụ Vương nghe tiếng khóc của người con chí hiếu cũng phải động lòng, liền truyền Bá Ấp Khảo đứng dậy. Bá Ấp Khảo lạy tạ rồi cúi đầu đứng hầu dưới các.

Lúc ấy, Đắc Kỳ núp trong rèm nhìn ra thấy Bá Ấp Khảo răng ngọc môi son, mày tằm mắt phụng, gương mặt sáng rỡ, giọng nói thanh tao, liền truyền thế nữ khoác rèm châu, bước ra xem cho rõ mặt.

Vua Trụ liền nói với Đắc Kỳ:

– Ái khanh ơi! Nay có Bá Ấp Khảo, con trai của Tây Bá Hầu đến đây dâng báu vật chuộc tội cha. Người này rất hiếu hạnh.

Đắc Kỳ tâu:

– Thần thiếp nghe tiếng Bá Ấp Khảo ở Tây Kỳ đàn hay lắm, trên đời này có một không hai.

Vua Trụ gạn hỏi:

– Sao ái khanh biết?

Đắc Kỷ tâu:

– Lúc thần thiếp còn ở Ký Châu, tuy phận gái không bước khỏi khuê môn nhưng tiếng đồn dội vào cung cấm. Trên đời, hễ có mùi hương sao khỏi gặp gió thoảng. Nay muốn biết tiếng đồn ấy có đúng hay không xin bệ hạ truyền Bá Ấp Khảo đồn thử thì biết.

Vua Trụ truyền Bá Ấp Khảo ra mắt Chánh cung. Ấp Khảo tuân lệnh quì lạy Đắc Kỷ.

Đắc Kỷ nói với Bá Ấp Khảo:

– Thiên hạ đồn khanh có nghề cầm ca tuyệt diệu, vậy thử đồn vài bản cho ta nghe được chăng?

Bá Ấp Khảo nói:

– Xin Chánh cung tha tội cho tôi. Tôi trộm nghe làm con gặp lúc cha mẹ có bệnh ăn chẳng biết mùi, nay cha tôi mắc tội, bị đày nơi Dũ Lý, tôi làm con nào vui sướng gì mà khảy đồn cầm? Đã vậy lúc này lòng tôi đang bồi rối như tơ vò, việc chọn cung lựa ngón khó đúng được. Tôi e đồn lỗi nhíp mang tội khi quân.

Trụ Vương nghe nói, mỉm cười phán:

– Bá Ấp Khảo, người chớ lo. Trong lúc người đang rối lòng mà đồn được một bản cho thật hay thì trăm sẽ tha tội cho cha người về nước.

Bá Ấp Khảo mừng rỡ quá, không còn e dè gì nữa, bao nhiêu hứng thú nổi lên trong lòng người trai trẻ. Vua Trụ truyền nội thị đem cây đàn cầm đến. Bá Ấp Khảo tiếp lấy, ngồi xếp bằng trên sàng để cây đàn trên đầu gối, so dây chọn tiếng.

Tiếng đàn lãnh lót, cất lên khúc nhạc vui tươi:

*Cành dương dịu dịu gió rung rung,
Đào quế đơm bông ửng sắc hồng
Hoa cỏ bên đường như rất gần
Điểm trang xe cộ khắp Tây, Đông.*

Bá Ấp Khảo đồn xong bản nhạc mà hơi cồn chưa dứt, âm thanh vang vang như tiếng trúc Thiên thai, gieo vào lòng người trần tục. Vua Trụ miên man, quay lại nói với Đắc Kỷ:

– Thiên hạ đồn không sai. Bá Ấp Khảo với tài đồn cầm trên đời này chỉ có một.

Đắc Kỷ mỉm cười tâu:

– Nếu không bảo va trở tài làm sao thấy được tài năng?

Vua Trụ truyền nội thị dọn tiệc trên lầu thết đãi. Trong lúc đó Đắc Kỷ lên xem trộm dung nhan, thấy Bá Ấp Khảo rõ ràng nước da như tuyết nhuộm, gương mặt tợ trăng rằm, thân mình tròn trịa, hình vóc trẻ măng, so với Trụ Vương ngày nay thì Trụ Vương hàm râu đã quăn riết, da thịt khô cằn, thân hình tóp ve, khí lực không còn bao nhiêu nữa.

Trụ Vương là một vị vua, có nhiều quý tướng nhưng ham mê sắc dục gần gũi Đắc Kỷ quá nhiều, nên ngày nay thân thể ra thế ấy. Đắc Kỷ là loài hồ mị, chê tre già, ham măng tươi, thâm nghĩ:

– Con người khỏe mạnh, tươi đẹp thế kia, nếu ta không tìm cách chung tình thì đời ta còn gì sung sướng? Ta mượn kế cầm Bá Ấp Khảo ở lại dạy đồn, đem rơm để gần lửa, thể nào cũng toại nguyện.

Nghĩ như vậy, Đắc Kỷ tâu với Trụ Vương:

– Nay bệ hạ tha cho cha con Tây bá hầu về nước thì ơn ấy

có thể hóa muôn người. Chỉ tiếc bản đàn cầm hay ho của Bá Ấp Khảo vua tôi chúng ta không còn bao giờ được nghe nữa.

Trụ Vương nói:

– Thật ra trăm cũng tiếc lắm, nhưng không biết phải làm sao bây giờ.

Đắc Kỳ nói:

– Thần thiếp có một cách làm vẹn cả đôi bên.

Trụ Vương hỏi:

– Ái khanh có cách gì vậy?

Đắc Kỳ nói:

– Xin bệ hạ lưu Bá Ấp Khảo lại ít ngày, chờ thần thiếp học xong bản đàn cầm ấy sẽ cho cha con Tây bá hầu về nước. Như vậy thần thiếp có thêm được một nghề nữa để hầu bệ hạ.

Trụ Vương nghe nói vượt lưng Đắc Kỳ khen:

– Ái khanh thông minh lắm mới nghĩ ra cách ấy. Trước sau cha con Tây bá cũng được về nước thì lưu lại ít ngày có hại gì.

Đắc Kỳ nùng nịu:

– Thần thiếp học bản đàn này vì bệ hạ chứ không phải vì thần thiếp mong muốn đâu.

Trụ Vương cười âu yếm:

– Ái khanh vì trăm cố gắng học cho thật rành, để sau này đàn hát cho trăm thưởng thức. Ngón đàn ấy mà vào tay ái khanh, trăm tin chắc còn hấp dẫn hơn nữa. Nhưng chẳng hay khúc đàn ấy gọi là gì vậy?

Đắc Kỳ nói:

– Đó là bản "Phong nhập tòng" đó.

Trụ Vương khoái chí:

– Bắn nhạc "gió thổi vào cụm tùng" hèn chi nghe êm tai là phải lắm.

Dứt lời Trụ Vương liền truyền chỉ lưu Bá Ấp Khảo ở lại trong cung dạy đàn cho Đắc Kỷ.

Đắc Kỷ mừng thầm, tính dùng kế phục rượu Trụ Vương cho say mềm để tiện bề làm chuyện mưa Sở mây Tần, nên khiến quân bày tiệc rượu, mời hôn quân vào trong dự yến.

Trụ Vương ngỡ thật, có ngờ đầu lương tâm loài hồ mị quen thói nguyệt hoa. Vào tiệc, Đắc Kỷ rót rượu ép mời Trụ Vương mãi, Trụ Vương vị tình uống đến không còn biết gì trời nghiêng đất ngửa nữa. Đắc Kỷ truyền cung nhân bồng nhà vua để nằm nơi long sàng, rồi khiến quan Thái giám đem đến hai cây đèn cầm, trao cho Bá Ấp Khảo một cây, và nói:

– Công tử đã có lệnh Thiên tử, vậy thì mau mau truyền lại bản nhạc cho ta để được mau về nước.

Bá Ấp Khảo tuân lệnh cầm đàn ngồi dưới sàn, và nói:

– Xin Hoàng hậu nghe cho rõ: đàn cầm có sáu luật, năm tiếng lại có sáu điều kỵ, và bảy điều không nên đàn.

Đắc Kỷ nói:

– Sáu luật năm tiếng thì ta đã có nghe, còn sáu điều kỵ thì ta chưa hiểu.

Bá Ấp Khảo nói:

– Sáu điều kỵ gồm có:

- 1) Nghe khóc kể
- 2) Minh rơi lụy
- 3) Mắc lo lắng
- 4) Đang giận hờn

5) Đang kinh hãi

6) Tưởng việc tà

Sáu điều ấy phải kiêng cử.

Đắc Kỷ lại hỏi:

– Còn bảy điều không dám dờn là bảy điều gì?

Bá Ấp Khảo nói:

1) Mưa vậy gió mây

2) Có tang than khóc

3) Áo mào chẳng ngay

4) Say rượu rồi trí

5) Nhơ uế không sạch

6) Chẳng xông hương là khinh lờn

7) Không kẻ biết nghe là tục.

Bảy điều ấy chẳng nên dờn. Bởi dờn cấm là tiếng chánh, xưa cho ra là ngăn cấm lòng tà, chẳng phải như các món nhạc khác muốn dùng cách nào cũng được.

Đắc Kỷ nghe Bá Ấp Khảo giảng giải ngồi mỉm cười, không nói.

Bá Ấp Khảo so dây, lấy giọng, rồi nói tiếp:

– Xin Chánh hậu coi theo dây mà tập.

Tiếng đàn vừa khảy lên, nghe réo rắt, bổng trầm, khiến cảnh vật xung quanh biến thành huyền ảo. Ai nghe thấy đàn cũng mê mẩn tâm thần dường đang thoát tục. duy có Đắc Kỷ lòng chứa tà ma, không có ý nghe dờn, chỉ lo giỡn mặt, vì vậy Đắc Kỷ làm bộ mặc cỡ, liếc mắt cười duyên, nhìn Bá Ấp Khảo chăm chăm như muốn ăn tươi nuốt sống.

Bá Ấp Khảo là đứa con chí hiếu, đường xa ngàn dặm, một

thân lặn lội đến Triều ca, cố tìm cách chuộc tội cha già, lòng như sắt đá, lo gì nghĩ bướm ong, do đó Bá Ấp Khảo không hề ngáng nhìn Đắc Kỳ, chỉ lo chỉ dạy cho mau rồi. Đắc Kỳ làm đủ mảnh khoe tâm tà, Bá Ấp Khảo vẫn không để ý.

Đắc Kỳ thấy phương pháp ấy không thành, gọi Bá Ấp Khảo nói:

– Ông thầy này dạy khó lắm! Và lại tiếng đàn vừa nghe đã muốn điên, nếu không mượn rượu mạnh để trấn tĩnh tinh thần thì không thể học cho thuộc được.

Nói rồi khiến cung nữ bày tiệc để cùng Bá Ấp Khảo vui vậy.

Bá Ấp Khảo nói:

– Xin Chánh hậu tha cho tôi khỏi hầu tiệc.

Đắc Kỳ nhất thiết không nghe, gọi cung nữ nhắc ghế để bên mình, truyền Bá Ấp Khảo ngồi dự.

Bá Ấp Khảo thất kinh, thưa:

– Tôi là con kẻ có tội, được Chánh cung tha không giết là may, còn Chánh cung là bậc mẫu nghi, mẹ chung thiên hạ, tôi đâu dám vô lễ.

Đắc Kỳ nói:

– Người nghĩ sai rồi. Cứ như đạo vua tôi thì người chẳng thể cùng ta ngồi chung được, nhưng xét về nghĩa thầy trò, ta với người ngồi chung một bàn có sao đâu?

Bá Ấp Khảo cúi đầu thăm nghĩ:

– Con này chứa tà tâm, muốn làm cho ta mất ngay, mất nhân đức. Ta dòng dòm ông Hậu Tắc, xưa phò tá vua Nghiêu truyền lại mấy đời, rạng danh trung nghĩa, lẽ đâu chiều ý đứa lăng loạn, lỗi nghi tôi chúa? Ta nói thiệt dù có chết cũng phải

chết cho thơm danh, không để nhục lòng họ Cơ mấy đời trung liệt.

Nghĩ như vậy, Bá Ấp Khảo cứ cúi mặt nhìn xuống đất không chịu vào tiệc, Đắc Kỷ thấy Bá Ấp Khảo chắc gan như vậy không làm gì được, liền nghĩ:

– Ta đã cố tình đeo đuổi, nhưng nó quá đại khờ, không biết thưởng thức những gì tinh hoa vũ trụ. Thôi, để ta tìm kế khác, đặt lửa gần rơm thì dù Tiên Phật cũng không thể gìn lòng son sắt nổi.

– Bá Ấp Khảo hãy đứng dậy. Khanh không muốn dự tiệc thì phải dạy đòn.

Bá Ấp Khảo vâng lời, cầm đàn dạy như trước.

Giây lâu, Đắc Kỷ lại nói:

– Không xong rồi. Ta thấy khó học lắm. Khanh ngồi dưới đất ta ở trên cao, ngón đòn đã không thấy rõ, tiếng nhạc lại lảng đi. Khanh hãy đến ngồi gần ta thì ta mới học mau thuộc.

Bá Ấp Khảo nói:

– Xin Chánh hậu chớ nóng lòng, cứ tập lâu sẽ thuộc.

Đắc Kỷ nói:

– Không! Khanh phải đến ngồi sau lưng choàng tay chỉ ngón, làm được như vậy chỉ trong khoảnh khắc ta thuộc ngay. Nếu cứ kéo dài tình trạng thế này, sáng mai Thiên tử hỏi lại ta không thuộc chút nào không khỏi bị quở trách.

Bá Ấp Khảo hồn vía lên mây, thầm nghĩ:

– Ta đã đem thân vào hang cọp rồi, bề nào cũng bị diệt vong. Thôi thà chết trong sạch còn hơn sống nhục.

Nghĩ rồi cất giọng phân trần:

- Nếu Chánh hậu dạy như vậy tôi thà chết chẳng dám vâng lời.

Chánh hậu là bậc mẫu nghi, tiếng tăm rất trọng, lẽ nào vì chuyện học đờn tiểu tử mà để thiên hạ cười chê. Dầu Chánh hậu có trong sạch tận đâu mà hành động như vậy, sử sách đời sau cũng không thể bỏ qua, ghi lại những vết nhơ trong cung điện. Xin Chánh hậu nghĩ lại sửa mình.

Đắc Kỷ bị Bá Ấp Khảo dùng lời ngay nhục mạ, mặt sượng sùng ngồi chết đững. Biết mình có lỗi, Đắc Kỷ không nói nữa, chỉ thở dài một hơi, rồi nói:

- Thôi, người hãy lui về nghỉ.

Bá Ấp Khảo tuân lệnh, xuống lầu trở về quán dịch.

Đắc Kỷ cau đôi mày liễu, nét hoa ử rữ, nửa giận nửa hờn, ngồi trước đèn thâm nhủ:

- Hoa đã sẵn lòng chờ bướm, bướm không đoái tưởng đến hoa. Nếu chẳng vừa lòng thì thôi, nó lại lên mặt dạy đời, nói nhiều câu vô lễ. Ta phải làm cho nó nát thịt tan xương, nó mới thấy cái khôn của nó.

Buồn bã một lúc, Đắc Kỷ nghiêng răng chui vào long sàng nằm ngủ với vua Trụ.

Sáng hôm sau, vừa mở mắt, vua Trụ đã hỏi:

- Đêm hôm ái khanh học đờn đã thuộc câu nào chưa.

Đắc Kỷ sụt sùi bên gối tâu:

- Bá Ấp Khảo không cố ý dạy đờn, tỏ nhiều cử chỉ trêu hoa ghẹo nguyệt, thần thiếp thấy vậy không muốn học nữa.

Vua Trụ nghe nói nổi giận, trợn mắt vênh râu, mắng:

- Loài thất phu! Ta đã không giết ban ân cho còn dám ý khi quân sao?

Lập tức ngồi dậy truyền quan thị thần đến quán dịch đòi Bá Ấp Khảo.

Bá Ấp Khảo tuân lệnh thẳng đến lầu Trích Tinh ra mắt vua Trụ.

Vua Trụ hỏi:

– Sao người dạy đờn không hết lòng, cố dần dai cho mất thì giờ vậy?

Bá Ấp Khảo tâu:

– Phép học đàn cầm chẳng có gì khó, chỉ cần người học phải đứng đắn, chuyên cần.

Đắc Kỷ sợ Bá Ấp Khảo nói toạc ra câu chuyện đêm vừa rồi, vội ngăn đón:

– Nếu người cố tình chỉ dạy thì ta thông hiểu rồi. Bởi người nói không rành rẽ, còn nghe đàn cầm ta chưa biết nên không hiểu nổi.

Vua Trụ nghĩ đến cử chỉ Bá Ấp Khảo trêu chọc Đắc Kỷ đêm vừa rồi tức giận lắm, song không thể nào mở miệng nói thẳng được, liền truyền Bá Ấp Khảo đờn ca một bản, nếu lời ngay lẽ chánh thì thôi, bằng có ý tà vạy sẽ vịn vào đó trị tội.

Bá Ấp Khảo tuân lời, ngồi dưới sàn so phím, vừa đàn vừa hát lên một bản, dụng ý thanh minh tiết liệt của mình.

Bản nhạc như vậy:

Một tấm lòng ngay chói thấu trời

Cầu cho Hoàng thượng sống muôn đời

Mưa hòa gió thuận muôn dân thanh.

Một mối giang san chẳng đổi đời.

Vua Trụ nghe tiếng đàn trong vắt, chứa đựng lời ngay ý thẳng chẳng chút tà tâm. Lòng vua bắt đầu khuây khỏa, bao

nhieu hờn giận bỗng tan biến hết. Đắc Kỷ thấy Trữ Vương ngồi làm thỉnh hiểu ngay tiếng đàn Bá Ấp Khảo đã chấn chỉnh được lòng vua, liền tìm một kế khác, đến tâu với Trữ Vương:

– Bá Ấp Khảo có dâng một con vượn bạch biết múa hát rất hay sao bệ hạ không cho thần thiếp xem thử?

Vua Trữ nghe nói nhớ lại, bảo Bá Ấp Khảo:

– Hồi hôm trăm mã nghe đàn, quên con vượn bạch. Bây giờ ngươi đem nó đến đây ca múa một bài xem hay dở.

Bá Ấp Khảo tuân lệnh, trở về quán dịch, xách lồng vượn đem đến trước mặt Trữ Vương mở ra.

Con vượn bạch ra khỏi lồng ngồi bẹp dưới sàn. Bá Ấp Khảo trao cặp sanh, khiến nó hát. Con vượn vừa nhịp vừa ca, tiếng như tiêu thiêu, hơi nghe lạnh lốt, giọng cao như phượng gáy, giọng thấp như loan kêu, khiến người tỉnh cũng phải mê, trẻ khóc cũng phải nín. Người lo lắng nghe tiếng hát thì vui vẻ, kẻ buồn rầu nghe tiếng hát cũng mỉm cười. Trữ Vương nhìn mê mẩn, Đắc Kỷ say sưa đến gục đầu, bọn cung nữ mừng vui quá sức, cả chốn cung vi yên lặng như tờ, chỉ có tiếng hát và tiếng sanh của vượn bạch lúc ngân dài, lúc trầm bổng mà thôi.

Vì quá say sưa, Đắc Kỷ không giữ mình, tâm hồn như ngây như dại, khiến khí yêu xuất ra. Con vượn bạch là giống vật đã sống trên ngàn năm, hai con mắt như mạ vàng, hai tròng như hai than lửa đỏ coi thấu loài yêu mị. Lúc đang ca hát, vượn bạch thoáng thấy con hồ ly ngồi bên Trữ Vương, liền nhảy chồm đến chụp.

Đắc Kỷ giật mình nhảy trái sang một bên, trong lúc ấy Trữ Vương lạnh tay, giật lấy cây bửu kiếm bên vách đâm vượn bạch một nhát lòi ruột chết ngay.

Cung nga đỡ Đắc Kỳ dậy. Đắc Kỳ giận đỏ mặt, tâu với Trữ Vương:

– Bá Ấp Khảo đem con vượn này theo làm thích khách. May mà bệ hạ giết nó được, nếu không tánh mạng thần thiếp không còn.

Trữ Vương hơi giận chưa nguôi, truyền tả hữu xô Bá Ấp Khảo xuống Sái bồn cho rấn xé xác.

Bá Ấp Khảo la lớn:

– Hạ thần nào có tội gì. Bệ hạ giết rất oan ức.

Vua Trữ nạt:

– Người đem con vượn bạch theo vào cung suýt hại mạng Chánh cung, tội ấy đã rõ ràng, sao còn kêu oan?

Bá Ấp Khảo nói:

– Con vượn là loài thú, thích ăn trái cây, thấy trên bàn có nhiều quả ngon nên nhảy đến ăn đâu phải có ý làm hại Hoàng hậu, xin bệ hạ xét lại. Và chẳng, tôi mang ơn bệ hạ tha tội cho cha tôi, nay mai cha con tôi được về xứ, ơn ấy ngàn ngày chẳng quên lẽ nào tôi lại tính chuyện thí quân để mạng hại vào thân?

Vua Trữ nghe Bá Ấp Khảo nói cũng có lý, liền đổi giận làm vui, quay lại nói với Đắc Kỳ:

– Chánh cung! Lời Bá Ấp Khảo có vẻ ngay thẳng lắm, Ái khanh chớ nên nghi lắm.

Thấy Đắc Kỳ làm thỉnh, Bá Ấp Khảo vội quỳ lạy tạ ơn Trữ Vương. Đắc Kỳ liếc nhìn vua, tâu:

– Lòng người nham hiểm khó lường. Nếu muốn biết ngay gian xin bệ hạ truyền Bá Ấp Khảo dờn ca một bài, xem tiếng nhạc có thực tình ngay thẳng hay không thì biết.

Trụ Vương nói:

– Phải! Ái khanh định như vậy rất minh, vì tiếng đàn bao giờ cũng xuất phát từ tâm trạng con người.

Nói rồi truyền Bá Ấp Khảo đờn ca một bài nữa. Bá Ấp Khảo thở dài, nhủ thầm:

– Thân ta đã vào chốn hang hùm nọc rắn, Đắc Kỷ đã cố tình hãm hại thì dù có giữ mình cách nào cũng không khỏi chết, chỉ bằng lấy lời ngay can vua, để cái chết được rạng danh còn hơn.

Nghĩ rồi liền bấm phím, vừa đờn vừa ca lên một bản:

Vua sáng thì đức rộng thênh thênh,

Vua tối thì dùng nhiều cực hình...

Chế bào lạc đốt xương thịt cháy

Lập Sái bồn nuôi rắn sát sinh...

Thâu thuế dân, cho rừng thịt kia ngàn ngut

Vét của tiền, cho ao rượu mênh mông.

Lập đài cao tốn máu xương bá tánh

Làm cầu lớn đau đớn dân tình...

Xin vua minh, việc chính sửa mình

Đuổi tôi nịnh, xa bề tửu sắc...

Bá Ấp Khảo đờn xong mà vua Trụ ngẩn ngơ vì tiếng nhạc, nghe không kịp. Đắc Kỷ chỉ vào mặt Bá Ấp Khảo mắng:

– Ngươi là đứa lớn mặt, dám mượn tiếng đàn, tiếng hát mắng vua tội chết đã đành, đừng kêu oan ức.

Trụ Vương hỏi Đắc Kỷ:

– Trong bản nhạc có gì khi quân, trầm nghe không rõ?

Đắc Kỷ giải nghĩa từng câu. Trụ Vương giận lắm, liền truyền bắt Bá Ấp Khảo ném xuống Sái Bồn. Bá Ấp Khảo tâu:

– Tôi còn một bản nhạc rất hay, trước khi chết tôi muốn khây hầu bệ hạ.

Nói rồi, đồn tiếp một bản nữa. Bản đàn ấy như sau:

*Xin vua lánh sắc, giữ đạo can thường
Xa Chánh cung mới tránh được tai ương,
Dứt khí chư hầu từng phục,
Hết dâm tà thì xa tắc quật cường,
Ấp Khảo chết có cần gì thân xác,
Giết hồ ly mới giữ đạo quân vương.*

Hát vừa dứt tiếng thì Bá Ấp Khảo cầm đồn phang vào mặt Đắc Kỷ. Đắc Kỷ đã để ý trước nên trăn qua một bên né khỏi, cây đồn rơi vào một chồng ly ngà chén ngọc vỡ tan tành. Mấy tên cung nga vội chạy lại đỡ Đắc Kỷ dậy. Trụ Vương giận quá hét lớn:

– Quân khốn kiếp! Lúc này con vượn bạch thích khách người tìm lời chối quanh, bây giờ đến việc người ám sát Chánh hậu, tội ấy người còn chối đi đâu nữa?

Nói rồi truyền cung nhân bắt Bá Ấp Khảo xô xuống hầm rấn.

Đắc Kỷ tâu:

– Bá Ấp Khảo hai lần muốn giết thần thiếp, tội ấy xin giao cho thiếp gia hình.

Trụ Vương y lời, giao Bá Ấp Khảo cho Đắc Kỷ tùy ý tra thù. Đắc Kỷ truyền lấy bốn cây đinh lớn, đóng hai tay hai chân Bá Ấp Khảo lên một cây cột, lột hết quần áo, xẻo từng miếng thịt.

Bá Ấp Khảo không hề nói một tiếng đành cắn răng cho đến hơi thở cuối cùng. Trong lúc đó, Đắc Kỷ rất hài lòng, vì đã trả thù được kẻ làm nhục mình.

Thương hại cho một kẻ tận trung tận hiếu chỉ trong nửa tiếng đồng hồ đã trở thành bộ xương trắng hếu. Trụ Vương truyền đem thịt xương của Bá Ấp Khảo ném xuống Sái Bồn cho rắn độc ăn, Đắc Kỷ cản lại:

– Tôi nghe người ta đồn Tây hầu Cơ Xương là ông Thánh, biết rõ đường họa phúc, thông hiểu mọi âm dương. Nay thần thiếp dùng thịt này làm bánh cho ngon, bệ hạ sai người đem tặng. Nếu Cơ Xương không biết, ăn thịt con thì Cơ Xương chỉ là kẻ phạm phu tục tử, không có gì đáng kể, bệ hạ tha tội cho về nước để được tiếng nghĩa nhân. Còn nếu Cơ Xương quả biết thịt con mà không ăn, thì bệ hạ cũng nên giết phút đi để trừ hậu họa.

Vua Trụ nói:

– Ái khanh là người cơ trí, nói rất hiệp ý trẫm.

Liên truyền đem thịt Bá Ấp Khảo làm bánh, đưa sang tặng Tây Bá Hầu.

LỜI BÀN

– Có nhiều cách by sinh, Dùng cơ trí mà by sinh, hoặc dùng dũng cảm.

Loài Hồ my là giống đa tình, thấy sắc đẹp thì mê, nhưng lại điêu ngoa xảo quyệt. Tác giả truyện Phong Thần đã diễn tả Đắc Kỷ, một con yêu trước tình dục.

Thành ra loài yêu bên trong cũng có yêu. Con yêu bên trong tức là lòng dục vọng vậy

Giả thử, việc Đắc Kỷ mê Bá Ấp Khảo là sự thật, tức là yêu cũng có bản tánh như người, mà Bá Ấp Khảo là một

chàng trai gian hùng, biết lợi dụng tình yêu ấy làm cho Đắc Kỷ say sưa, giết Trụ Vương, hôn quân, trừ Đắc Kỷ, loài yêu mị, đem lại cơ nghiệp cho Ân Giao, Ân Hồng thì hành động của Bá Ấp Khảo không phải không phi thường. Đằng này, Bá Ấp Khảo chỉ biết dùng cái dũng mình để hy sinh bảo tồn danh tiết, mà không có thù đoạn gian hùng của một kẻ trí nghĩ cũng nông cạn.

Thật vậy, nếu Bá Ấp Khảo lợi dụng được tình dục của Đắc Kỷ, thì chưa biết thế cuộc sẽ biến đổi ra làm sao nữa. Có thể Bá Ấp Khảo sẽ chết về tay Trụ Vương, có thể Bá Ấp Khảo thành công rất lớn trong việc bảo tồn sự nghiệp nhà Thương vậy

Bá Ấp Khảo không gian hùng, không dùng trí xảo, không nghĩ đến việc mình có thể dùng tình dục giết cả hôn quân và Đắc Kỷ, có lẽ tâm trạng người xưa cho việc giết vua là phản bội, bất trung, dù là giết một hôn quân? Có lẽ Bá Ấp Khảo tự xét mình không đủ bản lĩnh, không đủ khả năng đối đầu với Hồ Ly Đắc Kỷ chăng?

HỒI THỨ HAI MƯỜI

TÁNG NGHI SANH MUA LÒNG BỌN NINH

NÓI về Tây Bá Hâu bị cầm nơi Dù lý đến nay đã bảy năm thường ngày đóng cửa làm sách Diệc là loại sách về bói toán, có ý truyền lại đời sau. Nhân khi rảnh, Tây Bá đem đàn ra khảy, nghe tiếng đàn kêu chan chất, biết có việc chẳng lành, liền cất đàn lấy tiền ra gieo quẻ.

Sau khi bói xong, Tây Bá khóc và than:

– Ô, con ta đã bỏ mạng rồi ! Bởi không nghe lời ta nên phải mang hại. Giờ đây, nếu ta không ăn thịt con thì chết, bằng ăn thịt con thì nuốt sau vô. Lời tục có nói: "Hùm dữ cũng chẳng ăn thịt con". Ta chưa phải là loài cầm thú !

Than thở một lúc, Tây Bá oán trách kẻ đã bày mưu độc. khiến cha con phải đành mang tiếng bất nhân. Buồn quá. Tây Bá lấy viết mực ra làm một bài thơ diếu như sau:

Muôn dặm đến Triều ca

Một mình đi viếng cha

Chưa vào thành Dũ Lý

Trước tới chốn chông tòi.

Quyết ném đòn trừ quỷ

Đành liều mạng hóa ma.

Mãng khô tre thâm thiết

Thương trẻ động lòng già

Tây Bá Hẫu viết bài thơ Ngũ ngôn, ai nấy đều không hiểu. Bỗng có Thiên sứ đến. Tây Bá Hẫu mừng rỡ ra chào. Thiên sứ nói:

– Bệ hạ thấy hiền hầu bị giam cầm đã lâu nên đem lòng thương xót, nay sẵn được ít thịt nai, gởi đến hiền hầu một thố, hiền hầu dùng đỡ gọi là tình vua tôi.

Tây Bá lạy tạ và nói:

– Nhờ ơn Thiên tử cho bánh thịt nai, tôi xin cầu chúc bệ hạ sống muôn năm ngũ đặng trị vì bốn biển.

Lạy rồi lấy ba chi bánh ăn. Sứ thần thấy vậy cười thầm:

– Ai cũng đồn Tây Bá Hẫu xem quẻ như thần, đoán việc như thánh té ăn thịt con mà không biết.

Tây Bá gương nói với Thiên sứ:

– Tôi không dám đến lay tạ, vì là kẻ có tội, xin ngài thương tình tâu giùm rằng tôi khao khát bấy lâu được bệ hạ ban vật quý.

Nói rồi già từ, Thiên sứ ra về.

Người sau có bài thơ như vậy:

*Từ thuở đời chân dạn rõ ràng
Đừng thăm mà mắc họa liên can
Những ngờ dưng lẽ tìm đầu bạc,
Hay nổi liều thân xuống suối vàng
Gián Chúa dạn dày gan bảy lá,
Thương con chan chứa lụy đôi hàng.
Hồn oan theo gió còn linh hiển.
Sử sách đề tên để thế gian.*

Tây Bá Hầu ăn bánh rồi buồn bã vào phòng ngủ.

Bấy giờ Trụ Vương đang đánh cờ với Bí Trọng, Vua Hôn tại đền Hiền Đức, xảy thấy Thiên sứ bước vào tâu việc Tây Bá Hầu ăn hết bánh và tạ ơn. Vua Trụ nói với Bí Trọng:

– Ta nghe đồn Tây Bá bói hay, trăm quẻ không sai một, nay ăn thịt con mà không biết, thế thì không phải là Thánh. Trẫm nghĩ lại cầm tù Cơ Xương đã gần bảy năm, nay cũng nên cho ra về nước, chứ giam giữ một kẻ ngu si như vậy chẳng ích gì.

Bí Trọng tâu:

– Cơ Xương bói hay lắm, lẽ nào chẳng biết thịt con? Chắc Cơ Xương là kẻ trí, không ăn sợ hoa đến mình, nên phải dùng đồ, xin bệ hạ suy đi nghĩ lại, kéo mắc kẻ gian.

Trụ Vương nói:

– Nếu Cơ Xương biết thịt con lẽ nào lại ăn như vậy? Dù hùm dữ cũng chẳng nỡ ăn thịt con huống hồ một người hiền? Bí Trọng tâu:

– Cơ Xương ngoài mặt tuy làm bộ thật thà, nhưng bên trong chứa điều dối trá. Nhiều người lầm kế, ít kẻ rõ được lòng gian, xin bệ hạ cầm Cơ Xương lại làm chắc, ví như cộp ngỗng trong rọ, chim ở trong lồng, còn thả ra tôi e họa tới. Và lại phía Đông và Phía Nam còn đang có loạn, dẹp hơn mấy năm nay chưa xong. Nếu Cơ Xương về nữa thì lại thêm một mùi giặc.

Vua Trụ khen:

– Lời khanh bàn rất hợp ý trẫm.

Ấy là tại vận mạng của Tây Bá Hưu chưa mãn nên khiến tôi nịnh ngán trở như vậy.

Người sau có bài thơ:

*Bảy năm chưa đủ vận còn suy
Bí Trọng bày ra tiếng thị phi
Nếu chẳng Nghi Sanh dẫu hối lộ,
Làm sao Tây Bá lại Tây Kỳ*

Lúc này quân theo Bá Ấp Khảo hay việc giết chủ, liền trốn về nước.

Cơ Phát là vị công tử thứ hai, đang ngồi trên điện bàn việc nước thấy quân về quỳ lạy khóc, lật đật nói:

– Việc gì bị lụy như vậy hãy nói mau?

Quân nhân thưa:

– Đệ nhất công tử vào triều cống sứ chưa rõ mặt Chúa công, không biết vì sao Vua Trụ phân thân công tử.

Cơ Phát chết đứng trên ngai, qua một lúc mới khóc lên

được Đại tướng công là Nam Cung Hoát nổi giận hét lớn:

– Ấu Chúa đi cống lễ, Trụ Vương phân thân như vậy đã cắt nghĩa chúa tôi gây ra thù oán. Nay bên Nam cũng làm phản và phái Nam cũng trở lòng, chúng ta nhân cơ hội này kéo muôn binh xuống đánh Nam ải trước đánh vua dữ sau làm chúa hiền đổi loạn ra bình cứu dân trong cảnh khốn đốn.

Các tướng vô đồng gật đầu nghiêng rằng đồng ý với Nam Cung Hoát. Các tướng lãnh lúc này lòng rối như tơ không biết đường nào suy xét nữa.

Táng Nghi Sanh bước đến thưa:

– Xin công tử yên lòng nghe hạ thần tâu việc.

Cơ Phát hỏi:

– Quan đại phu có mưu kế gì hay hãy nói thử?

Táng Nghi Sanh thưa:

– Xin công tử chém Nam Cung Hoát trước rồi mới mưu việc được.

Cơ Phát và các quan đều ngơ ngác hỏi.

Nam Cung Hoát có tội gì mà chém?

Táng Nghi Sanh nói:

– Nam Cung Hoát là tôi phản chúa đòi cử binh ỷ mạnh không mưu. Nếu chúng ta báo thù thì Chúa công không khỏi bị chết ở thành Dữ Lý. Đã khiến làm điều bại như vậy còn để làm chi.

Nam Cung Hoát biết lỗi lui ra, các tướng lãnh cũng đều ngậm miệng.

Táng Nghi Sanh nói:

– Xưa Chúa công đi có dặn đợi mãn hạn bảy năm thì về chẳng có ai đến viếng. Bởi Công tử thương nhớ Chúa Công,

chẳng nghe lời can gián, nên mới bị bỏ mình. Bây giờ phải viết thư sai người bí mật đến dâng cho Bí Trọng, Vương Hồn. Hai người này là tôi nịnh, hễ được của hối lộ thì ắt tâu cho Chúa công khỏi tội. Chừng Chúa công về nước dùng đức mà dụ dân làm cho Vua Trụ hết thời rồi sẽ đem binh lấy ải. Nếu vội vàng thì không nên việc.

Cơ Phát nghe nói khen:

– Khanh luận phải lắm, song không biết phải dùng vật chi để dâng cho Vương Hồn, Bí Trọng?

Táng Nghi Sanh thưa:

– Châu sáng ngọc lành, vàng ròng dai tốt. Lễ phân hai mớ, tướng dụng đòi người là Thái Diên và Hoàng Yêu, giả dạng khách thương lớn đến. Thái Diên dâng lễ cho Bí Trọng, Hoàng Yên dâng lễ cho Vương Hồn như vậy nội trong ít ngày Chúa công công ắt về nước.

Cơ Phát khen phải truyền sắm đủ lễ, sai người bí mật ra đi.

Người sau có bài thơ khen:

*Ngọc lành châu sáng với vàng ròng
ẾEm miệng tôi gian việc mới xong
Quả thiệt thần tiên hay cứu mạng,
Làm cho quý sử phải xuôi lòng.
Đua tài với cộp thần như kiến.
Mới biết mưu cao hơn sức mạnh.
Văn Vương chức trọng sắt đã phong.*

Thái Diên và Hoàng Yêu được Cơ Phát sai khiến, liền giả dạng thương gia, đến thành Triều ca lập tức. Cách ít ngày sau, hai người này tìm được cách liên lạc với Bí Trọng, Vương Hồn, đem dâng lễ vật.

Bí Trọng thấy Thái Diên liền hỏi:

– Người là ai vậy?

Thái Diên nói:

– Tôi làm chức Thần Võ tướng quân ở Tây Kỳ, vâng mệnh Táng Nghi Sanh đến dâng lễ vật cho quan lớn.

Bí Trọng tiếp lấy bức thư của Táng Nghi Sanh mở ra xem.

Trong thư đại ý viết:

"Tôi là Táng Nghi Sanh ở Tây Kỳ, cúi lạy dâng thư cho Bí ân công Thượng Đại phu.

Lâu nay, tôi hằng nghe danh quan Thượng Đại phu, song chưa thấy mặt, lấy làm tiếc. Chúa tôi là Tây Bá Hâu, vì nặng lời can vua, được quan Thượng Đại phu thương tình, tâu xin không giết, cho ở thành Dư Lý đã gần bảy năm, ơn ấy chúa tôi Tây Kỳ không thuở nào quên. Tôi không được phép vào châu Thiên tử để đền ơn trời biển, nên sai Thái Diên đem chút lễ mọn đến dâng, xin quan Thượng Đại phu nghĩ tình dung nạp. Chúa tôi nay đã già, tuổi thọ cũng chẳng được bao nhiêu nữa, nếu quan Thượng Đại phu nghĩ tình tâu với Thiên tử một tiếng để cho Chúa tôi về nước, đoàn tụ với mẹ già, chôn xương nơi cố quốc thì cả dân xứ Tây Kỳ này thấy đều mang ơn".

Bí Trọng thấy lễ vật quá nhiều, lòng tham nổi dậy, ngồi ngẫm nghĩ một hồi nói với Thái Diên:

– Người về thưa với Táng Nghi Sanh, ta nhận lễ thế nào cũng tâu với Thánh hoàng cho Chúa người về nước. Ta không viết thư hồi âm vì sợ lậu tiếng khó lòng. Chẳng sớm thì muộn, thế nào việc cũng xong.

Thái Diên, từ tạ, lui ra quán dịch đợi tin Hoàng Yếu.

Trong lúc đó Hoảng Yêu cũng dâng lễ cho Vương Hồn và cũng được Vương Hồn hứa như vậy.

Khi Hoảng Yêu trở ra quán dịch, hai người kể lại sự việc vừa qua cho nhau nghe, rồi cùng trở lại Tây Kỳ.

Bí Trọng và Vương Hồn tuy cùng một đường lối, nhưng mỗi khi có việc hồi lộ lại giấu nhau, không dám nói. Vì vậy phần ai nấy giữ.

Ngày kia, vua Trụ đánh cờ với Vương Bồn, Bí Trọng thắng luôn cả hai bàn một lúc, lòng vua phơi phơi, truyền mở tiệc vui vậy.

Đang khi ăn uống, Trụ Vương vui miệng nói:

– Bá Ấp Khảo đồn rất hay, con vườn bách múa cũng thật khéo ước gì trong bữa tiệc này có tiếng đồn, tiếng ca của chúng nó mới thú vị.

Ba người cùng cười. Vua Trụ lại nói thêm:

– Chỉ tội nghiệp cho lão thầy bói dở làm tướng hay, ăn thịt con mà không biết, ngỡ là thịt nai.

Bí Trọng nhân dịp ấy, tâu:

– Tội nghi Cơ Xương bị cầm nơi Dũ Lý lòng oán hận bề hạ, nên thường ngày bí mật cho người đến dò xét luôn.

Trụ Vương hỏi:

– Khanh nghe thiên hạ đồn Cơ Xương thế nào?

Bí Trọng tâu:

– Khắp cả dân trong thành Dũ Lý đều ca tụng Cơ Xương là kẻ trung nghĩa. Cứ hàng tháng, vào ngày Sóc, Vọng đều thắp hương cầu cho Thiên tử nước thanh dân yên, mưa hòa gió thuận, bốn phương lặng lẽ, trăm họ bình yên, họ còn ca tụng Cơ Xương là người chung thủy, gần bảy năm giam cầm không một lời oán than.

Trụ Vương hỏi:

– Trước kia khanh bảo Cơ Xương là kẻ nham hiểm ngoài mặt thật thà, trong lòng gian trá, sao nay lại nói Cơ Xương trung liệt?

Bí Trọng tâu:

– Trước đây tôi lầm tưởng Cơ Xương như vậy nên mới sai người đi dò thám.

Chẳng ngờ Cơ Xương quả là bậc quân tử khác đời. Thật là đường dài mới biết sức ngựa, sống lâu mới rõ bụng người.

Trụ Vương quay lại hỏi Vu Hồn:

– Khanh xét lời nói ấy thế nào?

Vu Hồn sẵn dịp tâu liền:

– Lời nói của Bí Trọng quả đúng sự thật. Từ lúc Cơ Xương bị cầm nơi Dũ Lý thường dạy dỗ nhân dân, khiến nhiều kẻ trung thành nhiều nhà hiếu đạo. Bởi Cơ Xương ở phải, nên dân chúng mới noi theo. Dầu Bí Trọng không tâu, hạ thần cũng trình cho Bệ hạ rõ.

Trụ Vương hỏi:

– Bây giờ có nên tha cho Cơ Xương về nước hay không?

Bí Trọng tâu:

– Tha hay không là quyền của Bệ hạ, chúng tôi đâu dám bàn đến. Chúng tôi chỉ thấy giam cầm người hiền lâu ngày rất tội nghiệp. Nếu Bệ hạ tha Cơ Xương về nước dĩ nhiên Cơ Xương không thể quên ơn. Rất đỗi bị giam cầm mà chưa oán trách, thì nếu được tha lẽ nào phản bội?

Vu Hồn thấy Bí Trọng cố gỡ tội cho Tây Bá hầu hiền ngay Bí Trọng đã ăn của hối lộ khá nhiều rồi. Nhân dịp này, Vu Hồn cũng muốn làm một cái gì đặc biệt để lưu trình với Tây Bá, liền xen vào nói:

– Như Bệ hạ muốn tha Tây Bá về xứ thì cũng nên lưu chút nhân tình. Nay Văn Hoán đánh mãi ải Du Hồn, Đâu Dung chống bảy năm đã mỗi mệt. Ngạt Thuận phá ải Tam Sơn, Cửu Công chống giữ lâu ngày cũng đã mỗi mê. Theo ý hạ thần thì Bệ hạ nên phong vương cho Tây Bá, cấp búa việt cờ mao, truyền Tây Bá đem quân đánh Đông dẹp Bắc. Tây Bá là người hiền, đã được lòng quân sĩ, lại nói gì thiên hạ cũng nghe, dùng Tây Bá dẹp giặc chẳng khác nào dùng chánh đẩy lùi tà. Hạ thần dám chắc Tây Bá chưa đánh, quân giặc đã tan, thật có lợi cho Bệ hạ.

Vua Trụ khen:

– Vu Hồn đáng mặt kẻ tài trí, luận rất hiệp ý trăm, còn Bí Trọng ưa trung ghét nịnh, Cơ Xương sẽ mang ơn.

Nói rồi truyền chỉ đến thành Dũ Lý, tha tội Tây Bá Hầu lập tức.

Tây Bá hầu tiếp được chiếu chỉ liền nhắm phương Bắc lạy tạ ơn. Dân trong thành hay được tin Tây Bá khỏi tội về nước mến đức khôn cùng, không rượu và lễ vật đến tiễn chân đông nức.

Các vị bô lão thay mặt cho dân, nói:

– Thiên tuế ngày nay về nước chẳng khác rồng ra biển, phượng đậu cành ngô. Mấy năm nhờ ơn dạy dỗ, kẻ già người trẻ đều rõ đạo hiếu trung, con gái đàn bà đều giữ gìn danh tiết, nay Thiên tuế về xứ, chẳng lẽ chúng tôi không mừng.

Nói rồi sa nước mắt ròng ròng, Tây Bá nói:

– Bảy năm sống chung trong thành Dũ Lý, tôi nhờ bá tánh hết lòng giúp đỡ mới được ngày nay. Ổn ấy tôi chưa biết ngày nào trả được, xin các ông chớ nhọc lòng đưa đón. Nếu còn nhớ nhau thì xin giữ lấy nề nếp xưa nay, để khỏi điều tội lỗi.

Tây Bá nói xong từ giã khắp dân chúng trong thành, thẳng đến Triều ca yết kiến vua. Vừa ra khỏi thành đã thấy các quan đến đón, cùng nhau mừng rỡ hỏi thăm.

Trụ Vương truyền đòi Tây Bá vào chầu. Tây Bá mặc đồ trắng quỳ trước sân nói:

– Tôi là Cơ Xương, kẻ có tội, nay nhờ Bệ hạ mở đức tái sinh xin chúc Bệ hạ sống lâu muôn tuổi.

Trụ Vương phán:

– Đã bảy năm, khanh bị cầm nơi Dũ Lý, không oán trách trăm còn cầu chúc cho trăm sống lâu, thiên hạ thái bình thật là một đáng tội trung. Trẫm đã phụ khanh nhiều lắm. Nay trẫm quyết định tha tội cho khanh, cấp cờ mao, búa việt, nhờ khanh đem binh chinh phục các nơi, lấy đức vỗ an lê thứ. Được như vậy trẫm sẽ không phụ lòng. Bắt đầu ngày mai, trẫm phong cho khanh làm chức Văn Vương, cho đạo khắp Triều ca ba ngày để phô trương quan tước, sau đó sẽ tuyển hai viên quan võ hộ tống khanh về nước.

Tây Bá hầu lạy tạ, đổi áo mào tước Vương, đến đến Long Đức cùng các quan dự tiệc. Văn võ tụ họp đủ mặt, chúc mừng.

Trong lúc dự tiệc, Văn Vương tỏ ý cảm tạ ơn vua, bá quan đều khen ngợi.

Tiệc mãn, Văn Vương tuân lệnh đi tham quan ba bữa, cỡi ngựa dạo khắp thị thành, dân chúng khắp Triều ca hay tin đều ra đường đón xem mặt, và thì thăm:

– Thật ông trời có mắt ! Người trung liệt trước sau cũng được đền bù.

Văn Vương đang dạo chơi, xảy thấy trước mặt bóng cờ phất phới tiếng nhạc ngựa vang vầy, giáo gươm lấp lánh, không rõ là đạo binh nào, liền hỏi kẻ tùy tùng:

– Binh nào kéo đến Triều ca như vậy?

Quân hầu thưa:

– Đó là đạo quân của Võ Thành Vương Hoàng Phi Hổ hàng ngày đi tập luyện ở thao trường.

Văn Vương vội vàng xuống ngựa, đứng nép bên đường vòng tay đợi Hoàng Phi Hổ đến xá dài một cái, và nói:

– Tôi là Cơ Xương xin ra mắt.

Hoàng Phi Hổ cũng lật đật xuống ngựa, nắm tay Văn Vương nói:

– Tôi không kịp tránh đường, xin Đại Vương miễn chấp.

Văn Vương nói:

– Võ Thành Vương dạy quá lời. Tôi là kẻ có tội vừa được vua rãi đức ban ơn phong tước Vương, có gì phải nhọc lòng ngại như vậy.

Hoàng Phi Hổ nói:

– Đây cũng gần tư dinh của tôi, xin mời hiền vương quá bộ đến chơi, uống chén rượu lạt trao đổi tâm tình, chẳng biết hiền vương có vui lòng không?

Văn Vương nói:

– Võ Thành Vương đã dạy, tôi đâu dám trái lời.

Hoàng Phi Hổ dắt tay Văn Vương rước về tư dinh, hối quân mở tiệc đãi đằng. Hai người ngồi đối diện, tỏ khúc tâm tình cho đến lúc trời tối mịt, quân thấp đèn nến bùng ra, Hoàng Phi Hổ mới nhớ việc quan trọng mình sắp bàn với Văn Vương, liền đuổi quân hầu ra hết, kê tai nói nhỏ:

– Hiền vương ơi ! Hôm nay tuy là ngày vui, song lúc này vui buồn lẫn lộn, kỹ càng bị tửu sắc và nịnh thần làm đổ vỡ mất rồi Hiền vương may mắn được vua tha tội, phong chức Văn Vương, đó là trời giúp người ngay, sao hiền vương không

tự xét mình sớm lánh mặt, dạo phố khoe quan làm chi? Hiền vương về nước sớm được ngày nào chẳng khác rồng ra biển, cộp vào rừng, còn ở đây tai họa có thể rơi xuống không lường trước nổi.

Văn Vương nghe nói tay chân bải hoải, trán toát mồ hôi, triu mến nhìn Hoàng Phi Hổ:

– Ngài có lòng thương tôi như vậy dầu chết tôi cũng chưa quên. Tôi cũng biết lúc này Bệ hạ vui buồn bất thường lắm, cũng muốn xa lánh chốn Triều ca, ngặt vì trốn đi thì không làm sao qua được năm ải...

Hoàng Phi Hổ nói:

– Chuyện ấy không khó gì. Tôi có thể giúp đỡ hiền vương được.

Liên lấy cờ lệnh tiễn trao cho Văn Vương, và dặn:

– Phải thay đổi áo quần, giả dạng người có việc gấp đi đêm, thì qua năm ải không ai cản trở.

Văn Vương mừng rỡ nói:

– Ôn Vô Thành Vương như trời biển, không biết ngày nào tôi mới đền đáp nổi.

Bây giờ đã đầu canh hai, Hoàng Phi Hổ truyền đòi hai tướng là Long Hoàn và Ngô Khiêm đến đưa Văn Vương ra khỏi thành Tây lập tức.

LỜI BÀN

Nếu biết khai thác hoàn cảnh những kẻ tham lam chính là những tay sai cho những ai biết lợi dụng

Trụ Vương hảo sắc, bị Đắc Kỷ dùng sắc đẹp mê hoặc, điều khiển đã đành, đến như bọn Vưu Hồn, Bí Trọng cũng dùng tài nịnh hót điều khiển được Trụ Vương nữa.

Xét ra thì dù một ông vua cũng không thể sống cô độc nổi. Sở dĩ Trụ Vương thích Bí Trọng, Vưu Hồn vì hai tên này không ngăn cản hành động nịnh ái của vua, trong lúc các trung thần khác đều chống lại.

Không ai thích vua Trụ thì vua Trụ làm sao gần gũi? Vua Trụ thích chơi với Vưu Hồn, Bí Trọng cũng chỉ vì không chịu nổi cái cô độc giữa vua và triều thần. Từ chỗ thân tình đi đến chỗ tín nhiệm không xa lắm.

Vưu Hồn, Bí Trọng dùng tâm trạng ấy để mua chuộc và lợi dụng nhà vua, bày vẽ nhà vua làm những việc phục vụ riêng cho quyền lợi mình.

Nhưng Vưu Hồn, Bí Trọng lợi dụng được vua Trụ thì cũng có kẻ lợi dụng được chúng. Táng Nghi Sanh đã dùng tiền của, báu vật điều khiển Trụ Vương qua Vưu Hồn, Bí Trọng, tưởng cũng là một mưu cao vậy.

Đời này không thiếu gì Vưu Hồn, Bí Trọng, mà cũng không thiếu gì Táng Nghi Sanh.

Xã hội đang còn những tên hối lộ, ỷ thân cậy thế vơ vét của dân, nhưng khôn ngoan nhất là những kẻ biết lợi dụng chúng, dùng tiền bạc sai khiến chúng, rồi cuộc những kẻ ấy có tiền mà chỉ là những tên dây tở trung thành cho những kẻ có tiền mà thôi.

Hồi những tên trùm gian ác, dùng tướng mình vinh dự khi được kẻ khác đến cầu cạnh, nhờ đỡ, chính mình là tay sai đắc lực cho kẻ khác đấy.

HỒI THỨ HAI MƯỜI MỐT

VĂN VƯƠNG KHOE QUAN, TRỐN QUA NĂM ẢI

ĐÊM ấy Văn Vương ra khỏi Triều ca giục ngựa thẳng tới một nước.

Bấy giờ quân coi trạm thấy Văn Vương đến tối không về liền báo tin với Bí Trọng. Bí Trọng nghĩ thầm:

– Việc này tại mình bảo tấu, nếu xảy ra lỗi thôi ắt mắc tội.

Liên vội vã đến nói với Vương Hồn:

– Tại anh bảo tấu với Văn Vương Tây Bá. Nay Tây Bá mới dạo chơi hai ngày đã trốn mất. Việc này là việc lớn chẳng phải chơi, nếu có bề gì hai ta làm sao tránh khỏi tội. Vả lại, phía Đông, phía Nam đều có giặc, nếu thêm mũi giặc của Cơ Xương nữa, binh tướng kéo qua anh em mình chết trước.

Wang Hồn ngồi thừ ra một lúc rồi nói:

– Anh đừng lo, ngày mai chúng ta sẽ vào triều tâu cho vua hay và sai hai tướng đem binh đến bắt về, trị tội Văn Vương là xong.

Rạng ngày vua Trụ đang ngự trên lầu, Bí Trọng vào tâu:

– Bệ hạ cho Văn Vương khoe quan ba bữa mới đi dạo có

hai ngày, rồi lén trốn về không vào lạy tạ. Ấy là thói vô lễ bất trung, chúng tôi e sau này sanh chuyện nên phải vào tâu cùng bệ hạ.

Vua Trụ nổi giận mắg:

– Hai khanh thật lắm điều ! Khi trước hai khanh tâu Cơ Xương là trung liệt, trăm mới tin lời, tha tù phong chức. Nay xảy ra việc ấy hai khanh còn tâu gì nữa? Có phải hai khanh muốn nói sao thì nói, muốn làm sao thì làm có phải vậy hay không?

Bị vua khiển trách, Vu Hồn thất kinh quỳ tâu:

– Từ xưa đến nay lòng người khó lường lắm, trước mặt nói vậy, sau lưng nói khác. Sanh con há dễ sanh lòng, vẽ cọp không thể vẽ ruột được. Biển khô còn thấy đáy, lòng người đến chết vẫn chưa tường. Vả lại Cơ Xương đi cũng chưa xa xin bệ hạ sai ông Phó Đại và Lôi Khai theo bắt lại, chờ tội Cơ Xương rõ ràng mới giết đi cũng là điều lợi.

Vua Trụ y lời, liền sai hai tướng đem hai ngàn binh đuổi theo bắt Cơ Xương về trị tội.

Ông Phó Đại và Lôi Khai đồng lãnh binh nơi dinh Võ Thành Vương, người ngựa kéo ra đi. Đoàn quân đuổi theo như gió, oai phong lắm liệt.

Đêm ấy Văn Vương ra khỏi triều ca, qua sông Mạnh Tân, đến sông Huỳnh Hà, mệt quá nên vừa đi vừa nghỉ, lần hồi đến huyện Dẫn Trì xảy nghe đằng sau có tiếng quân la ó vang vầy, nhìn lại thấy bụi bay mù mịt. Văn Vương biết quân đuổi theo bắt mình, thế nào cũng không thoát tội được. Nếu về triều thì chắc chết mười phần, nên cố sức chạy mau lánh nạn. Khi ấy Văn Vương như chim lạc lối, như cọp sợ lồng giục ngựa chạy như điên, phút chốc đã thấy ải Lâm Đồng trước mặt.

Bây giờ nói về ông Vân Trung Tử đang ngồi trong động đánh tay biết rõ mọi việc, thẩm nhủ:

– Tây Bá đã mãn hạn rồi, còn bị tai ương một chút. Nay đúng kỳ giao ước, ta phải cho con xuống cứu cha.

Liên sai Kim Hà Đồng Tử gọi Lôi Chấn Tử vào dạy rằng:

– Nay cha ngươi mắc nạn, ngươi phải đi cứu cho mau.

Lôi Chấn Tử thưa:

– Thưa thầy, chẳng hay cha tôi là ai?

Vân Trung Tử thuật hết mọi chuyện cũ rồi nói:

– Cha nuôi ngươi đang mắc nạn tại ải Lâm Đồng, người ra nơi chân núi Hồ kiếm vài bình khí đem đây ta dạy ít miếng võ đặng xuống cứu cha.

Lôi Chấn Tử vâng lời đến núi Hồ tìm chẳng thấy vật gì có thể làm vũ khí được, lại thường nghe nói đồ binh khí là gươm đao, thương, kích, chùy, gậy, roi, mà trong mấy món đó không biết phải dùng vật nào, tính trở về hỏi lại Vân Trung Tử.

Xây đâu có một trận gió thơm ngát thổi đến, lại thấy nước suối trong vắt, tiếng reo rất trong lành. Nhìn theo phong cảnh rất đẹp mắt, bên rừng trồng cam mát rượi, tre mọc giáp vòng, chim kêu rít trên cành, trái cây oằn nhánh, bông núi đầy rừng. Lôi Chấn Tử nhìn lên cành cây gần đó thấy hai trái hạnh đào chín mọng, vì tánh con nít thấy trái cây tươi thì mừng lắm, Lôi Chấn Tử vội leo lên hái hai trái. Hơi thơm bát ngát, Lôi Chấn Tử nghĩ thầm.

– Thôi mình ăn một trái còn một trái kia đem về cho thầy.

Ai ngờ Lôi Chấn Tử vừa ăn xong thấy ngon miệng quá không sao để dành được liền cắn thêm một trái ăn nữa.

Nhưng Lôi Chấn tử lại giật mình trầm nghĩ:

– Mình định trái này để dành đem về cho thầy, nhưng mình lại ăn nữa, hóa ra bất nghĩa. Thôi thà cứ ăn hết đi rồi về im lặng là xong.

Nghĩ như vậy Lôi Chấn Tử liền ăn hết hai trái Mộng đào. Nhưng, ăn vừa rồi Lôi Chấn Tử thấy trong lòng ngứa ngáy khó chịu, rồi bên sườn bên trái mọc ra một cái cánh quá dài. Lấy làm lạ, Lôi Chấn Tử hai tay cầm cái cánh chắc lưỡi than:

– Không xong ! Không xong ! Có khi mình hóa thiên lôi rồi chẳng?

Lôi Chấn Tử muốn nhổ cánh quăng đi nhưng nhổ ra thì đau lắm, thử làm gan bút được vài sợi lông.

Phút chốc sườn bên kia cũng mọc ra một cái cánh nữa. Lôi Chấn Tử xem thấy hồn vía rụng rời ngã lăn xuống đất.

Một lúc sau, Lôi Chấn Tử tỉnh lại rờ sống mũi, thấy sống mũi cao quá lông lá ra khỏi môi, hai mắt lồi ra khoe, mặt xanh lè, hai mắt đỏ hoe, mình dài hai trượng, lưng lớn mười vắn, Lôi Chấn Tử không biết vụ gì mà lại biến hình biến tướng như vậy.

Bỗng thấy Kim Hà Đồng Tử chạy đến gọi lớn:

– Thầy dạy anh vô biểu.

Lôi Chấn Tử nói:

– Không hiểu gì mà thân thể tôi thế này?

Kim Hà Đồng Tử vừa cười vừa nói:

– Anh có phép thần thông biến hóa tôi làm sao biết được?

Lôi Chấn Tử than:

– Tôi bây giờ hình thù tự yêu quái không dám ra mắt thầy.

Kim Hà Đồng Tử nói:

– Thầy cho đòi anh lập tức. Anh không về không được.

Lôi Chấn Tử không dám cãi lời, đi ít bước lại ngó cặp cánh của mình, trăm bề hổ thẹn. Lúc vào động, Lôi Chấn Tử không dám nhìn thầy.

Vân Trung Tử trông thấy vỗ tay cười lớn, nói:

– Là lắm ! Là lắm.

Cười rồi chỉ mặt Lôi Chấn Tử mà ngâm một bài thơ như vậy:

Ăn hai hạnh đỏ sanh đôi cánh.

Cầm một gậy vàng giúp đế vương.

Quay khắp đất trời làm sóng gió.

Biết nhiều phép tắc định âm dương.

Mất lời sáng giới đôi tròng bạc.

Tóc dựng phát phơ một sắc thường.

Tương tợ Lôi công oai tợ sắc .

Phò vua dựng nước đẹp nhà Thương.

Vân Trung Tử ngâm rồi dắt Lôi Chấn Tử ra vườn đào luyện phép và trao cho Lôi Chấn Tử một cây gậy vàng. Lôi Chấn Tử được truyền thụ, ra sức học hành, múa men như gió bão.

Chẳng bao lâu, các môn võ nghệ đều tinh thông, Vân Trung Tử lấy viết đề vào cặp cánh Lôi Chấn Tử một bên là chữ "phong" một bên là "lôi". Đoạn niệm thần chú, hét lên một tiếng, tức thì Lôi Chấn Tử bay vụt lên nửa lừng trời như một con chim khổng lồ vậy.

Lôi Chấn Tử dạo qua dạo lại một lúc, xem chừng thú vị lắm. Khi đã thỏa mãn. Lôi Chấn Tử mới đáp xuống lạy thầy, thưa:

– Nhờ thầy truyền phép lạ, thế nào đệ tử cũng cứu được phụ thân.

Vân Trung Tử nói:

– Người mau đến ải Lâm Đồng cứu cha người là Tây Bá, song chẳng nên giết tướng Trụ, cũng chẳng nên theo cha, hãy trở lại núi Chung Nam này học thêm phép tắc, ngày sau anh em sẽ họp mặt, cả nước phỉ nguyên.

Lôi Chấn Tử tuân lời thầy, cúi đầu tạ ơn, xách cây gậy đồng ra khỏi động, vỗ cánh bay lên không như sấm gió.

Bay một lúc, Lôi Chấn Tử gặp một hòn núi cao đón lại, liền xếp cánh đáp xuống, nhìn quanh quất thấy không có người, chắc lưỡi than:

– Minh vô ý quá không hỏi thăm thầy trước, bây giờ biết hình dạng cha mình thế nào mà tìm?

Vừa dứt lời thấy một người đội mũ mặc áo cỡi ngựa Kim chạy đến rất mau coi bộ hơi hải lắm. Lôi Chấn Tử tự nhủ:

– Chắc cha mình mắc nạn nên chạy sản số thế kia.

Nghĩ rồi liền lớn tiếng hỏi:

– Ai chạy dưới chân núi đó? Có phải là Tây Bá hầu Cơ lão gia chăng?

Văn Vương nghe kêu tên liền dừng lại nhìn bốn phía không thấy ai lắc đầu than:

– Chắc mình đã tới số nên ma quỷ giều cợt chăng, tại sao nghe tiếng nói mà chẳng thấy người?

Nguyên Lôi Chấn Tử da mặt đã xanh, lại mặc đồ lục đứng trên hòn núi cao nên lộn với cây lá, phần thì Văn Vương chạy mệt chóa mắt không trông thấy rõ.

Lôi Chấn Tử thấy ông già dừng ngựa lại ngó dáo dác mà

không nói gì rồi giục ngựa mà đi, liền kêu lớn:

– Ông có phải là Tây Bá Hầu Cơ Thiên Tuế đó chẳng?

Tiếng hỏi vang trời như sấm dậy, bây giờ Văn Vương mới ngó lên thấy một người đứng trên chót núi tóc đỏ mặt xanh nanh dài miệng rộng, con mắt như lục lạc sáng tựa hào quang, ngỡ là yêu tinh, thất kinh nghĩ thầm:

– Nếu quả là yêu tinh sao lại nói tiếng người? Mình đã đến nước này đâu có sợ cũng không được. Nó đã kêu mình cứ thử lên núi xem thử thế nào?

Nghĩ rồi giục ngựa đến nửa chừng núi hỏi:

– Tướng quân là ai mà biết tôi vậy?

Lôi Chấn Tử liền bay xuống quì lạy và thưa:

– Xin vua cha rộng lượng tha tội bất hiếu cho con. Vì trẻ chậm chạp nên cha nhọc sức.

Văn Vương nói:

– Tướng quân là ai đó, ta không biết mặt, sao Tướng quân xưng là con?

Lôi Chấn Tử tâu:

– Vua cha trước kia gặp con đặt tên là Lôi Chấn Tử...

Văn Vương sực nhớ lại, lấy làm lạ hỏi:

– Lúc cha gặp con tại đó thì giao cho Vân Trung Tử đem về núi Chung Nam. Nay mới bảy năm sao hình tướng con cao dường ấy.

Lôi Chấn Tử tâu:

– Bởi thấy con dạy phép lạ nên biến tướng cải hình, lại dạy con phải xuống đuổi tướng Trụ về mà cứu cha qua Nam ai.

Văn Vương nghe nói nghĩ thầm:

– Mình đã trốn chúa tội lỗi của triều đình, nay trời khiến con. Nhưng nếu để nó giết tướng thì mình lỗi đạo với vua chỉ bằng lấy lời lành đặng khuyên nó đừng làm dữ.

Nghĩ rồi nói với Lôi Chấn Tử:

– Cha bội chúa trốn đi nên vua sai tướng bắt về, nếu con muốn cứu cha thì đừng giết tướng.

Lôi Chấn Tử tâu:

– Thầy con cũng có dặn như vậy, con sẽ khuyên chúng nó lui binh để đưa cha về nước mà thôi.

Xảy nghe tiếng chiêng trống vang trời, tướng binh rần rộ. Lôi Chấn Tử bèn vỗ cánh bay tới trước cầm gậy vàng, bộ tịch như thiên lôi, chặn đầu binh nạt lớn:

– Chúng bây đừng tới nữa.

Quân binh thấy Lôi Chấn Tử thất kinh chạy lùi lại báo với hai tướng:

– Có một ông thần dữ cản đường nên chúng tôi không dám đi nữa. Ông Phó Đại và Lôi Khai nghe rõ đồng giục ngựa đến xem.

LỜI BÀN:

– Không ai thích những kẻ tạo ác, mà chỉ thích những người làm nhân.

Làm một ông vua, quyền uy khắp chốn như vua Trụ, thế mà trong lúc đắm mê tiêu sắc, dùng uy quyền áp bức dân lành, không kể nghĩa nhân, thì lòng người tự nhiên chán ngán, không tôn trọng nữa. Ngược lại Văn Vương

bảy năm bị đày nơi Dũ Lý, thân mật tù nhân mà được bá tánh trong thành mến đức. Như vậy, giá trị con người ở việc làm chứ không phải ở địa vị.

Thời nhà Thương, vua Trụ và vua Văn Vương; chỉ là hai bộ lạc của hai nước (Bộ lạc Thương và bộ lạc Châu) thế mà tác giả đã ràng buộc Văn Vương đối xử với Trụ Vương theo đạo vua tôi thật không đúng tí nào.

Văn Vương là người hiền, từng phục vua Trụ chỉ là một bộ lạc nhỏ từng phục bộ lạc lớn, đạo quân thần chưa thể có được. Đến như bọn Hoàng Phi Hổ, Tỉ Can - là những thần tòi của Trụ Vương thấy Trụ Vương tàn ác, cũng đem lòng kính mến Văn Vương. Nhiều người cho rằng quan niệm sùng ái của Hoàng Phi Hổ, Tỉ Can là trái đạo vua tôi, nhưng xét ra quan niệm ghét kẻ thương người hiền không gọi là phản bội, hoặc bất trung.

Hoàng Phi hổ giúp Văn Vương trốn đi cũng không phải là hành động phản Chúa. Về mặt chính trị, chính Hoàng Phi Hổ đã đem lại cho Văn Vương mối cảm tình đối với nhà Thương mà vua Trụ đại dột làm mất.

Trong lúc mặt Nam, mặt Bắc, đều có giặc, thế mà vua Trụ cứ lo việc chơi bời, bỏ bê triều chính, không nghĩ đến nước mất nhà tan, ấy là vì hai mũi giặc chưa đủ sức trừng phạt tội lỗi của vua Trụ. Nếu có một Văn Vương cử binh chinh phạt nữa, thế nào Trụ Vương cũng phải thấy mối nguy hại mà ăn năn.

Khổ nỗi, Văn Vương vì nặng tình cảm với triều thần vua Trụ, không cử binh, đợi đến lúc Vô Vương lên ngôi mới làm cái việc đó, trong lúc ấy thì Trụ Vương đã đi quá sâu trên đường tội ác rồi, cơ nghiệp chí còn là cái vỏ bèn trong đã đổ nát, đâu có hối hận cũng không thể nào cứu vãn nổi.

Cơ nghiệp nhà Thương mất về tay nhà Châu là vì lẽ ấy.

HỒI THỨ HAI MƯỜI HAI

VĂN VƯƠNG THƯƠNG CON MỬA THỊT HÓA THỎ

LÔI KHAI và Ân Phá Bại giục ngựa lướt tới thấy một người hình thù kỳ dị, thất kinh muốn quay ngựa lại, song sợ quân sĩ cười mình nhất gan, nên nhắm mắt hét lớn:

– Nhà ngươi là ai dám cản đường chúng ta !

Lôi Chấn Tử nói:

– Ta là Lôi Chấn Tử, đứa con thứ một trăm của Văn Vương. Cha ta là kẻ nhân đức, thờ mẹ chí hiếu, thờ vua tận trung, lấy đạo dạy dân, lấy lễ trị thiên hạ. Trụ Vương ham mê tầu sắc, tàn ác phi thường, bắt cha ta cầm tù nơi Dũ Lý đã bảy năm, nay cho về nước sao còn theo bắt. Ta vâng lệnh thầy ta xuống núi, đưa cha ta về Tây Kỳ, không thềm giết các người làm chi, hãy đem quân trở lại.

Lôi Khai và Ân Phá Bại đồng làm gan mướng lại:

– A, chúng ta tưởng ngươi là thiên lôi trời sai xuống, ai ngờ cũng chỉ là xác phàm, con của một đứa khi quân bội chúa. Tướng mạo ngươi hung dữ như vậy mặc lòng, song chúng ta có thiên binh ngàn tướng, không đủ trị ngươi sao?

Nói rồi hè nhau xô tới múa siêu đao chém liên. Lôi Chấn Tử cầm gậy đồng đỡ ra thật mạnh, hét lên:

– Bây muốn thử sức ta à? Ta nghĩ vì có lời thầy dạy và có ý cha răn, nếu không ta giết cả binh tướng chúng bây như trở bàn tay vậy.

Lôi Khai và Ân Phá Bại nghe tiếng hét như sấm đã hoảng hồn, còn dám đầu đầu chiến. Lôi Chấn Tử nói:

– Chắc chúng bây chưa thấy tài lực của ta, thôi để ta triển thần uy cho chúng bây thấy.

Nói rồi liền vỗ cánh bay bổng lên cao, đáp xuống một tảng đá lớn, kêu Ân Phá Bại và Lôi Khai nói:

– Ta khê cục đá này cho chúng bây thấy sức mạnh ta đến bậc nào, liệu cái đầu chúng bây có cứng bằng cục đá này chăng?

Lôi Chấn Tử đưa gậy lên trời, đập mạnh xuống một cái. Hòn đá vỡ tung lên, lăn xuống đè ngã một vùng cây cối.

Đập nát hòn đá lớn, Lôi Chấn Tử vỗ cánh bay xuống trước đầu ngựa, nói:

– Bây giờ chúng bây muốn giao tranh với ta thì cứ đánh đi.

Hai tướng thấy Lôi Chấn Tử sức mạnh như thần, nhìn nhau le lưỡi lắc đầu, kéo quân trở về.

Lôi Chấn Tử cười lớn, bay đến trước mặt Văn Vương thưa:

– Con đã khuyên hai tướng Trụ trở lại triều ca rồi, vậy cha theo con đưa cha về Tây Kỳ cho sớm.

Văn Vương nói:

– Vô Thành Vương Hoàng Phi Hổ đã cho cha cờ lệnh tiên, qua ai không ai dám ngăn trở, con không cần phải đưa đón làm gì?

Lôi Chấn Tử nói:

– Nếu trình lĩnh tiễn qua ải thì lâu lắm, e vua cho tướng khác theo bắt, đằng trước ngăn đón, đằng sau truy binh, cha làm cách nào về Tây Kỳ được. Con sẵn có cặp cánh thần, xin công cha bay qua năm ải.

Văn Vương nói:

– Được vậy thì hay lắm, song bỏ con ngựa lại lòng cha không đành.

Lôi Chấn Tử nói:

– Mất ngựa này tìm ngựa khác, cha hãy lo thân cha làm trọng đã.

Văn Vương nói:

– Con ngựa này theo cha đã bảy năm, chịu không biết bao nhiêu khổ cực, nay về nước bỏ nó đi là bạc nghĩa.

Lôi Chấn Tử thưa:

– Người quân tử cốt giữ đại sự, còn tiểu sự thì không nên cố chấp. Văn Vương lưỡng lự một hồi, rồi bước đến vuốt lưng con ngựa than:

– Không phải ta muốn bỏ ngươi, chỉ sợ binh triều đuổi theo mang khốn, ngày từ già, ngươi tìm nơi khác nương thân.

Dứt lời, Văn Vương buồn bã, rơm rớm nước mắt ngâm bốn câu thơ:

Cùng nhau muôn dặm đến Triều ca,

Dữ Lý giam cầm chịu với ta.

Mắc nạn ải Đông nay cách biệt,

Ngươi tìm chủ khác chớ dằn dà.

Thấy Văn Vương triu mến con ngựa mãi, Lôi Chấn Tử giục:

– Xin cha lên lưng con mau kéo trê.

Văn Vương nói:

– Con bay cho khéo léo cha sợ lắm.

Lôi Chấn Tử quỳ xuống đất, đưa lưng cho Văn Vương leo lên, và nói:

– Xin cha an lòng nhắm mắt lại, chỉ chốc lát sẽ đến Tây Kỳ.

Văn Vương vừa nhắm mắt lại, đã nghe gió thổi ù ù như giông bão. Lôi Chấn Tử bay qua Nam ải, chỉ trong một tiếng đồng hồ, rồi đáp xuống chân núi Kim Kê, Văn Vương mở mắt ra, thấy phong cảnh Tây Kỳ ngỡ như trong mộng. Bảy năm bị cầm nơi Dư Lý giờ đây mới thấy rõ cố hương, lòng như mừng như tui.

Văn Vương khen:

– Cũng nhờ sức con cha mới về được xứ sở.

Lôi Chấn Tử thưa:

– Nay cha đã về được Tây Kỳ, con xin trở lại núi Chung Nam để hầu hạ thầy con.

Văn Vương ngơ ngác hỏi:

– Sao con lại không về với cha?

Lôi Chấn Tử thưa:

– Lúc ra đi thầy con có dặn, hãy đưa cha khỏi năm ải rồi phải trở về Chung Nam lập tức, dâng học thêm tài phép, ít lâu sẽ ra giúp nước.

Nói rồi lau nước mắt lạy vua cha. Văn Vương cũng khóc từ già.

Sau khi Lôi Chấn Tử bay đi mất dạng, Văn Vương còn một mình lững thững dưới chân núi Kim Kê. Bởi tuổi già sức yếu nên đi suốt ngày hôm ấy mới tìm đến một thị trấn, vào

quán cơm ăn uống rồi ngủ vùi cho đến sáng.

Hôm sau, Văn Vương từ già dờ chân, tên tửu điểm cản lại hỏi:

– Thưa ông, còn tiền rượu tiền phòng ông chưa tính.

Văn Vương nói:

– Ta đi lỡ đường, tiền hết, người cứ biên sổ cho nhớ, lúc ta về đến Tây Kỳ sẽ sai người đến trả gấp đôi.

Tên tửu điểm nói:

– Chỗ này không phải như xứ khác, dù cho quan quyền cũng không dặng làm ngang, chúa ta là Tây Bá Hưu lấy nhưn nghĩa trị dân, cấm điều gian lận, bởi vậy đồ bỏ giữa đường không mất, người đi ngoài lộ phải nhường, ban đêm không dứt tiếng đồn, không nghe tiếng chó sủa. Đây là trời Nghiêu đất Thuấn, vua thánh tôi hiền, chứ không phải xứ loạn đất hoang mà giở trò dối gạt.

Văn Vương nói:

– Ta là người phải, không nói quấy đâu.

Người chủ quán từ bên trong bước hỏi:

– Chuyện gì cãi lầy vậy.

Tên tửu điểm thuật lại đầu đuôi câu chuyện vừa rồi. Người chủ quán thấy Văn Vương tướng mạo khác thường, tuổi tác đã già, liền ôn tồn hỏi:

– Ông đi Tây Kỳ có việc gì mà gấp rút đến nỗi quên đem tiền lộ phí? Và lại tôi với ông không quen mặt nhau, nếu để chệch biết đâu mà đòi.

Văn Vương túng thế phải nói thật:

– Ta là Tây Bá Hưu bị bảy năm cầm nơi Dư Lý, nay vua tha về nước, vì đường xa nên lộ phí bị thiếu hụt. Người cứ ghi sổ, ít ngày ta sẽ sai người đến trả.

Chủ quán nghe nói thất kinh, vội sụp lạy tâu:

– Tôi lạy mừng đại vương muôn tuổi. Chúng tôi xác phạm mất tặc, nên không thấy mặt rồng, lỗi với đại vương, xin đại vương dung mạng. Tiện đây, xin thỉnh đại vương vào trong đặng tôi dâng tiệc rồi sẽ sắm sửa đưa đại vương về đền.

Văn Vương hỏi:

– Người tên họ là chi?

Chủ quán tâu:

– Tôi họ Thân tên Kiệt, đã năm đời ở tại thôn này.

Văn Vương mừng rỡ hỏi Thân Kiệt:

– Người có ngựa cho ta mượn dõ, về tới điện ta sẽ đền ơn.

Thân Kiệt tâu:

– Xóm này nghèo khổ lắm, không ai nuôi ngựa. Nhà tôi chỉ có một con lừa, để tôi thắng yên rồi đi theo đại vương hầu hạ.

Văn Vương mừng rỡ, dõi thắng yên cho con lừa xong, mới ngồi lên lưng lừa theo đường về kinh đô. Thân Kiệt theo sau hộ giá.

Ngày kia, tại Tây Kỳ bà Thái Khương đang nhớ con là Tây Bá, ngồi thần thờ trước hiên, bỗng nghe ba trận gió thổi tới dường như tiếng thú kêu. Thái Khương vội thấp hương, lấy tiền gieo quẻ biết Tây Bá đã về gần đến, liền gọi các cháu và bá quan văn võ báo tin mừng. Phút chốc tiếng đồn khắp dân gian, thiên hạ dất dề gánh rượu chật đường đi đón.

Bấy giờ Văn Vương cỡi lừa đi lệnh mệnh hàng lâu mới tới Tây Kỳ. Bỗng nghe một tiếng sủng lệnh, xa xa nhấp nhô hai cây cờ dõ, đằng sau một đoàn người đông như kiến cỏ lũ lượt kéo đến.

Văn Vương nhìn thấy đi đầu là Táng Nghi Sanh và Nam Cung Hoát theo sau là triều thần văn võ, rồi đến dân chúng trong thành. Khi đoàn người gần đến, Cơ Phát bước đến trước lửa, sụp lạy Văn Vương, tâu rằng:

– Phụ Vương bị cầm chôn nơi đất khách, bảy năm rồi con chẳng viếng thăm, xin phụ vương mở lượng hải hà tha tội bất hiếu. Nay nhờ trời phụ vương được về nước, các tôi con mừng biết dường nào.

Văn Vương mừng đến ứa lệ nói:

– Ta nay khác nào như không nhà mà có nhà, không nước mà có nước, không tướng mà có tướng, không con mà có con. Bị cầm tù bảy năm, ta ngỡ bỏ xương nơi đất khách rồi.

Táng Nghi Sanh tâu:

– Xưa vua Thành Thang bị vua Kiệt cầm ở thành Hạ Đài đến sau về nước lấy được thiên hạ. Nay chúa công chẳng khác gì vua Thành Thang, chỉ cần giữ gìn như đức, nuôi dưỡng tôi dân, đợi thời sẽ tính. Hễ lòng người mà thuận, thì mấy tạo cũng theo.

Văn Vương nói:

– Quan đại phu nói như vậy không là kẻ trí thương ta, cũng không là tôi ngay thờ chúa. Và tội ta đáng giết, vua chỉ cầm tù là đã mang ơn rồi. Nay vua lại phong vương, ban cờ mao búa việt dạy ta lo việc chinh phạt, thì ơn ấy ví bằng trời đất, ta phải lo ráng sức trả ơn, lẽ nào nghĩ điều bội chúa. Thôi, từ rày về sau quan đại phu chớ nói như vậy nữa mà ta buồn ý.

Bá quan nghe nói đều làm thính. Cơ Phát thưa:

– Xin phụ vương thay đổi áo xiêm, lên xe về điện.

Văn Vương đổi lấy áo mào, bước lên xe, truyền Thân Kiệt

theo hầu, rồi vua tôi đồng về kinh.

Giữa lúc đó, dân chúng đều hô lên một câu lớn:

– Bảy năm nay mới thấy mặt trời, nghe chúa trở về, muôn dân đều ngóng cổ ước ao được thấy mặt.

Văn Vương thấy dân chúng nói như vậy liền xuống xe lên ngựa chân bước đi giữa rừng người, để dân chúng ai nấy đều trông thấy.

Dân chúng mừng rỡ nói lớn:

– Nay Tây Kỳ đã có chúa, dân sự may mắn biết chừng nào.

Văn Vương đi đến núi Tiểu Long, ngó ngoái lại thấy chín mươi tám người con đều đủ mặt, duy thiếu một mình Bá Ấp Khảo thì buồn bã vô cùng. Hai dòng lệ nhỏ xuống má, ruột đau như cắt, lấy áo che mặt khóc lớn than:

Trọn đạo tôi, nên vâng lệnh châu Thương,

Vì gián chúa cho vẹn đạo can thường,

Mà mắc tội cầm nơi Dũ Lý.

Biết thời suy, không oán trách triều đường.

Vì hiếu, Bá Ấp Khảo thương cha chuộc tội.

Đắc Kỷ hiểm, banh xương lóc thịt,

Làm thịt con, trao bánh cho cha,

Ăn thịt trẻ động lòng từ ái,

Nhờ ơn vua mới dặng chức Văn Vương.

Trốn nửa đường may gặp Lôi Chấn Tử,

Bay vài giờ thấy rõ chốn quê hương.

Nay đã được sum vầy mẫu tử,

Mất một con đau đớn can trường.

Văn Vương dứt lời than, ré lên một tiếng, và nói:

– Đau đứt ruột đi thôi.

Liên té xuống ngựa, mặt trắng bạch như tờ giấy. Các vị công tử xúm nhau đỡ dậy, Văn Vương mùa ra một miếng thịt, cục thịt ấy mọc ra hai tai bốn cẳng, hóa hình con thỏ, chạy về hướng tây biến mất. Văn Vương mùa ra hai miếng nữa thịt cũng hóa thỏ chạy như vậy.

Văn Vương lần lan tỉnh lại, các quan đỡ lên xe đưa về đến tìm ngự y thang thuốc hơn mấy ngày mới mạnh.

Vừa khỏi bệnh, Văn Vương đã vào lạy mẹ chúc mừng, và ôm chân khóc kể:

– Con bảy năm lỗi đạo thần hôn, xin mẹ tha tội.

Bà Thái Khương cũng vừa khóc vừa khuyên lơn. Văn Vương lại vào nhà tông miếu làm lễ tông đường.

Rồi đó Văn Vương thuật hết mọi khổ nhục trong bảy năm bị giam cầm cho văn võ bá quan nghe, tặng thưởng bạc vàng cho Thân Kiện và cho về quê cũ.

Táng Nghi Sanh quỳ tâu:

– Chúa công đức rai thiên hạ, muôn dân kính vì. Nay cạp dã về rừng, rồng thênh thang bên biển cả, đã qua cơn bĩ cực, phải tìm hội thái lai. Xét như vua Tụ giết vợ hại con, bày Bào lạc hại trung thần, lập Sái bồn giết cung nữ, hành động tàn ác ấy khiến nhiều đáng chừ hậu làm phản, ba phương thiên hạ trở lòng. Triều ca sẽ không thể trị lâu, cơ nghiệp sẽ không tồn tại. Táng Nghi Sanh vừa nói dứt, bên võ tướng có một người hét lên:

– Nay Đại vương đã về đến đây, há chúng ta lại quên thù Công tử. Xin đem binh ròng bốn mươi vạn, tướng mạnh sáu mươi viên, kéo tới lấy một lần luôn năm ải, chém đầu Bí Trọng, mổ ruột Vưu Hồn, bằm Đắc Kỳ thành tương, phế vua

Trụ làm dân dã, tôn người hiền lên Thiên tử cứu hoạn nạn cho muôn dân. Được như vậy chư hầu thấy mang ơn, muôn dân sẽ mến đức. Văn Vương thấy người vừa nói là Nam Cung Hoát thì buồn bã trách:

– Ta nghĩ hai khanh trung nghĩa, nên giao phó việc triều đình, ngờ đâu nay hai khanh lại tỏ lời phản chúa, xúi việc bất trung. Ví dầu chúa có lỗi thì tôi cung chớ oán cừu, còn cha có lỗi thì con cũng nên giấu giếm. Đó là đạo trung thần. Con trách cha, tôi oán chúa sao phải. Nay ta nhờ Thiên tử phong đến chức Văn Vương cho về nước cầm quyền chinh phạt, đáng lẽ ngày đêm cầu khẩn cho chúa mạnh dân lành, lẽ đâu làm thói lăng loàn, sanh lòng phản nghịch. Từ rày các khanh chớ nên tỏ ý như vậy nữa mà mang tiếng xấu muôn đời.

Nam Cung Hoát tâu:

– Ngày trước Công tử đi cống sứ, dâng ba vật báu chuộc tội cho cha, hành động hiếu đạo như vậy lại bị kẻ tàn ác phân thân, nếu không báo oán thì làm sao cho nguôi giận?

Văn Vương nói:

– Bá Ấp Khảo bị giết là tại cãi lời cha, nếu không đến viếng thăm làm sao mắc họa? Nay ta phải giữ phép cho vẹn đạo chúa tôi, dầu vua độc ác thế nào cũng còn có chư hầu phán xét, lẽ nào ta đứng đầu gây loạn cho mang tiếng hay sao? Chi bằng lấy việc nuôi dân trị nước làm gốc, miễn tránh cho thiên hạ khỏi lao khổ, chúa tôi được hưởng thanh bình, tai không nghe tiếng giáo gươm, mắt không thấy cảnh giết chóc, lòng khỏi lo thất bại, mình chẳng sợ dạn tên, tướng chẳng giao tranh, dân không nguyên rủa, ấy là vui, ấy là phúc.

Táng Nghi Sanh và Nam Cung Hoát nghe Văn Vương nói điều nhưn đức, cả hai đều quỳ lạy lui về. Văn Vương nói:

– Trẫm muốn cất một cái linh đài tại hướng Nam gần thành Tây, để coi sao và xem bói, nhưng sợ bày ra thì nhọc sức dân.

Táng Nghi Sanh tâu:

– Chúa công muốn làm đài Thiên văn, coi điềm hung kiết, giữ cho dân được thái bình thịnh trị, đó là việc làm có ích lợi. Nhưng muốn cho dân chúng được vui xin chúa công treo băng muốn công nhân, mỗi người một ngày trả hai chỉ bạc, ai muốn ăn tiền thì làm, không cần bắt ép.

Văn Vương khen:

– Khanh nghĩ vậy rất hay. Vậy hãy treo băng ngoài thành cho dân biết trước.

LỜI BÀN:

Quan niệm Văn Vương là quan niệm của kẻ nhân đức. Kẻ nhân đức không bao giờ lấy oán trả oán.

Cũng như thuyết của một vài giáo đạo: Lấy oán trả oán, oán không bao giờ dứt, lấy lành trả oán, oán tự nhiên mất.

Đó là quan niệm cố hữu của đạo lý Đông phương. Văn Vương bị vua Trụ sanh cầm nơ Đủ Lý, giết hại con mình mà vẫn cho đó là một cái ân.

Nhiều người cho Văn Vương chỉ vì vua Trụ phong chức Vương mà tối mắt, không tưởng đến thù con. Xét ra đến nỗi như vậy. Người như Văn Vương, lấy đức rãi thiên hạ dẫu có trọng địa vị như vậy. Văn Vương chính là mẫu người hiền trong đạo Khổng Mạnh, chính vì vậy mà chúng ta thấy ở Văn Vương có nhiều nhu nhược.

Ai lỗi mặc ai, ai ác mặc ai, mình chỉ lo cho mình

dùng ác, và cho mọi người khỏi khổ mà thôi. Văn Vương đã dạy bọn triều thần của mình như thế thì quan điểm Văn Vương đã rõ ràng rồi.

Tuy nhiên, quan niệm đó chỉ có lợi đối với cá nhân mà không có lợi cho toàn thể, nhất là đối với một người đang cầm quyền.

Một nước bị nước khác uy hiếp, làm cho dân chúng gánh chịu bất công, nếu là một vị vua hiền như Văn Vương, dùng lạnh để đối phó với ác thì biết bao giờ dân chúng mới thoát ra cảnh bất công, đè ép của nước khác. Cũng như Trụ Vương, một ông vua đem tàn bạo gieo vào đầu muôn dân, sanh mạng dân gian bị đe dọa mà cứ nói đến chuyện "quân xử thần tử" thì kẻ làm bậy vẫn cứ ngênh ngang làm bậy, kẻ bị áp bức vẫn muôn đời bị áp bức.

Phải nhìn vào hạnh phúc chung của mọi người. Từ an phận để kẻ khác áp bức mình là nhu nhược. "Giết nhất như cứu vạn nhân" xưa nay vẫn được khen là nhân nghĩa mà.

Tuy vậy, quan niệm của Văn Vương tuy là đạo đức thật, song không thể tồn tại đối với xã hội, đối với dân chúng, mà chỉ tồn tại giữa cá nhân và cá nhân mà thôi.

HỒI THỨ HAI MƯƠI BA

THẤY PHI HÙNG, ĐIỀM LÀNH ỨNG MỘNG

TÁNG Nghi Sanh được lệnh Văn Vương ngày hôm sau treo bảng tuyển lựa nhân công, dân chúng bâu quanh đọc rằng:

"Tây Bá Văn Vương truyền rao cho dân chúng rõ: Ta xem thấy khu đất trống dựa thành Tây tốt lắm, muốn lập một cái Linh Đài, để xem Thiên văn và bói Dịch, biết việc dữ lành trong nước. Người nào muốn đến làm sẽ được trả hai chỉ bạc mỗi ngày, còn ai không muốn làm thì thôi, không bắt buộc!"

Nhân dân bàn luận với nhau:

– Bối Đại vương nhân đức nên chúng ta mới được thành thoi, mặt trời mọc thì đi chơi, mặt trời lặn thì về ngủ, khỏi lo ly loạn, vui thái bình. Nay Đại vương muốn cất Linh Đài để xem việc dữ lành trong nước, lẽ ra chúng ta phải góp công góp sức mà làm, cần gì phải trả tiền công?

Bàn luận xong, dân chúng cử người thay mặt đến xin yết kiến Táng Nghi Sanh, và thưa:

– Chúng tôi xin góp sức làm xong Linh Đài, không lấy đồng tiền công nào hết.

Táng Nghi Sanh vào tàu lại, Văn Vương không bằng lòng, ép dân chúng phải nhận tiền. Dân chúng mến đức vô cùng, dốc hết sức mình đua nhau làm rất hăng, chỉ trong mười ngày, một cái đài nguy nga đã lập xong.

Văn Vương dẫn bá quan ra xem thấy đài cao hai trượng chạm trở đầu đầy rất tinh vi, vẻ huy hoàng tưởng không ngờ được. Tuy vậy, nét mặt Văn Vương vẫn không vui. Táng Nghi Sanh thấy vậy hỏi:

– Linh đài đã lập thành, vì ý gì Chúa công buồn bực?

Văn Vương nói:

– Ta muốn đào thêm trước sân Linh Đài một cái ao nữa mới đủ âm dương song song sức dân mệt nhọc.

Táng Nghi Sanh nói:

– Lập cái đài công lao bằng mười lần mà chỉ làm trong mấy bữa thì đào cái ao phỏng có bao nhiêu công mà Chúa công ngần ngại.

Văn Vương nói:

– Cái ao phải đào bằng Linh Đài, thủy hỏa bằng nhau.

Dân chúng nghe Văn Vương có lòng thương dân như vậy xúm nhau đến yết kiến Táng Nghi Sanh, nói:

– Việc đào ao công phu có bao nhiêu mà Chúa công lo lắng.

Nói rồi hề nhau chia thành toán, kẻ xúc đất, người hi hục đào. Niềm vui tở mở. Khi hầm sâu độ một thước, dân chúng gặp những bộ xương khô trắng hếu, chẳng biết chôn từ đời nào liền móc quăng lên. Văn Vương trông thấy hỏi:

– Vậy gì trắng hếu như vậy?

Dân chúng thưa:

– Đó là những bộ xương người chẳng biết của ai.

Văn Vương nói:

– Phải sắp theo từng bộ, để tẩn liệm, chôn cất hẳn hoi, không nên khinh thường.

Dân chúng tâu:

– Đó là những năm mồ hoang vô chủ, không ai thừa nhận còn quý trọng làm gì.

Văn Vương nói:

– Quý trọng cái mà không ai quý trọng mà con người có đạo.

Nói rồi truyền mua quan quách, bao nhiêu xương trắng được chôn cất tử tế.

Dân chúng nghĩ thầm:

– Đến bộ xương khô mà vua còn thương hưởng chi người sống.

Ai nấy đều cảm kích, nên việc đào ao chỉ vài hôm hoàn thành.

Mấy ngày đêm Văn Vương xem đào ao không về điện, truyền quân dọn tiệc trên đài vua tôi ăn uống. Thấy việc đào ao quá mau như vậy. Văn Vương đặt tên là Linh chiếu, nghĩa là ao linh.

Yến tiệc xong rồi Văn Vương nằm ngủ trên đài, chiêm bao thấy một ông cọp có cánh, lao mình từ bên Đông chạy xóc tới, nhảy xổ vô màn, Văn Vương thất kinh vừa gọi tả hữu, xảy nghe sau đài nổ một tiếng lớn, lửa cháy rực trời. Văn Vương giật mình thức dậy, mồ hôi ướt đầm như tắm. Bấy giờ trống đã đổ canh ba.

Sáng ngày Văn Vương đòi Nghi Sanh đến hỏi điều lành dữ. Nghi Sanh tâu:

– Đó là điều tốt, chúa công sẽ gặp tôi hiền.

Văn Vương hỏi:

– Căn cứ vào đâu mà đoán như vậy?

Táng Nghi Sanh tâu:

– Xưa vua Cao Tông nhà Thương chiêm bao thấy gấu bay mà gặp được Phú Duyệt, là tôi tài trí, nay Đại vương nằm mộng thấy hùm có cánh thì cũng như thấy gấu bay. Còn côi Tây thì thuộc Kim, mà lại thấy lửa cháy ấy là vàng, nhờ lửa mới nên vật quý trong đời. Quả thật điềm đại lợi cho nước Châu ta vậy.

Các quan nghe nói đều mừng rỡ vô cùng. Văn Vương lui

về điện, ngày đêm mong ngóng, mong tìm được người hiền, hiệp với diêm ứng mộng.



Nhắc lại Khương Tử Nha từ khi bỏ xứ Triều ca, cứu dân qua ải, rồi ẩn mặt nơi Bàn Khê đợi vận, gieo cầu sông Vị chờ thời, đối ăn trái cây, khát uống nước suối, vui thì xem kinh luyện phép, buồn thì câu cá giải khuây.

Ngày kia, Tử Nha ngồi trên thạch bàn, cầm cần câu thả xuống nước, ngâm một bài thơ như vậy:

*Về thế tám thu chảy.
Trần ai chịu đọa đầy
Nửa năm nương đất Trụ
Một khắc đến non Tây
Sợ nợ kinh luân đó
Miếng mồi thao lược đây
Trước là câu cá nước
Sau đợi hội rồng mây.*

Tử Nha vừa ngâm xong bài thơ, bước lại cội dương ngồi hứng mát bỗng thấy một ông tiều vai gánh củi, miệng hát lêu nghêu. Ông tiều thấy Tử Nha liền ghé lại hỏi:

– Tôi thấy ông thường câu cá nơi khúc sông này, muốn nói với ông vài câu chuyện để hưởng thú ngư tiều vấn đáp.

Tử Nha mừng rỡ nói:

– Tốt lắm! Tôi với ông sẽ là bạn với nhau.

Ông tiều hỏi:

– Ông quê quán ở đâu, tên họ là chi.

Tử Nha nói:

– Tôi ở Hứa Châu, họ Khương tên Thượng, tên chữ Tử Nha, biệt hiệu là Phi Hùng.

Ông tiểu nghe nói cười ngả nghiêng ngả ngửa. Tử Nha lấy làm lạ, hỏi:

– Ông là ai vậy?

Ông tiểu đáp:

– Tôi họ Vô tên Kiết ở xứ Tây Kỳ.

Tử Nha hỏi:

– Tại sao ông lại cười như điên vậy?

Vô Kiết đáp:

– Tôi nghe ông xưng hiệu Phi Hùng nên nín cười không được.

Tử Nha hỏi:

– Từ xưa đến nay làm người ai cũng có tên có hiệu, chuyện gì mà cười?

Vô Kiết nói:

– Đời xưa, những bậc thánh hiền bụng chứa văn chương, lòng đầy thao lược xưng tên xưng hiệu đã đành, còn như ông ngồi câu cá suốt ngày, cái lưng cháy nám mà cũng xưng hiệu Phi Hùng, bảo tôi nín cười làm sao? Nếu ông tự xưng là con khỉ ốm thì khỏi ai bắt bẻ.

Vô Kiết vừa nói vừa giở cần câu lên, thấy lưỡi câu ngay đuối, liền vỗ tay cười ngặt, rồi chặc lưỡi than:

– Hễ có trí thì tuổi thơ cũng có trí, còn không mưu thì đầu bạc cũng không mưu. Muốn câu cá mà để lưỡi câu ngay thì đời nào bắt được cá? Để tôi dạy giùm cho: Đốt cây kim này cho đỏ, cắt ngạnh, uốn cong cong, rồi móc mồi cho thơm, nhợ phải cột phao chính giữa, lúc thả xuống sông mà thấy phao động dấy

ấy là cá ăn câu phải giựt lên cho gấp, lưới câu móc vào mép cá, mới bắt được cá mà ăn. Khờ dại như ông mà dám cả gan xưng Phi Hùng?

Tử Nha nói:

– Người biết một chẳng biết hai. Ta không dùng lưới câu cong để câu cá tôm, chỉ dùng lưới câu ngay để câu thời câu vận. Nếu là cong queo thì được của, thà cứ để ngay mà thanh bạch còn hơn. Như ý ta là:

Ngày chờ thời giờ quý

Vậy được của không câu.

Chẳng kiếm tôm kiếm cá

Mà kiếm công kiếm hầu.

Vô Kiết nhướng mắt nhìn Tử Nha từ đầu đến chân, cười lớn:

– Bộ tịch như con khỉ ốm lại muốn chuyện to tướng. Tôi nghĩ chắc trong thế gian này hết người, nên thiên hạ mới cần đến loài khỉ.

Tử Nha nổi giận mắng:

– Người chê ta bộ mặt khỉ, vậy mặt người tốt lắm sao!

Vô Kiết nói:

– Bộ mặt ta không tốt nhưng cũng khá hơn một chút. Ta tuy là đồn củi, cũng còn sung sướng hơn ông câu, mùa xuân xem đào tươi, mùa hè coi sen nở, mùa thu hái bông cúc, mùa đông bẻ cành mai, vui thú thanh nhàn, quên đường danh lợi.

Vô Kiết nói xong ngâm một bài thơ:

Củi quế hàng ngày đổi gạo châu

Mẹ con chung uống rượu đầy bầu

Cây rừng trái núi là cơ nghiệp

Chẳng được chức công cũng chức hầu.

Tử Nha nói:

– Không phải ta chê bộ mặt người xấu. Ta chê khí sắc của người kia.

Vô Kiết hỏi:

– Khí sắc của ta có gì xấu?

Tử Nha đọc bài thơ:

Mắt nọ đỏ bầm bầm

Tròng kia xanh dạn sạng

Ra phố đánh chết người

Chúng bắt thường nhơn mạng

Vô Kiết nạt lớn:

– Nãy giờ tôi nói giỡn với ông một chút không hại gì, sao ông độc miệng rủa tôi như vậy?

Dứt lời Vô Kiết hậm hực gánh củi lên vai đi thẳng xuống thành Tây Kỳ không thèm ngoái đầu lại.

Bấy giờ Văn Vương ngồi xe qua Linh Đài bói quẻ, vẫn vờ theo châu chực rất đông. Vừa đến Nam môn, thấy người gánh củi đi tới, quân sĩ nạt lớn:

– Tránh đường cho thánh giá đi.

Vô Kiết nghe nói thất kinh, vội day gánh củi lại định nép sang một bên đường. Chẳng ngờ gánh củi kinh cang, đụng phải vào mang tai tên lính chết tươi. Quân lính hai bên la ó lên:

– Lão tiều này đánh chết lính.

Liên bắt Vô Kiết đem nạp Văn Vương. Văn Vương phán hỏi:

– Người nào đầu vậy?

Quân lính thưa:

- Người này vô cớ đánh chết tên quân hầu là Vương Tướng.

Văn Vương hỏi:

- Nhà người tên họ là chi? Vì sao lại đánh chết quân lính?

Vô Kiết tâu:

- Tôi là Vô Kiết, dân ở Tây Kỳ, bởi tránh xe đại vương, đường hẹp khó trở vai, nên day gánh củi đụng nhằm chú lính.

Văn Vương phán:

- Vô Kiết đụng chết người phải thương mạng.

Nói rồi truyền về một vòng dưới đất làm trại giam, dựng một cái cây trước cửa Nam làm quân canh, bắt Vô Kiết đứng trong vòng, rồi ai nấy đi hết.

"Bấy giờ ở đất Tây Kỳ luật pháp rất nghiêm minh, trừng phạt rất nhẹ mà không ai dám trốn tránh".

Vô Kiết bị ngồi trong vòng ba bữa, nhớ mẹ than thảm:

- Chắc mẹ ở nhà dựa cửa trông con, lòng già mòn mỏi.

Than rồi mũi lòng khóc lớn; mọi người nghe tiếng khóc xúm lại xem.

Táng Nghi Sanh vừa đi đến, thấy vậy hỏi:

- Hôm trước nhà người đụng chết lính, mạng thế mạng là lẽ thường, oan ức gì mà khóc.

Vô Kiết thưa:

- Thời vận tôi rủi ro lắm, tránh đường hẹp mà làm chết người, thường mạng đã đành. tôi dám dẫu than thở, ngặt vì tôi không có vợ con anh em chi hết, còn lại mẹ già tuổi đã bảy mươi, nếu không có tôi lấy ai nuôi dưỡng. Mẹ tôi chắc phải

nhào xuống sông mà chết, hoặc nhịn đói mà bỏ mình. Tôi nghĩ tôi bất hiếu với mẹ, nên tủi phận khóc than.

Táng Nghi Sanh nghĩ thầm:

- Vô Kiết là con chí hiếu, còn việc giết người là rủi ro không cố ý, nếu cứ theo luật pháp mà không nghĩ đến hoàn cảnh riêng sao gọi là công bằng.

Liên nói với Vô Kiết:

- Thôi, người đừng khóc nữa, để ta tâu với vua tha cho người về xứ, dâng sấm đủ gạo, mắm, áo quần, tiền bạc hòm rương cho sẵn chu cấp cho mẹ người, rồi đến mùa thu năm tới người sẽ đem mình đến đây mà nạp mạng.

Vô Kiết thưa:

- Nếu được như vậy tôi sẽ làm tròn chữ hiếu và rất đội ơn quan lớn.

Táng Nghi Sanh đến yết kiến Văn Vương, tâu rõ mọi điều. Văn Vương y tấu cho Vô Kiết về xứ.

Vô Kiết ra khỏi ngục thất, vì nhớ mẹ nên không kể trời đất gì nữa, ôm đầu chạy một mạch về đến nhà, mồ hôi thấm rách áo, mình mẩy đầy cát bụi.

Bà mẹ Vô Kiết đứng dựa lưng trước ngõ trông con, thấy Vô Kiết chạy về liền hỏi:

- Con đi đâu bỏ mẹ mấy ngày rày? Mẹ tưởng con bị cộp hùm xé xác trong rừng sâu rồi, đau buồn quá sức.

Vô Kiết thưa:

- Con rủi ro lắm mẹ ơi.

Vừa nói vừa ôm chầm mẹ khóc suốt suốt.

Bà mẹ vuốt tóc con hỏi:

- Chuyện gì nói cho mẹ hay.

Vô Kiết nói:

– Hôm kia con gánh củi xuống thành Tây bán, chẳng ngờ gặp lúc vua ngự ra Linh Đài. Bọn quân canh dẹp đường cho Thánh giá đi, đang lúc lúng túng con trở vai quay gánh củi để tránh đường, chẳng ngờ đụng nhằm mang tai một tên lính chết tươi. Vua bắt con cầm ngục...

Bà mẹ nghe nói đến đây thất kinh, hỏi:

– Theo luật pháp, giết người phải thương mạng. Con làm sao trở về đây với mẹ được?

Vô Kiết thưa:

– Lúc còn đang bị cầm ngục con nhớ mẹ quá sức, sợ mẹ trông chờ, sợ không người nuôi dưỡng, nên khóc mãi. May nhớ có quan Đại phu thương tình tâu với vua cho phép con về nhà một năm để lo gạo, sắm áo quần, quan quách cho mẹ đủ dùng, mùa thu sang năm con sẽ đến nạp mình chịu tội...

Nói đến đây, Vô Kiết khóc òa. Bà mẹ ôm con than:

– Suốt đời con chưa làm việc hung dữ, thờ mẹ rất có hiếu, sao lại xui khiến gặp chuyện tai ương như vậy?

Vô Kiết nói:

– Chắc con bị lão già câu cá ở Bàn Khê độc miệng lừa con nên con mới bị rủi ro như vậy?

Bà lão nói:

– Ông già câu cá lừa thế nào?

Vô Kiết liền kể lại câu chuyện gặp gỡ Tử Nha, và nói:

– Lão nói mặt con đỏ bầm, hai con mắt trông xanh trông đỏ, thế nào cũng đụng chết người bất thường nhân mạng. Lão độc miệng lừa con như vậy nên con mới bị như vậy, để con

tìm lão đánh một trận cho bô ghét, để lão rửa thiên hạ chết hết.

Bà lão nói:

– Con đừng trách người ta như vậy, theo lời con nói mẹ đoán chắc ông già ấy xem tướng rất hay, con nên đến đó cầu khẩn ông ta may ra có cách cứu được.

Vô Kiết tuân lời lay tạ mẹ, tìm đến Bàn Khê.

LỜI BÀN:

Loài người muốn tiến bộ, xã hội luôn luôn đổi thay, nhưng có một điều ngàn đời vẫn không thay đổi là: tình thương

Cứ theo sử sách xưa nay, những gương hiếu đạo đã có từ lúc có loài người. Trải qua bao nhiêu thời gian, bao nhiêu thế kỷ, bao nhiêu tiến hóa của nhân loại, tình thương cha mẹ đối với con, và lòng hiếu đạo của con đối với cha mẹ vẫn không thay đổi. Dầu cho loài người tiến bộ đến bậc nào cũng không ai phủ nhận mối tình thiêng liêng ấy.

Loài người, người tự hào là một sinh vật thông minh nhất, giữa vũ trụ, vậy người thử cất nghĩa làm sao mối tình ấy thiêng liêng như vậy.

Khi mà con người còn có đủ hình dạng là con người, nghĩa là có đầu mình, chân tay, tai mắt mũi miệng, thì có lẽ tình thương ấy vẫn còn thiêng liêng và tồn tại

Vua Văn Vương là bậc chí hiếu, lẽ nào lại không biết đến Vô Kiết, một kẻ chí hiếu. Tình thiêng liêng của con người vượt hẳn pháp luật, vượt hẳn những gì ganh tị tầm thường, nó làm cho xã hội loài người tốt đẹp thay !

HỒI THỨ HAI MƯƠI BỐN

VĂN VƯƠNG RƯỚC KHƯƠNG THƯỢNG NƠI SÔNG VỊ

VÔ KIẾT đến mé Bàn Khê thấy Khương Thượng đang ngồi câu trên bàn thạch, vội chạy đến kêu lớn:

– Khương lão gia ơi !

Từ Nha nghe kêu ngoảnh lại, thấy Vô Kiết liền hỏi:

– Người phải gã tiểu phu hôm trước chẳng?

Vô Kiết nói:

– Lão gia quả thật thánh thần, có con mắt nhìn thấu đáo.

Từ Nha hỏi:

– Người đã làm chết người sao về được nơi đây?

Vô Kiết nói:

– Chẳng giấu gì lão gia, hôm đó tôi xuống Tây Kỳ bán củi gặp lúc quân lính dọn hàng cho xa giá vua đi, tôi lúnh quýnh quay gánh củi, rủi trúng nhằm một tên lính chết tươi. Vua bắt tôi đền mạng, tôi than khóc vì còn chút mẹ già không ai nuôi dưỡng. Lúc ấy có quan Đại phu là Nghi Sanh thấy thương tình tâu với vua cho tôi trở về lo tiền bạc, gạo thóc để dành cho mẹ tôi sinh sống, rồi sẽ đến nạp mình. Tôi thiết tưởng mẹ tôi đã già, không làm gì được, chỉ nhờ tôi nuôi dưỡng, nếu tôi

chết đi, mẹ tôi cũng chẳng sống được bao lâu nữa, lòng tôi đau xót quá. Xin lão gia ra ân cứu mạng tôi với, ơn ấy mẹ con tôi ngàn thuở không quên.

Tử Nha nói:

– Người có số mạng. Người làm chết người phải đền tội, ta làm sao cãi số trời cho được?

Vô Kiết khóc lóc, năn nỉ mãi:

– Lão gia đã có lòng nhân xin tìm cách cứu mẹ con tôi trong cơn tai nạn, dầu đến dầu bạc rằng lòng tôi vẫn không quên được.

Tử Nha thấy Vô Kiết lẩm lời năn nỉ, lại thương người có hiếu nên bảo:

– Nếu muốn ta cứu mạng, người phải gọi ta bằng sư phụ mới được.

Vô Kiết mừng rỡ lật đật sụp lạy, thưa:

– Xin sư phụ ra ơn làm phước, đệ tử không bao giờ đổi lòng.

Tử Nha nói:

– Người đã dốc lòng làm đệ tử tất nhiên ta phải ra sức cứu người. Vậy người về nhà đào một cái hầm dưới gầm giường, bề sâu bốn thước, tối đến người nằm dưới hầm ấy ngủ, dặn bà lão thấp một ngọn đèn chong dưới chân, một ngọn chong trên đầu, hốt ba nắm gạo trắng rắc lên mình, tử một mớ cỏ xanh trên miệng huyết. Ta ở nơi đây sẽ làm phép để người nằm dưới huyết mà ngủ. Sáng ngày người leo lên, cứ việc vác rìu vào núi đốn củi như thường, và người sẽ bình yên vô sự, không cần phải nạp mạng.

Vô Kiết tạ ơn chạy về nhà lập tức.

Có bài thơ khen Tử Nha rằng:

*Táy Bá bói tuy thiệt
Tử Nha ếm cũng mau.
Nếu không bày phép nhiệm
Saoặng đến sân châu?
Cứu một người tên Kiệt
Yên trăm họ nước Châu
Chẳng ra tài vương bá
Sao rõ mặt công hầu.*

Vô Kiệt về nhà mặt mày tươi như hoa mới nở, bà mẹ thấy Vô Kiệt như vậy biết việc đã xong, liền hỏi:

– Con cầu Khương lão gia, người dạy làm sao?

Vô Kiệt thuật lại cách dạy bảo của Tử Nha rồi lo đi cắt cỏ thấp đèn, dào huyết.

Còn Tử Nha đêm ấy cũng thức đợi đến canh ba, xoa tóc, cầm gương đốt bùa niệm chú, làm phép ếm đôi xong xuôi.

Sáng ngày Vô Kiệt đến lạy Tử Nha thưa:

– Đệ tử vâng theo lời thầy làm đủ phép.

Tử Nha nói:

– Việc ấy như vậy là xong, không còn lo sợ gì nữa. Nay ngươi đã làm đệ tử thì phải nghe lời ta, cứ buổi sáng vào núi đốn củi kiếm ăn, còn buổi chiều phải đến đây tập luyện võ nghệ để chờ ngày giúp nước. Vì nay Trụ Vương lỗi đạo, bốn trăm chư hầu đều nổi lên diệt bạo cứu nguy...

Vô Kiệt hỏi:

– Thưa sư phụ, bốn trăm trấn chư hầu nào vậy?

Tử Nha nói:

– Đông bá hầu Khương Vân Hoán cầm đầu hai trăm trấn chư hầu đánh ải Du Hồn, Nam bá hầu Ngạt Thuận cầm đầu hai trăm trấn chư hầu đánh ải Tam Sơn. Ta xem thiên văn thấy chẳng bao lâu nữa thiên hạ sẽ loạn. Vậy thì người cùng nên tập luyện võ nghệ cho thông, dặng mai sau kiếm cơ lập nghiệp, nếu cứ dốn củi mãi thì già đời cũng chỉ làm một gã tiểu phu mà thôi.

Vô Kiết theo lời Tử Nha dạy bảo, buổi mai vào núi dốn củi, buổi chiều đến Bàn Khê học nghề.

Bấy giờ Táng Nghi Sanh tính lại đã nửa năm rồi mà không thấy Vô Kiết đến nạp mình, liền vào tâu với Văn Vương:

– Tôi thấy Vô Kiết còn mẹ già nên tâu xin cho nó về lo việc cấp dưỡng một thời gian. Nay đã nửa năm, đúng hẹn mà không thấy nó đến trình diện, khi luật triều đình, xin Chúa công liệu cách trị tội.

Văn Vương liền lấy tiền ra gieo một quẻ để đoán việc ngay gian, chẳng ngờ vì có phép yểm của Tử Nha, khiến quẻ ứng rằng Vô Kiết đã gieo mình xuống sông tự vận rồi.

Văn Vương thương hại nói:

– Vô Kiết không phải trốn dâu. Bởi nó sợ hành hình nên trảm mình xuống sông tự vận. Nghĩ lại nó rui ro phạm tội không cố ý giết người, nay nó đã tự tử thì bỏ qua cũng được.

Văn Vương than thở một hồi rồi vào trướng nghỉ ngơi.

Ngày tháng cứ thoi đưa, thu đông qua rất chóng, mới đó mà đã vào tiết xuân rồi, đào lý đã nở hoa bướm ong tấp nập. Văn Vương thấy muôn hoa rực rỡ, trăm họ vui vậy, truyền hết thảy triều thần cho phép được du xuân mở hội.

Táng Nghi Sanh tâu:

– Ngày trước Chúa công ngự thấy điềm lành, nay nhân

tiết xuân mát mẻ. Chúa công cũng nên thả gót nhàn du may ra gặp được hiền thần trong mộng.

Văn Vương khen phải, liền truyền Nam Cung Hoát và Tân Giáp dẫn binh rồng theo hộ giá.

• Nam Cung Hoát và Tân Giáp tuân lệnh dẫn năm trăm quân, tôi chúa đồng kéo nhau đến Gò Nam xem hoa thưởng ngoạn.

Có bài thơ vịnh mùa xuân:

Vàng tía chen nhau ngập thế gian,

Ong qua bướm lại nhộn bên đàng

Khuyên ai chớ phụ thời xuân sắc.

Một tác ngày xuân một tác vàng.

Văn Vương và các quan vừa đến Gò Nam đã thấy dân chúng bao quanh, kẻ vác giáo, người cầm cung tên, dất muông, bủa lưới dường như họ đang bày cuộc săn bắn vậy.

Văn Vương lấy làm lạ hỏi Táng Nghi Sanh:

– Dân chúng làm gì vậy?

Táng Nghi Sanh tâu:

– Ngày nay Chúa công muốn vui chung với bá tánh nên họ bày cuộc săn bắn để Chúa công giải khuây.

Văn Vương không bằng lòng, nói:

– Xưa quan đại thần là Phong Hậu đem dâng thịt sống cho vua Phục Hy, vua Phục Hy nói: "Trời sanh loài cầm thú cũng biết đau đớn, sống chết như loài người, tại sao loài người lại giết chúng mà ăn thịt? Lòng ta chỉ muốn "sống" mà thôi, không đành làm "chết" một sinh vật nào cả. Như loài thảo mộc, không biết đau đớn, không có tri giác, ta có thể dùng nó nuôi sống loài người được. Ấy là vua Phục Hy sanh nhầm thời

thượng cổ, không có lúa gạo như bây giờ, mà không dành ăn thịt cầm thú thay, cho nên đời sau mới gọi là Thánh đế. Chúng ta ngày nay lúa gạo đầy đủ, ngũ cốc ê hề, đã no lòng còn đòi hỏi việc ngon miệng. Đang lúc mùa xuân ấm áp, mọi sinh vật phơi phơi như vậy, chúng ta nữ nào phá phách cho muôn thú vỡ ổ lạc bầy, bất nhân thất đức.

Bây giờ khắp chốn Tây Kỳ, trai gái đều điểm trang rực rỡ, kẻ ngâm thơ, người uống rượu, già đi trước trẻ theo sau, muôn vật như tăng phần linh động, Văn Vương lấy làm đẹp dạ, khen:

– Như thế này mới gọi là thái bình thịnh trị.

Táng Nghi Sanh tâu:

– Cõi Tây Kỳ thái bình lắm, chẳng khác trời Nghiêu, đất Thuấn thuở xưa.

Đoàn triều thần hộ giá Văn Vương đi từ chỗ này sang chỗ kia đến đâu cũng thấy dân chúng như vậy.

Xảy thấy có mấy người câu cá, vác cần câu trên vai nghêu ngao hát rằng:

*Vua Thành Thang đánh Hạ Kiệt
Y Doãn cầm binh xong các việc
Dựng cờ phạt tội kéo xông qua,
Đuổi kẻ bạo tàn đi mất biệt,
Hưởng sáu trăm năm bên mỗi nước,
Việc chánh ngày nay coi khác trước
Đào ao được rượu, thịt làm rừng.
Lộc dài xương máu cao ngàn thước
Đã mê tầu, lại tham dân
Đao binh bốn biển dậy âm âm*

*Chúng ta ẩn mặt ngoài sông biển.
Rửa tai chẳng chịu tiếng thâm trầm.
Ngày thời theo sóng ca óng óng
Đêm lại xem sao, trời lồng lộng
Sông dài biển rộng cứ gieo câu.
Đất trời che chở không cần lọng*

Văn Vương nghe ca, nói với Táng Nghi Sanh:

– Bài ca lời lẽ uyên thâm lắm, chắc trong đám người đó có người hiền.

Nói rồi truyền Tân Giáp đến hỏi đoàn người câu cá xem ai đã đặt ra bài ca ấy?

Tân Giáp tuân lệnh giục ngựa đến đoàn người câu cá lại hỏi:

– Chúa công có lệnh cho đòi người hiền sĩ nào đã đặt ra bài ca ấy.

Mấy người câu cá thất kinh quỵ xuống thưa:

– Chúng tôi tất cả đều là người hiền.

Tân Giáp hỏi:

– Người hiền gì mà đông dữ vậy?

Mấy người câu cá thưa:

– Chúng tôi sớm mai đi câu cá, buổi chiều lại nấu cơm thật là hiền lành, không hung dữ.

Văn Vương giục ngựa đến. Tân Giáp tâu:

– Ấy là mấy người đi câu cá, không phải bậc hiền sĩ.

Văn Vương nói:

– Nếu không phải bậc hiền sĩ sao lại có lời ca như vậy?

Mấy người câu cá tâu:

– Bài ca ấy không phải do chúng tôi đặt. Cách đây ba mươi dặm tại đất Bàn Khê, có một ông già ngồi câu cá thường ca bài ấy, chúng tôi thường nghe nên thuộc lòng ca ngâm ngao lúc hứng chí.

Văn Vương phán:

– Thôi các người lui về nghỉ.

Mấy người câu cá lạy tạ vua, dời gót. Văn Vương ngồi trên ngựa ngẫm nghĩ:

– Kẻ sĩ nào lại dùng tiếng "rửa tai" chắc là người khí phách lắm.

Táng Nghi Sanh thấy Văn Vương trầm tư, liền hỏi:

– Chúa công nghĩ gì vậy?

Văn Vương nói:

– Trong bài ca vừa rồi có hai tiếng "rửa tai", đó là tích của người xưa hay lắm.

Táng Nghi Sanh hỏi:

– Tâu Chúa công, tích ấy thế nào hạ thần chưa rõ.

Văn Vương nói:

– Nay Thiên tử ưa nghe tiếng dân là tiếng nhạc mất nước, nên người đặt bài ca đó tích Hứa Do rửa tai đời trước mà sánh mình.

Táng Nghi Sanh hỏi:

– Tích Hứa Do rửa tai thế nào?

Văn Vương giảng giải:

– Ngày xưa vua Nghiêu có chín người con trai, nhưng xét tánh tình không người nào hiền đức, vua Nghiêu sợ nếu để con mình nối ngôi trị thiên hạ sẽ ly loạn, vì vậy vua Nghiêu đi khắp thiên hạ tìm người hiền để nhường ngôi. Ngày kia,

vua Nghiêu đi đến chân núi thấy một người cầm chiếc bầu nhỏ đang múc nước dưới khe. Vua Nghiêu liền hỏi: "Người làm gì vậy?" Hứa Do nói: "Tôi gán cuộc đời ô trọc nên lánh mình một cõi, tìm thú thanh nhàn, không màng lợi danh, đôi ăn trái cây, khát uống nước suối, giữ mình trong sạch cho mãn kiếp thời thôi". Vua Nghiêu nghe mừng thầm nghĩ rằng người không ham phú quý, không ưa lợi danh chính thật người hiền, nếu truyền ngôi cho thế nào thiên hạ cũng được thái bình. Nghĩ như vậy, vua Nghiêu nói: "Trẫm thật là vua Nghiêu, già thường dân đi tìm người hiền đức để nhường ngôi. Vậy người là bậc hiền đức, hãy theo trẫm về triều thay trẫm trị thiên hạ. Hứa Do vốn không màng danh lợi, lại không thích công danh, nghe vua Nghiêu nói như vậy tuy làm thỉnh không dám cãi, nhưng lòng giận lắm, đập nát cái bầu, rồi bịt chặt hai tai, cong lưng chạy riết đến bến sông, vốc nước rửa tai mãi. Giữa lúc đó có Sào Phủ dắt trâu đến bến sông cho uống nước, thấy Hứa Do rửa tai mãi, không hiểu vì cớ gì, hỏi: "Tai anh dính vật gì dơ lắm sao mà rửa mãi vậy?" Hứa Do đáp: "Vừa rồi tôi gặp vua Nghiêu bảo tôi về triều để truyền ngôi. Tôi nghe tiếng danh lợi dơ tai quá nên chạy đến đây mà rửa. Nhưng rửa đã lâu mà tiếng ấy vẫn còn văng vẳng, chưa hết". Sào Phủ nghe nói liền dắt trâu lên trên dòng nước cho uống. Hứa Do hỏi: "Sao anh không cho trâu uống nước tại bến như thường lệ?" Sào Phủ nói: "Tai anh dơ lắm sợ trâu tôi uống dơ miệng". Ấy là tích Hứa Do, Sào Phủ thời xưa. Nay người này lấy tích ấy ví mình là kẻ thanh bạch.

Vua tôi vừa đi vừa nói chuyện với nhau. Bỗng thấy có mấy người gánh củ đi tới, cao giọng hát:

*Phụng chẳng thiếu, mà lân cũng có
Chẳng phải thời nên không chịu tỏ
Rồng bay, mây kéo gió theo hùm ,*

*Trách đời sao chẳng tìm trăng tỏ.
Há chẳng thấy người cày ruộng Hứa Sảng
Nói nghề vua Thuấn giữa lòng hằng
Chẳng gặp Thành Thang ba bận rước,
Cũng đành trọn kiếp giấu tài năng.
Lại chẳng thấy như ông Phú Duyệt
Lạnh lẽo dầm mưa lại dầm tuyết,
Nếu chẳng Cao Tông thấy gấu bay,
Mang tôi dựa vách không ai biết.
Người hiền hết nhục tới khi vinh,
Không lẽ anh hùng cam phận thiệt,
Muộn như ông cú cũng không phiền,
Thu lại thơm tho rục rỡ tiếng,
Cái số công hầu không chạy khỏi,
Cười trời một tiếng, đợi vua hiền.*

Văn Vương và các quan ngồi trên ngựa nghe ca đều lấy làm lạ, Văn Vương nói:

– Trong đoàn người này chắc có hiền sĩ.

Liên khiến Tân Giáp đi mời nữa. Tân Giáp tuân lệnh giục ngựa đến hỏi:

– Trong đám người này có ai là người hiền tài xin mời ra đây cho Đại vương dạy việc.

Mấy người gánh củi liền để gánh xuống chấp tay thưa:

– Chúng tôi chỉ có tài đốn củi chớ không có tài gì khác cả.

Văn Vương vừa đến nơi, Tân Giáp tâu:

– Họ cũng không phải là hiền tài đâu, xin Chúa công chớ nhọc lòng nghĩ đến họ.

Văn Vương nói:

– Nếu không phải hiền tài sao lại đặt được bài hát có ý nghĩ sâu xa như vậy?

Một người trong đám tiểu phu tâu:

– Chúng tôi đồn cũi thường đi ngang qua chốn Bàn Khê nghe ông già câu cá hát bài này, chúng tôi thuộc lòng và ca hát làm vui lúc mệt nhọc.

Văn Vương nói:

– Nếu không phải các người đặt ra bài hát ấy thì hãy lui về mà nghĩ.

Mấy gã tiểu phu lay tạ rồi gánh cũi lên đường.

Văn Vương ngồi trên ngựa ngẫm nghĩ mãi hai bài ca vừa rồi trong lúc đó triều thần ai nấy uống rượu thưởng hoa. Bỗng có một người gánh cũi đến, miệng hát nghêu ngao mấy câu:

Nước dọn trong veo, cảnh thật thanh,

Hùm thiêng chưa gặp, ẩn non xanh.

Người đời chẳng biết trang hiền sĩ.

Cứ nói ông câu dựa mé gành.

Văn Vương nghe tiếng ca, khen:

– Người này chắc là hiền sĩ đấy.

Táng Nghi Sanh vào tâu:

– Người ấy sao giống Vô Kiết, kẻ tội nhân giết người ngày trước vậy?

Văn Vương nói:

– Quan Đại phu nhìn lầm rồi. Vô Kiết đã sợ tội nhảy xuống sông trảm mình, lẽ nào còn sống trên thế gian?

Táng Nghi Sanh ngồi trên ngựa ngẫm nghĩ một hồi, thấy quả là Vô Kiết, không còn nghi ngờ gì nữa, liền sai Tân Giáp đến bắt.

Tân Giáp vâng lời giục ngựa đến trước. Võ Kiệt trông thấy xe giá không biết trốn vào đâu, phải để gánh củ xuống bên đường quì mọp xuống đất. Tân Giáp thấy quả Võ Kiệt, liền đến trước mặt Văn Vương tâu:

– Người ấy quả là Võ Kiệt, tên giết người ngày trước.

Văn Vương nổi giận hét lớn:

– Đứa thất phu, dám khi dễ ta như vậy.

Rồi quay lại nói với Táng Nghi Sanh:

– Người dẫu xảo trá như vậy phải làm tội bằng hai, xử theo án sát nhân để răn chúng.

Nói rồi lại than:

– Nếu quả Tiên thiên ta bói không thiệt thì còn truyền lại cho dân chúng làm gì?

Táng Nghi Sanh nói:

– Dân xứ Tây Kỳ này thuở nay chưa hề có ai ngang ngạnh như vậy, chẳng biết Võ Kiệt có điều gì uẩn khúc không, xin Chúa công để tôi hỏi lại nó thử.

Liền giục ngựa tới hỏi:

– Người hứa với Chúa công trở về lo việc cấp dưỡng mẹ già xong trở lại dền tội, tại sao lỗi hẹn?

Võ Kiệt nói:

– Tôi không dám bỏ phép. Bởi có một ông già câu cá tại Bàn Khê họ Khương tên Thương, tên chữ là Tử Nha, biệt hiệu Phi Hùng, bảo tôi làm học trò thì cứu toàn tánh mạng. Người ấy dạy tôi về đào huyết, chong đèn trên đầu một ngọn, dưới chân một ngọn, hốt gạo vãi lên mình, lấy cỏ tú lại, qua một đêm thì khỏi chết luôn. Tôi còn mẹ già, không nỡ chết bỏ mẹ tôi nên nghe lời trốn pháp luật xin quan trên nghĩ lại.

Táng Nghi Sanh nghe nói mừng rỡ, quỳ tâu với Văn Vương:

– Vô Kiết nói có ông già câu cá hiệu Phi Hùng thì quả là người Chúa công ứng mộng. Xưa Thương Cao thấy gấu bay mà được ông Phú Duyệt ra phò nay Đại Vương thấy cọp có cánh chắc là Khương Tử Nha, người câu cá nơi Bàn Khê đấy. Xin Chúa công tha tội cho Vô Kiết, khiến nó dẫn đến Bàn Khê tìm Khương Tử Nha về dùng.

Văn Vương y tấu, truyền bá quan văn võ theo Vô Kiết đến Bàn Khê. Vô Kiết được tha tội chết mừng rỡ bỏ gánh củi, dẫn Văn Vương và đoàn tùy tùng trở lại rừng xanh.

Bấy giờ Văn Vương và các quan không dám cỡi ngựa sợ người hiền giết mình ẩn mặt, nên xuống yên dắt ngựa theo sau Vô Kiết.

Còn Vô Kiết trở về đến Bàn Khê thấy Khương Thượng râu mắt, lòng thất kinh, dáo dác tìm kiếm quanh. Táng Nghi Sanh hỏi:

– Người hiền đi vắng rồi sao?

Vô Kiết nói:

– Sư phụ tôi mới vừa ngồi đây, không biết vì sao vắng mặt.

Văn Vương hỏi:

– Nhà cửa người hiền ở chỗ nào?

Vô Kiết chỉ tay về phía trước tâu:

– Túp liều tranh nhỏ trước mặt kia là chỗ sư phụ tôi nương náu.

Vô Kiết dắt Văn Vương đến đó, thấy túp liều xiêu vẹo xung quanh che bằng trúc đan. Văn Vương gõ nhẹ vào tấm phen làm cửa thì thấy một thằng bé nhắc tấm phen bước ra, Văn Vương hỏi:

– Có thầy người ở nhà không?

Thằng bé nói:

– Sư phụ tôi đi chơi với bạn hữu.

Văn Vương hỏi:

– Chùng nào về?

Thằng bé nói:

– Không biết chùng. Có khi một ngày, có khi đôi ba bữa. Có lúc gặp bè gặp bạn dạo nước dạo non nên không biết chùng nào mà dám chắc.

Táng Nghi Sanh tâu với Văn Vương:

– Phép cầu người hiền phải có lòng thành. Hôm nay Chúa công đi dạo xuân tình cờ đến đây nên người hiền không ra mặt. Xưa vua Thần Nông tìm Trường Tang, vua Thành Thang tìm Y Doãn đều phải ăn chay tắm gội, coi ngày lành đem lễ vật đến rước, như thế mới tỏ ra kính hiền đãi sĩ. Xin Chúa công noi gương ấy, trở về sắm sửa vài ngày nữa sẽ đến rước.

Văn Vương khen:

– Quan đại phu nói phải lắm.

Liên truyền Võ Kiệt theo xa giá về trào. Chúa tôi trở lại trông thấy bên khe cảnh vật tốt tươi, Văn Vương đẹp ý ngâm lên bài thơ.

Phong cảnh xuân thời đẹp dễ thay

Người hiền ẩn mặt bấy lâu nay

Tới nơi không thấy người câu cá

Thiên hạ sầu riêng biết mấy ngày.

Văn Vương bịn rịn mãi nơi Bàn Khê, đi không dứt. Táng Nghi Sanh năn nỉ khuyên lơn, vua tôi về thành thì trời đã tối mịt. Văn Vương cầm bá quan ở lại trong điện ăn chay ba bữa,

ngủ trong đền lớn, ai nấy tắm gội sạch sẽ, đợi ngày đi rước người hiền.

Nam Cung Hoát thấy vậy tâm với Văn Vương:

– Ông già câu cá nơi Bàn Khê chưa chắc đã thực tài. Chúa công ăn chay tắm gội, đem lễ vật đến cầu, nếu làm người vô dụng có phải thất công, nhẹ thể đi không. Vậy để ngày mai tôi vâng lệnh Chúa công đến đó thỉnh lão về triều như quả thật hiền sĩ thì phong chức lớn, dùng vào việc nước, còn nếu lão chỉ là một gã ngu phu già cả thì đuổi về câu cá cho xong.

Táng Nghi Sanh nói lớn:

– Tướng quân không nên có ý nghĩ như vậy. Nay thiên hạ loạn ly nhân tài ẩn nấp trong núi non, nếu không biết trọng họ thì làm sao họ chịu đem tim óc ra giúp đời. Chúa công phải noi theo dấu xưa, trọng hiền mến sĩ mới được.

Nam Cung Hoát nói:

– Người hiền không phải dễ kiếm, không phải nghe người ta có tài tin theo, ít ra phải thử thách tài năng trước khi trọng dụng. Nay Chúa công ăn chay tắm gội, đem trọng lễ đến rước ông già câu cá, nếu ông ấy không phải người tài thì sao?

Táng Nghi Sanh nói:

– Không hại gì cả, Chúa công sẽ được tiếng trọng hiền. Kẻ bất tài mà Chúa công còn trọng như vậy thì kẻ có tài sẽ ao ước được ra phò Chúa công. Vả lại, người này biệt hiệu Phi Hùng thì đúng với điều mộng của Chúa công rồi, không còn nghi hoặc gì nữa.

Văn Vương nói:

- Quan đại phu nói phải lắm, Nam Tướng quân chớ tị hiềm mà hổng việc lớn.

Bấy giờ cả triều thần đều theo lệnh Văn Vương, ăn chay tám gôi ba ngày để đến Bàn Khê rước Tử Nha.

Người sau có thơ rằng:

*Kìa là chuông trống, nọ đồn ca
Ấy lễ Văn Vương rước Tử Nha
Cơ nghiệp nhà Châu gần sửa trị
Tám trăm năm lễ thấy âu ca.*

Văn Vương theo lời Táng Nghi Sanh, đến ngày thứ tư sắm sửa lễ vật, chỉnh đốn áo mũ, truyền quân khiêng đến Bàn Khê, vua tôi cùng đi đông đúc. Văn Vương lại phong Vô Kiết làm Vô Đức tướng quân, truyền dẫn đường. Thiên hạ nghe đồn việc ấy đều rủ nhau đi xem.

Văn Vương dẫn các quan đến gần Bàn Khê đều xuống ngựa đi bộ xa xa thấy dạng Khương Tử Nha đang ngồi câu trên thạch bàn. Văn Vương liền rón rén bước đến sau lưng, không dám động.

Còn Tử Nha đã đoán trước, biết có vua nước Châu đến rước, liền ngồi làm tỉnh, vừa câu cá, vừa ca lên mấy câu:

*Gió Tây dậy thì mây trắng bay
Năm đã tàn rồi, tuổi lớn thay
Chim phụng gáy thì vua trở mặt
Thả nhợ câu này ai có hay.*

Tử Nha ca xong, Văn Vương mới cất tiếng hỏi:

- Người hiền có vui không?

Tử Nha ngó ngoái lại thấy Văn Vương liền bỏ cần câu cúi đầu thi lễ, tâu:

– Tôi không biết Đại vương đến nên trễ việc tiếp nghinh xin Đại vương tha tội.

Văn Vương vội vàng đỡ dậy, bái và nói:

– Trẫm ái mộ tiên sinh đã lâu, đến đây một lần không gặp mặt. Trẫm xét mình có lỗi không biết người hiền, nên ăn chay ba bữa, tắm gội sạch sẽ đến đây cầu ra mắt.

Tử Nha lật đật quỳ mọp xuống đất tạ tội và dất Văn Vương về nơi túp lều tranh. Đến nơi, Tử Nha sụp lạy một lần nữa. Văn Vương đáp lễ và nói:

– Trẫm nghe tiếng cao minh, nhưng chưa gặp mặt, hôm nay hân hạnh được tương phùng, xin tiên sinh làm ơn chỉ giáo trẫm đôi điều về dân nước.

Tử Nha khiêm nhượng nói:

– Tôi ngu phu già cả, không tài trí gì hết, vô không đủ đẹp loạn, vẫn không đủ trị dân, nhờ ơn Đại vương đoái thương sợ dền ơn không đáng.

Táng Nghi Sanh nói:

– Chúa công tôi đã hết lòng chiêu cố, tiên sinh chớ khiêm nhượng làm gì. Nay thiên hạ loạn ly, Trụ Vương lỗi đạo, dẫm mê tửu sắc, giết hại trung thần, gần nịnh xa trung, khiến chư hầu làm phản. Chúa công tôi ngày đêm lo lắng không an, nghĩ đến trăm họ khổ sở, trông người hiền như khát nước, tiên sinh là bậc nhân tài, lẽ nào ẩn dật mãi không ra cứu dân độ thế?

Nói rồi dâng lễ vật lên, Tử Nha thấy vua tôi Văn Vương trọng mình như vậy không còn lời lẽ nào từ chối nữa, liền nhận lễ vật sai đồng tử đem cất vào nhà trong.

Văn Vương mời Tử Nha lên xe rồng rước về triều. Tử Nha lật đật quỳ thưa:

– Phận tôi tài hèn sức yếu, được Đại vương thương tưởng đến nguyện đem tim óc đền ơn, lễ dâu dạm ngồi xe Đại vương mà lỗi đạo tôi chúa.

Văn Vương nói:

Ấy là lòng trăm kính người hiền, xin tiên sinh chớ ngại.

Tử Nha một mực chối từ, nhất thiết không chịu ngồi chung xe với Văn Vương. Táng Nghi Sanh nói:

– Hiền sĩ đã giữ lễ như vậy thì xin mời hiền sĩ lên ngựa vậy.

Tử Nha thuận lòng lên ngựa theo hầu, cùng đi về triều với các quan văn võ. Lúc bấy giờ Tử Nha đã tám mươi tuổi.

Có bài thơ khen rằng:

*Thả môi câu cá đã hằng lâu,
Chờ vượn râu mày bạc trắng phau
Phải dọa hết trông câu quạ rì
Lội sông còn nhớ ấn công hầu .
Kính luân trong túi tươi như gấm
Thao lược bên lòng sáng tựa châu.
Mới biết hùm già sanh cặp cánh,
Ba ngàn bờ cõi một tay thâu.*

Văn Vương rước Tử Nha về đến Tây Kỳ, trăm họ ai thấy cũng mến đức.

Vào đền, Văn Vương phong Tử Nha làm thừa tướng. Tử Nha lạy tạ ơn, Văn Vương truyền mở tiệc đãi dăng, vua tôi hoan hỉ.

Từ đấy Tử Nha lãnh chức trị nước rất yên, trị dân phải phép, thiên hạ đều tùng phục, quân tướng kính vì.

Ít ngày sau, Văn Vương truyền lập dinh cho Tử Nha ở.

LỜI BÀN

– Anh hùng tạo thời thế, và thời thế cũng tạo anh hùng. Đó là hai việc tương quan không thể tách rời được.

Từ xưa, người ta đã chú trọng đến việc anh hùng tạo thời thế; quan niệm ấy nằm trong đầu óc các bậc vua chúa. Họ quan niệm rằng muốn định bá đồ vương, xoay đổi thời cuộc nhất thiết phải có một người phi thường. Người phi thường ấy chính là anh hùng vậy.

Chính sách chiêu hiền đại sĩ chính là chánh sách tìm nhân tài để tạo thời thế của người xưa. Một nhân tài ra đời, cuộc diện xã hội biến đổi. Một nước có thể nhờ vào một nhân tài mà bình thiên hạ, đem lại lợi ích cho quốc gia, thế thì nhân tài đối với thời cuộc là một yếu tố quan trọng, từ xưa đến nay không ai có thể phủ nhận được.

Tuy nhiên thời thế cũng tạo ra anh hùng. Nếu không nhờ vào thời thế thì không thể có anh hùng được. Ví như vua Trụ nhà Thương không ham mê tửu sắc, không bị Đắc Kỷ phá phách làm cho trăm họ lầm than, nước non điêu đứng thì làm sao có được anh hùng Tử Nha phò Châu diệt Trụ, dựng nên cơ nghiệp nhà Châu.

Thời thế phải nhờ tay anh hùng mới ổn định, và anh hùng phải nhờ ở thời thế mới phát sinh. Yếu tố anh hùng tạo thời thế, thời thế tạo anh hùng là hai mối tương quan vậy.

Ngày xưa, thời phong kiến, kẻ anh hùng đem tài mình phụng sự cho một cá nhân, giành quyền lợi cho một ông vua, vì vậy chính những bậc vua chúa ấy là kẻ được hưởng phải biết trọng hiền, đãi sĩ, phải xem người hiền như bậc tiên sư, có như vậy người tài mới chịu đem thân ra hy sinh

cho cá nhân mình, nếu không họ đành ẩn dật, chôn vùi tài năng trong rừng sâu hố thẳm, không để ai lợi dụng được. Còn ngày nay, quyền lợi của nước là của chung cho một dân tộc. Kể có tài không thể ẩn dật như thuở trước, mà phải nhìn thấy có trách nhiệm chung, không đợi ai cầu cạnh, nếu gặp cơ hội thuận tiện, phải đem tài ra làm cho nước mạnh, dân cường, tranh đấu với năm châu thế giới. Người anh hùng thời nay khác với người anh hùng thời xưa ở chỗ đó.

HỒI THỨ HAI MƯƠI LĂM

HỒ LY DỌN TIỆC MỜI YÊU QUÁI

KHI hai tướng trấn ải Tị Thủy là Hàng Vinh hay tin Văn Vương dùng Tử Nha làm tướng, coi lo việc nước Châu, vội làm sớ về triều báo với Trụ Vương.

Thừa tướng Tì Can ngày kia tiếp được sớ của Hàng Vinh, thất kinh nghĩ thầm :

– Tử Nha là bậc anh hùng thời nay. Bởi Thiên tử không biết dụng người nên Tử Nha mới bỏ Trụ trốn sang Châu phò Văn Vương. Văn Vương mà được Tử Nha chẳng khác rồng mây gặp hội, e sau này nhà thương mang khốn.

Nghĩ như vậy nên không dám bỏ qua, liền đem tờ sớ ấy đến lầu Trích Tinh trình với vua Trụ.

Trụ Vương thấy Tì Can cúi núp dâng sớ, vội hỏi:

– Hoàng thúc định dâng sớ khuyên can trăm việc gì đó?

Tĩ Can tâu:

– Không phải sớ của hạ thần, mà là của quan Tổng trấn ải Tị Thủy là Hàng Vinh vừa gởi về triều.

Vua Trụ hỏi:

– Trong sớ nói việc gì?

Tĩ Can tâu:

– Cơ Xương sau khi về Tây Kỳ lại thỉnh Khương Tử Nha về làm tướng. Tử Nha là bậc anh tài, lại phò Cơ Xương khác gì cá gặp nước, rồng gặp mây. Vả trong lúc Nam bá hầu đang dấy binh đánh ải Tam sơn, Đông bá hầu đang dấy binh đánh Du Hồn, còn Thái sư Văn Trọng cầm quân dẹp phương Bắc cũng chưa yên, nếu Văn Vương dấy binh Tây châu nữa thì bốn phương thiên hạ đều ly loạn, việc này rất quan trọng, xin bệ hạ suy tính để có kế hoạch đối phó lẽ nào?

Vua Trụ ngồi trăm ngăm một lúc rồi phán:

– Thôi được, Hoàng thúc về dinh an nghỉ, để sáng mai trăm lâm triều cùng với văn võ bá quan bàn tính mới được.

Giữa lúc đó quan Thái giám vào tâu:

– Bắc bá hầu Sung Hầu Hồ xin vào yết kiến bệ hạ. Còn đợi lệnh ngoài cung môn.

Vua Trụ liền đòi Sung Hầu Hồ lên Trích Tinh lầu hỏi:

– Khanh muốn tâu việc chi?

Sung Hầu Hồ nói:

– Tôi vâng lệnh bệ hạ cất Lộc dài đúng hai năm lẻ bốn tháng nay đã hoàn thành, nên phải vào tâu cho bệ hạ rõ.

Trụ Vương mừng rỡ, khen ngợi chẳng cùng. Sung Hầu Hồ lại tâu:

– Tôi quên ăn quên ngủ, dốc thúc ngày đêm, công việc nay mới hoàn thành, lòng mừng chẳng xiết.

Trụ Vương phán:

– Công ơn của khanh trăm sẽ đền đáp xứng đáng. Nay lòng trăm đang có việc lo, chẳng biết khanh có mưu nào giúp trăm chăng?

Sùng Hầu Hổ tâu:

– Bệ hạ đang lo việc gì xin cho hạ thần biết.

Trụ Vương nói:

– Cơ Xương trốn về nước, lại thỉnh Tử Nha làm tướng có ý phản Thương, Hàng Vinh vừa dâng sớ về triều. Tỉ Can Thừa tướng cũng đang sốt ruột về việc ấy.

Sùng Hầu Hổ ngạo nghễ cười lớn:

– Cơ Xương tuổi đã già, Khương Tử Nha tuổi đã tám mươi, hai người ấy chẳng khác như hai cái xác ve nằm ôm nhánh dương khô, còn làm gì được nữa mà sợ. Bệ hạ không cần đem binh chinh phạt, cũng không cần bàn luận đến hao tổn tinh thần.

Vua Trụ khen phải, bỏ qua việc Văn Vương, không luận đến nữa, và nói với Sùng Hầu Hổ:

– Nay Lộc dài đã làm xong, trăm và Hoàng hậu sẽ ngự đến đó xem chơi cho biết, vậy hai khanh đến trước dưới đài chờ trăm.

Đoạn truyện chỉ đem xe rồng đi dạo Lộc đại.

Có bài thơ nói về Lộc dài:

Lộc dài vọi vọi thấy mây xanh.

Cơ nghiệp nhà Thương sợi chỉ mảnh

Thuế nặng, sưu cao, dân khổ cực,

*Cầu vui, chúc oán, chúa không lành,
A dua, Bí Trọng bày mưu độc.
Tham nhùng, Sùng Hầu móc túi dân
Bao quân tốn công hao của nước,
Rủ ren hồ mị, đến đêm thanh.*

Vua Trụ và Đắc Kỷ cùng lên xe Thất hương, thị nữ dập dìu, cung nga chen chúc, xúm nhau hầu hạ đi đến Lộc đài.

Vua Trụ dặt tay Đắc Kỷ xuống long xa, lên đài xem thử, cảnh vật khác nào lâu các cảnh tiên, đền đài cõi Phật. Ngà ngọc, xà cừ chen sắc, bạc vàng, mã não thêu hình. Trên lầu làm nhiều thứ phi cầm, ngoài các chạm những con tẩu thú, trái châu gắn chói lòa, hột ngọc đủ màu nhấp nhánh.

Tì Can và Sùng Hầu Hồ cũng đi theo. Tì Can thấy Lộc đài rực rỡ, nghĩ đến việc hao của hại dân thì buồn bực, mặt ủ mày chau, còn Sùng Hầu Hồ thì hìu hìu tự đắc công trạng của mình đã hoàn thành được Trụ Vương cho phép dự.

Trong tiệc, Trụ Vương hỏi Đắc Kỷ.

– Ái khanh có nói hễ Lộc đài lập xong thì có thần tiên giáng hạ, nay Lộc đài hoàn thành rồi, chẳng biết trăm có duyên phúc gặp dạng quần tiên chăng?

Nguyên trước đây Đắc Kỷ bày ra Lộc đài là có ý hại Tử Nha, nên mới vẽ họa đồ, và nói gạt vua Trụ như vậy. Nay vua Trụ nhắc đến, Đắc Kỷ không biết làm sao, liền trả lời mập mờ rằng:

– Thần tiên ưa cảnh thanh tịnh phong lưu, nếu gặp đêm rằm, trăng thanh gió mát, thế nào cũng đến.

Vua Trụ nói:

– Bữa nay là mồng mười rồi, chỉ còn năm hôm nữa đến

ngày rằm, nếu gặp đêm trăng sáng sủa, ái khanh gắng sức làm thế nào để trằm thấy mặt các vì tiên.

Đắc Kỷ không biết làm sao từ chối, phải chịu đỡ:

– Xin bệ hạ an lòng, thần thiếp đoán chắc bệ hạ sẽ được toại nguyện.

Hôm đó, Trụ Vương ở trên đài uống rượu quá nhiều, nên say mềm, lại dắm nguyệt hoa quá sớm, đêm đến ngủ vùi không còn biết gì nữa. Đắc Kỷ thấy vua Trụ muốn gặp thần tiên, lo lắng không sao ngủ được, nhằm lúc canh ba, Đắc Kỷ liền xuất hình hồ ly, nổi trận gió bay về mã Huỳnh Đế.

Lũ cáo trong hang thấy Hồ Ly tinh trở về, vội rước vào mừng rỡ. Cửu Đầu Tri Kê ra mắt, Hồ Ly tinh, hỏi:

– Chị về đây có việc gì lạ chẳng?

Hồ Ly tinh nói:

– Em ơi, tuy chị được ngày ngày gần Thiên tử, đêm đêm được kẻ quân vương, song vẫn không quên chị em và con cháu. Nay Thiên tử lập xong Lộc đài, muốn được tận mắt trông thấy tiên nữ giáng lâm, chị nghĩ ra một kế, muốn đưa các chị em và con cháu mình đến đấy, giả làm tiên để gạt Trụ Vương vui say một bữa cho thỏa tình hoài vọng của chị

Tri Kê đáp:

– Muốn giả làm tiên phải biến hóa tinh thông, nhưng trong động chúng ta có một số con cháu tu luyện còn non nớt, chưa thể biến hóa nổi.

Hồ Ly tinh nói:

– Việc đó chị biết rồi. Ai biến hóa được thì đi, ai biến hóa chưa được phải ở nhà giữ gìn thạch động.

Tri Kê nói:

– Tính ra động ta hiện nay có thể biến hóa độ ba mươi chín người.

Hồ Ly tinh nói:

– Như thế thì tốt lắm. Cứ con trai thì biến làm tiên ông, con gái thì biến thành tiên nữ, trẻ nhỏ thì biến hình đồng tử, đúng đêm rằm đến Lộc đài dự yến thưởng thức món ngon vật lạ.

Hồ Ly tinh căn dặn hết các việc rồi từ giã trở về Lộc đài, thấy vua Trụ vẫn còn ngủ say, chẳng hề hay biết gì cả.

Rạng ngày Trụ Vương tỉnh rượu, hỏi Đắc Kỷ:

– Ái khanh liệu đêm rằm sắp đến có thần tiên giáng hạ không?

Đắc Kỷ tâu:

– Xin bệ hạ truyền chỉ dọn một đại yến nơi Lộc đài gồm ba mươi chín cỗ, đợi đêm thanh trăng tỏ, thế nào thần tiên cũng hiện xuống. Bệ hạ mà thấy được thì tuổi thọ sống lâu, lại thêm sức khỏe.

Trụ Vương mừng rỡ nói:

– Nếu thần tiên đến Lộc đài, khanh nhắm ai có thể hầu rượu được.

Đắc Kỷ nói:

– Phải chọn một vị quan lớn trong triều, tửu lượng cho cứng mới được.

Vua trụ phán:

– Chỉ có Thừa tướng là mạnh rượu hơn cả.

Liên truyền Tì Can đến hầu lập tức. Tì Can được chiếu triệu vội vào ra mắt. Trụ Vương nói:

– Đêm rằm, lúc trăng mọc có thần tiên đến Lộc đài dự yến, phần Hoàng thúc lo việc đãi rượu thay mặt trẫm.

Tì Can vâng lệnh trở về dinh, nghĩ không ra lẽ, than thầm:

– Nước nhà gần ly loạn, thiên tử đắm mê tửu sắc lại mơ tưởng chuyện hào huyền. Làm gì có thần tiên giáng hạ, ăn tiệc nơi Lộc đài?

Tuy vậy, Tì Can vẫn không dám trái lệnh, chuẩn bị ứng hầu.

Đến ngày rằm, vua Trụ truyền dọn đủ ba mươi chín cỗ trên lầu chia ra ba từng, mỗi từng mười ba ghế. Trong cho trắng mọc, để được thấy mặt thần tiên.

Đắc Kỷ dắt Trụ Vương lên lầu ngồi uống rượu, và tâu:

– Nếu thần tiên hiện đến, Bệ hạ chẳng nên ra, vì thần tiên ưa tự do và thanh tịnh, không thích lễ nghi, Bệ hạ chỉ cần trông thấy họ cũng đủ hưởng phúc rồi.

Vua Trụ khen:

– Ái khanh nói phải lắm.

Mặt trăng vừa lộ dạng, ánh vàng lả lướt gieo khắp trần gian, trên Lộc đài đèn đuôi rực rỡ, yến tiệc sẵn sàng, đủ cả các món cao lương mỹ vị. Bỗng có một trận gió thổi tới vù vù làm cho sánh đèn xao động.

Có bài thơ rằng:

*Yêu tình giáng hạ gió toi bời
Mù mịt mây che tối đất trời
Tin mị, Trụ Vương ngồi mọc óc
Bằng lòng Đắc Kỷ dựa hà hơi.
Ngỡ là đẹp miệng lòng vui vẻ.
Hay nổi mang tai phải rã rời.
Vương khí gần miền, yêu khí dứt
Để sau thiên hạ biếm muôn đời.*

Mấy con Hồ ly ở mã Huỳnh Đế nhờ hơi nhật nguyệt, tụ khí càn khôn, những con nào từ một trăm năm sắp lên đều hiện dạng hình người hết thấy, lớp hóa tiên nữ, lớp hóa tiên ông, đông giá vũ đẳng vân đến Lộc đài dự yến.

Lúc các yêu vào trong đền rồi thì mặt trắng tỏ rạng như thường. Đắc Kỷ nói nhỏ với vua Trụ:

– Thần tiên đã giáng hạ.

Vua Trụ lòng phơi phới, ngồi trong rèm nhìn ra thấy nhiều người mặc áo rộng, kẻ màu này, người màu khác: xanh, trắng, vàng, đen. Người đội mào đuôi cá, kẻ đội mào đạo sĩ, người dùng bao đánh khác nhau. Tiên ông chừa hai vá, tiên nữ trâm cài lược giắt...

Trụ Vương sung sướng đến ngây người. Bỗng nghe có một tiên ông nói:

– Nay nhờ Trụ Vương thiết đãi, dọn Lộc đài xứng đáng, bày ngự tửu ê hề, chúng ta cầu chúc cơ đồ Trụ Vương bền vững muôn năm, Trụ Vương sống lâu muôn tuổi.

Đắc Kỷ vội truyền chỉ:

– Quan bồi yến đâu? Mau lên đài đãi rượu.

Tì Can lật dật bước lên lầu, thấy người nào khí tượng cũng siêu phàm, có vẻ tiên phong đạo cốt, lấy làm lạ, vội bước đến lạy mừng.

Có một ông tiên hỏi:

– Thầy là ai vậy?

Tì Can đáp:

– Tôi là A tướng Tì Can đến đây hầu yến.

Tiên ông nói:

– Có duyên trong một tiệc, cho sống được ngàn năm.

Tỉ Can nghe nói sanh nghĩ:

– Không lẽ thần tiên lại ăn nói như vậy.

Có tiếng Đắc Kỷ ở sau màn truyền rằng:

– Quan bồi yến hãy rót rượu cho đủ.

Tỉ Can tuân lệnh rót đủ ba mươi chín bàn, đến bàn nào Tỉ Can cũng nghe mùi chồn nồng nực, liền nghĩ thầm:

– Thần tiên là bậc thanh khiết sao lại hôi chồn? Đây chắc Thiên tử hết thời nên khiến yêu quái lộng hành như vậy.

Còn đang ngẫm nghĩ, đã nghe tiếng Đắc Kỷ truyền:

– Quan bồi yến hãy dâng rượu cho khắp các chỗ.

Tỉ Can vội rót rượu đi dâng. Hễ dâng qua một bàn Tỉ Can phải uống một chén. Vì vậy khi dâng đủ các chỗ, Tỉ Can phải uống đến ba mươi chín chung. Tuy vậy Tỉ Can mạnh rượu lắm, không hề say.

Qua một lúc, Đắc Kỷ lại truyền:

– Quan bồi yến hãy dâng một tiệc rượu nữa.

Tỉ Can tuân lệnh rót rượu đi khuyên mời giáp vòng, không sót chỗ nào. Bồi ngự tửu ngon lắm, Tỉ Can lại dùng chén lớn, nên các hồ ly ở động yêu chưa từng dùng, nhiều con uống say mặt đỏ gay không còn giữ mình được, yêu khí hiện ra, đuôi chồn lòi ra dậm đuộc. Ánh trăng rằm sáng tỏ, Tỉ Can trông thấy rất rõ ràng, lòng hần học, nghĩ thầm:

– Mình là Thừa tướng dương trào lại phải lay loài yêu quý.

Càng nghĩ, Tỉ Can càng đau lòng khó chịu, nghiêng răng trợn mắt làm thính. Song mỗi lúc mùi chồn càng thêm hôi hám không thể chịu nổi nữa.

Bấy giờ, Đắc Kỷ muốn dâng thêm một tuần rượu nữa, nhưng sợ bạn bè và con cháu mình quá say hiện nguyên hình thì khốn, nên vội truyền lệnh Tỉ Can.

– Thôi, quan bồi yến xuống đài, để cho các tiên về động.

Tỉ Can vâng lệnh, che mặt xuống lầu, vừa tức cười, vừa tức giận. Đi khỏi lầu Phấn cung, Tỉ Can đã thấy bọn quân hầu mình thẳng sẵn yên cương, dắt ngựa đến chờ. Tỉ Can liền lên yên, khiến quân xách cặp đèn lồng đi trước, định trở về dinh an nghỉ. Nhưng vừa bước đi được vài dặm, xảy gặp Hoàng Phi Hổ dẫn quân đi tuần hành, đèn đuốc sáng ngời.

Hoàng Phi Hổ thấy Tỉ Can liền xuống ngựa hỏi:

– Thừa tướng có việc gì gấp mà đi về nửa đêm?

Tỉ Can cũng xuống ngựa, giậm chân nói:

– Vô Thành Vương ơi! Nước nhà ly loạn, nên yêu quái lộng hành. Hồi hôm tôi vâng lệnh Hoàng thượng đến hầu tiệc thần tiên, bữa tiệc ước chừng bốn mươi người, ăn mặc đủ năm sắc áo. Ai ai đều tin là tiên nữ, nhưng tôi xem lại quả là giống chồn hôi...

Hoàng Phi Hổ kinh ngạc hỏi:

– Sao Thừa tướng biết được là Hồ ly?

Tỉ Can nói:

– Thần tiên gì mà uống rượu say lại lộ đuôi ra dài thước, mà mùi chồn nồng nực, không thể nào chịu nổi.

Hoàng Phi Hổ ngẩng người:

– Có việc lạ lùng như thế sao?

Tỉ Can đau lòng nói:

– Bệ hạ mê muội, không phân được chính tà. Yêu tinh vào triều làm lộng như vậy, chúng ta biết liệu làm sao?

Hoàng Phi Hồ nói:

– Xin thừa tướng trở về an nghỉ, để tôi dò xét thử sự tình ra sao ngày mai sẽ liệu định.

Tì Cạn từ già lên ngựa về dinh. Còn Hoàng Phi Hồ lập tức đòi Hoàng Minh, Châu Kỳ, Long Hoàng, Ngô Khiêm đến dạy rằng:

– Các người dẫn mỗi người hai mươi tên lính tuần, chia làm bốn hướng mà thám thính, xem các tiên ăn tiệc trên Lộc đài về đâu nói cho ta biết.

Bốn tướng tuân lệnh kéo quân ra đi, còn Hoàng Phi Hồ trở về dinh chờ đợi tin tức.

Bấy giờ, bọn Hồ ly quá chén nên say mèm, đàng vân không lên nữa, ráng bay ra khỏi ngọ môn thì kiệt sức, sa xuống cả bảy. Chúng dất diu nhau đi ngã xiên ngã tó cho đến trống canh dầ điểm năm lần, mà mới ra khỏi cửa Nam môn, Châu Kỳ trông thấy, vội nom theo. Đi ước ba mươi dặm, thấy có một cái hang đá nơi mã Hiên Viên rất lớn, bao nhiêu tiên say đều chun xuống đó.

Rạng ngày, Hoàng Phi Hồ ra khách, ba tướng vào bẩm:

– Chúng tôi đi tuần hướng Bắc, Đông và Tây, không thấy thần tiên gì hết.

Kế Châu Kỳ bước vào thưa:

– Hồi hôm tôi vâng lệnh thám thính phía Nam thành, thấy độ bốn mươi tiên say ra khỏi thành ước ba mươi dặm, đến một cái hang tại mã Huỳnh Đế đều chun xuống hết. Tôi xem thấy tường tận, xin Đại vương dạy lẽ nào.

Hoàng Phi Hồ liền sai Châu Kỳ dẫn ba ngàn quân đem bôi khô, chà gai đến lấp hang mà đốt, lại dặn rằng:

Hoàng Phi Hổ nói:

– Xin thừa tướng trở về an nghỉ, để tôi dò xét thử sự tình ra sao ngày mai sẽ liệu định.

Ti Can từ già lên ngựa về dinh. Còn Hoàng Phi Hổ lập tức đòi Hoàng Minh, Châu Kỳ, Long Hoàng, Ngô Khiêm đến dạy rằng:

– Các người dẫn mỗi người hai mươi tên lính tuần, chia làm bốn hướng mà thám thính, xem các tiên ăn tiệc trên Lộc đài về đâu nói cho ta biết.

Bốn tướng tuân lệnh kéo quân ra đi, còn Hoàng Phi Hổ trở về dinh chờ đợi tin tức.

Bấy giờ, bọn Hồ ly quá chén nên say mèm, chẳng vâng không lên nữa, ráng bay ra khỏi ngọ môn thì kiệt sức, sa xuống cả bầy. Chúng dất diu nhau đi ngã xiên ngã tó cho đến trống canh dầ điểm năm lần, mà mới ra khỏi cửa Nam môn, Châu Kỳ trông thấy, vội nom theo. Đi ước ba mươi dặm, thấy có một cái hang đá nơi mã Hiên Viên rất lớn, bao nhiêu tiên say đều chun xuống đó.

Rạng ngày, Hoàng Phi Hổ ra khách, ba tướng vào bẩm:

– Chúng tôi đi tuần hướng Bắc, Đông và Tây, không thấy thần tiên gì hết.

Kế Châu Kỳ bước vào thưa:

– Hồi hôm tôi vâng lệnh thám thính phía Nam thành, thấy độ bốn mươi tiên say ra khỏi thành ước ba mươi dặm, đến một cái hang tại mã Huỳnh Đế đều chun xuống hết. Tôi xem thấy tường tận, xin Đại vương dạy lẽ nào.

Hoàng Phi Hổ liền sai Châu Kỳ dẫn ba ngàn quân đem bối khô, chà gai đến lấp hang mà đốt, lại dặn rằng:

– Người cứ việc đốt đến quá giờ Ngọ mới dẫn quân về phục lệnh.

Châu Kỳ tuân lệnh, lãnh quân đi lập tức. Kế đó có quân vào thưa:

– Thừa tướng đến phủ xin vào ra mắt.

Hoàng Phi Hổ vội vã ra rước vào. Tỉ Can cùng Hoàng Phi Hổ chuyện trò một lúc lâu, Hoàng Phi Hổ kể lại câu chuyện mình vừa khám phá ở mã Huỳnh Đế cho Tỉ Can nghe. Tỉ Can đắc ý vỗ tay cười ngất, và nói:

– Tôi nhận xét không lầm. Chúng chỉ là loại hồ ma quỷ mị, chứ đâu phải thần tiên gì? Mình làm thừa tướng đương triều mà phải hầu rượu cho giống yêu quái thật nhục nhã.

Hoàng Phi Hổ truyền dọn tiệc dài đằng đẽ cùng Tỉ Can tâm tình cho đến xế. Xảy thấy Châu Kỳ trở về bẩm:

– Tôi đốt hang ấy rồi. Bên trong bay ra mùi khét lẹt. Chắc là lũ tiên say cháy queo hết.

Hoàng Phi Hổ nói với Tỉ Can:

– Xin Thừa tướng cùng tôi đến đó xem chơi cho biết.

Hai người dẫn bọn gia tướng đến nơi thấy ngọn lửa chưa tàn, cây cối chung quanh bị hơi nóng cháy rụi. Hoàng Phi Hổ truyền quân tưới cho tắt lửa, rồi bỏ câu móc xuống hang mà kéo lên.

Những con Hồ ly uống rượu say chết đã đành, những con vô cơ ở dưới hang cũng bị chết liên can.

Người sau có bài thơ như vậy:

Không phải là tiên, khéo giả đồ

Lộc đài rượu thết đã say no

Nực nồng hơi xạ đuôi không giấu.

Ngọn lửa vô tình hại chết co.

Gia tướng tuân lệnh bỏ câu móc kéo lên, thấy xác chôn chết quay bay mùi tanh ối. Còn những con nằm xa hơn, tuy chết mà chẳng cháy da.

Tì Can thấy mấy con chôn lông lá rất đẹp, còn y nguyên liền bảo với Hoàng Phi Hổ:

- Mấy con cáo này da còn dùng được, chúng ta khiến thợ lột da cho thực kỹ, may thành áo hồ cừu dâng cho vua mặc. Làm như vậy chúng ta sẽ chọc tức Đắc Kỷ, khiến cho nó đau buồn mà chết mới mong đem lại thái bình cho nước nhà.

Hoàng Phi Hổ khen phải. Hai người cùng trở về dinh uống rượu cho đến say mới chịu chia tay.

LỜI BÀN

Vì muốn hại Tử Nha, Đắc Kỷ bày ra Lộc đài, hứa với Trụ Vương sẽ có thần tiên giáng hạ khi Lộc đài làm xong. Thế thì Lộc đài sở dĩ thành nguyên nhân vì Đắc Kỷ muốn hại Tử Nha, nhưng việc Lộc đài thành hình trở thành nguyên nhân việc Đắc Kỷ đem lữ Hồ Ly đến dự tiệc và việc Hồ Ly đến dự tiệc lại là nguyên nhân cho việc đốt hang lột da chôn may áo... Rồi, từ việc nọ liên quan đến việc kia, nguyên nhân trở thành kết quả, kết quả trở thành nguyên nhân chẳng dứt.

Đắc Kỷ lừa Trụ Vương, một ông vua mê muội, đem bọn chồn hôi vào đài giả thần tiên, cho uống rượu đến say rồi đuổi ra, tác giả Phong Thần viết đoạn này quả là một đoạn khôi hài, châm biếm. Châm biếm cả vua chúa, châm biếm cả thần tiên. Vua chúa thì ngu ngốc, thần tiên thì giả tạo. Đó cũng là quan niệm sanh ra trong thời loạn, cái gì cũng giả dối được hết.

HỒI THỨ HAI MƯƠI SÁU

ĐẮT KỶ BÀY MƯU HẠI TỈ CAN

CÁCH ít lâu, Tỉ Can truyền may áo hồ cừu xong, chờ mùa đông lạnh lẽo đem dâng cho Trạ Vương.

Ngày tháng như thoi đưa, tiết Đông lạnh lẽo âm thầm đến. Vua Trạ cùng Đắc Kỷ âu yếm trên Lộc đài, bên ngoài gió lạnh từng hồi, mưa bay mù mịt, tuyết rơi lộp độp đọng vào những cành cây, kẽ lá. Mọi vật như chìm đắm trong u huyền.

Bỗng có quan Thái giám vào báo:

– Thừa tướng Tỉ Can xin vào yết kiến.

Trạ Vương truyền lệnh đòi Tỉ Can lên lầu, hỏi:

– Trời đông lạnh lẽo, khanh có việc gì cần báo tấu?

Tỉ Can tâu:

– Lộc đài cao vút nửa lưng trời, gió tuyết mùa đông lạnh như cắt ruột, hạ thần sợ Bệ hạ se mình nên đem dâng áo hồ cừu này để Bệ hạ dùng tạm:

Trạ Vương nói:

– Hoàng thúc lớn tuổi, lẽ phải để áo mà dùng cho đỡ rét. Nay Hoàng thúc đã tưởng tình trăm, trăm không nhận e phụ lòng.

Tỉ Can thấy vua Trạ bằng lòng, lật đặt xuống Lộc đài hồi tên tùy tùng bưng mâm áo lên. Vua Trạ thấy bên ngoài sắc

đỏ, bên trong lông cáo rất mịn màng. Tì Can mở áo ra, mặc cho Trữ Vương, Trữ Vương thấy áo đẹp cười khoái chí, nói:

– Trẫm gồm thu thiên hạ, giàu có bốn biển, nhưng vẫn chưa có được áo đẹp như vậy, nay Hoàng thúc tướng tình dâng áo cho trẫm đỡ lạnh, ơn ấy chẳng biết bao giờ phai trong lòng trẫm được.

Dứt lời, Trữ Vương truyền dọn tiệc rượu đãi Tì Can để tỏ tình tri ân.

Đắc Kỷ ở trong màn dòm ra, thấy chiếc áo hồ cừu làm bằng da con cháu mình, lòng đau như cắt, ruột nóng như dầu sôi, nhưng không biết nói lẽ nào được, nghiêng răng nhủ thầm.

– Lão Tì Can! Ngươi ở chi độc ác quá vậy? Dù con cháu ta có đến đây ăn tiệc cũng không can có gì đến ngươi. Ngươi đã giết chết lấy da lại còn may áo đem đến đây trêu tức ta nữa, nếu ta chẳng móc tìm ngươi ra thì không đáng mặt Chánh cung.

Đắc Kỷ miệng nói lâm râm mà hai hàng nước mắt trào ra lai láng.

Còn vua Trữ uống rượu với Tì Can, chuyện vãn một hồi, Tì Can tạ từ lui về dinh, vua Trữ mặc áo hồ cừu bước vào phòng hoa nói với Đắc Kỷ:

– Lộc dài cao vòi vọi, gió đông tuyết lạnh, Hoàng thúc tướng tình vua tôi, đem dâng áo đẹp, trẫm rất hài lòng.

Đắc Kỷ nói:

– Theo ý thần thiếp thì bệ hạ không nên mặc áo ấy. Bệ hạ là mình vàng vóc ngọc lẽ nào lại mặc áo da cáo thì có tốt lành chi.

Trữ Vương nói:

– Ái khanh nói phải lắm, nhưng đây là cảm tình của

Hoàng thúc đối với trẫm, không lẽ trẫm trả lại. Để trẫm cất vào kho làm vật kỷ niệm.

Nói rồi liền cởi áo hồ cừu, trao cho quan Thái giám đem cất vào kho.

Từ ấy Đắc Kỷ chất chứa cừu hận trong lòng, cố hại cho được Ti Can, nhưng tháng lại ngày qua, vẫn chưa tìm ra được mưu kế.

Ngày kia, Đắc Kỷ ngồi dự yến với Trụ Vương trên Lộc đài, bỗng nảy sinh một kế độc, lòng hờn hờ mặt tươi như hoa, khác với những ngày u buồn, tủi nhục. Vua Trụ thấy mặt Đắc Kỷ phút chốc trở nên xinh đẹp lạ thường, ngồi nhìn trân trân không nháy. Đắc Kỷ hỏi:

– Vì cơ gì Bệ hạ nhìn chăm chăm thần thiếp như vậy?

Trụ Vương không nói, Đắc Kỷ hỏi nữa:

– Thần thiếp có điều gì làm Bệ hạ kinh ngạc?

Trụ Vương nói:

– Hôm nay trẫm thấy ái khanh đẹp hơn mọi ngày. Sắc đẹp như đoá hoa xuân nở trong mùa Đông vậy.

Đắc Kỷ làm màu mè, nói:

– Bệ hạ quá khen. Thần thiếp hầu Bệ hạ lâu nay đã sắc kém hương phai, hoa tàn nhụy rữa, nhờ Bệ hạ thương nên mới được nồng thắm như vậy. Thần thiếp hiện có một người em bạn họ Hồ, tên là Hỉ Mị, nay đang tu luyện tại cung Tử tiên, nhan sắc nàng ấy trẫm phần, thần thiếp chưa bì được một.

Trụ Vương là người háo sắc, nghe Đắc Kỷ tán tỉnh như vậy, tình dục nổi lên, mặt ửng hồng nói:

– Ái khanh có bạn quý hóa như vậy sao không cho trẫm thấy mặt:

Đắc Kỷ làm ra vẻ quan trọng:

– Hi Mị là con gái đồng trinh, xuất gia từ thuở nhỏ, lòng ưa thanh tịnh, đâu muốn đến chốn này?

Trụ Vương nói:

– Đã là tình bạn, lẽ nào tị hiềm. Nếu ái khanh lập mưu thế nào cho Hi Mị đến đây, trẫm được thấy mặt thì công ơn của ái khanh chẳng bao giờ trẫm dám quên.

Đắc Kỷ tâu:

– Lúc thần thiếp còn nhỏ, ở tại Ký Châu, Hi Mị có đến chơi mấy lần, và trao cho thần thiếp một loại hương trẫm gọi là “tín hương” dặn lúc nào nhớ nhau thì thắp hương ấy Hi Mị sẽ đến thăm. Nhưng từ lúc thần thiếp về hầu Bệ hạ đến nay, nghĩ mình ở trong cung cấm, không còn cảnh tự do, thanh tịnh nữa, nên không dám dùng đến tín hương mời bạn.

Trụ Vương nghe nói mừng rỡ, bảo:

– Sao ái khanh không đốt tín hương mời Hi Mị đến đây chơi cho biết cảnh giàu sang của trẫm?

Đắc Kỷ nói:

– Chính vì cảnh giàu sang của Bệ hạ mà thần thiếp phải xa rời Hi Mị. Vì Hi Mị là người tu hành, không thích cảnh giàu sang, nhưng gấm, nhất là việc lễ nghi.

Trụ Vương nói:

– Ái khanh đừng lo. Trẫm chỉ muốn thấy mặt người đẹp thôi, trẫm sẽ không bắt Hi Mị phải hầu trẫm đúng theo nghi lễ đâu.

Đắc Kỷ nói:

– Nếu được Bệ hạ rộng lượng như vậy, thần thiếp mới dám đốt hương mời bạn.

Trụ Vương giục:

– Mọi việc trăm đều chiều ý ái khanh, ái khanh mau đốt tín hương đi.

Đắc Kỷ nói:

– Bây giờ còn sớm lắm, vả lại Hỉ Mị là người tiên, không phải kẻ phạm tục, muốn thỉnh lúc nào cũng được. Đợi rạng ngày thần thiếp tắm gội sạch sẽ, tối mai mới đặt bàn hương án mà vái nài.

Trụ Vương nói:

– Trăm đang nóng lòng muốn trông thấy người đẹp, ái khanh chớ diên trì.

Đêm ấy, Đắc Kỷ dùng thuật riêng, làm cho vua Trụ mê mẩn, ngủ vui, không còn biết trời trăng gì nữa. Đợi đến canh ba, Đắc Kỷ thoát Hồ Ly tinh, nổi gió bay về Huỳnh Đế. Cửu Đầu Tri Kê biết được vội ra ngoài nghênh đón, khóc lóc than:

– Chị ơi! Chỉ vì một tiệc no say mà cả con cháu chúng ta đều chết hết. Em đây nhờ tu luyện lâu năm, lửa thường không cháy nên mới sống sót một mình. Em nghĩ, chúng đã giết hết con cháu còn lột da làm áo hồ cừ, thảm họa như vậy lẽ nào chị không hay?

Đắc Kỷ cũng lau nước mắt nói:

– Chị không ngờ tai nạn xảy đến cho gia đình chúng ta như vậy, nếu không trả được thù này chị em ta không thể sống được. Nay chị tính một kế như vậy nên về đây bàn luận với em.

Cửu Đầu Tri Kê hỏi:

– Chị tính lẽ nào xin cho em biết.

Đắc Kỷ nói:

– Trước đây con cháu sum vầy, gia đình êm ấm, em phải thay chị ở đây dạy dỗ chúng nó. Nay chúng nó chết hết rồi, còn lại một mình em, thôi thì em đến ở với chị cho có chị có em đồng hưởng lộc triều đình, sớm khuya bầu bạn.

Cửu Đầu Tri Kê nói:

– Ý chị muốn cả hai chị em mình hiến thân cho vua Trụ?

Đắc Kỷ nói:

– Phải. Chị muốn như vậy. Nhưng chuyện đó chỉ mới một việc, còn một việc quan trọng nữa.

Cửu Đầu Tri Kê hỏi:

– Việc gì quan trọng hơn?

Đắc Kỷ nói:

– Chị nghĩ ra một kế trả thù lão Tỉ Can, nếu có em bên chị thì chị có thể móc tim lão già này để như lấy đồ trong túi.

Nói xong, Đắc Kỷ bày tỏ âm mưu mình, và dặn dò Tri Kê mọi việc. Tri Kê tạ ơn, và nói:

– Nếu chị đã tưởng đến em thì để tối mai em sẽ dâng vân đến Lộc đài. Đắc Kỷ liền dâng vân trở về triều, hiện hồn nhập xác. Vua Trụ vẫn còn đang ngủ mê, không hay biết gì cả.

Sáng ngày, vua Trụ thức dậy, trông cho mau tối dâng thấy mặt tiên nga. Phút chốc bóng ác đã xuống non Đài, cung thêm lên khỏi núi:

Thật là:

*Thỏ bạc chồn vờn vượt biển Đông,
Hào quang tỏ rạng cõi hư không,
Khác nào châu ngọc ven trời hiện
Văng vặc trong veo chói giữa sông.*

Trụ Vương thấy trăng mọc liền hỏi Đắc Kỳ đốt hương thỉnh Hỉ Mị, Đắc Kỳ nói:

– Thần thiếp đốt hương thỉnh Hỉ Mị đến đây xin Bệ hạ chịu khó lánh mặt, chừng nào thần thiếp thông cảm được với Hỉ Mị sẽ mời Bệ hạ ra mắt.

Trụ Vương nói:

– Ái khanh tính lẽ nào trăm cũng chiều theo hết.

Đắc Kỳ liền rửa tay chân sạch sẽ, lấy mảnh hương đốt, cố ý làm màu với vua Trụ. Thực ra khói hương ấy không có tác dụng gì cả.

Vừa hết canh một, bỗng nghe gió thổi rất rào, một vùng mây che khuất mặt trăng, âm u cả trời đất. Tiếp đó một trận gió thổi đến, hơi âm khí nghe rợn người. Trụ Vương thất kinh hỏi:

– Trăng đang tỏ rõ như ban ngày, vì sao lại có mây che gió lạnh?

Đắc Kỳ tâu:

– Chắc là Hồ Hỉ Mị nương nương cỡi mây gió mà đến.

Nói chưa dứt lời, nghe tiếng ngọc khua rộn rã, dường như có tiếng chân người bước trên thảm gỗ. Đắc Kỳ hỏi vua Trụ:

– Hỉ Mị đã xuống đài, xin bệ hạ vào phòng ẩn mặt. Chúng nào tôi nói được với nàng, sẽ mời bệ hạ diện kiến.

Vua Trụ vội vã vào phòng, đứng sau bức rèm, trở mặt nhìn ra xem lén. Đắc Kỳ biết Trụ Vương thế nào cũng theo dõi cuộc nói chuyện của mình, nên đóng vai trò rất khéo.

Xây nghe trời lặng gió, có một nàng đeo bội ngọc, mặc áo bát quái, buộc đai ngũ vân, chân mang giày gai, đầu cài tóc

phụng, lững thững bước tới trước mặt Đắc Kỳ. Bấy giờ trăng đã sáng tỏ, nên Trụ Vương trông thấy tường tận.

Nàng Hỉ Mị má đỏ như mặt trời, da mặt trắng như hoa tuyết, miệng nhỏ mà cười có duyên, cốt cách thanh tao, nhã nhặn, mười vẻ phong lưu không thiếu một.

Đắc Kỳ bước đến gần chào hỏi:

– Chào hiền muội.

Hỉ Mị nói:

– Em xin ra mắt chị.

Hai người dặt tay nhau vào điện, trà nước dài đằng. Đắc Kỳ nói:

– Năm xưa hiền muội có dặn, muốn mời nhau thì đốt tín hương. Thật quả như lời, không hề thất tín. Đôi bạn chúng ta xa cách lâu ngày được gặp, còn gì vui thích hơn.

Hỉ Mị nói:

– Em vừa nghe mùi tín hương vội vã theo hơi gió tìm đến. Em với chị tình nghĩa đậm đà, lẽ nào thất ước.

Vua Trụ nhìn Hỉ Mị rồi ngắm Đắc Kỳ thì thấy Đắc Kỳ nhan sắc tàn phai hơn năm phần. Lòng vua ước ao:

“Nếu được chung gối cùng Hỉ Mị một đêm dù ngai vàng xiêu vẹo cũng không tiếc”.

Đắc Kỳ hỏi Hỉ Mị:

– Em ăn chay hay ăn mặn?

Hỉ Mị nói:

– Em là người tu hành từ thuở bé, đâu dám bỏ phép?

Đắc Kỳ liền truyền cung nga dọn một tiệc chay, để cùng Hỉ Mị vừa ăn uống vừa tâm tình.

Vua Trụ ngồi trong màn nhìn Hỉ Mị không nháy mắt, xem Hỉ Mị như Hằng nga trong cung Nguyệt, như tiên tử xuống trần, mấy lần muốn vén màn bước ra để được hầu tiếp người ngọc, nhưng không dám, vì đã có lời Đắc Kỳ dặn dò, cứ ngồi cào tai, gãi má, lâu lâu lại điểm mấy tiếng đàn hắng, ý muốn hối Đắc Kỳ nói chuyện mình cho mau.

Đắc Kỳ ngồi bên ngoài đã hiểu ý Trụ Vương, nhìn Hỉ Mị cười chúm chím và nói:

– Chị muốn nói với em một việc, chẳng biết em có bằng lòng không?

Hỉ Mị nói:

– Tình bạn hữu, chị sai khiến việc gì em lại dám cãi?

Đắc Kỳ nói:

– Chị khoe với Thiên tử em là một tiên nữ tài sắc vẹn toàn. Thiên Tử ước ao mặt rồng được trông thấy tiên nga, vậy xin hiền muội chờ tị hiềm, cho Thiên tử được hội kiến.

Hỉ Mị nói:

– Em là phận gái, lại là kẻ tu hành, người tiên kẻ tục không lẽ chung chạ được sao? Còn nếu lấy đạo vua tôi thì càng trái lẽ nghi, xin đừng ra mắt.

Đắc Kỳ nói:

– Hiền muội đừng cố chấp như vậy. Hiền muội là người tu hành, đã ra ngoài tam giới, không còn ràng buộc nghĩa vua tôi, cũng không ở trong chỗ thường trai gái. Còn bệ hạ là bậc Thiên tử, bốn bề đều tôi con, đâu hiền muội có hội kiến với Thiên tử cũng chẳng có gì trái đạo.

Hỉ Mị ngâm nghĩ một lúc rồi nói:

– Chị đã dạy như vậy em đâu dám chối từ. Vậy xin mời

Thiên tử ra đây để em tiếp kiến.

Vua Trụ nghe có tiếng mời liền bước ra lập tức. Hỉ Mị chấp tay thi lễ, và nói:

– Xin mời bệ hạ an vị.

Vua Trụ ngồi ghé lại, nghe hai nàng tâm sự với nhau. Vua Trụ thấy Hỉ Mị ăn nói rất có duyên, nhan sắc lại đậm đà, mỗi cử chỉ đều làm xiêu lòng Trụ Vương không ít. Trụ Vương mắt nhìn Hỉ Mị không nháy, mồ hôi ra ướt mình:

Đắc Kỷ thấy vua Trụ đã si tình, lửa dục đã đến lúc bùng cháy, liền đứng dậy, giả vờ đi thay áo, nói với Trụ Vương:

– Xin bệ hạ thay mặt thần thiếp rót rượu mời Hỉ nương nương, thần thiếp thay áo xong sẽ trở ra lập tức.

Đắc Kỷ đi rồi, vua Trụ liếc mắt đưa tình, Hỉ Mị hồ người cười chúm chím. Trụ Vương rót một chén rượu trao cho Hỉ Mị, Hỉ Mị tiếp lấy, dùng lời thanh tao tạ ơn:

– Nhọc công bệ hạ quá! Tội đâu dám uống.

Trụ Vương thừa cơ nắm tay Hỉ Mị, Hỉ Mị làm thình không nói. Trụ Vương liền bắm Hỉ Mị, bảo:

– Trẫm xin dặt tiên cô ra ngoài đài ngoạn nguyệt.

Hỉ Mị gật đầu. Trụ Vương nắm tay Hỉ Mị đồng ra trước hiên đến chỗ vắng vẻ, Trụ Vương ôm choàng lấy Hỉ Mị đồng đứng xem trăng, vua Trụ hỏi Hỉ Mị:

– Sao tiên cô không dứt tiệc tu hành mà ở trong cung với hoàng hậu, bỏ điều lạt lẽo, hưởng thú mặn nồng, vui với giàu sang gần nơi khoái lạc. Người không trăm tuổi, lẽ nào ép xác làm chi. Tiên cô bằng lòng thì trẫm sẽ làm theo ước nguyện...

Hỉ Mị làm thình không nói lại. Trụ Vương biết ý ngựa đã chịu cương, nếu không lên yên thì bỏ lỡ dịp tốt, liền lập trận

mê hôn, đem hết tài năng của một tướng lĩnh đã từng xông pha nơi chiến trận. Hỉ Mị ban đầu cũng làm màu, nửa xô nửa chịu. Trụ Vương thấy vậy lại càng thích thú hơn, xua binh vào trận.

Một hồi mưa tạnh gió tan, Đắc Kỷ mới ra mặt. Thấy Hỉ Mị hơi thở như gió vút, tóc rối như tơ vò, liền làm bộ hỏi:

– Hiền muội vì sao bơ phờ như vậy?

Vua Trụ không đợi Hỉ Mị, trả lời thay:

– Trẫm chẳng dám giấu, lá lay tại ông bà nguyệt, buộc chân cả chị lẫn em. Ổn ái khanh tiến cử mỹ nhân, trẫm nhớ hoài cho đến thác. Nay hai chị em đồng hầu một chỗ, hưởng lộc lâu dài.

Nói rồi truyền dọn tiệc ăn mừng, cho đến canh khuya mới đi nghỉ.

Người sau có thơ như vậy:

*Nước mất vì vua ám,
Thời hư rước quỷ về
Thấy lời trung lại ghét
Nghe tiếng nịnh thì mê
Hoàng hậu là Hồ Mị
Mỹ nhân triệt Trí Kê
Tỉ Can đà tới số
Gặp yêu động ra nghề.*

Vua Trụ dùng nàng Hỉ Mị ở trong cung cấm để vui thú nguyệt hoa, bá quan trong triều không một ai hay biết. Còn Trụ Vương mê Hỉ Mị bây giờ còn quá hơn Đắc Kỷ lúc trước chúa tột không thấy mặt, việc triều đình bỏ hết chẳng màng. Nhờ có Vô Thành Vương cầm quyền nguyên soái, cai trị bốn

mười tám vạn nhân mã, gìn giữ kinh đô, nên nhân dân mới yên ổn. Tuy vậy, Võ Thành Vương cũng như các quan giám nghị, chẳng bao giờ được thấy mặt Trụ Vương nữa.

Bữa nó, Hoàng Phi Hổ hay tin Đông bá hầu Khương Văn Hoán chia binh đánh núi Gia Mã, muốn chiếm ải Trần Đường, vội vã làm sổ định dâng lên vua, đành phải trở về dinh. Hôm sau, Hoàng Phi Hổ lại cầm sổ thẳng đến Lộc đài, nhưng Trụ Vương từ chối không cho yết kiến. Hoàng Phi Hổ cực chẳng đã phải tùy tiện sai Lỗ Hùng đem mười vạn binh ra ngoài chống cự.

Còn vua Trụ được Hỉ Mị, mây mưa bất kể ngày đêm, múa hát tung bừng chẳng cần khuya sớm, xem tửu sắc là trọng, coi xa tắc như không.

Một hôm, Đắc Kỷ vừa ăn xong, bỗng ré lên một tiếng, nhào lăn xuống đất, Trụ Vương thất kinh mồ hôi đầm đìa trên áo vì thấy Đắc Kỷ máu tươi tuôn ra nói năng chẳng nên lời thì kêu lên:

– Đã mấy năm nay Ngự thê ở với trẫm nay xảy ra bệnh lạ trẫm biết chạy chữa thế nào?

Hỉ Mị thấy thế chắc lưỡi nói rằng:

– Bệnh cũ của chị tôi trở lại.

Vua Trụ day nhìn Hỉ Mị lật đật hỏi:

– Mỹ nhơn cũng biết chứng bệnh của Ngự thê nữa à?

Hỉ Mị cúi đầu thi lễ:

– Thưa bệ hạ, tiện nữ cùng hoàng hậu là chị em bạn gái ở Ký Châu.

Vua Trụ liền hỏi:

– Người đẹp đã biết chứng bệnh của Ngự thê?

Hỉ Mị đáp:

– Muôn tâu, chứng bệnh của hoàng hậu là chứng bệnh đau bụng có lần đã chết giấc như vậy.

Trụ Vương thoáng nhìn Đắc Kỳ vụt hỏi:

– Lần chết giấc ấy có thuốc gì trị liệu?

– Tại Ký Châu có một vị thầy thuốc hay lắm họ Trương tên Ngươn sắc trái tim tằm phỏng của người ta đổ vào miệng chị tôi một hớp, chị tôi sống lại.

Nghe qua Trụ Vương tươi ngay nét mặt nói:

– Trẫm sẽ đòi Trương Ngươn trị bệnh cho Ngự thể.

Người đẹp Hỉ Mị, cúi đầu giả vờ lau nước mắt nói:

– Từ đây qua đến Ký Châu đi và về có hơn một tháng, để rước Trương quân thủ thì thầy chị đã ra rồi. Họa là chọn người trong triều ca tìm cho được trái tim tằm phỏng sắc đỏ thì may ra còn cứu được bằng để lâu e chị tôi khó sống.

Vua Trụ ra chiều suy nghĩ rồi hỏi Hỉ Mị:

– Trẫm có biết ai tìm tằm phỏng để làm thuốc trị bệnh cho Ngự thể?

– Bệ hạ không cho tiện thiếp là quê mùa thì tiện thiếp có thể đánh tay xem quẻ vì ngày trước thần thiếp có học phép tiên.

Trụ Vương nghe nói lấy làm ngạc nhiên nhưng không che giấu được nổi vui mừng nên truyền Hỉ Mị đánh tay cho mau. Hỉ Mị ngồi đánh tay mãi hết ngược rồi đến xuôi, một chập sau chắc lưỡi than rằng:

– Trong triều có quan Đại Thần, đến chức cực phẩm, thần thiếp e bất tiện, khó nổi cứu nương nương.

Trụ Vương nóng nảy hỏi:

– Người ấy là ai nói mau nghe thử ta không thể chờ lâu hơn nữa được.

Hì Mị cố kéo lâu để đốt lòng nóng giận của Trụ Vương nên khê đáp:

– Thưa Bệ hạ chỉ có trái tim của Tỉ Can là bấy lỗ, ngoài ra người khác thì không có.

Vua Trụ về mặt kém vui ôn tồn nói:

– Tỉ Can là Hoàng thúc một họ với vua, nhưng Hoàng thúc biết được chuyện này lẽ nào làm ngơ tiếc rẻ trái tim mà không cứu được bệnh cho Ngự thê đang lâm cơn bệnh ngặt. Nói đoạn nhà vua truyền Ngự trái đòi Hoàng thúc Tỉ Can vào châu lập tức.

Lúc ấy nơi tư gia Tỉ Can nhận rồi chẳng biết tính mưu gì cho việc nước, xảy nghe Khắc Vân báo có Ngự trát đến đòi, Tỉ Can tiếp Ngự trát rồi căn dặn Ngự trát về trước.

Hoàng thúc Tỉ Can ngồi bóp trán suy nghĩ “trong triều không có việc gì cho lắm cơ sao nhà vua đòi gấp thế này”. Nghĩ mãi chưa tìm ra câu trả lời thì Ngự trát đến thúc. Trong khoảnh khắc có hơn năm lần Ngự trát đến đòi. Tỉ Can dậm nghĩ nhưng chẳng biết lành dữ ra sao. Đang phân vân thì quan Phụng ngự Trần Thanh mang Ngự trát đến đòi nữa. Tỉ Can cúi đầu nhận trát rồi hỏi Trần Thanh:

– Trong triều có việc gì khẩn lắm sau mà trát đòi sáu bảy lần như vậy?

Trần Thanh vòng tay cúi mặt giọng buồn rầu nói:

– Vận nước đã đến hồi suy sụp Bệ hạ mới dùng đạo cô là Hồ Mị, hồi sớm mai Nương nương đau bụng ngã xuống tắt hơi Hồ Mị nói rằng: “Nếu trái tim ai tằm phồng như cọng sen, sắc lấy nước đem đổ thì Nương nương sống lại”. Nghe như vậy Bệ

hạ mới hỏi: “Ai có trái tim tấm phồng” Hồ Mị nói: “Chỉ có trái tim Thừa tướng là bầy lỗ” nên Thiên tử quyết mượn trái tim của Hoàng thúc mà cứu Hoàng hậu. Thoáng nghe tin sét đánh bên tai Ti Can rụng rời tay chân, nói:

– Người đến ngộ môn quan chờ ta sẽ đến ngay.

Ti Can đi vào trong nói với vợ là Mạnh thị rằng: - Phu nhơn ôi! Trong triều đã hết người rồi vì hôm nay ta phải thác, Phu nhơn hãy nuôi dưỡng con khờ Vi Tử Đức và cố giữ phép nhà.

Dứt lời khóc to hơn. Mạnh phu nghe rõ câu chuyện biến sắc hỏi:

– Tướng công nói chi lời thống thiết ấy đau lòng thiếp.

Ti Can ngẩng nhìn vợ phân giải:

– Đắc Kỳ có bệnh, hôn quân nghe lời yêu mị đòi lấy trái tim ta mà làm thuốc, thì bảo sao ta không thác cho được.

Mạnh phu nhơn ôm mặt kể lể:

– Ông làm quan đến chức Thừa tướng trên không phạm phép vua không quấy rầy quan dưới, ái quốc trung quân thiên hạ đều nghe đều thấy, tội tình chi mà mổ bụng lấy tim cho đành.

Vi Tử Đức đứng bên mẹ lăn lộn khóc và nói rằng:

– Xin cha đừng lo cho mệt, con nhớ lại năm trước Khương Tử Nha coi tướng cho cha đoán không bao lâu cha sẽ bị tai nạn, nên người có để lại một miếng giấy cất trong thư phòng, người căn dặn đến cơn hoạn nạn coi tấm giấy ấy thoát nạn.

Ti Can như người tỉnh mộng gật đầu nói:

– Nếu còn không nhắc thì cha quên rồi.

Đoạn đi vào thư phòng thấy dưới nghiên mực còn dần

một trương giấy coi chữ dẫn dò kỹ lưỡng, lại có một điệu phù. Tỉ Can truyền thấp đèn và múc chén nước lạnh. Tỉ Can đốt bùa uống rồi lên ngựa vào châu.

Trần Thanh để lộ sự nên quan dân đều biết rõ rằng: Vua muốn lấy tim Tỉ Can làm thuốc trị bệnh cho Đắc Kỳ. Hoàng Phi Hổ cùng các quan đại thần đều kinh hãi không hện mà đồng đến ngỏ môn quan. Lúc đó Tỉ Can cỡi ngựa đến, bá quan vây quanh hỏi:

– Vì có nào vậy?

Tỉ Can bài giải:

– Theo lời Trần Thanh Bệ hạ đòi lấy tim tôi làm thuốc trị bệnh, song chẳng biết có đúng như vậy không?

Bá quan đưa đón một hồi Tỉ Can đến Lộc đài yến kiến nhà vua.

Vua Trụ đang sốt ruột đợi, thấy Tỉ Can đến truyền vờ lên Lộc đài, Tỉ Can lên rồi vua Trụ mời ngồi phán rằng:

– Ngự thê phát chứng đau bụng gần nín thở, có trái tim tầm phồng thì trị được. Duy chỉ có Hoàng thúc có Linh lung tim xin cho một miếng để cứu bệnh hiểm nghèo thiệt là ơn tái tạo.

Tỉ Can cung kính thưa:

– Trái tim là chủ cái thân ẩn trong hai lá phổi, trăm vật động không phạm đến, hề phạm đến thì chẳng còn, trái tim thẳng thì tay chân thẳng, trái tim chẳng ngay thì tay chân chẳng ngay, cội báo của tứ nhi mệnh linh của vạn vật. Nếu trái tim bị cắt thì còn sống làm sao được? Lão thần thác cũng không phiền hà gì, tắc gì xâ tắc tan tành, hiền lương vắng vẻ. Nay hôn quân nghe yêu muội, muốn lấy tim ta, Tỉ Can còn thì giang san còn nếu Tỉ Can mất thì giang san mất.

Vua Trụ khoát tay tỏ dấu không bằng lòng nói:

– Hoàng thúc nói đúng lắm, Trẫm xin cắt trái tim một chút cũng không đến đổi gì phải nói chi cho dài dòng lắm chuyện.

Tì Can giận đỏ mặt thét lớn:

– Hôn quân đâm mê tửu sắc ăn nói chẳng nên điều. Nếu cắt một miếng trong tim thì ta phải chết. Tì Can không phạm tội móc tim mổ bụng sao hành hình cho đến thế này.

Vua Trụ vỗ bàn nạt lớn:

– Vua khiến tôi thác, tôi không chịu thác thì bất trung. Dám mắng vua trên đài có bấy tôi nào như vậy chăng? Nếu không vâng lệnh trẫm, trẫm sai vô sĩ mổ bụng lấy tim.

Tì Can đã đến nước liều nên không dằn nổi được phải nói:

– Đắc Kỷ là con tinh. Ta đâu có thác xuống suối vàng cũng không hổ với tiên đế.

Vụt ông day qua đám vô sĩ nói:

– Vô sĩ mau đem gươm cho ta.

Quan phụng ngự dâng gươm Tì Can nhắm ngay nhà Thái Miếu làm lễ tám lạy và vái rằng:

– Thành Thang tiên vương xin chứng. Nay Ân Thọ làm hư sự nghiệp 28 đời chẳng phải tại tôi không trung nghĩa.

Lạy tạ xong cởi đai trật áo, mổ bụng mà không chảy máu tí nào và rút phăng trái tim quăng trước mặt vua Trụ, mặt mày tái ngắt, gài nút áo phăng phăng xuống đài.

Các quan đại thần đưa Tì Can khi nãy nhóm trong đền lớn có ý đợi tin tức Thừa tướng. Đương bàn luận với nhau bỗng nghe tiếng giầy đi tới Hoàng Phi Hổ chạy ra xem gặp Tì Can mừng rỡ hỏi:

– Chẳng hay công việc Thừa tướng ra sao?

Tì Can không trả lời bá quan ra nghênh tiếp. Tì Can cúi mặt đi mau, khỏi cầu Cửu Long ra đến cửa ngõ thấy có gia tướng đem ngựa mà ngựa. Tì Can bôn ba lên ngựa về phủ.

LỜI BÀN

– Ở đời chỉ có ba yếu tố dùng sai khiến con người dễ dàng. Đó là tiền bạc, sắc đẹp và địa vị.

Trụ Vương tiếng là một ông vua, quyền bính trên thiên hạ, ngỡ rằng mình là kẻ có quyền uy tốt bậc. Nhưng Trụ Vương có ngờ đâu chính mình lại bị dưới quyền điều khiển của một con dân bà độc ác mà không biết.

Đắc Kỷ không là vua, chỉ là con dân bà có sắc đẹp thôi. Nhưng lại bắt kẻ có quyền hành tốt bậc phải phục tùng mình. Như vậy có múa mai không?

Những ai tự cho mình thông minh, tài trí, nắm quyền sanh sát trong tay, đừng tưởng hành động mình độc lập, do mình quyết định. Tiền bạc, sắc đẹp, địa vị sẽ bắt bạn làm nô lệ cho chúng đấy. Bạn mỉm cười ư? Hãy nhìn lại con tim bạn.

Trụ Vương mê Đắc Kỷ, dám nhẫn tâm sát hại tôi trung, những kẻ đã cùng mình chịu khổ cực trong việc kiến quốc, không kể gì đến việc nước mất nhà tan, thì việc nghe lời Đắc Kỷ, giết một ông chủ lấy quả tim thì có gì không làm được? Tì Can chết là phải, khi mà Tì Can đã nằm trong ý thức thù hận của Đắc Kỷ. Trụ Vương bây giờ đâu còn là Trụ Vương mà đã trở thành công cụ sai khiến của Đắc Kỷ, thì còn nói gì đến tình chú cháu, nghĩa nhân luân?

Đắc Kỷ biết việc giết Tỉ Can không phải là chuyện dễ nên đã đưa Hỉ Mị đến để tạo thành mưu kế. Như vậy trước khi thực hiện kế hoạch, Đắc Kỷ đã cân nhắc kỹ lưỡng tình ruột thịt của vua Trụ, và tình cảm của vua Trụ đối với nàng rồi.

Chú cháu đối với Trụ Vương không bằng dục vọng!

HỒI THỨ HAI MƯƠI BẢY

VĂN TRỌNG BAN SƯ VỀ NƯỚC DÂNG MƯỜI KHOẢN CAN VUA

HOÀNG Phi Hồ thấy cử chỉ của Tỉ Can làm thỉnh xăm xăm đi thẳng ra ngọ môn, liền sai Hoàng Minh, Châu Kỳ lên ngựa theo sau coi Thừa tướng đi đâu cho biết. Hai tướng ấy vàng lệnh ra đi.

Lên lưng ngựa Tỉ Can ra roi đánh ngựa như bay, ước chừng 6, 7 dặm đường thì trước ngựa có một người đàn bà tay xách giỏ, miệng rao rằng:

– Ai mua rau vô tâm không?

Tỉ Can lấy làm lạ hỏi:

– Rau vô tâm là giống gì?

Người đàn bà vòng tay đáp rằng:

– Tôi là đàn bà nghèo khó, đi bán rau vô tâm.

– Nếu người ta vô tâm thì sao?

Người đàn bà trả lời:

– Rau trống ruột thì sống, người vô tâm thì chết tức thời. Tỉ Can la lớn lên một tiếng té xuống ngựa máu ra thấm áo tất thở.

Có thơ thương tiếc Tỉ Can đề:

*Cúi dâng ngựa trát nghì mà thương
Đắc Kỳ bày mưu hại đồng lương
Bởi phép linh không ngậm miệng
Khiến nên bỏ mạng tại bên đường.*

Người đàn bà thấy Tỉ Can té xuống ngựa, không hiểu nguyên do vì đâu thất kinh bỏ chạy.

Hoàng Minh và Châu Kỳ thúc ngựa chạy theo thấy Tỉ Can té dựa mé đường, máu ra lai láng, nằm giữa dưới đất hơi đã dứt rồi (Nguyên khi trước Tử Nha để lại một điệu phù, và viết một lời trong giấy, dặn Tỉ Can uống bùa thì mổ bụng không chảy máu và phải làm thỉnh về phủ thì còn. Bởi Tỉ Can tới số nên khiến hồi người đàn bà mà chết. Có kẻ bàn rằng: Phải chi người đàn bà ấy nói: người vô tâm cũng sống thì Tỉ Can chắc bình an. Nhưng nghĩ sống thác tại mạng, nào phải nơi miệng đàn bà để hại Tỉ Can).

Hoàng Minh, Châu Kỳ thấy công việc xảy ra như vậy không có cơ gì, liền giục ngựa trở về đền thưa sự tình cùng Hoàng Phi Hổ... Hoàng Phi Hổ, Vi Tử nghe tin ấy thì thâm thiết vô cùng. Có quan Hạ Đại phu là Hạ Chiêu hét lớn lên rằng:

– Hôn quân giết chú ruột, trái lẽ quá chừng, để tôi vào ra mắt.

Nói rồi đi thẳng lên Lộc đài.

Trong lúc ấy vua Trụ đang cầm quả tim của Tỉ Can hồi quân gia đi nấu, thì thấy Hạ Chiêu lên đài, trợn mắt tròn vo, nhướn mày dựng ngược đứng ngó vua chẳng chịu thi lễ mặt đỏ phừng phừng. Vua Trụ thấy thế phán hỏi:

– Trẫm không cho chỉ dòi, Khanh có chuyện chỉ vào ra mắt?

Hạ Chiêu tức căm gan nói:

– Tôi đến giết vua đây.

Trụ Vương cười nói:

– Từ xưa đến nay lẽ nào tôi thí chúa (?)

Hạ Chiêu si nhục:

– Hôn quân đã biết rằng tôi không lẽ thí chúa sao cháu lại đi thí chú ruột của mình, khác nào con dê giết cha mình. Và lại, Tỉ Can là em ruột của Đế Ất, chú ruột hôn quan nữ nào nghe lời Hồ Ly Đắc Kỷ nấu tim chú cho nó ăn? Vì lẽ đó mà xét cháu giết chú được thì sau tôi giết vua là vậy.

Nói rồi rút Phi Vân Kiếm treo trên đài chém Trụ Vương. Tuy nhiên Trụ Vương là một người văn hay giỏi võ nên tránh khỏi ngọn đao Hạ Chiêu là quan văn nân chém hụt Trụ Vương mất đà té nhào xuống. Vua Trụ dùng dùi nỏ giận gọi võ sĩ bắt liền. Bọn võ sĩ vâng lời áp lại, Hạ Chiêu nói lớn lên:

– Ngừng tay lại đừng bắt, hôn quân đã giết chú thì Hạ Chiêu phải giết vua, ấy là lẽ công bình, không lỗi chi cả.

Hạ Chiêu sợ ỡ lâu chúng bắt, nói rồi nhảy xuống đài tự vận, thương ôi nát thịt tan xương chết vô cố.

Có thơ đề rằng:

*Hạ Chiêu nóng giận cũng không hờn
Bởi tại hôn quân ở bất nhơn*

*Dạn bảy tiếng tằm phân chẳng vị
Khá thương xương thịt nát chỉ sồn
Lòng vàng một tấn nên khen nữa
Mặt đỏ ngàn cân muốn nặng hơn
Minh vóc tuy là gieo xuống đất
Oan linh còn để rước sân đơn.*

Bá quan văn vô nghe tin Hạ Chiêu gieo mình xuống đất tự tử liền kéo nhau ra ngoài Bắc môn thăm thấy Hoàng Thúc, Vi Tử Đức cử tang thọ chế, lạy tạ bá quan. Hoàng Phi Hổ, Vi Tử, Cơ Tử và Vi Tử Đức khóc than nước mắt vẫn dài rồi tấn liệm xác Tì Can vào quan quách để ngoài Bắc môn cất nạp cúng tế.

Xây nghe quân báo: “Văn Thái sư thắng trận trở về” Bá quan đồng lên ngựa ra ngoài mười dặm rước viên môn nghinh tiếp.

Văn Thái sư nghe tin, liền truyền cho văn vô trở về đợi tại ngõ nôn.

Từ đằng xa người ta đã thấy Thái sư Văn Trọng cỡi hắc Kỳ Lân đi ngang qua cửa Bắc nhìn thấy có rạp tang, quàng linh cữu bên đường thì lấy làm ngạc nhiên nên hỏi:

– Linh cữu của ai đó.

Quân thưa rằng:

– Linh cữu của ông Á Tướng.

Văn Thái sư thoáng nghe thất kinh trong lòng và tiếp tục nhìn Lộc dài trực chỉ. Đến ngõ môn thì gặp các quan đón tiếp Văn Thái sư xuống ngựa cười chào:

– Các ông vẫn mạnh? Đã mười mấy năm nay tôi đi dẹp giặc Bắc, về xem phong cảnh khác xưa khá nhiều.

Hoàng Phi Hồ đáp lời:

– Thái sư ở Bắc Hải có lẽ cũng hay tin, thiên hạ ly loạn, triều chính đảo điên, lễ thứ phân tán, chư hầu phản bội rồi chứ?

Văn Thái sư tỏ vẻ suy nghĩ cất tiếng trả lời:

– Năm nào cũng nghe tin như vậy, song lẽ mắc bạc việc binh gia buộc ràng nên chẳng về được. Nay nhờ ơn trời và hồng phúc Thiên tử dẹp xong Bắc Hải chỉ muốn bay đến tận Triều ca.

Văn Thái sư ngược nhìn văn võ bá quan rồi vội vã, vào triều thấy ngự án trước ngai đóng bụi biết là vua vắng lâm triều. Văn Thái sư ngó phía đông hỏi rằng:

– Mấy cột đồng dựng chi đó?

Quan chấp điện quỳ thưa:

– Thiên tử mới chế vật hành hình, gọi là Bào lạc.

– Bào lạc ra làm sao?

Vô Thành Vương bước tới thưa:

– Thái sư ời! Nhưng quan giám nghị nào lòng ngay vì nước ba từng Bào lạc cháy đỏ, rồi xiềng tủa trói người can ấy bó ộp vào cột đồng nổi lửa đốt bay hôi tanh khét cả đền một phút đã ra tro mạt. Từ khi chế ra Bào lạc quan trung nạp chức, kẻ trí ẩn mình, tôi ngay liều tẩm thân.

Nghe những lời phân giải Văn Thái sư giậm chân tức tối, trợn ba con mắt gần tóa lửa, con mắt giữa là mắt thần nên hào quang chiếu sáng. Ông truyền quan Chấp điện, nổi trống giống chuông, mời Thiên tử lâm triều. Tất cả bá quan văn võ thấy thế lấy làm đẹp dạ hài lòng.

Riêng Trụ Vương sau khi xất tìm Tỉ Can lấy nước trị

bệnh cho Đắc Kỷ phục hồi trở lại, người ấy yêu mơn trớn cùng người đẹp bỗng quan Đường giá vào tâu:

– Văn Thái sư từ Bắc Hải mới về nổi trống dên để mời bệ hạ lâm triều yết kiến.

Trụ Vương cúi đầu ngẫm nghĩ, rồi truyền cho đẩy xe rồng, ngự dên lớn.

Bá quan văn võ bái lạy Thánh hoàng đã trở về an vị. Văn Thái sư cũng làm lễ ra mắt. Trên bệ rồng Trụ Vương nghiêm nét mặt giả ơn:

– Thái sư đánh Bắc Hải, người ngựa đều mệt mỏi, nay đắc thắng trở về thì công trạng ấy sẽ được hậu tạ xứng đáng.

Văn Thái sư quỳ tâu:

– Đó cũng nhờ ơn trời và phước chúa, trải qua mười lăm năm chinh phạt, trăm trận đều bình an, nguyện với lòng đem hết sức bình sinh đền nợ nước. Dù ngoài xa ngàn dặm thân vẫn nghe rằng “Thiên tử lỗi nghi cũng lắm, các nước chư hầu bộ phận, triều chính rối ren, dân tình đổ thán. Nhưng chuyện ấy có thật như vậy chăng, xin bệ hạ phân giải tận tường.

Vua Trụ nhủ mày suy nghĩ trịnh trọng phán rằng:

– Khương Hoàng Sở dùng mưu thí trẫm, Ngạt Sùng Vô lòng nghịch mắng vua, lỗi lầm ấy không thể nào tha thứ được nên trẫm hạ lệnh bêu đầu, riêng về hai người con chư hầu lập mưu báo thù trẫm lấy làm giận lắm.

Văn Thái sư thấy nhà vua nguy biến lòng giận hỏi:

– Khương Hoàng Sở thí chúa, Ngạt Sùng Vô mắng vua ai sẽ đứng ra làm chứng cho bệ hạ?

Vua Trụ lặng người không nói, Văn Thái sư thấy thế nói:

– Tôi đánh Bắc Hải những mười lăm năm, chốn triều nội

bệ hạ chẳng tu nhơn tích đức, chỉ biết đắm say tầu sắc, giết chết tôi trung, làm một lòng chư hầu sanh tâm phản bội.

Ngừng lại Văn Thái sư chờ xem phản ứng nhà vua rồi tiếp:

– Thần lấy làm thắc mắc về mấy trụ cột dựng ở hướng đông để làm gì?

Vua Trụ phán:

– Quan giám nghị mắng vua, nên trần chế Bào lạc mà trị tội loạn thần.

Văn Thái sư lại hỏi:

– Còn dài chi xây cao chón chỡ cả công trình vĩ đại?

Vua Trụ giả vờ ngạc nhiên:

– À!... vì trời hè nóng bức trẫm xây cất Lộc đài để hứng gió, tuy nhiên nó còn có công ích cho nên từ trên cao ngó xuống thấy đủ mọi điều.

Văn Thái sư nghe thấy làm bất mãn lớn tiếng nói:

– Nay bốn bể chẳng an, giặc già khuấy phá, chư hầu trở mặt, bởi bệ hạ vô ơn bạc, cứ miệt mài trong tầu sắc, vậy mà còn chế ra Bào lạc giết tôi can, làm Lộc đài cho dân khổ, tiền bạc tiêu xài thỏa thích để cho lương thực cạn dần, quân dôi khổ phải bỏ chúa, dân vì sưu cao thuế nặng oán vua.

Văn Thái sư ngừng lấy giọng ôn tồn kể:

– Tâu bệ hạ, quan quân dân đều là tứ chi của bệ hạ nếu tứ chi lành lẽ thì thân thể mạnh, tứ chi nghịch thì thân thể ngứa nghiêng. Vậy Chúa lấy lẽ dài bấy tôi, tôi lấy ngay thờ chúa. Tiên Vương ngày trước, tứ phương tám hướng dâng lễ, vòng tay, cơ nghiệp vững vàng, nhân dân vui vẻ. Nhưng từ lúc bệ hạ lên ngôi, Bắc Hải dậy loạn, tôi phải chinh phạt hèn lâu

mới yên một cõi, thế mà bệ hạ không biết lo cho vận nước đảo điên còn chọc giận chư hầu, lê thê lầm than, gây điều tác tệ, luật lệ chẳng ngó ngàng. Hôm nay tôi trở về đây tu chỉnh lại... Bệ hạ vào cung an nghỉ, đợi tôi viết sớ dâng.

Vua Trụ rời long sàng trở về Lộc đài một nước. Vua Trụ đi rồi Thái sư Văn Trọng quay sang bá quan nói.

– Xin các ông khoan về dinh, thẳng đến phủ tôi thương nghị.

Bá quan vẫn vô đồng theo Văn Thái sư hầu việc, Văn Thái sư mời bá quan an tọa đầu đó, rồi mới nói:

– Lão phu chinh phạt miền Bắc lâu năm, chẳng dám phụ lời tiên vương gởi gắm, nên thường hỏi thăm tin tức tại triều, tôi được nghe bệ hạ bấy lâu nay bỏ phép, làm nhiều chuyện phi nhân, nhưng chỉ nghe thế thôi, không làm sao hiểu tường tận được, xin các quan thuật lại rõ ràng, rồi chúng ta cùng nghị luận, tìm cách khuyên vua sửa mình trị nước.

Quan Đại phu Tôn Dung đứng dậy bày tỏ:

– Lâu nay Thiên tử xa hiền, nghe nịnh, đắm mê tửu sắc, bỏ đạo vua tôi, làm lắm điều tội ác, kể sao cho xiết. Nếu Thái sư muốn rõ đầu đuôi, chúng tôi xin tiến cử Vô Thành Vương Hoàng Phi Hổ thay mặt chúng tôi kể lại.

Bá quan đồng thanh nói:

– Như vậy rất phải.

Hoàng Phi Hổ liền đứng dậy thưa:

– Tôi xin vâng lệnh Văn Thái sư kể rõ đầu đuôi, không việc gì dám giấu.

Kể đó, Hoàng Phi Hổ đem các việc của Trụ Vương từ chân tóc kê rằng thuật lại một hồi, và kết luận:

– Nước thịnh thì hiện điềm lành, nước gần mất sanh điều yêu mị. Thiên tử lỗi đạo như vậy mà chúng tôi dâng sớ can ngăn, thiên tử xem như mớ giấy lộn không hề để ý tới, cứ xem việc tửu sắc là hơn, xem lũ nịnh là trọng. Sau này, Thiên tử không lâm triều nữa, vua tôi cách mặt, dù có chuyện gì muốn nói cũng không biết đâu mà mở lời. Nay Văn Thái sư về đây, xin lấy uy thế của ngài chấn hưng, xua tắt, đưa vua trở lại con đường chính cho bốn bề được yên vui, được như thế chúng tôi cảm đức Thái sư khôn cùng.

Văn Thái sư nghe rõ mọi việc, giận quá không dần được, hét lên một tiếng thấu trời, và nói:

– Cơ nghiệp Thành Thang không ngờ ngày nay đổ nát như vậy. Bởi tôi lo đi dẹp giặc Bắc Hải, nên Thiên tử mới hư hèn, sa đoạ thế này. Tôi xét thấy tôi có tội lớn với tiên vương, phụ lời gởi gắm. Thôi, các ông ai về dinh nấy an nghỉ, đợi ba ngày nữa tôi làm sớ xong sẽ mời vua ra đền dâng sớ can vua.

Thái sư Văn Trọng tiễn bá quan ra cửa xong rồi dặn Kiệt Lập và Dư Khánh đóng cửa ba ngày, không cho ai đến hỏi han gì cả, để có đủ thời giờ thanh tịnh làm sớ can vua, rồi sẽ mở cửa tiếp kiến dân chúng.

Người sau có thơ khen Thái sư Văn Trọng:

*Đẹp loạn mấy năm cõi Bắc an,
Nào hay triều chính đã tan hoang
Đắm mê, Thiên tử buồn can kỷ
Làm phản chư hầu phá ải quan
Mười khoản khuyên vua không vâng kỷ,
Chín trùng kiêng nể, khó than van.
Quyết lòng sửa chữa, khuyên vua dữ,
Tiết giải trung trình tợ đá vàng,*

Nội trong ba ngày đêm, Thái sư Văn Trọng làm sớ khuyên vua, bên trong hội đủ mười điều, buộc vua trụ phải từ bỏ.

Ngày thứ tư, Thái sư Văn Trọng vào đền, hai bên văn võ bá quan đứng hầu đủ mặt. Trụ Vương thấy mặt Thái sư, cũng phải lâm triều. Đã mấy năm, người ta mới thấy một cảnh triều kiến huy hoàng như vậy.

Văn Thái sư quì dưới bệ, dâng sớ tâu:

– Kê hạ thần có mấy lời ngay, xin Bệ hạ soi xét.

Nói rồi trải tờ sớ trên Long án trước mặt Trụ Vương.

Vua Trụ xem sớ, thấy viết như sau:

“Tôi dâng sớ là Thái sư Văn Trọng, vì thấy quốc biến gia vong, phong hóa suy đồi, muôn dân muốn loạn, nên không ngại búa rìu đem lời ngay can gián.

Tôi ghi: Trước kia vua Nghiêu tức vị, lo việc thiên hạ không dám vui riêng, giết kẻ nịnh tìm người hiền, nên mới có vua Thuấn, vua Võ, Ông Tắc, Ông Khiết, đồng ra giúp sức, đó là bậc vua thánh tôi hiền, lấy đức dạy dỗ muôn dân, lấy nhơn nghĩa mà trị nước, lấy lễ nghi mà sửa mình.

Nay Bệ hạ nối ngôi nhà Thương, muốn cho xã tắc được yên, trăm họ kính vì, không phải lấy uy quyền mà làm oai, lấy vui riêng làm trọng, mà phải thương dân, yêu quân, kính văn trọng võ, xem công đức của các bậc tiên vương để lại làm một sự nghiệp lâu dài.

Cái gì thuận thì còn, cái gì nghịch thì mất. Đó là luật vũ trụ thể mà bệ hạ xa trung gần nịnh đắm rượu mê hoa, bỏ dở can thường khoét mắt, đốt tay Hoàng hậu, dứt tình phụ tử, hại mạng đông cung, làm Bào lạc đốt tôi thần, chế Sái bôn diệt cung nữ. Hành động như vậy đâu phải hành động của một chân chúa.

Xin Bệ hạ từ nay bỏ lỗi trước, lấy gương xưa sửa mình, may ra xã tắc được yên, trăm họ châu về, cơ nghiệp Thành Thang mới duy trì được.

Tôi can tội dâng mười điều răn, kể sau:

Điều thứ nhất: Xin phá Lộc đài cho yên lòng thiên hạ.

Điều thứ hai: Xin bỏ Bào lạc cho đẹp dạ trung thần.

Điều thứ ba: Xin lấy Sái bồn cho cung nga khỏi hại.

Điều thứ tư: Xin hủy tửu trì, phá nhục lâm cho các trấn khỏi chê.

Điều thứ năm: Xin dày Đắc Kỳ, lập chánh cung, cho mỹ nhân khỏi lợi dụng sắc đẹp bày điều hại nước.

Điều thứ sáu: Xin chém Vưu Hồn, Bí Trọng cho tôi nịnh giết mình.

Điều thứ bảy: Xin phát lúa gạo trong kho chẩn thí cho dân đói.

Điều thứ tám: Xin sai sứ chiêu an Đông và Nam bá hầu.

Điều thứ chín: Xin tìm người hiền lương ở non cao rừng rậm đem về dùng.

Điều thứ mười: Xin phong thêm quan giám nghị để sửa lỗi vua.

Dâng sớ xong, Văn Thái sư đứng dựa một bên ngai, mài mực, chấm viết, đưa cho vua Trụ, buộc vua Trụ phải phê vào lập tức, để triều đình theo đó mà thi hành.

Nhưng vua Trụ xem xong lại lưỡng lự, nói với Thái sư:

– Trẫm cất Lộc đài hao tổn công của nhiều lắm, để trẫm nghĩ lại, phá vội không đành. Còn Đắc Kỳ phạm tội gì mà dày dọ. Đến như Bí Trọng, Vưu Hồn là hai kẻ có công lao với trẫm, không lầm lỗi điều gì, sao gọi là nịnh thần, bảo trẫm

giết đi sao cho được. Trong mười điều, trăm chỉ bỏ điều thứ nhất, điều thứ năm, và điều thứ sáu mà thôi.

Văn Thái sư tâu:

– Lộc dài càng tổn của tổn công càng làm cho dân chúng điêu linh khổ sở, phá đi là trấn an lòng giận dữ của dân. Đắc Kỳ xúi giục Bệ hạ làm Bào lạc, chế Sái bồn, hại nhiều người thác oan. Vậy phải dày Đắc Kỳ tôi trung mới theo về, người hầu mới thỏa mãn. Còn Vu Hồn, Bí Trọng chém đi để trong triều khỏi còn nịnh thần xúi vua làm bậy. Được như vậy nước mới trị dân mới yên. Xin Bệ hạ dừng dự dự, chúng tôi đang mong mỗi được hầu gần một minh quân.

Bị Thái sư ép buộc, vua Trụ túng thế, vừa đứng dậy vừa quát:

– Thái sư tâu mười khoản, trăm chỉ bằng lòng bảy khoảng mà thôi. Còn ba khoản kia đình lại, để trăm xét đã.

Văn Thái sư tâu:

– Bệ hạ chớ xem ba khoản ấy là việc nhỏ. Chính khoản ấy là căn bản cho việc trị loạn trong triều đình đó.

Xây có quan Trung đại phu là Bí Trọng bước lên thêm, ý muốn tâu trình việc gì. Văn Thái sư không biết mặt, nên hỏi:

– Ông là ai?

Bí Trọng thưa:

– Tôi là Bí Trọng, làm chức Trung đại phu.

Văn Thái sư cười gằn, nói:

– Quan Trung đại phu định lên đây có việc gì?

Bí Trọng nói:

– Thái sư ngôi cao cực phẩm, lẽ ra phải trọng đạo tôi thần lại còn viết ép vua phê là trái lẽ vua tôi, đòi dày Hoàng

hậu là lỗi đạo, đề nghị giết tội thần vô cơ là trái phép. Thái sư cậy mình hiếp chúa, thật khi dễ bá quan.

Văn Thái sư nổi giận, trợn mắt dựng râu thét:

– Bí Trọng bình nhật uốn lưỡi mà cảm dỗ vua, nay lại dám chọc gan ta nữa!

Nói đoạn đâm cho một đâm Bí Trọng té sấp xuống đơn trì, xiêm y rơi tả, mặt mày bầm tím. Vư Hồn thấy thế bước ra nói:

– Thái sư đánh đại thần trước mặt vua, phải là đánh Bí Trọng đâu, mà là đánh Bệ hạ đó.

Thấy người ăn nói càng gỡ Văn Thái sư hỏi:

– Còn người là ai.

Vư Hồn nói:

– Ta là Vư Hồn.

Văn Thái sư nhìn thẳng vào mặt Vư Hồn cười nói:

– Nếu vậy hai đứa bây là cặp giặc, thao túng triều nội, và che chở cho nhau.

Thái sư cũng không quên tặng cho Vư Hồn một quả dấm, Vư Hồn văng ra mười mấy thước. Đoạn Văn Thái sư truyền kẻ tả hữu dẫn Vư Hồn, Bí Trọng ra ngồi bên dậu.

Văn vô bá quan trong triều ai cũng đều ghét Vư Hồn. Bí Trọng nên nghe lệnh truyền đã nắm cổ lôi đi.

Văn Thái sư mặt giận phừng phừng. Trự Vương làm thỉnh không dám nói gì hết, thầm nghĩ:

– Tại Bí Trọng, Vư Hồn không biết tránh mặt, nên mới mang họa vào thân.

Văn Thái sư quỳ tâu:

– Xin Bệ hạ chớ nghĩ ngại, hãy cương quyết xuống chỉ thị hành để cứu nguy xã tắc kéo muộn.

Trụ Vương nói:

– Thái sư tâu rất phải. Ba điều ấy trăm cũng phục tùng, nhưng để cho trăm ba ngày có thì giờ nghĩ lại. Còn Vương Hôn, Bí Trọng chọc giận Thái sư, tội ấy cũng nhẹ, hãy giao cho tòa Pháp ti tra vấn và xử phạt cũng được.

Văn Thái sư thấy vua Trụ có vẻ sợ sệt, nghĩ thầm:

– Ta vì nước mà can vua, muốn khôi phục lại cơ nghiệp Thành Thang, nay nếu làm cho lòng vua kinh động thì mang tiếng khi quân, lỗi đạo với các tiên vương không ít.

Liên quì tâu:

– Xin bệ hạ dừng cho việc làm của hạ thần là có ý ép vua. Hạ thần chỉ mong sao bốn phương được thái bình, cơ nghiệp Thành Thang vững mạnh, tôi chúa sum vầy. Đó là nguyện vọng của hạ thần, ngoài ra hạ thần không mong muốn điều chi cả.

Trụ Vương bèn truyền chỉ:

– Bí Trọng, Vương Hôn nghịch mạng Thái sư giao cho Pháp ti trị tội. Còn mười điều của Thái sư dâng sớ thì bảy điều kia cho phép thi hành ngay, chưa lại ba điều sẽ xét nghị lại.

Phán rồi, Trụ Vương vào cung. Bá quan ai về dinh nấy.

Hoàng Phi Hổ vừa rời khỏi điện, xảy có sứ ngoài ải về đến nơi báo tin:

– Nơi Đông Hải Bình Linh vương làm phản, không phục lệnh triều đình, muốn tấn binh chiếm đất.

Hoàng Phi Hổ than:

– Binh dậy bốn phương, giặc sanh tám hướng, nay Bình

Linh vương lại trở lòng nữa, chẳng biết rồi đây xā tắc ly loạn đến bực nào.

Than rồi Hoàng Phi Hổ vội đến phủ Thái sư yết kiến Văn Trọng bày tỏ mọi việc.

Thái sư Văn Trọng thở dài, nói:

– Bắc Hải vừa bình xong, Đông Hải đã dậy loạn. Nếu Bệ hạ không chữa nết cũ, không sửa đổi việc nước, chẳng biết rồi đây còn phát sinh bao nhiêu mũi giặc nữa?

Hoàng Phi Hổ cũng buồn rầu thở ra mãi. Thái sư Văn Trọng hỏi:

– Mũi giặc Đông Hải nếu không dẹp cho sớm, đến Bình Linh vương tạo được vây cánh thì sau này khó trừ. Vậy Nguyên soái hay lão phu cử binh?

Hoàng Phi Hổ thưa:

– Trước kia không có Thái sư tại triều thì tôi lo thu xếp mọi việc, nay Thái Sư đã về, quyền sai bắt xin nhường lại cho Thái sư định liệu.

Văn Trọng suy nghĩ một hồi rồi nói:

– Bình Linh vương làm đến tước vương, nếu không có tôi đến khuyến dụ e việc không thành. Còn công việc triều đình hiện nay cũng cần có mặt tôi mới mong cải thiện được. Xét hai mặt đều quan hệ cả. Nhưng thôi, để tôi cử binh dẹp yên Đông Hải rồi sẽ trở về thu xếp việc triều chính cũng được. Tôi nhắm thời gian bình Đông Hải cũng chẳng bao lâu.

Hoàng Phi Hổ nói:

– Xin tùy Thái sư định liệu sao lương toàn.

Văn Trọng nói:

– Nguyên soái ở lại giữ gìn trật tự an ninh, lão phu nguyên đem hết trí lực đáp đền lời phó thác của tiên chúa.

Hoàng Phi Hồ tuân lệnh ra về. Rạng ngày Thiên tử lâm triều, bá quan làm lễ tung hô xong, Văn Thái sư vội dâng biểu tâu việc Bình Linh vương làm phản ở Đông Hải, Trụ Vương xem sơ thất kinh nói:

– Bình Linh vương chịu ơn trăm lâu nay, cố nào lại làm phản? Lòng người thật khó lường.

Văn Thái sư tâu:

– Việc ấy không có gì lạ cả. Hễ bên trong không sáng thì bên ngoài phải loạn. Hạ thần mang ơn tiên vương phó thác, dù thịt nát xương tan cũng không việc từ chối việc lửa binh. Xin bệ hạ tự sửa lấy mình, coi việc xā tặc là trọng thì dù đất ngửa trời nghiêng cũng có thể cứu vãn được. Đó là lời tâm huyết. Xin bệ hạ chớ chấp.

Trụ Vương nói:

– Việc Bình Linh vương làm phản, Thái sư có ý kiến thế nào?

Thái sư Văn Trọng tâu:

– Xin để Vô Thành Vương ở lại triều châu bệ hạ; tôi xin đem hai mươi vạn binh đi bình Đông Hải cho. Còn ba điều tôi vừa dâng sớ mà bệ hạ chưa phê chuẩn, xin đợi tôi về sẽ hay.

Trụ Vương nghe nói có ý mừng rỡ, vì từ ngày Thái sư Văn Trọng trở về triều ngày đêm Trụ Vương lo nơm nớp. Không dám gần Bí Trọng, Vưu Hồn, không dám cùng Đắc Kỷ và Hồ Hi Mị dờn ca yến tiệc thâu đêm như lúc trước.

Được dịp, Trụ Vương truyền dọn tiệc thết đãi Thái sư Văn Trọng để tiễn chân.

Lúc Văn Trọng kéo quân ra đến Đông môn, Trữ Vương cùng bá quan theo ra đưa đón. Trữ Vương rót một chén rượu trao cho Văn Trọng và nói:

– Xin chúc Thái sư sớm ca khúc khải hoàn.

Văn Thái sư tiếp lấy chén rượu trao cho Hoàng Phi Hổ, và nói:

– Xin Vô Thành Vương uống trước.

Hoàng Phi Hổ khếp nép thưa:

– Thái sư xuất quân đi đánh giặc xa, bệ hạ ban ngự tộ lẽ nào tôi dám uống?

Thái sư Văn Trọng nói:

– Không hề chi. Xin nguyên soái chấp nhận ly rượu này để lão phu có một điều xin thưa.

Hoàng Phi Hổ tuân lệnh tiếp lấy ly rượu. Văn Thái sư nói:

– Trong triều không còn ai có đủ mưu lược thay mặt tôi trong lúc này. Vậy nếu điều gì trái lẽ, Nguyên soái phải can gián, chớ nên làm thinh.

Đoạn, Văn Thái sư quay sang tâu với Trữ Vương:

– Tôi vì xã tắc, không tiếc thân trước làn gươm mũi giáo, xin bệ hạ ở nhà nhớ lấy kỷ cương noi gương các vị tiên vương mà trị nước, chớ phá bỏ lệ xưa. Tôi đi lâu lắm là một năm, sớm lắm là sáu tháng sẽ trở về giúp việc triều đình.

Nói rồi uống một chung ngự tộ, từ giả các quan, nhắm hướng Đông Hải tiến binh.

LỜI BÀN

—Cùng là những việc quan hệ, kẻ có trí sẽ thấy việc nào quan hệ hơn.

Đang lúc vua Trụ đắm mê tiêu sắc, bỏ cả việc triều chính các tôi thần có mặt tại triều đều bất lực, không còn biết cách nào răn vua, ngoài việc hy sinh, tự vận... thì Thái sư Văn Trọng trở về với uy phong của một vị cựu thần, ủy quyền của đáng tiên vương.

Văn Trọng vạch ra mười điều khoản, buộc Trụ Vương phải làm theo để chỉnh đốn xã tắc. Xét về hành động của Văn Trọng quả là một trung thần cứng rắn, bất chấp những cái nhỏ mọn, cốt làm sao cái tiến được nhà Vua, đem lại kỷ cương trong triều đình, xã hội.

Việc sách hạch tội lỗi của vua Trụ và bắt vua Trụ phải thực hiện mười điều trong sổ, độc giả dọc đến đoạn này ai chẳng thích. Nhưng rồi công việc nửa chừng, chưa làm xong trách nhiệm tại triều thì Văn Trọng lại phải cầm quân đi chinh phạt, bỏ lại nhà vua hư hèn, một lũ triều thần nhu nhược, thành thử công việc lại dẫu vào đấy cả.

Trước đây vì Văn Trọng mắc di dịp giặc Bắc Hải mà vua Trụ hư đốn vì không ai dám kiểm chế, nay tình trạng đã nguy ngập, Văn Trọng lại đi vắng một lần nữa, chứng tỏ sự nghiệp nhà Thương đã đến lúc cùng tận rồi!

Nhưng đó lại là mệnh trời xui nên, hay vì Văn Trọng bất trí?

Xét đoán này, tác giả Phong Thần đã bị chính sử làm cho ông lúng túng. Trong lúc ông đang đề cao một Thái sư Văn Trọng trung liệt, có đủ uy quyền tài đức, bản lĩnh để bên trong thì răn vua bên ngoài thì dẹp loạn. Nếu có mặt

Văn Trọng tại triều thì làm sao Đắc Kỷ sống được mà sai khiến Trụ Vương. Có một ông quan cận thần như Văn Trọng, thì việc gì xảy ra nữa. Khiến cho Văn Trọng vì loạn lạc phải đem thân ra ai ngoài, để cho một ông vua dâm loạn cùng một lũ triều thần bất lực hiềm khích nhau, mới có chuyện nhà Thương đổ nát. Việc nhà Thương đổ nát là việc hải cẩu, mà tác giả Phong Thần cũng có một Văn Trọng hùng hổ trên chức vị mình, thế thì Văn Trọng phải vắng mặt trong lúc cần thiết để bảo tồn uy tín.

Do lẽ đó mà tác giả tạo ra cơ hội để cho Văn Trọng vắng mặt chứ không phải do số mạng nhà Thương hay do Văn Trọng bất tri cả.

Người như Văn Trọng lẽ nào không thấy được việc quan hệ? Bao nhiêu giặc già nổi lên, bao nhiêu phản loạn đều bắt nguồn ở chỗ bất minh và tàn ác của Trụ Vương mà nảy sinh cả.

Nếu Văn Trọng sửa chữa được Trụ Vương tức là đã dẹp được giặc bên ngoài rồi. Giặc bên ngoài không cần đánh cũng quy hàng. Thế mà Văn Trọng bỏ dở công việc của mình ở triều đình, mang binh đi Đông Hải là nghĩa làm sao?

Nhất định không thể có một Văn Trọng tài trí mà thiếu sáng suốt như vậy được. Sở dĩ có một Văn Trọng uy hùng là do ý tác giả muốn dựng nên. Bộ truyện Phong Thần viết trong thời Minh là cái thời vua chúa yếu hèn, thích nịnh ghét trung, dầu ộc tác giả muốn có một Văn Trọng, một tôi thần uy hùng đem tài lực mình không chế nhà vua, buộc nhà vua đi theo con đường chính, vì vậy trong Phong Thần mới có nhân vật Văn Trọng. Nhân vật Văn Trọng là sản phẩm tưởng tượng của các sĩ phu đời Minh vậy.

HỒI THỨ HAI MƯƠI TÁM

VĂN VƯƠNG PHẠT TRỤ CỨU DÂN

Văn Trọng dẫn binh đi rồi. Trụ Vương cùng bá quan vẫn vô trở lại đền rồng. Tâm hồn Trụ Vương lúc này có vẻ thư thái, không khó chịu như lúc có mặt Văn Trọng nữa.

Việc đầu tiên sau khi ngự triều là Trụ Vương truyền tha tội cho Vu Hồn, Bí Trọng.

Vi Tử thấy vậy quì tâu:

– Vu Hồn, Bí Trọng có lỗi, bệ hạ hứa với Thái sư cầm ngục hai người ấy để đưa ra tòa Pháp ti xử tội. Nay Thái sư vừa mới ra đi bệ hạ đã tha ngay, làm như vậy phụ lòng Thái sư chăng?

Trụ Vương nói:

– Hai người ấy không có tội gì, bởi Thái sư bức hiếp nên ta phải nể mặt truyền xử phạt thế thôi. Hoàng Bá chờ theo lời nghị đó mà hại kẻ trung lương.

Vi Tử làm thỉnh không dám nói nữa. Bí Trọng, Vu Hồn được phục chức, theo hầu xa giá như cũ.

Vua Trụ bài châu, bá quan trở về phủ.

Từ ấy Trụ Vương trở lại con đường cũ, muốn làm gì thì làm, không ai dám can gián nữa.

Ngày kia, nhằm tiết xuân, gió hòa, nắng ấm, hoa nở ngát hương nhất là giống hoa mẫu đơn ngoài ngự viên mùi thơm nồng nặc, vua Trụ truyền bá quan văn vô đi theo ra vườn ngự uyển thưởng hoa. Bá quan tuân lệnh, ai nấy theo hầu.

Có thơ rằng:

*Nắng ấm, người vui hứng gió hòa
Muôn hồng ngàn tím đượm trăm hoa
Vương hương, gió lộng trời xanh ngắt
Nhuộm biếc cành đưa bóng lại qua.
Các phụng lầu hồng xem rất lịch
Cửa vàng then ngọc ngậm không nhòa
Sương rơi mát giọt đeo cành gió
Nồng nực mùi hương mấy dặm xa.*

Sau khi thưởng hoa, Trụ Vương còn truyền dọn tiệc thết đãi các quan văn vô tại nhà mát, còn vua và Hoàng hậu cùng với Hỉ Mị uống rượu ngự thi các.

Trong tiệc, Vô Thành Vương than với Cơ Tử và Vi Tử:

– Chơi chẳng phải thời, tiệc không nhằm cách. Đang lúc bốn phương giặc già, trăm họ loạn ly, vui gì mà xem hoa, rảnh gì mà ăn tiệc? Phải chi Thiên Tử chưa lỗi cù, bỏ dũ làm lành, họa may trời cho thái bình, đổi họa làm phúc...

Cơ Tử nói:

– Tôi xét thấy bệ hạ không sửa đổi lại còn tệ hại hơn. Chúng ta chẳng biết rồi đây sẽ thế nào trước cơn quốc biến?

Vi Tử nói:

– Chúng ta nên rút ngắn bữa tiệc này, về phủ ngồi cho yên ổn tinh thần, chứ kéo dài mãi bữa tiệc nhật phèo này có ích chi?

Các quan đều đến trước mặt Trữ Vương lạy tạ xin về.

Trữ Vương phán:

– Ngày xuân đậm ấm, cảnh vật tốt tươi, hãy uống rượu xem hoa thỏa thích, sao lại từ tạ vội vàng thế?

Hoàng Phi Hổ nói:

– Dù cuộc vui có kéo dài đến đâu cũng có lúc phải mãn chúng tôi để dành cái vui ấy cho dịp khác, khi thấy nước nhà được thịnh trị, xã tắc được an vui.

Trữ Vương nói:

– Trẫm còn chưa thỏa nguyện, vậy để trẫm ngự ra nhà mát cùng bá quan văn võ vui chung.

Các quan thấy Trữ Vương xuống lầu, ai nấy buộc lòng phải ngồi nán lại để hầu tiệc.

Trữ Vương đến mầu đơn đình truyền dọn thêm tiệc rượu, vua tôi ăn uống cho đến tối, Trữ Vương lại truyền thấp đèn lên, tổ chức đèn ca múa hát để cho bá quan đồng thưởng thức.

Trong lúc ấy, Đắc Kỷ và Hỉ Mị khỏi phải hầu Trữ Vương, liền xuất hôn yêu tinh, nổi trận gió, bay khỏi lầu tìm người mà ăn thịt.

Khi ấy gió thổi mạnh, trời đất âm u, âm khí bốc ra rờn rợn, các cảnh mầu đơn tươi đẹp đều nép mình run rẩy. Bá quan thấy trận gió lạ đều kinh hãi. Bỗng có quan Thị tâu vùng la lớn:

– Có yêu tới:

Hoàng Phi Hổ lúc ấy rượu đã xoàng xoàng, nghe nói có yêu vội vàng bước ra xem thử thì thấy con thú:

Mắt tựa song đăng chiếu sáng lò

Chòn tròn làm dữ giữa vườn hoa.

*Nhăn nanh chẳng khác hùm thềm thịt
Giơ vuốt dường như thú bắt gà
Mình vẫn lẹ lắt coi vẫn vẫn
Đuôi dài lược bước kéo sà sà
Mập mờ đêm tối xem cho kỹ.
Rõ thiệt trên non một cáo già.*

Hoàng Phi Hồ thấy Hồ Ly làm dữ, nhưng trong tay không có khí giới, nên lấy làm bối rối, nghĩ mãi mới bẻ lan can đánh nói.

Hồ ly nhanh nhẹn tránh khỏi và trở đòn chụp lại, Hoàng Phi Hồ trằng ngang, gọi quân thả con kim nhân thần oanh (nguyên con chim Kim nhĩ từ ngoài bắc dâng vào, có tài săn chồn rất hay).

Nghे lệnh khẩn cấp tá hữu vãng lệnh, mở lồng thả thần oanh ra. Chim ấy bay lên, mắt mở rực sáng, vỗ lấy Hồ ly một cái, Hồ ly hoảng sợ bỏ chạy vào hang đá bên Thái hồ. Trên cao Vua Trụ thấy rõ ràng, sai quân lấy cuộc đào xuống tìm bắt loài chồn. Vãng lệnh nhà vua, quân đào hơn ba thước thì ngạc nhiên vô cùng vì nơi ấy xương người chồng chất đầy hang. Vua Trụ cả kinh nghĩ đến lời nói của quan giám nghị:

– Trong cung có yêu, thật đúng chẳng sai.

Rồi lâm lõi trở về ngự thư các để bá quan lạy tạ lui về.

Hồ ly bị thần oanh vỗ xé mặt, bay nhanh về nhập xác, giật mình tỉnh dậy, biết việc chẳng lành, nhưng ăn năn đã muộn, vua Trụ vén màn lên vườn rồng ngủ với hai nàng. Lúc bừng tỉnh mắt ra vua Trụ thấy mặt Đắc Kỷ có dấu trầy trụa nên hỏi:

– Ngự thê làm sao mà bị thương trên mặt?

Đắc Kỷ day nắm cánh tay nhà vua nùng nịu:

– Đêm rồi bệ hạ cùng bá quan yến tiệc, để thiếp thui thui một mình, thiếp buồn ra ngự viên dạo kiếng, bị nhánh hái đường gie xuống, thiếp tuôn phải nên mặt mày trắng xể thế này.

Nghe Đắc Kỷ nói về thương tâm vua Trụ an ủi căn dặn:

– Từ nay về sau, Ngự thê đừng vào ngự viên nữa, vì nơi ấy có yêu khí, hồi khuya này trẩm và văn võ bá quan có thấy xuất hiện một con Hồ ly tinh chụp người, Hoàng Phi Hổ nhanh tay bẻ lan can đánh, nhưng nhờ thả Kim nhân thần oanh ra chụp nó, vì thế mà vuốt chim thần còn máu và lông của nó.

Đắc Kỷ nghe rõ giận thắm Hoàng Phi Hổ nên hăm:

– Ta chẳng chọc mi, sao mi lại hại ta, ta chỉ e cho mi khó tránh khỏi họa?

Thơ dè:

*Vua Trụ vậy vui việc thưởng hoa,
Chúa tôi uống rượu tới canh ba
Khí yêu mù mịt nơi vườn ngự,
Hình quái đua tranh với võ già,
Kim nhân bay ra oai quào sạt sạt
Hồ ly xể mặt chạy xa xa
Trá thù sao hại người trinh tiết
Khiến Võ Thành Vương học Tử Nha?*

Khương Tử Nha nghe tin vua Trụ say mê tửu sắc, dùng gian nịnh, Bình Linh vương ở Đông Hải trở lòng, Văn Thái sư kéo quân dẹp loạn, Sùng Hầu Hổ a dua theo Trụ, bày làm đài cao khác khổ lê dân, nhập bọn Vưu Hồn, Bí Trọng, hăm he đủ điều không ai dám mở miệng can gián vua. Tin ấy làm cho Khương Tử Nha nổi giận lôi đình.

– Nếu không trừ Sùng Hầu Hổ, thế nào tên giặc ấy cũng làm náo loạn hoàng cung.

Hôm sau Tử Nha vào chầu Thiên Tử, Văn Vương hỏi:

– Thừa tướng có nghe điều chi lạ trong triều hay không?

Tử Nha tâu:

– Tôi nghe Trụ Vương lấy tim Tỉ Can làm thuốc trị bệnh cho Đắc Kỷ, Sùng Hầu Hổ xu nịnh hiệp dân, dọa chúa. Quan quân thấy mà chẳng ngừa mặt than, thấy máu đổ xương tan mà không dám giận. Hồ Mị mượn thế vua lộng hành, tôi cậy chúa gây điều tội lỗi. Xin đại vương cử hùng binh đánh Sùng Hầu Hổ trừ con giặc tôi loạn. May ra nhà vua còn biết hối lỗi sửa mình mà vì trăm họ.

Văn Vương lấy làm đặc ý cho là việc phải nên nói:

– Thừa tướng nói đúng! Nhưng ta cũng là người đồng liêu với Sùng Hầu Hổ, thì sự chinh phạt sẽ bị miệng đời chỉ trích chẳng?

Tử Nha nói:

– Trong đời mọi việc phải hay quấy xét ngay thì rõ. Nay lòng Sùng Hầu Hổ đã thay trắng đổi đen, hại tôi trung, gây náo loạn trong quần chúng thì tội ấy đâu được dung tha. Ngoài ra nếu Chúa công lấy lòng hà hải bố thí cho dân no cơm ấm áo, dạy dân theo lễ nghĩa, sửa mình theo Nghiêu - Thuấn thì nhà vua sẽ được ca tụng vị minh quân.

Văn Vương nghe những lời nói chí phải của Tử Nha mừng rỡ hỏi:

– Thừa tướng sai ai cầm binh đánh Sùng Hầu Hổ?

Tử Nha ngẫm nghĩ rồi tâu:

– Tôi xin thay Đại vương đem binh phạt Sùng Hầu Hổ.

Văn Vương e sợ Tử Nha dùng binh phạt nặng nên xin theo:

– Để tôi đi cùng Thừa tướng, để giúp nhau hay luận bàn kế sách.

Tử Nha lại nói:

– Nếu Đại vương thân chinh thì thiên hạ nể phục lắm.

Văn Vương truyền lấy cờ, gươm đao giáo mác và chọn mười ngàn quân và ngựa, xem ngày tốt tệ cờ. Phong Nam Cung Hoát làm tiên phong, Tân Giáp làm phó tướng, bốn hiền tám giỏi theo hộ giá thân chinh. Tử Nha nổ súng kéo binh; mấy ông già nghinh tiếp, gà chó chẳng sợ, chợ búa không tan. Dân nghe nói đại binh đánh Bắc Hà ai ai cũng vui mừng.

Thật là:

Ra khỏi Bàn Khê công thứ nhất

Đẹp yên Hầu Hồ tiếng sanh đôi.

Tử Nha kéo binh ngang các huyện, các phủ chẳng hề phạm của dân.

Ngày đi đêm nghỉ, thấm thoát đã đến “Sùng thành” Tử Nha dừng binh cắm trại, sai tướng tuần dinh.

Lúc đó Sùng Hầu Hồ còn bận việc Triều ca, đế con là Sùng Ưng Bưu giữ nước. Sùng Ưng Bưu nghe quân báo nổi giận truyền nổi trống dền, các tướng đã có mặt hầu hạ. Sùng Ưng Bưu nói:

– Cơ Xương lung lạc, không biết giữ mình, năm trước trốn về xứ, binh vua đã đuổi theo, chẳng biết hổ, nay đem binh làm dữ, vô cớ muốn lấy thành ta. Từ lâu hai nước thuận hòa côi ai nấy giữ. Nay dấy binh sanh sự thì đừng trách ta sự sanh. Truyền đại tướng quân Huỳnh Nguyên Tuế, Trần Kế

Trinh, Mai Đức và Kim Thành, hãy điểm binh đánh bắt giải về triều trị tội.

Hôm sau Tử Nha sai tiên phong Nam Cung Hoát đem quân khiêu chiến. Nam Cung Hoát kéo binh trước thành hét lớn:

– Nghịch tặc Sùng Hầu Hổ, hãy ra đây chịu chết cho mau.

Nam Cung Hoát nói vừa dứt đã thấy trong thành có một tướng kéo quân ra ứng chiến. Tướng này xưng là Phi Hổ Đại tướng Huỳnh Nguyên Tuế, một tướng dũng mãnh nhất của Sùng thành.

– Huỳnh Nguyên Tuế, ngươi vào gọi Sùng Hầu Hổ ra đây để ta cắt đầu trừ đũa dữ, chứ chúng ta không có ý đoạt thành lũy sĩ của các ngươi.

Huỳnh Nguyên Tuế nghe Nam Cung Hoát xúc phạm đến Chúa mình thì giận lắm, múa gươm tới chém liền. Hai tướng đánh nhau hơn hai mươi hiệp, tiếng vũ khí chạm nhau chan chát đánh thêm mười hiệp nữa, Nam Cung Hoát múa siêu đao vun vút, làm cho Huỳnh Nguyên Tuế đuối sức, nhắm cự không lại, liền quày ngựa bỏ chạy, Nam Cung Hoát là một võ tướng khét tiếng của Tây Kỳ, đao pháp rất lợi hại, nên biết trước giục ngựa đuổi theo, với một đao, chém đầu Huỳnh Nguyên Tuế đem về nạp cho Khương Thượng.

Bên Sùng thành, quân thua chạy về báo với Sùng Ưng Bưu:

– Nam Cung Hoát chém đầu chủ tướng Huỳnh Nguyên Tuế rồi.

Sùng Ưng Bưu vô án hét:

– Cơ Xương thật ngoan cố, đã làm phản còn dám chém

tướng của triều đình, nếu phen này không bắt nó đem về Triều ca xử tội thì còn gì uy danh ta nữa?

Nói rồi truyền các tướng điểm binh, đợi ngày mai ra trận bắt Văn Vương, báo thù cho Huỳnh Nguyên Tuế.

Rạng ngày, Sùng Ưng Bưu nổi ba tiếng sủng lệnh, kéo đại binh đến Châu ai, gọi lớn:

– Cơ Xương và Tử Nha, hai đứa giặc ấy mau ra đây ta bảo.

Tử Nha nghe tin liền mời Văn Vương đi trước, Tứ Hiền và Bát Tuấn theo sau hộ giá, còn mình và các tướng đi hai bên.

Sùng Ưng Bưu thấy Châu binh phát cờ nổi súng, binh mã kéo ra như nước, có một Đạo sĩ cỡi ngựa trung quân, hai bên có tướng tùy tùng thì biết Đạo sĩ đó là Tử Nha rồi.

Có thơ rằng:

Tóc râu như bạc, kiếm như vàng

Bát quái liên y mặc rõ ràng

Mão đội đường như đuôi cá lý,

Khắc nào giáo chủ xuống trần gian

Tử Nha giục ngựa đến trước trận hỏi lớn:

– Tướng Sùng thành ở đây, hãy ra đây chịu chết.

Tức thì, có một người phi ngựa đến, dẫn đội mã vàng, mình mặc áo đỏ, treo roi buộc giản, mang cung giắt tên, tay cầm xà mâu mười tám thước, giục ngựa tới hỏi:

– Người là đồ cầu đạo ở đầu dăm đến đây hung hăng như vậy?

Tử Nha biết tướng ấy là Sùng Ưng Bưu, liền nói:

– Ta là Khương Thượng, hiện làm chức Thừa tướng nước Tây Kỳ. Cha con người là một lũ nịnh thần, dối vua phán

nước, làm lắm điều độc hại, tham nhùng của dân, giết hại trung lương, gây nhiều tội lỗi, đứa con nít năm tuổi cũng muốn banh gan xé thịt cha con người để trả thù cho dân chúng. Chúa ta lãnh búa việt, cờ mao, vâng lệnh Thiên tử trừ ác đảng, dẹp tội loạn, cứu nạn muôn dân, nay ta đã đến đây sao cha con người không lạy mà ăn năn sám hối?

Sùng Ưng Bưu nghe Khương Thượng giảng mình như tát nước vào mặt, nổi giận hét lớn:

– Tử Nha, người chỉ là một lão già câu cá ở Bàn Khê, tài cán bao nhiêu dám lãnh chức Thừa tướng, đem quân gây rối chư hầu? Nếu không biết phận mình ta e hối hận thì muộn lắm.

Dứt lời quay lại hỏi các tướng:

– Ai dám bắt tên cầu đạo này cho ta?

Trong đám tướng lĩnh Sùng thành có một người toan giục ngựa tới, thì lúc ấy Văn Vương cũng đến nơi, gọi Sùng Ưng Bưu nói:

– Sùng Ưng Bưu, chớ làm dữ, có ta đến đây.

Sùng Ưng Bưu quay lại thấy Văn Vương, giận quá chỉ mặt nói lớn:

– Cơ Xương, người là kẻ phạm tội triều đình, lẽ ra phải ăn năn hối lỗi, sửa đổi tính tình, sao lại cố gây điều ác, bội phản thiên triều, đem quân phá rối chư hầu, gây nên việc dữ?

Văn Vương nói:

– Cha con người tham nhùng, khi để chư hầu, kết liên với bọn nịnh xúi vua làm điều quấy, để oán lại cho dân, nếu ta không trừ cha con người trăm họ lắm than, muôn dân khôn chốn. Nếu biết điều cha con người mau theo ta về Tây Kỳ, ta chắt dầu tạ tội với trăm họ.

Sùng Ưng Bưu hét lớn:

– Tặc tử, nói nhiều lời nghịch bội chúa. Các tướng bắt nó cho ta.

Tức thì, Trần Kế Trinh, một viên tướng Sùng thành vô ngựa tới. Bên Tây Kỳ, Tân Giáp cũng vô ngựa xông ra, vung búa nói lớn:

– Chớ quen thói hung hăng, có ta đối địch đây.

Hai tướng kẻ thương người búa hỗn chiến với nhau một hồi. Sùng Ưng Bưu thấy Trần Kế Trinh đánh không lại Tân Giáp liền khiến Kim Thành và Mai Đức ra trợ lực.

Tử Nha thấy vậy liền sai Mau Công Toại và Châu Công Đáng ứng chiến. Bốn tướng đánh vùi một hồi, phía Tây Kỳ Nam Cung Hoát không chịu được, liền cùng với Thiệu Công Thích, Doãn Công, Tân Miễng áp vào một lượt.

Sùng Ưng Bưu thấy tướng Châu đông quá cũng xông vào trận. Hai bên đánh nhau không còn phân biệt được nữa, cát bụi bay ngất trời, tiếng quân reo tán loạn.

Chẳng mấy chốc, Doãn Công đâm Mai Đức một thương nhào xuống ngựa chết tươi. Tân Giáp bửa xuống một búa trúng đầu Kim Thành chẻ làm đôi. Quân Bắc Hà, thấy chủ tướng bị bại thất kinh bỏ chạy. Tử Nha không muốn sát hại sinh linh liền thu quân trở về.

Sùng Ưng Bưu thất trận, lập tức bế thành, thương nghị với các tướng. Bàn định suốt buổi vẫn không có ai mưu kế gì hay làm lui binh Tây Kỳ được.

Bây giờ Khương Tử Nha muốn thừa thắng phá thành, Văn Vương can:

– Cha con Sùng Hầu Hồ bất nhân, ác đức, ta đến đây cốt để trừ đứa ác mà thôi, nếu Thừa tướng phá thành trăm dân

lâm nạn, làm như vậy ta mang tiếng với thiên hạ.

Tử Nha thấy Văn Vương nói phải, không dám trái ý, song lại nghĩ thầm:

– Lấy đức đãi dân, nhưng đánh giặc mà dự dự như vậy biết bao giờ mới thắng?

Nghĩ rồi viết một phong thư sai Nam Cung Hoát qua Tào Châu trao cho Sùng Hắc Hồ, còn mình đóng quân chờ tin Sùng Hắc Hồ trả lời, không khiêu chiến nữa.

LỜI BÀN

– Cuộc sống loài người một trường tranh đấu không ngừng, lúc âm ỉ, lúc bộc phát như ngọn lửa, kẻ nào yếu thế là bị diệt vong.

Như trước khi chúng tôi đã bàn đến Đắc Kỷ và triều thần vua Trụ là hai đối tượng luôn luôn tìm cách tiêu diệt lẫn nhau. Triều thần không muốn có một Đắc Kỷ mê hoặc vua Trụ, hành động bạo tàn ngược lại Đắc Kỷ cũng không

muốn có một bọn triều thần chĩa mũi dùi vào mình, ngăn cấm không cho mình dùng sự mê hoặc điều khiển Trụ Vương

Hai bên đứng trên hai lãnh vực mâu thuẫn nhau, mà kẻ thắng thế là Đắc Kỷ, vì Đắc Kỷ chiếm được uy quyền tuyệt đối của vua Trụ, còn bọn triều thần thì lúng túng trong nghĩa vụ quân vương của thời phong kiến, thành thử, chỉ một Đắc Kỷ mà cả lũ người mình đầy thao lược, mưu trí, cũng chẳng làm được gì cả. Kể ra càng buồn cười thật! Nhưng biết làm sao bây giờ?

Dối chọi với Đắc Kỷ, bấy tôi vua Trụ đi từ thất bại này đến thất bại khác, trước hết là những người nóng nảy, tận trung mà không có mưu mô thủ đoạn, rồi kể đến những người có chút ít bản lĩnh hơn như Tì Can chẳng hạn, cuối cùng cũng sa vào bẫy của Đắc Kỷ.

Cái chết của Tì Can, một vị Hoàng thúc phải mổ tìm dâng cho Đắc Kỷ, nếu triều thần ai là kẻ tri thì đã thấy rõ rằng hễ động đến Đắc Kỷ thì không thể tồn tại được.

Con người hiểu biết tai hại ấy là Hoàng Phi Hổ. Vì từ lúc Trụ Vương đắm mê Đắc Kỷ chỉ có Hoàng Phi Hổ ôn hòa nhất, tuy vẫn trung thành với vua Trụ, nhưng không tỏ ra cay cú với Trụ Vương, hoặc tỏ ý hờn giận với mọi người, mà chỉ âm thầm than thở, hoặc có những hành động kín đáo.

Việc Hoàng Phi Hổ đánh Hồ ly tinh tại vườn ngự uyển, chẳng qua là chuyện bất ngờ, ngoài ý muốn của mình. Nếu Hoàng Phi Hổ biết Hồ ly là Đắc Kỷ, có lẽ Hoàng Phi Hổ cũng không đánh làm gì để mang họa.

Cái biết của Hoàng Phi Hổ là lượng sức mình, sức người. Làm được thì làm, không làm được thì thôi, không muốn dẫn thân vào cái vô ích mà bỏ mạng.

Bắt đầu bị Đắc Kỷ hận thù, Hoàng Phi Hổ đã bắt đầu chui vào cái bẫy của Đắc Kỷ rồi vậy. Một tướng lĩnh có tài ở chiến địa chưa chắc đã thắng nổi một người đàn bà dùng chần gối làm chiến trường. Hoàng Phi Hổ thấy rõ phần thua về mình, nếu biết lòng Đắc Kỷ đã nhuộm lên ngọn lửa căm hận.

HỒI THỨ HAI MƯỜI CHÍN

VĂN VƯƠNG CHÉM SÙNG HẦU HỔ

BẦY giờ Sùng Hắc Hồ ở tại Tào Châu, đang ngồi trong thính điện bỗng có quân vào báo:

– Nam Cung Hoát, tướng của Tây Kỳ đến xin ra mắt Chúa công dâng thư.

Sùng Hắc Hồ mừng rỡ, bước ra nghênh tiếp, rước vào soái phủ và hỏi:

– Chẳng hay tướng quân đến đây dạy bảo việc chi?

Nam Cung Hoát nói:

– Tôi vâng lệnh Khương thừa tướng đem thư đến Hiến hầu.

Nói rồi dâng trình bức thư của Khương Tử Nha. Sùng Hắc Hồ thấy trong thư viết như sau:

“Thừa tướng Ký Châu là Khương Thượng, kính dâng thư đến đại quân hầu Sùng tướng quân.

Tôi từng nghe: Đạo làm tôi, vua có lỗi phải can để cho yên xã tắc. Cho nên, không có vị Đại thần nào làm vừa lòng chúa bao giờ, nếu một khi xã tắc điêu linh vì chúa bất minh.

Nay Bắc bá hầu thấy chúa làm điều tà lại chẳng can ngăn, còn cậy oai mà hung hãm, mượn lệnh mà hút máu dân. Dân sợ như cọp không dám nói, oán hận tày trời vẫn chẳng

dám than. Nay chúa công tôi lãnh búa việt cờ mau, có bốn phận trùng phạt tôi loạn, song nghĩ lại mía sâu có đốt, nhà đột có nơi, chẳng lẽ tội của một người mà làm cho dân chúng hai châu phải khổ. Nên tôi sai sứ đem thơ này, xin ngài suy xét hợp lực với chúng tôi bắt tên quốc tặc nạp đến châu dinh, trước là thiên hạ bằng lòng, sau cứu nền xã tắc.

Tuy cây một cội nhưng có trái ngọt trái chua, quân hầu với Sùng Hắc Hồ là anh em, song chánh tà khác biệt. Nếu quân hầu không làm như vậy sao rõ được đạo đức của mình, thiên hạ không thể phân biệt.

Thấy quân hầu là người có trí, có đức, tôi không nỡ ngoảnh mặt khoanh tay, phải viết mấy dòng tâm tư trình với hiền hầu trước. Nếu quân hầu hành động theo chúng tôi, thì chẳng những trăm họ mang ơn, mà riêng Khương Thượng này cũng cảm nghĩa. Tôi đang đợi hồi âm”.

Sùng Hắc Hồ xem thơ xong làm thỉnh không nói, đọc đi đọc lại năm ba lượt và nghĩ thầm:

– Lời Từ Nha luận rất phải. Ta thà chịu tội với ông bà, chẳng lẽ để mang tiếng xấu với thiên hạ. Nếu để giòng họ Sùng bị nhơ danh, thì sau này con cháu ta dẫu hiền lương đến đâu cũng khó rửa được tiếng nhục.

Nam Cung Hoát ngồi một bên thấy Sùng Hắc Hồ gật đầu nghĩ mãi nên không dám hỏi.

Qua một lúc Sùng Hắc Hồ nói với Nam Cung Hoát:

– Tôi xin vâng lời chỉ dạy, nhưng chẳng có lời hồi âm. Ông về thưa lại với Từ Nha tôi sẽ tìm cách bắt anh tôi chịu tội.

Nói rồi dọn tiệc đãi đằng. Nam Cung Hoát lưu lại một đêm sáng hôm sau dời gót.

Nam Cung Hoát đi rồi Sùng Hắc Hồ báo con mình là Sùng Yến Loan coi giữ Tào Châu, lại sai phó tướng là Cao Định, Thẩm Cang điểm ba ngàn binh đồng kéo đến Sùng thành.

Quân thám thính hay được chạy về báo tin với Sùng Ứng Bưu.

Sùng Ứng Bưu liền dẫn tướng ra thành, đón rước chú mình và nói:

– Thúc thúc đến đây, cháu mang giáp nơi mình làm lễ không trọn, xin chú miễn chấp.

Sùng Hắc Hồ nói:

– Chú nghe Cơ Xương đem binh đến đánh Sùng thành, nên đến trợ chiến.

Sùng Ứng Bưu mừng rỡ rước vào phủ, Hắc Hồ hỏi:

– Vì cơ gì Cơ Xương lại đem binh đến đánh?

Ứng Bưu thưa:

– Cháu không rõ nguyên do làm sao cả. Bình Tây Bá kéo đến đây vừa giao chiến với binh ta một lần, cháu thất cơ nên bị bại trận phải cố thủ thành trì để nguy kế. Nay có chú đến đây thì Sùng thành may mắn đến chừng nào.

Nói rồi truyền dọn tiệc, chú cháu đồng ăn uống.

Hôm sau, Sùng Hắc Hồ dẫn binh đến dinh Châu khiêu chiến, Nam Cung Hoát hiểu ý, liền xin lãnh binh ra trận.

Sùng Hắc Hồ thấy Nam Cung Hoát, liền hét lớn:

– Vô cớ đem quân xâm chiếm nước ngoài, kẻ đạo đức không hành động như vậy.

Nam Cung Hoát nói:

– Bởi anh người thông đồng với bọn nịnh, hà khắc nhân

dân, tham ô nhùng lăm, nên chúa ta mới đến đây trừ loạn, chứ không phải lấy thành chiếm đất của ai. Đã là giặc thì ai giết cũng được.

Dứt lời, Nam Cung Hoát múa dao chém tới. Sùng Hắc Hồ đưa búa ra đỡ, cả hai đều có sức mạnh như thần. Đánh được vài mươi hiệp. Sùng Hắc Hồ nói nhỏ với Nam Cung Hoát:

– Tôi sẽ lập kế bắt anh tôi dâng nạp. Đánh trận này chỉ để thực hiện âm mưu của tôi mà thôi, xin tướng quân giả vờ trá bại.

Nam Cung Hoát cũng nói nhỏ:

– Tôi xin vâng lệnh.

Nói rồi chém bậy một dao, quày ngựa bỏ chạy và nói lớn:

– Hắc Hồ, ngươi có sức mạnh như thần, ta chịu thua đấy, ngươi chẳng nên đuổi theo.

Sùng Hắc Hồ cười ngất, thâu binh vào thành lập tức.

Sùng Ứng Bưu đứng trên thành trông thấy Nam Cung Hoát bại tẩu, mà Sùng Hắc Hồ không đuổi theo, lại thâu binh về, thì lấy làm lạ, khai thành, nghênh tiếp và hỏi:

– Sao chú không thả thần ưng bắt Nam Cung Hoát?

Sùng Hắc Hồ nói:

– Cháu còn nhỏ tuổi không biết việc lợi hại đâu. Khương Tử Nha có học phép tiên, nếu chú thả thần ưng ra, Tử Nha dùng phép trừ ngay, như vậy chú sẽ mất phép màu thì uổng lắm. Chúng ta thắng một trận có cơ hội toan tính mưu kế khác.

Sùng Hắc Hồ lại nói với Sùng Ứng Bưu:

– Cháu nên viết sớ gởi về Triều ca thân phụ cháu rõ, còn phần chú, chú cũng phải viết thư mời thân phụ cháu về đây,

cùng nhau tính kế mới mong thắng được Cơ Xương.

Sùng Ưng Bưu tuân lệnh viết sớ sai tướng là Tôn Vinh đem về Triều ca. Sùng Hắc Hồ cũng gửi thư kèm theo.

Tôn Vinh lãnh mạng đem thư đến nơi, tìm Sùng Hầu Hồ dâng trình. Sùng Hầu Hồ khai thư, thấy viết như vậy:

“Em là Hắc Hồ cúi lạy dâng thư cho huynh hầu rõ.

Cơ Xương và huynh hầu chúc vạ ngang nhau, đều cầm đầu một trấn, thế mà Cơ Xương ý mình có búa việt, cờ mao, kéo binh đến bắt tội huynh hầu là kẻ tham nhùng, sâu dân một nước. Bởi Cơ Xương nghe lời Khương Thượng nên mới làm điều quấy như vậy. Tiểu đệ hay tin đem binh đến giúp, nhưng đã mấy lần ra binh vẫn chưa bắt được tướng địch. Vậy huynh hầu nên làm sớ tâu với Thiên tử xin pháp binh phạt Châu, rồi trở về nước anh em ta đồng thương nghị”.

Sùng Hầu Hồ xem thư xong, vỗ án hét:

– Lão Cơ Xương là đứa tôi loạn phản chúa, trốn đi không dọ mệnh vua, vua sai theo bắt nhờ ta tâu xin mới về nước được, thế mà không biết ơn ta lại cử binh làm loạn. Lần này nếu không bắt được Cơ Xương để hài tội, ta nguyện chẳng sống trên đời.

Mắng rồi Sùng Hầu Hồ cầm sớ đi thẳng đến trước mặt vua Trụ quỳ tâu:

– Cơ Xương không giữ bốn phận, đem quân đến đánh Sùng thành, bắt tội hạ thần làm Lặc dài tổn hao của dân. Xét như thế Cơ Xương là đứa khi quân, tội rất nặng, xin Bệ hạ xét định.

Trụ Vương đọc sớ xong, mắng lớn:

– Cơ Xương phạm tội trốn, trăm chưa vắn tội, nay lại đem binh gây chiến với Đại thần. Vậy thì khanh về trước lo

việc giữ nước, trăm sẽ sai quân đến ứng chiến.

Sùng Hầu Hồ lạy tạ, dẫn ba ngàn binh mã cấp tốc trở về Sùng thành.

Bấy giờ Sùng Hắc Hồ ngày đêm đã sai người tâm phúc dò thám, nay nghe tin Sùng Hầu Hồ sắp kéo binh về, liền ra mật lệnh báo với Cao Định là tướng tâm phúc của mình.

Cao Định tuân lệnh ra đi. Sùng Hắc Hồ lại gọi Thẩm Cang đến dặn.

Người ở trong phủ, hề thấy ta ra nghênh tiếp anh ta thì phải bắt hết cả vợ con anh ta đem nạp.

Thẩm Cang vâng lệnh bố trí kế hoạch đầu đó sẵn sàng. Qua một lúc có quân vào báo:

– Bắc bá hầu đã về đến nơi.

Sùng Hắc Hồ cùng đi với Sùng Ứng Bưu ra ngoài thành tiếp đón. Sùng Hầu Hồ vừa thấy mặt Hắc Hồ đã mừng rỡ nói lớn:

– Có hiền đệ đến đây thì lo gì không trừ được Cơ Xương.

Sùng Hắc Hồ liền rút gươm ra khỏi vỏ, tức thì Cao Định dẫn hai mươi tên đao phủ áp lại bắt Sùng Hầu Hồ và Sùng Ứng Bưu trói liền.

Sùng Hầu Hồ nạt lớn:

– Chú bắt tôi làm gì vậy?

Sùng Hắc Hồ nói:

– Anh làm quan đến cực phẩm mà không lo tu nhân tích đức, cậy lệnh vua làm Lộc dài hà khắc dân gian, thâu của hối lộ, để tiếng xấu cho họ Sùng ta. Anh nghĩ coi ông bà cha mẹ ta trước kia nhân đức, yêu lành lánh dữ, mới tạo được tiếng thơm, để lại chúng ta sự nghiệp ngày hôm nay. Nay anh làm

như vậy vong hồn ông bà cha mẹ chúng ta ở suối vàng không thể yên được. Tôi thà lỗi tình huynh đệ giữ lại danh tiết cho họ Sùng, quyết bắt anh nạp cho Văn Vương để sau này họ Sùng ta khỏi mang tội với chư hầu.

Sùng Hầu Hồ nghe nói làm thính, không biết lời nào cãi lại.

Bấy giờ, Thẩm Cang đã bắt vợ Sùng Hầu Hồ là Lý thị và con gái giải đến trước trại Châu rồi. Khi cha con Sùng Hầu Hồ đến nơi đã thấy hai mẹ con Lý thị bị trói tại biên môn, Sùng Hầu Hồ khóc òa than:

– Không dè em lại hại anh, bắt cả nhà ta đem nạp cho địch.

Sùng Hắc Hồ được Tử Nha nghênh tiếp mời vào trong, dùng trọng lễ khoản đãi, và nói:

– Quân hầu là đáng trọng phu, dám hy sinh tình anh em để cứu vãn danh tiết cho giòng giống làm thỏa mãn nguyện vọng của nhân dân, đáng là bậc kỳ nhân trong thiên hạ.

Sùng Hắc Hồ buồn bã nói:

– Tôi được thư Thừa tướng không dám cãi lời nếu giữ tình anh em thì cả giòng họ tôi mang tiếng thất đức.

Tử Nha mời Văn Vương ra khách. Sùng Hắc Hồ thấy Văn Vương liền xá dài và nói:

– Tôi xin yết kiến Đại vương.

Văn Vương sùng sốt hỏi:

– Sùng Nhị hiền hầu đến đây có chuyện chi?

Sùng Hắc Hồ nói:

– Anh tôi làm nhiều chuyện bất nhân thất đức, để tiếng xấu cho giòng họ Sùng, tôi phải bắt đem đến đây để Đại vương xét trị.

Văn Vương chưa biết việc Tử Nha gởi thư cho Sùng Hắc Hồ, nên nghe Sùng Hắc Hồ nói như vậy lòng không vui, nghĩ thầm.

– Bắt anh ruột đem dâng ấy là hành động bất nghĩa.

Tử Nha hiểu ý nói với Văn Vương:

– Việc này do tôi viết thư cậy Sùng Hắc Hồ, Sùng Hắc Hồ là một đáng trọng phu, ưa lành ghét dữ, chẳng lẽ vì tình anh em mà để giòng họ chịu tiếng xấu? Đó là một việc làm cực chẳng đã, xin chúa công phải thấy cái đau lòng của Sùng Hắc Hồ trong lúc này.

Tử Nha nói dứt lời truyền dẫn cha con Sùng Hắc Hồ tới.

Cha con Sùng Hắc Hồ vừa bước vào đã quỳ mọp dưới đất, thấy Văn Vương ngồi chính giữa. Hắc Hồ ngồi bên trái, Tử Nha ngồi bên phải, toan cất tiếng phản trần, Tử Nha đã nói trước.

– Sùng Hắc Hồ lâu nay làm nhiều việc bất nhân, buôn dân bán nước, nay đã đến ngày diệt vong, không còn nói gì nữa.

Văn Vương thấy tội nghiệp không nỡ gia hình. Nhưng Tử Nha sợ để lâu sẽ bị Văn Vương cản trở, liền truyền võ sĩ dẫn hai cha con Sùng Hắc Hồ ra chém. Võ sĩ tuân lệnh, kéo hai cha con Sùng Hắc Hồ ra ngoài chém đầu đem vào nạp tức khắc.

Văn Vương thuở nay chưa từng thấy thủ cấp, nay thấy hai cái đầu trui trụi, máu me nhầy nhụa, vội lấy áo che mặt than:

– Ôi! Đời sống con người tàn nhẫn đến thế sao?

Tử Nha vội truyền đem hai cái đầu bêu ngoài cửa trại.

Sùng Hắc Hồ nói:

– Anh tôi đã đền tội, còn chị tôi và cháu gái chẳng liên can gì, tôi xin phép được cất nhà riêng nuôi dưỡng để trọn niềm huynh đệ.

Tử Nha nói:

– Tôi xin chiêu ý quân hầu. Nay chúng tôi đem quân đến đây cốt trừ kẻ bạo tàn mà thôi, vậy quân hầu nên sai một tướng tâm phúc coi giữ Tào Châu, còn quân hầu nên ở lại đây, thay mặt anh nhận chức Bắc bá hầu coi giữ Sùng thành. Sùng Hắc Hổ nói:

– Tôi đã mang tiếng phụ tình huynh đệ, nay lại đoạt chức đoạt thành, sẽ bị thiên hạ hiểu lầm.

Văn Vương nói:

– Sự nghiệp của anh thì em giữ, nếu bỏ cho người khác chẳng hóa ra thất hiệu với tiền thân. Quân hầu là kẻ trọng nghĩa, thiên hạ ai không biết? Xin quân hầu chớ tị hiềm.

Sùng Hắc Hổ từ chối mãi không được phải nhận chức, sau quân mở trời chị dâu và cháu gái rồi rước về thành, còn Văn Vương và Tử Nha cũng già từ Hắc Hổ đem binh về Tây Kỳ.

Tuy nhiên, Văn Vương từ khi thấy thủ cấp giết mình phát bệnh, ăn ngủ không yên, lúc nào cũng thấy như có cái đầu của Sùng Hắc Hổ trước mắt.

Bấy giờ tại phương Bắc có kẻ không phục Sùng Hắc Hổ, dâng sớ đến Triều ca hài tội giết anh. Vi Tử xem sớ vừa mừng vừa lo. Mừng là mừng Sùng Hắc Hổ đã chết, bớt được một kẻ xúi giục vua, lo là lo Sùng Hắc Hổ đông binh đông tướng, lại chiếm cả hai châu, nếu làm loạn thì triều đình khó dẹp. Sợ nhất là Văn Vương, nếu liên kết với Sùng Hắc Hổ thì cơ nghiệp Thành Thang không thể giữ được.

Vì lo lắng như vậy nên Vi Tử vào đền tâu với vua Trụ.

Vua Trụ nghe giận lắm, nói:

– Sùng Hầu Hồ công lao rất lớn, nay bị phản tặc giết đi, vậy thì trăm phải xuống chiếu truyền binh tướng đến phạt Cơ Xương, phá Tào Châu, bắt Sùng Hắc Hồ trị tội.

Quan Thượng Đại phu Lý Nhơn quỳ tâu:

– Hầu Hồ tuy có công lao với Bệ hạ, song là người tham nhùng, hà khắc lê dân, ai ai cũng đều nghiêng răng oán hận. Nay Văn Vương trị tội, các chư hầu đều hài lòng, nếu Bệ hạ cử binh phạt Văn Vương, trừ Hắc Hồ e chư hầu không phục. Và lại Sùng Hầu Hồ chết đi cũng chẳng là điều hại cho nước nhà, xin Bệ hạ bỏ qua, lo việc dẹp giặc phía Đông và phía Nam là hơn.

Trụ Vương nghe tâu ngẫm nghĩ một lúc, rồi đình việc chinh Tây.

Trong lúc đó, Văn Vương bệnh càng ngày càng nặng, các quan thăm viếng chật đên. Văn Vương truyền đòi Thừa tướng Tử Nha vào dạy việc. Tử Nha vào quỳ trước giường bệnh tâu:

– Tôi là Khương Thượng vào thăm bệnh chúa công.

Văn Vương nói:

– Ta mời khanh vào, mục đích tỏ vài lời tâm huyết. Và ta cảm quyền cõi Tây, trị hai trăm trấn chư hầu, nhờ ơn Thiên tử, dầu bề nào cũng là phận tôi con. Ta chưa tâu với vua mà giết Sùng Hầu Hồ ấy là lỗi đạo. Bởi vậy lòng ta không yên, đêm nằm nghe tiếng khóc, ngày mơ thấy dầu người. Nếu ta có chết, Thừa tướng đừng nghe theo chư hầu mà đánh Thiên tử, nếu trái ý ta, hồn ta dưới suối vàng không yên được.

Nói rồi nước mắt chảy đầm đìa, Tử Nha tâu:

– Tôi mang ơn Đại vương phong đến chức Thừa tướng, nếu quên lời Đại vương đâu phải là tôi trung.

Giữa lúc đó có Cơ Phát bước tới, Văn Vương mừng rỡ nắm tay con nói:

– Con đến đây cha mừng lắm.

Cơ Phát cúi đầu. Văn Vương lại nói:

– Nếu một mai cha chết đi, con tuổi còn thơ ấu, thế nào cũng nghe người ngoài xúi giục. Vậy cha dặn con dầu Thiên tử có thất đức đến đâu phận mình làm tôi cũng không nên đánh chúa. Cũng như cha mẹ dù lỗi đạo, con cũng không thể thí cha. Con hãy lạy Tử Nha, kêu bằng Thượng phụ, mỗi điều phải nghe lời Thừa tướng, vì Thừa tướng là người thay mặt cha.

Nói rồi bảo Tử Nha ngồi lên trên, dạy Cơ Phát làm lễ kêu bằng Thượng phụ.

Tử Nha cảm đức, rơm rớm nước mắt, hàm râu bạc rung rinh, quỳ mọp xuống đất nói:

– Tôi nhờ ơn chúa công đoái tưởng, mới được ấm no, dù thịt nát xương tan tôi cũng chưa đền được nghĩa nặng. Xin Đại vương đừng ngại, lo thang thuốc cho mau lành.

Văn Vương lại dặn Cơ Phát:

– Làm người chỉ có đạo là lớn, mà lỗi đạo là không nên người, hề thấy việc lành thì làm ngay, thấy việc quấy thì xa tránh, nghe việc phải chờ nên chần chờ. Đó là ba điều để trau mình, trị dân, cứu nước. Con nhớ lời cha dạy, dầu thác cha cũng vui.

Cơ Phát cúi lạy tuân lời. Văn Vương than:

– Ta đội ơn Thiên tử rất nhiều, tiếc rằng ta không diễn được quẻ tiên thiên để dạy dân thành Dũ Lý nữa.

Qua một lúc Văn Vương từ trần, hưởng thọ chín mươi bảy

tuổi. Bảy giờ nhằm niên hiệu Trạ Vương năm thứ hai mươi, tháng mười một.

Người sau có bài thơ tặng Văn Vương:

*Nhân đức rải mười phương
Chư hầu đều kính nhường
Can chúa liêu ba bận
Dữ Lý bảy năm trường
Một lòng trung với chúa
Quyết không chịu đánh Thương
Nhà Châu truyền mấy lớp
Ai sánh kịp Văn Vương*

Văn Vương chết rồi, bá quan khâm liệm quan tài tại đền Bạch Hồ, rồi đồng tôn Cơ Phát lên làm chúa nước Châu. Cơ Phát xưng hiệu là Vô Vương, Phong Tử Nha làm Thượng phụ. Còn bá quan đều thăng một cấp.

Vô Vương noi theo nhân đức của Văn Vương trị an một cõi. Mấy quận phụ cận là quận nhỏ đều cống sứ cho Tây Kỳ. Hai trăm chư hầu cũng đều từng phục như trước.

Bảy giờ quan tổng binh Hàng Vinh đang trấn tại ải Tị Thủy nghe tin Văn Vương đã qua đời, Khương Thượng tôn Cơ Phát lên làm Vô Vương, thì thất kinh, vội viết sớ dâng về triều báo tin cho Trạ Vương biết.

Quan Thượng Đại phu Dao Trung xem sớ bàn với Vi Tử:

– Cơ Phát không đợi mệnh vua, tự ý xưng Vương là muốn mưu việc lớn.

Vi Tử nói:

– Chúng ta chớ trách người, trong lúc Thiên tử lỗi đạo, không lo việc triều chính, các chư hầu dù có làm sớ chất đầy

non cũng không nhìn đến. Như vậy nếu Cơ Phát không xứng Vô Vương, đợi dẫu số thì biết đến bao giờ Thiên tử mới xét đến. Dao Trung nói:

– Kể ra cũng phải. Nếu chúng ta đứng vào địa vị các trăn chư hầu thì cũng không biết xử trí lẽ nào cho hợp tình hợp lý.

Hai người nói chuyện một hồi rồi cảm sở đến lầu Trích Tinh tâu trình với Trụ Vương.

LỜI BÀN

– Nguyên nhân bao giờ cũng tác động đến kết quả. Nếu chỉ xét kết quả mà không truy nguyên thì không thể nào biện thấu được cái chân tướng.

Từ khi Văn Vương trốn vua về nước, tuy Trụ Vương không theo bắt, nhưng tình vua đã lạnh nhạt từ đó.

Vua không tin bề tôi thì bề tôi dù trung hậu đến đâu cũng không thể giữ được lòng trung mãi. Từ chỗ lạnh nhạt đến bất mãn, rồi đến phản phúc không bao xa.

Nhưng, Văn Vương lúc chết vẫn giữ đạo mình, dạy con không nên oán chúa, thật là một kẻ nhân đức. Cái nhân đức của Văn Vương gò bó trong vòng phong kiến, chứ không phải rộng rãi trong vòng nhân đạo. Văn Vương bảo vua có lỗi, bề tôi không bao giờ trách, cũng như cha có lỗi con không bao giờ hờn.

Thật ra đó chỉ là một giáo điều của giai cấp vua chúa thời xưa bày ra để nhồi sọ bọn tôi thân. Tại sao đem địa vị một ông vua so sánh với địa vị một ông cha?

Ông vua chỉ là một người như trăm nghìn người khác,

có uy quyền, có thể lực lên cai trị thiên hạ mà thôi, còn ông cha đối với con có một tình máu mủ thiêng liêng không thể có một mối tình nào bị được, đem tình với vua tôi sánh với tình phụ tử chỉ là một điều vay mượn không đúng lý. Một ông vua có thể thay thế được, còn một ông cha không thể thay thế. Nguyên lý như vậy thì tình vua tôi không thể đem sánh với tình phụ tử.

Cũng như tình anh em là mối tình máu mủ thiêng liêng, không thể vì nghĩa vua tôi mà xem thường mối tình ấy.

Sùng Hắc Hồ giết anh đã phạm vào mối tình thiêng liêng, mà người đọc chuyện thấy khó chịu vô cùng. Nhưng trường hợp Sùng Hắc Hồ phải hy sinh mối tình anh em để bảo tồn tiếng thơm của giòng giống, bảo tồn hạnh phúc của dân tộc thì chúng ta lại thấy sự việc đối khác.

Cắt một cục ung nhọt trong cơ thể mình, để bảo vệ cho sinh mạng thì việc làm ấy tuy ghê thật, nhưng lại hợp lý.

Nếu Sùng Hắc Hồ giết anh, để phụng sự riêng cho một cá nhân, hay để mưu đoạt quyền lợi, địa vị nào đó thì thật đáng chê, nhưng nếu vì tiếng thơm của ông bà cha mẹ, vì hạnh phúc của nhân loại mà hy sinh, thì việc tổn thương kia còn có thể châm chể.

Cho nên cùng một việc làm, nếu không xét đến nguyên nhân, chỉ nhìn vào hành động mà chê trách thì không thể giải quyết được tình cảm và tâm trạng của người đương cuộc được.

Cũng như Văn Vương trung thành với vua Trụ, trung thành là điều tốt, nhưng trung thành với bạo chúa thì kẻ trung thành trở thành mù quáng, phần lại dân, là hại xã tắc.

HỒI THỨ BA MƯƠI

VÕ THÀNH VƯƠNG PHẢN TRỤ ĐẦU CHÂU

QUAN Đại phu Dao Trung vào đến lầu Trích Tinh quý
lạy ra mắt Trụ Vương dâng sớ và tâu:

– Nay Văn Vương đã qua đời, con là Cơ Phát lên nối ngôi, không đợi lệnh Thiên tử, tự mình xưng Võ Vương, chư hầu đều tùng phục, thiên hạ thấy kính vì. Nếu Bệ hạ không lo trừ trước e sanh mầm đại họa. Nay xin hưng binh phạt Châu để răn chư hầu.

Trụ Vương nói:

– Cơ Phát là thằng con nít làm được việc gì mà lo.

Dao Trung tâu:

Cơ Phát tuy trẻ tuổi, song có Khương Thượng trí già, Nam Cung Hoát võ nghệ siêu quần, Táng Nghi Sanh văn hay xuất chúng, đó là mối họa cho triều đình. Nếu Bệ hạ không lo trước sau này khó trị.

Trụ Vương nói:

– Khanh cho việc ấy là trọng, nhưng trăm năm Khương Tử Nha chỉ là một gã thầy bói có tài, dùng vào việc trị nước thì làm gì được mà sợ?

Dao Trung biết Trụ Vương chỉ muốn ngôi hưởng lạc, không có ý chinh Tây, nên vội cúi lạy xuống lầu, than thầm:

- Chắc là cơ nghiệp nhà Thương về tay Cơ Phát rồi.

Ngày tháng thoi đưa, chẳng bao lâu tiết xuân lại đến. Năm ấy vào năm thứ hai mươi một của niên hiệu Trụ Vương, bá quan đợi đến ngày mồng một là ngày Nguyên Đán đồng vào lạy mừng. Theo thường lệ, ngày ấy vợ các vị quan lớn đều vào cung chúc mừng Chánh hậu.

Bấy giờ vợ Võ Thành Vương tính vào châu trước để có thì giờ sang Tây cung viếng thăm Hoàng Quý phi là em ruột của mình. Bởi một năm chị em xa cách, chỉ có ngày ấy mới được gặp nhau, và có dịp tâm tình lâu hơn.

Vợ Võ Thành Vương là Giả thị, khi đến nơi thì cung nhân vào báo với Đắc Kỷ. Đắc Kỷ vốn có tư thù với Võ Thành Vương Hoàng Phi Hổ, nên nghe Giả thị đến, nhớ thù xưa, nhủ thầm:

- Hoàng Phi Hổ trước đây hung hăng thả thần oanh quào mặt ta, hận ấy chưa trả. Nay sẵn dịp cũng nên hành hạ vợ nó một phen.

Nghĩ rồi truyền cung nữ đòi Giả thị vào. Giả phu nhân vào làm lễ xong, Đắc Kỷ hỏi:

- Phu nhân năm nay được mấy xuân xanh?

Giả thị đáp:

- Tôi năm nay đã ba mươi sáu tuổi.

Đắc Kỷ thấy Giả phu nhân lớn tuổi mà nhan sắc mặn mà, nghĩ ra một kế, nói:

- Phu nhân lớn hơn ta tám tuổi, vậy ta cùng phu nhân kết làm chị em, có được không?

Giả phu nhân nói:

- Chánh hậu quyền trọng muôn xe, bậc mẫu nghi thiên

hạ, còn tôi là vợ của một vị vương, có đâu dám lỗi nghi.

Đắc Kỳ nói:

– Phu nhân nói khiêm nhượng đấy. Ta tuy hưởng phòng tiêu chớ trước kia cũng chỉ là con gái của một chư hầu: còn phu nhân là nguyên phối của Vô Thành Vương, lại thêm quốc thích. Xét như vậy thì thấp cao không phân biệt, nặng nhẹ cũng bằng nhau.

Nói rồi truyền dọn yến tiệc thết đãi. Già phu nhân giữ lễ ngồi dưới, Đắc Kỳ ngồi trên cùng nhau uống rượu.

Nhưng rượu mới chỉ được vài tuần, thì bên ngoài có quan hoạn vào thưa:

– Thánh giá ngự đến.

Già phu nhân vội vã hỏi:

– Xin Chánh hậu cho phép tôi lánh mặt chỗ nào cho tiện.

Đắc Kỳ nói:

– Không hề chi đâu! Chị cứ vào cung phòng của tôi tránh đỡ.

Già phu nhân tuân lệnh, ẩn mặt phía sau, còn Đắc Kỳ ra ngoài tiếp giá.

Trụ Vương bước vào thấy yến tiệc còn bỏ dở, liền hỏi:

– Ái khanh uống rượu với ai vậy?

Đắc Kỳ nói:

– Thần thiếp đang khoản đãi vợ Vô Thành Vương là Già phu nhân.

Trụ Vương nói:

– Ngày Nguyên đán, các vị phu nhân đến chúc mừng cũng nên bày tiệc vui vầy cho thỏa tình thần tử.

Nói rồi truyền dọn thêm tiệc để cùng với Đắc Kỷ giao bôi. Qua một lúc, Đắc Kỷ hỏi Trữ Vương:

– Bệ hạ đã thấy nhan sắc của Giả phu nhân chưa?

Trữ Vương nói:

– Sao ái khanh nói trái lẽ như vậy? Vua có bao giờ được quyền thấy mặt vợ bề tôi?

Đắc Kỷ ngồi mỉm cười, tìm lời đánh vào nhược điểm của Trữ Vương:

– Rất tiếc! Trong đời có một sắc đẹp tuyệt trần như vậy mà bậc chí tôn không có quyền nhìn đến.

Vua Trữ hỏi:

– Giả phu nhân đẹp lắm sao?

Đắc Kỷ nói:

– Tuy đã có tuổi, nhưng nét mặt thật ít trong đời. Khi thần thiếp đã khen thì không phải không đặc biệt.

Trữ Vương nói:

– Dù sao trăm là vua, không thể lỗi đạo với quần thần.

Đắc Kỷ cười:

– Bệ hạ quá câu chấp, Giả thị là vợ Vô Thành Vương, mà Vô Thành Vương là anh của Hoàng Quý Phi thì cũng xem như quốc thích rồi. Dù Bệ hạ có gặp mặt cũng vô can. Vả lại ngoài dân dã vợ cậu chồng cô còn được phép ngồi chung ăn tiệc có gì trái lẽ đâu.

Trữ Vương nghe nói Giả phu nhân có sắc đẹp, cũng muốn nhìn tận mặt cho biết, liền hỏi Đắc Kỷ.

– Trăm với Hoàng Phi Hổ coi như tình gia đình thì dù gặp mặt Giả phu nhân cũng được. Nhưng phải làm cách nào để cho tiện.

Đắc Kỳ nói:

– Không khó gì. Xin Bệ hạ lánh mặt vào nơi nào đó một lát, chờ thần tiếp rù Già phu nhân lên chơi lầu Trích Tinh. Chừng ấy Bệ hạ ngự đến thì Già phu nhân không chỗ ẩn mình.

Vua Trụ liền bước ra khỏi cung. Đắc Kỳ cho mời Già phu nhân trở ra tiếp tục tiệc rượu. Uống thêm được vài tuần Đắc Kỳ nói với Già Phu nhân:

– Một năm mới gặp nhau một lần, chị em ta đến lầu Trích Tinh xem chơi phong cảnh một chút.

Già phu nhân không dám trái mệnh, liền theo Đắc Kỳ lên lầu. Trích Tinh là một cái lầu cao chót vót, phong cảnh rất đẹp, vàng, ngọc, gấm vóc nguy nga, Già phu nhân chưa từng đến một nơi vàng son như vậy nên chói mắt. Già phu nhân trông thấy không biết bao nhiêu cái đẹp, nhưng khi trông xuống lầu thấy Sái bốn rần bò lúc ngúc, và xương người chất đóng, trông rất ghê rợn. Còn bên tả rừng thịt gió thổi phất phơ, lại bên hữu ao rượu hơi lên nồng nực. Già phu nhân hỏi Đắc Kỳ:

– Tàu Chánh cung, chẳng hay hằm ấy là hằm gì chứa đầy rắn độc như vậy?

Đắc Kỳ nói:

– Các cung nhân phạm tội dùng luật thường xử phạt chúng dễ người, nên phải lập ra Sái bốn để cho chúng sợ. Kẻ nào phạm tội thì lột hết quần áo, ném thây xuống đó làm mồi cho lũ rắn kia.

Già phu nhân nghe nói hồn vía rụng rời. Đắc Kỳ lại truyền bày tiệc rượu để khuyến mời. Già phu nhân từ chối vì đã quá chén. Đắc Kỳ nói:

– Tôi biết chị đang nóng lòng sang Tây cung, nhưng đã đến đây cũng nên vị tình tôi uống thêm vài chén.

Giã phu nhân không dám cãi lệnh, vì Chánh cung là Chúa các vợ quan.

Bấy giờ Hoàng Quý phi đang ở Tây cung trông ngóng Giã phu nhân nhưng không thấy, bởi chị em thương yêu nhau lắm, mà một năm chỉ được quyền họp mặt một lần, mong có nhiều thì giờ để nói chuyện.

Xảy thấy hoạn quan về báo:

– Giã phu nhân lên chơi lầu Trích Tinh với Hoàng hậu.

Hoàng Quý phi thất kinh nhũ thắm:

– Đắc Kỳ là đứa xảo quyết lại hay ghen, sao tẩu tẩu lên lầu Trích Tinh với nó làm gì? Lầu Trích Tinh là chỗ vua ngự mà!

Nghĩ rồi liền truyền hoạn quan đến dưới lầu thám thính tin tức Giã phu nhân.

Đắc Kỳ và Giã phu nhân đang uống rượu trên lầu, bỗng có thái giám vào tâu:

– Thánh giá đến.

Giã thị kinh hãi, không biết đường nào lánh mặt. Đắc Kỳ nói:

– Không hề chi. Chị cứ ra ngoài lan can, đợi tôi tiếp Bệ hạ rồi chị đến ra mắt, xong xuống lầu cũng chẳng sao.

Giã phu nhân cực chẳng đã phải vâng lời. Đắc Kỳ đứng dậy bước ra tiếp kiến vua Trụ. Trụ Vương vào trong, cố ý hỏi:

– Người nào đứng ngoài lan can vậy?

Đắc Kỳ tâu:

– Nàng ấy là Giã thị, vợ của Vô Thành Vương.

Giả thị lúng túng đưa cái hốt bằng ngà che mặt thi lễ.
Đắc Kỳ thấy thế nói:

– Thôi, khanh đứng dậy.

Giả thị vâng lệnh đứng dậy nép qua một bên, vua Trụ trộm nhìn Giả thị, để chiêm ngưỡng cái nhan sắc lộng lẫy, hình dung đoan chính. Nhà vua lấy làm hài lòng chỉ ghé mời ngồi. Giả thị tâu:

– Bệ hạ và Chánh cung là chúa trong trời đất, tôi đứng hầu còn sợ không xứng đáng, dám dẫu đến ngồi.

Đắc Kỳ nói:

– Chị hãy ngồi xuống đi, không có chi phải sợ.

Vua Trụ thoáng vẻ ngạc nhiên hỏi Đắc Kỳ:

– Sao ngự thê gọi Giả phu nhân bằng chị?

Đắc Kỳ che miệng cười nửa nụ nói với Trụ Vương:

– Tôi mới kết nghĩa cùng Giả phu nhân, và kiến người làm chị.

Giả phu nhân nghe qua những lời đáp của Đắc Kỳ biết mình đã mắc mưu lật đặt quỳ xuống tâu:

– Thần thiếp đến đây - lạy mừng Bệ hạ, cứ lấy lễ dãi tôi để kê dưới an lòng. Xưa nay vua không thể thấy mặt vợ tôi, xin Bệ hạ an nghỉ cho thần thiếp cáo lui, ơn thánh thượng sánh bằng trời biển.

Vua Trụ nói:

– Hoàng di khiêm nhượng dấy thôi, chẳng ngồi thì đứng, để trẫm dãi chung rượu này giả ơn. Vua Trụ rót rượu đem xuống. Giả thị giận đứng dậy, mặt đỏ tía tai, nghĩ mình là vương phi, không lẽ chịu nhục, lấy cái chết cho trọn nghĩa với chồng.

Trụ Vương bưng chén rượu làm mặt vui đưa cho Già phu nhân. Già thị thôi thác, cứ lui mãi đến khi lưng đụng tường, không còn đường để tránh nữa, giận quá hất chén rượu rớt xuống, thuận tay tát vào mặt vua Trụ nguyên rửa:

– Chồng tôi không nệ gian nguy ngày đêm gìn giữ giang san nhiều chiến công hiển hách, nay hôn quân nghe lời Đắc Kỷ, diếm nhục vợ công thần. Rồi đây hôn quân và con Đắc Kỷ dâm loạn sẽ phải chết thảm khốc.

Vua Trụ xấu hổ nổi giận truyền quân sĩ bắt trói, nhưng Già thị hét lên:

– Dừng lại, đừng ai bắt ta cả.

Đoạn chạy ra lan can than:

– Hoàng tướng quân ôi! Thiếp thể trọn trinh tiết với chàng nhưng ba đứa con thơ từ đây lấy ai săn sóc.

Đoạn nhảy xuống lầu. Thương cho tấm thân bỏ liễu phải chết thảm thiết nát thịt, giập xương.

Có thơ đề:

*Vào cung châu chực họa vì đâu:
Giả thị kiên trinh nhảy xuống lầu
Lỗi đạo, hôn quân bày chén rượu,
Gieo mình, tiết phụ hận thâm sâu
Lỗi lầm làm mất giang san Trụ
Điềm ấy gây nên sự nghiệp Châu?
Phi Hồ đau lòng mang tiếng phản;
Sắp sau loạn hết tám trăm hầu.*

Vua Trụ thấy Già phu như liễu mình chết, thì nghĩ “đất bằng vì đâu bỗng dâng sóng gió”, lòng hối hận khôn cùng.

Khi ấy bọn hoạn quan giục ngựa như bay về báo tin với Hoàng Quý phi.

– Không rõ vì đâu mà Già phu nhân đã té lầu chết.

Nghe tin thảm khốc như vậy Hoàng Quý phi khóc lớn:

– Đắc Kỳ là con khốn nạn, thù anh ta lập kế báo thù, hại chị dâu ta chết ức oan.

Thương anh thương chị, Hoàng Quý phi không dẫn được cơn lửa giận phi ngựa đến lầu Trích Tinh, điểm mặt Trụ Vương mắng:

– Hôn quân có biết cơ nghiệp Thành Thang còn tồn tại là nhờ ai đó không? Có phải anh ta ngày đêm băng rừng lội suối dẹp loạn, Đông đánh Hải khấu, Nam dẹp Man di? Há ngại gian lao giữ ngôi vua vững như bàn thạch. Hoàng Côn cha ta, trấn ải Giới Bài, nằm gai nếm mật để giúp chúa. Cả nhà xả thân vì nước. Ngày nay tết Nguyên đán, chị ta vào chầu, để tỏ lòng kính chúa, lễ nào hôn quân nghe lời Đắc Kỳ, gạt chị ta lên lầu, giục lòng háo sắc, chẳng kể thế nào là tội chúa, gây tiếng xấu cho tiên vương, bêu danh nhơ cho sử sách.

Vua Trụ làm thinh chẳng đáp. Hoàng Quý phi day nhìn thấy Đắc Kỳ ngồi đó dùng dùng nỗi giận mắng luôn:

– Còn con Hổ mị lăng loàn này nữa, bày điều cho chúa làm xằng bậy; chị dâu ta chết cùng tại mi.

Như để trút cơn giận dữ Hoàng Quý phi lôi xệch Đắc Kỳ dấm hơn ba mươi dấm. Hoàng Quý phi là con nhà võ nên sức mạnh có thừa, đối với Đắc Kỳ, tuy là yêu quái song thấy vua Trụ ngồi đó nên chẳng dám trở tài thú vật để phản đòn, chỉ già vờ kêu la với vua Trụ:

– Xin bệ hạ cứu thần thiếp với.

Vua Tru nghe tiếng van nài cứu tử của Đắc Kỷ thì đau khổ, nên bước tới khuyên:

– Tại chị dâu của Quý phi xúc phạm trẫm, rồi liễu mình chết như vậy, chớ Đắc Kỷ có tội gì đâu, mà đánh đập như thế.

Hoàng Quý phi trong cơn nóng giận đưa cao tay đánh Đắc Kỷ nhưng không ngờ nhằm mặt Tru Vương mà còn lớn tiếng nói:

– Hôn quân còn bênh vực cho con dâm loạn, quyết đánh cho chết đứa bất nhơn, mà thế mạng người thác vô tội.

Vua Tru giận quá vỗ bàn thét:

– Con khốn nạn này dám cả gan đánh trẫm.

Như muốn ăn tươi nuốt sống, vua Tru tay trái nắm tóc Hoàng Quý phi tay phải nắm áo bởi vua Tru là người giỏi võ và có sức mạnh hơn người, nhắc bổng Hoàng Quý phi, quăng xuống lầu Trích Tinh.

Hương tiêu, ngọc nát hồn theo gió!

Lá rụng hoa rơi máu ướm mình

Nhìn lại hành động vừa rồi của mình, vua Tru lấy làm khổ sở chẳng buồn ngó đến Chánh cung.

Mấy con thế nữ đi với Giả phu nhân, chẳng hề hay biết việc gì xảy ra đứng ngoài đợi mãi, đến tối nội thị bước ra hỏi:

– Chúng bây đi đâu đây?

Các thế nữ thưa:

– Chúng tôi đi với Giả phu nhân, đợi chủ ra để hầu về phủ.

Nội thị thương hại nói:

– Giả phu nhân té lầu Trích Tinh chết rồi. Hoàng Quý phi lên mắng vua, vua giận quăng xuống lầu cũng không còn. Thôi chúng bây về cho xong việc.

Bọn thế nữ nghe hung tin đồng chạy về Vương phủ báo tin. Hoàng Phi Hổ đang ngồi uống rượu với hai em ruột của bạn mình là: Hoàng Phi Bưu, Hoàng Phi Báo, với bốn người em bạn: Hoàng Minh, Châu Kỳ, Long Hoàn, Ngô Khiêm, và ba con trai: Hoàng Thiên Lộc, Hoàng Thiên Tước, Hoàng Thiên Tường. Đoàn thế nữ hơ hải chạy vào tâu:

– Thiên tước ôi! Tai họa lớn lắm.

Hoàng Phi Hổ kinh ngạc hỏi:

– Tai họa gì?

Thế nữ quỳ thưa:

– Phu nưon vào châu thiên tử không rõ vì dẫu, đã nhào lầu Trích Tinh chết. Hoàng nưong nưong cũng bị vua ném xuống lầu chết rồi.

Lúc ấy Hoàng Thiên Lộc mới mười bốn tuổi, Hoàng Thiên Tước mười hai tuổi, Hoàng Thiên Tường bảy tuổi, nghe tin mẹ té xuống lầu chết. Ba anh em khóc than thảm thiết.

Có bài thơ:

*Xáy nghe tin dữ cá nhà kinh
Con khóc vang tai cũng động tình
Ngó mặt vì vua sanh mặt bạc
Hết tình vì vợ giữ lòng trinh
Xem qua bốn bạn đều căm tức
Ngó lại ba con rất bức mình
Hổ ghen trân trân không mở miệng
Vì chung tai họa đến thỉnh linh!*

Hoàng Phi Hổ ủ mặt suy nghĩ, tiếng khóc của ba con thêm bởi đoạn. Hoàng Minh nói:

– Anh còn ngờ vực gì nữa chứ? Trụ Vương đã nhúng tay

vào việc này còn ai khác hơn. Trước sắc đẹp của chị, vua Trụ động tình, buông lời chọc ghẹo, tấu tấu là người đàn bà trọng trinh tiết với chồng, nên liều chết để bảo tồn tiết sạch giá trong. Riêng về thứ phi nóng ruột xúc phạm đến Đắc Kỷ, Trụ Vương mới ra tay rửa hờn. Anh hãy bình tĩnh suy xét lại coi. Theo ý em khi vua bất minh thì tôi đầu ngoại quốc, cặn lẽ mà suy, chúng ta đánh đông dẹp bắc ngựa chẳng rời yên, phá đông, phạt tây người không lia giáp. Công ơn ấy hôn quân dãi ngộ như thế sao. Còn mặt mũi nào nhìn anh hùng bốn bể. Vì thế tiểu đệ, Châu Kỳ, Long Hoàn, và Ngô Khiêm đồng lòng phản chúa.

Bày giải tâm sự xong, bốn tướng cảm thương lên ngựa đi ngay.

Hoàng Phi Hồ thấy bốn tướng đã khuất dạng, lòng bàng hoàng dần do suy tính, mới nói một mình nghe.

– Không lẽ vì một con ác phụ, mà mình sanh lòng bội phản, người đời sẽ nghĩ sao về hành động của Hoàng Phi Hồ này.

Nghi thế, Phi Hồ vội vàng chạy theo gọi bốn tướng:

– Các em hãy trở về và suy nghĩ cho chín chắn đã. Chớ bốc đồng đi như thế này thì mình phải phò vua nào, ở nơi đâu, còn lương thực đem theo dùng trong lúc đi đường.

Bốn người cho là phải nên quay ngựa trở về dinh. Bất giác, Hoàng Phi Hồ rút gươm khỏi vỏ hét lớn:

– Bốn tên giặc, các người muốn hại cả nhà ta hay sao? Vợ ta té lầu chết oan can chi đến các người. Lũ người có biết giòng họ Hoàng có hơn hai trăm năm lẻ giúp vua đã bấy đời, bây giờ các người lấy cơ vợ ta chết là xúi ta phản chúa ư? Các người lợi dụng đục nước béo cò làm chuyện bất lương, sao các

người không nhìn lại lưng vàng buộc bụng dọc chữ trung vương.

Bốn người cúi đầu nghe Hoàng Phi Hổ mắng nhiếc chẳng nói lấy một câu. Hoàng Minh cười nói:

– Anh nói đúng lắm, chuyện ấy không phải của bọn này.

Nói đoạn bốn người cười cười mở và tiếp tục uống rượu như xưa. Đàng kia Hoàng Phi Hổ bưng bưng lửa giận, bên này bốn tướng cười, bên kia ba con ôm mặt khóc thảm thiết. Lửa giận cứ trào dâng. Hoàng Phi Hổ nói lớn!

– Chúng bây vui lắm sao, cười như vậy?

Hoàng Minh nói:

– Anh có chuyện nhà buồn bực, bọn này vô sự, nhân ngày tiết uống rượu vui cười anh cấm nữa sao, mà anh lại tra vấn?

Hoàng Phi Hổ nói:

– Nhà ta nay gặp chuyện ma chay khổ sở, các người lại cười được à?

Châu Kỳ nghiêm ngay nét mặt nói:

– Thật tình chúng tôi cười anh đó.

Hoàng Phi Hổ hỏi lại:

– Ta có gì mà các người cười?

Châu Kỳ phân:

– Anh là người đứng đầu trên các tướng trong triều. Kẻ hiểu biết thì anh nhờ công lớn nên sự nghiệp, nhưng kẻ khác lại nghi phần lớn sự nghiệp này do sắc đẹp của chị mà nên.

Châu Kỳ nói chưa dứt lời thì Hoàng Phi Hổ vỗ bàn nạt lớn:

– Ta không còn chịu nổi các người nữa được. Ta chết mất đi thôi.

Truyền gia tướng, gấp rút cuốn đồ tuế nhuận và ra roi giục ngựa khỏi Triều ca.

Hoàng Phi Bưu thấy anh mình thật sự phản chúa, liền sắm sửa bốn trăm cỗ xe, ngàn gia tướng, dọn cả bạc vàng, lương thảo đâu đó xong xuôi Hoàng Phi Hồ quay đầu hỏi:

– Bây giờ ta đầu nước nào?

– Hễ tôi hiền phải phò chúa thánh, trong thiên hạ nay đã chia ba. Châu Vô Vương đã được hai phần, ta đầu Tây Kỳ thì không mất phần vinh hiển.

Đứng ngoài Châu Kỳ nghĩ thầm: “Mình nói khích, nên anh tự ái làm phản, biết đâu chốc nữa dây cơn giận tiêu tan anh sẽ hồi tâm quay về. Hay ta làm một kế mọn để gài anh mình không còn dịp trở lại nữa”. Trong bụng nghĩ vậy Châu Kỳ lấy làm thích thú tươi nét mặt nói:

– Muốn qua đến Tây Kỳ ta phải vượt qua năm ải, và đem quân về phục thù cho tấu tấu thì phải trễ lắm. Chi bằng sẵn đây ta kéo nhau qua hỏi tội Trụ, dò phản ứng y như thế nào?

Hoàng Phi Hồ nai nịt xong lên yên giục gió cùng Châu Kỳ, Hoàng Minh vào Ngộ Môn tìm Trụ, Phi Bưu, Phi Báo dắt ba cháu và Long Hoàn, Ngô Khiêm, tất cả bảy người truyền gia tướng đẩy xe về phía tây môn đi trước.

Trời vừa rạng sáng, Châu Kỳ đã đến ngọ môn gọi lớn:

– Quan dương giá! Gọi Trụ Vương ra nói chuyện cho mau, nếu cãi lời ta, đừng trách ta sao vô lễ.

Trong khi đó Trụ Vương đang cơn bối rối liền nghĩ đến hành động vừa qua, làm cho Già thị nhào xuống lầu chết, ném Hoàng Quý phi tan xương nát thịt, lòng buồn lo. Bỗng từ ngoài quan dương giá vào tâu:

– Hoàng Phi Hổ đã phản Bệ hạ, đang chờ ngoài, gọi Bệ hạ khiêu chiến.

Nghe qua Vua Trụ nổi cơn thịnh nộ, mắng lớn:

– Đồ thất phu, dám cả gan khi trẫm.

Truyền quân lấy giáp gọn, cầm siêu lên yên ngựa ra ngò.

Khi ấy Hoàng Phi Hổ đứng ngoài nhìn thấy mặt Trụ Vương cũng thẹn. Châu Kỳ hiểu ý liền lớn tiếng hỏi Trụ:

– Trụ Vương là hôn quân vô đạo, làm chúa hiệp vợ tôi là vua vô liêm sỉ, thì còn để làm gì cho bản mặt.

Nói rồi thúc ngựa tới đưa búa ra chém Trụ Vương, vua Trụ cũng nổi sung đưa dao ra đỡ. Hoàng Minh thấy vua Trụ mạnh quá cũng sợ ngựa tiếp ứng. Nhìn cảnh hỗn loạn Hoàng Phi Hổ thấy tức quá, không để cho mình hồi phân minh. Nhưng tới nước liều cũng phải ra tay, một rống ba cộp quần lấy nhau trước ngọ môn.

Có thơ đề:

*Trụ Vương chẳng giữ đạo bề trên,
Rồng cộp đua tranh trước cửa đền
Khiến nổi trung lương tìm một cội
Là cho hào kiệt tránh hai bên
Muôn dân khó chịu vua sâu độc
Năm ải không ngăn tướng dạn tên
Nguồn nước không trong dòng phải đục
Sử xanh ghi chép việc hư nên*

Trận đấu tranh nhau có trên ba mươi hiệp, Trụ Vương đánh siêu dao hay lắm, biến hóa như rồng, nhưng làm sao cự lại ba con hùm từng vẫy vùng trong bốn bể. Lực lượng sức mình không cự nổi nên Trụ Vương phải nhịn thua bỏ chạy. Hoàng

Minh thừa thắng thúc ngựa đuổi theo. Hoàng Phi Hổ can lại nói:

– Không nên rượt theo vua, chúng ta hãy trở ra cho kịp.

Ba người ra rồi giục ngựa bay biến theo gia quyến ở Tây môn. Đoàn người gặp nhau tiến về một nước.

Trụ Vương vào đến nghỉ mệt, lòng căm tức vô cùng. Tất cả nhà trong Triều ca đều đóng cửa, ai ai cũng sợ tai bay họa giới. Tin Trụ Vương đánh với Vô Thành Vương tới tai các quan trong triều, họ đều vào thăm và hỏi:

– Hoàng Phi Hổ vì sao lại phản chúa?

Vua Trụ kiểm thế chạy chối:

– Nhân ngày tết Giã thị đến châu long thế, nhưng lại xúc phạm Chánh cung, phải tội chết, nên đã gieo mình xuống lầu chết, chớ nào phải tại ai giết. Trẫm chẳng rõ nguyên do nào khiến cho Hoàng Phi Hổ làm phản, để đến ngộ môn khiêu chiến. Chuyện trái lẽ như vậy bá quan nghĩ thế nào?

Trong lúc bá quan còn đang luận bàn, thì thấy quân thám thính vào báo:

– Văn Thái sư dẹp Đông hải xong rồi, dẫn binh về gần đến.

Bá quan nghe báo mừng rỡ khôn cùng, đồng leo lưng ngựa tiếp nghinh.

Văn Thái sư cười Hắc kỳ lân, đi đến cửa cùng nhau chào hỏi, rồi đồng vào chào thiên tử.

Khi làm lễ xong, Văn Thái sư không thấy Hoàng Phi Hổ đâu, sanh nghi tâu:

– Chẳng hay Vô Thành Vương đi đâu vắng mặt.

Vua Trụ nói:

– Hoàng Phi Hổ phản trẫm rồi.

Văn Thái Sư kinh khiếp hỏi:

– Vì cớ sao vậy bệ hạ?

Vua Trụ phán:

– Ngày Nguyên đán Già thị vào chầu đã cố ý xúc phạm Chánh cung, nên sợ tội đã nhào xuống lầu chết. Hoàng Quý phi hay tin nên hành hung đã thương Hoàng hậu còn sĩ nhục quả nhân, trẫm vô tình nắm tay dưới ra nhưng rủi thay té lầu theo chị dâu một thể.

Hoàng Phi Hồ không hiểu căn cội ý mạnh đến đây khiêu chiến, ba anh em đánh trảm chẳng chút nương tay, trẫm cố hết sức mới tránh được. Bây giờ Hoàng Phi Hồ đã ra khỏi Tây môn trẫm bối rối chưa biết phải làm sao trừ con giặc ấy. Bất ngờ Thái sư về đến, vậy Thái sư theo đuổi bắt trị tội phản thần.

Nghe rõ khúc nói câu chuyện Thái sư râu lớn:

– Tôi đã nghĩ chuyện này, chắc tại vua phụ phàng thần tử chớ lâu nay Hoàng Phi Hồ đã nêu gương ái quốc trung quân. Xét Già thị vào chầu Vương tư cũng không tội gì, có đâu chết vô cớ. Và lại lầu Trích Tinh là chốn bệ hạ ngự cách cung cấm xa lắm, lẽ nào Già thị tự ý lên. Chắc có kẻ dỏ dành nên vua mang tiếng mất nghĩa. Bệ hạ không cần phân khiến cho người tiết liệt, liễu mình. Hoàng nương nương thương chị chết oan uổng. Bệ hạ vì tư vị Hoàng hậu mà ra nông nổi này. Bệ hạ có nhớ câu: “Vua chẳng chánh thì tôi dầu nước nước ngoài”. Nghĩ lại Hoàng Phi Hồ là vị tướng có công lớn với nước, trọn lòng nhớ kính quân vương, cơ nghiệp ấy vợ không được hưởng, con chẳng nhờ ơn, lại chết thê thảm. Xin bệ hạ tha tội cho Hoàng Phi Hồ, xuống xá chi chiêu an đại thần để cho cơ nghiệp vững bền, quốc gia mới vững.

Bá quan nghe nói đồng tâu:

– Văn Thái sử xử như vậy rất công bình, xin bệ hạ truyền chỉ xá tội cho Hoàng Phi Hổ, để Hoàng Phi Hổ trở về đoái công chuộc tội.

Văn Thái sư quay qua nói với triều thần:

– Tội tâu với Thiên tử xá tội cho Hoàng Phi Hổ chỉ vì tôi cho rằng Thiên tử đã phụ kẻ bề tôi. Còn như ai thấy Hoàng Phi Hổ có lỗi gì với vua cũng nói ra đây cho minh bạch.

Quan Hạ đại phu Từ Vinh thưa:

– Vua tuy phụ Hoàng Phi Hổ, mà Hoàng Phi Hổ cũng phụ vua.

Văn Thái sư hỏi:

– Hoàng Phi Hổ phụ vua chỗ nào?

Từ Vinh thưa:

– Vua hiệp vợ tôi là lỗi đạo, xô Tây cung xuống lầu là bất nghĩa. Nhưng Hoàng Phi Hổ đến ngọ môn đánh vua là phản phúc. Đạo làm tôi, dù vua có lỗi cũng không nên đối xử như vậy.

Văn Thái sư nghe nói, liền dặn các quan:

– Xin các ông nói vua có lỗi mà thôi, đừng nói Hoàng Phi Hổ có lỗi.

Văn Thái sư dặn rồi liền gọi Kiết Lập và Dư Khánh dạy rằng:

– Hai người mau đem trát văn ra hai ải Mạnh Tân và Đồng Quan truyền các quan trấn ải giữ gìn, đừng cho Hoàng Phi Hổ qua ải. Đợi ta đuổi theo bắt lại, sẽ lấy công bình mà xét xử.

LỜI BÌNH

– Cách trả thù của đàn bà và đàn ông thường khác nhau. Đàn bà thích trả thù gián tiếp, đàn ông thích trả thù trực tiếp.

Đàn bà và đàn ông quả có cái gì khác biệt. Về khoa tâm lý đàn ông từ chỗ giận hờn, căm tức, buồn vui, thù hận đều khác với đàn bà. Đàn ông cái gì cũng trống trải và nóng nảy, thù giận ai muốn tận mặt trả đũa, trái lại đàn bà thì dễ trong lòng như ngọn lửa cháy âm ỉ, rồi trả thù một cách kín đáo nhưng thâm độc hơn.

Đắc Kỷ là đàn bà, dĩ nhiên lối thù hận cũng không vượt ra ngoài vòng tâm lý ấy. Hơn nữa, Đắc Kỷ lại phải có những mưu mô trả thù bằng lối sai khiến qua Trụ Vương, thành thử lối trả thù của Đắc Kỷ trở nên thâm độc lạ kỳ.

Gài Giã thị vào cái thế “loạn luân” của Trụ Vương, Đắc Kỷ đã tránh được tiếng ác, mà còn nắm chắc phần thắng.

Tác giả Phong Thần lại là con người thân làm thuyết quân thần của Khổng giáo, cho nên diễn tả nhân vật có những tư tưởng rất lơ mờ. Nhưng Hoàng Phi Hổ bị Trụ Vương giết vợ, giết em, gia đình điêu đứng như vậy, thế mà cũng ràng sức gấn vào ý tưởng mình một đức “trung”. Thế rồi, đức trung ấy phải lu mờ đi vì uất hận riêng mình. Đã bỏ Trụ dẫu Châu mà lúc nào cũng nói đến chữ “Trung” thật là gượng ép.

Và lại đời Thương, nhà Thương và nhà Châu chỉ là hai bộ lạc, làm gì đã có thuyết quân thần của Khổng giáo? Đặt vào Hoàng Phi Hổ tư tưởng ấy, tác giả đã gài gắm tư tưởng của chính mình hơn là tư tưởng của nhân vật trong truyện.

Tác giả đưa Hoàng Phi Hổ và cái thế kẹt ở với vua Trụ thì tức, bỏ vua Trụ thì mang tiếng bất trung. Có người nói: "Chính tác giả Phong Thần trong đời sống cũng gặp hoàn cảnh rắc rối như Hoàng Phi Hổ. Tác giả là người quyền quý, bị bọn triều thần diêm nhục, nếu bỏ chức vị thì tiếc, mà giữ lấy chức vị thì nhục, thành thử tâm trạng phân vân. Nhưng đó chỉ là lời truyền vô căn cứ, không thể tin được.

HỒI THỨ BA MƯƠI MỘT

VĂN THÁI SƯ ĐUỔI THEO PHI HỔ

THÁI SƯ Văn Trọng truyền hịch cho ba trấn Thanh Long, Lâm Đồng và Giai Mộng, ngăn đón Hoàng Phi Hổ xong, liền tự mình quân lãnh binh tướng ra khỏi Tây môn, đuổi theo lập tức. Tiếng trống khua vang trời, tiếng quân reo dậy đất.

— Còn cha con và anh em Hoàng Phi Hổ sau khi qua khỏi sông Mạnh Tân rồi vội vàng qua sông Hoàng Hà, lần đến sông Dẫn Trì là địa hạ của Trương Khuê trấn đóng. Hoàng Phi Hổ biết Trương Khuê có phép địa hành sánh tài thiên tướng, nên chẳng dám đi qua ngang cửa, phải chạy tránh ngoài, phải qua huyện Dẫn Trì, lên tới ải Lâm Đồng.

Bấy giờ Hoàng Phi Hổ mới vừa an lòng thì bỗng ngó ngoài lại thấy cát bụi bay mù mịt, quân o vang tai một đoàn người ngựa kéo đến như bay, đằng trước có cờ cờ hiệu rất

lớn, đề chữ “Văn”. Hoàng Phi Hổ giật mình, vỗ yên ngựa than:

– Văn Thái sư đem binh đuổi theo, chúng ta làm sao cự lại.

Chắc mười phần phải chết rồi.

Hoàng Phi Hổ lại nhìn thấy đứa con út là Hoàng Thiên Tường mới bảy tuổi, ngồi trên yên ngựa chưa vững, cảm động đến ứa nước mắt, than thầm:

– Thương thay! Con nhỏ dại, chưa biết gì mà cũng lâm nạn.

Xảy có gia tướng chạy đến báo:

– Phía bên tả cũng có một đạo binh kéo tới nữa.

Hoàng Phi Hổ xem kỹ thì là đạo binh của Trương Quế Phương hiện trấn ải Thanh Long.

Trong lúc đang lúng túng thì gia tướng lại chạy đến báo nữa.

– Bên hữu cũng có một đạo quân rầm rộ kéo đến, cờ đề là quan Tổng trấn ải Gia Mộng.

Hoàng Phi Hổ huỳnh như đang đứng trước một vòng vây của thiên binh thiên tướng vây. Chợt nhìn tới trước, lại thấy có Trương Phụng là quan Tổng binh ải Lâm Đồng kéo binh đến đón đầu. Thế là bốn phía đều thọ địch, dầu có cánh bay lên trời cũng chẳng kịp nữa.

Hoàng Phi Hổ ngược mặt lên trời, thở dài một tiếng, khí uất lên tận mây xanh.

Giữa lúc ấy có ông Thanh Hư đạo nhân ở núi Thanh Phong, động Tử Dương, cũng là một vị tiên phạm tội sát sinh, đợi qua hội Phong Thần sẽ tu lại, nhân lúc thánh thời, đang

vân đi dạo, vừa tới ải Lâm Đồng, gặp khí uất của Hoàng Phi Hồ xông lên cản lại. Thanh Hư dạo nhân nhìn xuống thấy Hoàng Phi Hồ mắc nạn thì động lòng, liền lấy lá phướng Hồ nguyên che lại rồi sai Huỳnh Cân lực sĩ đem phướng phép ấy bọc hết cả người ngựa của đoàn người Hoàng Phi Hồ đưa qua núi, đoạn làm phép đuổi đạo binh của Văn Trọng trở về Triều ca.

Huỳnh Cân lực sĩ tuân lệnh thi hành.

Trong lúc đó, đạo binh của Thái sư Văn Trọng vừa đuổi theo kịp, xảy có quân chạy về báo:

– Có quan Tổng binh ở ải Thanh Phong xin yết kiến.

Văn Trọng truyền vời đến. Quan Tổng binh ải Thanh Phong là Trương Quế Phương đến trước đầu ngựa Văn Thái sư xá dài một cái thưa:

– Tôi vì mang giáp trụ trong người, không làm trọn lễ, xin Thái sư tha tội.

Văn Thái sư hỏi:

– Hoàng Phi Hồ phản chúa bỏ trốn, chắc qua ải này, quan Tổng binh có thấy không?

Trương Quế Phương thưa:

– Tôi được lệnh, tuần hành rất nghiêm mật mà chẳng thấy một ai qua ải cả.

Văn Trọng nói:

– Vậy thì quan Tổng binh hãy mau mau trở về ải ngăn đón.

Trương Quế Phương vâng lệnh từ giã kéo quân về.

Khi có Ma gia tướng ải Giai Mộng xin ra mắt. Văn Trọng cho đòi bốn tướng họ Ma đến, và hỏi:

– Hoàng Phi Hổ có đến ải Gia Mộng không?

Bốn tướng thưa:

– Chúng tôi đón hoài mà không thấy.

Văn Trọng truyền bốn tướng trở lại ải ngăn đón. Bốn tướng tuân lệnh kéo binh về.

Xảy nghe quân báo nữa:

– Có quan Tổng binh ải Lâm đồng là Trương Phụng đến hầu.

Văn Trọng cho mời vào. Lão tướng Trương Phụng vào ra mắt, Văn Trọng hỏi:

– Lão tướng có gặp Hoàng Phi Hổ chăng?

Trương Phụng thưa:

– Tôi tiếp được tờ hịch, biết được việc Hoàng Phi Hổ làm phản nên đem quân đến chặn đường, song không biết kẻ phản thầy ấy đi ngả nào mà không thấy.

Văn Trọng truyền về ải ngăn ngừa, bắt cho được Hoàng Phi Hổ.

Trương Phụng vâng lệnh từ giả lui binh. Văn Trọng ngồi trên ngựa nghĩ thầm:

– Rõ ràng Hoàng Phi Hổ ra cửa Tây, đã qua sông Mạnh Tân, tại sao cả ba đạo quân đón ba ngả đường vẫn không gặp? Thật là chuyện lạ lùng. Thuở nay ta không nghe Hoàng Phi Hổ có tài dộn thổ, thăng thiên mà? Thế này thì ta phải đóng binh ở đây để tìm cho ra duyên cớ. Hay Hoàng Phi Hổ sợ binh theo, còn lẩn trốn đâu đây, chưa dám qua ải?

Nghĩ rồi truyền đóng quân, cho thám mã tủa ra bốn mặt, tìm kiếm.

Bấy giờ Huỳnh Cân lực sĩ tuân lệnh Thanh Hư đạo nhân

dùng lá phướng tóm đoàn người của Hoàng Phi Hồ đem bỏ bên kia núi Nghi Tịnh, tất cả mấy anh em như say mới tỉnh, chẳng hiểu gì cả. Hoàng Phi Hồ dụi mắt nhìn bốn phía thấy binh tướng bao vây không còn nữa, thì mừng rỡ nói với mấy người em.

– Bốn đạo binh kéo đến, sao bây giờ biến đi đâu? Vậy thì chúng ta phải gấp rục qua khỏi ải Lâm Đồng để tị nạn.

Hoàng Minh nói:

– Đó là trời giúp người lành nên chúng ta mới thoát được tai nạn tai trời như vậy.

Nói rồi cùng nhau giục ngựa thẳng đến ải Lâm Đồng.

Thanh Hư đạo nhân đứng trên cao thấy Thái sư Văn Trọng không chịu lui binh nghi thầm:

– Nếu Văn Trọng không chịu lui binh thì Hoàng Phi Hồ khó lòng qua năm ải được. Ta phải lập kế làm cho lão già này kéo quân về Triều ca mới xong.

Nghi rồi thấy thân sa trong bầu phép vãi một nắm qua hướng Đông Nam. tức thì hóa ra một đạo binh mã. Quân thám thính trông thấy liền chạy về báo với Văn Trọng:

– Vô Thành Vương kéo binh mã trở về Triều ca.

Văn Trọng nghe báo tức tốc truyền quày binh lại. Xa xa trông thấy một nhóm người ngựa nhắm hướng Triều ca tiến tới. Văn Trọng nhủ thầm:

– Vô Thành Vương bị chặn bốn mặt không đi được nên liều mạng trở về đánh Triều ca, cố tình làm phản rồi.

Nghi chắc như vậy, nên Văn Trọng truyền quân cấp tốc vượt sông Mạnh Tân, trở về.

Nhờ vậy mà Hoàng Phi Hồ đến ải Lâm Đồng thì đạo

binh của Văn Trọng không còn đuổi theo sau nữa.

Khi Hoàng Phi Hổ đến trước ải Lâm Đồng lão tướng Trương Phụng cầm đao, cỡi ngựa, dẫn binh lướt tới, mặt hầm hầm nói lớn:

– Hoàng Phi Hổ, ta được lệnh Thái sư đón ngươi ở đây đã lâu để bắt tên phản thần bội chúa.

Hoàng Phi Hổ xá dài một cái, và lễ phép nói:

– Cháu mặt giáp trong mình, không làm trọn lễ, xin chú miễn chấp.

Trương Phụng nói:

– Hoàng Phi Hổ! Ông già ngươi với ta là tình bằng hữu còn ngươi tuy lớp nhỏ chứ thuộc vào hàng quốc thích, làm đến bậc vương hầu. Cảnh họ Hoàng mấy đời trung liệt, phò nhà Thương lập nhiều công khó, để tiếng trung lương. Dầu sao đi nữa, chẳng lẽ vì trả thù cho một con đàn bà mà người đã gắn cho giòng họ mình tiếng xấu muôn đời sao? Ta rất tiếc hành động của người thiếu suy nghĩ. Nếu người biết phục thiện, nghe lời già thì mau trối mình nạp mạng, để ta giải về Triều ca, giữa có đủ mặt văn võ bá quan, tâu rõ đục trong, xét tình oan ức. Như vậy Thiên tử sẽ nghĩ tình quốc thích mà tha tội phản thần. Còn nếu không nghe lời ta thì người đến đây chẳng khác lủ chuột sa vào dẫy giềng, chết một cách nhục nhã mà chẳng ích.

Hoàng Phi Hổ thưa:

– Tánh cháu xưa nay chắc chú cũng biết. Sỡ dĩ cháu phải phản Trụ đầu Châu là vì tình thế không thể chịu được nữa. Trụ Vương đắm mê tửu sắc, trung thần lần lượt chết oan, hết kẻ này đến kẻ khác. Vua không thương bầy tôi thì bầy tôi làm sao phò. Đạo vua tôi đổ nát đã đành, đạo cương thường cũng

không còn nữa. Trụ Vương nghe lời Đắc Kỷ hại vợ, giết con, mổ gan Tỉ Can và vị Hoàng thúc để cho vừa lòng Đắc Kỷ. Vừa rồi Trụ Vương lại hiếp vợ đại thần, ném xác Quý phi xuống lầu Trích Tinh. Nếu cứ vì chữ trung nhắm mắt làm ngơ, phò một ông vua tàn ác như vậy phòng có ích gì, trăm họ đều oán vọng, binh tướng đều kêu rêu. Tôi tưởng đạo làm tôi, nếu không can gián lược vua dữ thà bỏ đi nơi khác còn hơn. Nếu chú đứng vào hoàng cảnh của cháu chắc chú không khỏi đau lòng khi thấy vợ bị chết oan, em gái mình bị chết ức. Thật uống công tôi trải thân hơn hai trăm trận nơi biển Đông, phơi gan cùng xả tặc, cầm binh dạy tướng mà trị chư hầu. Nay chúa lại đem dạ phụ phàng, bảo tôi trở mặt chịu sao nổi. Ngựa mong chú mở lòng đại độ, giúp kẻ thất thời, mở cửa ải cho chúng tôi qua để thoát nạn thì ơn ấy sánh bằng trời bể.

Trương Phùng nổi giận nói:

– Người khinh ta già cả, không ngăn nổi người nên người mới buông lời nói như vậy. Ta làm Tổng trấn ải này, dễ gì để một kẻ phản thần qua lọt.

Nói rồi vung dao chém Hoàng Phi Hổ. Hoàng Phi Hổ đưa giáo ra đỡ và nói:

– Xin chú đừng nóng giận. Tôi với chú là tôi một trào, việc quấy còn có người đời xét nghiệm. Nếu chú bị oan ức như tôi lẽ đâu lại không đầu nước khác? Lời xưa nói: “Vua bất minh thì tôi tắc loạn”. Ai cũng muốn có được một minh quân mà phò.

Trương Phụng nói:

– Phản thần! Người khéo già mồm bảo chữa. Ta không muốn nghe người lý luận nữa, mà chỉ muốn bắt người đem về nạp cho Thái sư phân xử mà thôi.

Nói rồi chém tiếp một dao nữa, Hoàng Phi Hổ cực chẳng đã phải cử thương lên tiếp chiến. Một trẻ một già giao đấu với nhau hơn ba mươi hiệp. Trương Phụng tuy bản lĩnh cao cường, nhưng làm sao cự lại Vô Thành Vương là người có sức mạnh siêu quần được. Bị yếu thế, Trương Phụng vội giục ngựa bỏ chạy, Hoàng Phi Hổ thừa thắng giục trâu đuổi theo. Trương Phụng lén lấy tử nhung thần bá là sợi dây có cột cục chùy treo sau lưng, cắt Hoàng Phi Hổ một cái. Hoàng Phi Hổ lạnh mắt, lấy gươm chặt đứt sợi dây, rồi đưa tay bắt lấy cái chùy. Trương Phụng thất kinh chạy vào thành đóng cửa.

Hoàng Phi Hổ trở lại nói với anh em:

– Lão tướng Trương Phụng thất bại vào thành, chúng ta mau định liệu cách nào để qua ải.

Mấy anh em xúm lại đàm đạo, nhưng không ai tìm được kế hay để qua ải cho được.

Trong lúc đó, Trương Phụng vào thành, ngồi ngẫm nghĩ:

– Hoàng Phi Hổ sức mạnh như thần, lại võ nghệ siêu quần, đánh sao cho lại. Nếu đấu với nó, rủi ro bề nào, nó qua ải được thì tội ta chẳng nhỏ.

Nghĩ rồi liền gọi phó tướng là Tiêu Ngân đến nói:

– Hoàng Phi Hổ là tướng tài của triều đình, không dễ gì bắt va được. Nếu dễ va thoát khỏi thì chúng ta không khỏi mang tội với Thái sư. Vậy đêm nay người tuyển ngựa ba ngàn quân thiện xạ, mang cung tên thật nhiều, đợi đến canh ba nghe tiếng mõ lệnh thì áp vào trại Hoàng Phi Hổ, bắn chết va lấy đầu đem về nạp.

Tiêu Ngân tuân lệnh ra ngoài điểm binh, nhưng khi ra đến giáp trường lại nghĩ thầm:

– Trước kia ta làm bộ hạ Vô Thành Vương, được Vô Thành

Vương dạy dỗ, đối xử với ta rất nhân đạo, không bao giờ có một cử chỉ khắt bạc. Về sau ta cũng nhờ Vô Thành Vương mà vinh thăng làm chức Phó tướng trấn ải này. Ôn đức ấy ta chưa đền bồi, lẽ nào ham lập công mà phụ tình ân nhân?

Nghĩ rồi liền thay đổi y phục, đợi hết canh một lén sang trại Hoàng Phi Hổ, kêu quân canh hỏi:

– Có ai ở trong trại không?

Quân canh hỏi lại:

– Ngươi là ai vậy?

Tiêu Ngân nói:

– Ta là bộ hạ của Vô Thành Vương trước kia, tên Tiêu Ngân, đến xin yết kiến Vô Thành Vương trình mặt sự. Nhờ các người vào thưa lại.

Quân vào báo với Hoàng Phi Hổ. Hoàng Phi Hổ cho mời vào, Tiêu Ngân vào lạy và thưa:

– Tôi là Tiêu Ngân, tướng cũ, nhờ lão gia cho bổ nhậm chức Phó Tổng binh ải Lâm Đông nay Trương Phụng sai tôi thừa lúc canh ba dẫn ba ngàn xạ thủ, lén bắn lão gia, lấy thủ cấp đem về nạp lãnh thưởng. Tôi mang ơn lão gia rất trọng, không đành phản bội, nên mặc thường phục lén đến đây báo tin cho lão gia hay trước.

Hoàng Phi Hổ nghe qua thất kinh nói:

– Nếu không có tướng quân thì chắc ta vong mạng rồi. Thật ta cảm nghĩa, khó nổi đáp đền.

Tiêu Ngân nói:

– Việc cần thiết là lão gia phải qua ải để thoát nạn, vậy lão gia nên dẫn nhân mà theo tôi tức thì, để tôi mở cửa ải đón rước. Nếu chậm trễ lậu tiếng thì bất tiện.

Hoàng Phi Hổ mừng rỡ truyền lệnh gia tướng đồng một loạt theo Tiên Ngân vào ải, thế mạnh như cọp dữ.

Khi ấy mới canh hai, binh tướng Trương Phụng thờ ơ không đề phòng. Tiều Ngân mở khóa vừa rồi, Hoàng Phi Hổ và mấy anh em cầm thương xốc vào, quân trông thành nào loạn, vỡ chạy hết.

Trương Phụng đang ngồi trong trường hay tin liền la lớn:

– Lỗi này do ta vụng tính. Tiều Ngân là tướng cũ của Hoàng Phi Hổ, nay nó mở cửa cho Hoàng Phi Hổ vào thành là phải lắm. Nếu ta tính trước, sai tướng khác thì đã lấy đầu Hoàng Phi Hổ được rồi.

Tức giận vô cùng, Trương Phụng liền lên ngựa cầm thương đuổi theo, quyết bắt bọn Hoàng Phi Hổ lại.

Bấy giờ Tiều Ngân núp bên vách tường, thấy Trương Phụng đuổi theo Hoàng Phi Hổ, liền dậm lên Trương Phụng một kích nhào xuống ngựa chết tươi.

Người sau có thơ khen Tiều Ngân:

*Vì nghĩa nào tham lợi
Đền ơn chẳng tiếc công
Mưu cao trừ chước quý,
Trí rộng mở chim lồng.
Một mình lên khai ải
Cứu sống được ân nhân
Trương Phụng vương một kích
Phi Hổ vượt Lâm Đồng.*

Tiều Ngân dậm chết Trương Phụng rồi liền giục ngựa chạy theo Hoàng Phi Hổ, kêu lớn nói:

– Xin lão gia thùng thắng mà đi. Tôi đã giết Trương

Phụng rồi, không còn ai dám can ngăn mà sợ. Bây giờ tôi trở về ải lấy ván đóng kín cửa thành, phòng có truy binh, đợi tháo xong ván cửa thì cũng lâu lắm, lão gia có đủ thời giờ cao bay xa chạy rồi. Ngày nay tớ thấy chia tay, chẳng biết bao giờ mới được gặp nhau lại.

Hoàng Phi Hổ tạ ơn rồi nói:

– Tình nghĩa tướng quân đối với tôi rất trọng, biết bao giờ đền đáp thâm ân?

Đoàn người Hoàng Phi Hổ ra khỏi ải Lâm Đồng, đi chừng tám mươi dặm thì đến ải Đông Quan. Tướng giữ ải này là Trần Đồng đang ngồi trong tướng, xảy nghe quân báo.

– Hoàng Phi Hổ dẫn gia binh gia tướng đến đóng trước ải.

Trần Đồng mỉm cười, nói:

– Hoàng Phi Hổ là đứa phản thần, ta được lệnh đón tại đây bắt giải về Triều ca xử tội. Nay nó đã qua được ải Lâm Đồng, đến đây mà nạt mạng.

Nói rồi truyền bày binh bố trận để ngăn đường, còn mình thì nai nịt hần hời, cầm thương lên ngựa, quyết bắt cho được Hoàng Phi Hổ trả thù xưa, và lập công.

Hoàng Phi Hổ dồn binh xong, hỏi gia tướng:

– ải Đông Quan do tướng nào trấn giữ?

Châu Kỷ nói:

– Quan Tổng trấn ải Trần Đồng.

Hoàng Phi Hổ ngẫm nghĩ một lúc rồi than:

– Trần Đồng trước kia phạm tội, ta định giết nhưng các tướng năn nỉ xin tha để cho va lập chiến công đền tội. Nay va làm đến chức Tổng binh, thế nào cũng nhớ thù xưa mà rửa hờn. Chúng ta khó lòng qua ải.

Các tướng nói:

– Trần Đồng tài cán gì mà dám đương cự chúng ta. Xin đại vương chờ lo.

Còn đang bàn luận với nhau thì đã nghe quân ó vang trời, Trần Đồng dẫn quân đến bắt. Hoàng Phi Hổ lật dật cỡi thần ngựa ra trận. Trần Đồng chỉ mặt Hoàng Phi Hổ nói:

– Ta chào Hoàng tướng quân đó. Người là vì vương không nhỏ, tại sao đến ải ta làm chi? Ta vâng lệnh Thái sư đón người ở đây đã lâu. Nếu muốn toàn thân thì mau xuống ngựa bó mình dâng ta giải nạp về Triều ca trị tội, đừng nói nhiều lời vô ích.

Hoàng Phi Hổ nói:

– Trần tướng quân chờ khi dễ ta. Trong đời người sao khỏi có lúc suy lúc mạnh, cũng như trong vũ trụ, trời có khi nắng khi mưa. Xưa, người cùng ta chẳng khác tay chân cắt ruột, đến nỗi người phạm lỗi nặng mà ta không giết, để cho người lập công chuộc tội, ấy là ta làm ơn, sao nay người cho việc ấy là cừu hận, nhục mạ ta mà trả thù? Người liệu đâu thương với ta nổi ba hiệp không mà dám lên mặt?

Trần Đồng không đáp, cầm kích nhắm ngang đầu Hoàng Phi Hổ đâm tới. Hoàng Phi Hổ đưa thương gạt ra rồi đâm lại. Hai đàng đánh nhau hơn mười hiệp. Trần Đồng yếu sức, liền quát ngựa chạy dài. Hoàng Phi Hổ quyết bắt cho được Trần Đồng để mau qua ải nên giục trâu đuổi theo rất gấp.

Trần Đồng thấy Hoàng Phi Hổ đuổi theo thì mừng thầm liền lấy Hỏa long phiêu là phép tiên truyền thụ quảng lên, tức thì khói tỏa mặt mù. Hỏa long phiêu thuộc vào loại phép dữ đánh mười lần không sai một. Hoàng Phi Hổ tới cả mây mặt, bị Hỏa long phiêu đánh trúng nhằm sườn, nhào xuống trâu thần chết tức.

Hoàng Minh và Châu Kỳ thấy vậy nóng ruột, giục ngựa xóc tới, hét lớn:

– Trần Đồng, người chớ dùng tà thuật hại người, có chúng ta đây.

Ba tướng đánh nhau. Còn Hoàng Phi Bưu bội xóc tới vác thầy Hoàng Phi Hổ đem về trại thì thấy Hoàng Phi Hổ đã tắt thở từ lúc nào rồi.

Lúc này, Hoàng Minh và Châu Kỳ cố giết cho được Trần Đồng báo thù cho Hoàng Phi Hổ. Trần Đồng cứ không lại giục ngựa chạy dài. Hai tướng giục ngựa đuổi theo, Trần Đồng lấy Hỏa long phiêu quang lên, đánh nhằm Châu Kỳ té xuống ngựa, còn Hoàng Minh thất kinh, bị con ngựa nhảy vòng chạy bậy. Trần Đồng toan rút gươm chém Châu Kỳ, may nhờ Hoàng Minh xông đến kịp, cản lưỡi gươm Trần Đồng lại, và đánh nhau. Trần Đồng thấy Hoàng Minh liều mạng, nên sợ hãi bỏ chạy vào thành đóng cửa lại.

Hoàng Minh đem thầy Châu Kỳ về đến trại xem lại thì Châu Kỳ đã chết. Hoàng Minh than khóc một hồi, sắp thầy của Châu Kỳ nằm song song với thầy của Hoàng Phi Hổ.

Ba đứa con Hoàng Phi Hổ thấy cha mình chết thảm đều khóc rống lên, gia binh gia tướng ai nấy động lòng sụt sùi không rảo lệ. Thật là một thảm cảnh! Không ai còn biết tính lẽ nào nữa, lui tới đều bất tiện, chỉ biết ngồi nhìn nhau chờ chết.

Bấy giờ tại núi Thanh Phong, động Tử Dương, có ông Thanh Hư đạo nhân đang ngồi trên giường Bích Vân bỗng thấy lòng mình hồi hộp, đánh tay xem biết Hoàng Phi Hổ mắc nạn, vội truyền Bạch Vân đồng tử vào động dò hỏi Hoàng Thiên Hóa đến.

Hoàng Thiên Hóa tuổi mới hai tám mà mình cao chín thước, mắt sáng như sao, mặt tròn và trong như mỡ, hai chân mày dài quá mắt, lưng thắt đai bố, chân đi giày rơm, đến ra mắt thầy và nói:

– Sự phụ sai gọi đệ tử có việc chi?

Thanh Hư nói:

– Người phải xuống núi cứu cha người đang mắc nạn.

Hoàng Thiên Hóa ngơ ngác hỏi:

– Thưa sư phụ, cha của đệ tử là ai, lâu nay không nghe sư phụ nhắc đến?

– Cha người là Vô Thành Vương Hoàng Phi Hổ, hiện đang bị nạn Hỏa long phiêu mà thác tại ải Đồng quan. Người đến đó cứu cha người, sau giúp nhà Châu cho tròn trung hiếu.

Hoàng Thiên Hóa hỏi:

– Thưa sư phụ, nguyên nhân vì đâu mà đệ tử được đến hầu sư phụ ở động này?

Thanh Hư đạo nhân nói:

– Cách mười ba năm trước, ta đang vân di dạo tại xứ Triều ca, gặp luồng hào quang của người xông lên, đón vầng mây ta lại. Thấy người có quý tướng, và có nhân duyên chi đây khiến ta gặp được. Ta liền nổi trận gió, đưa người về núi truyền thụ võ nghệ và phép lành, để sau này người có cơ hội lập thân. Nay chưa phải là lúc người xuống trần nên ta chỉ trao cho người bầu linh dược, đem xuống ải Đồng Quan cứu cha người xong, thì cấp tốc trở về đây. Ngày sau, cha con sẽ gặp nhau tại Tân Kỳ.

Dặn dò xong, Thanh Hư trao gương bầu và giỏ hoa lam cho Hoàng Thiên Hóa, hối đi lập tức.

Hoàng Thiên Hóa muốn hỏi nữa, Thanh Hư hiểu ý bảo nhờ mấy câu và nói:

– Phải làm theo cách ấy thì cha ngươi mới qua khỏi ải được.

Hoàng Thiên Hóa tuân lệnh lay tạ ra đi, độn thổ đến ải quan trong nháy mắt.

LỜI BÌNH

– Mọi việc làm của con người thường ngày tuy không thấy dấu, nhưng ba giờ mất.

Sống trong xã hội, con người phải hoạt động, phải giao tiếp với mọi người quanh mình, phải tranh đấu, phải làm những việc để bảo tồn lẽ sống. Từ việc làm đến ý niệm hàng ngày con người chúng ta luôn luôn diễn biến không ngừng.

Nhưng ít ai chịu khó kiểm điểm lại công việc làm, hoặc ý niệm thường xuyên của mình được. Thực ra mọi việc trong vũ trụ đều có nhân duyên với nhau, và tất cả không bao giờ mất.

Có nhiều việc làm, nhiều ý tưởng nhỏ nhặt, chúng ta không để ý, vì nó không có tác dụng cấp thời. Tuy nhiên, không phải vì thế mà nó diệt vong.

Hoàng Phi Hổ lúc còn là một vị Nguyên soái, cầm đầu các tướng lãnh, đã từng đối xử với mọi người qua nhiều trường hợp ân oán. Những ân oán ấy đương thời không có tác động gì cả, nhưng nó không mất, đợi đến lúc nào đó nó mới phát ra, như trường hợp Tiêu Ngân trả ơn, và Trần Đồng trả oán chẳng hạn.

Cứ đó mà suy, thì mọi hành động của mỗi người hằng ngày là những cái nhân, để sanh ra những cái quả triền miên tiếp diễn. Kể thục thời, suy xa hiểu rộng không bao giờ thờ ơ đến những cái nhân hằng ngày của mình. Vì cái nhân tốt sẽ sanh ra cái quả tốt. Ngược lại cái nhân xấu tất sanh cái quả xấu.

Thời nay, nhiều người không để ý đến luật nhân quả, lúc đắc quyền, mạnh thế, gieo vào đời mình những cái nhân quái ác. Trong lúc đó họ không hề thấy một phản ứng nào tai hại, và họ cho rằng không có một sức mạnh nào làm gì nổi. Nhưng thực ra cái quả luôn luôn chực họ để nổi tiếp cái nhân của họ đã gây ra.

HỒI THỨ BA MƯƠI HAI

HOÀNG THIÊN HÓA GẶP CHA TẠI ĐỒNG QUAN

HOÀNG Thiên Hóa dộn thổ đến ải Đồng Quan vừa lúc canh năm, lật dật tìm đến trại. Bấy giờ trời thanh trăng tỏ, Hoàng Thiên Hóa thấy bên ngoài có một số quân canh bên trong lổ nhỏ một đoàn người đang ngồi than khóc.

Vài tên quân canh thấy Hoàng Thiên Hóa, thất kinh hét lớn:

– Người là ai? Đến đây có việc gì?

Hoàng Thiên Hóa nói:

– Ta là đệ tử của Thanh Hư đạo nhân, ở núi Thanh Phong động Tử dương, vì biết Đại Vương mắc nạn đến giải cứu, chứ không phải địch quân đến đây thám thính mà sợ. Người mau vào thưa lại.

Quân canh vội vào báo. Hoàng Phi Bưu vội bước ra xem thử, thấy một đạo đồng vạm vỡ, chân đi giày rơm, mình mặc áo rộng, vai mang bầu kiếm, tay xách giỏ hoa lam, xem hình dung giống anh mình như hệt.

Hoàng Phi Bưu đón tiếp vào trại. Các tướng đều ra chào.

Hoàng Phi Bưu nói:

– Nếu đạo nhân cứu sống được anh tôi thì ơn ấy như trời biển.

Hoàng Thiên Hóa hỏi:

– Đại Vương hiện nằm ở nơi đâu?

Hoàng Phi Bưu dắt Thiên Hóa vào trong. Thiên Hóa thấy cha mình nằm ngửa trên tấm nệm, hai mắt nhắm cứng, gương mặt tái xanh, thì than thầm:

– Cha mình làm đến tước Vương, quyền uy tại trào chẳng biết vì đâu lại ra nông nỗi này?

Lại thấy một vị tướng để nằm bên xác cha mình, Thiên Hóa liền hỏi:

– Còn ông nào chết đó?

Hoàng Phi Bưu nói:

– Người ấy là bạn thân của anh tôi, cũng bị Trần Đồng đánh Hòa long phiêu mà thác.

Hoàng Thiên Hóa truyền bọn quân hầu xuống ghe múc

nước, lấy bầu thuốc trong giỏ trút ra, hòa với nước suối, rồi lấy gươm cạy răng hai người đổ vào miệng mỗi người hai hộp, thuốc còn dư thì thoa chỗ bị thương.

Chẳng bao lâu, Hoàng Phi Hổ tỉnh dậy trước, la lớn lên:

– Đau chết đi!

Ấy là lúc thuốc thấm vào ngũ tạng, chạy khắp thân nên Hoàng Phi Hổ mới biết đau, la hoảng như vậy.

Khi Hoàng Phi Hổ đã hồi tỉnh, mở mắt ra trông thấy một gã đạo đồng ngồi bên mình, liền hỏi:

– Ta đã bị Hòa long phiêu đánh chết rồi, đâu có thể còn sống lại. Đây có phải côi âm phủ chăng?

Hoàng Phi Bưu nói:

– Nếu không nhờ đạo nhân dùng linh dược cứu chữa thì chắc vương huynh đã thọ tử rồi.

Hoàng Phi Hổ nghe nói cùng đứng dậy chấp tay xá Thiên Hóa một cái và nói:

– Tôi may mắn mới được đạo nhân cứu tử hoàn sanh...

Hoàng Thiên Hóa vội vã quỳ xuống, vừa khóc vừa nói:

– Thừa cha, con là Hoàng Thiên Hóa đây. Hồi nhỏ con đi dạo vườn hoa bị gió thổi mất biệt cho đến nay...

Ai nầy nghe nói đều kinh hãi. Hoàng Phi Hổ giật mình, rồi lại mừng rỡ nói:

– Nếu vậy thì con đến cứu cha mà cha không biết. Tính từ ngày ấy đến nay thì con đã mười sáu tuổi rồi. Vậy thời gian qua, con ở núi nào, thầy con là ai?

Hoàng Thiên Hóa lay rồi đứng dậy thưa:

– Thầy con là Thanh Hư đạo nhân, ở núi Thanh Phong.

động Tử Dương, năm trước đi dạo chơi ở Triều ca, thấy con có số tu hành nên nổi gió đưa con về động luyện tập võ nghệ, và truyền thụ phép tắc. Nay thấy con biết cha mắc nạn, nên dạy con xuống cứu. Nhờ dịp này con gặp mặt được ba anh em, và cả ba chú con nữa.

Bấy giờ Châu Kỳ cũng đã tỉnh dậy, nghe rõ đầu đuôi, chú cháu vui mừng, anh em chào hỏi.

Hoàng Thiên Hóa nhìn quanh, không thấy mẹ mình đâu, buồn bã hỏi:

– Cả gia đình đều rời bỏ Triều ca, tại sao thân mẫu không cùng đi?

Hoàng Phi Hồ nghe nhắc đến vết thương lòng, giậm chân khóc lớn, nói:

– Con chưa hiểu vì có nào cha phản Trụ đầu Châu hay sao?

Bởi ngày Nguyên đán, mẹ con vào cung chầu Đắc Kỳ, Trụ Vương làm điều ó nhục, mẹ con giữ tiết trinh, mắng vua rồi nhảy xuống lầu dập xương. Nếu không có việc phụ phàng như vậy lẽ nào cha lại phản chúa?

Hoàng Thiên Hóa nghe rõ đầu đuôi, nghiêng răng hét lên một tiếng, rồi té xuống đất chết ngất. Lòng thương mẹ của Hoàng Thiên Hóa khiến ai nấy động lòng khóc rống lên.

Giây lâu, Hoàng Thiên Hóa mới tỉnh lại, nói với Hoàng Phi Hồ:

– Thấy con dặn cứu cha xong phải trở về núi tiếp tục tu hành nhưng hoàn cảnh này con không muốn trở về núi nữa, quyết lòng trở về Triều ca giết vua Trụ và Đắc Kỳ trả thù cho mẹ và cô của con.

Cha con đang sụt sùi than thở thì ngoài trại có tiếng quân reo, và quân canh vào báo:

– Trần Đồng dẫn quân ra khiêu chiến.

Hoàng Phi Hổ mặt tái ngắt vì nghĩ đến Hỏa long phiêu lợi hại của địch thủ vừa rồi. Hoàng Thiên Hóa thấy vậy thưa:

– Xin cha chớ sợ. Có con theo bảo vệ thì nó không làm gì nổi đâu.

Hoàng Phi Hổ nghe nói vững lòng, lên lưng thần ngưu, cầm đao xông ra khỏi trại, kêu Trần Đồng nói:

– Trần Đồng, người chớ hung hăng. Hôm nay ta ra đây trả thù người đấy.

Trần Đồng thấy Hoàng Phi Hổ thất kinh, nhủ thầm:

– Hỏa long phiêu ta đã đánh trúng nó, vì có gì nó lại không chết. Từ xưa đến nay ta chưa từng thấy trường hợp nào như vậy.

Nghĩ rồi nạt lớn.

– Hoàng Phi Hổ, người là đứa phẫn thần, không biết nhục còn giao đấu cùng ta hay sao?

Hoàng Phi Hổ nói:

– Người cố tình xử ác với ta, nhưng trời không hại anh hùng.

Nói rồi vung đao đâm Trần Đồng một nhát. Trần Đồng đưa giáp ra đỡ. Hai bên đánh nhau hơn hai mươi hiệp, Trần Đồng quát ngựa chạy, Hoàng Phi Hổ giục ngựa đuổi theo, Trần Đồng dùng kế hoạch cũ, vung Hỏa long phiêu lên khói tỏa mịt mù. Hoàng Phi Hổ thất kinh, muốn quày ngựa bỏ chạy, thì Hoàng Thiên Hóa đã biết trước, lấy giò hoa lam đưa lên, thâu Hỏa long phiêu của Trần Đồng vào đấy. Trần Đồng

thấy mất phép, mặt biến sắc. Còn Hoàng Phi Hổ quỳ thần
ngưu lại đánh với Trần Đồng. Lần này Hoàng Phi Hổ không
còn sợ sệt như trước nữa nên đánh rất hăng.

Hoàng Thiên Hóa muốn cho cha mình sớm rảnh tay, liền
bước tới, gọi Trần Đồng mắng:

– Thất phu, tài phép của ngươi bao nhiêu mà dám xúc
phạm đến thân phụ ta. Ta lấy đầu ngươi để rửa hận.

Dứt lời cầm cây gươm thần gọi là Mặt tà đưa lên, tức thì
thanh gươm xẹt ra một luồng thanh quang sáng chói, chiếu
vào cổ Trần Đồng, chiếc đầu Trần Đồng rơi tức khắc.

Hoàng Thiên Hóa vừa giết Trần Đồng xong, Hoàng Minh,
Châu Kỳ và các tướng theo phò Hoàng Phi Hổ đều phá cửa ải
xông vào. Quân sĩ ải Đồng Quan thấy chủ tướng bị chết, kiểm
chỗ ẩn mình không ai dám ra chống cự.

Hoàng Thiên Hóa lạy cha, thưa rằng:

– Lúc này vì nghe mẹ chết nóng lòng nên con nói như
vậy, bây giờ nghĩ lại lời thầy dặn không dám trái, xin cha cho
con trở về núi tu luyện thêm, ngày sau sẽ đoàn tụ.

Hoàng Phi Hổ nói:

– Con tuân lời dặn của thầy là phải. Nhưng mười mấy
năm trời cha con mới gặp nhau, sao vội chia ly như vậy?

Hoàng Thiên Hóa rơi lụy nói:

– Cũng chẳng bao lâu nữa gia đình ta sẽ đoàn tụ nơi Tây
Kỳ, xin cha cho trẻ dời gót.

Cha con, chú cháu, anh em đồng gạt lệ già từ. Hoàng
Thiên Hóa dộn thổ về núi, còn Hoàng Phi Hổ cùng gia binh
gia tướng qua khỏi ải Đồng Quan, đi hơn tám mươi dặm nữa
đến ải Xuyên Vân.

Quan Tổng trấn ải này là anh ruột của Trần Đồng, tên Trần Ngô. Khi nghe quân báo Hoàng Phi hổ giết em ruột mình qua ải, Trần Ngô nổi giận lập tức truyền điểm tướng dẫn binh, đi đánh báo thù.

Có viên tướng cạnh là Hạ Thân Can:

– Xin chủ tướng chờ nóng nảy mà hòng việc. Hoàng Phi Hổ là bậc dòng tướng, lại có các gia binh gia tướng theo phò, rất dỗi Nhị gia, tài cao phép lạ mà còn bị hại thay, huống hồ trong thành ta tướng yếu binh suy chủ tướng muốn dùng sức kiệt trời hùm sao được.

Trần Ngô nói:

– Hoàng Phi Hổ là đứa phản thần, đã có tội với vua bỏ trốn qua ải lại còn giết tướng, không kể đến nghĩa tình. Trần Đồng là em ruột ta, trấn ở Đồng Quan bị chết về tay nó, ta không giết nó trả thù sao?

Hạ Thân nói:

– Muốn bắt Hoàng Phi Hổ để trả thù không cần dùng sức, mà chỉ dùng mưu kế thôi.

Trần Ngô nghe nói như vậy sáng mắt, khen:

– Ta quá nóng lòng, suýt làm hư đại sự. Hạ tướng quân nói phải lắm. Vậy bây giờ biết tính mưu chi?

Hạ Thân nói:

– Phải dụng kế như vậy thì trừ Hoàng Phi Hổ không khó.

Đoạn Hạ Thân nói nhỏ với Trần Ngô một hồi. Trần Ngô đắc ý khen:

– Hạ tướng quân mưu cao. Phận này nhất định theo kế ấy mà làm.

Bỗng có quân vào báo:

- Hoàng Phi Hô và cả gia quyến đã đến ải.

Trần Ngô lập tức truyền gióng chiến nổi trống, triệu tập các tướng đi tiếp nghinh. Hoàng Phi Hô thấy Trần Ngô đội mào lớn, mặc áo dài, mình không mang giáp, tay không khí giới, tướng binh cũng đều như vậy cả, nên không chút nghi ngờ.

Trần Ngô lướt ngựa tới khép nép thưa:

- Tiểu tướng xin bái yết Đại Vương.

Hoàng Phi Hô đáp lễ và nói:

- Tôi mắc nạn là Hoàng Phi Hô, phạm tội với triều đình, lánh thân ra quan ải, nay nhờ ơn tướng quân có lòng chiếu cố, không trừng phạt mà đón rước như vậy, tình rất trọng. Còn như Linh đệ, vì ngăn đón chiến trường, nên rủi ro bị thác. Như tướng quân nghĩ tình tôi oan ức, cho qua khỏi ải này, chúng tôi nguyện suốt đời mang ơn.

Trần Ngô nói:

- Tôi biết Đại vương là người trung nghĩa, mấy đời phò vua giúp nước, trái mật nằm gai. Nay xảy ra cơ sự này là tại vua phụ bề tôi, chớ đâu phải bề tôi phụ vua? Còn em tôi là Trần Đồng không rõ tình đời, không trông xa hiểu rộng, chỉ khư khư làm theo mệnh lệnh của Triều đình, đem sức khuyến ưng mà chống oai hùm, thì làm sao toàn mạng. Em tôi chết, tôi cũng đau lòng thật, nhưng nghĩ lại vì trí thiếu tài nông của nó nên không dám trách, đại vương vào ải để tôi mở tiệc tẩy trần cho thỏa lòng hoài vọng.

Hoàng Minh cất tiếng khen:

- Lời xưa nói: cây một cội trái chua trái ngọt, nước một nguồn dòng đục dòng trong. Xem thế thì tầm hiểu biết của Tướng quân cao hơn lện đệ nhiều lắm.

Ai nấy nghe lời Trần Ngô chuốc dầu xuống yên. Trần Ngô cũng xuống ngựa, rước cả gia đình gia tướng Hoàng Phi Hổ vào ải.

Đến nơi, Trần Ngô mời ngồi theo thứ tự, truyền dọn cơm nước dài dằng. Hoàng Phi Hổ cảm lòng tri ngộ, đứng dậy tạ rằng:

– Tôi mắc nạn, được tướng quân trọng đãi, biết ngày nào đáp đền được thâm ân?

Trần Ngô đứng dậy nói:

– Tôi biết Đại vương nóng lòng sang Tây Kỳ dầu Minh chúa, tuy vậy tôi muốn cùng tướng quân dự bữa tiệc chia ly. Sau này nếu gặp gỡ, tôi sẽ đi chung đường để phò Đại vương luôn thể. Mong Đại vương không từ chối.

Hoàng Phi Hổ nói:

– Trần tướng quân thương chúng tôi là kẻ mắc nạn, bày tiệc khoản đãi, người đã có tình lễ nào chúng tôi từ chối.

Trần Ngô thấy Hoàng Phi Hổ đã thuận ý, liền truyền quân nổi nhạc tưng bừng, cỗ bàn dọn lên, các tướng đều được mời vào tiệc, ăn uống cho đến lúc hoàng hôn.

Tiệc mãn, Hoàng Phi Hổ đứng dậy nói:

– Nhờ ơn người hiền trọng đãi, mai này mới được hiển vinh, tôi chẳng quên ơn đền đáp.

Trần Ngô nói:

– Xin Đại vương đừng ngại. tôi biết Đại vương và chư tướng không cời giáp, ăn không ngon bữa, ngủ không yên giấc, nay tôi nhắm không có binh theo mà nghỉ nán lại đây một đêm. sáng sớm sẽ dâng trình tôi nhắm không có binh theo mà ngại.

Hoàng Phi Hổ nghe Trần Ngô nói ngọt, lòng còn lương lự. Hoàng Minh trong người mỗi mệt thấy xen vào:

– Trần tướng quân đã có lòng tốt, đối xử với chúng ta như vậy, chúng ta nghỉ lại đây một đêm, mai sớm lên đường cũng chẳng sao.

Hoàng Phi Hổ không nỡ trái lòng các tướng, nên gặt đầu ưng thuận. Trần Ngô ngồi nán lại, uống thêm vài chung rượu, rồi nói:

– Đáng lẽ tôi hầu đại vương thêm vài chung, nhưng sợ đại vương ngồi lâu mỗi mệt. Vậy xin mời đại vương đi nghỉ, ngày mai tôi sẽ dâng chén tiễn hành.

Hoàng Phi Hổ đứng dậy tạ ơn, theo đưa Trần Ngô vào phủ, rồi dạy gia tướng đẩy xe vào, sắp đặt khắp nơi, chong đèn đuốc sáng lòà, truyền quân binh an nghỉ.

Đoàn binh tướng của Hoàng Phi Hổ trải mấy ngày mỗi mệt, nay lại được một tiệc no say, nên người nào mắt cũng lờ đờ, đặt lưng xuống là ngủ thiếp lúc nào không biết.

Riêng Hoàng Phi Hổ lòng buồn bực, nằm ngồi không yên, suy nghĩ hết chuyện này sang chuyện khác, và than:

– Giòng họ Hoàng bấy đời trung liệt phò Thương, không ngờ đến lúc này lại mang tiếng phản phúc! Tấm lòng tôi ngay thẳng xin trời đất chứng tri. Bởi hôn quân vô đạo, hại vợ giết em gây thù chuốc oán. Nếu Châu Vô Vương thương đến thì sau này tôi sẽ viện binh đánh Trụ mà báo thù.

Than rồi nghiêng. rặng cau mày, lấy bút đề thơ giải muộn.

Trung nghĩa bấy đời có ích chi,

Vì vua lãnh nạn đến Tân Kỳ.

Muốn qua năm ai đều ngăn trở,

*Giao chiến ba phen chịu hiểm nguy.
Chìm đã lạc bầy đành bó ố.
Vua đã phụ tôi nghĩ ích gì.
Trời chẳng phụ lòng còn có thuở,
Đem binh vấn tội cũng có khi.*

Hoàng Phi Hồ làm xong bài thơ thì trống lầu đã điểm tàn canh một. Thế mà Hoàng Phi Hồ vẫn thao thức mãi không ngủ được, cứ nằm nghĩ mãi những kỷ niệm xa xưa nơi các phụng đèn rồng, gấm treo vàng thiếp, vợ con đoàn tụ, hạnh phúc trăm bề. Rồi đến nay tấm thân lưu lạc, bơ vơ bốn biển không nhà.

Trống điểm canh hai, Hoàng Phi Hồ thấy trong lòng hồi hộp, chớp mắt lim dim, bỗng nghe trận gió lạnh lung thối tới, cả mình rớn ớn. Rồi có một luồng trắng từ ngoài chập chùng bay vào dinh, trong luồng khói trắng ấy lộ ra một cánh tay, quạt tắt ngọn đèn, và có tiếng kêu văng vẳng:

– Tướng quân ơi! Thiếp không phải yêu ma, chính là hồn của Giã thị, vì thương chồng con theo dõi đến đây. Trần Ngô độc ác, sắp dùng lửa đốt cả gia binh gia tướng trong căn phòng này. Tướng quân phải mau thức dậy, dìu dắt ba đứa con thơ lánh nạn, kẻo không còn kịp nữa. Thiếp xin giã biệt.

Hoàng Phi Hồ giật mình chợt giấc, nhìn lại ngọn đèn vẫn tỏ rạng như thường, liền vỗ ghế ầm ầm kêu binh tướng.

Hoàng Minh, Châu Kỳ và các tướng nghe kêu, đồng giật mình ngồi dậy hồi lớn:

– Anh kêu vì vậy?

Hoàng Phi Hồ thuật lại chuyện vừa rồi, các tướng đều kinh hãi, Hoàng Thiên Bưu nói:

– Việc rất nên hiến hách, không thể không tin.

Hoàng Minh vội vàng bước lại mở cửa, thì bên ngoài đã khóa chặt cứng, xô không ra, liền la lớn:

– Nguy rồi! Ngoài cửa chúng đã khóa chặt.

Long Hoàn, Ngô Kim, vội xách búa lại búa cửa ra, thì thấy bốn phía củi chất trùng trùng, cao ngùn ngụt. Long Hoàn và Ngô Kim hợp lực với bọn gia binh dọn sạch đường củi rồi đẩy xe ra. Các tướng cùng len yên theo ra khỏi phủ.

Lúc này Trần Ngô đang đốc binh sĩ nổi lửa đốt dinh, chợt nghe có quân chạy đến báo:

– Hoàng Phi Hổ đã dẫn gia binh gia tướng ra khỏi cửa thành rồi.

Trần Ngô nổi giận vênh râu hét:

– Tại chúng bây trễ quá, nên nó mới thoát được.

Nói rồi cầm thương lên ngựa đuổi theo. Hoàng Phi Hổ nghe tiếng vó ngựa, quay lại thấy Trần Ngô, liền trách rằng:

– Trần Ngô, tình nghĩa ta với người lúc ban ngày đã trôi theo dòng nước rồi. Người nữ nhân tâm làm kẻ bất nhơn như vậy?

Trần Ngô biết cơ mưu đã lậu, trợn mắt mắng lớn:

– Phàn tặc! Ý ta muốn đào rãnh búng chổi, khá khen người cũng cao mưu lớn trí. Tuy khỏi vòng binh lửa, chưa hẳn đã thoát được cửa quan. Ta quyết lấy đầu người trả thù cho em ta đó. Nói rồi cầm thương đâm tới. Hoàng Minh cầm búa lướt tới đỡ liền. Hoàng Phi Hổ cũng xông vào hỗn chiến. Hai bên đánh nhau một hồi, Hoàng Phi Hổ đâm trúng Trần Ngô lòi ruột, rồi thừa thắng mở cửa ải Xuyên Vân cả đoàn người thoát ra một lúc.

Qua khỏi ải rồi bọn gia đình gia tướng đều mừng rỡ nói với Hoàng Phi Hổ:

– Nếu không có hồn linh của Phu nhơn theo mạch báo thì chúng ta đã chết thui với mưu kế của lão Trần Ngô rồi.

Bây giờ đoàn người thẳng qua ải Giới Bài, Hoàng Minh vừa đi vừa nói:

– ải này là ải của Bắc trấn đóng, người trong gia đình khỏi phải lo chinh chiến nữa.

Quan trấn ải Giới Bài là Hoàng Cồn, cha ruột của Hoàng Phi Hổ. Khi nghe con mình phản chúa, chém giết các quan tổng trấn các ải. Hoàng Cồn lòng không vui, xảy nghe quân vào báo:

– Có Đại lão gia, Nhị gia, Tam gia, và bộ hạ đồng đến trước ải.

Hoàng Cồn lập tức truyền ba ngàn binh bố trận, và dọn mười chiếc tù xa, quyết bắt anh em Hoàng Phi Hổ, và bọn gia binh gia tướng giải về Triều ca trị tội.

LỜI BÀN

– Mạnh dùng sức, yếu dùng chước.

Nếu không có vong hồn Giã thị theo mạch báo thì Hoàng Phi Hổ đã ra tro rồi. Trần Ngô trời gà không chặt, võ nghệ chẳng bao lâu, nhưng nhờ có Hạ Thân hiến kế, mà Hoàng Phi Hổ suýt nguy tại. Cho hay, không phải vũ dũng phi thường mới là một tướng giỏi. Người tướng giỏi phải có trí. Trên trường tranh đấu trí thắng dũng là việc thường xảy ra.

Đến đây chúng ta lại thấy Hoàng Phi Hổ thiếu trí, Trần Ngô và Trần Đồng là anh em ruột, Hoàng Phi Hổ

giết Trần Đồng, Trần Ngô lại dối xử thâm tình như vậy mà chút nghĩ ngờ sao?

Ở đời, những lời nói vừa tai, nịnh hót thường làm cho người nghe quên cả lẽ phải, thiếu sáng suốt. Tâm lý người đời ai cũng thích mình được tâng bốc, cho nên lời nài tâng bốc không bao giờ làm cho ai giận, mà chỉ có những lời nói trái ý làm cho người ta giận mà thôi. Bởi vậy những kẻ đua nịnh đã khai thác nguồn tâm lý ấy để làm lợi cho mình.

Nghệ thuật nịnh hót cũng là nghệ thuật cao thấp, cần phải có một bản lĩnh nào đó mới thành công. Làm thế nào để người nghe không thấy là nịnh hót? Nếu người nghe thấy mình nịnh hót thì mình không còn giá trị nữa. Vậy khoa nịnh hót phải đạt một kỹ thuật tinh vi mới thực hiện nổi. So với người nịnh hót và người nghe nịnh hót, người nịnh cần phải có một trình độ tâm lý cao hơn người nghe. Người nịnh hót phải đủ tài điều khiển mọi giác quan của người nghe, thấu triệt tâm trạng người nghe, mà không để người nghe hiểu nổi tâm trạng của mình. Dùng mảnh khoe nịnh hót một người chẳng khác một chiến sĩ đang chinh phục về cảm giác. Không dùng vũ khí, không dùng sắc đẹp, mà chỉ dùng lời lẽ vuốt ve những thích thú của người khác thì đó là một việc khó khăn, không phải ai cũng làm được.

Người đời thường chê kẻ nịnh, nhưng trái lại, kẻ nịnh cũng có những cái gì tự hào về tài năng độc đáo của họ vậy.

HẾT TẬP I

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	5	HỎI THỨ MƯỜI TÂM	
HỎI THỨ NHẤT		KHƯƠNG TỬ NHA LỘI SÔNG TRỐN CHÙA	310
TRỤ VƯƠNG TẾ MIẾU BÀ NỮ OÁ	13	HỎI THỨ MƯỜI CHÍN	
HỎI THỨ HAI		BÁ ẤP KHẢO DĂNG BẦU VẬT	
PHẢN NƯỚC THƯƠNG, TỔ HỘ ĐỀ THỜ	24	CHUỘC TỘI CHA	329
HỎI THỨ BA		HỎI THỨ HAI MƯỜI	
XEM THỜ TÂY BÁ, TỔ HỘ DĂNG ĐẮC KỶ	44	TÀNG NGHI SANH MUA LÒNG BỌN NINH	349
HỎI THỨ TƯ		HỎI THỨ HAI MƯỜI MỐT	
GIẾT GIAI NHÂN, HỒ LY MƯƠN LỆNH	63	VĂN VƯƠNG KHOE QUAN, TRỐN QUA	
HỎI THỨ NĂM		NĂM ẪI	363
VĂN - TRUNG - TỬ DĂNG KIỂM TRỊ YÊU	73	HỎI THỨ HAI MƯỜI HAI	
HỎI THỨ SÁU		VĂN VƯƠNG THƯƠNG CON MỬA THỊT	
LÀM BẢO LẠC, TRỤ VƯƠNG HẠI		HÓA THỜ	372
TÔI TRUNG	85	HỎI THỨ HAI MƯỜI BA	
HỎI THỨ BẢY		THẤY PHI HÙNG, ĐIỂM LÀNH	
BÍ TRỌNG BẢY MƯƠI PHỄ KHƯƠNG HẬU	107	ỪNG MỘNG	383
HỎI THỨ TÁM		HỎI THỨ HAI MƯỜI BỐN	
HỌ PHƯƠNG CÔNG CHÙA PHẢN		VĂN VƯƠNG RƯỚC KHƯƠNG THƯỢNG	
TRIỀU CA	128	NƠI SÔNG VỊ	395
HỎI THỨ CHÍN		HỎI THỨ HAI MƯỜI LĂM	
THƯỢNG THỨA TƯỚNG LIỄU MINH		HỒ LY DỌN TIỆC MỜI YÊU QUÁI	414
GIÃN CHÙA	155	HỎI THỨ HAI MƯỜI SÁU	
HỎI THỨ MƯỜI		ĐẮT KỶ BẢY MƯƠI HẠI TỈ CÁN	427
TIẾNG SẮM SANH DỊ NHÂN	169	HỎI THỨ HAI MƯỜI BẢY	
HỎI THỨ MƯỜI MỐT		VĂN TRỌNG BAN SỰ VỀ NƯỚC DĂNG MƯỜI	
TÂY BÁ BỊ GIAM THÀNH DỪ LY	183	KHOẢN CÁN VUA	445
HỎI THỨ MƯỜI HAI		HỎI THỨ HAI MƯỜI TÁM	
NA TRA XUẤT HIỆN NƠI ẪI TRẦN ĐƯỜNG	201	VĂN VƯƠNG PHÁT TRỤ CỬU DÂN	464
HỎI THỨ MƯỜI BA		HỎI THỨ HAI MƯỜI CHÍN	
THẠCH CƠ BỊ LỬA THIÊU HIỆN HÌNH		VĂN VƯƠNG CHÈM SỪNG HẦU HỒ	477
CỤC ĐÁ	217	HỎI THỨ BA MƯỜI	
HỎI THỨ MƯỜI BỐN		VÔ THÀNH VƯƠNG PHẢN TRỤ	
NA TRA NHỞ THẤY CỬU, NHẬP XÁC		ĐẤU CHÂU	491
BÔNG SEN	236	HỎI THỨ BA MƯỜI MỐT	
HỎI THỨ MƯỜI LĂM		VĂN THÁI SỰ ĐUỔI THEO PHI HỒ	510
KHƯƠNG THƯỢNG VỀ TRẦN CƯỜI VỢ	257	HỎI THỨ BA MƯỜI HAI	
HỎI THỨ MƯỜI SÁU		HOÀNG THIÊN HÓA GẶP CHA	
TỬ NHA ĐỐT QUỶ HÓA TỶ BÀ	274	TẠI ĐỒNG QUAN	525
HỎI THỨ MƯỜI BẢY			
ĐẮC KỶ LẬP SÁI BỐN ĐỐT HẠI			
CUNG NGÀ	293		

PHONG THẦN DIỄN NGHĨA

MỘNG BÌNH SƠN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập:

PHÒNG VĂN HỌC TỔNG HỢP

Vẽ Bìa:

TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in:

MINH TÂM

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm tại Xưởng in NXBNN
Giấy TNKHXB số: 247-838/CXB. Cấp ngày 25/7/2003
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2003

MÔNG BÌNH SƠN

PHONG THÂN DIỄN NGHĨA

1



Sách phát hành tại
TẦNG 2 - SỐ 5 PHỐ DINH LỄ
HÀ NỘI

Điện thoại: 8.261652

GIÁ: 50.000Đ